



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

14
(1986 - 1991)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

14
(1986 - 1991)

Mã số: $\frac{3K1(V115)}{CTQG-2016}$

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

14
(1986 - 1991)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VINH	Chủ tịch Hội đồng
DOÃN VĂN HƯỞNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
PHẠM VĂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
CAO ĐỨC HẢI	Ủy viên Hội đồng
TẠ ĐÌNH BẢNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN VĂN HÒA	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN THANH DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng
ĐẶNG PHI VÂN	Ủy viên Hội đồng
MAI ĐÌNH ĐỊNH	Ủy viên Hội đồng
LÝ SEO DÌN	Ủy viên Hội đồng
ĐINH TIẾN QUÂN	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỂ	Ủy viên Hội đồng
HẦU A LÊNH	Ủy viên Hội đồng
HÀ THỊ NGÀ	Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy
HÀ THỊ NGÀ	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
ĐẶNG XUÂN PHONG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Trưởng ban
NGUYỄN VĂN PHÚC	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó Trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
CAO ĐỨC HẢI	Thành viên
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỔ	Thành viên
NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIỆT LỢI	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71- KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 14 (1986 - 1991) tập hợp các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1986 đến năm 1991 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận

được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

Tháng 4 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 14 phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ Hoàng Liên Sơn từ năm 1986 đến năm 1991.

Đây là những năm đất nước, địa phương bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, song còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình trạng lạm phát chưa được khắc phục. Để đưa đường lối đổi mới của Đảng vào cuộc sống, Trung ương đã cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VI bằng nhiều nghị quyết chuyên đề mang tính đổi mới căn bản, toàn diện.

Những năm 1986 -1991, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tập trung chống phá chủ nghĩa xã hội, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Trước tình hình đó, Đảng ta tập trung nghiên cứu nguyên nhân sự sụp đổ trên, thực hiện các biện pháp củng cố hệ thống chính trị, tăng cường công tác tư tưởng trong tình hình mới, cùng với đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước, nhờ đó Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã đứng vững và phát triển.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Hoàng Liên Sơn, nhân dân các dân tộc Hoàng Liên Sơn đã ra sức thi đua lao động sản xuất, đưa đường lối đổi mới của Đảng vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, nhiệm kỳ 1987 - 1991. Thành tích nổi bật thời gian này là Đảng bộ Hoàng Liên Sơn đã chỉ đạo tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ về đường lối đổi mới của Đảng,

giữ vững lập trường cách mạng trước những biến đổi phức tạp của tình hình thế giới; thực hiện hiệu quả các Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 14 bao gồm các chỉ thị, nghị quyết, quyết nghị, quyết định, thông báo,... quan trọng thể hiện sự lãnh đạo, vận dụng đường lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh địa phương.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo và Hội đồng Xuất bản đã hết sức cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2015
HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 01-QN/TU, ngày 1-10-1986

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I

Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ của Đại hội đại biểu Đảng bộ các cơ quan tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Xét Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy của Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh họp ngày 2-10-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa I gồm các đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Lương Đức Thiện, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Lương Thị Mới, Phó Bí thư
- 3- Đồng chí Trần Khánh Cộg, Ủy viên Ban Thường vụ
- 4- Đồng chí Mai Văn Đính, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Nguyễn Quang Quý, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Phạm Đình Ấp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 7- Đồng chí Trần Văn Cẩn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đồng chí Ninh Quang Đại, Ủy viên Ban Chấp hành

- 9- Đồng chí Nguyễn Ngọc Đại, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 10- Đồng chí Lê Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 11- Đồng chí Trần Ngọc Huỳnh, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 12- Đồng chí Đặng Khuê, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 13- Đồng chí Hoàng Ngọc Lộc, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 14- Đồng chí Đỗ Quang Ninh, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 15- Đồng chí Nguyễn Xuân Núi, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 16- Đồng chí Nguyễn Văn Mại, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 17- Đồng chí Trần Nam, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 18- Đồng chí Vũ Đức Phùng, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 19- Đồng chí Dương Ngọc Xuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 20- Đồng chí Nguyễn Văn Thông, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 21- Đồng chí Nguyễn Đức Tùy, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 22- Đồng chí Nguyễn Thị Thoa, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 23- Đồng chí Lê Văn Thơ, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 24- Đồng chí Trần Tác, Ủy viên Ban Chấp hành
 - 25- Đồng chí Đoàn Kim Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành sẽ do Ban Chấp hành phân công cụ thể.
3. Đảng ủy các cơ quan tỉnh và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị này để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT

ngày 13-10-1986

Đại hội lần thứ IV Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn

Thực hiện Điều lệ của Đảng, chấp hành chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội lần thứ IV Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn, gồm 372 đại biểu, đại diện cho 26 đảng bộ trong tỉnh đã khai mạc trọng thể và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao từ ngày 10-10-1986 đến ngày 13-10-1986 và đã thành công rực rỡ.

Trong không khí đoàn kết, nhất trí tin tưởng, phấn khởi hướng về Đại hội lần thứ VI của Đảng, Đại hội đã nghe đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy đọc bản báo cáo của Ban Chấp hành khóa III về tình hình 5 năm và 3 năm nhiệm kỳ qua, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu 5 năm tới. Đại hội đã nghe đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Tỉnh ủy trình bày bản báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận dự thảo báo cáo chính trị và báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ở Đại hội Đảng bộ cơ sở và Đảng bộ trực thuộc.

Đại hội rất phấn khởi được nghe đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng nói chuyện và chỉ thị cho Đại hội những ý kiến quý báu dành cho Đại hội sự cổ vũ to lớn. Đại hội đã tập trung thảo luận nội dung các bản báo cáo nói trên với tinh thần thật sự

dân chủ, nghiêm túc, sâu sắc và có những kiến nghị với Đại hội lần thứ VI của Đảng.

ĐẠI HỘI NHẤT TRÍ NGHỊ QUYẾT:

1. Nhất trí với sự đánh giá của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tình hình 5 năm qua và phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu trong 5 năm tới. Đại hội biểu thị lòng tin tưởng, phấn khởi hướng về Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh. Đảng ta là một Đảng kiên cường và giàu kinh nghiệm, nhất định Đại hội lần thứ VI của Đảng, kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, sẽ quyết định đường lối, nhiệm vụ, mục tiêu đúng đắn và sáng tạo, đưa toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua khó khăn, thử thách, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn thể đồng bào nhân dân các dân tộc tỉnh Hoàng Liên Sơn sẵn sàng và quyết tâm đoàn kết, phấn đấu hết sức mình để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc ở tỉnh Hoàng Liên Sơn.

2. Nhất trí tán thành và thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III về tình hình 5 năm và 3 năm nhiệm kỳ qua, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu trong 5 năm tới của Đảng bộ, Đại hội xác định nội dung của bản báo cáo đó là nghị quyết của Đại hội. Các tổ chức đảng, cũng như toàn Đảng bộ phải đề cao ý thức chấp hành, nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết tâm biến những nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội đề ra thành hiện thực.

a) Phải làm cho toàn Đảng bộ quán triệt và thực hiện phương hướng nhiệm vụ chung trong những năm tới là:

Tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở tỉnh ta.

Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ, chúng ta xác định nông, lâm nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Tận lực khai thác khả năng công nghiệp, thủ công nghiệp, mở mang giao thông vận tải, làm chủ phân phối lưu thông và thị trường, hoàn thiện quan hệ sản xuất, thực hiện chính sách công bằng xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và trên tinh thần tự lực, tự cường để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ kinh tế, quốc phòng và tạo thêm những tiền đề vật chất cho những chặng đường tiếp theo trên cơ sở lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả làm thước đo.

b) Phải nắm vững và thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ và mục tiêu sau đây:

1- Quyết tâm ổn định và phát triển sản xuất, trước tiên là khai thác mạnh mẽ tiềm năng sản xuất nông, lâm nghiệp, sắp xếp lại, đầu tư theo chiều sâu, đồng bộ hóa các cơ sở công nghiệp, thủ công nghệ, các nông, lâm trường để phát huy tốt nhất những năng lực hiện có, nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, phát triển hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, tăng nhanh hiệu sản phẩm hàng hóa và hiệu quả kinh tế.

Phải hướng mọi cố gắng để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Bảo đảm ăn đủ no và nâng cao thêm chất lượng bữa ăn, mặc đủ ấm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hóa, tăng thêm đồ dùng thiết yếu, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở, nhất là ở các nơi đông công nhân. Phải có định mức ưu tiên cao hơn cho biên giới, vùng cao, nơi xa xôi hẻo lánh, khắc phục một bước sự chênh lệch quá lớn giữa các vùng.

2- Thực hiện tốt chính sách công bằng xã hội trước hết là tạo cơ sở sản xuất ổn định cho đồng bào còn du canh du cư. Bảo đảm cho

người lao động có việc làm, đẩy mạnh phân công lao động nông nghiệp và thực hiện chính sách phân phối đúng, thực hiện công bằng xã hội, xóa bỏ mọi thu nhập phi pháp. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa giai cấp công nhân và nông dân, đoàn kết, bình đẳng các dân tộc, giữa quân với dân và nếp sống văn minh, phát huy những giá trị đạo đức truyền thống cách mạng.

3- Phấn đấu tăng nhanh mức tự cân đối ngân sách và trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm, và nhân dân tự làm để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trước hết là nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện phục vụ thâm canh, khai hoang, định canh định cư, sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, đồng thời tạo thêm cơ sở vật chất cần thiết cho những bước sau.

4- Đi sâu củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, bảo đảm phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Tăng cường vai trò kinh tế quốc doanh và tập thể, nâng cao vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Giúp đỡ thiết thực đồng bào nông dân còn làm ăn cá thể phát triển sản xuất, hướng dẫn vào con đường tập thể. Đối với thợ thủ công cá thể và người buôn bán nhỏ phải được sử dụng tốt, đặt trong sự liên kết chặt chẽ với Nhà nước.

- Thực hiện đồng bộ cơ chế quản lý mới, lấy kế hoạch làm trung tâm, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nhằm khai thác tốt mọi năng lực của đơn vị kinh cơ sở và thiết lập kỷ cương trật tự trong kinh tế xã hội.

5- Bảo đảm đầy đủ hơn nhu cầu của quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, làm cho cả hai mặt đó đều không ngừng lớn mạnh. Tiềm năng quốc phòng làm kinh tế rất lớn, phải phối hợp chặt chẽ để phát huy, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của kinh tế và của quốc phòng. Quyết tâm đánh thắng chiến tranh phá hoại, sẵn sàng

đánh thắng chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

6- Quyết tâm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tích cực thực hiện đổi mới tổ chức và cán bộ, đổi mới quan niệm và tư duy, đổi mới phong cách và lề lối làm việc, quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên, khắc phục tiêu cực trong Đảng, làm chủ mặt trận tư tưởng, bảo đảm đoàn kết nhất trí trong Đảng, làm hạt nhân đoàn kết các dân tộc, xây dựng cơ sở đảng, đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược và 5 mục tiêu trong những năm tới.

Thấm nhuần sâu sắc quan điểm “Lấy dân làm gốc”, phát huy vai trò làm chủ nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, đảm bảo đoàn kết bình đẳng và tương trợ. Phát huy mạnh mẽ vai trò quản lý của chính quyền các cấp, thực hiện chức năng chuyên chính vô sản, đủ sức lãnh đạo mọi mặt công tác ở cơ sở.

3. Đại hội giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV có kế hoạch tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội.

4. Đại hội nhiệt liệt biểu dương tinh thần chấp hành nghiêm túc chủ trương tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ VI của Đảng, đóng góp thiết thực vào sự thành công của Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ. Đại hội biểu dương toàn quân, toàn dân trong tỉnh đã sôi nổi thi đua lập thành tích hướng về Đại hội.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hãy vững vàng, tin tưởng, đoàn kết, nhất trí, phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ.

Trước mắt, tất cả hướng về Đại hội lần thứ VI của Đảng, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, hoàn

thành toàn diện kế hoạch nhà nước năm 1986 và với tinh thần đổi mới, thực hiện thắng lợi vụ sản xuất đông - xuân 1986-1987, lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Tất cả vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN

ngày 13-10-1986

Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn

Thi hành Điều lệ Đảng và chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại hội lần thứ IV Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn đã tiến hành từ ngày 9-10-1986 tại Hội trường lớn của tỉnh:

- Nghe và thảo luận Báo cáo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về tình hình 5 năm và 3 năm nhiệm kỳ qua, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu 5 năm tới (1986 - 1990).

- Nghe báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận dự thảo báo cáo chính trị và báo cáo dự thảo sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương và tiếp tục thảo luận báo cáo này.

- Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV.

- Bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đại hội đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nhất trí cao và đạt được kết quả tốt.

A. Phần Đại hội trừ bị

Phần Đại hội trừ bị đã được tổ chức từ 17 giờ ngày 9 - 10 đến 19 giờ ngày 9-10-1986 do đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Tỉnh ủy chủ trì điều khiển.

- Bầu Ban kiểm tra tư cách đại biểu, gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trần Lục, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban

Kiểm tra làm Trưởng ban. Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã họp và xúc tiến công việc theo chức năng quy định.

- Phổ biến chương trình, nội quy Đại hội và phân tổ thảo luận (12 tổ).

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã báo cáo kết quả xem xét xác định các cuộc bầu cử đã bảo đảm hợp lệ, 380 đại biểu được bầu cử từ Đại hội Đảng bộ cấp dưới lên, đầy đủ tư cách.

Đại hội đã nhất trí bầu đoàn Chủ tịch gồm các đồng chí:

- Đồng chí Hà Thiết Hùng
- Đồng chí Đỗ Khắc Cường
- Đồng chí Kiều Việt Nguyên
- Đồng chí Tráng A Pao
- Đồng chí Đỗ Văn Liên
- Đồng chí Phàn Thị Hoa
- Đồng chí Lò Văn Nhài
- Đồng chí Hoàng Công Dung
- Đồng chí Trần Xuân Nam
- Đồng chí Trần Ngọc Tín
- Đồng chí Vũ Thị Hương

B. Phần Đại Hội chính thức

+ Sáng ngày 10-10-1986:

1. Phần khai mạc Đại hội:

- Đại hội khai mạc đúng 7 giờ 30 ngày 10-10-1986. Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Phó Bí thư Tỉnh ủy thay mặt đoàn Chủ tịch đọc lời khai mạc.

- + Các đồng chí đại biểu đến dự Đại hội gồm có:

- Đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng
- Đồng chí Bình Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương

- Đồng chí Phạm Như Cương, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam

- Đồng chí Đào Tùng, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam
- Đồng chí Thượng tướng Vũ Lập, Ủy viên Trung ương Đảng, Tư lệnh Quân khu II
- Đồng chí Nguyễn Hải Bằng, Thiếu tướng Tư lệnh Quân đoàn 29.

Đại diện các sư đoàn 355, 377, các đồng chí chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức và Văn phòng Trung ương Đảng, các đồng chí lãnh đạo của tỉnh đã về hưu, các gia đình có công với cách mạng, đại diện cơ quan thông tin báo chí Trung ương và địa phương.

- Đoàn Thiếu niên thị xã Yên Bái gồm 50 cháu đã đến chào mừng tặng hoa Đại hội.

2. Phần nội dung: Đồng chí Hà Thiết Hùng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đọc báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tình hình 5 năm và 3 năm nhiệm kỳ qua, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu trong 5 năm tới (có văn bản riêng).

- Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Tỉnh ủy đọc báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận các văn kiện dự thảo của Trung ương tại cơ sở và Đại hội Đảng bộ trực thuộc, đánh giá kết quả Đại hội Đảng bộ các cấp (có văn bản riêng).

- Đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng phát biểu ý kiến với Đại hội (có bản ghi riêng)

- Đồng chí Nguyễn Hải Bằng, Thiếu tướng Tư lệnh Quân đoàn 29 phát biểu chào mừng Đại hội.

+ *Buổi chiều:*

- Đọc bản kết luận của Bộ Chính trị về một số vấn đề thuộc quan điểm kinh tế.

- Thảo luận báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận các văn kiện của Trung ương (làm việc ở tổ).

+ *Ngày 11-10-1986:*

Các tổ thảo luận báo cáo Ban Chấp hành Tỉnh ủy về tình hình 5 năm qua, phương hướng nhiệm vụ 5 năm tới.

+ Buổi tối:

Hội ý các đồng chí tổ trưởng, thư ký với đoàn Chủ tịch để phản ánh kết quả thảo luận các văn kiện nói trên, chuẩn bị tổng hợp để báo cáo Đại hội.

+ Ngày 12-10-1986:

Buổi sáng: Đọc báo cáo tham luận ở hội trường gồm báo cáo của các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Đỗ Văn Bảy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch
- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
- Đồng chí Trần Ngọc Tín, Bí thư Huyện ủy Mường Khương
- Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh, Bí thư Huyện ủy Văn Chấn
- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt, Giám đốc Sở Công nghiệp
- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Giám đốc Sở Nông nghiệp
- Đồng chí Phan Thị Hoa, Hội trưởng Phụ nữ tỉnh
- Đồng chí Lê Văn Đôn, Giám đốc Sở Giáo dục
- Đồng chí Lò Văn Nhài, Đại tá Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy

Quân sự tỉnh

- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Giám đốc Nông trường Phong Hải
- Đồng chí Bùi Thọ Vực, Bí thư kiêm Giám đốc Xí nghiệp liên

hiệp chè Trần Phú

- Đồng chí Nguyễn Văn Ý, Phó Giám đốc Sở Thương nghiệp
- Đồng chí Lương Hữu Tú, Bí thư xã Đại Đồng, huyện Yên Bình

Buổi chiều: Chuyển sang phân bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV.

- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy đọc hướng dẫn tiêu chuẩn, cơ cấu và số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV.

- Đại hội biểu quyết nhất trí số lượng Ban Chấp hành khóa IV gồm 45 đồng chí chính thức và 13 đồng chí dự khuyết, tổng số là 58 đồng chí.

- Các đoàn thảo luận tiêu chuẩn và cơ cấu Ban Chấp hành khóa IV và ứng cử, đề cử tổ.

- Đoàn Chủ tịch tập hợp danh sách ứng cử, đề cử ở tổ lên, công bố danh sách này.

Căn cứ vào tiêu chuẩn cơ cấu, số lượng Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV để Đại hội xem xét lựa chọn.

- Các đoàn tiếp tục trao đổi, mạnh dạn thảo luận về hai bản danh sách đề cử nói trên và báo cáo kết quả lên Đoàn Chủ tịch.

- Đoàn Chủ tịch công bố danh sách bầu cử gồm 61 đồng chí.

- Bầu Ban kiểm phiếu gồm 38 đồng chí, do đồng chí Lê Quốc Chấn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

- Ban bầu cử đã hướng dẫn các thủ tục, nguyên tắc bầu cử, phát phiếu bầu và tiến hành việc bỏ phiếu bầu các đồng chí ủy viên chính thức.

Buổi tối: Ban bầu cử kiểm phiếu (có 360 phiếu bầu, 349 phiếu hợp lệ, 11 phiếu không hợp lệ).

- Các đồng chí đại biểu nghe đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng nói chuyện.

+ *Ngày 13-10-1986:*

Buổi sáng: Ban bầu cử công bố kết quả bầu cử ủy viên chính thức, phiếu tập trung, 45 đồng chí ủy viên chính thức đã trúng cử (như dự kiến).

- Bầu các đồng chí ủy viên dự khuyết: Số lượng 13 đồng chí, danh sách bầu cử ủy viên chính thức còn lại 16 đồng chí, chuyển sang thành danh sách bầu cử ủy viên dự khuyết.

- Ban bầu cử nói trên tiếp tục điều khiển việc bầu cử và kiểm phiếu (có 360 đại biểu bỏ phiếu, 360 phiếu đều hợp lệ)

Các đồng chí trong Ban Chấp hành khóa IV gồm 45 ủy viên chính thức là:

- 1- Đồng chí Hà Thiết Hùng
- 2- Đồng chí Đỗ Khắc Cường
- 3- Đồng chí Kiều Việt Nguyên
- 4- Đồng chí Ngô Đình Kính
- 5- Đồng chí Tráng A Pao

- 6- Đồng chí Hà Đình Khiêm
- 7- Đồng chí Lê Huy Hợp
- 8- Đồng chí Đào Mạnh Cơ
- 9- Đồng chí Trần Bá Châu
- 10- Đồng chí Sùng A Chơ
- 11- Đồng chí Hoàng Thị Chiên
- 12- Đồng chí Hoàng Công Dung
- 13- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt
- 14- Đồng chí Nguyễn Đình Dương
- 15- Đồng chí Nguyễn Đức Thắng
- 16- Đồng chí Mai Ngọc Giao
- 17- Đồng chí Phạm Văn Giới
- 18- Đồng chí Tiêu Đức Hội
- 19- Đồng chí Bàn A Hào
- 20- Đồng chí Phàn Thị Hoa
- 21- Đồng chí Nguyễn Văn Hòa
- 22- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng
- 23- Đồng chí Đinh Huệ
- 24- Đồng chí Nguyễn Kỷ
- 25- Đồng chí Lê Kinh
- 26- Đồng chí Đỗ Văn Liên
- 27- Đồng chí Trần Văn Luân
- 28- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm
- 29- Đồng chí Giàng Thị Mỹ
- 30- Đồng chí Trần Xuân Nam
- 31- Đồng chí Lò Văn Nhài
- 32- Đồng chí Vũ Sửu
- 33- Đồng chí Trần Ngọc Sắc
- 34- Đồng chí Đỗ Tuất
- 35- Đồng chí Hoàng Tuyển
- 36- Đồng chí Trần Ngọc Tín
- 37- Đồng chí Tạ Hữu Thanh

- 38- Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh
 - 39- Đồng chí Trần Thị Thiệp
 - 40- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
 - 41- Đồng chí Thào A Tráng
 - 42- Đồng chí Phạm Trung Trường
 - 43- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ
 - 44- Đồng chí Bùi Quang Vinh
 - 45- Đồng chí Nguyễn Văn Ý
- Và 13 đồng chí dự khuyết gồm:

- 1- Đồng chí Hà Phú An
- 2- Đồng chí Lê Ngọc Ban
- 3- Đồng chí Phạm Đạo
- 4- Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim
- 5- Đồng chí Lê Đôn
- 6- Đồng chí Phạm Văn Giá
- 7- Đồng chí Hà Đình Giai
- 8- Đồng chí Tạ Duy Hiễn
- 9- Đồng chí Ngô Thị Hương
- 10- Đồng chí Nguyễn Trọng Khang
- 11- Đồng chí Định Ngọc Lân
- 12- Đồng chí Hoàng Ngọc Liên
- 13- Đồng chí Nguyễn Thiệp.

+ Bầu cử đoàn đại biểu đi dự Đại hội lần thứ VI của Đảng:

- Đồng chí Hà Đình Khiêm, được Đoàn Chủ tịch giao nhiệm vụ đã báo cáo các cơ cấu, tiêu chuẩn và số lượng đại biểu được bầu đi dự Đại hội lần thứ VI của Đảng gồm 21 đồng chí, trong đó có 4 đồng chí do Trung ương giới thiệu và ứng cử tại Hoàng Liên Sơn (đọc quyết định 4 đồng chí được Ban Bí thư giới thiệu về ứng cử tại Hoàng Liên Sơn).

- Danh sách ứng cử và đề cử gồm 21 đồng chí:

- 1- Đồng chí Hoàng Tùng
- 2- Đồng chí Bình Phương

- 3- Đồng chí Hà Thiết Hùng
- 4- Đồng chí Đỗ Khắc Cường
- 5- Đồng chí Phạm Như Cường
- 6- Đồng chí Đào Tùng
- 7- Đồng chí Lò Văn Nhài
- 8- Đồng chí Tráng A Pao
- 9- Đồng chí Lê Huy Hợp
- 10- Đồng chí Hà Đình Khiêm
- 11- Đồng chí Trần Xuân Nam
- 12- Đồng chí Giàng Thị Mỹ
- 13- Đồng chí Trần Ngọc Tín
- 14- Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh
- 15- Đồng chí c Tiêu Đức Hội
- 16- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
- 17- Đồng chí Vũ Dùy Lưu
- 18- Đồng chí Trần Thị Phương
- 19- Đồng chí Vũ Thị Hương
- 20- Đồng chí Lê Đôn
- 21- Đồng chí Hoàng Quan Phán.

- Ban Bầu cử đã kiểm điểm cuộc bầu cử và kiểm phiếu, kết quả cả 360 phiếu đều hợp lệ và các đồng chí đều đạt tối đa (360 phiếu).

Ban Chấp hành khóa IV và đoàn đại biểu đi dự Đại hội VI của Đảng đã ra mắt Đại hội và đồng chí Hà Thiết Hùng đã phát biểu cảm tưởng, hứa đoàn kết, làm hết sức mình để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội giao phó.

Buổi chiều 13-10-1986:

C. Phần bế mạc

- Đồng chí Hà Thiết Hùng đã báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến thảo luận tham gia vào các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương và báo cáo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa III (có văn bản riêng).

- Thư ký đoàn đã tham gia dự thảo nghị quyết của Đại hội, Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua và thông qua Thư quyết tâm gửi lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Đồng chí Đỗ Khắc Cường thay mặt đoàn Chủ tịch đã đọc lời bế mạc (có văn bản riêng) Đại hội lần thứ IV Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn đã kết thúc thắng lợi vào hồi 14 giờ 30 ngày 13-10-1986.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1142-QN/TU, ngày 13-10-1986

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an khóa IV

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV, ngày 17-9-1986;
- Xét Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn họp ngày 17-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

- 1- Đồng chí Hà Tuất, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Nguyễn Thành Thái, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Nguyễn Sâm, Ủy viên ban Thường vụ
- 4- Đồng chí Nguyễn Công Thúy, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Trần Hợp, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Hồ Quang Trung, Ủy viên Ban Chấp hành
- 7- Đồng chí Nguyễn Thị Sự, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đồng chí Tạ Thị Tuyết Cần, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Đồng chí Hà Tây Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Đồng chí Nguyễn Huy Cộng, Ủy viên Ban Chấp hành

- 11- Đồng chí Hồ Xuân Hóa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Trần Công Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Hoàng Quốc Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Bùi Anh Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Ngân Kim Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành¹.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

1. Bản gốc không có mục 1 - BT.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1147-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Mường Khương khóa XVI

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XVI, ngày 19-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương họp ngày 19-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XVI gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Trần Ngọc Tín, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Hoàng Sín Hòa, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đồng chí Triệu Kim Cương, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Nguyễn Đình Gấm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Cừ Trấn Hòa, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Phàn Chấn Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Nguyễn Hữu Thể, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Sùng Chúng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Phạm Văn Hãn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Vương Ngọc Cờ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Hoàng Văn Chinh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Lý Seo Chúng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Lự Văn Chuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Trần Thị Đa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Nguyễn Văn Đạt, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Nguyễn Hữu Hân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Sùng Lương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Vương Văn Lâm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Phạm Xuân Mười, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Thêu Chấn Mìn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Lu Văn Ngán, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Lùng Chấn Phìn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Si Thị Quý, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Lê Kim Quát, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Hoàn Trà Sến, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Phạm Xuân Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Tráng Tờ Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Lùng Sử Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Sùng Pao Sắn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Đặng Quang Tuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Quách Xuân Tá, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Lù Cồ Chon, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Thào Chơ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Nguyễn Đình Lãng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Nguyễn Văn Lộ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Hoàng Seo Páo, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Lù Xuân Quáng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 40- Đồng chí Tản Seo Sáng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

41- Đồng chí Nguyễn Văn Trường, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1148-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Văn Bàn khóa XIII

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XIII, ngày 17-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn họp ngày 18-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XIII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Tạ Duy Hiển, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Hà Đức Miêu, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Hà Ngọc Đông, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đồng chí Hà Xuân Kiên, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Nguyễn Kim Quy, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Hoàng Tuấn Khanh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Hoàng Minh Thiết, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Phạm Quyền, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Phạm Đức Thuận, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Phà A Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Ma Đức Tôn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Lý A Chải, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Trần Sơn Hải, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Hoàng Thế Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Trần Hải Hưng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Nguyễn Ngọc Khương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Nguyễn Xuân Kiều, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Chảo Thị Pham, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Phùng Văn Phay, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Hoàng Thị Mai Phin, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Hà Đình Phong, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Lê Văn Quý, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Dương Văn Quýnh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Vi Ngọc Sam, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Nguyễn Xuân San, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Nguyễn Văn Sáu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Giàng A Sùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Lương Xuân Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Hoàng Hữu Trạch, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Vũ Đình Trạ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Hà Văn Viêu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Hoàng Đình Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Phạm Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Hà Huy Dân, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Phan Đức Nhung, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Lê Văn Nhường, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Nguyễn Thị Thiết, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Hà Văn Ửm, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1149-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bảo Yên khóa VIII

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa VIII, ngày 20-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư ngày 20-9-1986 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên họp ngày 26-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa VIII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Địch Ngọc Lâm, Bí thư Huyện ủy
- 2- Đồng chí Nguyễn Văn Giảo, Phó Bí thư Huyện ủy
- 3- Đồng chí Cao Trí Thức, Phó Bí thư Huyện ủy
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Nham, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Đỗ Lê Ngôn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Hứa Tiến Đạt, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Hoàng Tiến Ngật, Ủy viên Ban Thường vụ

- 8- Đồng chí Hoàng Mịch, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Đồng chí Lục Văn Liêm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Ma Văn Thọ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Nguyễn Gia Lợi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Vi Lam Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Đặng Tiến Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Ma Vệ Quốc, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Thị Đua, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Hà Thị Phú, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Nông Kim Phón, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Nguyễn Hồng Vệ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Phạm Văn Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Đinh Tiến Lưu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Nguyễn Văn Cự, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Nguyễn Bá Hạp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Hoàng Quang Chua, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Trần Văn Lai, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Hoàng Ngọc Dự, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Hoàng Văn Thuần, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Đặng Xuân Thiều, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Sầm Đình Lê, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Nguyễn Xuân Hốt, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Nguyễn Văn Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Nguyễn Khắc Lai, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Hoàng Văn Dao, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Nguyễn Văn Phương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Lý Minh Trang, Ủy viên Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Hoàng Văn Phương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Nguyễn Kế Huynh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Phạm Ngọc Lương, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Bàn Văn Tòng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Hoàng Trọng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- 40- Đồng chí Hoàng Ứng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 - 41- Đồng chí Đỗ Kim Ngọc, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 - 42- Đồng chí Mông Văn Hanh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 - 43- Đồng chí Hoàng Ngọc Sông, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 - 44- Đồng chí Hoàng Văn Át, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 - 45- Đồng chí Nguyễn Xuân Thái, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1152-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Sa Pa khóa XV

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XV, ngày 22-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa họp ngày 23-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XV gồm các đồng chí có tên sau đây:
 - 1- Đồng chí Nguyễn Trọng Khang, Bí thư Ban Chấp hành
 - 2- Đồng chí Má A Châu, Phó Bí thư Ban Chấp hành
 - 3- Đồng chí Sùng A Chỉnh, Phó Bí thư Ban Chấp hành
 - 4- Đồng chí Trần Dền, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 5- Đồng chí Trang Hồng Chỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 6- Đồng chí Phạm Hàm, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 7- Đồng chí Nguyễn Văn Thuấn, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 8- Đồng chí Lý Phù Chìu, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Dương Thị Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Đồng chí Đỗ Đình Bình, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Đồng chí Nguyễn Công Bằng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Lý Văn Chương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Hoàng Cao Khánh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Đoàn Thị Mai Kiên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Văn Lung, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Đỗ Hữu Lữ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Lý Sành Phú, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Giàng A Pho, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Phạm Đình Quê, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Tẩn Láo Tả, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Lê Quang Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Giàng A Thào, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Nguyễn Tân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Giàng Thị Vĩ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Hầu A Vảng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Lù Quang Sèn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Thào A Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Phạm Thị Say, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Lý Thị Xé, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Vàng A Dế, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Đỗ Hữu Đồng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Nguyễn Thị Lược, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành
- 33- Đồng chí Nguyễn Danh Tuyên, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành
- 34- Đồng chí Hoàng Đức Sòng, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành
- 35- Đồng chí Hầu A Bính, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Nguyễn Văn Vinh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Chảo Xuân Phìn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1153-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bát Xát khóa XV

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XV, ngày 19-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát họp ngày 20-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XV gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Đào Mạnh Cơ, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Nguyễn Đình Chiến, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Sùng A Sài, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đồng chí Vũ Văn Phụng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Hồ Đông Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Tẩn A Chảo, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Lê Thái Tùng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Nguyễn Tiến Đông, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Tần Dín Biểu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Lý Thị Phụng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Nguyễn Văn Hai, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Trần Văn Áo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Hoàng Thị Tráng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Vũ Đình Doãn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Vũ Đình Đông, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Tần A Hỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Vũ A Máng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Đặng Văn Châm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Lương Đức Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Tần Duân Mênh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Trần Danh Năng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Trần Quang Phấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Chang A Páo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Hoàng Văn Quyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Nguyễn Thị Bích Sự, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Tráng A Sả, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Phạm Ngọc Thụ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Nguyễn Văn Tuyền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Sùng Cháng Pao, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Lù A Pin, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Vũ Ngọc Quang, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Lò A Sính, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Hoàng A Sĩ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Lý Lao Tả, Ủy viên Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Tần A Sâu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Hoàng Cát Cánh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Bùi Thọ Dân, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Đặng Thị Liên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 40- Đồng chí Tần Xuân Lù, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- 41- Đồng chí Nông Văn Sấm, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 42- Đồng chí Nguyễn Xuân Quý, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 43- Đồng chí Vũ Ngọc Xuân, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 44- Đồng chí Bùi Xuân Năng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 45- Đồng chí Hà Mạnh Tuấn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1154-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
thị xã Lào Cai khóa III

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa III, ngày 19-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai họp ngày 20-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa III gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Quản Trung Cầm, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Hà Văn Hiền, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đồng chí Đỗ Văn Tích, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Phạm Hồng Toán, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Đào Bà Long, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Phạm Văn Đường, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Đặng Thế Tường, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Nguyễn Văn Yên, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Vũ Đình Trưởng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Trương Ngọc Dôn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Phạm Thị Kim Bông, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Đỗ Trọng Chính, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Trần Văn Hợp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nông Văn Kinh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Trịnh Khắc Nhu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Bùi Thị Nhật, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Lưu Văn Phẩm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Lương Ngọc Sìn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Nguyễn Thành Thái, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Đặng Thế Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Đinh Ngọc Tuyển, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Nguyễn Như Vân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Liễu Viết Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Trịnh Duy Chư, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Trần Văn Hò, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Nguyễn Văn Hân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Đoàn Ngọc Kha, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Trần Đình Ngũ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Phạm Ngọc Quỳnh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Trần Đình Sự, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Hoàng Văn Sầm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Nguyễn Thiện Thuật, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Đào Thị Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Hoàng Văn Long, Ủy viên Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Hoàng Ngọc Anh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Vi Thị Dung, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Doãn Văn Hoàn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Hoàng Đình Ngọc, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- 40- Đồng chí Tẩn Láo San, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 41- Đồng chí Nguyễn Ngọc Hoàn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 42- Đồng chí Dương Thị Ty, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 43- Đồng chí Trần Hồng Thái, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 44- Đồng chí Đặng Thị Kim Yến, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 45- Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Mến, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1157-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bảo Thắng khóa XX

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XX ngày 19-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng họp ngày 19-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XX gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Hà Văn Nễn, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đ/c Hoàng Xuân Đình, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Lương Tiến Nùng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Mai Văn Điện, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Trịnh Văn Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Nguyễn Văn Ly, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Nguyễn Đức Cách, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Nguyễn Kim Đê, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Vi Quốc Đạt, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 13- Đồng chí Lê Văn Viêm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 14- Đồng chí Vàng Văn Rèn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Đặng Văn Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Trần Thị Mái, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Phạm Văn Kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Nguyễn Đại Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Nguyễn Văn Vày, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Vi Văn Đông, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Khú Thị Hảo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Mai Thị Bính, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Phạm Văn Cháp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Hoàng Văn Điền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Hoàng Văn Hàu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Nguyễn Thị Lương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Nguyễn Thị Tền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Vũ Văn Nhi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Trương Kim Minh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Phạm Quang Toản, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Mai Quốc Tờ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Trần Hải Tuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Hoàng Văn Huyền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Bùi Sĩ Lũy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Trần Xuân Hợp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Lý Văn Nhì, Ủy viên Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Nông Xuân Tài, Ủy viên Ban Chấp hành
- 40- Đồng chí Vũ Ngọc Giang, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- 41- Đồng chí Cao Công Ích, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 42- Đồng chí Nông Thị Mẫn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 43- Đồng chí Nguyễn Duy Chính, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 44- Đồng chí Ngô Trung Tuyển, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 45- Đồng chí Bùi Quang Thành, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 46- Đồng chí Trịnh Thị Từ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 47- Đồng chí Lê Văn Dự, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 1158-QN/TU, ngày 13-10-1986
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bắc Hà khóa III

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa III, ngày 19-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà họp ngày 19-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ;

1 Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa III gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Trần Văn Luân, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Giàng Seo Phử, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Giàng A Pao, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đồng chí Bùi Quốc Cân, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Trần Chí Thi, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Phạm Trọng Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Đặng Văn Lãm, Ủy viên Ban Thường vụ

- 9- Đồng chí Giàng thị Mỹ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Hà Đức Long, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Phùng Xuân Cư, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Lâm Văn Bằng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Đặng Đình Cường, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Sủ Seo Chính, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Vàng Văn Chia, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Lê Mạnh Cung, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Đặng Văn Chạy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Lô Chấn Dui, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Lương Ngọc Hoàn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Lê Trung Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Ngô Khoái, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Sùng Seo Nhà, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Trần Xuân Nghịch, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Nguyễn Văn Phòng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Sùng Chân Phù, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Lý Seo Páo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Lý Thị Phin, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Nguyễn Danh Pho, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Lù Xuân Quang, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Lâm Văn Tường, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Đoàn Ngọc Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Bùi Quang Ủy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Phạm Văn Vành, Ủy viên Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Giàng Seo Ì, Ủy viên Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Ngô Xuân Báu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Giàng Sín Dui, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Lương Công Định, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Lưu Đức Quang, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 40- Đồng chí Phạm Thị Quế, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

41- Đồng chí Nguyễn Văn Vinh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

42- Đồng chí Vũ Chấn Văn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

43- Đồng chí Nguyễn Hữu Văn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1159-QN/TU, ngày 13-10-1986

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít khóa XIV, ngày 20-9-1986;
- Xét Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít họp ngày 2-10-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít Lào Cai khóa XIV gồm các đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Trần Xuân Nam, Bí thư Ban Chấp hành
- 2- Đồng chí Lưu Bá Thưởng, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 3- Đồng chí Nguyễn Sĩ Ngữ, Phó Bí thư Ban Chấp hành
- 4- Đồng chí Đỗ Quang Chiêu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Hạnh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Nguyễn Đức Việt, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Vũ Thị Ngấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đồng chí Vũ Đức Nghề, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Đồng chí Nguyễn Quốc Việt, Ủy viên Ban Chấp hành

- 10- Đồng chí Lý Bá Diên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Đồng chí Nguyễn Đức Chiến, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Hoàng Văn Vịnh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Phạm Đình Luận, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Nguyễn Văn Tường, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Xuân Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Lê Thị Minh Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Trần Văn Thu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Nguyễn Văn Hòa Vệ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Trần Đình Chiến, Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1161-QN/TU, ngày 13-10-1986

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
Xí nghiệp đường sắt Hoàng Liên Sơn khóa II**

- Căn cứ Điều 16 Chương II và Điều 29 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ Xí nghiệp đường sắt - Hoàng Liên Sơn khóa II, ngày 19-9-1986;
- Xét Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp đường sắt Hoàng Liên Sơn họp ngày 19-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp đường sắt Hoàng Liên Sơn khóa II gồm các đồng chí sau đây:
 - 1- Đồng chí Nguyễn Hùng Sơn, Bí thư Ban Chấp hành
 - 2- Đồng chí Nguyễn Tiến Dung, Phó Bí thư Ban Chấp hành
 - 3- Đồng chí Nguyễn Văn Hoạt, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 4- Đồng chí Phạm Xuân Tùng, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 5- Đồng chí Trần Văn Túy, Ủy viên Ban Thường vụ
 - 6- Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Ủy viên Ban Thường vụ

- 7- Đồng chí Phạm Văn Bổng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đồng chí Đỗ Văn Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Đồng chí Lê Quang Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Đồng chí Phạm Đăng Trần, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Đồng chí Phạm Xuân Thiều, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Đỗ Quốc Hợi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Phạm Văn Tĩnh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Nguyễn Thị Mão, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Thành Văn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Lê Văn Uyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Phạm Văn Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Lê Minh Toán, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Lê Văn Đàm, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Đảng ủy Xí nghiệp đường sắt Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN

Ngày 18-10-1986

Về bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV

Ngày 12-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn đã tiến hành bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV.

Sau khi quán triệt tiêu chuẩn, số lượng, cấu tạo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV, Đại hội đã biểu quyết thông qua số lượng Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 58 đồng chí, trong đó có 45 đồng chí là ủy viên chính thức và 13 đồng chí ủy viên dự khuyết.

Đại hội tiến hành ứng cử và đề cử.

- Ứng cử: không.

- Đề cử: Gồm 61 đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Hà Phú An
- 2- Đồng chí Lê Ngọc Ban
- 3- Đồng chí Đào Mạnh Cơ
- 4- Đồng chí Đỗ Khắc Cường
- 5- Đồng chí Trần Bá Châu
- 6- Đồng chí Sùng A Chơ
- 7- Đồng chí Hoàng Thị Chiên
- 8- Đồng chí Hoàng Công Dung
- 9- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt

- 10- Đồng chí Nguyễn Đình Dương
- 11- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
- 12- Đồng chí Phạm Đạo
- 13- Đồng chí Lê Đôn
- 14- Đồng chí Nguyễn Văn Được
- 15- Đồng chí Phạm Văn Giá
- 16- Đồng chí Mai Ngọc Giao
- 17- Đồng chí Hà Đình Giai
- 18- Đồng chí Phan Văn Giới
- 19- Đồng chí Hà Thiết Hùng
- 20- Đồng chí Lê Huy Hợp
- 21- Đồng chí Tiêu Đức Hội
- 22- Đồng chí Bàn A Hàn
- 23- Đồng chí Phàn Thị Hoa
- 24- Đồng chí Nguyễn Văn Hoà
- 25- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng
- 26- Đồng chí Đinh Huệ
- 27- Đồng chí Tạ Duy Hiền
- 28- Đồng chí Ngô Thị Hương
- 29- Đồng chí Ngô Đình Kính
- 30- Đồng chí Nguyễn Kỷ
- 31- Đồng chí Lê Kinh
- 32- Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim
- 33- Đồng chí Nguyễn Trọng Khang
- 34- Đồng chí Hà Đình Khiêm
- 35- Đồng chí Dịch Ngọc Lân
- 36- Đồng chí Đỗ Văn Liên
- 37- Đồng chí Trần Văn Luân
- 38- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm
- 39- Đồng chí Giàng Thị Mỹ
- 40- Đồng chí Hoàng Ngọc Niên
- 41- Đồng chí Trần Xuân Nam

- 42- Đồng chí Lò Văn Nhài
 - 43- Đồng chí Kiều Việt Nguyên
 - 44- Đồng chí Tráng A Pao
 - 45- Đồng chí Vũ Văn Sửu
 - 46- Đồng chí Trần Ngọc Sắc
 - 47- Đồng chí Đinh Thị Sở
 - 48- Đồng chí Đỗ Tuế
 - 49- Đồng chí Hoàng Tuyển
 - 50- Đồng chí Trần Ngọc Tín
 - 51- Đồng chí Tạ Hữu Thanh
 - 52- Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh
 - 53- Đồng chí Trần Thị Thiệp
 - 54- Đồng chí Nguyễn Thiệp
 - 55- Đồng chí Nguyễn Đức Thăng
 - 56- Đồng chí Trần Trung Thông
 - 57- Đồng chí Thào A Tráng
 - 58- Đồng chí Phạm Trung Trường
 - 59- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ
 - 60- Đồng chí Bùi Quang Vinh
 - 61- Đồng chí Nguyễn Văn Ý
- Đại hội đã bầu Ban kiểm phiếu gồm 38 đồng chí có tên sau đây:
- 1 - Đồng chí Lê Quốc Chấn, Trưởng ban
 - 2 - Đồng chí Nguyễn Sỹ Vượng, Thư ký
 - 3- Đồng chí Phạm Thế Dưỡng
 - 4- Đồng chí Lò Văn Đông
 - 5- Đồng chí Vũ Văn Khả
 - 6- Đồng chí Vũ Tiến Chiến
 - 7- Đồng chí Hoàng Tuấn Khanh
 - 8- Đồng chí Nguyễn Xuân Khang
 - 9- Đồng chí Phạm Văn Tứ
 - 10- Đồng chí Phạm Đức Thuận
 - 11- Đồng chí Hoàng Xuân Uyên

- 12- Đồng chí Hà Đức Long
- 13- Đồng chí Vũ Viết Trường
- 14- Đồng chí Hoàng Hà
- 15- Đồng chí Giàng Seo Phử
- 16- Đồng chí Nguyễn Đình Vững
- 17- Đồng chí Nguyễn Văn Cường
- 18- Đồng chí Nguyễn Văn Ca
- 19- Đồng chí Chu Quốc Tuấn
- 20- Đồng chí Vũ Văn Điện
- 21- Đồng chí Đào Văn Ty
- 22- Đồng chí Đào Thị Xuân
- 23- Đồng chí Trần Văn Sơn
- 24- Đồng chí Cao Trí Thúc
- 25- Đồng chí Hà Tuất
- 26- Đồng chí Dương Bá Trực
- 27- Đồng chí Nguyễn Văn Tuất
- 28- Đồng chí Nguyễn Sam
- 29- Đồng chí Phạm Hoạch
- 30- Đồng chí Phùng Cẩm Phương
- 31- Đồng chí Nguyễn Văn Nham
- 32- Đồng chí Nguyễn Duy Đà
- 33- Đồng chí Lương Xuân Quý
- 34- Đồng chí Nguyễn Thị Ến
- 35- Đồng chí Nguyễn Duy Đức
- 36- Đồng chí Hoàng Văn Gia
- 37- Đồng chí Trần Thanh Hải
- 38- Đồng chí Nguyễn Ngọc Đức

Sau khi phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong Đảng, Đại hội tiến hành bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu kín.

a) Bầu cử ủy viên Ban chấp hành chính thức:

- Tổng số đại biểu chính thức lúc bầu:
- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về: 360
- Tổng số phiếu hợp lệ: 349
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 11

Kết quả số phiếu bầu cho từng đồng chí như sau:

1. Đồng chí Hà Phú An	99 phiếu
2. Đồng chí Lê Ngọc Ban	48
3. Đồng chí Đào Mạnh Cơ	312
4. Đồng chí Đỗ Khắc Cường	335
5. Đồng chí Trần Bá Châu	327
6. Đồng chí Sùng A Chơ	336
7. Đồng chí Hoàng Thị Chiên	282
8. Đồng chí Hoàng Công Dung	299
9. Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt	338
10. Đồng chí Nguyễn Đình Dương	299
11. Đồng chí Nguyễn Quý Đăng	339
12. Đồng chí Phạm Đạo	74
13. Đồng chí Lê Đôn	122
14. Đồng chí Nguyễn Văn Được	69
15. Đồng chí Phạm Văn Giá	97
16. Đồng chí Mai Ngọc Giao	320
17. Đồng chí Hà Đình Giai	152
18. Đồng chí Phan Văn Giới	302
19. Đồng chí Hà Thiết Hùng	335
20. Đồng chí Lê Huy Hợp	324
21. Đồng chí Tiêu Đức Hội	341
22. Đồng chí Bàn A Hàn	332
23. Đồng chí Phàn Thị Hoa	335
24. Đồng chí Nguyễn Văn Hoà	317
25. Đồng chí Nguyễn Mai Hồng	295
26. Đồng chí Đinh Huệ	335
27. Đồng chí Tạ Duy Hiễn	138
28. Đồng chí Ngô Thị Hương	38

29. Đồng chí Ngô Đình Kính	300
30. Đồng chí Nguyễn Kỳ	312
31. Đồng chí Lê Kinh	315
32. Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim	50
33. Đồng chí Nguyễn Trọng Khang	143
34. Đồng chí Hà Đình Khiêm	290
35. Đồng chí Địch Ngọc Lân	154
36. Đồng chí Đỗ Văn Liên	284
37. Đồng chí Trần Văn Luân	331
38. Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm	288
39. Đồng chí Giàng Thị Mỹ	245
40. Đồng chí Hoàng Ngọc Niên	150
41. Đồng chí Trần Xuân Nam	310
42. Đồng chí Lò Văn Nhài	346
43. Đồng chí Kiều Việt Nguyên	328
44. Đồng chí Tráng A Pao	341
45. Đồng chí Vũ Văn Sửu	325
46. Đồng chí Trần Ngọc Sắc	331
47. Đồng chí Đinh Thị Sở	73
48. Đồng chí Đỗ Tuế	327
49. Đồng chí Hoàng Tuyển	341
50. Đồng chí Trần Ngọc Tín	329
51. Đồng chí Tạ Hữu Thanh	313
52. Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh	330
53. Đồng chí Trần Thị Thiệp	261
54. Đồng chí Nguyễn Thiệp	119
55. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng	292
56. Đồng chí Trần Trung Thông	55
57. Đồng chí Thào A Tráng	339
58. Đồng chí Phạm Trung Trường	304
59. Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ	326
60. Đồng chí Bùi Quang Vinh	251
61. Đồng chí Nguyễn Văn Ý	261

Kết quả những đồng chí sau đây trúng cử vào ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV.

1. Đồng chí Đào Mạnh Cơ
2. Đồng chí Đỗ Khắc Cường
3. Đồng chí Trần Bá Châu
4. Đồng chí Sùng A Chơ
5. Đồng chí Hoàng Thị Chiên
6. Đồng chí Hoàng Công Dung
7. Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt
8. Đồng chí Nguyễn Đình Dương
9. Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
10. Đồng chí Mai Ngọc Giao
11. Đồng chí Phan Văn Giới
12. Đồng chí Hà Thiết Hùng
13. Đồng chí Lê Huy Hợp
14. Đồng chí Tiêu Đức Hội
15. Đồng chí Bàn A Hàn
16. Đồng chí Phàn Thị Hoa
17. Đồng chí Nguyễn Văn Hoà
18. Đồng chí Nguyễn Mai Hồng
19. Đồng chí Đinh Huệ
20. Đồng chí Ngô Đình Kính
21. Đồng chí Nguyễn Kỷ
22. Đồng chí Lê Kinh
23. Đồng chí Hà Đình Khiêm
24. Đồng chí Đỗ Văn Liên
25. Đồng chí Trần Văn Luân
26. Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm
27. Đồng chí Giàng Thị Mỹ
28. Đồng chí Trần Xuân Nam
29. Đồng chí Lò Văn Nhài
30. Đồng chí Kiều Việt Nguyên

31. Đồng chí Tráng A Pao
32. Đồng chí Vũ Văn Sửu
33. Đồng chí Trần Ngọc Sắc
34. Đồng chí Đỗ Tuất
35. Đồng chí Hoàng Tuyển
36. Đồng chí Trần Ngọc Tín
37. Đồng chí Tạ Hữu Thanh
38. Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh
39. Đồng chí Trần Thị Thiệp
40. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng
41. Đồng chí Thào A Tráng
42. Đồng chí Phạm Trung Trường
43. Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ
44. Đồng chí Bùi Quang Vinh
45. Đồng chí Nguyễn Văn Ý

b) Bầu cử ủy viên dự khuyết ban chấp hành:

Danh sách những đồng chí còn lại không trúng cử vào ủy viên chính thức được chuyển sang để bầu ủy viên dự khuyết gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Hà Phú An
2. Đồng chí Lê Ngọc Ban
3. Đồng chí Phạm Đạo
4. Đồng chí Lê Đôn
5. Đồng chí Nguyễn Văn Được
6. Đồng chí Phạm Văn Giá
7. Đồng chí Hà Đình Giai
8. Đồng chí Tạ Duy Hiễn
9. Đồng chí Ngô Thị Hương
10. Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim
11. Đồng chí Nguyễn Trọng Khang
12. Đồng chí Địch Ngọc Lâm
13. Đồng chí Hoàng Ngọc Niên

14. Đồng chí Đinh Thị Sở

15. Đồng chí Nguyễn Thiệp

16. Đồng chí Trần Trung Thông

Tổng số đại biểu chính thức lúc bầu: 360 phiếu

Tổng số phiếu phát ra: 360 phiếu

Tổng số phiếu hợp lệ: 360 phiếu

Số phiếu hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả số phiếu bầu cho từng đồng chí như sau:

1. Đồng chí Hà Phú An	360 phiếu
2. Đồng chí Lê Ngọc Ban	354 phiếu
3. Đồng chí Phạm Đạo	354 phiếu
4. Đồng chí Lê Đôn	358 phiếu
5. Đồng chí Nguyễn Văn Được	59 phiếu
6. Đồng chí Phạm Văn Giá	357 phiếu
7. Đồng chí Hà Đình Giai	359 phiếu
8. Đồng chí Tạ Duy Hiên	359 phiếu
1. Đồng chí Ngô Thị Hương	322 phiếu
2. Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim	320 phiếu
3. Đồng chí Nguyễn Trọng Khang	358 phiếu
4. Đồng chí Địch Ngọc Lân	358 phiếu
5. Đồng chí Hoàng Ngọc Niên	358 phiếu
6. Đồng chí Đinh Thị Sở	38 phiếu
7. Đồng chí Nguyễn Thiệp	351 phiếu
8. Đồng chí Trần Trung Thông	15 phiếu

Những đồng chí sau đây trúng cử vào ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV.

1. Đồng chí Hà Phú An
2. Đồng chí Lê Ngọc Ban
3. Đồng chí Phạm Đạo
4. Đồng chí Lê Đôn
5. Đồng chí Phạm Văn Giá
6. Đồng chí Hà Đình Giai

7. Đồng chí Tạ Duy Hiễn
8. Đồng chí Ngô Thị Hương
9. Nguyễn Ngọc Kim
10. Đồng chí Nguyễn Trọng Khang
11. Đồng chí Địch Ngọc Lâm
12. Đồng chí Hoàng Ngọc Niên
13. Đồng chí Nguyễn Thiệp

Như vậy Đại hội đã bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV gồm 45 đồng chí chính thức và 13 đồng chí ủy viên dự khuyết.

Biên bản này được lập thành 5 bản và được thông qua trước Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV.

CHỦ TỊCH ĐOÀN ĐẠI HỘI
KIỀU VIỆT NGUYỄN

T/M BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN
LÊ QUỐC CHẤN

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-TB/TU, ngày 18-10-1986

Kết quả Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV

Ngày 15-10-1986, Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV đã họp Hội nghị lần thứ nhất để bầu đồng chí Bí thư, các đồng chí Phó Bí thư, các đồng chí Ủy viên Thường vụ, bầu Ủy ban Kiểm tra và phân công cấp ủy phụ trách các mặt công tác. Hội nghị nhất trí cử đồng chí Hà Thiết Hùng, chủ trì điều khiển kỳ họp này, hội nghị đã thu được kết quả tốt, thể hiện sự đoàn kết nhất trí cao. Cụ thể là:

1. Kết quả bầu cử Bí thư, các Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, công tác bầu cử các chức danh nói trên và phân công cấp ủy đã được tổ chức thảo luận dân chủ lấy ý kiến tham gia của từng đồng chí về bầu cử các chức danh và phân công cấp ủy.

Việc bầu cử đã tiến hành theo đúng thủ tục bằng phương pháp bỏ phiếu kín và đã thu được kết quả tốt. Kết quả bầu cử như sau:

a) Bí thư Tỉnh ủy khóa IV:

- + Đồng chí Hà Thiết Hùng
- Các đồng chí Phó Bí thư:
- + Đồng chí Đỗ Khắc Cương
- + Đồng chí Kiều Việt Nguyên

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- + Đồng chí Ngô Đình Kính
- + Đồng chí Tráng A Pao
- + Đồng chí Hà Đình Khiêm
- + Đồng chí Lê Huy Hợp
- + Đồng chí Đỗ Tuất
- + Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
- + Đồng chí Tiêu Đức Hội
- + Đồng chí Trần Bá Châu
- + Đồng chí Hoàng Tuyển
- + Đồng chí Lò Văn Nhài
- + Đồng chí Tạ Hữu Thanh
- + Đồng chí Hoàng Công Dung.

b) Kết quả bầu cử Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy:

- Đồng chí Trần Bá Châu, Chủ nhiệm
- Đồng chí Lê Ngọc Ban, Phó Chủ nhiệm
- Đồng chí Lê Quốc Chấn, Phó Chủ nhiệm
- Đồng chí Hoàng Ngọc Lộc, Phó Chủ nhiệm
- Đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên kiêm chức
- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm, Ủy viên kiêm chức
- Đồng chí Hoàng Thị Đình, Ủy viên chuyên trách

2. Hội nghị đã nhất trí phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành khóa IV như sau:

1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư phụ trách chung và công tác nội chính của cấp ủy

2- Đồng chí Đỗ Khắc Cương, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách công tác nội chính của chính quyền và kinh tế

3- Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Thường trực, phụ trách các ban Đảng và Khối Dân vận

4- Đồng chí Ngô Đình Kính, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách Khối Giao thông - xã hội cơ bản

5- Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng

6- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách công tác dân vận

7- Đồng chí Lê Huy Hợp, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo

8- Đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức

9- Đồng chí Trần Bá Châu, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra

10- Đồng chí Đỗ Tuế, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch

11- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách Khối Nông - lâm nghiệp

12- Đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách Khối Phân phối lưu thông

13- Đồng chí Hoàng Công Dung, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách Khối Công nghiệp, thủ công nghiệp

14- Đồng chí Hoàng Tuyền, Ủy viên Ban Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh

15- Đồng chí Lò Văn Nhài, Ủy viên Ban Thường vụ, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Các đồng chí tỉnh ủy viên phân công như sau:

16- Đồng chí Thào A Tráng, Phó Chủ tịch, phụ trách Khối Văn xã

17- Đồng chí Bàn A Hàn, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

18- Đồng chí Nguyễn Đình Dương, Giám đốc Sở Lao động

- 19- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng, Giám đốc Sở Nông nghiệp
- 20- Đồng chí Nguyễn Văn Ý, Giám đốc Sở Thương nghiệp
- 21- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt, Giám đốc Sở Công nghiệp
- 22- Đồng chí Lê Kinh, Giám đốc Sở Xây dựng
- 23- Đồng chí Phạm Trung Trường, Giám đốc Sở Lâm nghiệp
- 24- Đồng chí Nguyễn Đức Thịnh, Bí thư Huyện ủy Văn Chấn
- 25- Đồng chí Sùng A Chơ, Bí thư Huyện ủy Mù Cang Chải
- 26- Đồng chí Đào Mạnh Cơ, Bí thư Huyện ủy Bát Xát
- 27- Đồng chí Mai Ngọc Giao, Bí thư Huyện ủy Than Uyên
- 28- Đồng chí Vũ Sửu, Bí thư Thị ủy Yên Bái
- 29- Đồng chí Nguyễn Ngọc Tín, Bí thư Huyện ủy Mường Khương
- 30- Đồng chí Trần Văn Luân, Bí thư Huyện ủy Bắc Hà
- 31- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Bí thư Thị ủy Lào Cai
- 32- Đồng chí Nguyễn Kỷ, Bí thư Huyện ủy Trấn Yên
- 33- Đồng chí Đinh Huệ, Bí thư Huyện ủy Văn Yên
- 34- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm, Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh
- 35- Đồng chí Hoàng Thị Chiên, Phó Giám đốc Sở Tài chính
- 36- Đồng chí Phan Văn Giới, Giám đốc Sở Giao thông
- 37- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
- 38- Đồng chí Đỗ Văn Liên, thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
- 39- Đồng chí Nguyễn Ngọc Hoà, Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- 40- Đồng chí Phàn Thị Hoa, Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh
- 41- Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện Bắc Hà
- 42- Đồng chí Trần Ngọc Sắc, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
- 43- Đồng chí Trần Xuân Nam, Bí thư kiêm Giám đốc Mỏ apatít
- 44- Đồng chí Nguyễn Đức Thăng (đang đi học)

- 45- Đồng chí Trần Thị Thiệp (đang đi học)
- 46- Đồng chí Tạ Duy Hiên, Ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Văn Bàn
- 47- Đồng chí Nguyễn Ngọc Khang, Ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Sa Pa
- 48- Đồng chí Hà Phú An, Ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Trạm Tấu
- 49- Đồng chí Hoàng Ngọc Niên, Ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Lục Yên
- 50- Đồng chí Địch Ngọc Lâm, Ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Bảo Yên
- 51- Đồng chí Nguyễn Thiệp, Ủy viên dự khuyết, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh
- 52- Đồng chí Phạm Đạo, Ủy viên dự khuyết, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
- 53- Đồng chí Hà Đình Giai, Ủy viên dự khuyết, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
- 54- Đồng chí Phạm Văn Giá, Ủy viên dự khuyết, Giám đốc Sở Thủy lợi
- 55- Đồng chí Lê Đôn, Ủy viên dự khuyết, Giám đốc Sở Giáo dục
- 56- Đồng chí Lê Ngọc Ban, Ủy viên dự khuyết, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
- 57- Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim, Ủy viên dự khuyết, Giám đốc Nhà máy sứ Bảo Lương
- 58- Đồng chí Ngô Thị Hương, Ủy viên dự khuyết, Trưởng phòng Xét nghiệm Bệnh viện tỉnh.

3. Hội nghị đã nghe đồng chí Kiều Việt Nguyên báo cáo một số nhiệm vụ công tác lớn cần tập trung chỉ đạo để hoàn thành tốt kế hoạch 1986 và vụ đông - xuân 1986 - 1987.

4. Các đồng chí trong Ban Chấp hành căn cứ vào thông báo này thi hành nhiệm vụ được phân công. Những đồng chí được phân công trách nhiệm thuộc hệ thống tổ chức của chính quyền, Đảng đoàn, Hội đồng nhân dân tỉnh cần làm đầy đủ thủ tục quy định thuộc hệ thống Nhà nước. Những đồng chí thuộc hệ thống các đoàn thể quần chúng cần làm thủ tục bầu cử theo quy định của đoàn thể mình, các đồng chí thuộc hệ thống cơ quan Đảng cần có nghị quyết bổ nhiệm vào các chức danh đã quy định và có văn bản đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương công nhận Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-TB/TU, ngày 23-10-1986

Về việc điều động bổ nhiệm, đề bạt cán bộ

Kính gửi: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 15-10-1986 Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV đã họp nhất trí phân công nhiệm vụ các đồng chí cấp ủy viên tỉnh, điều động bổ nhiệm, đề bạt các đồng chí có tên sau đây:

1- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Nông nghiệp về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn. Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành họp Hội đồng nhân dân tỉnh để bầu cử đồng chí Đăng vào làm Phó Chủ tịch.

Đồng chí Nguyễn Quý Đăng có trách nhiệm bàn giao công tác đang làm cho đồng chí Nguyễn Mai Hồng, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy về làm Giám đốc Sở Nông nghiệp.

2- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Tài chính sang giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh Hoàng Liên Sơn, thay đồng chí Phạm Minh Tiến, Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh nghỉ hưu.

3- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Nông trường Phong Hải về giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh.

4- Đồng chí Phạm Văn Giá, Tỉnh ủy viên dự khuyết, Phó Giám đốc Sở Thủy lợi lên giữ chức vụ Giám đốc Sở Thủy lợi.

5- Đồng chí Nguyễn Đình Dương, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thương nghiệp sang giữ chức vụ Giám đốc Sở Lao động.

6- Đồng chí Nguyễn Văn Ý, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Thương nghiệp giữ chức vụ Giám đốc Sở Thương nghiệp.

7- Đồng chí Phan Thanh Trường, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát chuyển về giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Hành chính.

Các đồng chí có tên trên khân trương bàn giao đầy đủ công tác, đến nhận nhiệm vụ mới kể từ ngày 1-11-1986.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-TB/TU, ngày 24-10-1986

Về việc bổ sung và kiện toàn Ban lương tỉnh

Kính gửi: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Để giúp cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đơn đốc các ngành, huyện, thị xã và các đảng ủy trực thuộc tỉnh thực hiện tốt công tác nâng lương và xếp lương thường xuyên hàng năm cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Căn cứ vào Nghị quyết của Thường trực Tỉnh ủy họp ngày 20-10-1986, nay bổ sung và kiện toàn Ban lương tỉnh gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Ngô Đình Kính, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban
- 2- Đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban thường trực
- 3- Đồng chí Nguyễn Đình Dương, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lao động làm Phó Trưởng ban thường trực.
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Tích, Trưởng ban Tổ chức chính quyền, Ủy viên
- 5- Đồng chí Đặng Khuê, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên
- 6- Đồng chí Nguyễn Văn Liên, Tỉnh ủy viên, thư ký Liên hiệp Công đoàn, Ủy viên

7- Đồng chí Hoàng Thị Chiên, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Tài chính, Ủy viên

8- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, Ủy viên

9- Đồng chí Đỗ Viết Sính, Giám đốc Sở Thương binh xã hội, Ủy viên

10- Đồng chí Nguyễn Hữu Bảy, Phó Giám đốc Sở Lao động, Ủy viên

Căn cứ vào Thông báo này Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh ra văn bản về phương diện nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 09-QN/TU, ngày 28-10-1986

**Thành lập Ban Chỉ huy Quân sự thống nhất
thị xã Lào Cai**

Căn cứ quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và yêu cầu lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Để bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức lãnh đạo, chỉ huy thực hiện “Chiến dịch phòng ngự theo Phương án B phía bắc tỉnh Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thành lập Ban Chỉ huy Quân sự thống nhất thị xã Lào Cai gồm các đồng chí thuộc các chức danh dưới đây:

- 1- Đồng chí Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự thống nhất thị xã Lào Cai làm Chỉ huy trưởng
- 2- Đồng chí Bí thư Thị ủy thị xã Lào Cai làm Chính ủy
- 3- Đồng chí Giám đốc Mỏ apatít, kiêm Bí thư Đảng ủy làm Phó Chính ủy
- 4- Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai làm Phó chỉ huy trưởng
- 5- Đồng chí Chỉ huy phó tham mưu trưởng quân sự thị xã Lào Cai làm Tham mưu trưởng

- 6- Đồng chí Phó Giám đốc phụ trách quân sự Mỏ apatít, Ủy viên
 - 7- Đồng chí Trưởng Công an thị xã Lào Cai, Ủy viên
 - 8- Đồng chí Phó Bí thư Thị ủy Lào Cai làm Ủy viên kiêm Chủ nhiệm chính trị
 - 9- Đồng chí Phó chỉ huy về chính trị Bộ chỉ huy Quân sự thị xã Lào Cai, Phó Chủ nhiệm chính trị
 - 10- Đồng chí Trưởng ban Bảo vệ Mỏ apatít Lào Cai, Ủy viên.
- Khi cần thiết có thể bổ sung một số đồng chí khác tham gia vào Ban chỉ huy do Ban chỉ huy thống nhất chỉ định.

Điều 2: Nhiệm vụ:

- + Lãnh đạo chỉ huy lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ và nhân dân thuộc quyền quản lý (thị xã và mỏ) chuyển trạng thái từ sẵn sàng chiến đấu sang chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chỉ đạo bảo vệ, phòng tránh, sơ tán cho nhân dân, cơ quan, ra lệnh động viên lực lượng dự bị, động viên phương tiện kỹ thuật, nền kinh tế quốc dân khi có chiến sự...
- + Lãnh đạo, chỉ đạo luyện tập và tổ chức diễn tập hàng năm theo quy định và tham gia diễn tập với cấp trên.
- + Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo đảm giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.
- + Làm tốt công tác phòng, chống phi pháo, tập kích, gây bạo loạn của địch, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.
- + Nhiệm vụ cụ thể từng thời gian do Ban chỉ huy thống nhất bàn bạc quyết định.

Điều 3: Theo định kỳ hàng tháng, năm và đột xuất, đồng chí Chỉ huy trưởng và Chính ủy bàn bạc quyết định triệu tập họp để bàn bạc thống nhất nội dung hoạt động.

- + Hàng năm lập kế hoạch tác chiến phòng ngự ở thị xã bao gồm cả Mỏ apatít và có kế hoạch thực hiện lệnh động viên của Quân khu 2 và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Điều 4: Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và các đồng chí thuộc chức danh ở Điều 1 chiếu quyết định thi hành, Quyết nghị này có hiệu lực từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-TB/TU, ngày 1-11-1986

Về việc kiện toàn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình

Kính gửi: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 30-10-1986 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định việc kiện toàn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình như sau:

1- Đồng chí Lộc Hoàng Bính, Phó Chủ tịch nay quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thay đồng chí Lương Đoàn Kết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chuyển công tác khác.

2- Điều động đồng chí Nguyễn Đình Phú, Giám đốc Ngân hàng huyện sang công tác tại Ủy ban nhân dân huyện, đồng chí Nguyễn Đình Phú sẽ giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Căn cứ vào thông báo này Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh có kế hoạch để huyện Yên Bình bầu đồng chí Lộc Hoàng Bính giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và bầu đồng chí Nguyễn Đình Phú giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo luật đã quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-TB/TU, ngày 1-11-1986

Về việc kiện toàn Huyện ủy Yên Bình

Kính gửi: Huyện ủy Yên Bình

Ngày 30-10-1986 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định việc kiện toàn Huyện ủy Yên Bình như sau:

1- Đồng chí Lương Đoàn Kết, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện sang giữ chức Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Tiêu Đức Hội, Bí thư Huyện ủy chuyển công tác khác.

2- Đồng chí Lộc Hoàng Bính, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nay giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy, phụ trách Khối Nhà nước.

3- Đồng chí Nguyễn Đình Phú, Huyện ủy viên, Giám đốc Ngân hàng huyện bầu vào Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.

Căn cứ vào thông báo này, Huyện ủy Yên Bình có trách nhiệm họp bầu Ban Chấp hành Huyện ủy tiến hành bầu cử các đồng chí có tên trên theo Điều lệ Đảng đã quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TB/TU, ngày 3-11-1986

Phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách các huyện, thị và Đảng ủy

Để tiếp tục thực hiện sự đổi mới phong cách lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra theo dõi, nắm chắc tình hình, góp ý kiến và chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết đồng thời đóng góp vào sự lãnh đạo chung của cấp ủy, nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 30-10-1986 đã nhất trí phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ phụ trách các huyện, thị, Đảng ủy như sau:

- 1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phụ trách chung.
- 2- Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Phó Bí thư, Chủ tịch tỉnh.
- 3- Đồng chí Kiều Việt Nguyên: Phó Bí thư Thường trực, phụ trách huyện Yên Bình làm điểm công tác xây dựng Đảng.
- 4- Đồng chí Ngô Đình Kính, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch, phụ trách huyện Trấn Yên.
- 5- Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách huyện Bảo Thắng.
- 6- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Văn Yên, Văn Bàn.
- 7- Đồng chí Lê Huy Hợp, Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách

huyện Sa Pa và Đảng ủy Tổng Công ty xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn.

8- Đồng chí Đỗ Thuế, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách thị xã Yên Bái.

9- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Trạm Tấu, Văn Chấn, Đảng ủy Xí nghiệp liên hiệp chè Trần Phú.

10- Đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Bảo Yên, Lục Yên.

11- Đồng chí Lò Văn Nhai, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Bát Xát.

12- Đồng chí Hoàng Tuyền, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Bắc Hà.

13- Đồng chí Tạo Hữu Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Mường Khương.

14- Đồng chí Trần Bá Châu, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách huyện Than Uyên, Mường Chà.

15- Đồng chí Hoàng Công Dung, Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách thị xã Lào Cai và Mỏ apatít.

Để các đồng chí trong Ban Thường vụ thực hiện tốt trách nhiệm được phân công, ngoài việc chủ động kiểm tra, nắm tình hình các hội nghị quan trọng của các huyện, thị, Đảng ủy cần mời đồng chí phụ trách về dự, gửi những tài liệu như nghị quyết, chỉ thị quan trọng của huyện, thị và Đảng ủy cho đồng chí Thường vụ phụ trách để nghiên cứu.

Việc phân công trên đây thực hiện trong 2 năm, đến giữa nhiệm kỳ có thể sẽ phân công lại để tạo điều kiện cho các đồng chí Thường vụ nắm chắc tình hình nhiều huyện trong tỉnh.

Vậy thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 10-QN/TU, ngày 12-11-1986

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng
Cung thiếu nhi Hoàng Liên Sơn**

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 16-3-1985 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong tình hình mới;

- Căn cứ vào Nghị định số 132-QĐ/XH-XDCB, ngày 28-6-1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn luận chứng kinh tế kỹ thuật xây dựng Cung thiếu nhi Hoàng Liên Sơn,

- Theo đề nghị của tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nay thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Cung thiếu nhi Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban.

2. Đồng chí Hà Lâm Kỳ, Phó Bí thư tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Trưởng ban Thường trực.

3. Đồng chí Lê Kinh, Giám đốc Sở Xây dựng, Phó Trưởng ban.

4. Đồng chí Đỗ Văn Bảy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, Ủy viên.

5. Đồng chí Chu Ngọc Thoan, Chủ nhiệm Ủy ban xây dựng cơ bản, Ủy viên.
6. Đồng chí Hoàng Thị Chiên, Phó Giám đốc Sở Tài chính, Ủy viên.
7. Đồng chí Nguyễn Chính Phủ, Giám đốc Ngân hàng đầu tư và xây dựng, Ủy viên.
8. Đồng chí Phan Hồng Thực, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch - kinh tế, Ủy viên.
9. Đồng chí Trần Nam, Giám đốc Sở Văn hóa, Ủy viên.
10. Đồng chí Nguyễn Văn Y, Giám đốc Sở Thương nghiệp, Ủy viên.
11. Đồng chí Lê Đôn, Giám đốc Sở Giáo dục, Ủy viên.
12. Đồng chí Trương Văn Chũ, Giám đốc Sở Thể dục thể thao, Ủy viên.
13. Đồng chí Đỗ Văn Liên, Phó thư ký Liên hiệp Công đoàn Tỉnh, Ủy viên.
14. Đồng chí Phàn Thị Hoa, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên.
15. Đồng chí Bàn A Hàn, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Ủy viên.
16. Đồng chí Giàng Seo Phù, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ bà mẹ trẻ em, Ủy viên.
17. Đồng chí Vũ Xuân Ước, thư ký Hội chữ thập đỏ tỉnh, Ủy viên.
18. Đồng chí Vũ Sửu, Bí thư Thị ủy Yên Bái, Ủy viên.
19. Đồng chí Phan Văn Giới, Giám đốc Sở Giao thông, Ủy viên.
20. Đồng chí Phạm Văn Giá, Giám đốc Sở Thủy lợi, Ủy viên.

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo xây dựng cung thiếu nhi như sau:

1. Nắm vững chủ trương, chính sách đầu tư của Đảng, Nhà nước trong các kỳ kế hoạch để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và phục vụ xây dựng cung thiếu nhi đúng tiến độ, có hiệu quả trong mỗi kỳ kế hoạch đã đề ra.
2. Làm tốt việc vận động các ngành, các cấp, các lực lượng xã hội, các tầng lớp nhân dân tích cực ủng hộ sức người, sức của, khai

thác tiềm năng vật tư, nguyên liệu, lao động sẵn có ở địa phương để xây dựng cung thiếu nhi đạt yêu cầu đẹp, hiện đại, mang cốt cách văn hóa dân tộc góp phần tích cực vào việc giáo dục - đào tạo thiếu nhi tỉnh ta.

3. Thường xuyên nắm chắc tình hình thực hiện chế độ báo cáo, động viên khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng cung thiếu nhi.

Điều 3: Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy và các đồng chí thành viên trong Ban chỉ đạo thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 11-QN/TU, ngày 14-11-1986
Về chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Mù Cang Chải khóa XI

- Căn cứ Điều 16 Chương II, Điều 29 Chương IV điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa XI, ngày 20-9-1986; Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải họp ngày 21-9-1986,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa XI gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Sùng A Chơ, Bí thư Ban Chấp hành
2. Đồng chí Giàng Sáy Sinh, Phó Bí thư Ban Chấp hành
3. Đồng chí Hoàng Văn Lồng, Phó Bí thư Ban Chấp hành
4. Đồng chí Sùng Nhà Chu, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Nguyễn Văn Tuyên, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Nguyễn Công Minh, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Sùng A Lu, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Trần Minh Lộc, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Mùa Sống Già, Ủy viên Ban Thường vụ
 10. Đồng chí Thào Khoa Kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
 11. Đồng chí Vàng Nữ Câu, Ủy viên Ban Chấp hành
 12. Đồng chí Lê Đức Vinh, Ủy viên Ban Chấp hành
 13. Đồng chí Đào Thị Dung, Ủy viên Ban Chấp hành
 14. Đồng chí Giàng A Giao, Ủy viên Ban Chấp hành
 15. Đồng chí Sùng A Lênh, Ủy viên Ban Chấp hành
 16. Đồng chí Sùng A Tủa, Ủy viên Ban Chấp hành
 17. Đồng chí Giàng Mao Sở, Ủy viên Ban Chấp hành
 18. Đồng chí Giàng Bua Dinh, Ủy viên Ban Chấp hành
 19. Đồng chí Sùng A Tăng, Ủy viên Ban Chấp hành
 20. Đồng chí Vàng Sú Rùa, Ủy viên Ban Chấp hành
 21. Đồng chí Trần Trung Ngũ, Ủy viên Ban Chấp hành
 22. Đồng chí Nguyễn Văn Phồn, Ủy viên Ban Chấp hành
 23. Đồng chí Nguyễn Hữu Thận, Ủy viên Ban Chấp hành
 24. Đồng chí Phạm Xuân Hiếu, Ủy viên Ban Chấp hành
 25. Đồng chí Phạm Văn Xuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
 26. Đồng chí Lâm Phúc Cố, Ủy viên Ban Chấp hành
 27. Đồng chí Giàng A Chu, Ủy viên Ban Chấp hành
 28. Đồng chí Thào Súa Phổng, Ủy viên Ban Chấp hành
 29. Đồng chí Triệu Đức Soạn, Ủy viên Ban Chấp hành
 30. Đồng chí Giàng A Sinh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 31. Đồng chí Sùng A Chu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 32. Đồng chí Vàng Xú Tu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 33. Đồng chí Đoàn Thị Gái, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 34. Đồng chí Chang Vảng Cửa, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành
 35. Đồng chí Lý A Chờ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
 36. Đồng chí Bùi Quang Chon, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành.
2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 11-TB/TU, ngày 20-11-1986

Về việc bổ sung và kiện toàn Ban lương tỉnh

Kính gửi: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Để giúp cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các ngành, huyện, thị xã và các Đảng ủy trực thuộc tỉnh thực hiện tốt công tác nâng bậc lương năm 1986 cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Thường trực Tỉnh ủy nhất trí bổ sung và kiện toàn Ban lương tỉnh gồm các đồng chí sau đây:

1. Đồng chí Ngô Đình Kính, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban.
2. Đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức làm Phó Trưởng ban Thường trực.
3. Đồng chí Trần Đình Phê, Giám đốc Sở Lao động làm Phó Trưởng ban Thường trực.
4. Đồng chí Đặng Khuê, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên.
5. Đồng chí Nguyễn Văn Tích, Trưởng ban Tổ chức chính quyền, Ủy viên.
6. Đồng chí Nguyễn Hữu Bảy, Phó Giám đốc Sở Lao động, Ủy viên.
7. Đồng chí Đỗ Văn Liên, Phó thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh, Ủy viên.

Thông báo này thay cho Thông báo số 01, ngày 24-10-1986 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ vào Thông báo này Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh ra văn bản về phương diện nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-KH/TU, ngày 30-11-1986

Tiến hành đợt sinh hoạt chính trị quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV đã họp từ ngày 10 đến ngày 13-10-1986 trong không khí đoàn kết phấn khởi, và tin tưởng đã thành công tốt đẹp. Để phát huy kết quả thắng lợi của Đại hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Thông tri số 01 quyết định tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ và ngoài nhân dân nhằm:

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ rõ kế hoạch tiến hành cụ thể sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

- Làm cho toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh quán triệt sâu sắc nội dung cơ bản Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV để nhất trí cao với Đại hội về đánh giá tình hình trong thời gian qua, cũng như phương hướng nhiệm vụ và các mục tiêu của tỉnh đã đề ra từ nay đến năm 1990, trước mắt là năm 1986 và năm 1987 để từ đó phấn đấu làm ngay và chuẩn bị cho năm sau.

- Trên cơ sở quán triệt nghị quyết Đại hội, nâng cao nhận thức tạo nên sự chuyển biến mới trong mọi hành động, cách mạng ở các ngành, các cấp, với khí thế phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm biến nghị quyết Đại hội thành hiện thực sinh động trong từng địa phương, đơn vị. Kiên quyết khắc phục có hiệu quả những hiện tượng tiêu cực và các quan điểm sai, trái với nội dung tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh.

- Dấy lên một phong trào thi đua thật sôi nổi trong các ngành, các cấp nhằm hoàn thành đạt và vượt mọi chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước năm 1986 và kế hoạch sản xuất vụ đông - xuân 1986-1987, lập thành tích chào mừng thắng lợi Đại hội tỉnh và chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI sắp tới.

II. NỘI DUNG ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Cần nắm vững một số vấn đề cụ thể sau đây :

1. Quán triệt nội dung nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ IV

- Thấy được những khó khăn gay go phức tạp phải vượt qua, những thành tích to lớn và nổi bật đã đạt được, những nguyên nhân thắng lợi của Đảng bộ tỉnh ta, trong 5 năm qua để khẳng định, tin tưởng và phấn khởi tự hào tiến lên.

- Thấy được những mặt còn tồn tại yếu kém và những nguyên nhân của sự yếu kém đó để kiên quyết khắc phục.

- Nhận rõ được phương hướng nhiệm vụ và các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh ta từ nay đến năm 1990 mà Đại hội lần thứ IV của tỉnh đã quyết định để tin tưởng quyết tâm phấn đấu thực hiện.

2. Vận động thực hiện nghị quyết của Đại hội tỉnh trong các ngành, các cấp

Sơ kết lại tình hình 10 tháng qua để xem xét lại mọi công tác và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước mà đại hội ngành, cấp mình đã đề

ra, cụ thể trong năm 1986 đã làm được đến đâu? Trong quý IV này phải làm gì và làm như thế nào để quyết giành thắng lợi toàn diện kế hoạch nhà nước năm 1986 trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Việc giành thắng lợi toàn diện kế hoạch nhà nước năm 1986 có nhiều ý nghĩa rất quan trọng, là năm đầu tiên mở đầu việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Nên khi bàn nhiệm vụ công tác quý IV phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nếu thiên tai làm mất thứ gì thì làm bù thứ khác thay thế, kiên quyết không bỏ ruộng đất hoang, không đề nghị rút chỉ tiêu này hoặc chỉ tiêu khác, gây trở ngại khó khăn cho việc thực hiện các mục tiêu mà Đại hội tỉnh đã đề ra.

3. Phát động một đợt thi đua từ nay đến hết năm 1986

Đợt sinh hoạt chính trị này, các cơ sở cũng như trong các ngành, các cấp phải phát động cho được một đợt thi đua sôi nổi liên tục từ nay đến ngày 30-12-1986 để lấy thành tích chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng sắp tới.

III. THỜI GIAN VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

- Thời gian đợt sinh hoạt chính trị tiến hành trong 2 tháng 11 và 12-1986, vừa quán triệt, vừa hành động. Nhưng chia hai bước:

Bước 1: Từ ngày 1-11 đến hết ngày 15-11-1986 đi sâu vào chuẩn bị và mở các hội nghị nghiên cứu học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội tỉnh ở các cấp.

Bước 2: Từ ngày 15-11 đến 30-12-1986 đi sâu vào việc tổ chức thực hiện nghị quyết.

- Cách tiến hành cụ thể như sau:

+ Ở tỉnh: Từ nay đến 30-10-1986 chuẩn bị nội dung, tài liệu và mở hội nghị phổ biến nội dung và hướng dẫn kế hoạch cho các huyện, thị và Đảng ủy.

+ Ở huyện, thị, Đảng ủy, từ ngày 1 đến 7-11-1986 chuẩn bị và làm một số việc như:

- Hội cấp ủy bàn triển khai đợt sinh hoạt chính trị trong đơn vị địa phương mình theo tinh thần Thông tri số 01 và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kiểm điểm sơ kết tình hình 10 tháng qua và bàn chương trình công tác quý IV năm 1986.

- Mở hội nghị bồi dưỡng báo cáo viên thời gian 2 ngày với nội dung:

+ Nghe báo cáo kết quả thắng lợi Đại hội tỉnh lần thứ IV và nghe giới thiệu nội dung tinh thần cơ bản Nghị quyết Đại hội tỉnh.

+ Nghe báo cáo sơ kết tình hình thực hiện chương trình công tác 10 tháng qua và những nhiệm vụ cụ thể trong quý IV của huyện, thị, Đảng ủy và của từng đơn vị cơ sở.

+ Phổ biến kế hoạch triển khai đợt sinh hoạt chính trị và phân công xuống giúp các cơ sở.

- Ở các cơ sở:

Từ ngày 9 đến 15-11-1986 tiến hành trong nội bộ Đảng nội dung và thời gian làm các việc như sau:

+ Hội ban chấp hành chi, Đảng ủy sơ kết công tác 10 tháng qua, chú ý đi sâu rà lại mọi chỉ tiêu kế hoạch trong năm 1986 còn những nhiệm vụ chỉ tiêu gì chưa đạt tốt, tập thể cấp ủy cần đi sâu bàn biện pháp nêu cao quyết tâm thực hiện và quyết định ngày triệu tập họp chi bộ hoặc Đảng ủy để triển khai đợt sinh hoạt chính trị.

+ Hội toàn thể đảng viên thời gian 2 ngày để sinh hoạt chính trị với nội dung như sau:

- Nghe báo cáo kết quả thắng lợi Đại hội lần thứ IV và nội dung tinh thần cơ bản Nghị quyết Đại hội tỉnh (dựa theo đề cương giới thiệu Nghị quyết Đại hội tỉnh của Ban Tuyên giáo).

- Báo cáo sơ kết tình hình 9 tháng qua và những nhiệm vụ cụ thể phải làm trong quý IV này để hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch nhà nước trong năm 1986 và kế hoạch sản xuất đông - xuân 1986-1987.

- Trao đổi thảo luận, quán triệt Nghị quyết Đại hội tỉnh và đi sâu bàn bạc dân chủ tìm mọi biện pháp tích cực để nêu cao quyết tâm phát động quần chúng thi đua thực hiện, với tinh thần cách mạng tiến công, thực hiện khẩu hiệu: “Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm...”, thiên tai làm mất thứ này thì làm bù thứ khác, quyết không lùi bước, bàn tròn, để tụt kế hoạch năm 1986.

Các cơ sở đảng ở các cơ quan hành chính sự nghiệp quanh huyện, thị, quanh tỉnh và các lực lượng vũ trang... tùy tình hình cụ thể, có thể họp tập trung theo khối nghe giới thiệu nghị quyết, còn thảo luận quán triệt nghị quyết và sơ kết tình hình, bàn nhiệm vụ quý IV... thì làm theo đơn vị chi, đảng bộ cơ sở. Nội dung sơ kết 9 tháng qua và bàn nhiệm vụ ở cơ quan hành chính sự nghiệp, chủ yếu đi sâu vào việc hoàn thành chức năng cụ thể của từng ban, ngành, và lấy việc phục vụ nông nghiệp, phục vụ sản xuất để phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh.

Triển khai đợt sinh hoạt chính trị ra ngoài quần chúng.

- Thời gian từ ngày 17 đến 21-11-1986 với nội dung cụ thể như sau:

Ở nông thôn chủ yếu dựa vào các đơn vị tổ đội sản xuất trong các hợp tác xã, ở các cơ quan công - nông - lâm trường... dựa vào tổ chức công đoàn và chuyên môn để tiến hành đợt sinh hoạt chính trị.

Thời gian họp ngoài quần chúng 2 buổi (1 ngày) với nội dung:

- Một buổi, phổ biến thắng lợi Đại hội tỉnh và nội dung tinh thần cơ bản nghị quyết Đại hội (đề cương tuyên truyền thắng lợi Đại hội tỉnh, Ban Tuyên giáo).

- Một buổi nghe phổ biến và bàn nhiệm vụ cụ thể công tác từ nay đến cuối năm 1986 của đơn vị hoặc của tổ đội sản xuất... và phát động thi đua đi vào hành động thực hiện.

Từ ngày 20-12-1986 các huyện, thị, Đảng ủy tổng hợp tình hình sơ kết báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đồng gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy một bản để rút kinh nghiệm chỉ đạo, tỉnh quyết định lấy 3 đơn vị, huyện làm điểm chỉ đạo là các huyện Văn Yên, Bảo Yên

và Bảo Thắng. Mỗi huyện, thị cũng chọn lấy từ 1 đến 3 điểm đại diện cho các vùng khác nhau để chỉ đạo rút kinh nghiệm.

Đợt sinh hoạt chính trị này có nhiều ý nghĩa quan trọng phải đạt được mục đích tạo ra sự nhất trí cao trong Đảng cũng như ngoài quần chúng nhân dân các dân tộc tỉnh ta. Thước đo sự nhất trí cao phải được biểu thị cụ thể bằng hành động cách mạng, bằng các phong trào thi đua sôi nổi, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh ngay trong những ngày cuối năm 1986 này. Do tính chất khẩn trương về nội dung cũng như để thời gian thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh cho nên về mặt lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành trong tỉnh phải được quan tâm thường xuyên chặt chẽ và nắm vững phương châm: làm nhanh, gọn, tập trung dứt điểm và đạt hiệu quả thiết thực.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng Văn phòng Tỉnh ủy và một số ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị nội dung tài liệu cần thiết và đi sâu hướng dẫn kiểm tra đôn đốc thực hiện tốt đợt sinh hoạt chính trị theo kế hoạch này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 15-NQ/TU, ngày 2-12-1986
Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Huyện ủy Yên Bình

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Yên Bình và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Yên Bình gồm có 7 đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Huy Đà, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Kim Chung, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Khắc Cần, Phó Chủ nhiệm
- 4- Đồng chí Hoàng Phú Ngộ, Ủy viên
- 5- Đồng chí Nga Đình Chung, Ủy viên
- 6- Đồng chí Nguyễn Văn Mậu, Ủy viên
- 7- Đồng chí Đào Thị Hương, Ủy viên

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Yên Bình, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 16-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành
Huyện ủy Sa Pa và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban
Chấp hành Huyện ủy Sa Pa gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Má A Châu, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Đỗ Hữu Đồng, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Lương Thị Thái, Ủy viên
- 4- Đồng chí Phạm Minh Tiến, Ủy viên
- 5- Đồng chí Lý Sài Quẩy, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa, Ủy ban Kiểm tra
Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành
Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 17-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Thắng

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện
ủy Bảo Thắng và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban
Chấp hành Huyện ủy Bảo Thắng gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Kim Đề, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Vũ Đức Tố, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Đoàn Văn Giao, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Dương, Ủy viên
- 5- Đồng chí Mai Quốc Tờ, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Thắng, Ủy ban Kiểm
tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi
hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 18-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Bàn

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Bàn và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Bàn gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Hoàng Minh Thiết, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Hà Xuân Liễn, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Hoàng Xuân Phó, Ủy viên
- 4- Đồng chí Hoàng Tuấn Khanh, Ủy viên
- 5- Đồng chí Chảo Thị Nham, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Bàn, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 19-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Ký Thị Phụng, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Đình Tửu, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Phan Hồng Cải, Ủy viên
- 4- Đồng chí Vũ Văn Phương, Ủy viên
- 5- Đồng chí Vũ Ngọc Quang, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 20-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Trần Thi, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Trần Văn Giáng (Hải), Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Giàng Seo Tếnh, Phó Chủ nhiệm
- 4- Đồng chí Bùi Quốc Cân, Ủy viên
- 5- Đồng chí Phan Vành, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 21-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Đỗ Lê Ngôn, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Kế Huynh, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Thị Chế, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Nham, Ủy viên
- 5- Đồng chí Đặng Xuân Thiều, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 22-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trấn Yên

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trấn Yên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trấn Yên gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Anh Tài, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Văn Cư, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Đặng Thị Mai, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Ca, Ủy viên
- 5- Đồng chí Đào Thành Địch, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Trấn Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 23-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Yên Bái

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Thị ủy Yên Bái và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Thị ủy Yên Bái gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lê Thanh Ngọt, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Đặng Xuân Tám, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Trịnh Thị Khuê, Ủy viên
- 4- Đồng chí Lương Xuân Quý, Ủy viên
- 5- Đồng chí Phan Doãn Sự, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Thị ủy Yên Bái, Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 24-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Phạm Hồng Toán, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Đào Minh Kha, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Văn Lưu, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Tích, Ủy viên
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Các, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 25-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Liên hiệp Xí nghiệp chè Trần Phú**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành
Đảng ủy Liên hiệp Xí nghiệp chè Trần Phú và báo cáo đề nghị của
Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Liên hiệp Xí nghiệp chè Trần Phú gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lê Hữu Mệnh, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Phạm Anh Tuấn, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Quốc Trinh, Ủy viên
- 4- Đồng chí Phạm Văn Khính, Ủy viên
- 5- Đồng chí Hà Quang Nghĩa, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Liên hiệp Xí nghiệp chè Trần Phú, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 26-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Xi nghiệp đường sắt**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Xi nghiệp đường sắt và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Xi nghiệp đường sắt gồm có 3 đồng chí:

- 1- Đồng chí Phạm Xuân Tùng, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Đình Nguyên, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Đoàn Trọng Viễn, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Xi nghiệp đường sắt, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 27-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Mỏ apatít Lào Cai**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Văn Mạnh, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Vũ Thị Ngấn, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Lưu Bá Thưởng, Ủy viên
- 4- Đồng chí Chương Quốc Tế, Ủy viên
- 5- Đồng chí Bùi Quang Nam, Ủy viên

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 28-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Tổng công ty xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Tổng công ty xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Tổng công ty xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lê Văn Tinh, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Hà Huy Đệ, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Ngọc Tú, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Khánh Thành, Ủy viên
- 5- Đồng chí Đinh Ngọc Kim, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Tổng công ty xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 29-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Đảng ủy Quân sự Hoàng Liên Sơn

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Phạm Văn Rằm, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Lý Quang Cấn, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Văn Sũn, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Xuân Lộc, Ủy viên
- 5- Đồng chí Nguyễn Xuân Trường, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 30-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Đảng ủy Công an tỉnh**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Công an tỉnh và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Công an tỉnh gồm có 3 đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Huy Cộng, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Văn Yên, Ủy viên
- 3- Đồng chí Nguyễn Văn Toàn, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Công an tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 31-NQ/TU, ngày 2-12-1986
Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Đảng ủy Biên phòng

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng
ủy Biên phòng và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban
Chấp hành Đảng ủy Biên phòng gồm có 3 đồng chí:

- 1- Đồng chí Hoàng Minh Ất, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Nguyễn Đình Chúc, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Hoàng Long, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Biên phòng, Ủy ban Kiểm
tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi
hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 32-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Xí nghiệp đầu máy Hà Lào**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp đầu máy Hà Lào và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp đầu máy Hà Lào gồm có 3 đồng chí:

- 1- Đồng chí Ngô Văn Hòa, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Bùi Văn Quán, Ủy viên
- 3- Đồng chí Đoàn Văn Được, Ủy viên

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp đầu máy Hà Lào, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 33-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Đảng ủy các cơ quan tỉnh**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành
Đảng ủy các cơ quan tỉnh và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra
Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban
Chấp hành Đảng ủy các cơ quan tỉnh gồm có 3 đồng chí:

- 1- Đồng chí Trần Khánh Cộg, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Trần Ngọc Huỳnh, Ủy viên
- 3- Đồng chí Nguyễn Quang Quý, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Ủy ban
Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm
thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 34-NQ/TU, ngày 2-12-1986
Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Huyện ủy Trại Tầu

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trại Tầu và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trại Tầu gồm có 3 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lò Văn Phương, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Lò Văn Ánh, Ủy viên
- 3- Đồng chí Lương Văn Tối, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Trại Tầu, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 35-NQ/TU, ngày 2-12-1986
Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Huyện ủy Mù Cang Chải

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện
ủy Mù Cang Chải và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban
Chấp hành Huyện ủy Mù Cang Chải gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Mùa Sống Già, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Trần Trung Ngữ, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Sùng A Lù, Ủy viên
- 4- Đồng chí Thào Súa Phổng, Ủy viên
- 5- Đồng chí Lý A Chờ, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Mù Cang Chải, Ủy ban
Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm
thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 36-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Chấn

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Chấn và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Chấn gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lương Xuân Trường, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Hoàng Kim Đường, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Hoàng Tiến Ổn, Phó Chủ nhiệm
- 4- Đồng chí Lò Văn Đông, Ủy viên
- 5- Đồng chí Hoàng Sinh, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Chấn, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 37-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Than Uyên

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện
ủy Than Uyên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban
Chấp hành Huyện ủy Than Uyên gồm có 5 đồng chí:

- 1- Đồng chí Vũ Hồng Nhị, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Điều Thị Sâm, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Nguyễn Văn Ký, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Cảnh, Ủy viên
- 5- Đồng chí Tòng Văn Chúc, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Than Uyên, Ủy ban Kiểm
tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi
hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 38-NQ/TU, ngày 2-12-1986

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Yên

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Yên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Yên gồm có 7 đồng chí:

- 1- Đồng chí Hà Như Trù, Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Vũ Hồi, Phó Chủ nhiệm
- 3- Đồng chí Trần Duy Định, Phó Chủ nhiệm
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Chấn, Ủy viên
- 5- Đồng chí Trần Ty, Ủy viên
- 6- Đồng chí Nguyễn Tùng, Ủy viên
- 7- Đồng chí Trần Gia Hội, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 42-NQ/TU, ngày 2-12-1986

**Chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra
Huyện ủy Trại Tầu**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử bổ sung Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trại Tầu họp ngày 6-11-1986 và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu cử bổ sung Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trại Tầu gồm có 2 đồng chí:

- 1- Đồng chí Phạm Công Kích, Phó Chủ nhiệm
- 2- Đồng chí Hoàng Văn Sở, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Trại Tầu, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 24-TB/TU, ngày 30-12-1986

Về công tác cán bộ

Kính gửi: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn

Ngày 7-1-1987 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xét duyệt việc kiện toàn một số ngành cấp tỉnh như sau:

1. Ban liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp.

- Đồng chí Lã Cao Tùng, Chủ nhiệm Ban liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp được nghỉ hưu và nâng lương từ 513 đồng lên 555 đồng. Nhiệm vụ bàn giao lại cho đồng chí Nguyễn Văn Cân, Phó Chủ nhiệm đảm nhiệm.

- Chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Cân, Phó Chủ nhiệm Quyền Chủ nhiệm Ban liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp thay đồng chí Lã Cao Tùng nghỉ hưu.

2. Ủy ban vật giá tỉnh:

- Đồng chí Nguyễn Văn Na, Chủ nhiệm Ủy ban vật giá tỉnh được nghỉ hưu và nâng lương từ 513 đồng lên 555 đồng. Nhiệm vụ bàn giao lại cho đồng chí Lê Đình Cẩm, Phó Chủ nhiệm đảm nhiệm.

- Chỉ định đồng chí Lê Đình Cẩm, Phó Chủ nhiệm, Quyền Chủ nhiệm Ủy ban vật giá thay đồng chí Nguyễn Văn Na nghỉ hưu.

3. Sở Y tế:

- Đồng chí Vũ Đức, Giám đốc Sở Y tế được nghỉ hưu lương được hưởng thêm 5% vượt khung của 555 đồng ($555 \times 5\%$) + 555 bằng 582,75 đồng.

- Đề bạt đồng chí Nguyễn Ngọc Đại, Phó Giám đốc nay giữ chức Giám đốc Sở Y tế, thay đồng chí Vũ Đức nghỉ hưu.

Nâng lương từ 455 đồng lên 513 đồng.

- Đề bạt đồng chí Ngô Thị Hương, Tỉnh ủy viên dự khuyết, Trưởng khoa Xét nghiệm của Bệnh viện tỉnh nay giữ chức Phó Giám đốc Sở Y tế.

Nâng lương từ 374 đồng lên 420 đồng.

Lương mới của các đồng chí nghỉ hưu được hưởng trước 2 tháng khi hưởng chế độ trợ cấp hưu trí. Lương mới của các đồng chí được đề bạt hưởng từ ngày nhận nhiệm vụ mới.

Căn cứ vào Thông báo này Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh làm thủ tục về phương diện nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 89-QN/TU, ngày 20-1-1987

**Về việc bổ sung và kiện toàn Ban bảo vệ sức khỏe
cán bộ của tỉnh**

- Căn cứ vào Chỉ thị số 79-CT/TW, ngày 3-6-1964 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14-4-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nay bổ sung vào Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

Điều 2: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và đồng chí Tiêu Đức Hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 05-BC/TU, ngày 5-2-1987

Tình hình các mặt công tác năm 1986 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1987

Năm 1986 với vị trí mở đầu thời kỳ kế hoạch 5 năm (1986-1990), gắn với sự kiện to lớn trong đời sống chính trị của toàn Đảng, toàn dân hướng về Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đối với Hoàng Liên Sơn, năm 1986 cũng là năm tiếp theo truyền thống của một Đảng bộ có nhiều năm hoàn thành xuất sắc kế hoạch nhà nước trong phong trào thi đua giữa các tỉnh khu vực, đó là những tiền đề quan trọng mà trong tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ quyết tâm vươn lên tạo chuyển biến hơn nữa theo tinh thần Nghị quyết 8 và Nghị quyết 9 của Trung ương. Song diễn biến của năm 1986 với rất nhiều khó khăn, ác liệt về thời tiết, thiên tai, về ảnh hưởng của giá - lương - tiền trong thế mất cân đối chung của cả nước, lại thường xuyên có sự phá hoại của địch. Tình hình trên đã phản ánh vào kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời cũng nói lên sự thành công và những yếu kém về mặt chủ quan trong lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý gắn với công tác tổ chức xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng, trong các cấp, các ngành cũng như trong từng lĩnh vực cần phải được tổng kết sâu sắc và có sự đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

1. Về kinh tế - xã hội

Nhìn chung các chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch, nhiều mặt giảm sút so với năm trước. Trong nông nghiệp, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 95,3%, trong đó cây lương thực đạt 96,5%, cây công nghiệp ngắn ngày đạt 70,%, cây công nghiệp dài ngày tuy có chuyển biến theo hướng thâm canh, đi đôi với cải tạo, nhưng còn chậm, diện tích chè trồng mới đạt khoảng 47%. So với năm trước, các loại cây đều giảm từ 1 - 8%.

Ước năng suất lúa vụ mùa 24,6 tạ/ha và năng suất cả năm trên chân ruộng 2 vụ đạt 50,6 tạ, giảm hơn năm trước 4,4 tạ. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 249.744 tấn, không đạt mục tiêu (280 ngàn tấn) và bằng 92,5% mức Trung ương giao, giảm 7,3% so với năm trước, trong đó thóc đạt 149.084 tấn, bằng 87,7% kế hoạch và giảm 8,5%.

Nguyên nhân của tình hình nông nghiệp năm 1986 là do ảnh hưởng nghiêm trọng về thời tiết và thiên tai với quy mô chưa từng có trong vòng 15 năm trở lại, đã làm mất trắng 2.800 ha lúa, 2.500 ha màu, 1.350 ha ruộng bị bồi lấp, trên 3.000 ha bị sâu bệnh nặng cùng với nhiều công trình giao thông, thủy lợi, trên 5.000 ngôi nhà và nhiều tài sản bị lụt phá hỏng. Nhưng mặt khác nguyên nhân chính là do chỉ đạo của nhiều huyện và cơ sở bị buông lỏng, nên cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng không đảm bảo kỹ thuật. Chỉ đạo còn quan liêu, thiếu kiểm tra và phát hiện chậm, nhất là chỉ đạo thâm canh, phòng và trừ sâu bệnh phòng, chống lũ lụt. Bên cạnh đó là việc chỉ đạo và quản lý theo cơ chế khoán với tình trạng khoán trắng và bao cấp trong ăn chia, nhiều ngành chưa có trách nhiệm, chưa có kế hoạch cụ thể phục vụ mặt trận hàng đầu. Đó là những khuyết điểm cần làm rõ trách nhiệm đối với từng huyện, từng ngành và đoàn thể quần chúng.

Các mặt khác như chăn nuôi, nhìn chung tổng đàn có phát triển hơn trước nhưng không đạt kế hoạch, chăn nuôi quốc doanh, tập thể tiếp tục giảm sút. Trong lâm nghiệp tuy đạt diện tích trồng

rừng nhưng nạn đốt phá rừng tăng nhiều so với trước. Khai thác lâm sản so với trước cũng giảm, một số chỉ tiêu giao nộp bị thiếu hụt lớn như nguyên liệu giấy, tre, vầu, nứa. Công tác định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới làm còn ít, thiếu quy hoạch, thiếu biện pháp cụ thể và buông lỏng quản lý để lợi dụng, tham ô và làm giảm hiệu quả đầu tư.

Nhìn chung về sản xuất nông lâm nghiệp nhiều huyện, nhiều vùng chưa thoát khỏi tình trạng độc canh lúa và màu giảm sút cây công nghiệp chưa phát triển, thâm canh chưa vững chắc, chưa kết hợp tốt giữa nông và lâm, cũng như chưa gắn sản xuất với chế biến. Chưa chú trọng lãnh đạo phát triển kinh tế gia đình để tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, đó là những tồn tại lớn đối với mặt trận hàng đầu sản xuất nông nghiệp ở miền núi.

Sản xuất công nghiệp đạt 84,2% kế hoạch, trong đó quốc doanh 86,4%, tiểu thủ công nghiệp 81,3%, nhóm A 95%, nhóm B 71,4%, một số sản phẩm có tăng so với trước như than, xi măng, thuốc bệnh, giấy viết, trong chỉ đạo đã chú trọng đi vào đẩy mạnh một số sản phẩm quan trọng, nhưng nhìn chung sản xuất hàng tiêu dùng và tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, chất lượng sản phẩm chưa được nâng lên, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp và không đủ bù đắp chi phí.

Xây dựng cơ bản có tiến bộ về chỉ đạo thi công tập trung, phong trào “Nhà nước và nhân dân cùng làm” được đẩy mạnh, song cơ cấu đầu tư chưa thật sự ưu tiên phục vụ nông nghiệp. Công tác quản lý bao gồm quy hoạch, kế hoạch, thủ tục và cấp phát làm chưa tốt. Chất lượng công trình nói chung vẫn là khâu yếu.

Giao thông vận tải có cố gắng trong việc khắc phục mưa lũ tổ chức các chiến dịch đưa vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống, đồng thời đảm nhiệm thêm khối lượng thi công lớn hơn trước, song trong vận tải đang gặp khó khăn về phương tiện, phụ tùng, sắm lớp. Chất lượng đường sá ngày càng giảm, giao thông nông thôn, vận tải thô sơ không được chú ý phát triển.

Phân phối lưu thông vẫn là mặt trận gay gắt, thiếu tiên, thiếu hàng, giá cả diễn biến phức tạp, cùng với tổ chức và phương thức thu mua kém năng động, hành chính, cửa quyền, gây phiền hà, đã ảnh hưởng lớn tới việc nắm hàng và nắm tiền. Mức huy động theo năm lương thực đạt 29.315 tấn quy thóc, đạt 83,7% mức Trung ương giao và là mức thấp nhất tính từ năm 1982 trở lại. Huy động thịt lợn được 2.500 tấn, đạt 71% kế hoạch và giảm 21% so với năm trước, thịt trâu, bò giảm 19%. Mua hàng công nghiệp nhìn chung không đạt. Tiếp nhận hàng cấp I tuy có cố gắng, nhất là trong việc tiếp nhận vật tư, song chủ yếu hàng dồn vào tháng 12, đến nay còn lại thịt lợn mới đạt 73%, nên phải bán hàng khác thay thế.

Về phục vụ đời sống, do mất cân đối hàng, tiền nên không bảo đảm thường xuyên, nhất là đối với lực lượng vũ trang. Đến nay về cơ bản đã trang trải xong các tiêu chuẩn theo định lượng như lương thực, thịt, đó là cố gắng rất lớn so với tình hình chung, song đời sống cán bộ, nhân viên và các lực lượng vũ trang vẫn tiếp tục căng thẳng do giá cả thị trường ngày càng tăng, so với cùng kỳ năm trước giá lương thực tăng 6,6 lần, thực phẩm tăng 12 lần. Ở nông thôn nhất là vùng cao của một số huyện xảy ra đói kéo dài trên diện rộng, tình hình tới sẽ còn tiếp diễn vì vụ mùa bị thất thu.

Các mặt tài chính, ngân hàng nói chung bảo đảm kế hoạch, thu, song chi cũng vượt, bội chi tiền mặt vượt kế hoạch 9%.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao nhìn chung được tiếp tục hướng vào cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa mới từ vùng thấp đến vùng cao, tiếp tục thực hiện chương trình cải cách, tổ chức chống dịch bệnh và tổ chức một phong trào thể dục thể thao trong quần chúng. Song các hoạt động chưa đi vào chiều sâu, tệ nạn, hủ tục, mê tín dị đoan tiếp tục phát triển, chất lượng giáo dục và đào tạo chưa được nâng lên. Hoạt động khoa học - kỹ thuật tuy đã có nhiều cố gắng nhưng hiệu quả chưa cao. Nhìn chung trận địa văn hóa - xã hội chưa được quan tâm đúng mức.

2. Về quốc phòng và an ninh

(...) Địch tiếp tục tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt, nhất là phá hoại bằng kinh tế, đi đôi với các hoạt động quân sự, tình báo, gián điệp và tiến hành chiến tranh tâm lý với nhiều âm mưu thâm độc, xảo quyệt.

(...)

Về an ninh và trật tự xã hội, bên cạnh những hoạt động của địch tăng cường cài cắm, móc nối gây cơ sở phản động, cần chú ý bọn lợi dụng tôn giáo đang hoạt động trong các vùng giáo dân, đòi hỏi yêu sách và gây rối.

Các loại tội phạm hình sự và xâm phạm tài sản vẫn tăng. Đã phát hiện 99 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, 58 vụ buôn lậu, 500 vụ hình sự và gần 200 vụ tệ nạn xã hội. Nhìn chung tình hình tiêu cực xã hội trên các lĩnh vực vẫn diễn biến phức tạp.

Công tác quốc phòng và an ninh, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 16 và Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy, tập trung vào củng cố và tăng cường sức phòng thủ ở biên giới cũng như xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Đã hoàn thành tổ chức huấn luyện cho các xã, tổ chức diễn tập, hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng theo hai phương thức tác chiến. Đã tiến hành rà xét phân loại một số xã biên phòng, kiện toàn các trung đội dân quân tập trung, củng cố một số vùng xung yếu như Pha Long, Nậm Chảy.

Đối với quân thường trực, đã tiến hành điều chỉnh đội hình và duy trì thường xuyên chế độ sẵn sàng chiến đấu. Việc nắm địch nội ngoại biên có tiến bộ, bước đầu xây dựng được mạng lưới quân báo nhân dân.

Nhìn chung, sức chiến đấu của lực lượng vũ trang được nâng lên một bước, tuyến phòng thủ được chú trọng xây dựng, tạo thế liên hoàn có tính vững chắc. Đã phát hiện và đánh địch có hiệu quả một số trận, bắt và diệt 47 tên, trong đó dân quân bắt được 10.

Về an ninh, đã tăng cường bám sát địa bàn trọng điểm, tăng cường quản lý hộ tịch, hộ khẩu và tăng cường thanh tra, kiểm tra

và xét xử tội phạm. Đã kết thúc điều tra một số vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, khám phá một số vụ trọng án và truy bắt đối tượng hình sự. Công tác xét xử và thi hành án nói chung làm tốt đã góp phần giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Song đi sâu vào chất lượng quốc phòng và an ninh, sức chiến đấu chưa đủ mạnh, tuyến phòng thủ biên giới còn một số địa bàn xung yếu. Trong quân đội, tổ chức hiệp đồng chưa cao, kỷ luật còn bị buông lỏng, đoàn kết quân dân còn bị vi phạm. Hiện tượng tiêu cực trong các lực lượng vũ trang cá biệt có những vụ việc nghiêm trọng. Các mặt về kỷ cương, pháp chế, hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế còn bị buông lỏng, hữu khuynh.

3. Đánh giá việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh có quan hệ đến công tác củng cố quan hệ sản xuất, công tác xây dựng Đảng và xây dựng phong trào quần chúng cũng như về công tác lãnh đạo, điều hành và quản lý.

- Về công tác củng cố quan hệ sản xuất, đã tiến hành một đợt trên phạm vi toàn tỉnh quán triệt và thực hiện đồng bộ các chỉ thị đối với nông, lâm nghiệp. Tiếp tục xây dựng và tăng cường cấp huyện, hoàn chỉnh từng bước việc phân cấp phân giao. Đối với kinh tế quốc doanh, đã bước đầu thực hiện quyền tự chủ của xí nghiệp gắn với việc thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, đã chú trọng đi vào công tác giá, triển khai hợp đồng hai chiều, từng bước đi vào tổ chức sắp xếp lại sản xuất ở một số điểm xí nghiệp, huyện và xã.

- Về công tác xây dựng Đảng, đã hướng trọng tâm sự đổi mới vào công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ với nhiều biện pháp và hình thức gắn với các đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng và toàn dân theo các Chỉ thị 79 và 80 của Ban Bí thư.

Đã tổ chức các ngày chính trị theo định kỳ trên phạm vi toàn tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, cũng như tổ chức gặp gỡ các ngành, các giới.

Đã tiến hành một đợt sâu rộng tự phê bình và phê bình trong Đảng từ cơ sở đến từng cá nhân đảng viên gắn với việc lấy ý kiến phê bình ngoài quần chúng theo ba nội dung (phẩm chất, phong cách và chính sách cán bộ) đã làm rõ, kết luận và xử lý các vụ việc nhằm khắc phục tiêu cực trong Đảng và lấy lại lòng tin trong quần chúng.

Đợt sinh hoạt chính trị hướng về Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI được chỉ đạo chặt chẽ từ dưới lên, từ trong ra ngoài, đã lấy được nhiều ý kiến đóng góp với 6 vạn ý kiến đã làm quán triệt trong tư tưởng, nhận thức. Kết quả bầu cử ban chấp hành các cấp đã có sự đổi mới, tăng được trình độ, bảo đảm cơ cấu và được trẻ hóa. Đoàn kết nhất trí được nâng lên. Lòng tin được củng cố một bước.

Các mặt công tác về xây dựng cơ sở vững mạnh, huyện vững mạnh được tiếp tục, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ và đề bạt cũng như việc kết nạp đảng viên gắn với công tác kiểm tra làm trong sạch Đảng được coi trọng đúng mức.

Về mặt lãnh đạo và chỉ đạo, đã có sự đổi mới theo nguyên tắc tập trung dân chủ mở rộng lấy ý kiến của quần chúng và mở rộng quyền tự chủ của cơ sở, tôn trọng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, chú trọng đi vào chỉ đạo điểm, giúp cho việc chỉ đạo chung, và chỉ đạo việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết theo Chỉ thị 34. Bước đầu chỉ đạo việc thực hiện quy chế công tác của cấp ủy trong các đảng bộ cơ quan và xí nghiệp cũng như quy chế làm việc của các cấp ủy địa phương.

Những cố gắng trong lãnh đạo và chỉ đạo thể hiện sự nghiêm túc trong việc chấp hành các chủ trương của Trung ương với tính chủ động và sáng tạo trong vận dụng. Năm 1986 là năm có nhiều cuộc vận động và được tiến hành liên tục, rộng khắp, phong trào quần chúng tiếp tục hướng vào thực hiện giao ước thi đua, nhiều điển hình và sản xuất, chiến đấu, về cải tiến quản lý và về thu mua đã xuất hiện từ vùng thấp đến vùng cao biên giới và nội địa, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp.

Song, quá trình diễn biến không bình thường với nhiều mặt giảm sút đang là vấn đề nổi lên cần phải được làm rõ nguyên nhân. Khó khăn khách quan về thời tiết, thiên tai cũng như ảnh hưởng sâu xa về những sai lầm trong giá - lương - tiền và sự mất cân đối chung của nền kinh tế lại thường xuyên có sự phá hoại trực tiếp của kẻ địch đã có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Nhưng về chủ quan có những nguyên nhân cần phải được phân tích sâu sắc trong các cấp, các ngành đến từng cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Một là, tính bao cấp biểu hiện trên các mặt trông chờ, ỷ lại, chưa thật sự đi vào suy nghĩ làm ăn có hiệu quả, cùng với tác phong quan liêu, thiếu trách nhiệm, thiếu năng động, bàng quan, ít sâu sát cơ sở, thiếu tận tâm, với sản xuất, trình độ còn hạn chế, nhất là cơ sở chưa được nâng lên ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, thông tin không chính xác, chỉ đạo kiểm tra và xử lý không kịp thời. Bệnh hình thức chung chung chỉ đạo thiếu toàn diện và coi nhẹ chỉ đạo sản xuất, đó cũng là những biểu hiện của sự suy ý chí.

Hai là, các ngành, các cấp chưa nhận thức đầy đủ vị trí của nông nghiệp, chưa coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu. Trong lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy chính quyền và nhiều ngành chưa có kế hoạch cụ thể đầy đủ, tập trung cao độ phục vụ thiết thực cho sản xuất nông nghiệp nhất là lương thực, thực phẩm.

Ba là, nhiều chính sách chưa được sửa đổi bổ sung để phát triển sản xuất, chưa thật sự quan tâm đầu tư và phục vụ nông nghiệp, chưa chú ý đúng mức đầu tư các vùng nguyên liệu nhất là đầu tư vào xuất khẩu, chưa có chính sách để thật sự thúc đẩy khoa học - kỹ thuật phát triển. Các mặt về hợp đồng kinh tế cung ứng vật tư, tiền hàng không được chỉ đạo chặt. Người sản xuất không yên tâm và còn thiếu tin.

Bốn là, về quan hệ sản xuất, đợt vận động thực hiện đồng bộ các chỉ thị, trong nông nghiệp đạt hiệu quả thấp. Quan hệ sản

xuất trong nông nghiệp trên các lĩnh vực, sở hữu, quản lý và ăn chia với tình trạng khoán trắng và ăn chia ngoài công khoán chiếm tỷ trọng quá cao dẫn đến tiêu cực trong sản xuất, thu nhập kinh tế tập thể không còn đủ sức để gắn bó xã viên với tập thể. Đối với kinh tế quốc doanh, tiền lương thực tế cũng không bảo đảm gắn công nhân với sản xuất. Nhìn chung, kinh tế xã hội chủ nghĩa, bao gồm quốc doanh và tập thể chưa thực sự phát huy vị trí quyết định, kinh tế gia đình còn là tự phát kinh tế cá thể chưa được chú trọng cải tạo và chưa có biện pháp tích cực để quản lý thị trường tự do. Đó cũng là một nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến sự phát triển sản xuất mà trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý chưa thật sự quan tâm.

Năm là, về tổ chức và cán bộ thiếu quy hoạch và chưa được sắp xếp lại, bộ máy công kênh, kém hiệu lực. Chất lượng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu cán bộ quản lý, nhất là ở cơ sở. Tình hình tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÁC MẶT CÔNG TÁC NĂM 1987*

Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm tới là nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đồng thời tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ của năm 1987 phải thể hiện rõ sự đổi mới và chuyển hướng điều chỉnh lớn theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tập trung hướng mọi cố gắng vào thực hiện ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là nội dung cơ bản của kế hoạch năm 1987, cũng là nội dung cơ bản trong kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm tới.

* Bản gốc không có mục I - BT.

1. Về ba chương trình kinh tế

Hướng phát triển nhiều sản phẩm hàng hóa, ổn định cải thiện đời sống cũng là tiền đề đẩy nhanh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Về chương trình lương thực - thực phẩm:

Hướng phấn đấu để tận lực phát triển nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực của địa phương là đi vào thâm canh tăng vụ, đi đôi với đẩy mạnh định canh định cư.

Về thâm canh, cần tiến hành quy hoạch khoanh vùng cụ thể xác định rõ cơ cấu giống và cơ cấu mùa vụ, đầu tư hoàn chỉnh cơ sở giống. Chỉ đạo làm thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, bảo đảm tưới tiêu chủ động và thực hiện tưới tiêu khoa học. Đẩy mạnh làm phân chuồng, phân xanh, bèo dậu, sản xuất vôi cải tạo đất, làm tốt công tác dự báo, phòng và chống sâu bệnh, phòng, chống thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại nếu có.

Đi đôi với lúa, phải hết sức chú trọng phát triển hoa màu, gắn với chế biến từ cơ sở để tăng hiệu quả sử dụng vào cơ cấu bữa ăn và chăn nuôi. Phải tập trung vào những cây màu chính là ngô và sắn, đồng thời tận dụng các loại đất đai phát triển khoai, khoai và các loại cây có bột khác. Việc phát triển màu cũng phải thâm canh, nhất là ở các vùng tập trung, phát triển màu, bằng kinh tế tập thể dưới hình thức khoán cho lao động và bằng kinh tế gia đình.

Mức phấn đấu lương thực năm 1987 là 285 ngàn tấn, tăng 14,5% so với năm 1986, trong đó thóc tăng 18%, màu tăng 8%, năng suất lúa trên chân ruộng 2 vụ là 59 tạ, ngô 18,8 tạ và sắn 118 tạ/ha.

Về thực phẩm phát triển ở cả ba thành phần: Quốc doanh tập thể và gia đình, chăn nuôi các loại gia súc, chú trọng phát triển lợn lai, phát triển gia súc ăn cỏ, cá và gia cầm có phương án quản lý, khai thác kinh doanh tổng hợp vùng hồ Thác Bà, có kế hoạch và từng bước chấm dứt tình trạng chăn nuôi thả rông (trâu, bò, lợn) ở một số vùng, kể cả vùng cao. Có biện pháp huy động thức ăn và

giống để từng bước tổ chức gia công ở các vùng tập trung, củng cố vùng thực phẩm thị xã Yên Bái và có phương án xây dựng vùng thực phẩm thị xã Lào Cai, phát triển kinh tế vườn gia đình trồng rau, đậu và hoa quả trong tất cả các lực lượng cán bộ, công nhân viên, nhân dân và trong quân đội.

Mức phấn đấu chăn nuôi của năm 1987, đàn trâu tăng 5,2%, đàn bò tăng 8,5%, ngựa tăng 7,7%, đàn lợn tăng 4,5%, trong đó lợn lai chiếm 10%.

Chương trình lương thực, thực phẩm cần phải được ưu tiên đầu tư, chú trọng đầu tư vào khu vực tập thể, hoàn chỉnh hệ thống các trạm trại dịch vụ, hệ thống thủy nông, cơ sở phân, giống, bảo vệ thực vật, thú y, chỉ đạo chặt chẽ cung ứng vật tư theo hợp đồng và cần có chính sách khuyến khích đẩy mạnh làm phân bón, từng bước xây dựng vững chắc các cơ sở thâm canh. Mức đầu tư cho chương trình lương thực, thực phẩm năm 1987 chiếm trên 50% mức đầu tư cho nông nghiệp.

Trong khi tập trung vào chương trình lương thực, thực phẩm phải phát triển nông nghiệp toàn diện, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ngắn ngày, trồng tập trung và trồng xen canh tăng vụ, tập trung vào cây đỗ tương, lạc, thuốc lá, phát triển mía đồi để tự giải quyết đường mật, phát triển bông, lanh, cây đặc sản, cây xuất khẩu, cây ăn quả, chuối, dưa, cây dược liệu. Đối với cây công nghiệp dài ngày, tiếp tục trồng mới chè, trâu, quế nhưng phải đảm bảo thâm canh từ đầu kể cả việc thâm canh đối với diện tích hiện có.

Có kế hoạch và biện pháp cụ thể đẩy mạnh cuộc vận động định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới, nhất là các huyện vùng cao, phải lấy cuộc vận động định canh định cư làm trung tâm. Từng cơ sở phải sớm xác định phương hướng sản xuất, nhiệm vụ trọng tâm trên các địa bàn, thực hiện tốt chính sách đầu tư nhất là đầu tư khai hoang. Mức khai hoang của năm 1987 là 5.000 ha, trong đó ruộng nước và ruộng cạn khoảng 1.000 ha, thực hiện định canh định cư cho 1 vạn đồng bào vùng cao và đưa 2.000 lao động

vào các vùng kinh tế mới. Có chương trình cụ thể để đẩy mạnh nhiệm vụ công tác này trong những năm sau.

Về lâm nghiệp, phải tập trung bảo vệ vốn rừng hiện có và khôi phục vốn rừng đang bị tàn phá. Tiến hành phân cấp quản lý và giao trách nhiệm và bảo đảm lợi ích để rừng nào cũng có chủ và có người chăm sóc nhằm chấm dứt nạn phá rừng. Tiếp tục đầu tư trồng rừng nguyên liệu tập trung, đẩy mạnh trồng cây nhân dân, chỉ đạo thực hiện phương pháp nông, lâm kết hợp, bảo đảm sử dụng có hiệu quả đất và rừng được giao. Về khai thác, phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, bằng các biện pháp huy động mở thêm đường vận xuất và chú trọng vận tải lâm sản bằng đường thủy, giải quyết chính sách để sử dụng lực lượng khai thác tại chỗ, để tận dụng gỗ cành, ngọn, phần đầu hoàn thành mức giao nộp các chỉ tiêu về lâm sản.

- Về chương trình hàng tiêu dùng, phải gắn chặt giữa công - nông - lâm nghiệp, cần phải có sự chuyển biến nhiều mặt về tổ chức, phải làm rõ việc phân công, phân cấp, về chỉ đạo và về chính sách để tăng những mặt hàng tiêu dùng thông thường cho nhân dân. Phải đẩy mạnh làm hàng tiêu dùng trong cả ba thành phần quốc doanh, tập thể và gia đình, phát triển cả ở nông thôn, thị trấn và thị xã theo hướng phát triển rộng rãi, chế biến nông, lâm sản như chế biến màu lương thực, chè, đường mật, giấy viết, hàng mộc, cốt mủ, thuốc bệnh, phát triển rộng rãi làm vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu không nung.

Về tổ chức đi đôi với việc tăng cường các cơ sở quốc doanh làm hàng tiêu dùng như xí nghiệp mộc, xí nghiệp sứ, xí nghiệp dược, xí nghiệp xi măng... cần tổ chức sắp xếp và có chính sách phát triển tiểu thủ công nghiệp từ cơ sở gắn sơ chế, chế biến, gia công từ hợp tác xã đến gia đình, cá thể, cơ quan, trường học cũng như bảo đảm gắn từ đầu chế biến với sản xuất, vừa phát triển sản xuất và giải quyết việc làm cho người lao động.

Vấn đề quan trọng là phải đi vào tổ chức khai thác các nguồn nguyên liệu, tổ chức cung ứng vật tư, tổ chức tiêu thụ và phải đào

tạo kỹ thuật, thợ lành nghề. Tổ chức liên hiệp xã và ngành công nghiệp phải có phương án mở rộng liên doanh liên kết, có chính sách bảo đảm ba lợi ích, nhất là lợi ích đối với người sản xuất.

Mức phấn đấu về hàng tiêu dùng năm 1987 là 286 triệu đồng tăng 15% so với năm 1986.

Việc phát triển công nghiệp nói chung phải đi vào phục vụ nông nghiệp và phát huy thế mạnh địa phương. Đẩy mạnh sản xuất nông cụ, công cụ cải tiến, máy chế biến nhỏ, than nung vôi, phân bón. Đẩy mạnh công nghiệp sứ, xi măng, đóng tàu thuyền và một số cơ sở khai khoáng. Tiếp tục đi vào tổ chức sắp xếp lại rà xét hiệu quả, sản xuất kinh doanh, phương án mặt hàng để khắc phục tình trạng thua lỗ.

Tổng giá trị sản lượng công nghiệp cả năm dự kiến đạt 600 triệu đồng, tăng 15% so với năm trước.

- Về chương trình xuất khẩu, đặt xuất khẩu thành chương trình kinh tế ngày càng có ý nghĩa chiến lược trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Hướng đẩy mạnh xuất khẩu phải chú trọng vào các vùng sản xuất tập trung và các mặt hàng chủ lực, tiếp tục tập trung hơn nữa vào cây chè, quế, tinh dầu, dược liệu, quả hộp, hình thành một số vùng xuất khẩu lạc, đỗ tương, nghiên cứu một số khoáng sản có thể xuất được. Mặt khác, phải coi trọng thu gom mở rộng tiểu thủ công nghiệp đi vào gia công, sơ chế, chế biến hàng xuất khẩu như dệt, thêu, đan lát và một số nghề truyền thống. Phát triển sản xuất để có khối lượng sản phẩm lớn, phải rất chú trọng nâng cao chất lượng, bảo đảm tín nhiệm và đạt hiệu quả.

Từng ngành, từng cấp, từng đơn vị phải có kế hoạch xuất khẩu, lấy xuất khẩu để tự giải quyết cân đối yêu cầu nhập, đồng thời tích cực đóng góp vào kinh tế đối ngoại trên phạm vi toàn tỉnh. Hướng mở rộng kinh tế đối ngoại cần tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác với các đơn vị Trung ương trên lãnh thổ, với các tỉnh, thành phố kết nghĩa từng bước triển khai một số chương trình hợp tác với nước ngoài.

Để đẩy mạnh xuất khẩu, cần phải có chính sách khuyến khích bảo đảm có lãi cho người làm xuất khẩu để tái sản xuất mở rộng và đời sống được ổn định, nhưng đồng thời phải bảo đảm hiệu quả cuối cùng của cả quá trình xuất và nhập. Cần dành ngoại tệ cần thiết để đầu tư trở lại sản xuất cũng như bảo đảm tiền mặt cho thu mua hàng xuất khẩu. Bảo đảm cân đối vật tư theo định mức, có chính sách mua thoả thuận và chính sách thưởng đối với những sản phẩm hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Bảo đảm thanh toán sòng phẳng trong quan hệ mua và bán, phân công, phân cấp rõ ràng.

Việc tổ chức xuất nhập khẩu được chỉ đạo chặt chẽ theo hướng tập trung đầu mối, khắc phục tranh mua và bán, phải tập trung mọi nguồn hàng xuất khẩu vào cơ quan ngoại thương kể cả hàng xuất khẩu ủy thác. Tăng cường quản lý thị trường các mặt hàng xuất khẩu, ngăn chặn hàng vượt biên và hàng lọt ra ngoài tỉnh như hiện nay.

Mức xuất khẩu năm 1987 là 1,88 triệu rúp - đô la, tăng 25% so với năm trước.

Tập trung vào ba chương trình trên đây đòi hỏi các ngành giao thông vận tải, cung ứng vật tư thu gom nắm sản phẩm hàng hóa, tài chính, ngân hàng có kế hoạch phục vụ cụ thể. Bảo đảm cân đối vật tư cho các chương trình, lập lại trật tự trong lưu thông phân phối vật tư theo yêu cầu năm đúng, đi đôi với các biện pháp quản lý chặt chẽ, bảo đảm sử dụng vật tư đúng mục đích và phải thực hiện quyết toán vật tư. Tiếp tục tổ chức lại vận tải theo hướng tập trung vào vận tải công cộng, tăng thêm phương tiện vận tải thủy và có chính sách để mở rộng việc sử dụng vận tải thô sơ.

Việc đầu tư xây dựng cơ bản phải được chỉ đạo chặt chẽ về cơ cấu, bảo đảm đầu tư thật sự phục vụ cho nông nghiệp, cho việc thực hiện ba chương trình và tiếp tục chú trọng đầu tư cho biên giới. Theo hướng chung, phải kiên quyết rà soát lại từng công trình để có chủ trương đúng trong đầu tư. Nghiên cứu chính sách để

thúc đẩy khoa học - kỹ thuật phát triển nhất là trong việc áp dụng và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.

Để thực hiện ba chương trình trên, các cấp, các ngành phải đi vào trước mắt là tổ chức sản xuất và chính sách kinh tế đúng trở thành động lực, chống, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực.

2. Về phân phối lưu thông và đời sống

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất phải tăng cường tổ chức nắm hàng, tập trung vào mở rộng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, bám sát nguồn hàng, bám sát cơ sở, nắm hàng tại gốc bằng việc triển khai mạnh mẽ việc thực hiện hợp đồng, kiên quyết khắc phục bệnh hành chính, của quyền trong thu mua, đi đôi với đề cao kỷ luật giao nộp và trách nhiệm bán sản phẩm cho Nhà nước. Năm 1987 phải thực hiện việc giao nộp toàn bộ sản phẩm của các cơ sở quốc doanh, thu mua đủ theo hợp đồng hai chiều và thuế, phải có chính sách giá thu mua phần lớn hàng hóa nông sản và hàng tiểu thủ công nghiệp, khắc phục tình trạng thiếu hàng, thiếu tiền, giá không ổn định, bỏ lỡ thời vụ.

Năm 1987 phải thu mua 35 ngàn tấn lương thực, tăng 6.000 tấn so với năm 1986 và coi đó là mức tối thiểu. Mua 3.500 tấn lợn thịt, tăng 40%, các mặt hàng khác tăng từ 20 - 25%, đồng thời phải đẩy mạnh hơn nữa việc tiếp nhận hàng cấp I, nhất là vật tư và hàng thiết yếu.

Phải ra sức cải tiến nhiều mặt để làm tốt công tác bán phục vụ, trước mắt vẫn tiếp tục thực hiện bán theo giá ổn định các mặt hàng theo định lượng cán bộ, công nhân viên và các lực lượng vũ trang. Đồng thời, cần mở rộng việc bán theo giá kinh doanh hàng tiêu dùng cho dân cư, ưu tiên cho vùng cao biên giới. Thông qua cải tiến phương thức kinh doanh mua và bán, phải từng bước vươn lên chiếm lĩnh thị trường xã hội, thu hẹp thị trường tự do gắn với cải tạo, có quy định thích hợp bảo đảm giao lưu hàng hóa đối với

những người buôn bán nhỏ, kiên quyết thực hiện độc quyền kinh doanh những mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý.

Về đời sống, cố gắng bảo đảm mức ăn cần thiết, cung ứng đủ lương thực và thực phẩm thiết yếu cho cán bộ, công nhân viên các lực lượng vũ trang. Trong nông dân phải làm tốt công tác khoán để làm tốt phân phối ăn chia, cần giảm ngay những công ngoài khoán không cần thiết.

Cố gắng bảo đảm các nhu cầu về vải mặc, giấy viết, thuốc chữa bệnh. Từng bước giải quyết khó khăn về nhà ở nhất là cho cán bộ, công nhân viên theo chính sách. Bảo đảm việc học hành, đi lại, chữa bệnh cho nhân dân.

Việc giải quyết đời sống, gắn liền với các mặt công tác xã hội, thông qua mở rộng sản xuất, phải có biện pháp đồng bộ để tổ chức sắp xếp và phân bố sử dụng lao động theo hướng chính là phát triển kinh tế gia đình, phát triển thủ công nghiệp, tổ chức gia công, chế biến để thu hút mọi nguồn lao động xã hội.

Phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng con người mới với tập thể lao động mới, đề cao ý thức lao động và sống lành mạnh, tiết kiệm. Sinh hoạt, chi dùng phải trên cơ sở kết quả lao động và phải thực hiện công bằng xã hội trong phân phối. Phải kiên quyết thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, kiên quyết hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số (mà Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh đề ra).

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và thực hiện các chính sách xã hội, hướng các hoạt động vào việc phục vụ và nâng cao đời sống nhân dân. Tăng cường trận địa tư tưởng và văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa mới, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan và đấu tranh chống tiêu cực.

3. Về quốc phòng và an ninh

Cùng với việc thực hiện ba chương trình kinh tế xã hội, cần phải có chương trình tăng cường củng cố biên giới.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 16 và Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy nhằm xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, có kinh tế phát triển vững chắc, mạnh về quốc phòng, yên ổn về an ninh đời sống văn hóa phát triển.

Cần đi vào tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình biên giới để có nghị quyết và chương trình cụ thể.

Hướng phát triển kinh tế ở biên giới phải gắn với cuộc vận động định canh định cư, bám đất, bám trụ, gắn kinh tế với quốc phòng. Quy hoạch cụ thể các lớp hành lang để ổn định sản xuất và dân cư. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, mở mang đường sá và công trình phục vụ sản xuất, đẩy mạnh đầu tư khai hoang, trồng cây lương thực, trồng rừng, cây công nghiệp, cây dược liệu... Tiếp tục thực hiện ưu tiên cung cấp vật tư, hàng hóa và nghiên cứu các chính sách để khuyến khích phát triển sản xuất ở biên giới.

Về quốc phòng và an ninh, cần đi sâu củng cố cơ sở, tập trung vào xây dựng xã biên phòng vững mạnh toàn diện, củng cố cơ sở chính trị và xây dựng bản làng chiến đấu, củng cố dân quân, công an xã, tiếp tục làm trong sạch địa bàn.

Đối với các lực lượng vũ trang, phải tập trung vào việc nâng cao chất lượng, xây dựng bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng vững mạnh. Phải tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường đoàn kết quân dân trong các lực lượng. Đề cao sẵn sàng chiến đấu và nâng cao sức chiến đấu về mọi mặt.

Phải bằng mọi biện pháp để bảo đảm nhu cầu phục vụ chiến đấu và đời sống của bộ đội, đồng thời có kế hoạch và biện pháp cụ thể để sử dụng một phần lực lượng quốc phòng vào xây dựng kinh tế.

Chú trọng công tác đào tạo cán bộ ở biên giới vùng cao, tiếp tục thực hiện chương trình ánh sáng văn hóa mới, xây dựng con người mới trong các dân tộc.

Tăng cường củng cố biên giới phải gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng hậu phương toàn diện. Từng cấp từng

ngành, đoàn thể phải có chương trình hướng về biên giới, tiếp tục phong trào kết nghĩa, huy động sức dân ủng hộ biên giới và thực hiện chính sách hậu phương quân đội, xây dựng lực lượng dự bị và làm tốt công tác tuyển quân.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm công tác an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng, được tổ chức chặt chẽ và thường xuyên trong từng địa bàn nhất là ở những nơi xung yếu, biên giới, trọng điểm kinh tế và đầu não chính trị.

Nhiệm vụ trọng tâm hướng vào chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, làm trong sạch địa bàn, tăng cường quản lý hộ tịch hộ khẩu, tăng cường bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự trị an. Phải tăng cường bám sát địa bàn, bám sát cơ sở, khám phá và tổ chức truy quét có hiệu quả những vụ đầu cơ buôn lậu, buôn bán hàng tâm lý, tăng cường quản lý thị trường.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng và là công cụ sắc bén của Đảng và Nhà nước.

Đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát và công tác xét xử. Phát huy lực lượng thanh tra quần chúng, thanh tra công nhân và thanh tra các ngành, các cấp, tăng cường hiệu lực quản lý và đấu tranh chống tiêu cực trên các lĩnh vực.

4. Để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược và các chương trình kinh tế, phải thường xuyên tiến hành củng cố quan hệ sản xuất, tăng cường công tác xây dựng Đảng và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

- Về củng cố quan hệ sản xuất, phải tập trung hơn nữa để đưa thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, phải kiên quyết thực hiện sắp xếp lại, đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới cơ chế kế hoạch hóa thực hiện quyền tự chủ xí nghiệp đi đôi với thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 8 của

Trung ương, Nghị quyết 28 và 31 của Bộ Chính trị, sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế nhất là giá - lương - tiền theo phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đối với kinh tế tập thể, cần tiến hành tổng kết việc thực hiện khoán sản phẩm nhằm hoàn chỉnh và phát huy tác dụng của cơ chế khoán trên cả ba mặt chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối.

Có kế hoạch và hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình, nghiên cứu các hình thức liên doanh, liên kết để thật sự đưa kinh tế gia đình là bộ phận hợp thành của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Từng bước cải tạo kinh tế cá thể tư nhân, quản lý và sắp xếp sử dụng tư thương gắn với cải tạo thị trường xã hội, tránh gây đình đốn sản xuất, ách tắc lưu thông.

- Về công tác xây dựng Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức thật sự ngang tầm với hai nhiệm vụ chiến lược, đòi hỏi phải đổi mới tư duy, đổi mới công tác tổ chức, cán bộ và đổi mới phong cách làm việc, bảo đảm quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách trong toàn Đảng và toàn dân.

Yêu cầu của việc đổi mới tư duy phải tăng cường công tác lý luận để nhận thức và hành động đúng theo quy luật. Trước mắt phải tổ chức quán triệt sâu rộng đến từng cán bộ, đảng viên và quần chúng về những quan điểm mới của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức mới nhằm xây dựng lối sống với những nội dung và hình thức thiết thực, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, cũng như các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ.

Về công tác tổ chức và cán bộ phải xúc tiến quy hoạch, phải có sự đổi mới trong việc đánh giá, lựa chọn, bố trí đi đôi với đào tạo bồi dưỡng. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm

căn cứ để bố trí cán bộ, bố trí hợp lý giữa các độ tuổi bảo đảm tính kế thừa, trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn và thực hiện trẻ hóa đội ngũ.

Về tổ chức phải tiến hành rà xét chức năng nhiệm vụ của từng bộ máy và từng người để tiến hành sắp xếp tổ chức lại. Phải có phương án toàn diện và cụ thể về cách giải quyết để thực hiện tinh giản biên chế và sắp xếp bộ máy gọn nhẹ và có hiệu lực theo chủ trương của Trung ương.

Về phong cách phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, khắc phục tập trung quan liêu. Phải có phong cách đi sâu, đi sát thực tế, coi trọng tổng kết kinh nghiệm và tổng kết điển hình. Mỗi một ngành, mỗi một cấp phải có điểm chỉ đạo, xây dựng mô hình và nhất thiết phải có tổng kết kinh nghiệm.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, coi đó là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, mỗi cấp ủy phải có chương trình kiểm tra, phát huy vai trò của Ủy ban kiểm tra với các ban của Đảng, kết hợp với thanh tra Nhà nước và thanh tra quân chủng.

Tăng cường chất lượng thông tin, cải tiến và nâng cao chất lượng hội họp, chất lượng ra quyết định, từng bước thực hiện chế độ làm việc theo chương trình, theo quy chế.

Nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của tổ chức cơ sở với việc thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo trong các cơ quan, xí nghiệp gắn với việc xây dựng cơ sở vững mạnh.

Tập trung và nâng cao chất lượng đảng viên, có kế hoạch tiến hành cuộc vận động làm trong sạch Đảng, nhằm khắc phục những hiện tượng hư hỏng, tiêu cực trong Đảng và trong bộ máy nhà nước. Tiếp tục công tác phát triển Đảng nhằm trẻ hóa đội ngũ đảng viên.

- Về công tác quần chúng, đi vào kiện toàn các tổ chức đoàn thể, trước mắt cần tập trung chỉ đạo đại hội, củng cố bộ máy, xây dựng mục tiêu, nội dung hoạt động hướng vào các nhiệm vụ chính trị. Tiếp tục xây dựng phong trào thi đua trong các ngành, các cấp

và các đoàn thể, tổ chức thi đua theo giao ước nhằm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI là sự đổi mới trên các lĩnh vực. Tình hình của năm 1986 với những thành công và những yếu kém đòi hỏi phải được tổng kết, đánh giá nghiêm túc với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, tìm rõ nguyên nhân để có sự đổi mới thật sự trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, Tỉnh ủy đã tự phê bình trong Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV, lần này cũng nghiêm túc tự phê bình và yêu cầu các ngành, các cấp và đơn vị cơ sở phải làm tốt việc tổng kết năm 1986 với tinh thần phê bình và tự phê bình sâu sắc.

Quán triệt những nội dung, quan điểm và nhiệm vụ mục tiêu của Đại hội VI, từ tỉnh đến các cấp và đơn vị cơ sở tiến hành soát xét, bổ sung vào nghị quyết Đại hội và dự án kế hoạch 5 năm, kế hoạch năm 1987 gắn với các chính sách và biện pháp giải quyết cụ thể.

2. Nhiệm vụ lớn nhất hiện nay là phải ra sức đẩy mạnh sản xuất, phải giải phóng mọi năng lực sản xuất và khai thác mọi tiềm năng, phải chỉ đạo quyết liệt việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất, kiên quyết điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, rà xét lại vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kiên quyết tập trung sức vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế, trước mắt xúc tiến thành lập các ban cho các chương trình, định hướng, định mục tiêu và giải pháp bảo đảm thực hiện các chương trình thắng lợi. Từng ngành, từng cấp phải có kế hoạch thực hiện và phục vụ ba chương trình. Kiên quyết sửa ngay những mặt còn yếu kém trong tổ chức sản xuất và trong các chính sách kinh tế, nhất là chính sách đầu tư, giá cả.

3. Xây dựng một bước cơ chế quản lý mới, tiến hành sơ kết các điểm chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 306, Nghị quyết 8

của Trung ương và Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, tiếp tục hoàn thiện việc thực hiện cơ chế khoán.

Phải có sự đổi mới trong công tác kế hoạch hóa, bảo đảm xây dựng từ cơ sở, bảo đảm khai thác mọi tiềm năng, tổ chức tốt cung ứng và quản lý vật tư, quản lý xây dựng cơ bản, tài chính tiền tệ. Từng bước thiết lập trật tự, kỷ cương, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác quản lý. Những vấn đề trên đây phải được thể hiện ngay trong việc xây dựng và giao kế hoạch, trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng, tổ chức ứng tiền, ứng hàng bảo đảm kịp thời vụ, nhất là trong vụ đông - xuân.

4. Tăng cường chỉ đạo điều hành sâu sát cơ sở, từng cấp ủy viên, từng đồng chí lãnh đạo phải đi sâu vào khối và các khu vực được phân công, dành một số thời gian đi thực tế, tiếp tục và nâng cao chất lượng việc tổ chức lấy ý kiến quần chúng theo định kỳ, bảo đảm giải quyết các vướng mắc của cơ sở. Tiếp tục công tác chỉ đạo điểm và sơ kết điểm, trước mắt tập trung vào một số huyện điểm và một số mô hình. Chú trọng công tác tổng kết và nhân rộng. Trong thời gian tới cùng với tổng kết năm, phải chuẩn bị tốt để tiến hành tổng kết từng chuyên đề trong sản xuất, trong quản lý, trong củng cố quan hệ sản xuất, trong củng cố quốc phòng an ninh và trong công tác xây dựng Đảng, các bản tổng kết đều phải thể hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và có tác dụng thiết thực trong thực tế chỉ đạo.

5. Việc điều hành các nhiệm vụ trên đây phải được chỉ đạo chặt chẽ theo chương trình từng tháng, từng quý, trước mắt trong quý I tập trung vào những việc sau đây:

- Hoàn thành sản xuất vụ đông - xuân, kiên quyết chỉ đạo gieo cấy đúng thời vụ, bảo đảm cơ cấu giống và các biện pháp thâm canh, phấn đấu thực hiện sản lượng thóc 58.000 tấn với năng suất 29,8 tạ/ha. Hoàn thành việc trồng màu, cây công nghiệp, cần phát động phong trào khai hoang, kiến thiết nương ruộng, tạo cơ sở vững chắc cho thâm canh. Huy động sức dân làm thủy lợi, nạo vét kênh mương và kiến thiết đồng ruộng ở những nơi bị lũ lụt bồi lấp.

- Chỉ đạo việc ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức cung ứng vật tư hàng hóa, tiền vốn bảo đảm sản xuất ngay từ ngày đầu, tháng đầu, quý đầu năm, gắn với đổi mới công tác kế hoạch hóa. Tập trung chỉ đạo để sớm hoàn thành huy động lương thực vụ mùa, đẩy mạnh thu mua thịt và hàng nông lâm sản, trước mắt bảo đảm phục vụ yêu cầu tết.

- Hoàn thành xây dựng các chương trình kinh tế: Lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, chương trình về xây dựng phòng tuyến biên giới và chương trình về công tác xây dựng Đảng. Mỗi chương trình có Ban chỉ đạo và hoàn thành để xét duyệt vào tháng 3-1987.

- Tiến hành trong toàn Đảng bộ quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết IV Đại hội Đảng bộ tỉnh gắn với công tác xây dựng Đảng. Chỉ đạo chuẩn bị khẩn trương cho cuộc vận động làm trong sạch Đảng ở trong tỉnh. Triển khai đợt sinh hoạt chính trị đến từng cơ sở theo tinh thần Chỉ thị 01 và 02 của Ban Bí thư vào dịp kỷ niệm 3-2.

Nhiệm vụ công tác năm 1987 rất nặng nề và còn có nhiều khó khăn, cần thấm nhuần sâu sắc những quan điểm và bài học cơ bản về “lấy dân làm gốc, về nắm vững những quy luật khách quan, tăng cường và nâng cao sức chiến đấu của Đảng...” trong tất cả các cấp, các ngành đến từng cán bộ, đảng viên và trong mọi lĩnh vực hoạt động, tạo sự chuyển biến mới ngay từ năm đầu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, quyết tâm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-CT/TU, ngày 9-2-1987

**Về việc lãnh đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII,
bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã
và cấp tương đương**

Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có chỉ thị về việc lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và cấp tương đương vào tháng 4-1987. Cuộc bầu cử kỳ này có bầu bổ sung thêm thành viên Hội đồng nhân dân tỉnh ở một vài địa phương. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn dân cần được lãnh đạo tốt.

Để bảo đảm cho cuộc bầu cử thật sự dân chủ, đúng pháp luật và đạt kết quả tốt; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng cần làm tốt những vấn đề sau đây:

1. Phải làm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp lần này thể hiện sâu sắc tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI về nhận thức và cách làm. Việc bầu cử phải đạt yêu cầu bầu được một Quốc hội, Hội đồng nhân dân thật sự có phẩm chất và năng lực, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện được chức năng của cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và của địa phương, góp phần tích cực vào việc tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ bằng chính quyền

của nhân dân lao động, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

2. Tiêu chuẩn người được giới thiệu, ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải thật sự trung thành với Tổ quốc Việt Nam và chủ nghĩa xã hội, có thành tích trong sản xuất, chiến đấu và công tác, có tinh thần đổi mới nhất là đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo sâu sát thực tế, biết nắm và hiểu được tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tận tụy công tác, mạnh dạn đề đạt ý kiến và nguyện vọng của nhân dân; gương mẫu trong lối sống, trong việc chấp hành và bảo vệ chính sách, pháp luật; thẳng thắn đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, chống mọi hành vi sai trái, tiêu cực; thật sự có phẩm chất và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải bảo đảm các tiêu chuẩn trên, không vì cơ cấu, mà hạ thấp tiêu chuẩn. Đối với những đại biểu đang làm nhiệm vụ, nay tuổi cao, sức yếu thì cần để nghỉ ngơi theo chính sách.

3. Việc bầu cử phải thật sự dân chủ không được gò ép, phải lắng nghe ý kiến của nhân dân, của tập thể lao động để lựa chọn người ra ứng cử.

Số người giới thiệu ra ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu bảo đảm cho mọi cử tri thực hiện tốt quyền bầu cử và tự do lựa chọn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

4. Được Hội đồng Nhà nước đồng ý, tỉnh Hoàng Liên Sơn được bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ở một số địa phương, việc bầu cử này sẽ tổ chức vào cùng một ngày với bầu cử Quốc hội khóa VIII. Hội đồng nhân dân huyện, xã và cấp tương đương.

5. Các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo thật tốt cuộc bầu cử, bảo đảm tiến hành an toàn tuyệt đối và đạt kết quả tốt.

6. Tổ chức đợt học tập tuyên truyền quán triệt về mục đích, yêu cầu và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân sâu rộng trong nhân dân.

Phát động một đợt thi đua lao động sản xuất, chiến đấu, công tác lập thành tích chào mừng ngày bầu cử.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban bầu cử tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể quần chúng tỉnh, các ban, ngành cần nghiên cứu nắm vững và có kế hoạch cụ thể thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 41-TB/TU, ngày 10-4-1987

Về một số chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Trong 3 tháng năm 1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp hai phiên (ngày 6 và 7 tháng 3 và 30 tháng 3) và đã xem xét, quyết định một số công tác sau đây:

1. Về công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân hai cấp:

Đã nghe ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Ủy ban nhân dân tỉnh và 2 Ban bầu cử của tỉnh báo cáo tình hình triển khai công tác bầu cử xuống cơ sở và xem xét về nhân sự đại biểu Quốc hội, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện, thị và chủ trương bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Về đại biểu Quốc hội, hội nghị nhất trí danh sách do Hội nghị Hiệp thương lần thứ nhất giới thiệu đối với đại biểu dân tộc Kinh, Giáy, Mông, Dao, Thái, riêng dân tộc Tày cần tìm thêm 1 nữ tương xứng người vùng Văn Chấn ra ứng cử với đồng chí Nông Thị Lành (kỹ sư nông nghiệp ở huyện Lục Yên). Trên cơ sở đó để tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đúng ngày 18-3-1987, các huyện biên giới cần chuẩn bị tốt để bầu cử sớm hơn. Sau đó, Thường trực Tỉnh ủy đã nhất trí danh sách ứng cử viên đại biểu Quốc hội gồm 12 đồng chí như đã công bố.

- Bầu bổ sung Hội đồng nhân dân tỉnh (thêm 2 đại biểu, 1 ở huyện Mường Khương, 1 ở Mỏ apatít), Hội nghị nhất trí bầu bổ

sung 1 đại biểu ở đơn vị bầu cử huyện Mường Khương và đưa đồng chí Hoàng Công Dung, Thường vụ Tỉnh ủy ứng cử ở đơn vị bầu cử huyện Mường Khương.

- Hội nghị đã nghe báo cáo và xét duyệt danh sách các đồng chí trong bộ phận Thường trực Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã (có danh sách riêng).

2. Hội nghị đã nghe Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo (dự thảo) chương trình kiểm tra của cấp ủy trong năm 1987. Hội nghị nhất trí phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết, kịp thời phát hiện ưu điểm, nhân tố mới và khuyết điểm để bổ khuyết. Song chương trình quá nhiều vấn đề, cần tập trung vào một số vấn đề quan trọng, nhất là việc tổ chức lại sản xuất, kinh doanh... (Ủy ban Kiểm tra tỉnh chuẩn bị nội dung cụ thể trình ra Thường vụ vào phiên họp sau).

3. Về công tác cán bộ và công tác kiểm tra:

+ Về lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:

- Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Tỉnh ủy viên làm Hội trưởng.

- Đồng chí Phan Thị Hoa, Tỉnh ủy viên, Hội trưởng, sang làm Phó ban Dân vận Tỉnh ủy.

- Đồng chí Thào Văn Chấn, Hội phó, sang làm công tác khác, giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy sắp xếp.

- Hội phó khóa tới gồm 2 đồng chí: Nguyễn Thị Thoa và đồng chí Áo.

+ Nghe báo cáo kết quả thanh tra Ban Định canh định cư:

Sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo và phát biểu ý kiến của Ủy ban Kiểm tra và lãnh đạo Ban Định canh định cư, hội nghị đã nhất trí kết luận: Trong mấy năm qua Ban định canh định cư đã có cố gắng trong việc thực hiện kế hoạch và đã đem lại một số kết quả. Song, trong lãnh đạo và chỉ đạo đã phạm khuyết điểm nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn tài sản xã hội chủ nghĩa, có nhiều cán bộ, nhân viên vi phạm. Nguyên nhân chính là buông lỏng quản lý, thoát ly sự quản lý của các ngành chuyên môn, nhiều việc

cố ý làm sai nguyên tắc, biết là sai nhưng vẫn làm. Căn cứ vào khuyết điểm của từng đồng chí, Ban Thường vụ nhất trí thi hành kỷ luật đối với các đồng chí lãnh đạo của Ban như sau:

- Đồng chí Nguyễn Xuân Tư, Trưởng ban, kỷ luật về Đảng: cảnh cáo - chính quyền: cách chức Trưởng ban.

- Đồng chí Lê Tô, Phó Trưởng ban, kỷ luật về Đảng: cảnh cáo - chính quyền cách chức Phó Trưởng ban.

- Đồng chí Lê Đức Duệ, Phó Trưởng ban, kỷ luật về Đảng: cảnh cáo.

- Đối với số cán bộ kế toán, kế hoạch mắc sai lầm nghiêm trọng, cơ quan Công an và Ủy Ban Kiểm tra tỉnh cần đi vào xác định cụ thể thêm, hình thức xử lý có thể sa thải hoặc nặng hơn thì có thể khởi tố để truy tố trước pháp luật.

- + Một số vụ kỷ luật khác:

- Đồng chí Trần Kiên, Huyện đội Bắc Hà: khai trừ khỏi Đảng.

- Đồng chí Ngô Viết Lợi, Công an huyện Bảo Thắng: cách chức Huyện ủy viên, cách chức Trưởng huyện Công an.

- Đồng chí Hoàng Đình Tước, Công ty Ngoại thương Yên Bình: cách chức Huyện ủy viên.

- Đồng chí Thản, Công ty Vận tải thủy bộ: về Đảng cảnh cáo, cách chức Giám đốc Công ty.

- + Bổ nhiệm, đề bạt và điều động cán bộ:

- Điều động đồng chí Nguyễn Ngọc Xá, nguyên Bí thư Huyện ủy Sa Pa làm Trưởng ban Định canh định cư.

- Đề bạt đồng chí Nguyễn Kim Cương, Giám đốc Xí nghiệp tàu thuyền, làm Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

- Đề bạt đồng chí Đặng Văn Nghiết làm Phó Trưởng ban Định canh định cư.

- Điều động đồng chí Dương Đình Ưông, Phó Chủ tịch thị xã Yên Bái về làm Phó ban Kinh tế Tỉnh ủy.

- Điều động đồng chí Nguyễn Đa Thắng, Phó Chủ tịch thị xã Yên Bái về làm Phó Hiệu trưởng Trường Hành chính tỉnh.

- Điều đồng chí Nguyễn Hữu Long, Phó Chủ tịch huyện Trấn Yên về làm Ủy viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh.

+ Xếp lương chức vụ cho một số đồng chí: Lộc Hoàng Bính, Chủ tịch huyện Yên Bình, Hoàng Ngọc Lộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Nguyễn Văn Hòa, Phó Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên.

Vậy xin thông báo để các đồng chí biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-TT/TU, ngày 2-5-1987

Về việc lãnh đạo tốt Đại hội Hội Nông dân tập thể ba cấp và củng cố tốt tổ chức Hội các cấp

Trong những năm qua tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể ở tỉnh ta đã từng bước được hình thành từ cơ sở lên và đã cố gắng hoạt động, giáo dục, động viên giai cấp nông dân tập thể về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần phát triển sản xuất, củng cố hợp tác xã, làm nghĩa vụ với Nhà nước, củng cố khối công nông liên minh, ổn định và dần dần cải thiện đời sống.

Song nhìn chung hoạt động của các cấp hội còn yếu, chưa tương xứng với vị trí quan trọng của giai cấp nông dân tập thể, cũng như vị trí hàng đầu của sản xuất nông, lâm nghiệp, chưa phát huy tốt công tác giáo dục, vận động với hành động sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất, hiệu quả đem lại còn hết sức hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do các cấp hội chưa được củng cố, tăng cường cán bộ đúng vị trí của tổ chức Hội. Hoạt động còn mang nặng tính chất hành chính, quan liêu, bảo thủ, ỷ lại, nhận thức vị trí chức năng tổ chức Hội còn yếu, các cấp ủy Đảng và chính quyền chưa quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Hội hoạt động tốt một cách thường xuyên.

Thi hành Chỉ thị số 05, ngày 24-3-1987 và Thông tri số 04, ngày 18-2-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Hội

Liên hiệp Nông dân tập thể và Đại hội các cấp hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt một số công tác sau đây:

1. Tổ chức cho các đồng chí trong tập thể Ban Thường vụ và cấp ủy nghiên cứu, quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị 05 và Thông tri 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, nắm chắc vị trí của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, chức năng, nhiệm vụ, hệ thống tổ chức, tăng cường cán bộ, tăng cường lãnh đạo của cấp ủy, đặc biệt là đổi mới tư duy, phong cách và cán bộ để hoạt động của Hội luôn luôn sâu sát cơ sở, sâu sát thực tiễn và đem lại hiệu quả thiết thực, khắc phục bệnh hành chính, quan liêu cũ kỹ.

2. Lãnh đạo tốt Đại hội Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ cơ sở lên tỉnh, tiến tới Đại hội toàn quốc của Hội, trong đó cần chú ý lãnh đạo thật tốt những vấn đề sau: Chuẩn bị tốt báo cáo kiểm điểm, bảo đảm thật sâu sắc thiết thực, đề ra được những nhiệm vụ cho sát hợp, cụ thể, động viên đông đảo nông dân lao động, tham gia ý kiến vào báo cáo, mở rộng dân chủ, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, biến hành động sinh hoạt chính trị sâu rộng. Nhân dịp Đại hội mà củng cố, kiện toàn tổ chức Hội. Bố trí tốt nhân sự Ban lãnh đạo các cấp hội, cấp huyện, thị và cơ sở cần có cấp ủy viên phụ trách.

Các cấp ủy phải duyệt báo cáo Đại hội của Hội ở cấp mình. Công tác Đại hội phải làm khẩn trương, tích cực, theo kế hoạch của Tỉnh Hội, bảo đảm từ nay đến tháng 8 phải làm xong Đại hội ở cả ba cấp. Để bảo đảm yêu cầu chất lượng Đại hội và bảo đảm thời gian, các cấp ủy, chính quyền cần quan tâm lãnh đạo và tạo thuận lợi cho hội làm tốt trách nhiệm được giao. Song việc tổ chức Đại hội phải bảo đảm gọn, tốt, tiết kiệm, tránh mọi hình thức gây tốn kém, lãng phí.

3. Phải gắn công tác Đại hội các cấp hội với hành động cách mạng, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội, hướng phong trào vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, quan trọng

nhất đối với nông thôn là sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất hàng xuất khẩu, trước mắt là khắc phục khó khăn để bảo đảm vụ mùa thắng lợi.

Yêu cầu các đồng chí lưu ý thực hiện tốt Thông tri này và báo cáo kết quả lên Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 48-TB/TU, ngày 2-5-1987

Về nội dung phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 24, 25-4-1987

Trong 2 ngày 24 và 25-4-1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên thường kỳ để nghe nội dung và bàn kế hoạch triển khai Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, sơ kết công tác quý I và bàn nhiệm vụ công tác quý II, thông qua kế hoạch xây dựng huyện điểm và bàn một số vấn đề về công tác cán bộ. Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì phiên họp.

1- Về triển khai Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, Ban Thường vụ đã nghe truyền đạt nội dung cơ bản của nghị quyết theo kế hoạch đã được chuẩn bị, giao cho Thường trực Tỉnh ủy tổ chức quán triệt trong Ban Chấp hành và tới các ngành, các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc theo tinh thần Chỉ thị 06 của Ban Bí thư. Thành lập các tiểu ban nghiên cứu xây dựng các phương án gồm:

- Phương án giải quyết vấn đề lương, phương án tổ chức lại hệ thống phân phối lưu thông do đồng chí Tạ Hữu Thanh phụ trách.
- Phương án tổ chức lại các ngành phân phối lưu thông do đồng chí Tạ Hữu Thanh phụ trách.
- Phương án tổ chức lại bộ máy hành chính sự nghiệp và bộ máy gián tiếp sản xuất kinh doanh do đồng chí Tiêu Đức Hội và đồng chí Đỗ Tuế phụ trách.

- Kế hoạch làm thủ việc hạch toán giá thành, thu ngân sách và khoán quỹ lương do đồng chí Hoàng Công Dung và Nguyễn Quý Đăng phụ trách.

- Chính sách sản xuất kinh doanh cá thể và chính sách mở rộng lưu thông hàng hóa do đồng chí Ngô Đình Kính phụ trách.

Các đồng chí được phân công trên đây dưới sự chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch huy động một số cán bộ các ngành xúc tiến nghiên cứu xây dựng phương án báo cáo thường vụ, các bộ, các ngành Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng để kịp thời triển khai thực hiện trong quý II năm 1987.

2. Về tình hình công tác quý I và nhiệm vụ công tác quý II

Nhất trí với nội dung dự thảo và thấy rằng, trong quý I các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết 6 gắn với việc đẩy mạnh các nhiệm vụ chính trị. Song trước tình hình khó khăn về đời sống, về thời tiết, thiên tai nên nhìn chung trên các mặt nhận thức tư tưởng, phong trào cách mạng của quần chúng còn bị hạn chế. Tình hình sản xuất nhất là nông nghiệp còn ở mức thấp, hạn hán, sâu bệnh có ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng thu hoạch. Phân phối lưu thông nhất là tình hình lương thực đang rất gay gắt. Đó là những tình hình cần tập trung giải quyết trong quý II và trong vụ mùa tới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã bàn giải quyết một số vấn đề cụ thể như:

- Về phân cấp lương thực cho huyện quản lý để bảo đảm việc điều hoà lương thực thống nhất trong toàn tỉnh, nay quyết định thôi phân cấp và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu tổ chức kinh doanh lương thực theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2.

- Về xây dựng cơ bản, theo tinh thần đã thông báo, kiên quyết thực hiện đầu tư vào sản xuất và thực hiện quản lý chặt chẽ các nguồn vốn. Riêng việc xây dựng Nhà văn hóa Lào Cai, Tỉnh ủy sẽ

nghiên cứu tiếp việc đầu tư, trước mắt vẫn thực hiện theo tinh thần đã thông báo.

3. Kế hoạch xây dựng huyện điểm Văn Chấn và Bảo Thắng.

Theo phương hướng của kế hoạch, giao cho huyện ủy các huyện điểm xây dựng kế hoạch cụ thể và chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện, Ban Thường vụ phân công đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư chỉ đạo bảo đảm sự phối hợp giữa các ngành với các huyện điểm và bảo đảm các yêu cầu đã đề ra.

4. Ban Thường vụ cũng đã quyết định một số vấn đề về đề bạt cán bộ và quyết nghị khôi phục đảng tịch một đảng viên trước đây bị đưa ra khỏi Đảng về lịch sử chính trị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-TT/TU, ngày 5-5-1987

Về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với việc tổng kết 5 năm thực hiện nghị quyết liên tịch về công tác thanh niên trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc

Ngày 5-7-1982 Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Bộ Nội vụ đã có nghị quyết liên tịch về công tác vận động thanh niên trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

5 năm qua được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng chính quyền, sự phối kết hợp của các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương, nghị quyết liên tịch của Trung ương Đoàn và Bộ Nội vụ đã được triển khai thực hiện tương đối mạnh mẽ, rộng khắp và đã đạt được những thành tích đáng kể.

Để đưa việc thực hiện nghị quyết liên tịch ngày càng đi vào nền nếp và đạt hiệu quả thiết thực hơn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn và lãnh đạo Bộ Nội vụ chủ trương tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện nghị quyết liên tịch. Để việc tổng kết thu được kết quả thiết thực Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy thực hiện một số công tác sau đây:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể công an và các cấp, các đơn vị tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện nghị quyết liên tịch giữa Trung ương Đoàn và Bộ Nội vụ ở địa phương với mục đích:

a) Kiểm điểm đánh giá việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết liên tịch ở các cấp trong 5 năm qua. Khẳng định những

kết quả, thành tích về vai trò nòng cốt của thanh niên trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và những khuyết điểm nhược điểm của phong trào như nội dung nghị quyết liên tịch đã đề ra và sự phối hợp giữa các cấp bộ Đoàn thanh niên và công an các cấp, các đơn vị trong việc làm tham mưu cho cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo cho nghị quyết liên tịch ngày càng đạt chất lượng hiệu quả cao.

b) Rút ra được những bài học kinh nghiệm để đẩy mạnh phong trào thanh niên trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc với chất lượng cao hơn nữa, thực hiện tốt công tác của Đoàn và phong trào thanh niên phục vụ những nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước.

c) Tổ chức bình bầu và biểu dương khen thưởng đối với những đơn vị và cá nhân lập thành tích xuất sắc qua 5 năm thực hiện nghị quyết liên tịch, đồng thời đề ra chương trình hành động cách mạng nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào tuổi trẻ tham gia bảo vệ an ninh trật tự sâu rộng và mạnh mẽ.

2. Về công tác tuyên truyền

Các cơ quan thông tin, tuyên truyền báo chí, Đài Phát thanh tích cực tuyên truyền cho việc thực hiện nghị quyết liên tịch của Trung ương Đoàn và Bộ Nội vụ, kịp thời động viên gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của tuổi trẻ trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo công tác tuyên truyền cho việc tổng kết 5 năm thực hiện nghị quyết liên tịch này trong phạm vi toàn tỉnh.

Ban Giám đốc Công an tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các tổ chức đoàn và công an các cấp, các đơn vị làm tốt công tác tổng kết từ cơ sở và tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để chuẩn bị tổ chức hội nghị tổng kết ở cấp tỉnh chậm nhất vào tháng 8-1987.

Đồng thời phối hợp với Ban Thi đua và khen thưởng tỉnh làm tốt công tác xét khen thưởng đối với những đơn vị và cá nhân lập thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghị quyết liên tịch của Trung ương Đoàn và Bộ Nội vụ.

Yêu cầu các đồng chí lưu ý thực hiện tốt Thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**THÔNG TRI
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 04-TT/TU, ngày 13-5-1987

**Về việc tiến hành “Ngày chính trị”
trong quý II năm 1987**

Thực hiện Chỉ thị 01 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định của Tỉnh ủy về chế độ định kỳ hàng quý cán bộ lãnh đạo tiếp xúc với nhân dân lao động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định “Ngày chính trị” trong quý II năm 1987 tiến hành như sau:

Ngày chính trị trong quý II năm 1987 tiến hành từ ngày 15 đến 20-5-1987,

Nội dung:

- Thông báo nhanh sâu rộng nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng (theo thông báo của Trung ương và tùy theo từng đối tượng công bố những chính sách cụ thể).
- Bằng hình thức đối thoại trực tiếp nghe phát biểu và trả lời những vấn đề cán bộ, đảng viên và quần chúng nêu ra.
- Nghe và tổng hợp những ý kiến nhân dân đề đạt và phản ánh với các cấp ủy Đảng.

Cách tiến hành:

- Các đồng chí trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, các đồng chí trưởng các ban, ngành, đoàn thể

tỉnh do Thường trực Tỉnh ủy phân công xuống các huyện, thị, Đảng ủy để đi xuống các cơ sở gặp quần chúng.

- Các đồng chí phó, trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh xuống các cơ sở thuộc ngành mình để tiếp xúc với cán bộ công nhân viên trong ngành.

- Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh phân công tất cả các đồng chí trong Ban Chấp hành Huyện ủy, Thị ủy, Đảng ủy, các đồng chí Thường trực Ủy ban nhân dân và trưởng các ban, ngành, đoàn thể xuống các xã, phường, đơn vị tiếp xúc với quần chúng.

- Trong mỗi buổi tiếp xúc với quần chúng: thời gian thông báo nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 2 chỉ nêu ngắn gọn trong 1 giờ 30 phút. Dành nhiều thời gian để đối thoại trực tiếp với quần chúng. Trong khi đối thoại những vấn đề gì đã rõ thì trả lời ngay, những vấn đề gì chưa nắm vững thì phản ánh xin ý kiến cấp trên, sau đó sẽ trả lời quần chúng.

- Các đồng chí lãnh đạo của tỉnh sau khi đi cơ sở về cần khẩn trương báo cáo bằng văn bản với Thường trực Tỉnh ủy chậm nhất là ngày 25-5-1987.

- Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh tổng hợp kết quả “Ngày chính trị” báo cáo bằng văn bản về Thường trực Tỉnh ủy chậm nhất là ngày 28-5-1987.

Các cấp, các ngành cần tập trung chỉ đạo để “Ngày chính trị” trong quý II năm 1987 đạt kết quả tốt và rút được nhiều kinh nghiệm cho những “Ngày chính trị” trong các quý sau.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 195-QĐ/TU, ngày 22-5-1987

**Về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 2
của Trung ương**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 21-5-1987 đã nghe tinh thần chỉ đạo tiến hành các đề án của Trung ương theo Nghị quyết hai và bàn việc tiến hành ở Hoàng Liên Sơn; về tổ chức chỉ đạo,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ hai gồm có:

1. Đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.

2. Đồng chí Đỗ Tuất, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng ban.

3. Các thành viên Ban chỉ đạo gồm có:

- Đồng chí Lê Đình Hiệp, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch.
- Đồng chí Nguyễn Đình Dương, Giám đốc Sở Lao động.
- Đồng chí Ngô Du, Giám đốc Sở Tài chính.
- Đồng chí Nguyễn Văn Tích, Trưởng ban Tổ chức chính quyền.
- Đồng chí Mai Văn Mùi, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy.
- Đồng chí Nguyễn Văn Thùy, Phó ban Kinh tế Tỉnh ủy.

- Đồng chí Nguyễn Văn Tuất, Phó ban Nông nghiệp Tỉnh ủy.
- Đồng chí Đinh Văn Tiểu, Phó Giám đốc Ngân hàng.
- Đồng chí Lê Đình Cầm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban vật giá.
- Đồng chí Đỗ Văn Liên, Phó thư ký Công đoàn.
- Đồng chí Mai Văn Đính, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

2. Ban chỉ đạo phối hợp với các đồng chí Thường vụ phụ trách khối có nhiệm vụ giúp Ban Thường vụ nghiên cứu vận dụng thực hiện Nghị quyết 2, theo sự chỉ đạo của Trung ương. Trước mắt trưng tập cán bộ các ngành quản lý tổng hợp và một số ngành sản xuất, kinh doanh nghiên cứu, xây dựng một số đề án như:

- Đề án giá - lương trợ cấp cán bộ, công nhân viên và việc tổ chức lại hệ thống phân phối lưu thông.
- Đề án sắp xếp lại bộ máy hành chính sự nghiệp và bộ máy gián tiếp trong sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo tính thử và làm thử việc hạch toán một số giá thành đối với các loại hình tổ chức sản xuất.
- Nghiên cứu chính sách đối với sản xuất kinh doanh cá thể.

3. Ban chỉ đạo có kế hoạch phân công, chỉ đạo tiến hành cụ thể, quá trình nghiên cứu cần đề xuất những việc làm ngay hoặc những việc phải xử lý, báo cáo Ban Thường vụ hoặc Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết với tinh thần tích cực vững chắc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-TT/TU, ngày 13-6-1987

Về việc tổng kết tình hình và xây dựng chương trình củng cố vùng biên giới vững mạnh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiến hành tổng kết công tác xây dựng, củng cố an ninh, quốc phòng biên giới từ năm 1981 đến nay và xây dựng chương trình củng cố quốc phòng an ninh vùng biên giới đến năm 1990,

1. Mục đích yêu cầu

- Trên tinh thần quán triệt và thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 112 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết 133 của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và các nghị quyết 07, 16 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để kiểm điểm đánh giá đúng thực trạng tình hình ưu khuyết điểm và nguyên nhân trong công tác quốc phòng, an ninh có cả về kinh tế, xã hội, đời sống và cơ sở vùng biên giới từ năm 1981 đến nay (tổng kết trên phạm vi địa bàn từng huyện, thị biên giới, chú trọng đi sâu vào các xã biên phòng).

- Quán triệt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đại hội IV của Đảng bộ, trên tinh thần đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo, đổi mới tổ chức và cán bộ, với khả năng thực tế, xây dựng

chương trình củng cố an ninh, quốc phòng biên giới đến năm 1990 một cách toàn diện, quốc phòng, an ninh, dân cư kinh tế, xã hội và xây dựng cơ sở chính trị và cán bộ vững mạnh.

- Làm chuyển biến một bước nhận thức tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, rút được những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo trong những năm tới, đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn trong công tác này.

2. Về nội dung

Tổng kết và xây dựng chương trình nói trên cần chú trọng các nội dung lớn là: đánh giá tình hình âm mưu, hoạt động của địch, ưu khuyết điểm về công tác quốc phòng, an ninh của ta, về xây dựng tuyến bảo vệ biên giới, bố trí dân cư, kinh tế, xã hội, xây dựng Đảng, vận động quần chúng, công tác cán bộ và ưu khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành.

3. Phương pháp tiến hành

- Trên cơ sở tình hình trong những năm qua, các huyện, thị ủy và các ngành như Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Dân vận, Ban Kinh tế, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy làm báo cáo theo chức năng của mình. Báo cáo đó cần được Ban Thường vụ của các huyện, thị ủy, Đảng ủy, lãnh đạo ban, ngành thảo luận, kiểm điểm sâu sắc ưu khuyết điểm và đề ra những nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể từng năm, biện pháp thực hiện tích cực và có hiệu quả (báo cáo dài từ 10-15 trang) và có các phụ lục số liệu kèm theo, chậm nhất là ngày 10-7-1987 có báo cáo gửi cho Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Biên giới của tỉnh.

- Giao cho Ban Biên giới cùng Ban Nội chính, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp xây dựng chương trình củng cố quốc phòng, an ninh biên giới (gồm hai phần: kiểm điểm đánh giá tình hình từ năm 1981 đến nay và nhiệm vụ

mục tiêu, biện pháp thực hiện đến năm 1990). Công tác này cần hoàn thành trong tháng 7-1987 để sau đó đưa ra Ban chỉ đạo và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, quyết định.

Yêu cầu các đồng chí lưu ý thực hiện đạt kết quả tốt và đúng thời gian.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 53-TB/TU, ngày 22-6-1987

Về Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy
ngày 12 và sáng 13-6-1987

Ngày 12 và sáng 13-6-1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và nhất trí quyết định một số công tác sau đây:

1. Về công tác tổ chức và cán bộ

a) Nhất trí cho các đồng chí sau đây nghỉ để chuẩn bị về hưu:

- Đồng chí Vàng Văn Lầu, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh, nâng lương lên 493 đồng để tính tỷ lệ về hưu.
- Đồng chí Nguyễn Văn Ty, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh, nâng lương lên 493 đồng để tính tỷ lệ về hưu.
- Đồng chí Nguyễn Ngọc Bích, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, nâng lương lên 555 đồng để tính tỷ lệ về hưu.
- Đồng chí Lù Dín Siêng, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh, được hưởng tỷ lệ vượt khung 5%.
- Đồng chí Nguyễn Công Nhung, Phó ban Thi đua, nâng lương lên 493 đồng.
- Đồng chí Lê Thanh, Phó Giám đốc Sở Thương nghiệp, nâng lương 493 đồng.
- Đồng chí Trịnh Văn Truyền, Chủ tịch Trọng tài Kinh tế tỉnh, nâng lương lên 555 đồng để tính tỷ lệ về hưu.

- Đồng chí Trần Mai, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, nâng lương 555 đồng.

- Đồng chí Đỗ Văn Bảy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, được hưởng tỷ lệ vượt khung 5%.

- Đồng chí Hà Văn Giáp, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, được hưởng tỷ lệ vượt khung 5%.

- Đồng chí Thào Seo Say, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa, nâng lương lên 455 đồng để tính tỷ lệ về hưu.

- Đồng chí Đỗ Viết Sính, Giám đốc Sở Thương binh và xã hội.

- Đồng chí Phạm Xuân Thành, nguyên Phó Chủ tịch huyện Văn Yên (không nâng lương).

+ Đối với các đồng chí cán bộ về hưu, các đồng chí lãnh đạo tỉnh và Ban Tổ chức cần gặp gỡ, làm công tác tư tưởng, động viên trước để các đồng chí đó thông suốt. Các cơ quan cần giải quyết tốt các chính sách hiện hành, giảm bớt khó khăn cho cán bộ về hưu.

+ Đối với các đồng chí đã xét duyệt và đã có thông báo về hưu các đợt trước còn đồng chí nào chưa có quyết định thì ra quyết định chính thức.

+ Tiếp tục rà soát đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong tỉnh để xét cho về hưu vào đợt sau.

b) Ban Thường vụ đã nhất trí sắp xếp nhân sự cán bộ lãnh đạo Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh sau khi hợp nhất:

Nhất trí hướng bố trí phân công lại một số đồng chí Tỉnh ủy viên ở một số huyện và ngành, nhất là hướng đề bạt một số lãnh đạo các sở, ban, ngành và các huyện.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền cần tiếp tục làm việc kỹ với các đơn vị dự kiến có sự bố trí, sắp xếp lại và đề bạt cán bộ, làm việc với các bộ chủ quản để tạo sự nhất trí cao và sẽ có quyết định cụ thể sau. Những trường hợp có sự thay đổi việc sắp xếp lại cán bộ thì cần khẩn trương tìm cán bộ thay thế để bảo đảm hoạt động tốt và đồng bộ.

2. Về vận dụng thang lương cho Trường Hành chính và trung tâm đào tạo bồi dưỡng tại chức

Sau khi nghe đồng chí Giám đốc Sở Lao động thay mặt Ban lương tỉnh báo cáo Ban Thường vụ thấy cần nghiên cứu, xem xét chức danh tổ chức nhà nước đối với trung tâm đào tạo tại chức và bồi dưỡng học sinh thi đại học để bảo đảm làm đúng chức năng nhiệm vụ. Từng bước củng cố Trường Hành chính tỉnh để đủ sức làm hết chức năng của trường, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trước mắt, vận dụng thang lương Trường Cao đẳng hạng II để xét lương cho cán bộ trung tâm đào tạo bồi dưỡng tại chức và thang lương Trường Trung học hạng II để xếp lương cho Trường Hành chính tỉnh.

Đồng ý xếp lương cho đồng chí Ngô Văn Đính, Giám đốc Xí nghiệp chè Yên Ninh là 420 đồng, Ban lương của tỉnh tiếp tục rà xét lương lãnh đạo các xí nghiệp công nghiệp để báo cáo Ban Thường vụ giải quyết những trường hợp bất hợp lý khác.

3. Xét đơn đề nghị của đồng chí Xuân Tư và đồng chí Lê Tô (Ban Định canh định cư kinh tế mới)

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã báo cáo đơn đề nghị xem xét lại mức kỷ luật của 2 đồng chí Xuân Tư và Lê Tô với lý do nêu trong đơn là cả 2 đồng chí mới về nhận công tác được vài năm, vì 3 đồng chí lãnh đạo cùng chịu trách nhiệm về khuyết điểm nhưng mức kỷ luật lại khác nhau và vì một số tiền lấy về để làm nhà cơ quan chứ không phải tham ô.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân tích kỹ và nhất trí việc thi hành kỷ luật đối với 2 đồng chí là căn cứ vào khuyết điểm của mỗi đồng chí, từ khi về nhận công tác đến nay chứ không phải là căn cứ vào khuyết điểm của đồng chí trong mấy năm qua, mức kỷ luật như vậy là đã rất chiếu cố về quá trình công tác rồi, vì cách chức

nhưng không hạ lương, không truy tố, lại còn xin nâng lương là không thể được. Ban Thường vụ nhất trí y mức án đã quyết định và vẫn phải thu hồi khoản chênh lệch giá đối với những hàng hóa, vật tư mà các đồng chí mua với giá rẻ, để nộp vào công quỹ.

Đối với đồng chí Lê Đức Duệ, căn cứ vào Ủy ban Kiểm tra báo cáo, đồng chí đó kiểm điểm thành khẩn hơn nên Ban Thường vụ quyết định chỉ cảnh cáo về Đảng, không cách chức Phó Trưởng ban. Sau khi công bố kỷ luật, có một số ý kiến cho là không công bằng, vì vậy yêu cầu Ủy ban Kiểm tra nghiên cứu lại để báo cáo Ban Thường vụ xem xét sau.

4. Về xét duyệt khen thưởng huân chương lao động về thành tích thi đua năm 1986

Qua đề nghị từ cơ sở lên và kết quả xem xét của Hội đồng thi đua tỉnh (do Ban Thi đua báo cáo), Ban Thường vụ nhất trí đề nghị Trung ương tặng Huân chương Lao động hạng Hai cho 2 đơn vị là: ngành văn hóa thông tin tỉnh và xã An Thịnh (huyện Văn Yên), thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho các đơn vị: Nông trường Văn Hưng, Xí nghiệp khai thác graphít, Công ty Xây dựng số 1, Viện Thiết kế xây dựng công nghiệp và dân dụng, Công ty Vật tư giao thông, Xí nghiệp khảo sát thiết kế giao thông, Hợp tác xã vận tải Yên Bái, xã Bạch Hà (huyện Yên Bình), Công ty Điện máy (ngành thương nghiệp), Công ty Xây dựng 25 (Tổng Công ty xây dựng Vĩnh Phú, Hoàng Liên Sơn).

Còn 3 đơn vị phải xem xét thêm: Nhà máy thủy điện Thác Bà vì còn nhiều tiêu cực, nội bộ thiếu đoàn kết, Lâm trường Ngòi Lao cần xem xét thêm về việc làm nhà riêng của đồng chí giám đốc, Trường Đảng tỉnh cần tranh thủ thêm ý kiến của các ban của Tỉnh ủy.

- Về cá nhân, Ban Thường vụ nhất trí tặng Huân chương Lao động hạng Hai cho đồng chí Trần Văn Cẩn, Trại trưởng trại chăn nuôi Phúc Cường, còn đồng chí Tạ Hữu Thanh, Thường vụ Tỉnh ủy,

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để lại để xét cùng với các đồng chí lãnh đạo khác trong tỉnh.

- Ban Thi đua và khen thưởng cần nghiên cứu chính sách khen thưởng đối với các đồng chí cán bộ, công nhân viên, công tác lâu năm ở tỉnh Hoàng Liên Sơn (cả khen thưởng thường xuyên, định kỳ và khi về hưu).

5. Về việc sử dụng xe con đưa đón cán bộ đi làm việc hằng ngày

Vì thị xã Yên Bái là một thị xã ở miền núi, địa dư rất rộng, các cơ quan còn phân tán nên Ban Thường vụ nhất trí vận dụng quy định của Trung ương vào điều kiện cụ thể, đồng ý để cơ quan dùng xe con đưa, đón các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh cư trú ở thị xã Yên Bái hằng ngày đi từ nhà ở đến nơi làm việc và từ nơi làm việc về nhà ở. Đối với các cơ quan, ban, ngành và các xí nghiệp, cũng như các cơ sở khác trong tỉnh chấm dứt việc dùng xe đưa đón cán bộ hằng ngày từ nhà đến cơ quan như đã diễn ra ở một số đơn vị.

Yêu cầu ngành giao thông vận tải cần bố trí xe khách đường ngắn (Cổ Phúc - Yên Bái - Yên Bình) trước và sau giờ làm việc để cán bộ, công nhân viên đi về thuận lợi hơn, cần hết sức tính toán để giảm bớt hợp hành, tăng cường xuống cơ sở để giải quyết công việc và sử dụng các phương tiện thông tin để chỉ đạo công tác.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 216-QN/TU, ngày 20-7-1987

Về thành lập Chi bộ Công an công trình Tầng Loỏng

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 30, tháng 1-1987 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 48-QĐ/TC của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 11-4-1987 về việc thành lập đơn vị Công an công trình Tầng Loỏng,
- Xét đề nghị của Đảng ủy Công an và Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thành lập Chi bộ cơ sở Công an công trình Tầng Loỏng có 10 đồng chí lấy tên là Chi bộ Công an công trình Tầng Loỏng, đặt dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Bảo Thắng.

Điều 2: Trong khi chuẩn bị đại hội chi bộ bầu chi ủy theo quy định của Điều lệ Đảng, chỉ định đồng chí Tô Lạc Quyên, Phó Trưởng Công an công trình Tầng Loỏng làm Bí thư Chi bộ.

Điều 3: Nhiệm vụ của chi bộ, thực hiện theo Điều 34 Chương 5 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 4: Đảng ủy Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ của 10 đồng chí đảng viên thuộc Chi bộ Công an công trình Tầng Loỏng cho Huyện ủy Bảo Thắng.

Điều 5: Đảng ủy Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn, Huyện ủy Bảo Thắng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn và Chi bộ Công an công trình Tăng Loong căn cứ Quyết nghị này thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-CT/TU, ngày 21-7-1987

Về công tác y học cổ truyền dân tộc

Đảng, Nhà nước ta đã đề ra chủ trương, đường lối kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, xây dựng nền y học độc đáo Việt Nam.

Thực hiện đường lối đó, những năm qua công tác y học cổ truyền dân tộc tỉnh ta đã được quan tâm xây dựng và phát triển. Tổ chức bộ máy các cấp hội và hệ thống y học dân tộc của ngành y tế được củng cố. Đã tuyên truyền, giáo dục, vận động được đông đảo lương y (ông lang, bà mế) các dân tộc vào tổ chức Hội, qua đó họ đã tâm đắc, cống hiến được nhiều bài thuốc, cây thuốc, kinh nghiệm chữa bệnh thông thường cũng như độc đáo. Việc thừa kế và áp dụng các bài thuốc đã được tiến hành từng bước ở các tuyến y tế có kết quả. Đã góp phần cùng ngành y tế chăm lo sức khỏe nhân dân theo phương châm “Thầy tại chỗ, thuốc tại chỗ”.

Tuy nhiên so với yêu cầu, nhiệm vụ và khả năng thực tế, công tác y học dân tộc của tỉnh ta còn nhiều mặt hạn chế. Các ngành, các cấp chưa quán triệt và nhận thức rõ vị trí, vai trò của công tác y học dân tộc, thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác y học dân tộc. Nặng về y học hiện đại, chưa làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tổ chức hội y học cổ truyền dân tộc phát triển nhanh nhưng chưa được củng cố kiên toàn. Hệ thống y học dân

tộc của ngành y tế tuy có nhưng không hoàn chỉnh, nên chưa làm được chức năng tham mưu cho Đảng, chính quyền các cấp. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ. Chính sách, chế độ đối với lương y (ông lang, bà mế) chưa thỏa đáng. Cơ sở vật chất kỹ thuật chưa được đầu tư đúng mức... dẫn đến tác dụng hiệu quả thu được thấp.

Để khai thác được tiềm năng thế mạnh công tác y học dân tộc của tỉnh; thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đưa công tác y học dân tộc vào phục vụ có hiệu quả bảo vệ sức khỏe nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp, các ngành thực hiện tốt những mặt sau:

1. Nghiêm túc nghiên cứu quán triệt Chỉ thị số 118/TW, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết số 266/CP, ngày 19-10-1978 của Hội đồng Chính phủ về công tác y học dân tộc. Từ đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc xây dựng và củng cố, phát triển mạng lưới y học dân tộc ở mỗi địa phương, mỗi đơn vị, nhằm đáp ứng cho nhu cầu chăm lo, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, thuyết phục, vận động tập hợp và quản lý giới lương y (ông lang, bà mế) lương được của các dân tộc vào tổ chức Hội, động viên họ tâm đắc, cống hiến bài thuốc, dược liệu, kinh nghiệm chữa bệnh thông thường và khai thác những tinh hoa độc đáo của y học cổ truyền dân tộc. Phối hợp cùng ngành y tế áp dụng thừa kế, chỉnh lý, phổ biến rộng rãi vào phòng và chữa bệnh, góp phần thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước ở từng địa phương.

3. Phát động phong trào toàn dân trồng cây thuốc. Khai thác bảo vệ có chính sách thu mua, chế biến và sử dụng tại xã. Các trạm y tế, bệnh viện, trường học, đơn vị vũ trang đều có vườn thuốc nam. Các ngành, các cấp, các địa phương cần nghiên cứu xây dựng các cơ sở trồng cây thuốc tập trung phù hợp với sinh thái, khí hậu, đất đai tạo nên sản phẩm xã hội và phục vụ sử dụng tại chỗ.

4. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho công tác y học dân tộc. Trước mắt củng cố ngay hệ thống khám chữa bệnh bằng y học dân tộc trong ngành y tế. Các cấp hội phải củng cố, kiện toàn và xây dựng các tổ chữa trị trực thuộc các cấp hội làm nơi trao đổi về chuyên môn và xây dựng quỹ Hội. Từ nay cho đến năm 1990 phấn đấu xây dựng một bệnh viện y học dân tộc của tỉnh để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, áp dụng thừa kế, đào tạo cán bộ nhằm phát triển công tác y học dân tộc. Ủy ban nhân dân các cấp cần nghiên cứu và đầu tư một phần kinh phí thích hợp cho công tác y học cổ truyền dân tộc.

5. Dựa vào các quy định của Trung ương, xét sự cống hiến của lương y (ông lang, bà mế) và hiệu quả khám chữa bệnh áp dụng thừa kế bằng y học dân tộc, cần có sự đãi ngộ thích hợp về tinh thần cũng như vật chất để động viên kịp thời cổ vũ học tích cực phục vụ sức khỏe nhân dân, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

6. Lãnh đạo kiện toàn tổ chức Hội y học cổ truyền dân tộc các cấp tiến tới Đại hội y học dân tộc lần thứ III của tỉnh vào quý IV năm 1987 theo Điều lệ của Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam đã quy định.

Các cấp, các ngành quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị này. Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, ngành y tế, Hội y học cổ truyền dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện. Báo cáo thường kỳ kết quả về Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-CT/TU, ngày 23-7-1987

**Về hưởng ứng “Những việc cần làm ngay”
của đồng chí Nguyễn Văn Linh trên báo *Nhân Dân***

Ngày 25-5-1987, báo *Nhân Dân* đã đăng bài của đồng chí Nguyễn Văn Linh về “Những việc cần làm ngay” và đã được sự hưởng ứng sâu rộng trong Đảng và nhân dân ta.

Thường trực Tỉnh ủy đã giao cho Ban Tuyên giáo nghiên cứu chuẩn bị, ngày 6-7-1987 tập thể Thường trực và tiếp đó, ngày 12-7-1989 tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo, thảo luận, kiểm điểm tình hình và quyết định chủ trương phát động toàn tỉnh hưởng ứng “Những việc cần làm ngay” một cách mạnh mẽ, bền bỉ, kiên quyết và có hiệu quả thiết thực, tránh bệnh hình thức, chỉ nói mà không làm hoặc làm qua loa, nhất thời, củng cố uy tín của Đảng và các cơ quan nhà nước.

Ban Thường vụ đã nhất trí đánh giá, trên mặt trận phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động và chống tiêu cực trong Đảng và bộ máy nhà nước đã được thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả. Tuy nhiên, cũng còn nhiều đơn vị, ngành, cơ sở xí nghiệp hợp tác xã, trường học, bệnh viện, cửa hàng... chưa thực hiện nghiêm túc, chưa kiên quyết, triệt để, rõ ràng, do đó còn một số vụ kỷ luật, vụ án, nhiều đơn tố cáo, khiếu nại. Nhiều vụ án đã xét xử nhưng chưa được thi hành, để kéo dài, thậm chí lãng quên,

bỏ qua, làm giảm lòng tin của quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu là còn quan liêu, hữu khuynh nặng, không kiên quyết, thiếu sự phân công phân cấp quản lý giải quyết một cách hợp lý và phối hợp chặt chẽ, đơn từ dồn lên cấp trên quá nhiều mà nội dung sự việc thì giản đơn nhưng cơ sở không quan tâm giải quyết, v.v..

Hưởng ứng “Những việc cần làm ngay” của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

1- Các cấp lãnh đạo Đảng, Ủy ban nhân dân, các ban, ngành, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở làm ngay những việc sau đây:

- Quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế và đổi mới phong cách, phát động phong trào hưởng ứng “Những việc cần làm ngay” trong toàn ngành, đơn vị, địa phương mình, kiểm điểm sâu sắc tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xác định những khâu quan trọng, việc quan trọng, còn trì trệ để có biện pháp tháo gỡ và đẩy mạnh thực hiện, quyết tâm hoàn thành kế hoạch năm 1987, kịp thời phát huy những nhân tố mới, những đơn vị tháo gỡ được khó khăn đẩy mạnh sản xuất kinh doanh... đi đôi với các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và chống tiêu cực trong Đảng và tổ chức nhà nước, cũng như tiêu cực trong nhân dân. Trước mắt làm ngay những việc sau:

+ Rà soát ngay những khâu ách tắc, những đơn vị và cá nhân gây ách tắc trong sản xuất, lưu thông để có biện pháp tháo gỡ ngay, thông báo công khai trên báo, Đài Phát thanh để quần chúng biết và đấu tranh thực hiện, đơn vị nào làm tốt thì biểu dương kịp thời.

+ Từng đơn vị rà soát lại ngay những đơn khiếu nại, tố cáo, những vụ tiêu cực tồn đọng từ khi thực hiện Chỉ thị 79, những vụ mới phát sinh như tham ô, ăn cắp, ăn hối lộ, buôn lậu (kể cả buôn lậu qua biên giới), trốn thuế, phá rừng, gây cản trở giao thông, gây mất vệ sinh công cộng, chiếm dụng đất đai... để điều tra xem xét và xử lý kịp thời, nhất là những vụ việc tồn đọng kéo dài. Phân công cán bộ phụ trách rà soát giải quyết dứt điểm.

2- Các cơ quan thuộc Khối Nội chính, Trọng tài Kinh tế, Ủy ban kinh tế, Ban Tổ chức Đảng các cấp làm ngay những việc sau (bảo đảm hoàn thành cơ bản trong quý III năm 1987).

- Rà soát lại toàn bộ các vụ kỷ luật tồn đọng, các vụ án tồn đọng, các vụ kiện vi phạm hợp đồng tồn đọng, các vụ án đã xét xử nhưng chưa thi hành án, có kháng cáo kháng nghị, đã đình cứu, miễn tố hoặc đã xét xử nhưng có nhiều ý kiến không đồng tình để có biện pháp và nếu cần thì kiến nghị lên cấp trên giải quyết, bảo đảm đúng pháp luật.

- Rà soát lại ngay các đơn vị tố cáo, khiếu nại còn tồn đọng và những vụ việc mới phát sinh tập trung giải quyết những vụ tồn đọng kéo dài, đồng thời chọn những vụ đích đáng giải quyết ngay.

- Việc điều tra xem xét phải bảo đảm trung thực, khách quan, toàn diện, kiên quyết, dân chủ, tập thể, công khai, bảo đảm công minh, phòng và chống mọi tiêu cực có thể xảy ra.

- Mở ngay đợt tuyên truyền sâu rộng về pháp luật, nhất là những vấn đề đang có nhiều vi phạm, tội phạm, về trách nhiệm và quyền hạn của người tố cáo, khiếu nại và người bị khiếu nại, tố cáo phải khách quan trung thực với tinh thần đấu tranh xây dựng, tránh lợi dụng, sai phải chịu trách nhiệm.

- Từng ngành, cấp phải phân công phân cấp giải quyết rõ ràng để bảo đảm kịp thời và tránh trùng lặp hoặc bỏ sót vụ việc.

3- Báo Hoàng Liên Sơn, Đài Phát thanh, Truyền thanh phát huy chức năng và trách nhiệm để phục vụ đắc lực cho chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hướng ứng “Những việc cần làm ngay”, bảo đảm trung thực, thiết thực, nhất là những vụ việc có tác dụng giáo dục cao trong chống tiêu cực, đồng thời biểu dương những nhân tố mới, những đơn vị, cá nhân sửa chữa tốt.

- Những đơn vị, cá nhân có vụ việc nêu trên báo, đài phải trả lời chậm nhất 15 ngày, nếu vì sự việc phức tạp, chưa làm rõ được cũng phải thông báo trả lời và hạn thời gian trả lời.

4- Để bảo đảm thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, tránh bệnh hình thức, nhất thời và vô trách nhiệm, các cấp, các ngành cần nhận thức đúng đắn trên tinh thần đổi mới, kiên trì, kiên quyết, có tổ chức lãnh đạo, phân công, phân cấp cụ thể, có hạn định thực hiện và báo cáo, có kiểm tra chặt chẽ để động viên đông đảo cán bộ, chiến sĩ và nhân dân hưởng ứng thiết thực, gắn liền lời nói với việc làm.

Yêu cầu các đồng chí thủ trưởng các cấp tổ chức thực hiện đúng tinh thần trên đây và ngày 30-7-1987 phải báo cáo kết quả triển khai lên Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA TỈNH ỦY

Số ... KH/TU, ngày 23-11-1987

**Về tổ chức thực hiện Nghị quyết 04, Chỉ thị 16
về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức
chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và bộ máy nhà nước,
làm lành mạnh quan hệ xã hội**

Quán triệt Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 16 Ban Bí thư về cuộc vận động... căn cứ vào nhiều mặt của tình hình trong tỉnh, Tỉnh ủy nêu ra kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

1. Phổ biến, quán triệt về cuộc vận động và xây dựng kế hoạch thực hiện ở các cấp, các ngành, đơn vị

a) Phổ biến quán triệt về cuộc vận động...

- Làm cho mọi người hiểu rõ tính chất yêu cầu, phương châm, nội dung, biện pháp tiến hành cuộc vận động. Tạo ra sự nhất trí và quyết tâm cao thực hiện thắng lợi cuộc vận động (phần 2, 3, 4 Nghị quyết 04 Bộ Chính trị), nắm vững cốt lõi yêu cầu cuộc vận động là: Quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, lập lại kỷ cương trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội.

- Về thời gian: Học xong trong tháng 11-1987.

- Ở trong Đảng, các cơ quan nhà nước, ban chấp hành các đoàn thể và các xí nghiệp phải tổ chức học tập quán triệt theo phương

châm từ trên xuống, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, gắn với các đợt học tập Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết Trung ương 2, 3, nơi đã học xong các nghị quyết đó thì mở đợt tiếp quán triệt về cuộc vận động.

- Tài liệu học tập: Chủ yếu nghiên cứu Nghị quyết 04 Bộ Chính trị, Chỉ thị 16 Ban Bí thư, ngoài ra học Chương I, Chương II Điều lệ Đảng, bài Đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bài Lý tưởng cộng sản (Ban Tuyên huấn cung cấp, hướng dẫn).

- Đối với quần chúng ngoài Đảng, ngoài xã hội, nhất là công nhân, viên chức và địa bàn nông thôn, thông qua đội ngũ báo cáo viên và các phương tiện thông tin đại chúng của đơn vị để tuyên truyền phổ biến.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động của các đơn vị:

- Sau khi tập thể lãnh đạo cấp ủy, ban, ngành, lãnh đạo xí nghiệp, đơn vị... học xong thì xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động của đơn vị mình.

- Nội dung kế hoạch: Trước hết kiểm điểm lại tình hình thực hiện chống tiêu cực từ sau thực hiện Chỉ thị 79 đã chuyển biến được những gì? Còn gì tồn tại? vì sao? 2) Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá thực trạng về phẩm chất, các mặt của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, tình hình bộ máy của cấp và đơn vị mình, rút ra những biểu hiện tiêu cực phổ biến và nghiêm trọng là gì? 3) Đề ra cách giáo dục, những nội dung công việc phải làm và biện pháp tiến hành. Chú ý nêu rõ những công việc của cuộc vận động và thúc đẩy nhiệm vụ chính trị cuối năm, nhất là của cấp ngành, đơn vị mình (về cuộc vận động, Chỉ thị 16 và kế hoạch của Tỉnh ủy về nhiệm vụ chính trị theo chương trình công tác của Tỉnh ủy) nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

- Trong kế hoạch chỉ rõ: Số lượng, chất lượng công việc, thời gian phải làm xong, người phụ trách từng công việc đó.

2. Tiến hành khảo sát nắm tình hình

- Mỗi cấp, mỗi ngành và đơn vị trước hết tiến hành việc khảo sát ở trong đơn vị và hệ thống tổ chức thuộc phạm vi cấp, ngành mình quản lý.

- Nội dung khảo sát:

+ Đánh giá, nhận xét thật chuẩn xác đội ngũ cán bộ chủ chốt, Đảng, chính quyền, đoàn thể... về phẩm chất, năng lực, tín nhiệm, giác ngộ, ý thức tổ chức và kỷ luật... sau đó là cán bộ lãnh đạo, rồi đến đảng viên, đội ngũ cán bộ chủ chốt là người phụ trách chỉ đạo cuộc vận động, nên phải khảo sát trước. Nếu có vấn đề không đủ tư cách thì phải thay ngay (bí thư, chủ tịch, phó bí thư thường trực, phụ trách tổ chức, kiểm tra, chánh, phó giám đốc)...

+ Cách khảo sát, dựa vào những tài liệu từ Chỉ thị 79, các tài liệu kiểm tra, thanh tra, những tố cáo, rồi từ đó xem xét một cách khách quan, thận trọng để phân loại ra các loại biểu hiện sai lầm (thoái hóa, biến chất, trù dập, quần chúng, ý thức và năng lực...), tiếp theo xếp ra các vụ việc có tính chất nghiêm trọng và điển hình cần phải xử lý.

+ Phát hiện những cán bộ có phẩm chất, năng lực, tín nhiệm... (nắm chắc lịch sử quá trình) đề xuất cách bồi dưỡng, sử dụng và đề bạt.

- Về chỉ đạo khảo sát, do cấp ủy các cấp phân xét và tổ chức việc khảo sát, sử dụng bộ máy của Đảng và những cán bộ thật tốt phụ trách và làm việc trực tiếp việc khảo sát, nếu có cán bộ trên về cũng chỉ giúp cấp ủy.

- Sau khi khảo sát trong Đảng xong thì khảo sát đội ngũ công nhân, viên chức và cũng làm trình tự như vậy.

- Sơ kết báo cáo về kết quả khảo sát lên trên.

3. Xử lý ngay những vụ tổn động

- Từ những tài liệu của khảo sát đã có, cấp ủy giao cho các cơ quan Kiểm tra, Thanh tra, Tổ chức và các cơ quan Nội chính tùy theo vụ việc tiến hành xác minh, kết luận chính xác từng vụ việc.

- Sau khi có tài liệu kết luận của các cơ quan chức năng, cấp ủy họp xem xét và có chương trình giải quyết ngay từng vụ việc, mời cán bộ, đảng viên có vụ việc ấy kiểm điểm trước cấp ủy, rồi kiểm điểm trước chi bộ và lấy ý kiến của chi bộ về các hình thức kỷ luật.

- Sau khi đã làm đủ các thủ tục rồi, cấp ủy họp quyết định các hình thức kỷ luật theo Điều lệ Đảng và pháp luật, những vụ lớn, nghiêm trọng, điển hình, kỷ luật song xét thấy sai lầm đó có tính giáo dục thì thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng để toàn dân biết.

- Đối tượng chính cần xử lý ngay là:

Những phần tử thoái hóa, biến chất trong bộ máy Đảng, Nhà nước và bọn làm ăn phi pháp ngoài xã hội, kể cả cán bộ lãnh đạo và công nhân, viên chức... tập trung vào các đối tượng ở các đơn vị nắm nhiều tiền, hàng (lương thực, vật tư chiến lược, giao thông vận tải, xuất nhập khẩu), những người quan hệ (lái xe, thủ kho) và các lực lượng liên quan đến sinh mệnh chính trị của con người, mặt khác kiên quyết xóa bỏ các biểu hiện tiệt tòng, họp hành, tổng kết, biểu xén, chia tài sản, quỹ đen, sử dụng nhà cửa, xe cộ không hợp lý... ở từng đơn vị theo quy định của Nhà nước.

- Đối với cán bộ chủ chốt, nếu có vấn đề sai phạm nghiêm trọng, không đủ các điều kiện để làm việc thì phải thay ngay và tiến hành xử lý nghiêm túc. Để xử lý phải rất thận trọng, chuẩn xác và theo đúng nguyên tắc và các thủ tục Đảng và Nhà nước.

- Những cán bộ, đảng viên nếu phát hiện có vấn đề xử lý chính trị thì cũng phải xem xét để kết luận ngay (giao cho công tác bảo vệ Đảng xem xét).

- Đối với cán bộ, công nhân viên Nhà nước, cả ngoài xã hội có vi phạm thì cũng đồng thời xử lý.

4. Kiểm tra, rà soát và kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt

- Bước vào cuộc vận động, trước hết phải kiểm tra, rà soát lại đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành thuộc phạm vi phụ trách. Về đội ngũ cán bộ chủ chốt là người chỉ đạo cuộc vận động trực tiếp ở cơ sở.

Cách rà soát: Dựa vào những tài liệu tích lũy được, tài liệu của kiểm tra, điều tra của các cơ quan chức năng, những tài liệu tố cáo của cán bộ, đảng viên, quần chúng. Hỏi nơi công tác, nơi ở... để đánh giá nhận xét một cách thận trọng có đủ các chứng cứ (để phòng bọn cơ hội lợi dụng, xem xét theo quan điểm lịch sử, khách quan, toàn diện, có trách nhiệm).

- Sau khi kết luận, nếu cần phải thay thì thay ngay (nếu là sai lầm nghiêm trọng và điển hình) thì xử lý nghiêm túc. Nếu là sai lầm thông thường thì kiểm điểm làm rõ mức độ, định kế hoạch sửa chữa, giải quyết tư tưởng thanh thoát rồi cùng tập thể tham gia chỉ đạo cuộc vận động.

- Đồng thời với việc rà soát đội ngũ cán bộ chủ chốt đương chức, phải tích cực phát hiện những cán bộ, đảng viên tốt về phẩm chất, năng lực, ý thức và có tín nhiệm thì có kế hoạch bồi dưỡng, sử dụng, đào tạo, đề bạt... gắn luôn với việc bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ của đơn vị mình.

5. Kiểm tra chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng

a) Kiểm tra chất lượng đảng viên:

- Để tiếp tục nâng cao chất lượng làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, nên việc kiểm tra chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng là một yêu cầu trong cuộc vận động to lớn lần này. Thông qua kiểm tra để xác định tư cách đảng viên và kiên quyết xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật, và có kế hoạch giáo dục chung cho đội ngũ đảng viên.

- Nội dung kiểm tra chất lượng đảng viên là lấy tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên ghi trong Điều lệ Đảng làm căn cứ để xét tư cách đảng viên. Vì vậy, trong cuộc vận động này có một nội dung phải học tập là Điều lệ Đảng (Chương 1 và Chương 2) nhằm quán triệt sâu sắc hơn về nhiệm vụ đảng viên.

- Biện pháp kiểm tra bằng tự kiểm tra, lấy ý kiến quần chúng hoặc bỏ phiếu tín nhiệm của quần chúng, của chi bộ, cấp ủy phân tích và nhận xét để xác định rõ về đảng viên đó.

- Đối với những đảng viên cần xử lý là: thoái hóa, biến chất đưa ngay ra khỏi Đảng, những đảng viên giác ngộ chính trị thấp quần chúng không tín nhiệm... cần đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp, đảng viên có vấn đề chính trị thì giao cho công tác bảo vệ Đảng giải quyết.

Những đảng viên phạm kỷ luật chưa đến mức đưa ra khỏi Đảng thì kiểm điểm nghiêm khắc và định thời gian sửa chữa hoặc phải xử một hình thức kỷ luật để giáo dục nội bộ.

- Xếp loại đảng viên (theo hướng dẫn riêng).

- Đồng thời chú trọng làm tốt công tác phát triển Đảng.

- Cơ sở đảng cần lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng làm tốt việc kiểm tra chất lượng đoàn viên (Tỉnh Đoàn hướng dẫn).

- Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm kiểm tra chất lượng cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước và cũng xử lý tương tự.

b) Kiểm tra phân loại tổ chức cơ sở:

- Kiểm tra tổ chức cơ sở đảng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở theo Điều lệ quy định, kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng, lãnh đạo các tổ chức quần chúng.

- Phân loại chất lượng tổ chức cơ sở (theo hướng dẫn).

6. Chấn chỉnh nền nếp tự phê bình và phê bình, cuối năm 1998 làm một đợt tự phê bình cùng với kiểm tra chấp hành Điều lệ trong toàn Đảng bộ gắn với tổng kết năm công tác.

- Trong quá trình cuộc vận động phải duy trì và chấn chỉnh nền nếp tự phê bình và phê bình thường xuyên gắn với chấn chỉnh sinh hoạt đảng, đưa vào nền nếp. Thông qua kiểm điểm công tác thường xuyên cuối năm 1987 để kịp thời chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, công nhân viên, căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được phân công.

- Cần tiếp tục thực hiện có nền nếp việc quần chúng tham gia phê bình cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước, tham gia xây

dựng Đảng và xây dựng chính quyền. Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng và Hội đồng nhân dân trong việc đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Lãnh đạo tốt việc mở rộng phê bình và tự phê bình công khai trên báo, đài, theo Chỉ thị 15 của Ban Bí thư để phục vụ tốt cho cuộc vận động, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, đồng thời tích cực ủng hộ và động viên những gương người tốt, việc tốt, phổ biến những kinh nghiệm của những nơi làm tốt.

- Với trách nhiệm của từng cấp, từng ngành phải giải quyết kịp thời những thư từ khiếu nại, tố cáo cán bộ, đảng viên, không để dây dưa kéo dài, chần chừ và thực hiện tốt chế độ tiếp dân ở các ngành, các cấp từ tỉnh tới cơ sở, không để mọi thắc mắc quần chúng tất cả đều gửi lên cấp trên.

7. Làm lành mạnh quan hệ xã hội

- Đi đôi với việc làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, cần có kế hoạch tiến hành cuộc vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội, xây dựng lối sống trung thực, giản dị, tiết kiệm, sống bằng lao động của mình, bảo vệ của công, chống lối sống ích kỷ, dối trá, ăn bám, xa hoa, lãng phí, mê tín dị đoan. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống bọn làm ăn phi pháp ngoài xã hội, bọn gây rối trật tự trị an. Đẩy mạnh phong trào quần chúng xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới...

- Giao cho các đoàn thể, các cơ quan nhà nước và quản lý phải có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ các mặt này ở ngoài xã hội.

II. CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Về nhận thức

Đây là cuộc vận động lớn, phạm vi rộng, tiến hành có những thuận lợi, nhưng cũng có nhiều khó khăn. Đây là một cuộc đấu tranh tư tưởng quyết liệt giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ

nghĩa cá nhân, giữa tích cực và tiêu cực, kết hợp chặt chẽ giáo dục tư tưởng với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới phong cách lãnh đạo.

Cuộc đấu tranh này rất phức tạp và có nhiều khó khăn, đa số cán bộ, đảng viên đồng tình ủng hộ, nhưng nhiều người còn chần chừ, còn chưa thật tin tưởng vào kết quả cuộc vận động. Bọn cơ hội vu cáo, xuyên tạc, kẻ địch lợi dụng để chia rẽ phá hoại nội bộ, vì thế cần phải tăng cường chỉ đạo làm tốt việc quán triệt mục đích, yêu cầu, phương châm cuộc vận động và có biện pháp chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời uốn nắn những lệch lạc có thể xảy ra.

2. Quy trách nhiệm lãnh đạo

- Tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp chịu trách nhiệm lãnh đạo cuộc vận động, Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực các cấp ủy chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ, thường xuyên chỉ đạo sát sao cuộc vận động.

- Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh và Thường trực Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp chỉ đạo các cơ quan nhà nước tiến hành cuộc vận động và giải quyết kịp thời những công việc thuộc trách nhiệm Nhà nước.

- Các ngành ở tỉnh, đồng chí trưởng ngành chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước chỉ đạo cuộc vận động thuộc ngành mình, đồng thời phối hợp với các huyện, thị chỉ đạo cuộc vận động ở các cơ sở, các ngành đóng tại các huyện, thị và có kế hoạch hướng dẫn cuộc vận động trong toàn ngành. Đảng bộ ở các cơ quan có trách nhiệm cùng với thủ trưởng cơ quan chỉ đạo thực hiện cuộc vận động cơ quan.

- Các ban, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp việc Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi tổng hợp tình hình, hướng dẫn kiểm tra và giải quyết những công việc theo chức năng của mỗi ban và Văn phòng Tỉnh ủy.

3. Làm điểm

a) Điểm của tỉnh:

- Tỉnh chọn các huyện Bảo Thắng, Văn Chấn, Công ty Vật tư tổng hợp, Công ty Bách hóa tỉnh, Ngân hàng, thị xã Yên Bái là điểm của tỉnh. Trong các huyện Văn Chấn, Bảo Thắng sẽ chọn 2- 3 điểm cơ sở để làm điểm của tỉnh.

b) Điểm của huyện, thị, ngành... thì đơn vị tự chọn, và cũng chọn 2- 3 điểm trực thuộc quyền quản lý. Điểm nên hướng vào những ngành nắm nhiều tiền, hàng, chọn các đơn vị khá, trung bình và yếu, cử những cán bộ tốt xuống các điểm giúp đỡ cấp ủy ở đó tiến hành.

4. Quy định về thời gian

Cuộc vận động này có ý nghĩa to lớn, quan trọng về nhiều mặt, tiến hành trong một thời kỳ dài từ nay đến hết năm 1989, rồi chuyển sang thường xuyên.

- Từ tháng 11-1987 đến 20-12 học xong và khảo sát xong ở các điểm chỉ đạo.

- Từ cuối tháng 12-1987 đến tháng 3-1988 tiến hành ở các điểm và xử lý tồn đọng, sơ kết rút kinh nghiệm.

Trên đây là kế hoạch chung cho toàn tỉnh, từng cấp, từng ngành và đơn vị cần căn cứ vào kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị mình. Trong quá trình tiến hành phải thường xuyên báo cáo về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
HOÀNG LIÊN SƠN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-TT/TU, ngày 9-12-1986

Về việc biên soạn lịch sử chiến tranh nhân dân và truyền thống đấu tranh cách mạng trong các thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975)

Trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và vẻ vang của nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở tỉnh ta không ngừng được xây dựng, củng cố và phát triển một cách toàn diện, mạnh mẽ, nhất là về xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ (...).

Trong suốt quá trình cách mạng oanh liệt và vẻ vang đó, Đảng bộ và quân dân các dân tộc tỉnh ta đã không ngừng đoàn kết, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân lâu dài và anh dũng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của cả nước. Đó là chặng đường lịch sử quý giá góp phần quan trọng vào truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, với những kinh nghiệm phong phú, sinh động gắn liền với lịch sử của Đảng bộ tỉnh ta, cần phải được tổng kết và phát huy từ nay về sau. Việc đó còn có ý nghĩa thiết thực trong công tác giáo dục phát huy truyền thống vào việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của tỉnh ta trong những năm tới.

1. Mục đích yêu cầu

- Phải bảo đảm đúng đường lối chính trị, quân sự của Đảng trong từng thời kỳ được cụ thể hóa cho sát hợp với tình ta, bảo đảm tính khách quan, toàn diện, tính Đảng, tính quần chúng, tính giáo dục sâu sắc trong việc xây dựng lực lượng vũ trang và chiến đấu chống xâm lược, giải phóng và bảo vệ địa phương.

- Tổng kết được những bài học kinh nghiệm trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân địa phương, nhằm phát huy truyền thống, kinh nghiệm vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới, chống chiến tranh phá hoại, sẵn sàng chống chiến tranh lấn chiếm và chiến tranh xâm lược của bọn phản động (...).

- Việc biên soạn lịch sử chiến tranh nhân dân và truyền thống cách mạng phải được tiến hành từ xã, huyện, thị xã đến tỉnh và từ đó biên soạn văn bản truyền thống từng cấp, từng đơn vị, bảo đảm tập trung, nhanh gọn, phục vụ kịp thời nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của đơn vị và của các cấp.

2. Nhiệm vụ và thời gian

Việc biên soạn lịch sử chiến tranh nhân dân và truyền thống đấu tranh cách mạng cần phấn đấu để đến năm 1990 hoàn thành ở cấp tỉnh, cấp huyện, thị và cấp xã, phường, dự kiến phân chia cụ thể như sau:

- Trong 2 năm 1987-1988 biên soạn xong tập I viết về giai đoạn chống thực dân Pháp (1945-1954).

- Trong 2 năm tiếp theo (1989-1990) biên soạn xong tập II viết về giai đoạn chống Mỹ (1955-1975).

Đồng thời với việc trên phải biên soạn văn bản truyền thống đấu tranh cách mạng của địa phương mình, sưu tầm hiện vật và từng bước xây dựng nhà truyền thống của địa phương (tỉnh, huyện, xã) bảo đảm có trọng điểm và do nhân dân tự làm là chính.

3. Để hoàn thành tốt những công tác lớn nói trên

Các cấp ủy phải lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ để bảo đảm đạt được yêu cầu đề ra, bảo đảm đúng đường lối của Đảng và hoàn thành nhanh gọn và xét duyệt các văn kiện biên soạn dự thảo để bảo đảm chất lượng và yêu cầu.

- Cơ quan quân sự tỉnh, huyện, thị xã và xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, bố trí cán bộ và hướng dẫn, bồi dưỡng cán bộ để biên soạn và làm tốt nhiệm vụ nói trên.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy chỉ đạo công tác này, bộ phận nghiên cứu lịch sử của Ban Tuyên giáo, Sở Văn hóa thông tin phải phối hợp chặt chẽ để làm tốt công tác này.

- Trong quá trình tiến hành cần có trọng tâm trọng điểm, chỉ đạo tập trung, động viên các lực lượng, nhất là các đồng chí cán bộ lão thành am hiểu về công tác này tích cực tham gia vào việc sưu tầm tư liệu, biên soạn lịch sử và truyền thống của địa phương.

- Chỉ tiêu cho công tác này dựa vào ngân sách địa phương cấp, song phải hết sức tiết kiệm, bảo đảm có hiệu quả thiết thực. Việc xây dựng nhà truyền thống phải động viên nhân dân địa phương làm là chính, làm từng bước, có trọng điểm, tránh hình thức phô trương, lãng phí.

Yêu cầu các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành chỉ đạo chặt chẽ đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-NQ/TU, ngày 9-12-1987

**Về việc xây dựng và củng cố tổ chức,
đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế trong các
hợp tác xã nông nghiệp**

**I. TÌNH HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP
CỦA TỈNH TA HIỆN NAY**

Sau gần 30 năm tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông thôn, phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh ta về cơ bản đã được xác lập ở vùng thấp và ở một số nơi ở vùng cao, đến nay theo số liệu thống kê toàn tỉnh có 776 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 89,2% hộ nông dân tham gia, trong đó vùng thấp có 369 hợp tác xã tỷ lệ 98,6%, vùng cao 407 hợp tác xã tỷ lệ 70%. Song nhiều hợp tác xã chỉ là hình thức, nhất là các hợp tác xã vùng cao, chúng ta chưa đi vào tổng kết, nay sơ bộ đánh giá lại thì thực tế tỉnh ta chỉ có 550 hợp tác xã có nội dung kinh tế tập thể, còn 226 hợp tác xã mới chỉ là hình thức, trong số hợp tác xã có nội dung: loại khá và tiên tiến chiếm 33%, loại trung bình 35%, loại yếu kém 32%.

Trải qua một quá trình vừa xây dựng vừa củng cố, với nhiều cuộc vận động liên tục, phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh ta tuy có lúc lên, lúc xuống ứng với từng giai đoạn lịch sử, nó đã có

tác dụng tích cực, thể hiện bản chất tốt đẹp và sức mạnh của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Từ khi có Nghị quyết 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) và tiếp đó là Chỉ thị 100 và các chỉ thị khác về nông nghiệp của Ban Bí thư, phong trào hợp tác xã nông nghiệp chuyển qua một giai đoạn mới, 550 hợp tác xã lần lượt thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, trong đó 100% hợp tác xã khoán cây lúa, 41,2% hợp tác xã mở rộng khoán đến các cây, con, ngành nghề khác ở nhiều mức độ khác nhau.

Qua 6 năm thực hiện có thể khẳng định: Khoán sản phẩm là một hình thức quản lý tiến bộ, có tác dụng giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển, sản phẩm xã hội tăng, thu nhập của đa số hộ nông dân xã viên tăng lên, đời sống được cải thiện, sản phẩm hàng hóa Nhà nước thu mua ngày càng được nhiều; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt: chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm cũng được củng cố một bước theo phương hướng quản lý đổi mới.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh ta trong những năm gần đây còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém:

- Số hợp tác xã trung bình và yếu kém còn chiếm tỷ lệ gần 70%, quy mô hợp tác xã và đội sản xuất một số nơi chưa phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ, địa bàn sản xuất, địa bàn dân cư, phương hướng sản xuất của nhiều hợp tác xã còn nặng về tự cung tự cấp, độc canh cây lúa, việc phát triển các cây, con, ngành nghề còn hạn chế, trong lúc đó đáng chú ý là: nghề rừng, một thế mạnh của miền núi, nhưng các hợp tác xã vẫn chưa có ý thức và hướng sản xuất kinh doanh rõ rệt, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chế biến nông, lâm sản xuất trong nông nghiệp nông thôn còn quá nghèo nàn, kinh tế nông nghiệp chưa gắn với lâm nghiệp, kinh tế nông lâm nghiệp chưa gắn với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, kinh tế tập thể hợp tác xã chưa liên kết chặt chẽ với kinh

tế quốc doanh trong vùng và kinh tế gia đình xã viên trong cùng hợp tác xã nhằm khai thác tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề sẵn có của địa phương.

- Việc chỉ đạo thực hiện khoán sản phẩm còn nhiều thiếu sót khuyết điểm như: Khoán không đồng bộ, cách giao khoán còn mang tính chất bình quân, cách khoán giữa các cây trồng - vật nuôi - ngành nghề chưa có sự tương quan hợp lý, phân công lao động và điều hành các khâu trong quá trình sản xuất bị buông lỏng, dẫn đến khoán trắng ở nhiều mức độ khác nhau nhưng là phổ biến.

- Các mặt công tác quản lý kinh tế trong các hợp tác xã như: Quản lý tư liệu sản xuất, tài sản, tiền vốn, vật tư, sản phẩm và lao động bị buông lỏng, dẫn đến tư liệu sản xuất và tài sản của hợp tác xã một phần bị hư hao mất mát, một phần chưa có hình thức quản lý thích hợp nên chưa đem lại hiệu quả kinh tế cao, nguồn vốn của hợp tác xã bị chiếm dụng do nợ nần và sản phẩm khô đọng lớn. Tệ tham ô, lợi dụng tiền, thóc của hợp tác xã và chi tiêu sai nguyên tắc, sai chế độ đã phổ biến. Tình trạng dơ bẩn công phóng điểm của công việc ngoài khoán rất nghiêm trọng.

- Ăn chia phân phối trong nội bộ hợp tác xã còn rất nhiều bất hợp lý, bao cấp tràn lan và nặng nề, làm cho kinh tế tập thể bị giảm sút, giá trị ngày càng thấp, thu nhập của người lao động từ kinh tế tập thể đem lại chỉ được 30% về giá trị và 50% về lương thực trong tổng số thu của hộ nông dân hằng năm, cây lúa phải bao nhiêu cho các cây, con, ngành nghề khác. Vì thế người làm lúa chỉ được phân phối 20-24% trong tổng số 50% sản lượng để lại ăn chia trong hợp tác xã; một vấn đề thực tế đang đặt ra là hợp tác xã càng kinh doanh tổng hợp giá trị ngày càng thấp.

Do các khuyết điểm nói trên cộng với những khó khăn do thiên nhiên và biến động trong kinh tế, nhất là về giá, trong một vài năm gần đây kinh tế nông, lâm nghiệp của tỉnh ta dường như chững lại và có mặt giảm sút so với năm 1985, nông dân xã viên

thiếu phần khởi sản xuất, họ không muốn nhận nhiều ruộng khoán của hợp tác xã, thậm chí có nơi xã viên đã trả lại ruộng khoán.

Mỗi một thiếu sót khuyết điểm nói trên đều có nguyên nhân cụ thể, song nguyên nhân chủ yếu bao trùm của mọi nguyên nhân đó là:

1. Trong suốt một thời gian dài chúng ta nhận thức về đặc điểm của các bước đi ban đầu trong thời kỳ quá độ từ nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ, nhận thức về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về xây dựng củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông thôn còn giản đơn, nặng về xác định chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, chưa thấy hết tầm quan trọng của cơ chế quản lý và phân phối sản phẩm, cũng như tác dụng của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, vì thế trong chỉ đạo thực hiện đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng như muốn quốc doanh hóa và tập thể hóa triệt để, vận dụng hình thức tổ chức và nội dung quản lý hợp tác xã ở miền núi còn rập khuôn máy móc, xây dựng các hợp tác xã vùng cao một cách hình thức, đưa quy mô hợp tác xã lên một cách ào ạt... từ đó làm cho các cơ sở sản xuất trong nông nghiệp có nhiều yếu tố không phù hợp, tách rời với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất của một tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc, nền kinh tế còn mang nặng tính chất tự nhiên, tự cung, tự cấp.

2. Các chính sách kinh tế của Nhà nước đối với nông nghiệp và nông dân về đầu tư, giá cả, tỷ lệ hàng đổi lưu còn nhiều bất hợp lý nhưng chậm được nghiên cứu bổ sung hoặc sửa đổi có ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất, đến tinh thần phấn khởi của nông dân và công tác quản lý của hợp tác xã.

3. Công tác chỉ đạo nông nghiệp từ tỉnh đến huyện và cơ sở còn nhiều khuyết điểm, trách nhiệm của các cấp, các ngành chỉ đạo nông nghiệp chưa rõ, trách nhiệm các ngành phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa cao, phương thức hoạt động còn chịu ảnh hưởng

sâu sắc của chế độ quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, gây nhiều ách tắc, phiền hà cho sản xuất, cơ sở.

4. Bộ máy quản lý nông nghiệp từ tỉnh đến huyện và hợp tác xã vừa công kênh vừa phân tán và kém năng động. Đội ngũ cán bộ (nhất là ở cơ sở) vừa thiếu vừa không đồng bộ, năng lực trình độ quản lý kém, một bộ phận thiếu tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức sa sút không được quần chúng tín nhiệm, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng lại ít được quan tâm.

II. CHỦ TRƯỞNG VỀ XÂY DỰNG Củng Cố HỢP TÁC XÃ VÀ ĐỔI MỚI MỘT BƯỚC CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ TRONG CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Trong khi chờ đợi Trung ương Đảng có nghị quyết về “Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông lâm nghiệp”, căn cứ vào tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và tình hình đặc điểm của tỉnh ta, một tỉnh miền núi biên giới, có nhiều huyện, xã vùng cao, nhiều dân tộc, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp và không đồng đều... Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra một số chủ trương cụ thể về xây dựng và củng cố hợp tác xã, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế các hợp tác xã nông nghiệp trong những năm trước mắt nhằm mục đích:

1. Hoàn chỉnh quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, củng cố quan hệ sản xuất ngày càng vững chắc, phát huy tính hơn hản của quan hệ sản xuất mới, thể hiện về năng suất lao động, năng suất cây trồng - vật nuôi và hiệu quả đồng vốn kinh doanh, củng cố và phát huy thành quả của cách mạng dân tộc dân chủ và những nhân tố cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tạo tiền đề cơ sở vật chất - kỹ thuật để từng bước đưa nền kinh tế tỉnh ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Khơi dậy mọi tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề của các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất, tạo ra sự chuyển biến thật sự về cơ cấu kinh tế trong từng hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp cả nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong nông nghiệp và nông thôn đi lên sản xuất hàng hóa, kết hợp kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình và kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ trong mối quan hệ sản xuất thống nhất, trong đó kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo.

3. Tạo sức mạnh mới để triển khai thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn Đảng đã đề ra là: Sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Trên tinh thần đó, làm cơ sở phát triển sản xuất công nghiệp, củng cố khối liên minh công nông, củng cố quốc phòng, an ninh, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Để thực hiện được mục đích trên, nhiệm vụ xây dựng củng cố hợp tác xã, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh ta từ nay đến năm 1990 cần tập trung vào các nội dung sau đây:

A. Củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất nông - lâm nghiệp, ngành nghề trong các hợp tác xã

1. Đối với vùng thấp

- Tiến hành rà soát lại quy hoạch, xác định chính xác khả năng đất đai bao gồm đất ruộng, đất màu, đất đồi gò, đất rừng, mặt nước... lao động ngành nghề và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, trên cơ sở đó xác định đúng đắn phương hướng sản xuất trên địa bàn hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp cả nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chế biến nông lâm sản, ngành nghề phải kết hợp thực sự giữa nông và lâm ở tất cả các vùng, các địa bàn từng loại cây trồng, thực hiện sự phân

công hiệp tác sản xuất, liên doanh, liên kết kinh tế giữa hợp tác xã với kinh tế quốc doanh trong vùng, giữa kinh tế hợp tác xã với kinh tế gia đình và kinh tế tư nhân trong cùng một hợp tác xã. Phương hướng sản xuất của hợp tác xã phải phù hợp với phân vùng quy hoạch của tỉnh và huyện. Yêu cầu của việc rà soát quy hoạch cần phải làm rõ đất đai, ngành nghề gì hợp tác xã kinh doanh thực sự có hiệu quả thì hợp tác xã làm, đất đai, ngành nghề mà hợp tác xã chưa thể kinh doanh được, hoặc kinh doanh không có hiệu quả thì để cho kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân sản xuất, hoặc liên kết liên doanh giữa hợp tác xã với gia đình, kinh tế tư nhân cùng sản xuất. Đất đai của nông trường, lâm trường xen kẽ quá gần với dân cư hợp tác xã, nên giao cho hợp tác xã và gia đình xã viên sản xuất.

- Soát xét lại quy mô hợp tác xã, khẳng định những hợp tác xã có quy mô phù hợp sản xuất phát triển để ổn định; điều chỉnh lại quy mô hợp tác xã ở những nơi không phù hợp với địa bàn sản xuất, địa bàn dân cư và năng lực quản lý của cán bộ, đã qua nhiều lần củng cố nhưng vẫn yếu kém trì trệ. Song các huyện, thị phải chỉ đạo chặt chẽ, chắc chắn, thận trọng không gây xáo động lớn, phải tôn trọng quyền làm chủ của tập thể xã viên, bảo đảm phát triển sản xuất, lấy hiệu quả làm mục đích.

2. Củng cố vững chắc đội sản xuất cơ bản, mô hình phổ biến là đội sản xuất tổng hợp quy mô khoảng 50-60 lao động với 15-20 ha đất canh tác là vừa, tuy nhiên các hợp tác xã có diện tích cây chuyên canh lớn, có thể tổ chức một số đội chuyên cây cần thiết như chuyên chè, dưa, trồng rừng, khai thác gỗ, v.v..

- Việc tổ chức các tổ, nhóm chuyên về giống, bảo vệ thực vật, quản lý thủy nông, v.v. trong hợp tác xã hoặc trong đội sản xuất phải phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, địa bàn sản xuất, địa bàn dân cư cũng như trình độ quản lý của cán bộ, lấy hiệu quả làm mục đích, không thể tổ chức một cách hình thức, máy móc.

- Kiện toàn lại Ban quản trị, Ban kiểm soát, đội sản xuất và các bộ môn giúp việc thật gọn, nhẹ, quản lý có hiệu lực, giảm biên chế gián tiếp, chọn lọc, bố trí cán bộ có phẩm chất và có trình độ quản lý. Ban quản trị hợp tác xã nhỏ tối đa 3 người, hợp tác xã quy mô lớn toàn xã không quá 5 người, Ban kiểm soát chỉ 3 người (trong đó có 1 chuyên trách), đội sản xuất chỉ có chỉ có đội trưởng, bố trí 2 bộ môn giúp việc Ban quản trị làm kế hoạch kiêm định mức vật tư, tài vụ kế toán, hợp tác xã nhỏ mỗi bộ môn 3 người, hợp tác xã quy mô lớn không quá 5 người. Hàng năm đại hội tổng kết hợp tác xã, tùy theo tình hình cụ thể, Đại hội đại biểu xã viên có thể quyết định kéo dài thêm nhiệm kỳ của Ban quản trị hoặc chỉ bầu cử bổ sung hay thay đổi một số thành viên cần thiết.

3. Đối với vùng cao

a) Chỉ giữ và củng cố những hợp tác xã thực sự có điều kiện, hợp tác xã có nội dung và có địa bàn và có sản xuất thật ổn định, dân cư ở tập trung và đặc biệt là là cán bộ cốt cán có trình độ quản lý. Ở những nơi này cũng chỉ tổ chức hợp tác xã quy mô nhỏ theo từng thôn, bản, Ban quản trị chỉ đạo thẳng đến hộ gia đình xã viên, không có đội sản xuất, thôn bản lớn có thể chia ra 2-3 hợp tác xã; hợp tác xã vùng cao có thể kinh doanh một hoặc 2 cây trồng có sản phẩm hàng hóa (cây lương thực (nơi có ruộng), cây thuốc, hạt rau giống, chè, v.v.) còn lại nên để cho gia đình xã viên tự sản xuất.

b) Những nơi chưa có đủ điều kiện, quần chúng không tự nguyện không được gò ép nông dân vào hợp tác xã, nơi nào đã tổ chức rồi nhưng chỉ là hình thức phải đưa xuống các hình thức phù hợp hơn như tổ chức đổi công, tổ vận công, tổ đoàn kết sản xuất, v.v.. Nhà nước thông qua các cơ sở quốc doanh sản xuất, quốc doanh dịch vụ, quốc doanh thương nghiệp và hợp tác xã mua bán để bảo đảm “dịch vụ 2 đầu” thẳng với hộ nông dân, hoặc thông qua các tổ đổi công, vận công, tổ đoàn kết sản xuất như: hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp vật tư kỹ thuật, cây, con giống, công cụ, hàng hóa tiêu

dùng, thu mua các nông sản phẩm theo phương thức hàng đổi hàng hoặc mua bán thỏa thuận.

c) Ở địa bàn vùng cao có nông trường, lâm trường, trạm trại nông, lâm nghiệp, hạt bảo dưỡng giao thông, v.v. cần mở rộng hình thức liên kết hiệp đồng từng khâu sản xuất giữa kinh tế quốc doanh thẳng với hộ nông dân trong vùng để thực hiện phương hướng sản xuất đã quy hoạch và kết hợp vận động đồng bào các dân tộc định canh định cư.

B. Hoàn thiện một bước khoán sản phẩm cuối cùng đến tổ, nhóm và hộ gia đình nông dân

1. Mở rộng khoán đồng bộ đến tất cả các cây trồng, vật nuôi, ngành nghề do hợp tác xã kinh doanh đến tổ, nhóm hoặc hộ gia đình nông dân, trong đó hình thức khoán thẳng giữa hợp tác xã với hộ gia đình là hình thức phổ biến, phù hợp với nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, phù hợp với điều kiện sản xuất còn thủ công, gắn được yếu tố con người với tư liệu sản xuất, kết hợp hài hòa giữa kinh tế tập thể với kinh tế gia đình, cần được vận dụng rộng rãi.

2. Tiến hành soát xét lại định mức kinh tế - kỹ thuật và phân hạng đất, xác định năng suất, sản lượng, khoán cho các cây trồng, vật nuôi, ngành nghề phù hợp với ruộng đất, cơ sở vật chất - kỹ thuật và mức độ đầu tư của hợp tác xã, bảo đảm mối tương quan hợp lý giữa các cây trồng, vật nuôi, ngành nghề từ đó công bố ổn định diện tích và sản lượng khoán để gia đình xã viên yên tâm sản xuất, khuyến khích họ bỏ thêm công vật tư để thâm canh tăng vụ vượt khoán càng cao càng tốt, sao cho thâm canh tăng vụ có lợi hơn làm nương du canh.

- Đất ruộng, đất màu sản xuất lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày ổn định đến năm 1990, đất trồng cây công nghiệp dài ngày về diện tích ổn định cả chu kỳ sản xuất, về sản lượng ổn định theo độ tuổi khoảng 5 năm, đất trồng rừng ổn định cả diện tích và

sản lượng theo chu kỳ sản xuất theo từng loại cây trồng, và được quyền thừa kế.

3. Điều chỉnh lại ruộng đất giao khoán theo khả năng lao động và khả năng thâm canh của từng hộ xã viên, hộ có nhiều lao động, nhiều vốn có kinh nghiệm kinh doanh cây lúa giao nhiều diện tích, hộ ít lao động, ít vốn giao ít diện tích, hộ thường khô đọng sản phẩm giao ít diện tích để họ làm đủ ăn và có thể không giao diện tích mà phân công làm từng việc cụ thể, làm việc gì hưởng việc đó, đối với những hộ thấy ở trong hợp tác xã làm ăn khó khăn nếu tự nguyện xin ra, đại hội xã viên xét hợp lý có thể cho ra hợp tác xã.

4. Chấn chỉnh việc phân công hiệp tác lao động và điều hành các khâu trong quá trình sản xuất một cách linh hoạt, lấy hiệu quả làm mục đích, không rập khuôn máy móc, những hợp tác xã quản lý khá, cơ sở vật chất - kỹ thuật bảo đảm có thể tổ chức một số tổ, hoặc nhóm chuyên trong hợp tác xã hay đội sản xuất về giống (nơi không tổ chức được đội, tổ chuyên giống có thể hợp tác xã giao cho hộ chuyên sản xuất giống). Lập các tổ bảo vệ thực vật, thủy nông, v.v. do hợp tác xã hoặc đội trưởng điều hành. Những hợp tác xã chưa có cơ sở vật chất - kỹ thuật, địa bàn sản xuất và dân cư phân tán, trình độ quản lý còn thấp, có thể giao tất cả các khâu công việc cho hộ gia đình xã viên làm, Ban quản trị lo tổ chức dịch vụ tất cả các loại vật tư kỹ thuật cung cấp cho hộ gia đình sản xuất, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, lo cung ứng kịp thời các yếu tố vật chất kỹ thuật cho sản xuất như: giống, phân hóa học, thuốc trừ sâu, sức kéo... không buông trôi khoán trắng để mặc cho gia đình xã viên tự lo.

5. Cải tiến khoán sản phẩm gắn với việc xác định ngay từ đầu mức phân phối bằng hiện vật (đối với cây lúa, cây màu...) hoặc bằng giá trị đối với cây, con có tính chất sản xuất hàng hóa, ngành nghề cho người lao động theo định mức công việc được giao và chi phí sản xuất được khoán. Mức phân phối phải được xác định phù hợp với từng loại cây, con, ngành nghề, từng loại đất (địa tô I) và

loại hình hợp tác xã, trong đó phải ưu tiên mức phân phối bằng hiện vật cho người làm lương thực một cách thỏa đáng.

6. Khoán trong sản xuất đồng thời phải khoán cho cả bộ máy quản lý và các hoạt động công tác khác trong hợp tác xã theo khối lượng và chất lượng công việc được giao, căn cứ vào mức độ hoàn thành trả phụ cấp theo tỷ lệ tương xứng, khắc phục tình trạng trả phụ cấp quản lý theo kiểu hành chính như hiện nay.

C. Đổi mới một bước công tác quản lý kinh tế khác trong các hợp tác xã nông nghiệp

1. Đối với quản lý tư liệu sản xuất

a) Các hợp tác xã phải soát xét lại quy hoạch, đánh giá đầy đủ và chính xác khả năng đất đai bao gồm: Ruộng nước, đất đồi gò, đất rừng, mặt nước, v.v.. Thông qua khoán phải giao được quyền làm chủ cụ thể cho hộ gia đình xã viên, bảo đảm mỗi mảnh đất, mỗi quả gò, mỗi khu rừng, mặt nước trong địa giới, hợp tác xã đều phải có xã viên đại diện cho tập thể hợp tác xã làm chủ cụ thể.

- Đất hợp tác xã sản xuất kinh doanh giao khoán cho hộ xã viên như Điểm 2 Mục B xã viên phải quản lý làm cho đất đai ngày càng màu mỡ và giữ nguyên về diện tích được giao.

- Đất hợp tác xã chưa qua sử dụng (kể cả đất đồi, gò, đất rừng, mặt nước). Ngoài số diện tích hợp tác xã có kế hoạch kinh doanh còn lại phải giao cho gia đình xã viên và hộ tư nhân sản xuất, công bố cho họ thời gian sử dụng để họ yên tâm sản xuất, đất ruộng, đất màu trồng cây lương thực có thể 5 năm hoặc lâu hơn tùy theo từng loại đất, đất trồng rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả giao ổn định một chu kỳ sản xuất và có quyền thừa kế, một số diện tích ao, hồ, đồi cọ, vườn cây lâu năm trước đây đã tập thể hóa nhưng hợp tác xã quản lý kinh doanh tập trung, không có hiệu quả, nay nên giao khoán cho gia đình xã viên sản xuất, trường hợp quá phân tán kinh doanh không hiệu quả có thể trả lại cho gia đình xã viên làm.

b) Đối với trâu, bò cày kéo của tập thể, từng hợp tác xã phải tính toán cân đối để đủ với diện tích canh tác, nếu thừa chuyển bán lại cho gia đình xã viên nuôi, hợp tác xã thu hồi vốn mua sắm tài sản khác (ưu tiên bán cho gia đình không có sức kéo). Số còn lại hợp tác xã phải khoán cho gia đình xã viên chăn nuôi, hợp tác xã trả công chăn dắt hàng vụ, hàng năm thể hiện luôn trong khoán, nếu là trâu cái sinh sản đẻ ra trâu nghé người nuôi được 1 con, hợp tác xã 1 con, ưu tiên cho người nuôi được chọn trước. Nếu cân đối thấy còn thiếu sức kéo hợp tác xã không nhất thiết mua thêm trâu mà nên sử dụng trâu của gia đình xã viên cày bừa trên ruộng khoán của họ, hợp tác xã trả công bằng giá trị thể hiện trong hợp đồng khoán làm cây đó. Đối với hợp tác xã vùng cao, vùng thiếu đói cỏ chăn dắt như đồng bằng Văn Chấn nên chuyển dần đàn trâu, bò tập thể cho gia đình xã viên chăn nuôi, hợp tác xã thu hồi vốn mua sắm tài sản khác, việc cày bừa do hộ gia đình sử dụng trâu của họ, hợp tác xã trả công luôn trong khoán.

c) Đối với các cơ sở vật chất - kỹ thuật như: Công trình thủy lợi, mương máng tưới tiêu, nhà kho, sân phơi, chuồng trại, lò gạch, lò vôi, máy móc, phương tiện vận tải, v.v. hợp tác xã cần đánh giá lại, cái gì không phát huy được tác dụng trong sản xuất phải thanh lý để thu hồi lại vốn, cái gì có tác dụng nhưng hư hỏng phải cho sửa chữa lại, tất cả những thứ còn sử dụng cần phải giao khoán cho tổ, nhóm hoặc hộ gia đình xã viên gắn trách nhiệm, quyền lợi một cách cụ thể với khoán sản phẩm, không để chung chung “của hợp tác xã”.

d) Các gia đình xã viên tự mua sắm công cụ thường: Dao các loại, cuốc ruộng, liềm hái, khuyến khích gia đình xã viên hoặc các gia đình xã viên hợp tác với nhau để có vốn mua sắm thêm công cụ cải tiến, máy móc canh tác loại nhỏ, máy chế biến nông, lâm sản, phương tiện vận tải để vừa làm ruộng khoán của hợp tác xã vừa làm kinh tế gia đình, vừa có thể kinh doanh cho các gia đình khác không có đủ công cụ ở cả trong và ngoài hợp tác xã thuê theo giá cả

hai bên thỏa thuận. Đối với các nông cụ khác như cày, bừa, xe cải tiến... hợp tác xã nên giao khoán cho các hộ về thời gian sử dụng và quản lý nhằm phát huy hiệu quả.

2. Thực hiện hạch toán đủ và đúng giá thành sản xuất từng loại sản phẩm, cải tiến cách phân phối ăn chia trong nội bộ hợp tác xã

a) Tính đúng, đủ và hợp lý giá thành từng loại sản phẩm:

- Xác định đúng giá trị tài sản cố định, trích khấu hao tài sản cố định và sửa chữa lại đúng tỷ lệ hướng dẫn của Bộ Tài chính và phù hợp với giá cả Nhà nước điều chỉnh trong từng thời gian.

- Vật tư sản xuất nếu do Nhà nước cung cấp hạch toán theo giá đối lưu, nếu hợp tác xã tự lo thì hạch toán theo giá thực tế mua cộng với cước phí vận chuyển hợp lý.

- Phần nộp thuế, thủy lợi phí, bảo vệ thực vật hạch toán theo giá quy định của Nhà nước.

- Phần hiện vật phân phối trong nội bộ hạch toán theo giá bảo đảm kinh doanh.

- Chi phí quản lý phân bổ, chi trả lãi vay tiền ngân hàng hạch toán vào giá thành sản phẩm.

b) Xác định giá phân phối nội bộ:

Để bảo đảm cho hợp tác xã kinh doanh có lãi, giá phân phối nội bộ trong hợp tác xã bằng giá bảo đảm kinh doanh do Nhà nước quy định cho từng vùng và từng thời gian. Chấm dứt tình trạng giá phân phối nội bộ thấp hơn giá thành sản xuất kéo dài trong nhiều năm qua làm cho hợp tác xã ăn dần cả vào vốn.

c) Xóa bỏ cách ăn chia phân phối chung chuyển sang cách phân phối theo kết quả sản xuất của từng ngành gắn với khoán sản phẩm (vòng 1), xóa bỏ cách phân phối theo ngày công (vòng 2) chuyển sang phân phối theo số lượng sản phẩm hoặc giá trị sản phẩm giao nộp nhằm loại bỏ ngành này hoặc ngành kia, loại trừ tận gốc công không, công dong, công phóng điểm.

Đối với hợp tác xã vùng cao do trình độ quản lý còn thấp chỉ áp dụng hình thức (khoán gọn) chia luôn cho người lao động ngay một vòng khi hợp đồng khoán; phần còn lại để đóng thuế, phụ cấp cán bộ và trích nộp một số quỹ công ích dự phòng, v.v..

3. Kiên quyết xóa bỏ tình trạng bao cấp tràn lan trong hợp tác xã trước hết là các khâu chủ yếu

a) *Xác định nội dung công dự phòng và khống chế định mức công dự phòng ngoài khoán* do Ban quản trị điều hành tối đa không quá 10% so với công trực tiếp sản xuất được xác định trong hợp đồng khoán từng loại sản phẩm.

b) Khống chế tỷ lệ chi trả công gián tiếp quản lý tối đa bằng 2% tổng giá trị sản lượng (bao gồm cả hiện vật và tiền).

c) Công lao động xã hội theo nghĩa vụ đối với lao động trong tuổi từ nay trở đi do Ủy ban nhân dân xã huy động và quản lý sử dụng, công dân nào không chấp hành do Ủy ban nhân dân xã xử lý cho đóng tiền hay thóc để Ủy ban nhân dân xã trả cho người đi thay, không chuyển sang trừ trên phương án ăn chia của hợp tác xã như từ trước tới nay.

d) Nhà trẻ, mẫu giáo trạm xá, v.v. của hàng, hằng vụ, hằng năm hợp tác xã trích một chân quỹ công ích để trợ cấp, còn thiếu phân bổ cho gia đình có con gửi trẻ, gửi mẫu giáo, người ốm nằm trạm xá đóng góp, không quy định bình quân cho mỗi người đóng góp và không trừ trên phương án ăn chia của hợp tác xã.

đ) Từng hợp tác xã phải soát xét lại các đối tượng được hưởng chính sách điều hòa lương thực, phân loại cụ thể từng đối tượng A,B,C, căn cứ vào chính sách chung và tình hình kinh tế của hợp tác xã để xác định mức điều hòa cho hợp lý trên nguyên tắc: tổng mức điều hòa không vượt quá 2,5% sản lượng khoán, bảo đảm điều hòa đủ định suất cho cán bộ chủ chốt xã, bản, điều hòa cho thân nhân liệt sĩ (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con), bản thân thương binh nếu gia đình có mức ăn thấp hơn mức bình quân của hợp tác xã,

còn lại mới điều hòa cho các đối tượng khác. Giá điều hòa phải bằng giá kinh doanh của Nhà nước quy định, có thể giành một ít ruộng đất giao cho gia đình thuộc diện đối tượng được hưởng chính sách làm, đóng thuế cho Nhà nước còn lại gia đình thu thêm hợp tác xã không điều hòa nữa.

e) Xóa bỏ việc để 10% lương thực cho chăn nuôi tập thể một cách bình quân mà phải tùy theo tình hình cụ thể hợp tác xã có kinh doanh chăn nuôi tập thể hay không, quy mô kinh doanh lớn hay nhỏ mà dành tỷ lệ phù hợp, nếu không có chăn nuôi tập thể chỉ được để 1-2% sản lượng khoán để hỗ trợ cho các gia đình có chăn nuôi lợn nái, lợn đực giống.

g) Từ nay trở đi chấm dứt việc lấy tiền, thóc sản phẩm của hợp tác xã để tổ chức hội nghị Đảng, chính quyền, các đoàn thể và các hoạt động công tác khác ở cơ sở không có liên quan trực tiếp đến sản xuất (kể cả các hội nghị của các cấp, các ngành tổ chức ở hợp tác xã).

h) Việc chi tiêu hội nghị, tiếp khách, hành chính phí phải hết sức tiết kiệm, mức chi không quá 5% so với chi phí sản xuất trực tiếp và phải do đại hội xã viên quyết định. Trường hợp chi quá, chi sai người ký duyệt phải bồi thường.

i) Quỹ lương thực để phát triển ngành nghề, kiến thiết cơ bản, quỹ công ích, dự phòng hợp tác xã phải quản lý chặt chẽ, chi đúng chính sách, có hiệu quả kinh tế, hàng năm phải quyết toán báo cáo công khai trước đại hội xã viên.

4. Chấn chỉnh một bước công tác tài vụ, kế toán trong hợp tác xã

a) Chuyển công tác hạch toán kế toán hợp tác xã ở vùng thấp sang hệ thống 23 tài khoản do Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 189, ngày 11-7-1986 bỏ hệ thống sổ sách, chứng từ, bảng biểu phù hợp với hệ thống tài khoản mới do ngành tài chính thống nhất phát hành. Riêng hợp tác xã vùng cao trong những năm trước mắt thực hiện hạch toán đơn thực thu thực chi.

b) Hằng năm cùng với việc lập kế hoạch sản xuất lần hợp đồng khoán, các hợp tác xã phải xây dựng được kế hoạch tài vụ, cuối vụ cuối năm phải kiểm kê tài sản, tiền vốn, vật tư, các sản phẩm, công nợ lên phương án ăn chia phân phối và quyết toán tài chính báo cáo trước Đại hội xã viên.

c) củng cố bộ phận tài vụ kế toán hợp tác xã, chọn bố trí đúng kế toán trưởng và các kế toán viên có phẩm chất và trình độ nghiệp vụ quản lý kinh tế.

d) Chấn chỉnh lại hệ thống kho vật tư, sản phẩm, có nội quy xuất nhập chặt chẽ.

5. Phát huy quyền chủ động của hợp tác xã trong sản xuất kinh doanh

a) Hợp tác xã có quyền chủ động xác định phương hướng sản xuất bố trí cơ cấu cây trồng vật nuôi, ngành nghề phù hợp với điều kiện tài nguyên, lao động sẵn có của địa phương đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Nhà nước thông qua các chính sách đòn bẩy kinh tế để tác động hướng dẫn sản xuất của hợp tác xã theo yêu cầu của quy hoạch và kế hoạch nhà nước, hằng vụ, hằng năm hợp tác xã căn cứ vào khả năng đất đai, lao động, ngành nghề, cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương hướng sản xuất, nhu cầu về đời sống của xã viên và yêu cầu kế hoạch của Nhà nước để chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, chống việc giao kế hoạch mang tính chất áp đặt từ trên xuống dưới đối với hợp tác xã.

b) Hợp tác xã được quyền chủ động sử dụng vốn tự có, vốn đi vay vào việc sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài vốn tự có, vốn vay của ngân hàng hợp tác được huy động nguồn vốn trong nhân dân kể cả tiền, sản phẩm vật tư để phát triển sản xuất trên nguyên tắc dân chủ thỏa thuận mọi người cùng có lợi.

c) Hợp tác xã chỉ có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước mọi việc trao đổi hàng hóa giữa các cơ quan nhà nước đối với hợp tác xã đều

phải thông qua ký kết hợp đồng hai chiều theo thể thức đối lưu hàng hóa hoặc mua bán thỏa thuận, thanh toán song phẳng sau khi nộp thuế và bám theo hợp đồng, hợp tác xã được quyền tổ chức tiêu thụ sản phẩm của mình sản xuất ra.

6. Phát huy quyền chủ động của đội sản xuất

a) Trên cơ sở hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hợp tác xã giao, đội sản xuất được quyền tận dụng đất đai, lao động, nguồn vốn của gia đình xã viên trong đội để phát triển sản xuất kinh doanh thêm như: Tăng vụ, trồng xen, trồng gối, mở mang ngành nghề để tăng thêm của cải vật chất, sản phẩm làm ra đội được phân phối trong nội bộ đội.

b) Kế hoạch sản xuất thêm của đội được hợp tác xã tổng hợp vào kế hoạch chung của hợp tác xã, được Nhà nước bán đối lưu vật tư như đối với kinh tế của hợp tác xã và nếu sản phẩm đó bán cho Nhà nước.

7. Khuyến khích và hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình, đặt kinh tế gia đình thực sự trở thành một bộ phận hợp thành của kinh tế hợp tác xã

a) Trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ hợp tác xã giao khoán, khuyến khích, gia đình xã viên tận dụng lao động, nguồn vốn, kỹ năng sản xuất của gia đình phát triển sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp không hạn chế quy mô sản xuất.

b) Khuyến khích cán bộ, công nhân viên Nhà nước, người ở thị xã, thị trấn có thể nhận một số diện tích ruộng đất, đồi rừng của hợp tác xã, hoặc nông, lâm trường quốc doanh, lập các ấp trại sản xuất nông, lâm nghiệp theo khả năng lao động và nguồn vốn, không hạn chế quy mô. Phương hướng sản xuất kinh tế gia đình nói chung phải phù hợp với phương hướng sản xuất của hợp tác xã và nông, lâm trường đã phân vùng quy hoạch khai thác được thế mạnh của địa phương nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa.

- Gia đình xã viên, cán bộ, công nhân viên khai hoang phục hóa đất đai được sử dụng lâu dài (ruộng và đất màu từ 7-10 năm, đất trồng rừng, trồng cây ăn quả, trồng cây công nghiệp dài ngày được sử dụng cả chu kỳ sản xuất), đất khai hoang trồng cây lương thực, cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày được miễn thuế 5 năm; đất trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày chỉ phải đóng thuế khi có thu nhập ổn định, diện tích khai hoang nằm trong vùng định canh định cư, hoặc làm theo quy hoạch hợp đồng với cơ sở quốc doanh được đầu tư như chính sách đối với kinh tế tập thể.

d) Trên đất hợp tác xã giao khoán, khuyến khích gia đình xã viên trồng tăng vụ, trồng xen, trồng gối trên trên nguyên tắc bảo vệ độ màu mỡ của đất, đảm bảo cây trồng vụ chính của hợp tác xã, sản phẩm làm thêm không phải đóng thuế nông nghiệp, được Nhà nước cung ứng một phần vật tư kỹ thuật đối lưu như đối với hợp tác xã.

đ) Hình thức sản xuất kinh doanh kinh tế gia đình trong nông lâm nghiệp rất đa dạng, có thể từng gia đình tự làm, có thể 2-3 gia đình hùn vốn góp sức để làm, có thể liên doanh, liên kết với hợp tác xã hoặc quốc doanh để sản xuất một khâu, một công đoạn hoặc toàn bộ chu kỳ sản xuất nông, lâm nghiệp, hoặc trong nghề thủ công nghiệp và chế biến nông lâm sản.

e) Sản phẩm kinh tế gia đình sau khi nộp thuế đất, thuế sát sinh và các thuế khác (nếu có) được quyền sử dụng và trao đổi ở thị trường, các cơ quan nhà nước hoặc hợp tác xã mua bán, muốn mua phải ký kết hợp đồng mua theo giá thuận mua vừa bán.

8. Đối với kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ, kinh tế tự nhiên (ở vùng cao) trong nông, lâm nghiệp

Do đặc điểm của tỉnh ta, nhất là ở vùng cao còn nhiều bộ phận gia đình nông dân chưa có điều kiện tham gia hợp tác xã nông nghiệp. Nhà nước thừa nhận sự tồn tại của bộ phận kinh tế này

trong thời kỳ quá độ, nếu họ tự nguyện xin vào hoặc lập các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Nhà nước khuyến khích giúp đỡ, nếu chưa tổ chức hợp tác xã Nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ sản xuất, kinh doanh liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

Ruộng đất, sức kéo của họ được xác định trong cải cách dân chủ, Nhà nước công nhận và giao quyền sử dụng, quyền thừa kế song nghiêm cấm việc mua bán và đòi lại ruộng đất đã được chia cho nông dân lao động trong cải cách dân chủ. Ngoài diện tích đã có các hộ nông dân được chính quyền xã giao thêm một số diện tích đất rừng để khai hoang thành ruộng nương định canh, sản xuất kinh doanh theo quy hoạch và phương hướng sản xuất chung của hợp tác xã nếu họ thấy có lợi.

Hộ nông dân sản xuất hàng hóa nhỏ và kinh tế tự nhiên được Nhà nước công nhận địa vị pháp lý bình đẳng trong sản xuất kinh doanh và nguồn thu nhập hợp pháp do lao động làm ra, được các cơ quan nhà nước hướng dẫn về kỹ thuật, cung cấp cây, con giống, vật tư, thu mua đối lưu lại hàng hóa nông lâm sản.

Trong khi chưa có điều kiện tham gia hợp tác xã nông nghiệp, các hộ nông dân sản xuất hàng hóa nhỏ và kinh tế tự nhiên được Nhà nước hướng dẫn về tổ chức vào các tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất để nông dân có điều kiện tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất, khi đã có đủ điều kiện và nông dân hoàn toàn tự nguyện thì được Nhà nước hướng dẫn tổ chức hợp tác xã nông nghiệp hoặc kết nạp thành xã viên ở nơi đã có hợp tác xã.

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức,

đổi mới được tư duy, nhất là tư duy kinh tế, quán triệt chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, thấy rõ sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Quán triệt mục đích và yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ xây dựng, củng cố hợp tác xã, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế trong hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh ta, tạo sự nhất trí cao từ trên xuống dưới, từ trong Đảng đến nhân dân.

2. Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có chức năng ở tỉnh như: Ủy ban Kế hoạch, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Ngân hàng tỉnh... xây dựng các quy định cụ thể về công tác kế hoạch hóa, hạch toán kinh tế, cách khoán cụ thể từng cây, con, ngành nghề, cách ăn chia phân phối... trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cho các cấp các ngành thực hiện.

3. Các huyện, thị ủy phải tiến hành đánh giá phân loại hợp tác xã một cách cụ thể khẳng định hợp tác xã có nội dung, hợp tác xã không có nội dung, hợp tác xã nào có quy mô phù hợp, hợp tác xã nào chưa phù hợp... từ đó căn cứ vào tình hình đặc điểm của huyện thị mình để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy một cách cụ thể phù hợp với điều kiện của huyện, thị, chỉ đạo các hợp tác xã triển khai thực hiện nghị quyết một cách chặt chẽ chắc chắn, có hiệu quả, coi trọng việc chỉ đạo điểm, xây dựng các mô hình sau mỗi vụ sản xuất phải có sơ kết đánh giá những việc làm tốt, phát hiện những điển hình có nhiều sáng tạo, uốn nắn kịp thời các sai sót, lệch lạc.

4. Cùng với việc tiến hành đổi mới cơ chế quản lý trong các hợp tác xã, cần phải có sự chuyển biến thực sự và đồng bộ của các cấp các ngành, các đoàn thể quần chúng đối với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

- Các ngành cung ứng vật tư có trách nhiệm cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng, vật nuôi, than, xi măng và các vật tư kỹ thuật khác đủ số lượng, chất lượng kịp thời vụ cho hợp tác xã nông nghiệp, theo kế hoạch chỉ đạo của tỉnh, khắc phục các biểu hiện tiêu cực làm ách tắc sản xuất, gây phiền hà cho cơ sở.

- Các ngành lương thực, thương nghiệp và các cơ sở kinh tế nhà nước được giao nhiệm vụ thu mua nông, lâm sản với hợp tác xã và nông dân trên tinh thần triệt để khai thác, thu mua mọi sản phẩm hàng hóa để kinh doanh và để khuyến khích sản xuất phát triển có trách nhiệm ký kết hợp đồng thu mua kịp thời, thực hiện hợp đồng một cách nghiêm chỉnh, thanh toán hợp đồng sòng phẳng.

- Các cơ quan dịch vụ khoa học - kỹ thuật về giống, thú y, bảo vệ thực vật... phải củng cố tổ chức mạng lưới xuống tận hợp tác xã, đổi mới phương thức hoạt động, mở rộng hình thức ký kết hợp đồng dịch vụ, chịu trách nhiệm vật chất với kết quả sản xuất cuối cùng của hợp tác xã.

- Sở Công nghiệp và Liên hiệp xã thủ công nghiệp có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn hợp tác xã nông nghiệp phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề trong nông thôn, nhất là chế biến nông sản, thủ công nghiệp trong gia đình xã viên và hợp tác xã, có kế hoạch tổ chức sản xuất đủ công cụ thường, công cụ cải tiến, máy móc canh tác và chế biến loại nhỏ phục vụ cho nông nghiệp.

- Sở Nông nghiệp và Lâm nghiệp phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy nghiên cứu việc sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp ở tỉnh một cách gọn, nhẹ, có hiệu lực (...), chú ý tăng cường Ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phòng Quản lý hợp tác xã thuộc Sở Lâm nghiệp. Mặt khác, cùng phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị củng cố bộ máy quản lý nông, lâm nghiệp huyện, thị, có đủ biên chế, cán bộ có chất lượng, đủ sức làm tham mưu cho tỉnh, huyện chỉ đạo và hướng dẫn các hợp tác xã tổ chức lại sản xuất đổi mới cơ chế quản lý kinh tế thị trường trong hợp tác

xã theo tinh thần nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ngay từ đầu năm 1988 Sở Nông nghiệp có đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh mở các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

- Sở Tài chính có trách nhiệm củng cố bộ máy và cán bộ theo dõi về nông, lâm nghiệp của ngành từ tỉnh đến huyện, chịu trách nhiệm trước tỉnh về chỉ đạo và hướng dẫn hợp tác xã thực hiện công tác kế toán tài vụ và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế toán trong hợp tác xã nông nghiệp.

- Ngân hàng tỉnh và ngân hàng các huyện, thị có trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra hợp tác xã nông nghiệp sử dụng vốn vay của tín dụng nông nghiệp đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp, chế biến ngành nghề, đúng hướng có hiệu quả kinh tế cao.

- Ủy ban Kế hoạch tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các huyện, thị đổi mới công tác kế hoạch hóa đối với các hợp tác xã nông nghiệp, phát huy quyền tự chủ của các hợp tác xã trong sản xuất kinh doanh.

- Các ban, ngành xung quanh tỉnh theo chức năng nhiệm vụ của ban, ngành phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể thiết thực phục vụ mặt trận sản xuất nông, lâm nghiệp và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp.

- Các đoàn thể quần chúng như: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh và công đoàn các cấp... có trách nhiệm tuyên truyền, động viên, tổ chức đoàn viên, hội viên của đoàn thể mình phát huy vai trò làm chủ tập thể cùng hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ củng cố hợp tác xã, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã theo tinh thần nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, Sở Văn hóa thông tin, Đài Phát thanh, báo Hoàng Liên Sơn có kế hoạch tuyên truyền phổ biến nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các điển hình tiên tiến về các mặt trong cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh công tác thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp.

5. Tăng cường củng cố tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng ở nông thôn theo nội dung nghị quyết của Bộ Chính trị về việc tiến hành vận động “làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng và bộ máy quản lý nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”.

Nghị quyết này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phổ biến đến tất cả các cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy theo dõi kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện Nghị quyết này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 6 tháng một lần có sơ kết đánh giá, báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 16-BC/TU, ngày 31-12-1987

**Đề nghị phê duyệt về việc sắp xếp tổ chức bộ máy các
cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể cấp tỉnh,
huyện, thị xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn**

Kính gửi: - Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng

Hoàng Liên Sơn là một tỉnh được Trung ương lấy làm điểm chỉ đạo thực hiện Thông tri số 11-TT/TW, ngày 19-8-1987 của Ban Bí thư về tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Đề án của tỉnh đã trình lên Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng tại Tờ trình số 98, ngày 9-11-1987. Căn cứ Thông báo số 46-TB/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp tổ chức, bộ máy; xuất phát từ đặc điểm của tỉnh Hoàng Liên Sơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận nghiêm túc và nhất trí báo cáo đề nghị lên Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cho tỉnh được thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỈNH TRƯỚC KHI THỰC HIỆN THÔNG TRI SỐ 11

1. Về tổ chức bộ máy đảng

a) Bộ máy đảng tỉnh có 10 tổ chức gồm: Văn phòng cấp ủy, Ban

Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra, Ban Nội chính, Ban Dân vận, Ban Nông nghiệp, Ban Kinh tế, Trường Đảng tỉnh, báo Hoàng Liên Sơn. Biên chế của các cơ quan Đảng tỉnh là 299 người.

b) Bộ máy đảng cấp huyện, thị xã mỗi huyện đều bố trí 5 tổ chức gồm: Văn phòng cấp ủy, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Trường Đảng, biên chế đảng của 17 huyện, thị xã bố trí 700 người.

2. Về tổ chức bộ máy các đoàn thể

a) Đoàn thể cấp tỉnh có 5 cơ quan gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên hiệp Công đoàn, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, biên chế bố trí cho đoàn thể là 168 người.

b) Đoàn thể cấp huyện, mỗi huyện đều bố trí 5 tổ chức gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công đoàn, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, biên chế đoàn thể 17 huyện, thị bố trí 330 người.

3. Các tổ chức hội ba tỉnh

- Hội Văn nghệ (văn học, nghệ thuật) 12 người.
- Hội Đông y.
- Hội Chữ thập đỏ có 1-2 biên chế chuyên trách còn hoạt động kiêm chức.
- Hội Hữu nghị Việt - Xô.

4. Tổ chức bộ máy nhà nước

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có 36 sở, ban, ngành trong đó có 7 cơ quan thuộc ngành dọc Trung ương là: Ngân hàng Nhà nước, Bưu điện, Thống kê, Bộ chỉ huy Quân sự, Công an, Ngân hàng đầu tư và xây dựng, Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng chưa kể Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Khí tượng thủy văn, Sở điện, biên chế 29 cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là 1.230 người.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện bố trí từ 25 đến 27 phòng ban trong đó cả các cơ quan công quản, như Ngân hàng, Bưu điện, Công an, Quân sự, biên chế quản lý nhà nước của 17 huyện, thị bố trí 1.953 người.

c) Các tổ chức sự nghiệp cấp tỉnh có 57 tổ chức, bố trí 3.875 người cấp huyện có 495 tổ chức, bố trí 13.202 người.

d) Các đơn vị sản xuất kinh doanh cấp tỉnh có 85 công ty, xí nghiệp có 31.156 cán bộ Công nhân viên, cấp huyện có 133 công ty, xí nghiệp có 7.200 cán bộ, công nhân viên như vậy tổng cộng lại toàn tỉnh Hoàng Liên Sơn: các cơ quan Đảng có 101 tổ chức, 1.096 biên chế; các đoàn thể có 101 tổ chức, 851 biên chế, các cơ quan, đơn vị Khối Nhà nước có 1.111 tổ chức, 58.716 cán bộ, công nhân viên.

II. ĐỀ NGHỊ BỐ TRÍ SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC BỘ MÁY

Căn cứ vào bản đề án được xây dựng trong thực hiện Thông tư 11 của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã trình lên Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, căn cứ Thông báo số 46-TB/TW, ngày 12-12-1986 của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, xuất phát từ đặc điểm tình hình của tỉnh Hoàng Liên Sơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chính thức đề nghị như sau:

A. Về tổ chức bộ máy cấp tỉnh

- Đề nghị cho giải thể các tổ chức sau:

1- Giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy, chỉ để một bộ phận nằm trong Văn phòng cấp ủy vì nếu để 1 ban độc lập, hoạt động có nhiều khó khăn, ít hiệu quả quan hệ làm việc với các ngành có vướng mắc, công việc bị tắc nghẽn không giải quyết kịp thời, cán bộ năng lực hạn chế.

2- Giải thể Sở Lương thực, quản lý nhà nước về lương thực để 1 phòng thuộc Sở Nông nghiệp vì kinh doanh lương thực có một công

ty, có một mặt hàng nếu để Sở Lương thực không cần thiết, đưa công tác quản lý nhà nước vào Sở Nông nghiệp để gắn sản xuất với kế hoạch, phục vụ sản xuất gắn với thu mua tiêu thụ, từ nhu cầu lương thực để chỉ đạo sản xuất lương thực.

3- Giải thể Ban Thi đua khen thưởng chỉ để 1 - 2 cán bộ tổng hợp nằm trong Văn phòng Ủy ban giúp việc cho Hội đồng thi đua.

4- Giải thể Ban Biên giới vì hoạt động không có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng biên giới đòi hỏi các cấp, các ngành cùng làm nếu có Ban Biên giới thì tư tưởng ỷ lại của các cấp, các ngành ngược lại Ban Biên giới lại không đủ điều kiện giải quyết toàn bộ sự nghiệp xây dựng biên giới năng lực cán bộ yếu.

5- Giải thể Sở Tư pháp lập Phòng Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để sử dụng công tác quản trị chung của Văn phòng Ủy ban, giải quyết hợp lý về tổ chức gắn với Thường trực Ủy ban hơn để phối hợp với Văn phòng Ủy ban làm công tác pháp luật năng lực cán bộ chưa đủ sức thực hiện toàn bộ chức năng của một sở, lập 1 phòng là hợp lý.

6- Giải thể Ban Định canh định cư và Kinh tế mới vì theo đề án của tỉnh xin tách Sở Nông - Lâm nghiệp thành 2 sở sẽ đưa công tác định canh định cư về Sở Lâm nghiệp, công tác kinh tế mới vào Sở nông nghiệp như trước đây.

7- Giải thể Ủy ban xây dựng cơ bản đưa phần xét duyệt dự toán quản lý định mức vào phòng xây dựng cơ bản thuộc Ủy ban Kế hoạch, phần quy hoạch vào Sở Xây dựng, nếu đưa phần xét duyệt dự toán quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật vào Sở Xây dựng không bảo đảm khách quan như trước đây, qua thực tế công tác quản lý không thực hiện được.

8- Giải thể Công ty Dược liệu đặc sản (đã giải thể theo quyết định của Trung ương).

- Đề nghị sáp nhập các tổ chức sau:

1- Nhập Ủy ban Vật giá vào Sở Tài chính vì từ giá có quan hệ chặt chẽ đến thuế, đến ngân sách công tác giá trước đây cũng tách

từ Sở Tài chính, từ khi tách hoạt động không phát huy được gì hơn, năng lực cán bộ quản lý chưa tương ứng.

2- Nhập Ban Giáo dục chuyên nghiệp vào Sở Giáo dục vì theo ý kiến Trung ương địa phương thấy hợp lý để gắn hướng nghiệp với tuyển sinh, đào tạo công tác dạy nghề, của ngành nào ngành ấy tổ chức gắn với yêu cầu sản xuất, các trường đào tạo tỉnh giao cho các ngành quản lý, cho nên trước mắt không để Ban Giáo dục hoạt động độc lập, mà nhập vào Sở Giáo dục.

3- Sáp nhập Sở Quản lý ruộng đất vào Sở Nông nghiệp để sử dụng quỹ đất có hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp.

4- Sáp nhập Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy thành Ban Kinh tế Tỉnh ủy và tính chất công việc giống nhau, ngành công nghiệp gắn bó với nhau theo một cơ cấu, nên quản lý thống nhất và quản hợp lý.

- Chuyển giao quản lý các tổ chức sau:

1- Đài Phát thanh trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về trực thuộc Sở Văn hóa thông tin, phần nội dung do Ban Tuyên giáo quản lý.

2- Chuyển giao Hội Văn học nghệ thuật trực thuộc Tỉnh ủy về Sở Văn hóa thông tin, vì tính chất hoạt động có mối quan hệ gắn bó với nhau.

3- Chuyển giao Công ty Thủy sản đang trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về Sở Nông nghiệp quản lý để thống nhất công tác nuôi cá nước ngọt vào mối Sở Nông nghiệp.

4- Chuyển giao Trường Trung học quản lý kinh doanh đang trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về Ủy ban Kế hoạch quản lý vì trước đây cũng nằm trong Ủy ban Kế hoạch tách ra, tính chất công việc đào tạo của trường có quan hệ trực tiếp với kế hoạch đào tạo và chuyên môn yêu cầu đào tạo.

- Đề nghị lập mới các tổ chức sau:

1- Lập Phòng Ngoại thương trực thuộc Ủy ban tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác xuất nhập khẩu vì nếu để

Công ty Liên hiệp xuất khẩu làm cả chức năng quản lý nhà nước sẽ “vừa đá bóng vừa thổi còi”, chức năng không rõ ràng, lẫn lộn quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh.

2- Lập Phòng Tư pháp thay cho việc giải thể Sở Tư pháp như đã trình bày phần trên.

3- Đề nghị tách Sở Lâm nghiệp thành hai sở như hiện nay vì:

- Qua thực tế hiện nay vẫn phát huy được tác dụng

- Khối lượng công việc cả nông, lâm đều lớn, tỉnh Hoàng Liên Sơn có 1.100 ha đất rừng, đất có rừng là 260 ha như vậy công tác trồng rừng còn rất nặng, rừng lấy gỗ và rừng phòng hộ hằng năm khai thác 80 đến 90 m³ gỗ tròn cung cấp cho Trung ương địa phương, tỉnh còn thiếu nhiều lương thực cần tập trung sản xuất.

- Địa bàn rộng nếu một sở làm cả nông, cả lâm lại quản lý ruộng đất, quản lý lương thực, thủy văn sẽ có nhiều khó khăn, năng lực cán bộ lại có hạn.

- Tính chất sản xuất nông nghiệp theo thời vụ thường tập trung cho mặt trận hàng đầu để giao những công tác lâm nghiệp.

B. Sau khi bố trí như vậy thì cơ quan chuyên môn cấp tỉnh còn lại như sau:

- *Bộ máy đảng tỉnh:*

1- Văn phòng cấp ủy bao gồm cả công tác nội chính, quản trị chung cho cấp ủy.

2- Ban Tổ chức.

3- Ủy ban Kiểm tra.

4- Ban Tuyên giáo quản lý cả nội dung Đài Phát thanh, báo Đảng, Khoa giáo, lịch sử Đảng.

5- Ban Dân vận công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, hoa vận

6- Ban Kinh tế, cả nông nghiệp và kinh tế.

7- Báo Đảng, cả Hội nhà báo.

8- Trường Đảng cả tập trung và tại chức.

9- Đảng ủy các cơ quan tỉnh.

- Đoàn thể cấp tỉnh:

- 1- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- 2- Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- 3- Liên hiệp Công đoàn.
- 4- Hội Liên hiệp Nông dân tập thể.
- 5- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Các tổ chức hội quần chúng:

- 1- Hội Đông y trực thuộc Sở Y tế.
- 2- Hội Chữ thập đỏ trực thuộc Sở Y tế.
- 3- Hội Văn nghệ thuộc Sở Văn hóa thông tin.
- 4- Hội Hữu nghị Việt - Xô trực thuộc Ban Tuyên huấn.

Các hội từng bước tự cân đối tài chính chi trả cho hoạt động của mình, biên chế mỗi hội chỉ bố trí 1-2 người chuyên trách, chủ yếu hoạt động kiêm chức, trước mắt đề nghị Trung ương cho trợ cấp đối với các hội và cho mỗi hội 1-2 biên chế chuyên trách làm thường trực các hội.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- 1- Ủy ban Kế hoạch cả phân vùng kinh tế, đầu tư xây dựng cơ bản, duyệt tự toán thiết kế trong xây dựng cơ bản.
- 2- Sở Tài chính bao gồm cả công tác giá, thu quốc doanh thuế công thương nghiệp.
- 3- Sở Lao động - Thương binh và xã hội.
- 4- Ban Khoa học và Kỹ thuật
- 5- Sở Nông nghiệp bao gồm cả quản lý lương thực, ruộng đất, thủy sản, kinh tế mới.
- 6- Sở Lâm nghiệp bao gồm cả công tác định canh định cư, kiểm lâm nhân dân.
- 7- Sở Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ cả công tác quản trị cho Ban Liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp.
- 8- Sở Xây dựng quản lý cả quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, nhà đất và công trình đô thị.
- 9- Sở Giao thông vận tải.

10- Sở Thương nghiệp quản lý nhà nước cả quản lý thị trường phục vụ ăn uống công cộng, hợp tác xã mua bán.

11- Sở Y tế.

12- Sở Giáo dục bao gồm mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp do Ban Giáo dục chuyên nghiệp chuyển sang.

13- Sở Văn hóa thông tin quản lý nhà nước cả Đài Phát thanh tỉnh, công tác truyền hình.

14- Sở Thể dục thể thao.

15- Ủy ban Thanh tra.

16- Trọng tài kinh tế.

17- Ban Tổ chức chính quyền quản lý cả Trường Hành chính.

18- Văn phòng Ủy ban bao gồm cả công tác thi đua khen thưởng.

19- Sở Thủy lợi.

20- Cục Thống kê.

21- Phòng Tư pháp.

22- Phòng Ngoại thương.

Các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý:

23- Ngân hàng nhà nước tỉnh.

24- Bưu điện tỉnh.

25- Công an tỉnh.

26- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

27- Ngân hàng đầu tư và xây dựng cơ bản.

28- Sở Điện.

29- Tòa án nhân dân tỉnh.

30- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

31- Khí tượng thủy văn.

- Các cơ quan trên đề nghị Trung ương nghiên cứu một số vấn đề:

1- Sở Thể dục thể thao có thể thống nhất vào Sở Văn hóa thông tin hoặc một tổ chức nào, vì hoạt động của tổ chức này chủ yếu là quản lý sự nghiệp, quy mô chưa phát triển. Khối lượng công việc chưa nhiều.

2- Giao Công ty Vật tư kỹ thuật và Công ty Cung ứng xi măng về địa phương để nhập với Công ty Than của tỉnh thành Công ty Vật tư tỉnh.

3- Đài Phát thanh quản lý nhà nước thuộc Sở Văn hóa, nội dung thuộc Ban Tuyên giáo, kỹ thuật phát sóng thuộc Sở Bưu điện, còn phân tán có thể đưa đài, báo đều trực thuộc Ban Tuyên giáo.

- *Bộ máy cấp huyện:*

Cơ quan Đảng cấp huyện, thị xã gồm các tổ chức:

1- Văn phòng cấp ủy phụ trách cả công tác quản trị chung cho cấp ủy và các ban Đảng.

2- Ban Tổ chức.

3- Ủy ban Kiểm tra.

4- Ban Tuyên giáo quản lý cả Trường Đảng huyện, thị.

- *Các cơ quan đoàn thể huyện, thị xã:*

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2- Liên hiệp Công đoàn.

3- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

4- Hội Liên hiệp Phụ nữ.

5- Hội Liên hiệp Nông dân tập thể.

- *Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện:*

8 huyện vùng thấp thống nhất như sau:

1- Văn phòng Ủy ban quản lý cả công tác thi đua, tư pháp, trọng tài kinh tế, quản trị chung cho Ủy ban và các phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện.

2- Phòng Kế hoạch quản lý cả công tác khoa học - kỹ thuật, thống kê.

3- Phòng Tổ chức - Lao động thương binh xã hội.

4- Phòng Tài chính - thương nghiệp quản lý cả công tác giá, thuế, hợp tác xã mua bán, quản lý thị trường.

5- Phòng Nông nghiệp quản lý cả nghề rừng, ruộng đất, lượng thực, thủy lợi, thủy sản.

- 6- Phòng Công nghiệp quản lý cả tiểu thủ công nghiệp, xây dựng.
 - 7- Phòng Giao thông.
 - 8- Phòng Y tế.
 - 9- Phòng Văn hóa thông tin - thể dục thể thao.
 - 10- Phòng Giáo dục: Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp (đào tạo, tuyển sinh).
 - 11- Ủy ban Thanh tra.
 - 12- Ngân hàng huyện.
 - 13- Công an huyện.
 - 14- Bưu điện huyện.
 - 15- Ban chỉ huy Quân sự huyện.
- 7 huyện vùng cao và biên giới xin nhập Phòng Nông nghiệp và Phòng Công nghiệp thành 1 phòng gọi là phòng nông - công nghiệp.
- Như vậy còn 14 tổ chức cơ quan chuyên môn.
- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã:*
- 1- Văn phòng quản lý cả công tác thi đua, tư pháp, trọng tài kinh tế, công tác quản trị chung cho Ủy ban nhân dân và các phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân.
 - 2- Phòng Công - nông nghiệp, quản lý cả sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
 - 3- Phòng Kế hoạch gồm cả công tác khoa học - kỹ thuật, thống kê.
 - 4- Phòng Tài chính và thương nghiệp, quản lý cả công tác giá, thuế, quản lý thị trường, cải tạo thương nghiệp.
 - 5- Phòng Xây dựng và nhà đất quản lý cả công trình đô thị và giao thông.
 - 6- Phòng Văn hóa quản lý cả giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp, văn hóa thông tin - thể dục thể thao.
 - 7- Phòng Y tế.
 - 8- Ban thanh tra.
 - 9- Phòng Tổ chức lao động (quản lý cả công tác thương binh - xã hội).
 - 10- Bưu điện thị xã.

11- Ngân hàng Nhà nước thị xã.

12- Công an thị xã.

13- Ban chỉ huy Quân sự thị xã.

Như vậy bỏ Phòng Giao thông nhập vào với Phòng Xây dựng và nhà đất. Chuyển công tác thể dục thể thao từ Phòng Y tế sang Phòng Văn giáo để thống nhất quản lý của huyện, thị. Công tác y tế là tổ chức độc lập để đi sâu vào công tác chữa bệnh, phòng bệnh.

III. VỀ BIÊN CHẾ

Sau khi bố trí sắp xếp, biên chế giảm được:

- Biên chế Đảng gồm 23 người, tỷ lệ giảm 8,08%.
- Biên chế đoàn thể giảm được 72 người, tỷ lệ giảm 8,6%.
- Biên chế quản lý nhà nước giảm được 660 người, tỷ lệ 20,72%.
- Bộ máy gián tiếp các công ty, xí nghiệp hạ từ 14% bình quân xuống 8 đến 10% sẽ giảm được $31.200 \times 4/100$ bằng 1.246 người.

Để quản lý thống nhất biên chế và quỹ lương, đề nghị Trung ương quy định lại việc giao quản lý biên chế sự nghiệp sang Ủy ban Kế hoạch. Từ khi giao sang Ủy ban Kế hoạch thực tế không được quản lý cụ thể. Vì Ủy ban Kế hoạch không quản lý công tác tổ chức cán bộ, nên khó quản lý biên chế và quỹ lương khối sự nghiệp.

IV. NHỮNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN SAU KHI ĐỀ ÁN ĐƯỢC DUYỆT

1. Trên cơ sở đề án được Trung ương phê duyệt, tỉnh sẽ làm công tác chuẩn bị xác định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của các tổ chức: bố trí lại cán bộ lãnh đạo và ra quyết định mô hình tổ chức bộ máy mới cho các cấp, các ngành.

2. Chỉ đạo các cấp các ngành thực hiện theo mô hình tổ chức mới bố trí lại tổ chức, cán bộ quản lý. Sắp xếp lại cán bộ, viên chức của cơ quan đơn vị, xác định lại các chức danh, căn cứ vào tiêu

chuẩn biên chế bố trí vào dây chuyền công tác số cán bộ có đủ tiêu chuẩn, xác định số lao động dôi ra, bố trí sắp xếp và giải quyết người dôi ra theo Quyết định 19 và 227 của Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư, xây dựng lại nội quy, quy chế làm việc.

3. Lập quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cho số cán bộ đưa vào dây chuyền, nhưng tiêu chuẩn chưa tương ứng.

Để chỉ đạo thực hiện sắp xếp tổ chức, tỉnh lấy hai ngành là công nghiệp và lâm nghiệp, hai huyện là Yên Bình và Bắc Hà, một cơ sở là Công ty Lương thực làm điểm chỉ đạo bố trí, sắp xếp để rút kinh nghiệm chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện. Sau khi xác định lại biên chế và tổng quỹ lương, tỉnh dự kiến giao khoán quỹ lương cho các cấp, các ngành. Nếu cấp ngành nào sử dụng biên chế ít hơn thì được sử dụng quỹ lương thừa để trả cho những người thực tế làm việc.

V. MỘT SỐ ĐIỂM ĐỀ NGHỊ KHÁC

1. Về tổ chức: Đề nghị Trung ương giao Công ty Vật tư kỹ thuật, Công ty Cung ứng xi măng cho địa phương quản lý để nhập với Công ty Than thành Công ty Vật tư tỉnh.

2. Về chính sách: Trong đợt sắp xếp tổ chức đề nghị cho tỉnh miễn nói được hạ năm công tác xuống 3 đến 5 năm, hạ tuổi đời xuống từ 5 đến 8 tuổi cũng được nghỉ hưu.

Trên đây Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn xin báo cáo và đề nghị với Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng xem xét phê duyệt cho tỉnh được thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 15-BC/TU, ngày 4-1-1988

**Đề nghị phê duyệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ
quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể cấp tỉnh, huyện,
thị xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn**

Kính gửi: - Ban Bí thư Trung ương Đảng
- Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng Hà Nội.

Căn cứ vào Thông báo số 46-TB/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện Thông tri số 11-TT/TW, ngày 19-8-1987 của Ban Bí thư;

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của tỉnh Hoàng Liên Sơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã thảo luận nghiêm túc và nhất trí cao đề nghị với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cho tỉnh Hoàng Liên Sơn được thực hiện như sau:

I. BỘ MÁY ĐẢNG CẤP TỈNH, HUYỆN, THỊ

A. Cấp tỉnh gồm các cơ quan

- 1- Văn phòng cấp ủy.
- 2- Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
- 3- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phụ trách cả tổ nghiên cứu lịch sử Đảng.

5- Trường Đảng tỉnh, làm cả đào tạo bồi dưỡng tập trung và tại chức.

6- Báo Đảng (Báo Hoàng Liên Sơn).

B. Cấp huyện, thị xã

1- Văn phòng cấp ủy, phụ trách cả công tác quản trị chung cho cấp ủy và các ban Đảng.

2- Ban Tổ chức.

3- Ủy ban Kiểm tra.

4- Ban Tuyên giáo, quản lý cả Trường Đảng huyện, thị xã đổi tên Trường Đảng thành Nhà giáo dục chính trị.

II. BỘ MÁY CÁC ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, THỊ XÃ

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2- Liên hiệp Công đoàn.

3- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

4- Hội Liên hiệp Nông dân tập thể.

5- Hội Liên hiệp Phụ nữ.

III. BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỦA UBND TỈNH

A. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

1- Ủy ban Kế hoạch, quản lý cả công tác phân vùng kinh tế, sẽ xét duyệt dự toán, thiết kế (trước đây Ủy ban xây dựng cơ bản thực hiện).

2- Sở Tài chính, quản lý cả công tác thu quốc doanh, thu thuế công thương nghiệp, công tác giá.

3- Sở Lao động - Thương binh và xã hội, làm cả công tác điều động dân cư.

4- Ban Khoa học và kỹ thuật.

5- Sở Nông nghiệp quản lý cả công tác lương thực, thủy sản ruộng đất, kinh tế mới.

6- Sở Lâm nghiệp quản lý công tác định canh định cư, kiểm lâm nhân dân, đất lâm nghiệp.

7- Sở Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, quản lý cả công tác quản trị của Ban Liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp bộ phận thường trực và Văn phòng Ban Liên hiệp xã bố trí gọn nhẹ, do kinh phí ngành đài thọ.

8- Sở Xây dựng quản lý cả nhà, đất xây dựng, công trình đô thị và công tác quy hoạch xây dựng trước đây do Ủy ban xây dựng cơ bản thực hiện.

9- Sở Giao thông vận tải.

10- Sở Thương nghiệp quản lý nhà nước cả hoạt động dịch vụ ăn uống công cộng và hợp tác xã mua bán.

11- Sở Y tế.

12- Sở Giáo dục, quản lý cả giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp (giáo dục chuyên nghiệp bao gồm toàn bộ công tác của Ban Giáo dục chuyên nghiệp chuyển sang).

13- Sở Văn hóa thông tin quản lý cả Đài Truyền thanh và truyền hình quản lý công tác quản trị của Hội Văn hóa nghệ thuật. Bộ phận thường trực và Văn phòng Hội Văn nghệ bố trí gọn, nhẹ, chủ yếu hoạt động nghiệp dư. Ban Tuyên giáo chỉ đạo nội dung báo, đài.

14- Sở Thể dục thể thao.

15- Ủy ban Thanh tra.

16- Trọng tài Kinh tế.

17- Ban Tổ chức chính quyền, quản lý cả Trường Hành chính.

18- Sở Thủy lợi.

19- Cục Thống kê.

20- Văn phòng Ủy ban nhân dân, quản lý cả công tác thi đua, khen thưởng, ngoại vụ, dân tộc, tôn giáo.

21- Phòng Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân, công tác quản trị do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đảm nhận phục vụ chung.

22- Phòng Ngoại thương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

B. Các cơ quan chuyên môn do ngành dọc Trung ương quản lý

23- Ngân hàng Nhà nước.

24- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

25- Công an tỉnh.

26- Bưu điện tỉnh.

27- Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng.

28- Ngân hàng đầu tư xây dựng.

Các tổ chức so với hướng dẫn của Trung ương cơ bản là thống nhất nhưng căn cứ đặc điểm của địa phương có một số điểm đề nghị thay đổi như sau:

1- Đề nghị tách Sở Nông, Lâm nghiệp thành hai sở là Sở Nông nghiệp và Sở Lâm nghiệp. Lý do xin tách vì:

- Đối tượng quản lý quá lớn. Nếu là một sở thì sở này phải quản lý cả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, lương thực, nuôi cá nước ngọt, định canh định cư, kinh tế mới, kiểm lâm nhân dân. Đất lâm nghiệp và đất nông nghiệp.

- Tính chất sản xuất khác nhau, sản xuất nông nghiệp có tính chất thời vụ nếu là một sở thường huy động cán bộ đi chỉ đạo sản xuất nông nghiệp dễ bị xao nhãng công tác lâm nghiệp.

- Địa bàn của tỉnh rộng, công tác lâm nghiệp của tỉnh có vị trí quan trọng vừa trồng rừng lấy gỗ vừa trồng rừng phòng hộ. Trong trồng rừng lấy gỗ có gỗ làm nguyên liệu giấy cung cấp cho Nhà máy giấy Bãi Bằng và khai thác gỗ cho Trung ương hàng năm 70 đến 80 nghìn mét khối, nếu nhập vào nông nghiệp thì khó thực hiện được.

- Năng lực cán bộ có hạn, người quản lý không thể am hiểu cả các mặt công tác nếu hai sở lâm nghiệp, nông nghiệp nhập làm 1.

2- Đề nghị không để Ban Liên hiệp xã tiểu công nghiệp thủ công nghiệp hoạt động độc lập như hiện nay. Đưa bộ phận thường trực của Ban Liên hiệp xã thống nhất vào Sở Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sử dụng công tác quản trị chung cho cả Sở Công nghiệp và Ban Liên hiệp xã - bộ phận thường trực Ban Liên hiệp xã được bố trí gọn do kinh phí ngành đài thọ vì:

- Ở huyện có Phòng Công nghiệp chủ yếu vẫn chỉ đạo sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

- Ban Liên hiệp xã không thuộc các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, hoạt động không có hiệu lực, công tác kế hoạch hóa sản xuất ngành công nghiệp không tập trung, mỗi cơ quan nắm một phần việc không thống nhất.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp của tỉnh chưa lớn, các cơ sở chưa có điều kiện đóng góp kinh phí nuôi bộ máy của Ban liên hiệp xã tỉnh. Hiện nay vẫn hưởng lương và tính biên chế quản lý nhà nước.

- Qua nhiều năm hoạt động độc lập sản xuất tiểu thủ công nghiệp của tỉnh phát triển chậm.

3- Căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương (phần mềm) địa phương xin được thực hiện như sau:

+ Đưa công tác giá vào Sở Tài chính vì giá thuế, ngân sách có mối quan hệ với nhau, trước đây công tác giá cũng tác từ Sở Tài chính ra, năng lực cán bộ của Ủy ban Vật giá chưa được kiện toàn tương ứng, kể cả bộ phận lãnh đạo, sát nhập vào Sở Tài chính vừa phát huy được hiệu lực hoạt động vừa giảm biên chế hành chính quản trị.

+ Sở Thủy lợi vẫn để riêng như hiện nay vì công tác thủy lợi của tỉnh nhiệm vụ còn lớn, tổ chức hiện nay đã ổn định và hoạt động tốt, cán bộ có đủ năng lực chuyên môn, chuyên sâu, ở miền núi ngoài công tác thủy lợi còn làm cả thủy điện nhỏ cho vùng

đồng bào dân tộc xa xôi hẻo lánh, gấn thủy lợi, thủy luân, thủy điện là nhiệm vụ chiến lược quan trọng đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

+ Lương thực: Quản lý nhà nước về lương thực để ở Sở Nông nghiệp để gấn sản xuất nông nghiệp với kế hoạch cung cấp lương thực. Sở Nông nghiệp nắm diện tích ruộng, nương để thu thuế, cung ứng vật tư, mua lương thực theo hợp đồng hai chiều, còn mua thỏa thuận do Công ty Lương thực tổ chức thu mua để cộng với thóc thuế, thóc mua theo hợp đồng. Việc chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, trong đó sản xuất lương thực là nhiệm vụ quan trọng nhất, cho nên Sở Nông nghiệp phải được quản lý nhà nước về công tác lương thực mới thực sự nắm được lương thực từ khi sản xuất, ngược lại cũng từ nhu cầu về lương thực mà chỉ đạo sản xuất lương thực và do đó sản xuất lương thực gấn với nhu cầu lương thực, nhu cầu lương thực gấn với kế hoạch sản xuất nông nghiệp là hợp lý.

+ Xuất nhập khẩu: Quản lý nhà nước có một phòng trực thuộc Ủy ban trực tiếp quản lý, Công ty Liên hiệp xuất khẩu tỉnh là đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh như hiện nay.

+ Quản lý đất đai: Sở Xây dựng quản lý đất xây dựng đô thị, Sở Nông nghiệp quản lý đất nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp quản lý đất lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch tỉnh làm nhiệm vụ quy hoạch phân vùng kinh tế và giao đất xây dựng cho ngành xây dựng, đất nông nghiệp cho ngành nông nghiệp, đất lâm nghiệp cho ngành lâm nghiệp quản lý để đưa quỹ đất vào sản xuất theo kế hoạch, đưa vào quy hoạch phân vùng kinh tế các ngành xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp làm quy hoạch cụ thể sử dụng quỹ đất có hiệu quả phục vụ cho nhiệm vụ chuyên ngành theo pháp luật.

+ Xây dựng cơ bản: Nhiệm vụ của Ủy ban xây dựng cơ bản không giao cả cho Sở Xây dựng mà phân xét duyệt đầu tư, xét duyệt thiết kế, dự toán giao cho Ủy ban Kế hoạch, công tác quản lý nhà đất xây dựng công trình công cộng quy hoạch xây dựng

giao cho Sở Xây dựng quản lý vì nếu giao cho Sở Xây dựng xét duyệt dự toán, thiết kế không bảo đảm tính khách quan, mặc dù sở thực hiện chức năng quản lý hành chính kinh tế nhưng thực tế trước đây đã làm như vậy thấy bất hợp lý, nay không nên lập lại lần thứ hai.

+ Hội Văn học nghệ thuật: Chỉ để bộ phận thường trực trong Sở Văn hóa thông tin để tăng hiệu lực chỉ đạo chuyên môn đối với hội, còn các hội viên hoạt động nghiệp dư là chủ yếu, công tác quản trị của hội thống nhất với công tác quản lý của Sở Văn hóa thông tin.

C. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện

Thống nhất để 15 tổ chức, cụ thể:

1- Văn phòng Ủy ban nhân dân quản lý các công tác thi đua, tư pháp, trọng tài kinh tế công tác quản trị chung cho Ủy ban nhân dân và các phòng của Ủy ban.

2- Phòng Kế hoạch, quản lý cả công tác khoa học - kỹ thuật, thống kê.

3- Phòng Tổ chức lao động, thương binh xây dựng.

4- Phòng Tài chính, thương nghiệp bao gồm thuế công thương nghiệp thuế nông nghiệp, công tác giá, quản lý thị trường, hợp tác xã mua bán.

5- Phòng Nông nghiệp, quản lý cả công tác thủy lợi, ruộng đất nghề rừng, nuôi cá nước ngọt, công tác lương thực, kiểm lâm nhân dân, định canh định cư, kinh tế mới.

6- Phòng Công nghiệp, quản lý cả tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

7- Phòng Giao thông.

8- Phòng Y tế.

9- Phòng Văn hóa thông tin, thể dục thể thao.

10- Ban Thanh tra.

11- Ngân hàng huyện.

12- Công an huyện.

13- Ban chỉ huy Quân sự huyện.

14- Phòng Giáo dục: Cả giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp.

15- Bưu điện huyện.

Riêng các huyện: Bát Xát, Sa Pa, Mường Khương, Than Uyên, Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Bắc Hà là các huyện vùng cao, công nghiệp chưa phát triển, công tác xây dựng chưa có gì lớn. Nên nhập hai phòng công nghiệp và nông nghiệp thành 1 phòng gọi là Phòng Quản lý sản xuất. Theo chúng tôi có thể gọi là Phòng Nông - công nghiệp.

D. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã

Hoàng Liên Sơn có 2 thị xã: Thị xã Yên Bái và thị xã Lào Cai.

Bộ máy thống nhất gồm các tổ chức sau đây:

1- Văn phòng Ủy ban: Quản lý cả công tác thi đua, trọng tài kinh tế, tư pháp, công tác quản trị chung cho Ủy ban và các phòng của Ủy ban.

2- Phòng Kế hoạch, quản lý cả công tác khoa học - kỹ thuật, thống kê.

3- Phòng Sản xuất: Quản lý cả sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lâm nghiệp, công tác lương thực, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp.

4- Phòng Tài chính - Thương nghiệp quản lý cả công tác giá, thị trường, cải tạo thương nghiệp.

5- Phòng Xây dựng và nhà đất: Quản lý cả công trình đô thị, giao thông.

6- Phòng Văn giáo: Bao gồm giáo dục phổ thông, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, Đài Truyền thanh (nội dung đài do Ban Tuyên giáo phụ trách). Giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục mầm non.

7- Phòng Y tế.

8- Ban Thanh tra.

9- Phòng Tổ chức lao động (quản lý cả công tác thương binh và xã hội).

- 10- Bưu điện thị xã.
- 11- Ngân hàng Nhà nước thị xã.
- 12- Công an thị xã.
- 13- Ban chỉ huy Quân sự thị xã.

Như vậy so với hướng dẫn của Trung ương, tỉnh xin đề nghị một số điểm.

- Công tác thể dục thể thao không giao cho Phòng Y tế quản lý mà giao cho Phòng Văn giáo như huyện. Tuy khối lượng Phòng Văn giáo lớn nhưng đưa công tác thể dục thể thao vào phòng này có lợi hơn vừa thống nhất hệ thống tổ chức như huyện, vừa gắn công tác thể dục thể thao với trường học và hoạt động văn thể gắn với nhau.

- Phòng Sản xuất cũng có thể và nên gọi là Phòng Công - nông nghiệp quản lý cả công tác lâm nghiệp, công tác lương thực, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi cá nước ngọt. Nếu gọi là Phòng Sản xuất thì không rõ nghĩa.

Trên đây Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn báo cáo và đề nghị Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt cho thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 586-QN/TU, ngày 8-3-1988

Về việc tách và sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Quyết định số 53-HC/TCCBĐT, ngày 22-1-1988 của Tổng cục Hóa chất về việc sáp nhập Xí nghiệp xây lắp mỏ vào Mỏ apatít Lào Cai;
- Căn cứ vào Điều 29, 30 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đề nghị của Thị ủy thị xã Lào Cai, Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai và Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Tách Đảng bộ Xí nghiệp xây lắp mỏ có 134 đảng viên đang trực thuộc sự chỉ đạo của Thị ủy Lào Cai chuyển sang trực thuộc Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai và trở thành Đảng ủy bộ phận Xí nghiệp xây lắp thuộc Đảng ủy Mỏ.

Điều 2: Nhiệm vụ của Đảng ủy bộ phận Xí nghiệp xây lắp thực hiện theo Điều 34 Chương 5 Điều lệ Đảng.

Điều 3: Trong khi chờ đại hội bầu cấp ủy tới, giữ nguyên Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp xây lắp hiện nay. Nhiệm vụ của Đảng ủy Xí nghiệp xây lắp do Đảng ủy Mỏ phân công.

Điều 4: Thị ủy Lào Cai có trách nhiệm bàn giao đầy đủ danh

sách đảng viên, Ban Chấp hành của Đảng ủy Xí nghiệp xây lắp cho Đảng ủy Mỏ.

Điều 5: Thị ủy thị xã Lào Cai, Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai. Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 389-QĐ/TU, ngày 12-3-1988

Về việc hợp nhất Ban Kinh tế Tỉnh ủy với
Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy thành một ban lấy tên
là Ban Kinh tế Tỉnh ủy

- Căn cứ vào Thông báo số 46/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy cấp tỉnh, thành phố;

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ công tác và nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức sắp xếp lại bộ máy cấp tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Hợp nhất Ban Kinh tế Tỉnh ủy và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy thành một ban lấy tên là Ban Kinh tế Tỉnh ủy.

Ban Kinh tế Tỉnh ủy đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ban có nhiệm vụ tham mưu giúp việc Tỉnh ủy nghiên cứu, vận dụng thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách về kinh tế của Trung ương đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn. Đồng thời, nghiên cứu chiến lược kinh tế giúp Tỉnh ủy để đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách về kinh tế và kiểm tra, đôn đốc, sơ tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết đó.

2. Chức năng nhiệm vụ cụ thể của Ban Kinh tế Tỉnh ủy trên cơ

sở chức năng nhiệm vụ của hai ban Kinh tế và Nông nghiệp hợp lại. Ban Kinh tế Tỉnh ủy mới có trách nhiệm tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh chức năng nhiệm vụ của Ban để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

3. Ban Kinh tế Tỉnh ủy được xác định biên chế trong năm 1988 là 12 người (trong đó có 1 lái xe, phần hành chính quản trị của Ban do Văn phòng Tỉnh ủy đảm nhiệm. Ban căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và trên cơ sở chức danh tiêu chuẩn của từng nhiệm vụ yêu cầu để bố trí sắp xếp con người cụ thể. Đồng thời, có trách nhiệm giải quyết số cán bộ, nhân viên dôi ra theo Quyết định số 19-QĐ/TW, ngày 5-10-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 227/HĐBT, ngày 29-12-1987 của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành (trường hợp đặc biệt chưa giải quyết được thì Ban Kinh tế Tỉnh ủy có kế hoạch lập quỹ lương riêng).

4. Địa điểm của Ban Kinh tế Tỉnh ủy giao cho Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm bố trí sắp xếp cụ thể tại khu trụ sở Tỉnh ủy.

Việc kiểm kê quản lý tài sản hiện có của hai ban trước khi hợp nhất giao cho Văn phòng Tỉnh ủy cùng hai ban tiến hành kiểm kê đánh giá để chuyển giao hợp nhất. Những trang bị đồ dùng dư thừa giao cho Văn phòng thu hồi quản lý theo chế độ chính sách hiện hành. Riêng tài sản cố định nhà cửa của hai ban giao cho Văn phòng Tỉnh ủy lập kế hoạch trình Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt phân phối cho những ban có yêu cầu sử dụng. Không ban nào được tự ý bố trí ở hoặc làm việc khi chưa được phân phối.

5. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Kinh tế Tỉnh ủy thi hành theo Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 390-QĐ/TU, ngày 12-3-1988

Về việc giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy

- Căn cứ vào Thông báo số 46/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về bộ máy tổ chức cấp tỉnh, thành phố;
- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ công tác và nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức sắp xếp lại bộ máy cấp tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy, chuyển giao nhiệm vụ nội chính sang Văn phòng Tỉnh ủy đảm nhiệm.
2. Ban Nội chính Tỉnh ủy có trách nhiệm bàn giao công tác, tài sản, cán bộ (nếu Văn phòng Tỉnh ủy có yêu cầu) sang Văn phòng Tỉnh ủy trực tiếp quản lý, sử dụng theo chế độ chính sách hiện hành. Ban Nội chính Tỉnh ủy có trách nhiệm giải quyết xong số cán bộ, nhân viên dôi ra theo Quyết định số 19-QĐ/TW, ngày 5-10-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 227/HĐBT, ngày 29-12-1987 của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy thi hành theo Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 391-QĐ/TU, ngày 16-3-1988

Về việc chỉ định Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

- Căn cứ vào Điều 46 Chương VIII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 9-3-1988 về việc chỉ định lại Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định các đồng chí có tên sau đây vào Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh.

1- Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Bí thư Đảng đoàn.

2- Đồng chí Ngô Đình Kính, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Phó Bí thư Đảng đoàn.

3- Đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn.

4- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn.

5- Đồng chí Hoàng Công Dung, Ủy viên Ban Thường vụ

Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn.

6- Đồng chí Đỗ Tuất, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn.

7- Đồng chí Thào A Tráng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 403-QĐ/TU, ngày 23-3-1988

Về việc tách cơ sở đảng

- Căn cứ Quyết định số 75-NN-TCCB/QĐ, ngày 13-2-1988 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm về việc chia Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú thành 3 xí nghiệp;
- Căn cứ Điều 29, 30 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tách Đảng bộ Nông trường Liên Sơn có 98 đảng viên ra khỏi sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú về dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Văn Chấn.

Điều 2. Do có sự sắp xếp lại về tổ chức và đảng viên để cho phù hợp với hình thức tổ chức mới, trong khi chờ Đại hội bầu cử Ban Chấp hành Đảng ủy mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành Đảng ủy lâm thời (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Nhiệm vụ của Đảng bộ thực hiện theo Điều 34, 35 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 4. Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tình hình, hồ sơ tổ chức đảng và đảng viên cho Huyện ủy Văn Chấn.

Điều 5. Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú, Huyện ủy Văn Chấn, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ Quyết định này thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH

Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Liên Sơn

- 1- Đồng chí Sa Hữu Nông, Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Vũ Đức Lễ, Phó Bí thư
- 3- Đồng chí Phạm Văn Hoa, Ủy viên Thường vụ
- 4- Đồng chí Vũ Trọng Phú, Ủy viên Ban Chấp hành
- 5- Đồng chí Nguyễn Thế Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 6- Đồng chí Phạm Văn Bùi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 7- Đồng chí Phạm Văn Hai, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đồng chí Bàn Phúc Tài, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Đồng chí Hoàng Đình Xuyên, Ủy viên Ban Chấp hành.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 404-QĐ/TU, ngày 23-3-1988

Về việc tách thành lập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Quyết định số 75-NN-TCCB/QĐ, ngày 13-2-1988 của Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm về việc chia Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú thành 3 xí nghiệp;
- Căn cứ vào Điều 29, 30 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Đảng bộ cơ sở Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Nghĩa Lộ trên cơ sở 2 Đảng bộ Nông trường Nghĩa lộ và Nhà máy chè Nghĩa Lộ có 299 đảng viên và đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Văn Chấn.

Điều 2: Trong khi chờ Đại hội bầu cấp ủy mới, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành Đảng ủy lâm thời (có danh sách kèm theo).

Điều 3: Nhiệm vụ của Đảng ủy thực hiện theo Điều 34 và 35 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 4: Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú có trách nhiệm bàn giao đầy đủ về tình hình và hồ sơ về Tổ chức Đảng và đảng viên cho Huyện ủy Văn Chấn.

Điều 5: Huyện ủy Văn Chấn, Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ Quyết định này thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH

Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Nghĩa Lộ

1. Đồng chí Vũ Tất Huệ	Bí thư Đảng ủy
2. Đồng chí Nguyễn Văn Chinh	Phó Bí thư
3. Đồng chí Chu Quốc Tuấn	Ủy viên Thường vụ
4. Đồng chí Tăng Hữu Nhược	Ủy viên Ban Chấp hành
5. Đồng chí Vũ Quang Điều	Ủy viên Ban Chấp hành
6. Đồng chí Nguyễn Ngọc Tú	Ủy viên Ban Chấp hành
7. Đồng chí Tạ Bá Tạo	Ủy viên Ban Chấp hành
8. Đồng chí Vũ Thị Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
9. Đồng chí Vũ Ngọc Dương	Ủy viên Ban Chấp hành

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 405-QĐ/TU, ngày 23-3-1988

Về việc tách thành lập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Quyết định số 75-NN-TCCB/QĐ, ngày 13-2-1988 của Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm về việc chia Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú thành 3 xí nghiệp;
- Căn cứ vào Điều 29, 30 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Đảng bộ cơ sở Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú trên cơ sở 2 đảng bộ Nông trường Trần Phú và Nhà máy chè Trần Phú có 475 đảng viên và trực thuộc sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn.

Điều 2: Trong khi chờ Đại hội bầu cấp ủy mới, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định các đồng chí sau đây vào Ban Chấp hành của Đảng ủy lâm thời (có danh sách kèm theo).

Điều 3: Nhiệm vụ của Đảng bộ thực hiện theo Điều 34, 35, 36 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Tỉnh ủy giao cho Đảng ủy có quyền như Huyện ủy đối với việc chuẩn y kết nạp đảng viên, và thi hành kỷ luật đảng viên. Đối với việc thi hành

kỷ luật đảng viên sẽ căn cứ vào Điều lệ Đảng và sự phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 4: Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú có trách nhiệm bàn giao đầy đủ mọi thủ tục, hồ sơ có liên quan tới công tác Đảng và đảng viên cho (...).

Điều 5: Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH

Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp công nghiệp chè Trần Phú

1. Đồng chí Hà Văn Gia	Bí thư Đảng ủy
2. Đồng chí Bùi Thọ Vực	Phó Bí thư
3. Đồng chí Phạm Anh Tuấn	Ủy viên Thường vụ
4. Đồng chí Bùi Viết Chi	Ủy viên Ban Chấp hành
5. Đồng chí Hoàng Đình Phát	Ủy viên Ban Chấp hành
6. Đồng chí Hoàng Đức Trí	Ủy viên Ban Chấp hành
7. Đồng chí Nguyễn Đình Đua	Ủy viên Ban Chấp hành
8. Đồng chí Đoàn Sinh Thiêng	Ủy viên Ban Chấp hành
9. Đồng chí Đinh Văn Khoát	Ủy viên Ban Chấp hành
10. Đồng chí Bùi Xuân Lý	Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Nguyễn Thị Mỹ	Ủy viên Ban Chấp hành

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 407-TB/TU, ngày 28-3-1988

Về kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ

Kính gửi: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 9-3-1988 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp quyết định Ban Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp, giữ chức Giám đốc Sở.

2- Đồng chí Trần Việt Hưởng, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, giữ chức Phó Giám đốc Sở.

3- Đồng chí Đặng Văn Nghiết, Phó Ban Định canh định cư và Kinh tế mới, giữ chức Phó Giám đốc Sở.

4- Đồng chí Trần Quyết, Phó Giám đốc Sở Lâm nghiệp, giữ chức Phó Giám đốc Sở.

5- Đồng chí Đặng Ngọc Lộng, Phó Giám đốc Sở Lâm nghiệp, giữ chức Phó Giám đốc Sở.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo để các đồng chí tiến hành thủ tục cần thiết về mặt nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 411-QĐ/TU, ngày 28-5-1988

Về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Tỉnh ủy

I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Văn phòng Tỉnh ủy có chức năng giúp Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và bộ phận Thường trực, trực tiếp là giúp các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy điều hành công việc lãnh đạo của Tỉnh ủy, là trọng tâm thông tin tổng hợp, làm tham mưu trực tiếp và phục vụ trực tiếp cho sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Văn phòng Tỉnh ủy có những nhiệm vụ chính sau đây:

1- Giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và bộ phận Thường trực Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình công tác, quy chế làm việc, điều hành bộ máy Đảng.

Làm biên bản và hồ sơ các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực cấp ủy.

2- Giúp cấp ủy làm công tác thông tin tổng hợp, biên tập theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị các đề án, dự thảo nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, tổ chức việc ra các quyết định.

Chỉnh lý hoặc biên tập các văn bản, văn kiện chỉ đạo của cấp ủy.

Giúp cấp ủy theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của các cấp ủy, tình hình, kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết ở các ban, ngành, các huyện, thị, Đảng ủy. Thường xuyên báo cáo tình hình với Thường trực cấp ủy, biên tập các dự thảo báo cáo phục vụ sinh hoạt của cấp ủy để gửi báo cáo lên Trung ương và thông báo xuống cấp dưới theo quy chế, chế độ quy định.

- Giúp kiểm tra thực hiện chỉ thị, nghị quyết khi được giao.

3- Giúp cấp ủy tiếp nhận, đăng ký, chuyển giao, theo dõi kết quả xử lý giải quyết các đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị gửi đến Tỉnh ủy. Tổ chức việc tiếp người đến Tỉnh ủy để đề đạt nguyện vọng, kiến nghị, tố cáo, khiếu nại. Thường xuyên giúp Tỉnh ủy báo cáo lên Trung ương tình hình xử lý các đơn thư gửi tới Tỉnh ủy và đơn thư từ Trung ương gửi xuống.

4- Tổ chức việc đăng ký công văn đi đến, đánh máy, in sao các tài liệu của cấp ủy, quản lý sự vận hành các tài liệu đó trong bộ máy đảng, thu hồi, lưu trữ tài liệu đi đến của cấp ủy, kể cả tài liệu mật.

5- Giúp cấp ủy trong công tác thu, chi tài chính Đảng trong tỉnh, từ dự toán thu, chi, phân bổ tài chính ngân sách, thanh quyết toán kịp thời với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

Từng bước đi vào tổ chức sản xuất kinh doanh ở tỉnh và các huyện, thị, Đảng ủy để tạo và tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Đảng, góp phần cải thiện đời sống, dần dần tiến tới tự cân đối ngân sách Đảng trong tỉnh theo Chỉ thị 12 của Ban Bí thư.

Giúp Tỉnh ủy quản lý tài sản thuộc hệ thống các cơ quan Đảng trong tỉnh.

6- Tổ chức và phối hợp tổ chức, bảo đảm các điều kiện vật chất phục vụ như nhà cửa, trang thiết bị, ăn, nghỉ, đi lại..., thông tin liên lạc, bảo vệ trật tự, an toàn cho hoạt động của cấp ủy trong lãnh đạo và chỉ đạo công tác.

7- Quản lý, phát huy, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong cơ quan để bảo đảm việc thực hiện tốt các nhiệm vụ nói trên.

II. VỀ TỔ CHỨC

Văn phòng Tỉnh ủy là một cơ quan chuyên môn của Tỉnh ủy, về tổ chức gồm có:

1. Bộ phận nghiên cứu tổng hợp, biên tập: Có nhiệm vụ giúp chánh văn phòng tổ chức thực hiện chương trình công tác của cấp ủy, ghi và làm biên bản các kỳ họp Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị các đề án, các quyết định Tỉnh ủy và Ban Thường vụ, theo dõi thường xuyên việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy ở các ban, ngành, các huyện, thị, Đảng ủy, khai thác tốt các nguồn thông tin, làm công tác thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, kiến nghị các chủ trương, biện pháp, công tác, xử lý các kiến nghị của các cấp, các ngành đối với Tỉnh ủy.

Biên tập và chỉnh lý các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của cấp ủy, biên tập các tài liệu, các bài nói và viết của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, thường xuyên báo cáo tình hình, thảo các báo cáo chung, hoặc phần mình phụ trách, giúp Tỉnh ủy báo cáo lên Trung ương và thông báo xuống cấp dưới. Thường xuyên nắm chắc tình hình mọi mặt của các đơn vị mình được phân công theo dõi, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Giúp Tỉnh ủy đăng ký chuyển giao theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các thư từ khiếu tố, kiến nghị, tiếp dân.

2. Phòng Hành chính - quản trị (bao gồm cả văn thư, lưu trữ, tổ chức, quản trị, lái xe, bảo vệ cơ quan) có nhiệm vụ:

Làm công tác văn thư (cả đăng ký đánh máy, in tài liệu, thu hồi) và lưu trữ, bảo mật tài liệu của cấp ủy.

- Làm tham mưu trong công tác tổ chức, cán bộ, lao động tiền lương, các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công nhân viên. Chăm lo vật tư trang thiết bị, điều kiện, phương tiện làm việc, quản lý, sử dụng tốt tài sản nhà cửa, vườn hoa cây cảnh.

Chăm lo tổ chức sản xuất kinh doanh, phục vụ ăn nghỉ, làm việc, các hội nghị, tiếp khách, làm việc của cấp ủy và đời sống,

phúc lợi cán bộ, công nhân viên trong cơ quan (kể cả các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy).

Chăm lo tổ chức bảo vệ khu vực cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh, văn hóa, văn nghệ, thể thao.

Làm nhiệm vụ quản lý hành chính của cơ quan như hộ tịch, hộ khẩu, kỷ luật lao động... của cơ quan, cùng với công đoàn quản lý công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật. Đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ văn phòng các huyện, thị, Đảng ủy.

3. Phòng Tài chính, tài vụ có nhiệm vụ

Giúp cấp ủy trực tiếp là chánh, phó văn phòng làm nhiệm vụ quản lý các chính sách, chế độ về tài chính, tài vụ thuộc hệ thống Đảng trong tỉnh, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra tài chính với kiểm tra các cơ quan Đảng, các huyện, thị ủy.

- Giúp cấp ủy lập các dự toán thu, chi hằng năm, phân bổ ngân sách hằng năm, đôn đốc, kiểm tra việc thanh quyết toán của các đơn vị, làm báo cáo quyết toán lên Ban Tài chính - Quản trị Trung ương theo chế độ quy định.

- Làm nhiệm vụ kế toán, quản lý chi tiêu của cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy.

- Quản lý việc tổ chức sản xuất kinh doanh của các cơ quan Đảng, hướng dẫn kiểm tra về tài chính, tài vụ đối với việc sản xuất kinh doanh nói trên.

- Kiến nghị việc vận dụng các chủ trương, chính sách tài chính Đảng trong tỉnh.

4. Phòng Cơ yếu có nhiệm vụ

- Quản lý nghiệp vụ đối với cơ yếu các huyện, thị.
- Thường xuyên bồi dưỡng kỹ thuật mã dịch cho cán bộ cơ yếu.
- Giữ quan hệ hiệp đồng tốt với cơ yếu quân sự, công an, biên phòng.

- Làm công tác mã dịch thông tin liên lạc phục vụ sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và một số ban, ngành.

- Đi thay thế cơ yếu huyện khi cần thiết.

III. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

1. Văn phòng Tỉnh ủy đặt dưới sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, trực tiếp là đồng chí Phó Bí thư Thường trực.

2. Văn phòng Tỉnh ủy làm việc theo chế độ thủ trưởng, chánh văn phòng chịu trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo, điều hành công việc của văn phòng, có 2 phó văn phòng giúp việc.

3. Chánh văn phòng được ký một số công văn giấy tờ của cấp ủy khi được giao, giới thiệu cán bộ, chuyên viên của Văn phòng Tỉnh ủy làm việc và dự các cuộc họp xét thấy cần thiết của các cấp ủy trực thuộc, hoặc các ban, ngành, được yêu cầu các cấp, các ngành cung cấp thông tin cần thiết về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết.

4. Cán bộ nghiên cứu tổng hợp của Văn phòng Tỉnh ủy làm việc theo chế độ chuyên viên trực tiếp với chánh, phó văn phòng phụ trách tổng hợp, trường hợp cần thiết làm việc trực tiếp với đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Thường trực, được dự các cuộc họp của cấp ủy, Ban Thường vụ bàn chủ trương công tác trong tỉnh thuộc phạm vi mình theo dõi.

5. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy chịu trách nhiệm xây dựng quy chế làm việc trong cơ quan, bàn bạc thống nhất với Ban Tổ chức về biên chế và các chế độ chính sách đối với cán bộ, nhân viên của văn phòng.

6. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp chặt chẽ với các ban của Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân trong khi thực hiện nhiệm vụ, giúp đỡ văn phòng các huyện, thị, Đảng ủy về chuyên môn nghiệp vụ công tác văn phòng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-CT/TU, ngày 28-5-1988

Về chế độ báo cáo lên Tỉnh ủy

Trong những năm qua các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã cố gắng trong việc thực hiện chế độ báo cáo lên Tỉnh ủy, song nhìn chung báo cáo không đều, còn chậm về thời gian và chưa bảo đảm tính chất báo cáo của cấp ủy Đảng.

Để Tỉnh ủy kịp thời nắm được tình hình, chỉ đạo các mặt công tác lớn, nên cần thiết lập trong Đảng một chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác như Đại hội VI của Đảng đã nêu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định lại chế độ báo cáo lên Tỉnh ủy như sau:

I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Báo cáo chính thức

a) Thường kỳ: Có báo cáo tuần, tháng, 6 tháng và 1 năm.

- Hằng tuần có báo cáo nhanh bằng văn bản hoặc điện vào ngày thứ sáu chỉ nêu những việc chính nổi lên ở đơn vị mình, chủ trương giải quyết và những việc chính của tuần tới.

- Hằng tháng: Báo cáo những nét chính về tình hình chỉ đạo và kết quả thực hiện các nghị quyết, chỉ thị công tác lớn của Trung ương và tỉnh ở địa phương đơn vị mình, những vấn đề mới nảy

sinh và chương trình công tác tới, những kiến nghị cần thiết đối với Tỉnh ủy (không dài quá 3 trang).

- Báo cáo 3 tháng bao gồm tình hình quý I, báo cáo 9 tháng bao gồm tình hình 9 tháng trong năm (không dài quá 6 trang).

Báo cáo 6 tháng và năm, đánh giá tương đối toàn diện và kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị công tác lớn của địa phương, đơn vị mình (không dài quá 10 trang).

b) Báo cáo bất thường: Khi có tình hình đột xuất cần báo cáo và xin chỉ thị hoặc có ý kiến đề đạt lên Tỉnh ủy.

2. Các văn bản gửi lên Tỉnh ủy

- Biên bản tóm tắt hội nghị cấp ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy cấp ủy.

- Các nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc cấp ủy.

- Các chỉ thị, thông tri về công tác quan trọng.

- Các bản báo cáo và các văn bản có tính chất chỉ đạo công tác kèm theo nghị quyết, chỉ thị, kết luận, thông báo của các hội nghị chung hoặc chuyên đề do cấp ủy triệu tập.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết cuộc vận động, các đợt công tác lớn thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy ở địa phương.

- Kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương và tài liệu kèm theo (nếu có).

- Báo cáo, nghị quyết Đại hội Đảng bộ và các văn bản cần thiết của Đại hội.

- Đối với các báo cáo chuyên đề thì gửi cho các ban của Tỉnh ủy có liên quan.

3. Báo cáo trực tiếp

- Khi cấp ủy thấy có tình hình cần thiết phải báo cáo trực tiếp.

- Khi Tỉnh ủy yêu cầu.

II. NỘI DUNG BÁO CÁO

- Báo cáo phải có nội dung rõ ràng, ngắn gọn, thiết thực, có nhiều lượng thông tin, kịp thời và chính xác.

- Phải xuất phát từ chức năng lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy, từ trách nhiệm của cấp ủy để đánh giá, kiểm điểm việc vận dụng và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và thực hiện kế hoạch nhà nước, cần phân tích rõ nguyên nhân về lãnh đạo, chỉ đạo để rút kinh nghiệm, đồng thời kiến nghị chủ trương, chính sách, biện pháp mà Tỉnh ủy cần lưu ý giải quyết.

- Phản ánh tình hình lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả các mặt công tác; kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước, công tác dân vận, công tác thư từ tiếp dân, công tác Đảng và tổ chức cán bộ. Song, tùy tình hình cụ thể từng thời gian mà có trọng tâm và tùy loại báo cáo mà xác định nội dung khác nhau cho sát yêu cầu và thực tế.

- Báo cáo 6 tháng và năm cần chú ý đánh giá tổng quát tình hình và kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy một cách toàn diện, đánh giá khách quan, ưu điểm, khuyết điểm và phân tích nguyên nhân chủ quan, dự kiến tình hình để có chủ trương, biện pháp tiếp theo cho sát, đúng.

III. TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO

Bí thư và Phó Bí thư Thường trực thay mặt cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp về các báo cáo lên Tỉnh ủy.

- Báo cáo tuần do Chánh Văn phòng ký gửi lên Tỉnh ủy.

- Báo cáo tháng, để đảm bảo kịp thời, có thể do Chánh văn phòng thừa lệnh cấp ủy ký, song phải được thường trực cấp ủy thông qua nội dung.

- Các báo cáo và các văn bản khác do Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực ký tên.

Yêu cầu công tác thông tin, đòi hỏi ngày càng cao, cấp ủy cần củng cố tốt các cơ quan tổng hợp và văn phòng, đồng thời thường xuyên chỉ đạo để làm tốt công tác thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp mình và của cấp trên.

Yêu cầu các đồng chí lưu ý thực hiện tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 23-BC/TU, ngày 10-8-1988

**Về sơ kết việc thực hiện cuộc vận động làm trong sạch
và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng
và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội**

Thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, với ba nội dung lớn là làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

Bước vào cuộc vận động, chúng ta có thuận lợi vừa được quán triệt tinh thần đổi mới theo Nghị quyết Đại hội VI, nhất là đổi mới trong công tác tổ chức và cán bộ, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về quyền tự chủ quản lý của các đơn vị sản xuất kinh doanh, về an ninh, quốc phòng, chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm sử dụng tốt báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, hướng dẫn tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 21 của Ban Bí thư Trung ương Đảng gắn kiểm điểm cuối năm 1987, về sắp xếp lại bộ máy giảm nhẹ biên chế hành chính. Chúng ta đã có kinh nghiệm và thu được kết quả nhất định khi thực hiện Chỉ thị 79 và Thông báo 74 của Trung ương.

Song cũng không gặp không ít khó khăn về nhiều mặt, thiếu vốn, nguyên vật liệu trong sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế chưa hoàn chỉnh, lương thực căng thẳng, giá cả tăng nhanh, đời sống

của người ăn lương và lực lượng vũ trang gặp khó khăn nhiều, tệ nạn tiêu cực, tham ô, trộm cắp, có chiều hướng tăng hơn trước, gây tâm lý lo lắng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

I. NHỮNG KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Tổ chức quán triệt nghị quyết cho cán bộ, đảng viên và nhân dân

Sau khi có nghị quyết về cuộc vận động, Tỉnh ủy đã khẩn trương chuẩn bị tài liệu, lên kế hoạch chọn điểm chỉ đạo. Tỉnh đã tổ chức quán triệt trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy đến cán bộ chủ chốt sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đảng bộ trực thuộc, tổ chức bồi dưỡng báo cáo viên. Các ban xây dựng Đảng đã chủ động có kế hoạch hướng dẫn về nội dung phương pháp quán triệt về khảo sát, nhận xét cán bộ, tập hợp và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Ngoài ba điểm chỉ đạo của tỉnh là Văn Chấn, Bảo Thắng, Công ty Vật tư tổng hợp, các huyện, thị, Đảng ủy đã chọn 63 điểm trong đó chiếm 31,4% phường và thị trấn 5,9%, khối kinh tế, 53,7%. Các điểm còn lại 9,2%. Cấp ủy đã thành lập các tổ công tác do đồng chí thường vụ cấp ủy làm tổ trưởng cùng một số cán bộ các ban xây dựng Đảng theo dõi cuộc vận động ở các điểm chỉ đạo.

Đến nay số đảng viên được quán triệt là 91,2%, nơi đạt tỷ lệ cao nhất như Bắc Hà, Văn Chấn 98%, nơi đạt tỷ lệ thấp như Yên Bái 84%, một số nơi đã tổ chức quán triệt ra ngoài quần chúng.

Qua học tập cán bộ, đảng viên, nhân dân đều nhất trí cao về cuộc vận động, phù hợp nguyện vọng của quần chúng. Đòi hỏi sự chỉ đạo phải tập trung sức tiến hành cuộc vận động thắng lợi là ý thức trách nhiệm đối với cán bộ các cấp, các ngành.

Thông qua các hình thức mở rộng dân chủ: hòm thư góp ý, phòng tiếp dân, ý kiến của khách hàng, đưa tin qua đài, báo...

quần chúng tích cực góp ý kiến nhiều hơn, đã góp phần đẩy mạnh cuộc vận động.

Ở Văn Chấn, qua học tập quần chúng đã có 1.300 ý kiến góp cho 921 đảng viên (trên 60% số đảng viên trong đảng bộ được góp ý kiến).

Nội dung của các ý kiến nêu lên sự lãnh đạo của Đảng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị đã đề ra, sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển chậm, chưa tích cực đổi mới, quan tâm đến đời sống của quần chúng, chưa đến nơi đến chốn, mất dân chủ, một bộ phận đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm, tham ô, rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, làm sai chính sách, tệ nạn tiêu cực tăng hơn trước.

Những nơi tổ chức học tập tốt sau khi rà soát cán bộ kiện toàn tổ chức, xử lý những người thoái hóa, biến chất thì lòng tin của quần chúng được nâng lên, tác dụng ngăn chặn tiêu cực được thể hiện rõ, nhiệm vụ chính trị được đẩy mạnh hơn trước, xã Nghĩa Lợi (Văn Chấn), Vạn Hoà (Bảo Thắng).

Nhưng trước tình hình khó khăn hiện nay, các biểu hiện tiêu cực chưa được chặn đứng nên một số bộ phận còn hoài nghi, sợ thực hiện không đến nơi đến chốn, không dám đấu tranh, sợ trừ dập, hoặc sợ cuộc vận động đánh vào những người năng động, ngại phần tử xấu lợi dụng để vu cáo, gây rối nội bộ.

Trong quần chúng nhân dân còn trông chờ vào cấp trên, vào tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, có người còn thờ ơ với cuộc vận động, cá biệt có trường hợp còn lợi dụng để phản ánh sai sự thật.

Nhìn chung tiến độ triển khai còn chậm so với kế hoạch của tỉnh, khi phổ biến tài liệu ở chi bộ còn làm lướt, ít phân tích, liên hệ với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị, chưa biên soạn được nhiều loại tài liệu cho phù hợp với từng vùng, từng đối tượng... cấp ủy một số nơi chưa tập trung để triển khai cuộc vận động, còn tập trung nhiều vào việc hoàn thành kế hoạch năm 1987, kế hoạch cuộc vận động trong cơ quan nhà nước và

ngoài xã hội còn nhiều lúng túng, chưa có hướng dẫn từ trên xuống dưới, các đoàn thể quần chúng chưa có kế hoạch cụ thể cho đoàn viên, hội viên của mình phải làm gì, làm như thế nào để thực hiện cuộc vận động. Các ngành tỉnh chưa bám sát để thực hiện cuộc vận động ở huyện, thị và các cơ sở, nhất là những điểm chỉ đạo của tỉnh.

2. Giải quyết các vụ việc tiêu cực

Tỉnh ủy đã có chỉ thị hướng ứng những việc cần làm ngay thực hiện ngày sinh hoạt chính trị ở cơ sở để tiếp xúc với quần chúng nhân dân nghe và trả lời những kiến nghị của quần chúng, bước đầu có kết quả. Để việc tập hợp đơn thư được đầy đủ tránh trùng lặp, Tỉnh ủy đã giao cho các cơ quan Ủy ban Thanh tra, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cùng các ngành báo, Đài Phát thanh, Kiểm sát, Công an tập hợp lại số vụ việc tồn đọng sau khi thực hiện Chỉ thị 79 diện tỉnh quản lý có 57 vụ, đã giải quyết 53 vụ, đạt tỷ lệ 92,98%.

Trong 6 tháng đầu năm 1988 đã giải quyết xong 4 trường hợp thuộc Trung ương quản lý 100%, diện tỉnh quản lý 52 trong số 83 trường hợp đạt 62%, diện huyện, thị quản lý 50 trong số 113 trường hợp, đạt 44%.

Số đơn thư nhận được có 271 đơn, đã giải quyết 130 đạt tỷ lệ 48%, trong đó đúng và đúng một phần 87,7%, phản ánh sai là 12,3%.

Ban Chấp hành Tỉnh ủy kết hợp với tự phê bình cuối năm 1987, làm rõ các vướng mắc tồn tại của các đồng chí trong cấp ủy tỉnh.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo Tòa án tỉnh, Ủy ban Thanh tra, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đang tập trung giải quyết các vụ việc có tính điển hình như vụ tham ô ở Công ty Dược phẩm Văn Chấn, kỷ luật 7 trong tổng số 11 đảng viên, thu hồi công quỹ trên 2 triệu đồng. Vụ tham ô ở Hợp tác xã mua bán huyện Trấn Yên, thu hồi trên 1 triệu 4 trăm ngàn đồng, vụ ở Công ty Thương nghiệp Văn Yên thu hồi 46.7000 đồng.

Ở Bảo Thắng đã tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm ở Sơn Hà, Tăng Lũng, Phòng Thương binh xã hội. Công ty Thương nghiệp và bắt giữ các vụ buôn lậu thu hồi cho Nhà nước trên 20 triệu đồng.

Ở Văn Chấn qua thanh tra 3 hợp tác xã Thượng Bằng La thu hồi được trên 1 triệu 300 ngàn đồng, đã tập trung giải quyết các vụ tham ô nghiêm trọng ở Công ty Thương nghiệp, Công ty Dược phẩm, Công ty Lâm sản. Phòng Thương binh xã hội, thu hồi cho Nhà nước trên 4 triệu 660 ngàn đồng.

Ở Công ty Vật tư tổng hợp đã xây dựng chế độ trách nhiệm, xây dựng quy chế, nhằm lập lại kỷ cương làm việc ngày càng chặt chẽ hơn.

Các đảng bộ khác cũng đã tập trung giải quyết các vụ việc có tính chất nghiêm trọng như Lục Yên giải quyết các vụ ở Công ty Thương nghiệp, Công ty Vật tư nông nghiệp, ở Trấn Yên giải quyết các vụ ở xã Báo Đáp, Y Can, Âu Lâu, ở hợp tác xã mua bán huyện... ở Bảo Yên giải quyết các vụ việc ở Phòng Nông nghiệp, trường vùng cao, cửa hàng thực phẩm, Công ty Vật tư nông nghiệp.

Qua xét xử các vụ kỷ luật thì khiển trách 125, cảnh cáo 28,5%, cách chức 27%, khai trừ 27%, đưa ra 19,1%, biểu hiện của các sai phạm, vi phạm chính sách pháp luật 43% ; vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng 47%, thoái hóa lối sống 10%.

Trong lực lượng vũ trang đã tập trung giải quyết mối quan hệ giữa cán bộ và chiến sĩ, quan hệ quân - dân, Đảng ủy đã dựa vào đảng viên, thanh niên, Hội đồng quân nhân để giải quyết vụ việc được kịp thời và kiên quyết hơn.

Ngoài xã hội, việc đấu tranh chống bọn đầu cơ, buôn lậu đạt kết quả. Quý I năm 1988 đã phát hiện 57 vụ buôn lậu vận chuyển trái phép, bắt giữ 131 đối tượng, trong đó có 6 vụ buôn lậu thuốc phiện, 25 vụ buôn bán hàng Trung Quốc.

Ở Bảo Thắng huyện đã phối hợp với lực lượng kiểm soát quân

sự, quản lý thị trường, thuế công thương nghiệp để giải quyết tiêu cực, cướp giật, buôn lậu.

Ở Văn Chấn đã huy động 120 cán bộ huyện xuống xã giúp xã chỉ đạo học tập, phân loại quần chúng để có biện pháp giáo dục.

Ở các điểm chỉ đạo Văn Chấn, Bảo Thắng đã thành lập các tổ an ninh nhân dân ở thôn bản, cơ quan, hoạt động bước đầu có kết quả.

Nhưng các vụ việc chưa được kết luận rõ ràng hoặc đã kết luận nhưng chưa được xử lý vẫn có nhiều, có việc nghiêm trọng như vụ giết người ở Bản Sen (Mường Khương), vụ giáo viên và học sinh Trường Phổ thông trung học Nguyễn Huệ ăn trộm, có việc tuy không nghiêm trọng nhưng liên quan đến cán bộ chủ chốt huyện, thị hoặc ở ngành tỉnh.

Có nơi trong nội bộ còn nể nang nhau, ngại va chạm chưa nhất trí cao, có người kiên quyết giải quyết vụ việc nhưng có người còn chần chừ do dự.

3. Việc khảo sát, đánh giá, nhận xét cán bộ chủ chốt

Đây là việc làm thường xuyên của các cơ quan quản lý cán bộ, là trách nhiệm của cấp ủy các cấp, đánh giá đúng để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sắp xếp bố trí đúng cán bộ, phát hiện được cán bộ có triển vọng để đưa vào quy hoạch cán bộ.

Qua đánh giá nhận xét 128 đồng chí trưởng, phó ngành cấp tỉnh thấy: 38,4% cán bộ có triển vọng, 40% ổn định, 21% cần thay thế.

Khảo sát 9 huyện, thị: Trấn Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, Lục Yên, Mường Khương, Yên Bình, Bát Xát, Bắc Hà, Yên Bái tổng số ủy viên ban chấp hành là 394 đồng chí, số có triển vọng chiếm 32,7%, ổn định 39,59%, số cần thay thế chiếm 27,66%. Trong đó, Thường vụ huyện, thị ủy có 105, số có triển vọng chiếm 39%, số ổn định 39%, số cần phải thay thế 22%.

Giám đốc các đơn vị sản xuất kinh doanh của huyện trên trong

số 77 đồng chí, số có triển vọng chiếm 38,9%, số ổn định 48,8%, số cần thay thế là 13%.

Ở xã qua đánh giá 6 chức danh, bí thư, chủ tịch, phó bí thư thường trực, xã hội, công an, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp của 8 huyện, trên tổng số 1.108 đồng chí, số có triển vọng 31,76%, số ổn định 51,26%, số cần thay thế là 17%.

Qua đánh giá bước đầu đã thay đổi được 93 cán bộ chủ chốt diện tỉnh quản lý trong đó bố trí lại diện trưởng, phó ngành tỉnh trở lên có 20 đồng chí, đề bạt mới 30 đồng chí, tiếp nhận mới và thay đổi công tác 10 đồng chí, số rút ra khỏi cấp ủy huyện, thị 24 đồng chí (trong đó ủy viên thường vụ 17, bí thư huyện ủy 2 đồng chí). Số mới bổ sung vào cấp ủy huyện 9 đồng chí, trong đó ủy viên thường vụ 6, bí thư huyện ủy 2 đồng chí.

Nhìn chung việc khảo sát nhận xét cán bộ chủ chốt những năm qua là yếu, qua làm Nghị quyết 4 của Bộ Chính trị. Chỉ đạo của tỉnh, các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo tốt song còn những tồn tại:

Vừa qua việc nhận xét đánh giá để thay đổi công tác cán bộ mới chú ý nhiều đến các đồng chí tuổi cao, sức yếu, năng lực hạn chế, chưa đi sâu vào phong cách, phẩm chất đạo đức, nhất là những người giảm sút ý chí chiến đấu, kém tinh thần trách nhiệm, chưa thích ứng và đổi mới.

Việc khảo sát, đánh giá phân loại chưa làm được đồng đều ở các cấp, các ngành, nhiều nơi nắm cán bộ không chắc, khi đánh giá nhận xét chưa đi vào thực chất của người cán bộ, vào tiêu chuẩn của từng loại cán bộ, vào công việc được phân công.

Bước đầu mới thay đổi được cán bộ ở những nơi thấy cấp bách, chưa làm được thường xuyên, liên tục, có trường hợp thấy rõ cần thay thế nhưng còn thiếu nguồn hoặc còn chần trừ do dự, thiếu kiên quyết. Các cơ quan quản lý nắm cán bộ chưa thật chắc. Qua đánh giá để phát hiện người có triển vọng nhất là số chưa có chức vụ để bổ sung vào quy hoạch cán bộ làm còn yếu.

4. Phân loại tổ chức cơ sở đảng, phân tích chất lượng đảng viên

a) Phân loại tổ chức Đảng.

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng là nhiệm vụ hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, một số nơi đã làm đúng theo hướng dẫn của Trung ương là đánh giá các mặt công tác của đơn vị, mở hội nghị của các tổ chức trong đơn vị hoặc hội nghị quần chúng để phê bình sự lãnh đạo của tổ chức đảng, để phê bình cán bộ, đảng viên. Các chi bộ tự nhận xét, xếp loại đảng bộ. Cấp ủy cấp trên phân loại của đảng bộ cơ sở. Sau khi phân xếp loại cấp ủy thông báo danh sách của từng loại trong toàn đảng bộ để có kế hoạch phấn đấu tiếp.

Kết quả phân loại tổ chức toàn tỉnh trong năm 1987.

- Tổ chức đảng vững mạnh chiếm 27,5%.
- Tổ chức đảng khá chiếm 55%.
- Tổ chức đảng yếu chiếm 15,9%.
- Tổ chức đảng kém chiếm 1,5%.

Biểu hiện của các yếu kém là thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt thấp, nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có sai phạm kéo dài, ít quan tâm đến công tác phát triển Đảng, đời sống quần chúng có nhiều khó khăn... như Tân Hợp, Quế Thượng (Văn Yên), Mường Lai, Lâm Thượng, Tân Phượng, Khai Trung, Trung Tâm, thị trấn Yên Thế (Lục Yên); Bản Khoang, Trung Chải, Lao Chải, Nậm Cang (Sa Pa); Nậm Mả, Làng Giàng, Nậm Xây (Văn Bàn), Chi bộ Vật tư thủ công nghiệp thị xã Yên Bái... việc phân loại tổ chức trên đây chưa thật chính xác số tổ chức đảng khá, trong sạch, vững mạnh chiếm 82,5%, còn cao so với thực chất hiện nay.

Đối với những đảng bộ yếu kém, cấp trên chưa có kế hoạch cử cán bộ xuống giúp đỡ kiện toàn các tổ chức đoàn thể, chính quyền nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi bộ, một số nơi để tổ chức đảng vững mạnh xuống yếu kém như Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát.

b) Kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên gắn với tự phê bình cuối năm 1987.

Việc phân tích chất lượng đảng viên theo hướng dẫn của Trung

ương (số 06), các cấp ủy đã gắn việc nhận xét đánh giá phân tích chất lượng đảng viên với đợt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 3-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương, Ban Chấp hành Tỉnh ủy, một số ngành cấp tỉnh và đảng bộ trực thuộc tỉnh đã tiến hành nghiêm túc, làm từ trên xuống dưới, làm từ trong ra ngoài quần chúng, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành đã được kiểm điểm, trước tập thể cấp ủy, chi bộ, các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy kiểm điểm trước cấp ủy tỉnh, tập thể Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh lần đầu tiên được kiểm điểm trong Tỉnh ủy, nhìn chung năm nay làm sâu, làm kỹ hơn, những đồng chí có vấn đề được cấp trên gợi ý yêu cầu làm rõ thì cá nhân kiểm điểm tự giác nói thẳng, nói thật, và có hướng sửa chữa, phương pháp thật dân chủ, sâu sắc.

Những việc phân tích chất lượng đảng viên theo hướng dẫn mới (số 1916, ngày 1-12-1987 của Ban Tổ chức Trung ương), ban hành chậm nên nhiều đảng bộ phân tích theo hướng dẫn cũ thì:

Số phải đưa ra khỏi Đảng 0,65%, số có sai phạm 4,93%, số phấn đấu tốt 94,42%. Kết quả trên đây là chưa sát với tình hình thực tế hiện nay, do đó Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã hướng dẫn lại các cấp ủy đã trực tiếp xuống nghe và góp ý kiến phân tích chất lượng đảng viên ở một số điểm. Đến nay số liệu của một số nơi đã kiểm tra ở Lục Yên số phải đưa ra khỏi Đảng là 2,97%, số sai phạm 18,1%, số phấn đấu tốt 78,9%, ở Mù Cang Chải số phải đưa ra là 4,5%, số có sai phạm 15,7%, số phấn đấu tốt 79,7%... Các ban xây dựng Đảng ở tỉnh và cấp ủy huyện Văn Chấn đã trực tiếp xuống nghe và cho ý kiến ở 2 đảng bộ cơ sở kết quả: Đảng bộ xã Nghĩa Lợi (Đảng bộ yếu) số phải đưa ra 4%, số vi phạm những chưa đến mức phải đưa ra 28,3%, số phấn đấu tốt 67,6%, ở Đảng bộ xã Nghĩa An (Đảng bộ vững mạnh) số phải đưa ra 2,4%, số vi phạm 10,85%, số phấn đấu tốt 86,75%.

Từ khi tiến hành những việc cần làm ngay nhất là sau khi phân tích chất lượng đảng viên đã thi hành kỷ luật 639 đảng viên,

trong đó có 4 trưởng, phó ngành tỉnh, 11 huyện, thị ủy viên, 192 diện tỉnh quản lý.

Trong số đảng viên phải xử lý, cảnh cáo 242, cách chức 91, khai trừ và đưa ra bằng các hình thức 244.

Nhưng có một số nơi số liệu cần được kiểm tra lại như: Thị xã Yên Bái, số phải đưa ra 0,36%, số sai phạm 1,96%, số phần đấu tốt 97,6%, ở Văn Yên số phải đưa ra 1%, số có sai phạm 7,8%, số phần đấu tốt 91%.

Việc tự phê bình và phê bình ở cơ sở nhiều nơi làm chưa tốt còn kéo dài, cấp ủy chưa nắm chắc chất lượng đảng viên, chưa tranh thủ được ý kiến của phường, xã nơi đảng viên cư trú để giúp cho việc nhận xét cán bộ, cách phân loại cũng nắm chưa vững, cấp trên chỉ đạo chưa sát, không trực tiếp xuống nghe và góp ý khi phân tích chất lượng đảng viên.

Một số ngành tỉnh không tranh thủ ý kiến của các cơ quan quản lý cán bộ trong dịp kiểm điểm cuối năm, việc thu nộp bản kiểm điểm cá nhân sau đợt tự phê bình và phê bình cho cơ quan quản lý cán bộ nhiều nơi còn để kéo dài, hoặc không lưu vào hồ sơ cán bộ (diện cấp ủy quản lý). Việc trực tiếp đánh giá nhận xét cán bộ chưa làm được.

5. Kiện toàn tổ chức bộ máy, giảm biên chế, cải tiến chế độ làm việc

Thực hiện Nghị quyết 34 của Bộ Chính trị và Thông tri số 11-TT/TW, ngày 19-8-1987 của Ban Bí thư Trung ương về sắp xếp bộ máy đảng, đoàn thể, bộ máy quản lý nhà nước, Hoàng Liên Sơn là tỉnh được chọn làm điểm. Ban chỉ đạo của tỉnh đã làm việc thận trọng dân chủ bàn bạc, tỉnh báo cáo được Trung ương xét duyệt theo mô hình mới giảm được 13 đầu mối và 64 phòng, ban cấp tỉnh; ở huyện, thị giảm được 152 phòng, ban, mạnh dạn bỏ các đầu mối trung gian trùng, thừa, xác định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng sản xuất kinh doanh; tăng cường chế độ

làm việc trực tiếp, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ lãnh đạo sâu vào nghiệp vụ, năng động hơn, đến nay cơ bản ổn định và đi vào hoạt động.

Tiến hành bố trí lại theo biên chế mới, tích cực giảm hành chính gián tiếp, phục vụ về quản lý nhà nước các ngành cấp tỉnh giảm 29,7%, biên chế cấp huyện giảm 10%.

Việc thực hiện theo bộ máy và biên chế mới được tiến hành nghiêm túc khẩn trương, bước đầu đã giải quyết chế độ cho 78 đồng chí trong đó lãnh đạo ngành tỉnh 20 đồng chí, chấp hành ở các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc 16 đồng chí, giám đốc các đơn vị sản xuất, kinh doanh 19 đồng chí, cán bộ chuyên viên 23 đồng chí. Nhưng một số ngành không biến động nhiều về tổ chức thì chưa thật quan tâm đến việc kiện toàn cơ quan, nhiều nơi chưa lo phân loại cán bộ, chưa xác định chức năng nhiệm vụ cụ thể cho từng người, bố trí vào các công việc, chưa tích cực giảm biên chế, việc giảm biên chế còn nhiều lúng túng, số dôi ra không muốn đi sản xuất, không muốn nghỉ mất sức, không chịu đi xa...

II. NHỮNG ƯU KHUYẾT ĐIỂM CHÍNH

Ưu điểm:

1. Nhiều cấp ủy đã nhận thức được tính chất, yêu cầu, nội dung phương châm của cuộc vận động, đã chọn điểm, lên kế hoạch, tổ chức quán triệt, thành lập các tổ công tác theo dõi cuộc vận động, kiểm tra nắm tình hình (cấp trên kiểm tra cấp dưới). Tiến hành từng bước theo kế hoạch nên bước quán triệt đã làm được trong cán bộ chủ chốt, trong đảng viên, một số nơi đến quần chúng bước đầu đạt kết quả.

2. Một số đảng bộ đã gắn việc chỉ đạo cuộc vận động đối với việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội quyết tâm trong việc giải quyết các vụ việc tiêu cực theo Thông tri số 16-TT/TW, ngày 3-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương, kiểm tra lại những vụ việc tiêu

cực trong đợt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 79-CT/TW và Thông báo 74 của Trung ương, đã giải quyết những vụ việc tiêu cực có tính nghiêm trọng gây tác hại lớn, đã kết hợp giữa giáo dục nội bộ với việc đưa ra trước công luận (báo, đài) đã hỗ trợ cho việc giải quyết vụ việc tiêu cực được nhanh hơn.

3. Công tác khảo sát, nhận xét, đánh giá cán bộ, đảng viên làm tốt hơn các năm trước, đi đúng nội dung cần nhận xét, cách làm cũng tốt hơn, đã tập trung rà soát, đánh giá nhận xét các đồng chí chủ chốt trong cấp ủy, cán bộ chủ chốt các cấp. Giúp cho việc chuẩn bị nhận sự cấp ủy khóa tới.

4. Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy theo Nghị quyết 34 của Bộ Chính trị đã được tiến hành thận trọng nhưng kiên quyết. Tích cực giảm đầu mối, cắt bỏ những đầu mối trung gian, trùng lặp, tăng cường phương pháp làm việc trực tiếp.

5. Nhất là trong 6 tháng đầu năm 1988, tiến hành cuộc vận động gắn chặt với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị và các quyết định của Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng và của Tỉnh ủy, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội đã thu được kết quả. Do đánh giá được tình hình khó khăn về lương thực, thực phẩm, chỉ đạo của các cấp đã có chủ trương, biện pháp kịp thời nên đã tạo được những chuyển biến, tiến bộ đáng kể.

Về sản xuất lương thực, nhất là màu có chuyển biến rõ rệt đi đúng hướng, cả về diện tích, có triển vọng tăng cả năng suất, và sản lượng. Tỉnh đã có nhiều biện pháp, tiền vốn, hàng hóa để trao đổi liên kết mua thêm một số lương thực, tự cân đối đời sống và cứu trợ cho nông thôn, nơi thiếu đói. Từ đó mà đẩy mạnh được sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu có những tiến bộ.

Trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng luôn chủ động, có nhiều biện pháp phát hiện và đánh thắng mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch, có hiệu quả, đẩy mạnh sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về lãnh đạo, chỉ đạo thông qua làm điểm đã rút ra những

phương pháp, cách làm gắn cuộc vận động với nhiệm vụ chính trị, làm từ trên xuống, từ trong ra ngoài, thận trọng, chắc chắn và kiên quyết. Từng bước gắn giữa chống và xây, một vài nơi đã gắn được ba nội dung giữa trong Đảng, cơ quan nhà nước và xã hội.

Tồn tại:

1. Chưa có kế hoạch cụ thể để làm đồng thời trong Đảng, bộ máy nhà nước và ngoài xã hội. Việc thực hiện trong cơ quan nhà nước và ngoài xã hội còn lúng túng.

2. Về yêu cầu của cuộc vận động chưa kết hợp đúng giữa xây và chống, còn nặng về chống ăn cắp, sa đọa, trụy lạc, cá biệt cho cuộc vận động chỉ đơn thuần chống tiêu cực, chưa lên án những người thiếu tinh thần trách nhiệm, kém ý thức tổ chức kỷ luật, kém ý chí chiến đấu, ít chăm lo xây dựng lập trường quan điểm, xây dựng ý chí chiến đấu, nhiệt tình cách mạng cho cán bộ, đảng viên, việc phân công đảng viên làm chưa tốt, chất lượng sinh hoạt chi bộ chưa cao.

3. Cuộc vận động có nội dung lớn và toàn diện, lại tiến hành trong một thời gian dài từ nay đến năm 1990 nên cần có quy chế hướng dẫn, có kế hoạch cụ thể, bước đi thích hợp cho từng nơi, từng thời gian, nhưng hướng dẫn và kinh nghiệm chỉ đạo của Trung ương lại không cụ thể, các địa phương tự mò mẫm, trông chờ nên gặp nhiều lúng túng, các cấp, các ngành chưa thật chủ động tiến hành cuộc vận động để rút ra bài học kinh nghiệm.

4. Một số nơi công tác tác lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động chưa chặt chẽ, còn khoán cho các ban xây dựng Đảng, cấp ủy nắm tình hình cuộc vận động, nắm thực chất của các tổ chức đảng và chất lượng đảng viên không chắc. Không trực tiếp chỉ đạo việc phân loại tổ chức và phân tích chất lượng đảng viên nên phải làm đi làm lại nhiều lần mà kết quả không cao, tiến độ triển khai ở một số nơi còn quá chậm, một số ngành cấp tỉnh, các đoàn thể nhân dân chưa biết làm gì, làm như thế nào để thực hiện cuộc vận động.

Cuộc vận động lúc đầu làm được tập trung, càng về sau lắng dần, trông chờ vào cấp trên, thiếu tính chủ động, tính liên tục.

5. Kiểm điểm về sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện các nghị quyết, nhất là Nghị quyết Đại hội lần thứ VI với tinh thần đổi mới, các nghị quyết của Trung ương, các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và của Tỉnh ủy, qua đánh giá 6 tháng nổi lên tình hình kinh tế, xã hội nhất là thực hiện ba chương trình.

Về lương thực, vốn đã mất cân đối, song chỉ đạo về thâm canh, mở rộng sản xuất toàn diện và thực hiện Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy nay là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị chưa được bung ra tạo thành động lực trong việc thực hiện cơ chế khoán gọn đến hộ. Vì vậy, lương thực ảnh hưởng đến phát triển hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đến chuyên canh cây công nghiệp, phát triển nghề rừng, chăn nuôi và phân phối lưu thông, ngày càng khó khăn, gay gắt, việc thu mua lương thực, nông sản thực phẩm Nhà nước nắm hàng còn rất khó khăn.

Tình hình trật tự, an toàn xã hội và tiêu cực ngày càng tăng có những vụ việc nghiêm trọng, quần chúng không an tâm.

Về chất lượng cơ sở đảng và đảng viên một số nơi giảm sút về sức chiến đấu. Có thể nói lãnh đạo của Đảng chưa phù hợp với tinh thần đổi mới, chưa ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, nhất là trên lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Ta có thể khái quát lại thực hiện cuộc vận động theo Nghị quyết 04. Việc học tập quán triệt cho cán bộ, đảng viên, quần chúng, tuy tỷ lệ đi học trên 90% song mới là bước khởi động (một số còn làm lướt, qua loa phổ biến cho xong, không có nội dung chỉ đạo) gắn giữa nhận thức, kiểm điểm đi đôi với sửa. Lúc đầu cán bộ, quần chúng, đảng viên tin tưởng phần khởi song đến nay một số đã giảm lòng tin.

- Chưa gắn chặt tư tưởng, tổ chức cán bộ với chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, có kế hoạch củng cố cơ sở yếu kém.

- Gắn chặt giữa ba nội dung chưa chặt chẽ, giữa trong Đảng, cơ quan nhà nước, ngoài xã hội.

Kiểm điểm việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI đến nay Trung ương và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết và các quyết định, trong lúc đó có nhiều khả năng sẵn có của sản xuất kinh doanh những vấn đề nảy sinh chưa được tập trung tháo gỡ của nhiều cấp, nhiều ngành còn lúng túng trong việc cụ thể hóa các nghị quyết làm chưa tốt, nhất là năng động đổi mới tư duy.

Có nhiều nguyên nhân, nguyên nhân khách quan, do cơ chế chính sách, những vấn đề đổi mới đặt ra trong trong lãnh đạo chỉ đạo chưa theo kịp, song nguyên nhân chủ quan là chính về nhận thức và trách nhiệm chưa cao, phong cách chỉ đạo chưa thật đổi mới, mang nặng tính hành chính, nặng về trước mắt đôn đốc, chưa thấy hết cái sâu xa là phải xuất phát từ công tác xây dựng Đảng, trong đó là cán bộ và sức chiến đấu của đảng viên và chất lượng của tổ chức cơ sở đảng. Phải mạnh thì việc thực hiện mục tiêu của Đại hội toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh Đảng bộ mới thực hiện được làm cho kinh tế phát triển, đời sống nâng lên, đưa lại niềm tin trong quần chúng.

III. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM

Trong 6 tháng tới, tình hình mọi mặt còn có nhiều khó khăn, gay gắt, nhất là về lương thực, thực phẩm, tài chính, tiền tệ, vật tư, hàng hóa, giá cả, sản xuất còn nhiều khó khăn, thời tiết cũng có khả năng diễn biến phức tạp. (...) Năm 1988 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, năm thứ ba thực hiện kế hoạch 5 năm, chúng ta đã làm nhiều việc lớn, nhưng tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều diễn biến xấu. Để từng bước ổn định và phát

triển, cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt nhất những nhiệm vụ chính sau đây:

a) Với sự cố gắng cao nhất để giải quyết cơ bản vấn đề lương thực, thực phẩm, làm cơ sở để ổn định tình hình mọi mặt.

- Tận dụng mọi khả năng đất đai, vốn, phân bón và các vật tư khác để đẩy mạnh sản xuất lương thực tại chỗ, cả thâm canh mở rộng diện tích, và tăng vụ, đạt cho kỳ được 275 ngàn tấn lương thực quy thóc. Muốn vậy phải đạt và vượt diện tích lúa ruộng mùa, đạt diện tích lúa nương và trên cơ sở kinh nghiệm năm 1987 quyết tâm tăng thêm 1 vụ ngô thu đông, đây là một trong 3 vụ sản xuất chính, đạt diện tích và sản lượng lớn, đồng thời chuẩn bị ngay cho vụ đông - xuân 1988-1989.

- Triển khai tới tất cả các hợp tác xã và các nông, lâm trường, trạm trại thực hiện cơ chế quản lý mới theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, khắc phục tư tưởng do dự, cầu toàn và đi vào khoán với cây công nghiệp, ngành nghề coi đó là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển toàn diện.

- Các ban quản trị cần đứng ra giải quyết vốn, các khâu dịch vụ kỹ thuật cho người nhận khoán, trước hết là giống, phân bón, thuốc trừ sâu, để phát triển sản xuất.

- Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh trồng rừng và khai thác bảo đảm đạt kế hoạch.

b) Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu

Các huyện, thị và các cơ sở phải thực sự đầu tư suy nghĩ để tìm ra những khả năng cụ thể về lao động, đất đai, nông, lâm khoáng sản, phế liệu, trang thiết bị, tiền vốn để thúc đẩy sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, bảo đảm đạt về số lượng và nâng cao chất lượng.

Để thực sự giải phóng lực lượng sản xuất, triển khai sâu rộng Quyết định 217 và các Quyết định 27, 28, 29 của Hội đồng Bộ trưởng, thực hiện quyền chủ động của các xí nghiệp và phát huy các thành phần kinh tế khác, khắc phục sự cản trở, kìm hãm giải

quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình sản xuất, nhất là vốn, giá cả, cung ứng và tự tìm kiếm vật tư nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, chuyển mạnh sang chỉ đạo phát triển tiểu thủ công nghiệp, ở các thị xã, thị trấn, các hợp tác xã nông nghiệp, đi liền với tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại các công ty, xí nghiệp.

Thực hiện quản lý tại gốc đối với các sản phẩm có giá trị như quế, thảo quả, chè... có chính sách cho xã tự đứng ra quản lý trên địa bàn xã, huy động nhân dân, dân quân, công an xã vào công tác này. Đồng thời giải quyết tốt hợp đồng thu mua, tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm lợi ích cho người sản xuất, khuyến khích thu gom sản phẩm phân tán phục vụ sản xuất, đời sống, xuất khẩu.

c) Về giao thông vận tải và xây dựng cơ bản.

Trên tinh thần thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 11 rà lại danh mục công trình xây dựng cơ bản, tập trung đầu tư vào các công trình trọng điểm, tạm đình những công trình xét thấy chưa thấy bức thiết, có thể điều chỉnh một phần vốn để đầu tư vào nông nghiệp, cho sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đầu tư vào khâu nhanh cho hiệu quả, để phát triển sản xuất.

Khẩn trương hoàn chỉnh việc chuẩn bị trên tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm, để khởi công xây dựng cầu Yên Bái, Tô Mậu, đường điện lên Văn Yên, nâng cấp đường bộ Yên Bái - Văn Yên... sửa chữa tốt các trục đường, các tuyến vào Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, phục vụ vận tải mùa mưa và mùa khô tới.

Tập trung vận tải phục vụ sản xuất nông nghiệp, vận chuyển phân bón, vật tư, lương thực, hàng hóa, phối hợp tốt đường bộ, đường thủy, đường sắt.

d) Về phân phối lưu thông, đời sống.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị theo kế hoạch đã ban hành, góp phần thiết thực và có hiệu quả vào chống lạm phát, trong đó rất chú trọng tổ chức lại sản xuất, kinh doanh, chuyển hoạt động của ngân hàng sang hạch toán kinh doanh phục vụ tốt sản xuất, đời sống.

- Làm tốt hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, giải quyết tốt tình trạng găm hàng, dự trữ quá mức vật tư nguyên liệu, hàng và vật tư ứ đọng tồn kho.

- Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, có chính sách khuyến khích quản lý tại gốc chống buôn lậu, đầu cơ, đăng ký lại những người kinh doanh thương nghiệp, nắm chắc doanh thu bảo đảm đạt kế hoạch thu mua lương thực, thực phẩm, có kế hoạch chuyên đề về thu mua chế biến sắn, sản xuất thu mua hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, thu tiền mặt, thu ngân sách, thu mua vàng... giải quyết kịp thời về giá và bảo đảm đủ tiền cho thu mua.

- Có biện pháp tích cực đẩy mạnh thu tiết kiệm, thu công trái, thu xổ số, đi đôi với tiết kiệm chi, làm tốt công tác thanh tra, tài chính mở một đợt chấn chỉnh lực lượng thuế vụ, quản lý thị trường, kiểm lâm và lực lượng lái xe vận tải.

- Bảo đảm tốt tiền lương cho công nhân, viên chức, các đồng chí về hưu và các đối tượng chính sách xã hội, đi đôi với cung cấp hàng hóa thiết yếu để ổn định đời sống.

đ) Về văn hóa xã hội.

Tập trung chủ yếu vào chuẩn bị năm học 1988-1989 theo hướng phấn đấu nâng cao chất lượng là chính, công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét, quản lý chặt các máy chiếu phim và nhập phim ảnh, nhất là máy và phim video, tịch thu những phim ảnh, băng nhạc có nội dung xấu, tích cực xây dựng con người mới, nếp sống mới, báo, Đài Phát thanh tập trung phổ biến rút kinh nghiệm về cải tiến quản lý kinh tế trong quốc doanh, tập thể, phát huy kinh tế gia đình cá thể, giữ gìn trật tự an ninh, đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, chống tiêu cực và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

e) Về an ninh, quốc phòng.

- Triển khai tập huấn về đường lối quân sự của Đảng, quán triệt Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, nghị quyết công tác quân sự,

an ninh của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cùng với kế hoạch triển khai xuống các cấp, các ngành và cơ sở.

- Chuẩn bị và tiến hành tốt đợt diễn tập quân sự trong tỉnh.

Mở đợt vận động quần chúng làm lành mạnh các quan hệ xã hội, tập trung vào các trọng điểm là 5 huyện, thị biên giới, thị xã Yên Bái, Văn Chấn... nhằm chống các loại tội phạm, trộm cắp, buôn lậu, cờ bạc, quản lý tốt người đào đãi vàng, chống phá các đường dây buôn lậu qua biên giới, buôn lậu quế, thảo quả, chè, vàng, bạc...

- Giải quyết ngay việc phối hợp hiệp đồng giữa bốn lực lượng (bộ đội, công an, biên phòng, dân quân) ở huyện và xã biên phòng theo một phương án thống nhất, được triển khai xuống huyện, cụm và xã, do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, để khắc phục những vướng mắc, sơ hở nhằm tăng cường một bước sức mạnh tổng hợp đánh thắng các âm mưu, thủ đoạn của địch trong mùa khô tới.

- Tiếp tục làm tốt công tác tiếp dân, phản ánh và tổng hợp dư luận, công luận, giải quyết tốt hơn các đơn thư tố cáo, khiếu nại nhất là những vụ việc tồn đọng. Tăng cường hoạt động thanh tra, trọng tâm là thanh tra tài chính, công tác kiểm tra, kiểm soát công tác điều tra, tập trung vào các vụ đang tồn đọng và làm tốt công tác truy tố, xét xử, bảo vệ sự công minh, công bằng của pháp luật.

g) Công tác Đảng, tổ chức và cán bộ.

- Trọng tâm là chỉ đạo, triển khai Nghị quyết Trung ương 5, gắn với tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04 của Bộ Chính trị theo Chỉ thị 42 của Ban Bí thư. Để việc triển khai có hiệu quả, cần sơ, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 04 và xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể thực hiện Nghị quyết Trung ương 5.

Qua đó đẩy mạnh công tác tư tưởng, công tác củng cố cơ sở đảng và công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 sát với đặc điểm của tỉnh ta để đem lại hiệu quả thiết thực.

- Tiến hành Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở và cấp trên của cơ sở theo Chỉ thị 37 của Ban Bí thư, mà trọng tâm là kiểm điểm một

cách khách quan, sâu sắc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết theo tinh thần đổi mới để làm cơ sở vững chắc cho việc đề ra chủ trương, mục tiêu, biện pháp về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, công tác quần chúng, công tác Đảng đến hết năm 1990, qua đó làm tốt việc kiện toàn cấp ủy các cấp, tăng cường sức chiến đấu của Đảng.

- Giải quyết tốt những việc còn lại trong sắp xếp bộ máy giảm biên chế, xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc để chuyển các cơ quan nhà nước từng bước sang làm chức năng quản lý hành chính nhà nước, phát huy tốt hiệu lực của bộ máy mới, giải quyết tốt vấn đề sắp xếp biên chế, chú trọng nâng cao chất lượng, giải quyết tốt biên chế dôi ra theo chính sách quy định.

h) Công tác vận động quần chúng.

- Các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể cần tập trung cao vào việc giáo dục. Làm quán triệt sâu sắc trong quần chúng về Nghị quyết 10 và Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị tạo chuyển biến thật sự trong nông nghiệp và phân phối lưu thông, nhằm ổn định đời sống, ổn định tư tưởng, khắc phục tâm lý bị quan, tiêu cực.

- Lãnh đạo tốt Đại hội Công đoàn và Mặt trận tỉnh, đồng thời củng cố nội bộ lãnh đạo các đoàn thể cấp tỉnh, giải quyết tốt những vướng mắc, cản trở trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các đoàn thể.

- Hoạt động của các đoàn thể quần chúng tập trung vào mấy trọng điểm như: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp vụ mùa, vụ thu đông, vụ đông - xuân tới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, vận động thu mua, gắn với chống tiêu cực, động viên và tổ chức quần chúng tham gia, đấu tranh làm lành mạnh quan hệ xã hội. Mỗi đoàn thể phải có 1-2 phong trào mũi nhọn để tạo rõ rệt trong 6 tháng cuối năm.

i) Kịp thời đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 1988 chuẩn bị sớm và tốt kế hoạch năm 1989, theo tinh thần đổi mới công tác kế hoạch hóa.

k) Về lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy.

Tập trung vào mấy công tác lớn như: Triển khai Nghị quyết 10 và Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 5, Chỉ thị 37, Chỉ thị 42, nghị quyết quân sự và an ninh của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với hành động đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, thu thuế, thu mua, thu nợ, chống lạm phát và chống tiêu cực, ổn định đời sống nhân dân, lực lượng vũ trang và cán bộ, công nhân viên.

Tình hình kinh tế, xã hội, trật tự, an ninh tuy có nhiều cố gắng, song vẫn đang có nhiều diễn biến xấu, nếu không khắc phục được sẽ rất gay gắt, phức tạp đòi hỏi các cấp, các ngành phải nhận thức một cách nghiêm túc và nỗ lực lớn, quyết tâm đưa phong trào đi lên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 441-QĐ/TU, ngày 11-8-1988

**Về việc thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị
huyện, thị xã**

- Căn cứ Công văn số 46-VP/TW về quyết định của Ban Bí thư Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng về xây dựng bộ máy đảng từ Trung ương đến huyện, thị trong đó có việc thành lập Trung tâm giáo dục chính trị;
- Căn cứ vào Hướng dẫn số 729 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng, ngày 10-7-1988 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Trung tâm Giáo dục chính trị cấp huyện, thị;
- Căn cứ vào yêu cầu thực tế công tác tư tưởng của các cấp ủy Đảng địa phương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị ở các huyện, thị xã trong tỉnh.

Điều 2. Trung tâm Giáo dục chính trị là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Tuyên giáo huyện, thị, có trụ sở, con dấu riêng, có kinh phí riêng (thuộc văn phòng cấp ủy) có thu để bù một phần ngân sách của Đảng.

Điều 3. Về tổ chức bộ máy: Có giám đốc là phó, trưởng Ban Tuyên giáo huyện, thị, một phó giám đốc được hưởng theo thang lương của Trường Đảng huyện, thị, nơi nào có bộ máy có 4-5 cán bộ, nhân viên thì có 1 giám đốc. Biên chế trước mắt có từ 5-7 cán bộ (trong đó có 1 hoặc 2 lãnh đạo còn lại là cán bộ nghiệp vụ). Số biên chế này nằm trong biên chế đã giao cho Ban Tuyên giáo huyện, thị. Trong số này có một số cán bộ Trường Đảng huyện, thị, cán bộ huấn học, tuyên truyền của Ban Tuyên giáo.

Lê lối làm việc theo chế độ thủ trưởng.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Giáo dục chính trị huyện, thị là trung tâm hoạt động báo cáo viên, Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị và cung cấp thông tin tư liệu về công tác tư tưởng cho cấp ủy theo Hướng dẫn số 729 của Ban Tổ chức Trung ương ngày 11-7-1988.

Điều 5. Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Văn phòng Tỉnh ủy phải hướng dẫn cụ thể cho huyện, thị thực hiện quyết định này (như chế độ chi tiêu, mua sắm các trang thiết bị, vật chất kỹ thuật, xây dựng bộ máy, tiêu chuẩn cán bộ, nghiệp vụ, hướng hoạt động của trung tâm).

Điều 6. Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Tài chính Vật giá tỉnh, Sở Thương nghiệp tỉnh, Sở Nông - lâm tỉnh Hoàng Liên Sơn có kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, chi tiêu tài chính, lương thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng cho trung tâm có điều kiện vật chất để hoạt động.

Điều 7. Ban Thường vụ huyện, thị ủy sau khi thống nhất với Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về nghiệp vụ, bố trí cán bộ và quyết định thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị huyện, thị.

Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, thường trực huyện, thị ủy,

trưởng ngành có liên quan có nhiệm vụ thực hiện Quyết định này. Nếu có gì vướng mắc, kịp thời báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy để giải quyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 05-NQ/TU, ngày 5-9-1988

Về củng cố và phát triển sự nghiệp giáo dục vùng cao

Giáo dục vùng cao tỉnh ta đã trải qua 30 năm xây dựng và phát triển. Trong quá trình đó sự nghiệp giáo dục nói chung và giáo dục vùng cao nói riêng đã đạt được những thành tựu bước đầu, góp phần xứng đáng vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội ở tỉnh ta. Những thành tựu đó là:

1- Mạng lưới trường phổ thông cơ sở đã phát triển đến tận xã, đáp ứng việc học tập của con em đồng bào các dân tộc.

2- Hệ thống trường thiếu nhi vùng cao đã được củng cố và phát triển đến nay đã có 10 trường huyện và một trường phổ thông trung học vùng cao của tỉnh, hàng năm thu hút gần 2.000 em theo học.

3- Giáo dục vùng cao phát triển đã nâng cao một bước trình độ văn hóa của nhân dân các dân tộc và đã góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, cán bộ khoa học - kỹ thuật... phục vụ yêu cầu của cách mạng miền núi.

Quá trình phát triển nhất là trong những năm 1959 đến năm 1975 là những năm có nhiều thành tích. Nhiều xã, nhiều trường được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba như xã: La Pán Tẩn, huyện Mường Chải, xã Bản Phố, huyện Bắc Hà, xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên, xã Mường Lai, Phú Lợi, huyện Lục Yên...

Ở vùng cao nhiều thầy, cô giáo đã có nhiều cố gắng, chịu đựng gian khổ khắc phục khó khăn, bám bản, bám dân, bám trường, bám lớp, là tấm gương sáng của người giáo viên nhân dân.

Trong hoàn cảnh một tỉnh miền núi, biên giới, đã đạt được những thành tựu như trên là một cố gắng to lớn của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc cùng với sự phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên tỉnh ta.

Tuy nhiên với thái độ nhìn thẳng vào sự thật nói đúng sự thật theo tinh thần của Đại hội VI, chúng ta thấy sự nghiệp giáo dục, vùng cao còn nhiều tồn tại phải ra sức khắc phục và tiếp tục phấn đấu vươn lên. Những tồn tại đó là:

Sự nghiệp giáo dục vùng cao hiện nay có biểu hiện giảm sút, trí tuệ hiệu quả thấp. Nạn mù chữ còn nặng, trình độ văn hóa của cán bộ chủ chốt xã không đáp ứng kịp yêu cầu của nhiệm vụ, trẻ em trong độ tuổi chưa ra lớp còn nhiều, tỷ lệ lưu ban, bỏ học quá cao. Các điều kiện cho giáo dục như cơ sở vật chất, trường lớp, bàn ghế sách giáo khoa, đồ dùng dạy học còn quá nghèo nàn thiếu thốn, giáo viên được đào tạo trong những năm gần đây chưa phù hợp với yêu cầu của thực tế vùng cao.

Nguyên nhân của những tồn tại trên đây về mặt khách quan là từ khó khăn của một nền kinh tế tự cung tự cấp, không có sản xuất hàng hóa, nhân dân cư trú phân tán, còn nhiều tập tục lạc hậu và điều kiện thiên nhiên bất lợi cản trở.

Những năm gần đây tình hình kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn nhất là đời sống kinh tế của nhân dân các dân tộc vùng cao. Kẻ địch thì lại thực hiện âm mưu phá hoại nhiều mặt làm cho tình hình vùng cao biên giới mất ổn định.

Nguyên nhân chủ quan trước hết là chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn vị trí chiến lược của vùng cao, của việc đào tạo một đội ngũ cán bộ dân tộc ít người mà khởi đầu phải từ sự chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục.

Mặt khác, các cấp ủy, chính quyền các địa phương và bản

thân ngành giáo dục trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo còn nặng về phong trào, ít quan tâm đến chất lượng và hiệu quả, không kiên trì phương pháp chỉ đạo điển hình, nhân điển hình, ngành giáo dục chưa làm tham mưu tốt cho cấp ủy và chính quyền các cấp địa phương.

Những năm gần đây nhiệt tình của đội ngũ giáo viên bị giảm sút, ít biết làm công tác vận động quần chúng, giáo viên dân tộc vùng cao ít dần.

Tỉnh chưa có chính sách đầu tư thỏa đáng cho giáo dục nói chung và giáo dục vùng cao nói riêng. Các ngành chức năng chưa thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh vùng cao. Chưa có chính sách cụ thể để khuyến khích động viên họ an tâm công tác và học tập.

Trên cơ sở đánh giá những thắng lợi đã đạt được, nhận rõ những tồn tại và nguyên nhân, trong thời gian tới các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể phải có nhận thức đúng “Sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân” mà ra sức lãnh đạo phát huy sức mạnh tổng hợp để đưa sự nghiệp giáo dục vùng cao có những chuyển biến mới.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP CHÍNH

Vùng cao tỉnh ta chiếm 60% diện tích đất đai toàn tỉnh, có khoảng 22 vạn người gồm nhiều dân tộc, đa số là đồng bào Mông và đồng bào Dao, cư trú phân tán, kinh tế chậm phát triển địa hình vùng cao rất hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, mùa đông lạnh giá... nhưng lại có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng về an ninh, quốc phòng, về phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc củng cố và phát triển sự nghiệp giáo dục để nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc, việc tạo nguồn để đào tạo một đội ngũ cán bộ dân tộc vùng cao là một nhiệm vụ hết sức cấp bách.

Củng cố phát triển sự nghiệp giáo dục vùng cao còn xuất phát từ vị trí chiến lược con người và chính sách dân tộc của Đảng. Chúng ta phải ra sức khắc phục tình trạng buông lỏng chỉ đạo, mặt khác phải tập trung sức mạnh tổng hợp của mọi ngành, mọi cấp của toàn Đảng, toàn dân để làm chuyển biến một bước thật vững chắc, có hiệu quả thực sự, nhưng không nôn nóng.

Từ nay đến năm 1995 cần tập trung sức làm chuyển biến một bước sự nghiệp giáo dục vùng cao cả về số lượng và hiệu quả huy động thêm trẻ em trong độ tuổi ra lớp. Phấn đấu hạ thấp tỷ lệ bỏ học và lưu ban, tăng dần số trường có cấp I hoàn chỉnh. Đẩy mạnh công tác xóa nạn mù chữ cho cán bộ chủ chốt xã, cho đảng viên, đoàn viên, phát triển số lượng phải gắn với chất lượng và hiệu quả. Ưu tiên đầu tư cho loại trường phổ thông nội trú và bán nội trú.

Với phương hướng trên, mục tiêu phải phấn đấu như sau:

1- Đến năm 1990 xóa song nạn mù chữ cho cán bộ chủ chốt xã, cho đảng viên dưới 35 tuổi, cho lực lượng cán bộ kế cận, nằm trong quy hoạch. Phổ cập trình độ đọc thông viết thạo, biết làm bốn phép tính đơn giản cho đối tượng trên.

2- Đến năm 1995 xóa song nạn mù chữ cho đoàn viên và một bộ phận thanh niên ưu tú. Huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp đạt tỷ lệ ít nhất từ 50% trở lên. Hạ thấp tỷ lệ lưu ban và bỏ học xuống dưới 20%, tăng số lượng trường hoàn chỉnh cấp I.

3- Có ít nhất bình quân mỗi xã vùng cao một giáo viên dân tộc.

Các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1- Tổ chức quy hoạch một cách hợp lý hệ thống trường lớp ở các xã vùng cao, mỗi xã có trường chính tổ chức bán trú đặt ở bản đông dân nhất. Các bản còn lại tùy lực lượng giáo viên mà tổ chức lớp ghép hai chương trình, ba chương trình.

Ở huyện cần tập trung đầu tư cho ba loại trường.

- Trường thiếu nhi vùng cao tạo nguồn đào tạo cán bộ dân tộc.

- Trường phổ thông lao động làm nhiệm vụ bổ túc văn hóa cho cán bộ xã.

- Trường bồi dưỡng giáo viên làm nhiệm vụ bồi dưỡng vào đào tạo giáo viên dân tộc ở trình độ sơ cấp.

2- Tích cực huy động trẻ em trong độ tuổi đi học bằng nhiều hình thức: Học lớp ghép ở bản, học bán trú ở xã, học các lớp xóa mù chữ. Từng bước bảo đảm cho trẻ em trong độ tuổi 6-15 tuổi biết đọc biết viết thông thạo, biết làm bốn phép tính đơn giản.

3- Tổ chức phong trào xóa mù chữ trong toàn dân với khẩu hiệu “Người biết chữ dạy người chưa biết chữ”, từng xã, từng huyện phải xây dựng chương trình xóa mù chữ cho trẻ em và người lớn từ nay đến năm 1995.

4- Tổ chức bổ túc văn hóa cho cán bộ và đảng viên trong độ tuổi cho đoàn viên thanh niên, từng bước phổ cập cấp I cho từng loại đối tượng, đưa một bộ phận lên trình độ cấp II.

5- Bảo đảm chất lượng và hiệu quả trong công tác xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cũng như giáo dục phổ thông.

6- Tiếp tục nghiên cứu việc dạy chữ dân tộc nhất là chữ dân tộc Mông ở cấp I.

Để bảo đảm cho mục tiêu, nhiệm vụ được thực hiện tốt cần chú ý một số biện pháp chính sau đây:

1- Thông qua việc triển khai nghị quyết này mà làm chuyển biến một bước nhận thức về vị trí của sự nghiệp giáo dục.

2- Mỗi xã bố trí một điểm trường chính ở bản đông dân nhất có từ 1 đến 5 lớp theo hình thức bán trú. Các bản còn lại tùy lực lượng giáo viên mà bố trí các lớp ghép hai hoặc ba chương trình từ lớp 1 đến lớp 3. Nếu mở lớp đơn ít nhất phải có từ 12 học sinh trở lên. Nghiên cứu mở lớp hoặc trường cấp II liên xã, cấp III khu vực...

Ngoài lực lượng giáo viên trong biên chế có thể sử dụng những người biết chữ có phẩm chất tốt, làm giáo viên hợp đồng dạy khoán xóa mù chữ hoặc động viên các lực lượng như bộ đội, công an, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ tăng cường đang công tác ở xã tham gia giảng dạy.

3- Các đồn biên phòng có trách nhiệm phối hợp với các trường ven biên để tổ chức cho bộ đội tham gia giảng dạy xóa mù chữ bổ túc văn hóa.

4- Hiệu trưởng trường phổ thông cơ sở vùng cao phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy và Ủy ban nhân dân về hiệu quả giáo dục của trường mình, nếu trường có hiệu phó thì 1 trong 2 người cần tham gia cấp ủy hoặc chính quyền xã.

5- Cấp ủy, Ủy ban nhân dân xã phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy và Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện chỉ tiêu huy động trẻ em đi học, về chỉ tiêu xóa mù chữ cùng với hiệu quả giáo dục của xã mình.

6- Tập trung đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường thiếu nhi vùng cao hiện có để nâng dần quy mô và hiệu quả đào tạo.

Phải đổi mới công tác tuyển sinh phục vụ cho việc đào tạo cán bộ xã, đào tạo giáo viên và bảo đảm công bằng trong công tác tuyển chọn.

7- Giao cho Tỉnh Đoàn Thanh niên mở thí điểm Trường Thanh niên dân tộc vừa học vừa làm của tỉnh, từ đó rút kinh nghiệm mở rộng dần hệ thống trường này.

8- Giáo viên vùng cao phải được ổn định theo nhiệm kỳ ở một xã. Hằng năm phải thực hiện nhiệm vụ theo định mức khoán cụ thể do Ủy ban nhân dân các huyện quy định cho phù hợp với đặc điểm của từng vùng và từng đối tượng giáo viên.

9- Trường Sư phạm đào tạo giáo viên cấp I, các trường bồi dưỡng cấp huyện phải đổi mới công tác đào tạo. Ủy ban nhân dân các huyện và Sở Giáo dục có trách nhiệm hướng cho học sinh các trường nội trú vùng cao đi vào sư phạm để dần dần có một đội ngũ giáo viên dân tộc theo hướng “dân tộc nào có giáo viên dân tộc ấy”, giáo viên vùng cao phải phấn đấu để làm tốt công tác vận động quần chúng biết dạy lớp ghép, biết tiếng địa phương, trước mắt có thể áp dụng phương thức tuyển thẳng để nhanh chóng có đội ngũ giáo viên dân tộc.

10- Ngành giáo dục phải hướng dẫn việc thực hiện một biên chế năm học ở vùng cao thật linh hoạt để bảo đảm thời gian học, phải hướng dẫn chương trình phổ thông và xóa mù chữ cũng như bổ túc văn hóa cho sát hợp với đặc điểm vùng cao, hướng dẫn thể thức kiểm tra công nhận kết quả, hiệu quả hằng năm một cách chặt chẽ.

11- Cần tổ chức một phong trào kết nghĩa chi viện của các huyện xã vùng thấp đối với các huyện, xã vùng cao.

12- Giáo viên công tác ở vùng cao đủ thời hạn quy định được coi như đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

13- Ủy ban nhân dân tỉnh cần quy định một số chính sách, chế độ cụ thể đối với sự nghiệp giáo dục vùng cao, đối với giáo viên vùng cao bảo đảm cho việc thực hiện nghị quyết được thắng lợi.

14- Cuối năm học, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện cần tổ chức sơ kết việc thực hiện nghị quyết có khen thưởng, động viên những cá nhân và đơn vị xã có nhiều thành tích và có thể đề nghị tỉnh xét khen thưởng.

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP

Để đảm bảo cho nghị quyết được thực hiện thắng lợi, cấp ủy Đảng và chính quyền các địa phương phải thực sự quan tâm lãnh đạo công tác này.

Phải thực sự chăm lo đời sống giáo viên, thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành đối với giáo viên, quan tâm phát triển Đảng trong giáo viên, cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân phải chủ động có kế hoạch từng bước xóa mù chữ và bổ túc văn hóa cho cán bộ, đoàn viên, hội viên. Các đoàn thể Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Nông dân theo chức năng của mình mà tổ chức vận động đoàn viên, hội viên,

thanh niên ra lớp, vận động những người biết chữ dạy người chưa biết chữ, tổ chức phong trào ủng hộ sự nghiệp giáo dục vùng cao bằng tinh thần và vật chất. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải thực sự chăm lo công tác xóa mù chữ và bổ túc văn hóa cho đoàn viên và thanh thiếu niên.

Các ngành như Ủy ban Kế hoạch, Tài chính, Nông - lâm nghiệp, Thương nghiệp... theo chức năng của mình mà cân đối giải quyết kịp thời đầy đủ kinh phí, vật tư, học phẩm, lương thực... phục vụ sự nghiệp giáo dục vùng cao.

Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Sở Giáo dục đào tạo và Công đoàn giáo dục giúp Thường vụ triển khai và chỉ đạo cấp dưới thực hiện nghị quyết. Cần chọn 1 huyện làm thí điểm để rút kinh nghiệm.

Với tinh thần quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Trung ương và Nghị quyết lần thứ IV của tỉnh Đảng bộ, nhất định chúng ta sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt làm chuyển biến một bước sự nghiệp giáo dục vùng cao.

Nghị quyết này được phổ biến các chi, đảng bộ cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-CT/TU, ngày 4-10-1988

**Về việc tăng cường lãnh đạo công tác
hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế**

Hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế có vị trí quan trọng trong việc đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý hợp đồng kinh tế là cơ sở để xây dựng kế hoạch đồng thời là công cụ pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện kế hoạch bằng chế độ trọng tài kinh tế nhà nước đó cũng là biện pháp để vận dụng kế hoạch hóa với thị trường theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Do có nhận thức đúng đắn và đòi hỏi của công tác quản lý, nên thời gian qua các ngành, các cấp, thủ trưởng các đơn vị kinh tế, cơ sở đã bước đầu có sự quan tâm đến công tác hợp đồng kinh tế và sử dụng cơ chế trọng tài kinh tế có hiệu quả.

Tuy nhiên, công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế còn nhiều tồn tại như kỷ luật, kỷ kết thực hiện hợp đồng kinh tế ở một số ngành, huyện, thị và cơ sở trọng điểm chưa nghiêm túc gây ra những rối ren trong công tác quản lý lẫn trong điều hành, thực hiện lợi dụng hợp đồng kinh tế tìm chênh lệch giá không gắn lợi ích Nhà nước với lợi ích của xí nghiệp và người lao động dẫn tới những vi phạm trong nguyên tắc quản lý, mặt khác trong công tác trọng tài kinh tế chưa vươn lên đáp ứng vị trí tương xứng với chức

năng, nhiệm vụ, nguyên nhân là do cấp ủy thủ trưởng các ngành chưa quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và các nghị quyết của Trung ương về lĩnh vực công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Tiếp tục duy trì cơ chế quản lý kinh tế bao cấp quan liêu mệnh lệnh không tính đến hiệu quả kinh tế, tổ chức trọng tài kinh tế chưa được kiện toàn cả về số lượng, chất lượng do vậy chưa thật sự đổi mới phương thức công tác đúng với vị trí chức năng quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Để khắc phục những tồn tại trên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị một số việc cụ thể như sau:

1- Các cấp ủy Đảng, thủ trưởng các ban, ngành, thủ trưởng đơn vị kinh tế cơ sở cần quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và các Nghị quyết 2, 3, 4, 5 về vị trí công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế trong điều hành quản lý kinh tế theo phương thức cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực sự đổi mới về nhận thức đảm bảo cho hợp đồng kinh tế gắn với công tác quản lý và hạch toán, gắn với mối quan hệ kinh tế bằng kế hoạch và thị trường xóa bỏ tình trạng quản lý quan liêu bao cấp không có hiệu quả. Giữ gìn kỷ luật quản lý, kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

2- Từ nay mọi hoạt động kinh tế của năm thành phần kinh tế đều phải thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng có hiệu quả kinh tế đảm bảo được ba lợi ích của Nhà nước của xí nghiệp và của người lao động, ai vi phạm hợp đồng kinh tế đều bị xử phạt vật chất và bồi thường đó là chính sách nhất quán và xử lý công bằng đối với mọi tổ chức và mọi công dân, không phân biệt thành phần kinh tế cũng như cương vị, bảo đảm việc thanh lý hợp đồng theo nội dung ký kết.

3- Trọng tài kinh tế các cấp phải phát hiện xử lý kịp thời mọi vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế, chế độ quản lý để giữ gìn kỷ luật kế hoạch kỷ luật quản lý, thiết thực góp phần ổn định tình hình

kinh tế - xã hội hiện nay, thủ trưởng các ngành, các đơn vị cơ sở phải nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định xử lý và nghiên cứu những kiến nghị của cơ quan Trọng tài kinh tế các cấp gửi đến.

4- Cần quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy trọng tài kinh tế cấp tỉnh và cấp huyện, thị bảo đảm bộ máy gọn nhẹ có hiệu quả. Trước mắt tăng cường cán bộ chủ chốt, cán bộ có phẩm chất năng lực, hiểu biết quản lý và pháp luật cho các tổ chức trọng tài kinh tế để đảm đương được chức năng nhiệm vụ, cần bố trí cán bộ có năng lực quản lý và pháp lý giúp giám đốc chỉ đạo công tác hợp đồng kinh tế ở các đơn vị kinh tế cơ sở và chỉ đạo điều hành hợp đồng kinh tế cụ thể.

Nhận được Chỉ thị này yêu cầu các cấp ủy Đảng, thủ trưởng các ngành tổ chức thực hiện và có báo cáo định kỳ kiểm điểm công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 496-QĐ/TU, ngày 18-10-1988

Thành lập Ban chỉ đạo diễn tập quân sự TN-88

- Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị về việc xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Theo chủ trương của Hội đồng Bộ trưởng và sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu II về việc tổ chức diễn tập quân sự TN-88,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập quân sự TN-88 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm các đồng chí sau đây:

- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban.
- Đồng chí Đỗ Khắc Cương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng ban.
- Đồng chí Hoàng Công Dung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đồng chí Thào A Tráng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đồng chí Nguyễn Thiệp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đồng chí Lò Văn Nhài, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Đồng chí Hoàng Tuyên, Giám đốc Công an tỉnh.

Điều 2. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ tổ chức phối hợp, điều hành cuộc diễn tập đạt được các yêu cầu đã đề ra bảo đảm bí mật và an toàn.

Điều 3. Các đồng chí có tên trên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 499-NQ/TU, ngày 20-10-1988
Về việc chuyển giao Đảng bộ cơ sở

Xét Công văn số 12-CV/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Yên đề nghị việc chuyển Đảng bộ Xí nghiệp khai tuyển Văn Yên, hiện đang trực thuộc Huyện ủy Văn Yên chuyển về trực thuộc Huyện ủy Trấn Yên;

Để bảo đảm hợp lý cho yêu cầu chỉ đạo sản xuất và sinh hoạt của Đảng bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuyển Đảng bộ Xí nghiệp khai tuyển Văn Yên, hiện đang trực thuộc Huyện ủy Văn Yên nay trực thuộc Huyện ủy Trấn Yên.
2. Huyện ủy Văn Yên có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tình hình của Đảng bộ Xí nghiệp khai tuyển Văn Yên cho Huyện ủy Trấn Yên theo đúng nguyên tắc thủ tục quy định.
3. Huyện ủy Văn Yên, Huyện ủy Trấn Yên và Đảng bộ Xí nghiệp khai tuyển Văn Yên căn cứ Nghị quyết thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 515-QĐ/TU, ngày 31-12-1988

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XXI ngày 18-11-1988, và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng họp ngày 19-11-1988;

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XXI gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Huyện ủy
- 2- Đồng chí Mai Văn Điện, Phó Bí thư Huyện ủy
- 3- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Phó Bí thư Huyện ủy
- 4- Đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Nguyễn Kim Đê, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Lê Văn Viêm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Lương Tiến Nùng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Vi Quốc Đạt, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Đồng chí Nguyễn Văn Lỵ, Ủy viên Ban Thường vụ

- 10- Đồng chí Hoàng Xuân Đình, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Đồng chí Hoàng Văn Điền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Vi Văn Đông, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Nguyễn Thị Lương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Đức Cách, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Nông Thị Mẫn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Vàng Văn Rèn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Nguyễn Đại Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Cao Công Ích, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Bùi Quang Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Vũ Văn Nhi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Phạm Văn Cháp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Hoàng Văn Huyền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Cù Huy Chí, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Lê Văn Dự, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Trương Kim Minh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Trịnh Văn Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Vũ Hồng Giang, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Trần Thị Mai, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Nông Xuân Tài, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Trần Xuân Hợp, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Trần Duy San, Ủy viên Ban Cchấp hành
- 34- Đồng chí Lù Thị Dín, Ủy viên dự khuyết Ban Cchấp hành
- 35- Đồng chí Lù A Sê, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Phạm Thị Dẫn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 37- Đồng chí Tãi Quang Lừu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38- Đồng chí Trần Huy Thấu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39- Đồng chí Nguyễn Xuân Yên, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 196-QĐ/TU, ngày 5-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bát Xát khóa XVI**

- Căn cứ Điều 10, 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bát Xát ngày 11-12-1988 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát ngày 12-12-1988,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XVI gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Đào Mạnh Cơ, Bí thư Huyện ủy
- 2- Đồng chí Đào Vĩnh, Phó Bí thư Huyện ủy
- 3- Đồng chí Sùng A Sài, Phó Bí thư Huyện ủy
- 4- Đồng chí Ngô Quang Trung, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Lý Sành On, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Nguyễn Tiến Đông, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên Ban Thường vụ

- 8- Đồng chí Vũ Đình Doãn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Đồng chí Lý Thị Phụng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đồng chí Đinh Công Hoan, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Đồng chí Vũ Ngọc Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Trần Quang Phấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Tần A Hỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Vũ Đình Đống, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Hà Mạnh Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Trần Văn Ái, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Sùng Tráng Pao, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Tần Duân Mênh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Tần A Sâu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Nông Văn Sam, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Đặng Minh Giám, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Đồng chí Nguyễn Văn Tuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đồng chí Đặng Văn Châm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Đồng chí Lò A Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Đồng chí Hoàng Thị Tráng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đồng chí Nguyễn Hữu Định, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Đồng chí Lê Thanh Thủy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Đồng chí Sùng A Khừ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đồng chí Tráng A Sa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Đồng chí Bùi Xuân Năng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Đồng chí Bùi Hữu Lợi, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 32- Đồng chí Lưu Văn Chuôi, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 33- Đồng chí Phí Đức Yên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 34- Đồng chí Vương Trung Lừu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 35- Đồng chí Sùng Thị Xoa, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 36- Đồng chí Ngô Đức Thắng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Huyện ủy Xét và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định này thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 535-NQ/TU, ngày 18-1-1989

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát gồm các đồng chí:
 - 1- Đồng chí Lý Thị Phụng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.
 - 2- Đồng chí Tấn Xuân Lù, Phó Chủ nhiệm
 - 3- Đồng chí Phan Hồng Cải, Ủy viên
 - 4- Đồng chí Vũ Quang Thịnh, Ủy viên
 - 5- Đồng chí Lê Thanh Hải, Ủy viên
2. Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 533-NQ/TU, ngày 18-1-1989

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Thắng

- Căn cứ Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Thắng khóa XXI và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Thắng khóa XXI gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Nguyễn Kim Đề, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
- 2- Đồng chí Vũ Đức Số, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
- 3- Đồng chí Đoàn Văn Giao, Phó Chủ nhiệm
- 4- Đồng chí Phạm Văn Chắp, Ủy viên
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Ủy viên.

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Thắng và các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 534-NQ/TU, ngày 18-1-1989

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên khóa IX và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên khóa IX gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Đặng Xuân Thiều, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Cao Đàm Đạo, Phó Chủ nhiệm
3. Đ/c Nguyễn Thị Ch�, Ủy viên
4. Đồng chí Đỗ Lê Ngōn, Ủy viên
5. Đồng chí Đỗ Văn Định, Ủy viên.

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 202-TB/TU, ngày 22-1-1989

**Về việc quán triệt và thực hiện Thông báo
số 118-TB/TW, ngày 19-11-1988 của Ban Bí thư
Trung ương Đảng về việc qua lại biên giới phía Bắc
(Cho các huyện, thị biên giới trong tỉnh)**

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh (nhất là vùng biên giới) thấy rõ thiện chí của Đảng và Nhà nước ta muốn bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Thiện chí đó xuất phát từ lợi ích của ta trong tình hình mới là giữ vững hòa bình để xây dựng đất nước. Thiện chí đó phù hợp với nguyện vọng của nhân dân hai nước Việt - Trung, phù hợp với xu thế của thời đại, được bạn bè trên thế giới hoan nghênh. Đó là chủ trương lâu dài.

2. Thấy rõ là thực tế cho đến nay phía Trung Quốc chưa đáp ứng thiện chí của ta và tiếp tục cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Trên biên giới trong tỉnh có lúc, có nơi, có mặt vẫn căng thẳng do phía Trung Quốc gây ra, âm mưu dã tâm (...) chưa có gì thay đổi.

3. Xác định rõ nhiệm vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, của cán bộ, đảng viên,

một mặt tích cực góp phần thúc đẩy phía Trung Quốc đi vào bình thường hóa quan hệ với ta, mặt khác đề cao cảnh giác (...), chống mơ hồ, ảo tưởng, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia, chủ quyền kinh tế và luật pháp của Nhà nước ta.

Coi trọng công tác xây dựng cơ sở đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức nhất là các xã giáp biên. củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các lực lượng vũ trang, với tư tưởng lấy dân làm gốc, xây dựng tốt mối quan hệ đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân xây dựng và bảo vệ biên giới.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, tổ chức tốt đời sống nhân dân, làm nền tảng cho cuộc đấu tranh nhằm bình thường hóa quan hệ Việt - Trung.

4. Nắm vững các thể lệ, quy định của Trung ương và địa phương xung quanh việc qua lại biên giới, giao tiếp với phía Trung Quốc và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định đó.

Bốn phần trên tác động qua lại, cấu thành thể vững chắc ở biên giới, trong thực hiện không được coi nhẹ yêu cầu nào.

B. CÁC CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CỤ THỂ

I. QUẢN TRIỆT NỘI DUNG THÔNG BÁO, GIÁO DỤC NHẬN THỨC MỚI VỀ QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1. Nội dung giáo dục

Làm rõ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với Trung Quốc là: Thiện chí, kiên trì phấn đấu bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, khôi phục tình hữu nghị Việt - Trung để giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế. Đây là đường lối chiến lược trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với xu thế của thời đại, đáp ứng lợi ích của hai nước Việt - Trung, không phải là thủ đoạn, sách lược.

Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng chỉ rõ: “Lập trường của chính ta là lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng. Chúng ta cho rằng đã đến lúc hai bên phải ngồi lại cùng nhau thương lượng để giải quyết các vấn đề trước mắt cũng như lâu dài trong quan hệ giữa hai nước. Một lần nữa, chúng ta chính thức tuyên bố rằng: Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới”¹. Theo tinh thần đó, những năm qua chúng ta đã kiên trì cho bình thường hóa quan hệ hai nước.

(...)

- Nói rõ trong nội bộ Đảng, các đơn vị, các ngành công tác ở biên giới: “Chúng ta không ngăn cấm nhân dân hai bên biên giới Việt - Trung qua lại mua bán hàng hóa thiết yếu cho đời sống, sản xuất và thăm hỏi người thân, trong tình hình hai nước chưa bình thường hóa, biên giới chưa bình thường hóa, chưa phải mở cửa biên giới, đây chỉ là sự quan tâm chiếu cố đến thực tế và lợi ích của nhân dân hai bên biên giới”.

- Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân là phải tích cực tham gia công cuộc củng cố, xây dựng biên giới vững mạnh để đủ sức lãnh đạo quần chúng trong tình hình mới, lãnh đạo tổ chức chặt chẽ việc qua lại biên giới, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, mặt khác có thái độ đúng đắn để thúc đẩy phía Trung Quốc có quan hệ bình thường trở lại...

- Làm rõ các quy định cụ thể và quy chế biên giới, quy định qua lại mua bán hàng hóa thiết yếu, thăm hỏi người thân, và lãnh đạo, tổ chức thực hiện các quy định được nghiêm túc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.167.

(...)

3. Hình thức và biện pháp giáo dục nhận thức

- Mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân vùng biên giới trong tỉnh, để giáo dục nhận thức về chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước ta đối với phía Trung Quốc, trang bị những kiến thức cần thiết cho mọi người khi thực hiện thông báo của Trung ương Đảng.

Đợt sinh hoạt chính trị này phải tiến hành từng bước, kết hợp nhận thức với liên hệ kiểm điểm và xây dựng chương trình hành động cụ thể ở từng điểm.

Có thể chia làm 4 đợt sau:

- Đợt 1: Tỉnh mở hội nghị ở khu vực biên giới gồm bí thư, phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, cán bộ chủ chốt các ngành có liên quan ở huyện là: Tuyên giáo, Tổ chức, Biên phòng, Công an, Thương nghiệp, bí thư, chủ tịch các xã biên phòng.

- Đợt 2: Huyện, thị mở cho cán bộ chủ chốt cấp huyện gồm: Bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, Đồn biên phòng, trưởng công an, xã đội trưởng.

- Đợt 3: Đảng ủy xã, tiểu khu, biên phòng, Huyện đội, Công an huyện... mở cho cán bộ chủ chốt cấp xã và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang.

- Đợt 4: Huyện, xã mở cho nhân dân các dân tộc trong huyện.

- Các huyện, thị phía bắc có trách nhiệm kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 03 và 04 về an ninh, quốc phòng của Ban Thường vụ tỉnh về củng cố, xây dựng biên giới xem đã được đến đâu, rồi từ đó có chương trình hành động cụ thể thực hiện thông báo gắn với việc tiếp tục thực hiện các nghị quyết trên.

- Ban Tuyên giáo các cấp cùng với tuyên huấn các đoàn thể huyện, thị và phòng văn hóa bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, có đội thông tin lưu động, các cụm truyền thanh về cơ sở phục vụ đợt sinh hoạt chính trị và đưa

vào tổ chức vào sinh hoạt chính trị như các tổ chức kinh tế - xã hội, các đoàn thể ở cơ sở, các phiên chợ vùng cao để tuyên truyền sâu rộng, đến từng bản, từng người dân.

- Báo, Đài Phát thanh Hoàng Liên Sơn phối hợp với bộ phận tuyên truyền đặc biệt của Tỉnh đội có nội dung và các chương trình truyền thanh qua biên giới, Sở Văn hóa thông tin có kế hoạch cụ thể phục vụ đợt sinh hoạt chính trị này.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch hướng dẫn cụ thể, cung cấp tài liệu, bồi dưỡng báo cáo viên theo dõi sinh hoạt chính trị báo cáo về tỉnh.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

Xây dựng, củng cố biên giới về mọi mặt.

1. Về xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng

Tiến hành khảo sát, nghiên cứu tình hình cơ sở đảng về tổ chức và cơ sở ở những xã giáp biên giới Việt - Trung đề xuất chủ trương, biện pháp củng cố xây dựng về mọi mặt.

Kết hợp với cuộc vận động lớn thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nâng cao trình độ nhận thức lý luận tổng kết thực tiễn, đồng thời xem xét lại đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ chủ chốt cấp huyện và 5 chức danh (bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm hợp tác xã, xã đội trưởng, trưởng công an), cấp xã lựa chọn cán bộ, bố trí những đồng chí trung kiên làm nòng cốt lãnh đạo, chú trọng bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc ở địa phương.

2. Về lực lượng vũ trang

Tăng cường củng cố các đồn biên phòng, kiện toàn đội ngũ cán

bộ chỉ huy, phát huy vai trò tổ chức đảng và đảng viên trong lực lượng vũ trang.

Đoàn kết và phối hợp chặt chẽ các lực lượng bộ đội, bộ đội biên phòng, công an, dân quân tự vệ, nắm chắc tình hình nội, ngoại biên trước và trong khi triển khai thực hiện Thông báo 118, xây dựng kế hoạch đối phó có hiệu quả mọi hành động phá hoại (...).

Tăng cường đoàn kết quân dân, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực trong lực lượng vũ trang.

3. Về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc" của Đảng, xây dựng và củng cố mạng lưới an ninh nhân dân, phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang và an ninh biên giới, thường xuyên kiểm điểm, bổ xung và thực tế chống kẻ xấu xâm nhập biên giới gây rối, gây bạo loạn và đẩy người trở về.

Tiến hành đợt kiểm tra toàn diện vùng biên giới (kiểm tra hộ tịch, hộ khẩu, khảo sát các đường mòn qua lại biên giới), phát hiện và đấu tranh có hiệu quả các hoạt động cài cắm, móc nối gây cơ sở hoạt động chiến tranh tâm lý, buôn lậu qua biên giới, nhất là bọn buôn lậu có tổ chức, có vũ trang, và thủ đoạn lợi dụng thời cơ cài cắm cơ sở.

4. Về kinh tế - xã hội

a) Phát huy kết quả Đại hội Đảng hai cấp, kiên trì công cuộc đổi mới trong thực hiện chương trình kinh tế lớn, phát huy thế mạnh của địa phương miền núi, biên giới, tăng nhanh nguồn lương thực, hàng xuất khẩu, đồng thời kiểm tra củng cố xây dựng cơ sở vật chất, trường học, cửa hàng, trạm y tế, của các xã biên giới, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân làm nền tảng cho biên giới vững mạnh, đủ sức trong quan hệ mới.

- Những ngành được giao nhiệm vụ cụ thể tổ chức chọn người,

cử cán bộ tập huấn các hình thức và biện pháp làm, chuẩn bị mọi mặt khi được phép qua lại biên giới.

b) Về các quy định, quy chế qua lại biên giới.

Hệ thống các quy định, quy chế hành chính pháp luật trong việc qua lại biên giới Việt - Trung (ban hành kèm theo các kế hoạch này).

Nguyên tắc chung của hệ thống các quy định quy chế này là: Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân lao động hai bên biên giới (kể cả Việt Nam và Trung Quốc) qua lại mua bán hàng hóa thiết yếu, thăm hỏi người thân, trong tự do có tổ chức, có kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị và an toàn xã hội.

Hệ thống các quy định về mua, bán hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống và sản xuất. Bao gồm các hàng hóa được mang đi và được mang về (ban hành kèm theo kế hoạch này).

Nguyên tắc chung của hệ thống các quy định này là ngăn chặn có hiệu quả việc lưu chuyển hàng tâm lý chiến, bảo vệ chủ quyền kinh tế của nước ta, kích thích sản xuất nội địa phát triển, đáp ứng nhu cầu cần thiết của nhân dân về đời sống, sản xuất.

c) Tiến hành thí điểm, tổng kết rút kinh nghiệm và mở rộng diện thực hiện.

- Tỉnh lấy huyện Mường Khương làm trước một bước, sau đó rút kinh nghiệm rồi mở rộng điểm.

- Tất cả các ngành có liên quan ở tỉnh đều xuống Mường Khương chỉ đạo cụ thể theo kế hoạch này. Sau một tháng thí điểm, Ban Tuyên giáo, Sở Công an, Chỉ huy Bộ đội biên phòng, Sở Thương nghiệp, Ban Kinh tế Tỉnh ủy có nhiệm vụ cùng các huyện biên giới sơ kết, rút kinh nghiệm chuẩn bị cho việc mở rộng diện thực hiện Thông báo 118 của Trung ương Đảng đến các xã giáp biên.

C. PHÂN CÔNG CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thống nhất, trước hết trực tiếp chỉ đạo nơi thí điểm Mường Khương, nhất là chỉ đạo việc tổ chức sinh hoạt chính trị ở cấp huyện

- Ủy ban nhân dân tỉnh thể chế hóa chủ trương của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy về việc qua lại biên giới, mua và bán hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, thành các quy định cụ thể và chỉ đạo thi hành các quy định này.

- Các huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai và thực hiện kế hoạch của tỉnh, trực tiếp chỉ đạo sinh hoạt chính trị cấp xã và các ngành của huyện, thị trong thi hành cụ thể.

Chỉ huy Bộ đội biên phòng, Sở Công an, Sở Thương nghiệp, Sở Tài chính giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh (nếu cần thiết) và thực hiện các quy định, thể chế qua lại biên giới, mua bán hàng hóa và thăm người thân.

- Trước mắt Tỉnh ủy có thể thành lập bộ phận giúp việc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai và thực hiện. Bộ phận này gồm: các ban Tuyên giáo, Tổ chức, Kinh tế và các ngành Thương nghiệp, Tài chính, Ngân hàng, Công an, Bộ đội biên phòng, đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách phân phối lưu thông, Trưởng bộ phận là đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Khi hoạt động qua lại biên giới trở nên ổn định, bình thường, bộ phận này thôi hoạt động (danh sách có riêng).

Thời gian triển khai và thực hiện.

Trong quý I năm 1989: Triển khai xong đợt sinh hoạt chính trị, quán triệt Thông báo 118 của Trung ương Đảng, kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy. Hoàn thành các phần việc ghi trong mục B của kế hoạch này.

Tháng 4-1989: Triển khai thí điểm và chuẩn bị mở rộng diện thực hiện ra các xã biên giới.

Căn cứ vào kế hoạch chung của tỉnh, các Ban Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra, Kinh tế Tỉnh ủy, các ngành Tài chính, Thương nghiệp, Công an, Bộ đội biên phòng, Tỉnh đội có kế hoạch cụ thể thực hiện bản Kế hoạch này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 536-QĐ/TU, ngày 25-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Hoàng
Liên Sơn khóa V**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 12-QĐ/TW, ngày 30-7-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Căn cứ vào Biên bản số 860-CV/TU, ngày 20-10-1988 của Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về việc phân công một số đồng chí tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày 28-12-1988;
- Biên bản bầu cử Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn họp ngày 28-12-1988,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa V gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Nguyễn Đình Xanh, Phó Bí thư Đảng ủy

3. Đồng chí Lò Văn Nhài, Ủy viên Thường vụ
4. Đồng chí Nguyễn Thành Tín, Ủy viên Thường vụ
5. Đồng chí Đặng Viết Hứa, Ủy viên Thường vụ
6. Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Ủy viên Ban Chấp hành
7. Đồng chí Hoàng Tuyển, Ủy viên Ban Chấp hành
8. Đồng chí Nguyễn Chung Chín, Ủy viên Ban Chấp hành
9. Đồng chí Nguyễn Mạnh Đức, Ủy viên Ban Chấp hành
10. Đồng chí Lý Chung Cẩn, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Phạm Quốc Oanh, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Trần Văn Chia, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Lộc Xuân Quý, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Lê Văn Mưu, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Hoàng Hiếu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
17. Đồng chí Phan Hùng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
2. Nhiệm vụ cụ thể của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.
3. Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 537-QN/TU, ngày 25-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn
khóa IV**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Chấn khóa IV ngày 30-11-1988 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Văn Chấn họp ngày 1-12-1988;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn khóa IV gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Mai Đình Sắc, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Nguyễn Trung Lợi, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Hà Ngoan, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Lương Sơn Trường, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Đặng Tấu, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Hoàng Lộc Nhung, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Cao Bằng, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Phạm Minh Hồng, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Đặng Thế Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Hoàng Cường, Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Sa Minh Trắc, Ủy viên Ban Thường vụ
12. Đồng chí Hà Thị Yên, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Phạm Tiến Sĩ, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Hoàng Trung Năng, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Tống Minh Đăng, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Phạm Thị Chấn, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Hoàng Thị Mế, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Lò Văn Chương, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Phạm Ngọc Chỉnh, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Nguyễn Công Tôn, Ủy viên Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Chấn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 539-QĐ/TU, ngày 25-1-1989

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
Bộ đội biên phòng tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Hội nghị đại biểu Đảng bộ, Bộ đội biên phòng tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày 6-1-1989;
- Xét Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội biên phòng tỉnh Hoàng Liên Sơn họp ngày 7-1-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội biên phòng tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV gồm các đồng chí có tên sau đây:
 1. Đồng chí Nguyễn Đức Linh, Bí thư Đảng ủy
 2. Đồng chí Trần Ngọc Sắc, Phó Bí thư Đảng ủy
 3. Đồng chí Nguyễn Ngọc Quảng, Ủy viên Thường vụ
 4. Đồng chí Nguyễn Duy Thế, Ủy viên Thường vụ
 5. Đồng chí Mai Khánh Thát, Ủy viên Thường vụ
 6. Đồng chí Lê Hồng Uyên, Ủy viên Ban Chấp hành
 7. Đồng chí Nguyễn Đình Chúc, Ủy viên Ban Chấp hành

8. Đồng chí Dương Đức Bẩy, Ủy viên Ban Chấp hành
9. Đồng chí Hoàng Quang Phán, Ủy viên Ban Chấp hành
10. Đồng chí Trần Xuân Trình, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Lại Đức Bảo, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Nguyễn Hữu Biên, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Đậu Xuân Thêu, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Hoàng Minh Ất, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Nguyễn Như Thuận, Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của từng đồng chí Ủy viên Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

2. Đảng ủy Bộ đội biên phòng tỉnh Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 540-QN/TU, ngày 25-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai
khóa IV**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa IV ngày 20-12-1988;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai họp ngày 20-12-1988;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa IV gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Bí thư Thị ủy
2. Đồng chí Phạm Văn Hiền, Phó Bí thư Thị ủy
3. Đồng chí Đỗ Văn Tích, Phó Bí thư Thị ủy
4. Đồng chí Phạm Hồng Toán, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Đào Bá Long, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Trần Văn Việt, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Trần Đình Sự, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Nguyễn Thiện Thuật, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Hoàng Công Tế, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Hoàng Long, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Nguyễn Xuân Hàn, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Nông Văn Kinh, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Đinh Ngọc Tuyển, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Phạm Thị Kim Bông, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Trịnh Duy Chư, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Trần Văn Hợp, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Liễu Việt Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 541-QN/TU, ngày 25-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Mường Khương khóa XVII**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XVII ngày 30-12-1988;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Mường Khương họp ngày 31-12-1988;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1 Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XVII gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Trần Ngọc Tín, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Hoàng Chúng, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Cứ Chấn Hoà, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Đặng Quang Tuyên, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Hữu Thể, Ủy viên Ban Thường vụ

8. Đồng chí Trần Văn Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đồng chí Hứa Xuân Báo, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Si Thị Quý, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Nùng Chấn Phìn, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Thèn Chấn Mìn, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nguyễn Xuân Trường, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Nguyễn Đình Lãng, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Vương Văn Lâm, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Nguyễn Hữu Hén, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Phạm Văn Thành, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện ủy Mường Khương và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 542-QN/TU, ngày 25-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Mù Cang Chải khóa XII**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa XII ngày 22-12-1988;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải họp ngày 24-12-1988;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa XII gồm các đồng chí có tên sau đây:
 1. Đồng chí Giàng Sáy Sinh, Bí thư Huyện ủy
 2. Đồng chí Hoàng Văn Lồng, Phó Bí thư Huyện ủy
 3. Đồng chí Sùng Nhà Chu, Phó Bí thư Huyện ủy
 4. Đồng chí Trần Minh Lộc, Ủy viên Ban Thường vụ
 5. Đồng chí Nguyễn Công Minh, Ủy viên Ban Thường vụ
 6. Đồng chí Triệu Đức Soạn, Ủy viên Ban Thường vụ
 7. Đồng chí Sùng A Vàng, Ủy viên Ban Thường vụ

8. Đồng chí Mùa Sống Già, Ủy viên Ban Chấp hành
9. Đồng chí Giàng A Giao, Ủy viên Ban Chấp hành
10. Đồng chí Lý A Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Thào A Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Nguyễn Hữu Thận, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nguyễn Văn Phồn, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Lý A Chờ, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Lâm Phúc Cố, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện ủy Mù Cang Chải và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 543-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà
khóa IV**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa IV ngày 5-1-1989 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Bắc Hà họp ngày 6-1-1989;

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa IV gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Trần Văn Luân, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Giàng A Pao, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Giàng Seo Phử, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Hà Đức Long, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Đặng Văn Lắm, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Trần Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Phạm Trọng Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Nguyễn Văn Sinh, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Ngô Khoái, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Trần Chí Thi, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Nguyễn Văn Phòng, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Lý Thị Phin, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Bùi Quang Úy, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Đoàn Ngọc Sáng, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Lâm Văn Bằng, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Lý Seo Páo, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Đặng Văn Chạy, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Phan Văn Vành, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Sùng Chấn Phùng, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Lương Ngọc Hoàn, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Đặng Đình Cương, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Vàng Văn Chia, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Lù Xuân Quang, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Giàng Seo Sỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Ngô Xuân Báu, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Phạm Thị Quế, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Lâm Văn Xường, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Giàng Sín Dui, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Nguyễn Thị Lánh, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Vũ Tiến Miện, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Trần Xuân Nghinh, Ủy viên Ban Chấp hành
33. Đồng chí Lý Seo Chúng, Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đồng chí Nguyễn Chí Thảo, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35. Đồng chí Nguyễn Chính Cương, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
36. Đồng chí Ma Thị Yến, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
37. Đồng chí Cu Seo Páo, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
38. Đồng chí Đặng Tiến Phú, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

39. Đồng chí Trần Bá Ban, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 544-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên
khóa XV**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lục Yên khóa XV ngày 7-1-1989 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Lục Yên họp ngày 7-01-1989;

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên khóa XV gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Hoàng Kim Sinh, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Vũ Tiến Chiến, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Phan Duy Hùng, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Mông Ngọc Hưởng, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Triệu Đức Ý, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Duy Đức, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Nguyễn Văn Tuyên, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Bùi Giang, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Lý Thông Quý, Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Triệu Ngọc Đáng, Ủy viên Ban Thường vụ
12. Đồng chí Hoàng Xuân Uyên, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nông Ngọc Tính, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Hoàng Thanh Hồng, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Vi Thị Viện, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Hoàng Ngư, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Đỗ Xuân Liễu, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Nguyễn Hữu Hồng, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Lý Kim Thỏa, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Nguyễn Đức Diệu, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Hoàng Mộc, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Nguyễn Danh Phương, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Lương Văn Phượng, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Lê Trí Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Nông Đình Lại, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Tống Văn Mùi, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Đinh Văn Châu, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Hoàng Thị Vê, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Lê Ngang, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Nguyễn Quang Khuya, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Hoàng Minh Tân, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Triệu Tiến Lục, Ủy viên Ban Chấp hành
33. Đồng chí Lê Xuân Bách, Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đồng chí Nguyễn Văn Vỹ, Ủy viên Ban Chấp hành
35. Đồng chí Hoàng Đức Vượng, Ủy viên Ban Chấp hành
36. Đồng chí Nông Văn Kết, Ủy viên Ban Chấp hành
37. Đồng chí Lộc Xuân Chi, Ủy viên Ban Chấp hành
38. Đồng chí Dương Công Luân, Ủy viên Ban Chấp hành
39. Đồng chí Hoàng Trọng Tâm, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 545-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa
khóa XVI**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XVI ngày 23-12-1988 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Sa Pa họp ngày 24-12-1988;

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XVI gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Nguyễn Trọng Khang, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Sùng A Chỉnh, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Má A Châu, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Chang Hùng Chỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Phạm Văn Hàm, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Nguyễn Mạnh Quy, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Văn Hà, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Dương Thị Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Nguyễn Công Bằng, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Nguyễn Văn Lung, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Hạng A Chúng, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Đỗ Văn Lữ, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nguyễn Tân, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Đỗ Bình, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Đoàn Mai Liên, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Giàng A Pho, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Phạm Đệ, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Tẩn Láo Tả, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Nguyễn Ngọc Lợi, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Lý Phù Trầu, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Nguyễn Văn Khao, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Lý Văn Chương, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Lý Thị Xé, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Vàng A Dế, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Hầu A Vảng, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Lý Sành Phú, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Giàng Thị Vít, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Lù Quang Tền, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
29. Đồng chí Hoàng Đức Sòng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
30. Đồng chí Đinh Ngọc Cầm, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
31. Đồng chí Phan Nho Đăng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 546-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên
khóa IX**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa IX ngày 28-12-1988 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Bảo Yên họp ngày 8-01-1989;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa IX gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Cao Trí Thức, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Lục Văn Liêm, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Đỗ Văn Ngôn, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Hoàng Mịch, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Nguyễn Khắc Lai, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Vi Lam Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Phạm Văn Thịnh, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Nguyễn Văn Cự, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Đặng Xuân Thiều, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Hoàng Tiến Ngật, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Đặng Tiến Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Hứa Tiến Đạt, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nguyễn Thi Đua, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Hà Thị Phú, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Nông Kim Phón, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Nguyễn Hồng Vệ, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Trần Văn Lai, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Nguyễn Xuân Hốt, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Nguyễn Văn Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Phạm Ngọc Lương, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Bàn Văn Tòng, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Hoàng Ung, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Ma Vệ Quốc, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Đỗ Kim Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Hoàng Văn Phương, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Nguyễn Ngọc Sông, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Nguyễn Xuân Thái, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Phạm Ngọc Cử, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Đào Khắc Tộ, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Hoàng Xuân Lân, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Hoàng Ngọc Đại, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Vũ Văn Hồng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
33. Đồng chí Nguyễn Chiến Thắng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
34. Đồng chí Phùng Văn Phong, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35. Đồng chí Hoàng Ngọc Giao, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
36. Đồng chí Hoàng Ngọc Chuyên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

37. Đồng chí Hà Quốc Tiêm, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.
2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 547-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình
khóa XVI**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Yên Bình khóa XVI ngày 13-1-1989 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình họp ngày 14-1-1989;

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình khóa XVI gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Lê Văn Kinh, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Trần Đình Tiến, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Hoàng Lộc Bính, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Hoàng Phúc Ngộ, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Nguyễn Duy Đà, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Nguyễn Văn Trà, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Vũ Tuyên, Ủy viên Ban Thường vụ

8. Đồng chí Nguyễn Ngọc Đức, Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đồng chí Nguyễn Hồng Thái, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Nguyễn Kim Cương, Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Hồ Trung, Ủy viên Ban Thường vụ
12. Đồng chí Đào Duy Vượng, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Đinh Thị Khóa, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Nguyễn Xuân Quán, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Phạm Thế Dưỡng, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Nguyễn Đình Trung, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Trần Trung Thực, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Đặng Quang Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Lương Công Hồ, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Nguyễn Thái Dực, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Lưu Thị Diễm, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Hoàng Thị SỰ, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Nguyễn Thị Ớn, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Lương Quang Đường, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Hồ Văn Hoà, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Hoàng Gia, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Nguyễn Công Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Lý Ngọc Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Vi Văn Chiêu, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Phan Ngọc Quyết, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Lương Hữu Tư, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Vũ Trọng Kháng, Ủy viên Ban Chấp hành
33. Đồng chí Đặng Văn Hy, Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đồng chí Bùi Văn YẾN, Ủy viên Ban Chấp hành
35. Đồng chí Lê Tiến Nam, Ủy viên Ban Chấp hành
36. Đồng chí Lương Đoàn Nghĩa, Ủy viên dự khuyết Ban
Chấp hành
37. Đoàn Thị Mùi, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

38. Đồng chí Lê Xuân Tạo, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
39. Đồng chí Hoàng Cao Nguyên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
40. Đồng chí Đoàn Thị Mùi, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
41. Đồng chí Đào Xuân Nhượng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
42. Đồng chí Hoàng Tương Lai, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 548-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên
khóa IX**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Yên khóa IX ngày 28-12-1988 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên họp ngày 29-12-1988;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

I. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên khóa IX gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Tạ Hữu Thanh, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Đinh Công Thế, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Lê Thanh Hà, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Hoàng Xuân Lộc, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Đào Đình May, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Trần Tỵ, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Hữu Hoàng, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Đặng Nguyên Huyện, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Phùng Văn Kim, Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Đỗ Ngọc Phát, Ủy viên Ban Thường vụ
12. Đồng chí Bàn Hữu Phê, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Lê Tiến Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Nguyễn Văn Bảng, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Trần Duy Định, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hân, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Trần Gia Hội, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Chu Chính Khả, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Nguyễn Xuân Khang, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Phan Thị Khi, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Phương Trọng Liễu, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Nguyễn Thị Mùi, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Nguyễn Thị Năm, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Ngọc Văn Phúc, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Bàn Hữu Quyên, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Hoàng Trọng Quỳnh, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Ngụy Như Văn Thân, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Đặng Hồng Thái, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Phạm Thị Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Đỗ Lâm Triết, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Nguyễn Văn Tứ, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Nguyễn Thị Tự, Ủy viên Ban Chấp hành
33. Đồng chí Hà Như Trù, Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đồng chí Nguyễn Bá Khánh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35. Đồng chí Nguyễn Văn Lưu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
36. Đồng chí Nguyễn Thị Lựa, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
37. Đồng chí Nguyễn Thế Phác, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
38. Đồng chí Nguyễn Văn Diêu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
39. Đồng chí Siêu Ngọc Tân, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

40. Đồng chí Hoàng Đình Tống, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

41. Đồng chí Trịnh Xuân Đính, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 549-QN/TU, ngày 28-1-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái
khóa XIII**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Yên Bái khóa XIII ngày 10-1-1989 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái họp ngày 14-1-1989;

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái khóa XIII gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Vũ Sửu, Bí thư Thị ủy
2. Đồng chí Hoàng Trung Thông, Phó Bí thư Thị ủy
3. Đồng chí Lương Xuân Quý, Ủy viên Ban Thường vụ
4. Đồng chí Cao Trọng Trinh, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Ngô Thanh Ngọt, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Nguyễn Văn Hậu, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Văn Đài, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Nguyễn Đình Phú, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Phùng Cẩm Phương, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Vũ Đức Trình, Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Phạm Tiên, Ủy viên Ban Thường vụ
12. Đồng chí Đào Trí Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nguyễn Công Vang, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Đinh Trọng Đại, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Trần Thị Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Lê Hạo, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Nguyễn Thi, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Nguyễn Văn Quý, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Đinh Long Biên, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Trần Thị Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Nguyễn Ngọc Trang, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Lê Quốc Trân, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Nguyễn Sam, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Dương Thanh Dị, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Trần Duy Nhật, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Nguyễn Văn Bình, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Nguyễn Quang Luận, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Nguyễn Văn Phú, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Nguyễn Thị Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Phạm Tất Thắng, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Lương Văn Tiến, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Hà Đức Hưng, Ủy viên Ban Chấp hành
33. Đồng chí Phan Doãn Sự, Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đồng chí Phùng Tuấn Quyền, Ủy viên Ban Chấp hành
35. Đồng chí Trần Văn Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành
36. Đồng chí Phạm Gia Tăng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
37. Đồng chí Nguyễn Văn Ngo, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
38. Đồng chí Hoàng Kim Túc, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

39. Đồng chí Nguyễn Kim Nhân, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

40. Đồng chí Sái Minh Thành, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

41. Đồng chí Nguyễn Thị Thủy, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

42. Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

43. Đồng chí Hoàng Hải, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

44. Đồng chí Bùi Đức Quang, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

45. Đồng chí Nguyễn Thị Vân Sương, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 550-QN/TU, ngày 13-2-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên
khóa XV**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Trấn Yên khóa XV ngày 21-1-1989 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trấn Yên họp ngày 22-1-1989;
- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên khóa XV gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Trần Thị Thiệp, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Trần Cương, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Nguyễn Thanh Tài, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Phạm Hoạch, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Lê Hồng Vân, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Đinh Đăng Lâm, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Thiều Sản, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Lê Việt Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Nguyễn Văn Tình, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Đoàn Hồng Thắm, Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Lê Quốc Nguyên, Ủy viên Ban Thường vụ
12. Đồng chí Lê Văn Tịnh, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Nguyễn Văn Khánh, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Trần Đình Phúc, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Dương Trung Thọ, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Hà Thị Phong, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Hoàng Viết Trí, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Trần Đình Thuý, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Ngô Văn Thái, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Phạm Duy Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Lộc Văn Minh, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Nguyễn Văn Ngộ, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Đặng Thị Mai, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Cao Thế Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Trần Mạnh Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Nguyễn Ngọc Toán, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Nguyễn Đức Hội, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Nguyễn Văn Duy, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Bồ Xuân Kế, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Lương Văn Tích, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Phan Văn Nhã, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Lương Văn Nhân, Ủy viên Ban Chấp hành
33. Đồng chí Hoàng Đức Minh, Ủy viên Ban Chấp hành
34. Đồng chí Nguyễn Duy Thêm, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35. Đồng chí Nguyễn Đức Pha, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
36. Đồng chí Chu Duy Nguyên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

37. Đồng chí Nguyễn Tiến Nhung, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

38. Đồng chí Lương Văn Ngộ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

39. Đồng chí Trần Xuân, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 551-QN/TU, ngày 13-2-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên
khóa XI**

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XI ngày 12-1-1989 và Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Than Uyên họp ngày 12-01-1989;

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XI gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Mai Ngọc Giao, Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Đào Văn Ty, Phó Bí thư Huyện ủy
3. Đồng chí Lò Xuân Pâng, Phó Bí thư Huyện ủy
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Cảnh, Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Lưu Tuấn Võ, Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Lò Văn Đanh, Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Nguyễn Xuân Đạc, Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Cứ A Chừ, Ủy viên Ban Thường vụ

9. Đồng chí Hoàng Thị Sai, Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí La Đức Đan, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Vũ Hồng Nhị, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Đặng Huy Ngũ, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Vũ Hồng Khanh, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Lò Hải Luân, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Vũ Văn Điệp, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Phùng Văn Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Hoàng Văn Hồi, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Hoàng Đình Cậu, Ủy viên Ban Chấp hành
20. Đồng chí Đỗ Hải Yến, Ủy viên Ban Chấp hành
21. Đồng chí Giang Thị Ất, Ủy viên Ban Chấp hành
22. Đồng chí Lương Văn Trù, Ủy viên Ban Chấp hành
23. Đồng chí Lý Văn Nhục, Ủy viên Ban Chấp hành
24. Đồng chí Nguyễn Đức Nam, Ủy viên Ban Chấp hành
25. Đồng chí Hoàng Văn Bang, Ủy viên Ban Chấp hành
26. Đồng chí Tòng Văn Chức, Ủy viên Ban Chấp hành
27. Đồng chí Đinh Xuân Yên, Ủy viên Ban Chấp hành
28. Đồng chí Lý Phú Nhân, Ủy viên Ban Chấp hành
29. Đồng chí Hoàng Văn Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành
30. Đồng chí Trần Đình Hoà, Ủy viên Ban Chấp hành
31. Đồng chí Cầm Xuân Xanh, Ủy viên Ban Chấp hành
32. Đồng chí Lường Văn Đức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
33. Đồng chí Nguyễn Hữu Nam, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
34. Đồng chí Lê Xuân Thông, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
35. Đồng chí Lò Văn Phụng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
36. Đồng chí Nguyễn Quang Hoà, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

- 37. Đồng chí Phạm Văn Tơ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 38. Đồng chí Lâm Ngọc Viên, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành
- 39. Đồng chí Phạm Quang Nội, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 553-QN/TU, ngày 17-2-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan
tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa II**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đại hội đại biểu Đảng bộ các cơ quan tỉnh ngày 25-1-1989;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ban Thường vụ tại Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh họp ngày 26-1-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa II gồm các đồng chí có tên sau đây:
 1. Đồng chí Lương Đức Thiện, Bí thư Đảng ủy
 2. Đồng chí Lương Thị Mới, Phó Bí thư Đảng ủy
 3. Đồng chí Phạm Đình An, Ủy viên Ban Thường vụ
 4. Đồng chí Vũ Đình Khúc, Ủy viên Ban Thường vụ
 5. Đồng chí Nguyễn Công Hoàn, Ủy viên Ban Thường vụ
 6. Đồng chí Nhâm Trung Hiếu, Ủy viên Ban Chấp hành
 7. Đồng chí Trần Quyết, Ủy viên Ban Chấp hành

8. Đồng chí Nguyễn Văn Thông, Ủy viên Ban Chấp hành
 9. Đồng chí Lê Văn Thơ, Ủy viên Ban Chấp hành
 10. Đồng chí Nguyễn Thế Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành
 11. Đồng chí Phạm Đình Ấp, Ủy viên Ban Chấp hành
 12. Đồng chí Lê Ngọc Ban, Ủy viên Ban Chấp hành
 13. Đồng chí Trần Văn Phúc, Ủy viên Ban Chấp hành
 14. Đồng chí Vũ Đức Phùng, Ủy viên Ban Chấp hành
 15. Đồng chí Nguyễn Xuân Mùi, Ủy viên Ban Chấp hành
 16. Đồng chí Trần Ngọc Huỳnh, Ủy viên Ban Chấp hành
 17. Đồng chí Vũ Ngọc Loan, Ủy viên Ban Chấp hành
 18. Đồng chí Vũ Khang, Ủy viên Ban Chấp hành
 19. Đồng chí Đỗ Quang Minh, Ủy viên Ban Chấp hành
 20. Đồng chí Nguyễn Ngọc Liên, Ủy viên Ban Chấp hành
 21. Đồng chí Nguyễn Đức Tùy, Ủy viên Ban Chấp hành
 22. Đồng chí Dương Văn Xuyên, Ủy viên Ban Chấp hành
 23. Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm, Ủy viên Ban Chấp hành
 24. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Nga, Ủy viên Ban Chấp hành
 25. Đồng chí Nguyễn Danh Chính, Ủy viên Ban Chấp hành
2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.
3. Đảng ủy các cơ quan tỉnh Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 566-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
các cơ quan tỉnh**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa II và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Vũ Đình Khúc, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Trần Ngọc Huỳnh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Nguyễn Việt Thắng, Ủy viên
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Ủy viên
5. Đồng chí Nguyễn Công Hoàn, Ủy viên

2. Ban Chấp hành Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 567-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy
thị xã Yên Bái**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Thị ủy Yên Bái khóa XIII và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Yên Bái gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Ngô Thanh Ngọt, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Đặng Xuân Tám, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Lương Xuân Quý, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Phạm Doãn Sự, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Trịnh Thị Khuê, Ủy viên Thường trực Ủy ban Kiểm tra.

2. Ban Chấp hành Thị ủy Yên Bái, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 568-NQ/TU, ngày 25-2-1989

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
huyện Yên Bình

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Yên Bình khóa XVI và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện Yên Bình gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Huy Đà, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Nguyễn Khắc Cần, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Nguyễn Văn Mậu, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Hoàng Phúc Ngộ, Ủy viên kiêm chức Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Đoàn Thị Lựu, Ủy viên kiêm chức Ủy ban Kiểm tra.

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Yên Bình, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 569-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Bộ đội biên phòng**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ đội biên phòng và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đội biên phòng khóa IV gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Nguyễn Ngọc Quảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Nguyễn Đình Chúc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Nguyễn Trọng Thủy, Ủy viên Thường trực Ủy ban Kiểm tra
 4. Đồng chí Bùi Ngọc Sơn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 5. Đồng chí Nguyễn Đình Bình, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

2. Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ đội biên phòng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 570-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
Lục Yên khóa XV**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Lục Yên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lục Yên khóa XV gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Triệu Ý, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Hoàng Tuấn Sang, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Hoàng Văn Tương, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Nông Quốc Khánh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Lục Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 571-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
Mù Cang Chải khóa XII**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Mù Cang Chải và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra huyện Mù Cang Chải khóa XII gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Mùa Sống Đà, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Trần Xuân Bào, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Triệu Đức Soạn, Ủy viên kiêm chức Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Thào Súa Phổng, Ủy viên kiêm chức Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Lý A Chờ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Mù Cang Chải, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 572-NQ/TU, ngày 25-2-1989

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Phạm Hồng Toán, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Đào Minh Kha, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Mai Thành Vinh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 4. Đồng chí Trần Văn Việt, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 5. Đồng chí Nguyễn Văn Các, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
2. Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 573-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
Than Uyên khóa XI**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Than Uyên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Than Uyên khóa XI gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Vũ Hồng Nhị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Điều Thị Sâm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Nguyễn Văn Ký, Ủy viên chuyên trách
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Cảnh, Ủy viên kiêm chức
5. Đồng chí Hoàng Văn Tinh, Ủy viên kiêm chức

2. Ban Chấp hành Huyện Ủy Than Uyên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 574-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa
khóa XVI**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa khóa XVI gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Tân, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Trịnh Như Ý, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Lương Thị Thái, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Nguyễn Đình Đề, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Lý Sài Quẩy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 575-NQ/TU, ngày 25-2-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
huyện Bắc Hà khóa IV**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Bắc Hà và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện Bắc Hà khóa IV gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Trần Chí Thi, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Trần Xuân Hải, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Giàng Seo Tính, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 4. Đồng chí Ngô Xuân Khoái, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 5. Đồng chí Giàng Sín Diu, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
2. Ban Chấp hành Huyện Ủy Bắc Hà, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 26-BC/TU, ngày 28-2-1989

Tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI

Hai năm thực hiện nghị quyết của Đảng bộ tỉnh trong sự đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, nổi lên một số tình hình dưới đây:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về thuận lợi

- Sau Nghị quyết Đại hội VI, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã có nhiều nghị quyết cụ thể hóa một bước những nội dung đổi mới. Đặc biệt trong năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng đã thể chế hóa về mặt nhà nước trên nhiều lĩnh vực, nhất là về đổi mới quản lý kinh tế.

- Với định hướng và những chính sách đổi mới trên đây, đã khơi dậy tư duy nhận thức lại, thúc đẩy nỗ lực chủ quan các ngành, các cấp vào nghiên cứu vận dụng để xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, nhằm chuyển biến từng bước kinh tế - xã hội và các mặt công tác trên các lĩnh vực. Bước đầu khắc phục tập trung quan liêu, chú trọng hơn đến hiệu quả thiết thực.

2. Khó khăn

- Hoàng Liên Sơn với đặc thù miền núi, biên giới, kinh tế còn mang nặng tính tự nhiên, tự túc, tự cấp, với tập quán của tư duy cũ, thông tin kinh tế hạn chế và cơ sở hạ tầng còn nhiều thiếu thốn, lại thường xuyên chịu sự phá hoại trực tiếp của địch, nhưng Trung ương chưa có chính sách riêng đối với miền núi, nhất là chính sách về kinh tế, trong sự gắn bó mật thiết giữa kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh.

- Nhận thức cũng như thực hiện đổi mới là quá trình trong lúc giao thời chưa đồng bộ còn nhiều vướng mắc. Mặt khác, tình hình giảm sút của năm 1986 dẫn sang năm 1987, bị 2 năm mất mùa nặng kéo theo đột biến giá - lương - tiền, gây lạm phát đã làm xấu thêm tình hình kinh tế - xã hội và đời sống. Trên thực tế chưa tạo động lực cơ bản để làm chuyển biến tình hình theo yêu cầu đổi mới.

Những khó khăn trên đây đã ảnh hưởng lớn đến thực hiện các nhiệm vụ chính trị, cần có sự đánh giá đúng mức kết quả đã làm được với sự cố gắng của toàn Đảng bộ, cũng như các mặt yếu kém để có biện pháp vươn lên phấn đấu thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong các năm tới.

3. Kết quả đạt được

a) Về kinh tế - xã hội:

Nhìn chung về cơ cấu, sản xuất theo ba chương trình kinh tế có phát triển. Có nhiều cố gắng trong sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực. Năm 1988 diện tích cây lương thực chủ yếu tăng 3% so với năm 1986, riêng màu tăng 8%, trong đó ngô tăng 13%. Ước năng suất lúa ở chân ruộng 2 vụ đạt 55 tạ tăng 9%. Tổng sản lượng dự ước 268 ngàn tấn, tăng 7%. Nếu tính cả phần liên kết 1.540 tấn quy thóc thì tỷ lệ đó là 8%. Tốc độ tăng hàng năm của năm 1988 so với năm 1987 cũng là mức tương tự.

Đã quy vùng một số cây công nghiệp: lạc, sả, đỗ tương, mở rộng vùng chè, quế. Có chính sách để giữ đàn lợn và nâng được tỷ lệ đàn lai, đưa đàn trâu tăng lên 7%, đàn bò tăng 13%.

Trồng rừng nói chung đạt kế hoạch. Phong trào trồng cây nhân dân, làm vườn rừng gia đình đã có chuyển biến.

Về công nghiệp: Ước giá trị tổng sản lượng 655 triệu đồng tăng 14%, riêng hàng tiêu dùng 263 triệu tăng 16%. Đã tập trung vào một số sản phẩm có thế mạnh như sứ công nghiệp, xi măng, hàng dệt, hàng mộc, bảo đảm công cụ cho nông nghiệp. Một số mặt hàng mới gắn với phát triển thủ công nghiệp, thu hút lao động ở các thị xã, thị trấn đã được mở rộng như gia công làm hàng xuất khẩu, làm vật liệu xây dựng, đồ giả da, gốm, sứ dân dụng, đất đèn, phèn chua... Chất lượng một số sản phẩm đã đạt trình độ cao theo các cấp quy định của Nhà nước như sứ điện, xi măng trắng, được giao lưu mở rộng trên các thị trường trong nước.

Xuất khẩu có phát triển, ước năm 1988 đạt 3 triệu rúp, đô la tăng 50%, trong đó quế và hàng mây tre tăng trên 40%, quả hộp tăng 20%, chổi chít tăng gấp 3 lần. Mặt khác, đã mở rộng kinh tế đối ngoại, tổ chức liên kết kinh tế giữa các tỉnh trong khu vực và một số tỉnh kết nghĩa ở miền Nam, cũng như tiếp nhận viện trợ hàng hóa của một số tổ chức quốc tế. Thông qua hoạt động kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu đã bổ sung hàng hóa, vật tư, lương thực và góp phần đáng kể vào tích lũy ngân sách giải quyết một số khó khăn ở địa phương.

Trong cơ cấu đầu tư, đã rà soát, đình hoãn một số công trình phi sản xuất, dành khoảng 85% vốn đầu tư theo các chương trình như đầu tư cho biên giới khoảng 25%, cho nông nghiệp 30%, cho công nghiệp 33%. Tập trung vốn đầu tư vào một số công trình lớn như đường biên giới, thủy lợi, đường điện, mở rộng xí nghiệp sứ và đầu tư trồng chè hợp tác với Liên Xô. Mặt khác, đã huy động vốn tự có và vốn nhân dân đầu tư một số cơ sở hạ tầng như cầu, đường điện và phúc lợi.

Việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất gắn với chỉ đạo hạch toán kinh doanh, rà soát hiệu quả theo kế hoạch bốn bước đối với kinh tế quốc doanh. Đã tiến hành sáp nhập và tổ chức các liên hiệp xí nghiệp công - nông nghiệp, khai thác với chế biến, sắp xếp lại một số tổ chức dịch vụ, vận tải và phân phối lưu thông, hoạt động có hiệu quả hơn trước. Nay đang tiếp tục nghiên cứu tổ chức lại đối với ngành xây dựng.

b) *Trong đổi mới cơ chế quản lý* theo Nghị quyết 2 và 3 của Trung ương đã ban hành quy định đổi mới cơ chế kế hoạch hóa, giảm bớt các chỉ tiêu pháp lệnh và nghĩa vụ, ban hành các chế độ trong hạch toán kinh doanh và chế độ tài chính xí nghiệp, các xí nghiệp đã phát huy quyền tự chủ trọng việc bổ sung phương hướng sản xuất và phương án sản phẩm, mở rộng dịch vụ, mở rộng liên kết, thị trường tiêu thụ, bước đầu thực hiện tự chủ theo phân định giá. Đã chỉ đạo hạch toán tính đủ “đầu vào”, “đầu ra” tới hầu hết các xí nghiệp công nghiệp cấp tỉnh, rà soát lại tài sản, định tỷ lệ khấu hao, rà soát lại các loại vốn và định mức vốn, rà soát và sắp xếp lại bộ máy quản lý, tiến hành kiểm tra công tác kế toán, hạch toán. Mở rộng các hình thức khoán gọn, khoán lương, thưởng và thí điểm hình thức đấu thầu, huy động vốn vay trong công nhân, viên chức. Thực hiện từng bước xóa bỏ bao cấp qua giá trong hạch toán và về cơ bản đã thực hiện xóa bỏ bao cấp qua giá trong cung cấp phục vụ đời sống. Nhìn chung các xí nghiệp đã tự vươn lên, giải quyết một phần vật tư và vốn, bước đầu đã đánh giá được hiệu quả “lãi thật” như ở ngành công nghiệp được 10/12 xí nghiệp.

Về kinh tế tập thể, đã sớm nhìn ra những tồn tại trong cơ chế khoán theo Chỉ thị 100 đối với hợp tác xã nông nghiệp, chủ động ra chủ trương đổi mới một bước cơ chế quản lý theo nghị quyết của Tỉnh ủy tiếp đó là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Đến nay đã làm xong rà soát và điều chỉnh quy mô hợp tác xã đưa tổng số 776 hợp tác xã xuống còn 460, số còn lại chủ yếu ở vùng cao đã chuyển sang tổ đoàn kết với tổng số là 472. Đã rà soát và điều chỉnh phương

hướng sản xuất, phân hạng đất đai, giao ổn định diện tích khoán 15 năm và ổn định năng suất 5 năm với xác định mức và đơn giá khoán ngay từ đầu. Tính chung đến vụ mùa 1988 đã có 300 hợp tác xã thực hiện khoán định mức và đơn giá chủ yếu là cây lúa, một số nơi đã khoán thực hiện đấu thầu đối với ruộng xấu, đấu thầu trồng rừng và làm ngành nghề ở một số hợp tác xã.

Tác dụng của cơ chế khoán mới đã làm rõ ba lợi ích, nâng mức hưởng khoán của người lao động lên được 50 - 60% đối với cây lúa, 70 - 80% đối với cây màu và cây công nghiệp. Tạo động lực vượt khoán với các điển hình nâng cao năng suất như ở Xuân Tiến, Tân Yên, Yên Bình, Vĩnh Kiên. Đã giảm khê đọng và nhiều nơi đã làm xong thu hồi nợ cũ. Cơ chế khoán mới cũng đã làm tăng thêm cơ sở vật chất, tăng thêm ruộng khai hoang và nhận thêm ruộng, tăng thêm trâu, bò và phương tiện cơ giới, đưa được tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Bộ máy quản lý đã giảm 25 - 30%. Chính sách cán bộ xã, trưởng thôn, bản và chính sách xã hội đã được giải quyết theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất hoặc tự góp quỹ điều hoà.

Đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, bước đầu đã có hướng dẫn thực hiện các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và đang nghiên cứu để có kế hoạch thực hiện Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị. Một số mô hình kinh tế gia đình làm nông nghiệp, làm rừng, làm thủ công nghiệp và kinh tế gia đình công nhân, viên chức đang được phát triển có hiệu quả thiết thực, thúc đẩy giải phóng năng lực sản xuất, phát triển hàng hóa cũng như giải quyết được một số khó khăn về đời sống. Ở nông thôn kinh tế gia đình đã đóng vai trò quan trọng với tỷ trọng khoảng 70% tổng số thu nhập, một số làm giàu từ kinh tế gia đình kể cả vùng cao, biên giới.

Về phân phối lưu thông, chủ yếu đi vào tổ chức lại và chuyển sang phương thức kinh doanh. Đã tích cực thực hiện chức năng quản lý nhà nước với chức năng kinh doanh các ngành ngân hàng, lương thực, ngoại thương, nội thương. Thực hiện đổi mới cơ chế tín

dụng, kinh doanh đồng tiền, thực hiện mua bán chủ yếu bằng phương thức thảo thuận với kinh doanh, thực hiện cơ chế một giá, đến nay chỉ còn than, lương thực và dầu hoả là còn bao cung cấp cho một số đối tượng.

Trong việc thực hiện chống lạm phát, đã tập trung vào giải quyết vấn đề lương thực, xây dựng phương án cân đối và chỉ đạo các huyện xây dựng phương án tự cân đối cũng như chỉ đạo các lực lượng đẩy mạnh sản xuất lương thực tự túc. Tăng cường chỉ đạo thu mua với phương thức giá, hàng trao đổi thích hợp. Kết quả huy động vụ đông - xuân 1988 vượt 35% kế hoạch Trung ương giao, tăng 50% so với vụ đông - xuân năm trước, ước tổng mức huy động cả năm đạt 27.000 tấn tăng 10%. Tính chung hàng hóa của thị trường có tổ chức đã chiếm 61% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trên thị trường xã hội. Thu ngân sách, tiền tệ có cố gắng, đã rà soát lại nguồn thu đi đôi với rà soát và quản lý chi tiêu, chỉ đạo quản lý thị trường, đã tiến hành rà soát đăng ký kinh doanh, rà soát và sửa đổi mức thu thuế, tập trung vào chống buôn lậu, khả năng thu ngân sách năm 1988 khoảng 13 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần năm trước.

Trong lĩnh vực xã hội, đã đi vào nghiên cứu vấn đề dân tộc, xây dựng một số mô hình “Ánh sáng văn hóa” đối với vùng cao. Thực hiện chính sách xã hội cho các đối tượng và giải quyết việc làm được khoảng 4.500/1 vạn. Sự nghiệp văn hóa phúc lợi dần dần được mở rộng, tính chung số người đi học đạt khoảng 20% dân số và đảm bảo 250 người dân có 1 giường bệnh các loại. Việc đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục vùng cao đang được tăng cường chỉ đạo.

Về đời sống tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhất là kỳ giáp hạt song đã cố gắng giải quyết cứu đói và nói chung không để xảy ra chết đói. Ngoài ra, đã có một số tiến bộ như về nhà ở, mua sắm, may mặc... do có thu nhập từ kinh tế phụ hoặc từ những cách làm ăn khác.

c) Về quốc phòng và an ninh:

Xác định vị trí chiến lược của Hoàng Liên Sơn trên phạm vi

toàn tuyến trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đã tập trung chỉ đạo trong nhiều năm vào việc củng cố và xây dựng vùng biên giới trên các mặt với mức đầu tư chiếm khoảng 20% tổng mức. Tỉnh đã có chương trình củng cố biên giới theo kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ có tính chất chiến lược, điều chuyển, bố trí lực lượng chiến đấu theo hướng tinh giản, nâng cao chất lượng, gắn với việc tiếp nhận và củng cố giải quyết trước theo sự phân công. Rà soát và củng cố lực lượng dân quân tự vệ, chuyển hình thức tập trung các lực lượng dân quân xã biên phòng thành lực lượng cơ động, tăng cường lực lượng biên phòng, đồn biên phòng gắn với nâng cao sức chiến đấu và đã đánh một số trận phục kích của địch có hiệu quả và cũng là địa phương bắt được nhiều thám báo nhất trong phạm vi toàn quân khu. Trên phạm vi toàn tỉnh, có phương án hợp đồng tác chiến và tổ chức diễn tập xây dựng kế hoạch động viên và xây dựng được 8 tiểu đoàn dự bị động viên ở 8 huyện tuyến sau. Việc tổ chức diễn tập thực nghiệm theo cơ chế mới đạt kết quả tốt.

Về công tác an ninh, tập trung vào làm trong sạch địa bàn quản lý hàng buôn lậu. Khắc phục lối quản lý hành chính, đổi mới trong quản lý dân cư, bước đầu thực hiện việc hợp đồng trong bảo vệ kinh tế. Đã chú trọng công tác tiếp dân, xét đơn thư khiếu tố, tổ chức phối hợp điều tra phá án và xét xử các vụ án bảo đảm tốt.

d) Về công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng:

Tập trung vào công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức cán bộ và công tác xây dựng cơ sở đảng và đảng viên. Đã tổ chức quán triệt các nghị quyết, thực hiện từng bước dân chủ hóa và công khai hóa trong sinh hoạt đảng, và thông qua các hình thức phương tiện thông tin đại chúng, mở rộng tiếp dân, đối thoại và hội thảo, hướng vào tinh thần đổi mới, giải phóng tư tưởng, động viên quần chúng dám nghĩ, dám nói, nói thẳng, nói thật và dám chịu trách nhiệm.

Về tổ chức và cán bộ, đã tập trung làm đổi mới khu vực hành chính, rà soát sắp xếp, thu gọn đầu mối và giảm 1/3 biên chế hành

chính cấp tỉnh, giảm một nửa số phòng, ban và giảm 10% biên chế hành chính cấp huyện, bước đầu đã sáp nhập một số tổ chức sự nghiệp. Đã chỉ đạo tiến hành Đại hội hai cấp và chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ, tiến hành rà soát đánh giá các trưởng phó, ban, ngành, cấp ủy viên các huyện, thị và sáu chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã. Tiến hành lấy ý kiến nhận xét cán bộ và tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm trong đề bạt cũng như mở rộng dân chủ trong bầu cử đã thể hiện được tính công khai và dân chủ hóa.

Về cơ sở đảng và đảng viên, thông qua cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 04 và Nghị quyết Trung ương 5, bước đầu đã phân tích chất lượng theo hướng dẫn 1916, tỷ lệ cơ sở đảng vững mạnh chiếm 1,36%, khá 61%, yếu kém 16%. Số đảng viên loại 1 chiếm 1,36%, loại 2 chiếm 10%, loại 3 chiếm 88,5%, đã kiểm tra 4.500/32.000 đảng viên chấp hành Điều lệ, giải quyết 478/596 đảng viên, có tổ cáo trong đó có 108/148 đảng viên thuộc diện tỉnh quản lý.

Trong công tác chính quyền, bước đầu đã làm rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh, phát huy tốt hơn vai trò của Hội đồng nhân dân với xây dựng quy chế làm việc của Hội đồng, tăng cường tiếp xúc, lấy ý kiến cử tri. Đối với các đoàn thể, đã xây dựng một số phong trào quần chúng và về cơ bản đã hoàn thành Đại hội đoàn thể các cấp.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Kết quả việc thực hiện các nhiệm vụ trên đây trong hoàn cảnh có rất nhiều khó khăn, đã thể hiện sự cố gắng, tạo chuyển biến bước đầu trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

- Nhìn chung về thực hiện ba chương trình kinh tế, đã tập trung vào sản xuất lương thực với việc xác định cơ cấu giống, và mùa vụ, đẩy mạnh phát triển giống ngô mới, gắn với tăng vụ ngô thu đông, xuống chân ruộng 2 vụ, tạo chuyển biến mới có ý nghĩa

cách mạng để phá thế độc canh nhất là đối với vùng cao. Công nghiệp có tiến bộ trong đầu tư chiều sâu, phát huy thế mạnh, tạo mặt hàng mới, thủ công nghiệp bước đầu có phát triển ở thị xã và một số thị trấn do đã chú trọng phát động, tổ chức cung ứng, giá cả và tiêu thụ. Xuất khẩu đã hình thành một số vùng, nhiều ngành và nhiều huyện đã làm xuất khẩu và có nhiều cố gắng trong liên kết, liên doanh giữa các địa phương, các xí nghiệp và các tỉnh trong nước.

Trong quá trình phát triển, vai trò khoa học - kỹ thuật đã bước đầu phát huy tác dụng trên các lĩnh vực.

- Phân phối lưu thông trong tình hình rất rối ren, đã có phương án định bước đi thận trọng, tập trung vào giải quyết đời sống với phương án cân đối lương thực, xử lý từng bước giữa 2 giá với 1 giá, chuyển dần từng bước từ quản lý bao cấp sang hạch toán kinh doanh, đã hạn chế đến mức thấp nhất những đột biến xấu trong hoạt động kinh tế của các xí nghiệp. Cũng như trong đời sống cán bộ, công nhân viên. Mặt khác, qua chuyển đổi cơ chế, tính hiệu quả, lỗ thật, lãi thật của xí nghiệp được làm rõ, có tác dụng thúc đẩy để xí nghiệp vươn lên.

Những cố gắng trên đây còn thể hiện sự cố gắng đổi mới trong lãnh đạo và chỉ đạo với tư duy đúng. Trên cơ sở nắm vững tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đại hội VI, với thực tế của địa phương, đã chủ động ban hành nhiều cơ chế và chính sách, nhằm chuyển từ sản xuất tự túc, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, thực hiện hạch toán kinh doanh, gắn với đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, giải phóng sức sản xuất. Đã khơi dậy sức sáng tạo của xí nghiệp, phát huy tính năng động của giám đốc xí nghiệp, mở rộng quan hệ liên doanh liên kết tạo nhiều sản phẩm hàng hóa, bảo đảm sản xuất và kinh doanh trong hoàn cảnh và sự diễn biến rất phức tạp. Đó là sự thay đổi rất căn bản, có tính bước ngoặt về tư duy. Mặt khác, đã khắc phục được nóng vội nên tránh được đột biến. Đó là bài học trong xử lý bước đi, tích cực nhưng phải thận trọng.

Trong đời sống chính trị và tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng đã có bầu không khí phấn khởi với công cuộc đổi mới, thấy được hướng đi, cách giải quyết khó khăn cùng việc giải phóng năng lực sản xuất, sản xuất có tăng và có triển vọng mới.

- Về tổ chức và cán bộ đã phân định chức năng, mạnh dạn sắp xếp lại bộ máy và hiệu quả bộ máy đang phát huy, có đổi mới trong tư duy về cán bộ bao gồm nhận xét, đánh giá, lựa chọn, bố trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Đã thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt, giảm 7,5 tuổi đời so với trước. Đối với cơ sở đảng và đảng viên, thực hiện phân tích theo quy định mới có tác dụng ngăn chặn tiêu cực, hiểu rõ thêm về tình hình cán bộ và đảng viên. Thông qua Đại hội cấp cơ sở, bảo đảm thực hiện mở rộng dân chủ và công khai, thực hiện cấm lại cán bộ, cơ sở đảng đã được củng cố thêm một bước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của công cuộc đổi mới và so với yêu cầu của nhiệm vụ, thì cố gắng trên đây còn là bước đầu và còn nhiều mặt yếu kém, tình hình của Hoàng Liên Sơn đang đứng trước những đòi hỏi cấp bách cần phải được đánh giá nghiêm túc.

- Nhìn chung, sau 2 năm thực hiện nghị quyết của Đảng bộ, các mục tiêu còn cách xa: Trong ba chương trình kinh tế, sản xuất lương thực và hàng tiêu dùng mới đạt 80%, riêng hàng xuất khẩu mới đạt 60%, rừng vẫn tiếp tục bị tàn phá. Đường giao thông tiếp tục xuống cấp. Sản xuất hàng hóa cùng với các thành phần kinh tế chậm phát triển, khoảng cách của sự mất cân đối còn lớn, lương thực mới bảo đảm 75%, ngân sách 70%, hàng hóa tự bảo đảm 30%, lạm phát về tiền tệ còn gay gắt.

- Chất lượng sản xuất và kinh doanh chưa có tiến bộ đáng kể, sản phẩm nói chung còn xấu, giá thành cao, nếu tính đủ chi phí thì nói chung các xí nghiệp là lỗ. Tính chung mức tích lũy trên doanh số ngày càng giảm, dư nợ tín dụng vượt quá cao so với định mức trong tình hình trượt giá làm xấu thêm tình hình lạm phát. Hạch toán chưa đúng với nhiều chi phí không hợp lý “ăn chênh lệch giá”

vẫn là hiện tượng phổ biến. Trong quản lý, xây dựng cơ bản là một lĩnh vực có nhiều khó khăn, chưa thực sự có quyền tự chủ, phải thường xuyên xử lý trượt giá, thực chất vẫn là cách quản lý bao cấp, thiếu vốn, phải rút bớt nhiều công trình.

- Đời sống nói chung thấp, lương thực tế của cán bộ, công nhân viên mặc dù đã có nhiều cố gắng giải quyết phụ cấp nhưng còn thấp nhiều so với cuối năm 1985. Trong khu vực nông thôn, nhất là ở vùng cao nạn đói năm nào cũng có, riêng kỳ giáp hạt đầu năm 1988 nạn thiếu đói lan rộng. Tình hình xã hội với các nạn du canh du cư, mù chữ cùng với các tai tệ nạn khác chưa giảm. Tiêu cực xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp. Chất lượng giáo dục chưa được nâng lên. Số người chưa có việc làm hằng năm có trên 1 vạn cùng với số lao động dôi thừa hiện nay chưa có biện pháp tích cực để sử dụng, tình trạng mở quán, chạy chợ, làm ăn phi pháp có chiều hướng tăng.

Tình hình kinh tế - xã hội và đời sống trên đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho lòng tin chưa thật sự được củng cố. Nói chung quần chúng hưởng ứng tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương nhưng tâm trạng chung là sự chờ đợi. Tình hình chuyển biến chậm cùng với tiêu cực xã hội làm cho quần chúng thiếu tin vào khả năng tổ chức thực hiện, một bộ phận ít quan tâm đến các nghị quyết, do đó nghị quyết của Đảng chưa thật sự đi vào cuộc sống.

Nguyên nhân của tình hình trên đây, có khó khăn lớn về khách quan của sự mất cân đối chung thiếu cơ sở vật chất và thể chế hóa chậm, thiếu đồng bộ và thiếu chính sách đặc thù đối với miền núi, biên giới trong phát triển kinh tế - xã hội. Về mặt chủ quan có một số nguyên nhân chính sau đây:

- Về tư tưởng, chuyển biến theo tinh thần đổi mới còn ở nhiều mức độ khác nhau trong các ngành, các cấp, chưa làm rõ nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội gắn với việc phát triển các thành phần kinh tế, nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất để phát

triển sản xuất hàng hóa. Công tác tuyên truyền quán triệt đến cơ sở và quần chúng làm còn yếu, thiếu tính thuyết phục. Mặt khác, trong tư tưởng và chỉ đạo thực hiện còn biểu hiện của sự do dự, sự đổi mới còn chậm do kiến thức đổi mới chưa vững chắc.

- Về lãnh đạo và chỉ đạo, chưa thật sự tập trung đồng bộ các ngành các cấp vào ba chương trình kinh tế, cơ cấu đầu tư cho ba chương trình chưa thỏa đáng, nhìn chung sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nhất là ở cấp huyện chưa được coi trọng đúng mức, chưa tạo được mô hình về cơ cấu kinh tế. Chỉ đạo tổ chức sắp xếp lại sản xuất cũng như chỉ đạo thực hiện đổi mới cơ chế quản lý nói chung làm chậm. Các ngành còn can thiệp nhiều vào công việc của xí nghiệp, chậm giao quyền tự chủ và chậm xử lý những vướng mắc của xí nghiệp, nhìn chung quản lý xí nghiệp còn nhiều mặt yếu, công suất sử dụng thấp, vật tư cao, hạch toán kế toán còn nhiều sai sót. Chỉ đạo về phát triển khoa học - kỹ thuật nói chung chưa rõ. Mặt khác, cũng còn hiện tượng lợi dụng đổi mới để làm sai như trong việc đi buôn tìm chênh lệch giá.

Chưa thực sự quan tâm đến cuộc vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội, giáo dục kỷ cương, pháp luật còn yếu, xử lý chậm. Nội bộ ngành nội chính như Kiểm lâm, Công an, Kiểm sát, Tòa án còn tiêu cực, chưa làm tốt việc bảo vệ dân. Một số ngành tổng hợp và ngành chủ quản còn vôi vỉnh, đòi cơ sở bao cấp.

- Về tổ chức và cán bộ, tuy bộ máy đã được sắp xếp nhưng còn bất hợp lý, hiệu lực của bộ máy chưa thật sự được nâng lên. Chưa tập trung làm quy hoạch cán bộ, cán bộ quản lý, cán bộ xã, cán bộ dân tộc, cán bộ nữ có chiều hướng giảm sút. Vai trò hạt nhân của cơ sở đảng và tính tiên phong của đảng viên chưa thật sự được phát huy. Số trung bình trong đội ngũ đảng viên còn lớn. Nhìn chung việc thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ còn nhiều lúng túng. Chậm đổi mới trong phong cách lãnh đạo, chậm đổi mới trong công tác cán bộ và sự hoạt động của các đoàn thể quần chúng. Nghị quyết 5 về công tác xây dựng Đảng chưa

được chỉ đạo nghiêm túc. Đó là một trong những nguyên nhân rất quan trọng cần phải được khắc phục trong việc lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng nhằm làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội theo định hướng đổi mới của năm 1989.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA NĂM 1989

1. Về kinh tế - xã hội: Kế hoạch năm 1989 nhằm vào các mục tiêu chủ yếu sau đây:

Một là: Đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, khai thác mọi tiềm năng và nhân tố mới, mở rộng quyền tự chủ của địa phương và cơ sở, mở rộng liên doanh, liên kết, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Hai là: Phấn đấu để ổn định đời sống nhân dân, trước hết đối với công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang và các đối tượng chính sách, chú trọng bảo đảm nhu cầu tối thiểu về lương thực. Giải quyết việc làm cho người lao động, nâng dần nhu cầu về văn hóa, khôi phục và thiết lập trật tự xã hội theo cơ chế quản lý mới.

Ba là: Phấn đấu giảm dần tốc độ tăng giá, giảm mức bội chi ngân sách và giảm mức lạm phát.

Căn cứ vào mục tiêu của Đảng bộ đến năm 1990, dự kiến những chỉ tiêu chủ yếu của năm 1989 gồm:

- Sản lượng lương thực quy thóc từ 285 - 300 ngàn tấn (trong đó màu 40%).
- Tổng mức huy động 30.000 - 32.000 tấn.
- Khoanh nuôi bảo vệ rừng 50.000 ha.
- Khai thác gỗ 88.000 m³.
- Trong đó nguyên liệu giấy 22.000 tấn.
- Tổng giá trị sản lượng công nghiệp 600 triệu đồng (trong đó hàng tiêu dùng 295 triệu).
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 3,6 triệu rúp, đô la.
- Tỷ lệ tăng dân số 1,85%.

- Về lương thực và thực phẩm: Hướng tập trung vào lúa và ngô. Đưa năng suất trên chân ruộng 2 vụ lúa lên 58 - 59 tạ. Mở rộng diện tích ngô lên 30.000 ha với năng suất 15 tạ, chỉ đạo tăng ngô xuân, hè, thu, đông với biện pháp tăng vụ và tận dụng các loại đất, ổn định diện tích sản với việc thâm canh và phát triển các loại hoa màu khác.

- Phát triển chăn nuôi chủ yếu bằng kinh tế gia đình, cần cải tạo đàn lợn nái, nhằm tăng tỷ lệ đàn lai.

- Về lâm nghiệp, tiến hành tổng kết và đánh giá toàn diện, để có nghị quyết về vấn đề lâm nghiệp, hướng chủ yếu đi vào quản lý, kinh doanh, rừng, đẩy mạnh giao đất, giao rừng, lấy khoanh nuôi, bảo vệ rừng là chính. Đẩy mạnh cuộc vận động định canh định cư với khoảng 2,3 vạn nhân khẩu. Nghiên cứu xác định cây con nhằm phát huy thế mạnh và đổi mới tư duy, sáng tạo các phương thức, phương pháp sát thực tế, có hiệu quả để đẩy mạnh công tác định canh định cư trong các năm tới.

- Về công nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tiếp tục đẩy mạnh các ngành mũi nhọn đi đôi với tổ chức sắp xếp lại xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh liên doanh, liên kết nhằm phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng, hạ giá thành và nâng cao hiệu quả kinh tế. Quy hoạch phát triển công nghiệp một số huyện, nhất là nơi có đường điện đi qua. Đẩy mạnh nghiên cứu các hình thức chế biến màu để cải tiến cơ cấu bữa ăn trong nhân dân.

- Hướng đầu tư xây dựng cơ bản vào các mục tiêu gồm cho những chương trình lương thực thực phẩm 35-40%, chương trình hàng tiêu dùng 25-30%, chương trình xuất khẩu 15-20%. Đi đôi với rà soát đình hoãn những công trình phi sản xuất và những hạng mục công trình chưa thật cấp bách, đầu tư một số cơ sở hạ tầng như cầu, đường và các trọng điểm kinh tế. Phát triển xây dựng nhà ở theo quy hoạch bằng vốn nhân dân. Quy hoạch xây dựng

một số thị trấn và du lịch bảo đảm xây dựng theo quy hoạch lâu dài và phù hợp với tình hình mới.

- Về xã hội, cần chú trọng vào giải quyết việc làm cho khoảng 1,5 vạn lao động, cần mở rộng sử dụng lao động hợp đồng trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ cùng với việc phát triển các thành phần kinh tế. Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, chỉ đạo phát triển giáo dục vùng cao, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, cần mở rộng việc chữa bệnh tại nhà, đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Tăng cường giáo dục pháp luật, kỷ cương, mở các đợt vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội, trên cơ sở tổ chức, động viên được đông đảo quần chúng tại chỗ tham gia.

2. Để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, cần tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý và tăng cường chính sách nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh trong các thành phần kinh tế.

- Đối với kinh tế quốc doanh, tiến hành sơ kết theo nội dung Quyết định 217 và có biện pháp xử lý thích hợp đối với các xí nghiệp làm ăn thua lỗ, trên cơ sở rà soát hiệu quả kinh tế để tổ chức sắp xếp lại gắn với chấn chỉnh hạch toán kinh doanh, cần chuyển đồng bộ, xóa bỏ những quy định đang cản trở để các đơn vị thật sự phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, nhất là việc thực hiện đổi mới cơ chế kế hoạch hóa.

- Tiến hành sơ kết thực hiện Nghị quyết 10 về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, tiếp tục rà soát phương hướng sản xuất và quy mô, mở rộng diện khoán nhất là đối với lâm nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu mô hình sản xuất ở vùng cao với cơ chế thích hợp. Chú trọng chỉ đạo cung ứng dịch vụ, cung ứng vật tư và chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nghiên cứu giải quyết những vướng mắc về giá, cước phí và lãi suất, chế độ và cách giải quyết đối với cán bộ xã, trưởng thôn, bản và các đối tượng chính sách, gắn với Chỉ thị 47, có quy định về quản lý và sử dụng đất đai, nghiên cứu địa giới một số huyện, xã và thị trấn.

Tiến hành tổng kết điều tra tình hình nông thôn và đánh giá 30 năm xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp theo nội dung Nghị quyết 22 của Trung ương.

- Đánh giá tình hình và có kế hoạch thực hiện Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị về phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có khối lượng lớn, có kế hoạch bán vật tư, dịch vụ, tổ chức liên kết, cung ứng nguyên liệu và tổ chức tiêu thụ, đẩy mạnh hơn nữa phát triển kinh tế gia đình, mở mang ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, tổ chức góp vốn cổ phần, đấu thầu với các hình thức công tư hợp doanh, tư nhân, cá thể nhằm thu hút mọi lực lượng lao động vào sản xuất, coi đó là một tiềm năng lớn nhất hiện nay để thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế.

3. Về phân phối lưu thông

- Trên cơ sở phát triển sản xuất, phải tổ chức thật tốt việc huy động lương thực, bao gồm thu thuế, thu nợ, hai chiều, thoả thuận, thật sự chuyển hoạt động lương thực sang kinh doanh mua bán thoả thuận. Nhà nước không bù lỗ về lương thực.

- Thực hiện cơ chế mua bán vật tư theo nguyên tắc kinh doanh nhưng trong điều kiện cung cầu vật tư căng thẳng, nhất là những vật tư chiến lược thì mua bán theo mục tiêu kế hoạch trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Mở rộng giao lưu hàng hóa, bảo đảm lưu thông thông suốt bất khâu trung gian, không bị chia cắt bởi địa giới hành chính. Sắp xếp hệ thống thương nghiệp quốc doanh theo hướng gắn khâu bán buôn với bán lẻ, giảm mức thấp nhất chi phí lưu thông.

- Việc mua bán giữa đơn vị sản xuất quốc doanh với quốc doanh thương nghiệp phải trên cơ sở hợp đồng, thuận mua vừa bán. Các cơ sở sản xuất có quyền tiêu thụ sản phẩm của mình với mọi tổ chức thương nghiệp, kể cả việc mở cửa hàng trực tiếp bán cho người tiêu dùng.

- Về giá, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế giá kinh doanh để cơ sở có quyền tự chủ trong việc định giá theo sự phân cấp. Thu hẹp giá ổn định có tính bao cấp, mở rộng giá kinh doanh. Thực hiện tính đúng, tính đủ giá thiết bị vật tư trong hạch toán, còn giá bán thì áp dụng rộng rãi cơ chế giá kinh doanh, luôn luôn thích ứng với sức mua của thị trường xã hội, hết sức tránh không để tăng đột biến về giá, nhất là giá lương thực.

- Tiếp tục giải quyết những bất hợp lý về lương. Đối với khu vực sản xuất kinh doanh, phải gắn tiền lương với kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng các hình thức trả lương khoán.

- Đẩy mạnh thu ngân sách và tiền tệ đi đôi với quản lý, triệt để tiết kiệm chi. Bằng nhiều hình thức đẩy mạnh huy động các nguồn vốn nhàn rỗi, vận động gửi tiết kiệm, soát xét điều chỉnh lãi suất tín dụng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và thúc đẩy cơ sở sản xuất kinh doanh tăng nhanh vòng quay vốn. Mở rộng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, khuyến khích mở tài khoản tại ngân hàng đối với các thành phần kinh tế.

4. Về quốc phòng và an ninh

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 03 và 04 của Tỉnh ủy ở cơ sở. Tập trung vào việc xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, củng cố giải phòng thủ tuyến trước vững mạnh toàn diện, quản lý vững chắc địa bàn, bố trí ổn định sản xuất và dân cư, xây dựng cơ sở chính trị, tăng cường lực lượng biên phòng với dân quân cơ động biên phòng, xây dựng đoàn kết toàn dân nhằm nâng cao sức chiến đấu tại chỗ, sẵn sàng đáp ứng những diễn biến mới về chính sách đối ngoại của Đảng ta. Chỉ đạo quản lý qua lại và buôn bán ở biên giới phù hợp với tình hình mới.

- Hoàn thành bố trí lực lượng, xây dựng ổn định doanh trại nơi đóng quân, tăng cường sự phối hợp, hợp đồng giữa các lực lượng, làm tốt sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Chú trọng chuyển mạnh

sang xây dựng lực lượng dự bị và dân quân tự vệ. Chỉ đạo chặt chẽ công tác tuyển quân bảo đảm chất lượng.

Đẩy mạnh phong trào an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, chống tiêu cực xã hội với đề cao pháp luật. Cần có kế hoạch với chương trình đồng bộ tổ chức phối hợp trong việc thực hiện cuộc vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội trên phạm vi rộng, nhất là những điểm: thị xã Yên Bái, Phố Lu, thị xã Lào Cai, Văn Chấn, vùng hồ...

Tăng cường công tác tiếp dân, thanh tra, xét khiếu tố và xét xử theo các luật mới.

5. Về công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và đoàn thể quần chúng

- Hướng trọng tâm công tác xây dựng Đảng tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 5.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức lý luận trên cơ sở tư duy mới và giáo dục bồi dưỡng lý luận của Đảng. Chú ý đội ngũ đảng viên trong quân đội và nông thôn.

- Hoàn thành sắp xếp bộ máy, thực hiện tinh giản biên chế. Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, bảo đảm quy hoạch từ cơ sở và đào tạo theo quy hoạch, coi trọng đào tạo cán bộ dân tộc, cán bộ nữ, coi trọng kiến thức lý luận và kiến thức thực tiễn. Đổi mới quy chế về quản lý cán bộ tiến hành sơ kết công tác cán bộ, công tác tổ chức bộ máy.

Xây dựng cơ sở đảng và đảng viên. Cần có quy chế về quan hệ giữa cấp ủy và chính quyền cơ sở gắn với cải tiến nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng ở cơ sở. Khẩn trương tổ chức bồi dưỡng cấp ủy viên mới qua Đại hội các cấp. Thực hiện phân công đảng viên, chú trọng giáo dục đảng viên trung bình gắn với công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ.

- Làm rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng trong các xí nghiệp quốc doanh trong điều kiện đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế.

- Làm rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý

sản xuất kinh doanh trong việc củng cố bộ máy nhà nước. Tăng cường hơn nữa hiệu lực của Hội đồng nhân dân các cấp. Chuẩn bị tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân vào cuối năm.

- Trên cơ sở xác định nội dung, xây dựng phong trào để tăng cường vai trò hoạt động của các đoàn thể quần chúng, chuyển mạnh hoạt động của các đoàn thể về cơ sở làm tốt chức năng vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT

- Từng ngành, từng cấp làm kiểm điểm 2 năm gắn với tổng kết năm theo các nội dung đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI.

- Giao kế hoạch năm với yêu cầu đổi mới công tác kế hoạch hóa theo Quyết định 217, trước mắt bảo đảm các mặt cho sản xuất quý I từ ngày đầu, tháng đầu năm.

- Chỉ đạo chặt chẽ sản xuất vụ đông - xuân, bảo đảm lịch gieo cấy với cơ cấu mùa vụ, bảo đảm thâm canh, tăng thêm giống mới.

- Tăng cường trận địa phân phối lưu thông, tiếp tục đẩy mạnh thu mua lươn thực, tiếp nhận hàng hóa, đẩy mạnh bán ra nhất là trong dịp tết.

- Đi đôi với thực hiện tốt chính sách đối ngoại của Đảng, cần đề cao cảnh giác, vừa phục vụ tốt chính sách đối ngoại, vừa phòng, chống địch phá hoại, có biện pháp giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong những tháng đầu năm và Tết Nguyên đán.

Năm 1989 thực sự là năm thực hiện đổi mới, phải tăng cường lãnh đạo, thực hiện các cơ chế chính sách, hướng vào giải phóng mọi năng lực để phát triển sản xuất, tạo đà vươn lên để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của năm 1990.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 582-QN/TU, ngày 10-3-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty
Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn khóa III**

- Căn cứ Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn ngày 20-1-1989;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn ngày 20-1-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn khóa III, gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Đồng chí Nguyễn Văn Điều, Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Nguyễn Xuân Mai, Phó Bí thư Đảng ủy
- 3- Đồng chí Lê Văn Tinh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 4- Đồng chí Ngô Hạnh Luân, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Vũ Duy Từ, Ủy viên Ban Thường vụ

- 6- Đồng chí Thái Đình Ngoãn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 7- Đồng chí Hà Duy Đệ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đồng chí Trần Quốc Việt, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Đồng chí Nguyễn Năng Lãm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Đồng chí Ngô Minh Mẫn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Đồng chí Lê Minh Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Trần Văn Phương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Nguyễn Tất Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Nguyễn Xuân Kiều, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Thị Yên, Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Đảng ủy Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 583-QN/TU, ngày 10-3-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng
Liên Sơn khóa V**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày 21-2-1989;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn họp ngày 2-3-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa V gồm các đồng chí có tên sau đây:
 1. Đồng chí Hoàng Trọng Soạn, Bí thư Đảng ủy
 2. Đồng chí Nguyễn Công Thúy, Phó Bí thư Đảng ủy
 3. Đồng chí Hà Minh Nhó, Ủy viên Ban Thường vụ
 4. Đồng chí Hoàng Minh Ngọc, Ủy viên Ban Thường vụ
 5. Đồng chí Hoàng Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành
 6. Đồng chí Nguyễn Thị Sự, Ủy viên Ban Chấp hành
 7. Đồng chí Trần Duân, Ủy viên Ban Chấp hành

8. Đồng chí Vũ Quang Vinh, Ủy viên Ban Chấp hành
9. Đồng chí Nguyễn Đình Niêm, Ủy viên Ban Chấp hành
10. Đồng chí Hà Tây Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Trần Công Thành, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Nguyễn Huy Cộng, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Trần Độ Sổ, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Nguyễn Văn Việt, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Tạ Tuyết Cần, Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Đảng ủy Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 623-QN/TU, ngày 18-3-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp
liên hợp Mỏ apatít Lào Cai khóa XV**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp Mỏ apatít Lào Cai ngày 3-3-1989;
- Biên bản bầu cử Bí thư, các Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành ngày 14-3-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp Mỏ apatít Lào Cai khóa XV, gồm có 21 đồng chí có tên dưới đây:

- 1- Đồng chí Trần Xuân Nam, Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Nguyễn Sĩ Ngữ, Phó Bí thư Đảng ủy
- 3- Đồng chí Lưu Bá Thưởng, Phó Bí thư Đảng ủy
- 4- Đồng chí Đỗ Quang Chiêu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Lý Ba Diên, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đồng chí Vũ Thị Ngấn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đồng chí Nguyễn Quốc Việt, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đồng chí Bùi Quang Nam, Ủy viên Ban Chấp hành

- 9- Đồng chí Trần Đình Tiến, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Đồng chí Nguyễn Thị Ngọt, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Đồng chí Vũ Quang Tung, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Đồng chí Nguyễn Đức Chiến, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Đồng chí Vũ Đức Nghề, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Đồng chí Nguyễn Ngọc Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Đồng chí Hoàng Văn Liên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Đồng chí Trần Văn Thu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Đồng chí Nguyễn Xuân Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đồng chí Lê Sĩ Tùy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Đồng chí Nguyễn Quang Tuyến, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đồng chí Lê Thị Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp mỏ apatít Lào Cai và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 624-QN/TU, ngày 24-3-1989

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú khóa I**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II và Điều 28 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành của Đại hội đại biểu Đảng bộ Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú ngày 17-3-1989;
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành ngày 18-3-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ nông - công nghiệp chè Trần Phú khóa I gồm 19 đồng chí có tên dưới đây:
 1. Đồng chí Hà Văn Gia, Bí thư Đảng ủy
 2. Đồng chí Bùi Thọ Vực, Phó Bí thư Đảng ủy
 3. Đồng chí Phạm Anh Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ
 4. Đồng chí Phạm Văn Khính, Ủy viên Ban Thường vụ
 5. Đồng chí Hoàng Đức Trí, Ủy viên Ban Thường vụ
 6. Đồng chí Trần Quốc Ban, Ủy viên Ban Chấp hành
 7. Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Ban Chấp hành
 8. Đồng chí Phạm Như Giảng, Ủy viên Ban Chấp hành

9. Đồng chí Vũ Xuân Kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
10. Đồng chí Trần Văn Long, Ủy viên Ban Chấp hành
11. Đồng chí Bùi Xuân Lý, Ủy viên Ban Chấp hành
12. Đồng chí Nguyễn Thị Mỹ, Ủy viên Ban Chấp hành
13. Đồng chí Hoàng Đình Phát, Ủy viên Ban Chấp hành
14. Đồng chí Nguyễn Huy Soạn, Ủy viên Ban Chấp hành
15. Đồng chí Nguyễn Trường Thoan, Ủy viên Ban Chấp hành
16. Đồng chí Đinh Thị Thu, Ủy viên Ban Chấp hành
17. Đồng chí Nguyễn Quốc Trinh, Ủy viên Ban Chấp hành
18. Đồng chí Phạm Công Uẩn, Ủy viên Ban Chấp hành
19. Đồng chí Bùi Công Uẩn, Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

3. Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 633-NQ/TU, ngày 18-4-1989

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Huyện ủy Mường Khương

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Mường Khương khóa XVII và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mường Khương khóa XVII gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Nguyễn Xuân Trường, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Nguyễn Quang Kỳ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Nguyễn Hữu Thể, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 4. Đồng chí Lưu Mạnh Hùng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 5. Đồng chí Lò Xín Lên, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
2. Ban Chấp hành Huyện ủy Mường Khương, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 634-NQ/TU, ngày 18-4-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
Trấn Yên khóa XV**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Trấn Yên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trấn Yên khóa XV gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Lê Hồng Vân, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Phạm An, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Đặng Thị Mai, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Phạm Hoạch, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Nguyễn Khánh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Trấn Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 635-NQ/TU, ngày 18-4-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện
Trạm Tấu khóa IX**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Trạm Tấu và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trạm Tấu khóa IX gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Lò Văn Phương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Đỗ Khánh Sủ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Lò Văn Ành, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Nguyễn Quang Vinh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra

2. Ban Chấp hành Huyện ủy Trạm Tấu, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 636-NQ/TU, ngày 18-4-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Xí nghiệp liên hiệp Apatít Lào Cai khóa XV**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp liên hiệp Apatít Lào Cai và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp Liên hiệp Apatít Lào Cai khóa XV gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Vũ Thị Ngán, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Lưu Bá Thưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Nguyễn Văn Tâm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Phạm Công Tráng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Bùi Quang Nam, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
6. Đồng chí Hoàng Văn Vịnh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
7. Đồng chí Phạm Văn Hồng, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

3. Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp liên hiệp Apatít, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 637-NQ/TU, ngày 18-4-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn
khóa III**

Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn khóa III gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Lê Văn Tinh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
2. Đồng chí Nguyễn Ngọc Tú, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
3. Đồng chí Nguyễn Xuân Hòa, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
4. Đồng chí Nguyễn Khánh Thành, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
5. Đồng chí Nguyễn Thị Yến, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

2. Ban Chấp hành Đảng ủy Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú -
Hoàng Liên Sơn, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên
trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 638-NQ/TU, ngày 18-4-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an
tỉnh khóa V**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Công an tỉnh và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh khóa V gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Vũ Quang Vinh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Hoàng Kim Ngà, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Lương Văn Thi, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 4. Đồng chí Nguyễn Văn Tài, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 5. Đồng chí Nguyễn Văn Toàn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
2. Ban Chấp hành Đảng ủy Công an tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 639-NQ/TU, ngày 18-4-1989

**Về chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú
khóa I**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Nguyễn Trường Thoan, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Hà Quang Nghĩa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 4. Đồng chí Nguyễn Thị Thanh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 5. Đồng chí Phạm Thị Bình, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra

2. Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 29-BC/TU, ngày 27-4-1989

Về sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10
của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý
kinh tế nông nghiệp

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp ra đời đã thật sự đi vào nông thôn tỉnh ta, đáp ứng được nguyện vọng quần chúng nhân dân. Chỉ trong thời gian ngắn thực hiện đã đạt được một số kết quả tốt. Song, trong quá trình thực hiện không tránh khỏi có nhiều lệch lạc trong nhận thức, trong chỉ đạo thực hiện và trong vấn đề quản lý cụ thể:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT

A- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 10
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Quá trình thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản

xuất nông nghiệp, có thể khẳng định: khoán thật sự làm động lực giải phóng sức sản xuất, khuyến khích được người lao động hăng hái thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển, sản phẩm xã hội tăng. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt: chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý sản xuất, phân phối sản phẩm được củng cố một bước.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn bộc lộ nhiều thiếu sót và có những mặt khá nghiêm trọng, quản lý tư liệu sản xuất, tài sản vật tư, tiền vốn còn lỏng lẻo, thất thoát nhiều. Việc ăn chia phân phối trong nội bộ hợp tác xã còn mang nặng tính chất bao cấp. Một trong những nguyên nhân có tính chất bao trùm: nhận thức của chúng ta về đặc điểm của bước đi ban đầu trong thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ, nhận thức về nội dung và bước đi của cách mạng quan hệ sản xuất còn giản đơn, nhất là con đường hợp tác hóa chỉ quan niệm: phải tập thể hóa, phải quy mô lớn... không coi trọng phát triển lực lượng sản xuất và hiệu quả kinh tế, vùng cao chúng ta có những lúng túng trong việc xây dựng phương hướng sản xuất, củng cố hợp tác xã.

Mặt khác, trong hoàn cảnh chung phương thức quản lý kinh tế của các cơ sở sản xuất chịu ảnh hưởng sâu sắc của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Kinh tế hàng hóa kém phát triển.

Từ tình hình đó dẫn đến người lao động thiếu phấn khởi không an tâm sản xuất, xin trả lại ruộng khoán (gần 1.000 ha) cho hợp tác xã, sản phẩm kê đọng lên tới 5.000 tấn thóc, sản xuất nông nghiệp có chiều hướng giảm sút.

Để khắc phục những tồn tại yếu kém trong quản lý sản xuất nông nghiệp, Tỉnh đã chỉ đạo Hợp tác xã Xuân Giao, Xuân Tiến (Bảo Thắng) từ năm 1986 cải tiến một bước hình thức khoán sản phẩm với cây lúa: khoán theo đơn giá, gắn kế hoạch sản xuất với phân phối ngay từ đầu cho người lao động. Trong quá trình khoán hợp tác xã đã định ra được sản lượng khoán xã viên được hưởng

40%, còn lại là phần giao nộp cho Nhà nước và phần để các quỹ cho hợp tác xã và được công bố ngay từ đầu vụ đầu năm.

Từ kinh nghiệm trên, dựa theo đề án hướng dẫn của Ban Nông nghiệp Trung ương và để có kết luận, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy phối hợp với Thị ủy Yên Bái, Huyện ủy Văn Chấn chỉ đạo tiếp 2 hợp tác xã, Tân Yên (Yên Bái), Tân Thịnh (Văn Chấn) tiến hành đổi mới cơ chế quản lý trong hợp tác xã, hạch toán riêng từng ngành.

Từ thực tiễn trên đã được tổng kết, Ban Thường vụ tỉnh ủy đã ra Nghị quyết 02 về xây dựng và củng cố tổ chức, đổi mới một bước công tác quản lý trong nông nghiệp. Qua vụ đông - xuân 1987 - 1988 toàn tỉnh đã có 95 hợp tác xã khoán theo tinh thần nghị quyết đó.

Khi Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, vào trung tuần tháng 5-1988. Tỉnh ủy tiếp tục mở hội nghị quán triệt trong Tỉnh ủy và các cấp, các ngành và tổ chức học tập trong các chi, đảng bộ và mở hội nghị tập huấn từ 2 - 3 ngày về tinh thần các nghị quyết và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp. Một số huyện vùng lúa của tỉnh (Văn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Trấn Yên, Bảo Thắng...) đã ra được nghị quyết về củng cố các hợp tác xã, đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp và kế hoạch tiến hành gắn việc triển khai nghị quyết với phát động phong trào thi đua sản xuất nông nghiệp. Đa số các đảng viên nông thôn và xã viên nông nghiệp vùng thấp và một phần xã viên hợp tác xã vùng cao được học tập, quán triệt các nghị quyết.

Qua đó người lao động thật sự hồ hởi, phấn khởi, hưởng ứng về khẳng định đó là giải pháp đúng đắn tháo gỡ những tồn tại trong sản xuất nông, lâm nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 100 trước đây.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Xây dựng củng cố hợp tác xã - tổ chức lại sản xuất

Các huyện, thị trong tỉnh đã rà soát lại nội dung kinh tế và

phân xếp loại hợp tác xã theo nội dung kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị.

Trong số 776 hợp tác xã toàn tỉnh (cuối năm 1987) đến tháng 12-1988 thực chất những hợp tác xã có đủ nội dung còn lại 460 hợp tác xã (giảm 40,7%), trong đó vùng thấp có 337 hợp tác xã, vùng cao 123 hợp tác xã. Có 71 hợp tác xã quy mô toàn xã, 389 hợp tác xã quy mô liên thôn, bản, 17 hợp tác xã kinh doanh tổng hợp.

Số hợp tác xã không có nội dung kinh tế đã được chuyển sang hình thức quản lý thích hợp theo quy mô thôn, bản. Đến nay toàn tỉnh có 472 tổ đoàn kết sản xuất (chiếm 16% số hộ nông nghiệp trên toàn tỉnh) tập trung chủ yếu vào các huyện vùng cao: Bắc Hà, Mường Khương, Sa Pa, Bát Xát, Mường Chải...

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị một số huyện thị đã bổ sung phương hướng sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm tập trung vào ba chương trình kinh tế. Thị xã Lào Cai, phát triển 16 ha cây thảo quả ở vùng cao, 25 ha cà phê và 300 ha chè, 30 ha quế... Huyện Văn Yên chú trọng phát triển cây quế. Trong năm qua trồng mới trên 500 ha và hằng năm bán cho Nhà nước 500 tấn quế, tinh dầu vượt gần 50% kế hoạch. Đời sống của nhân dân vùng quế được cải thiện rõ rệt. Huyện Yên Bình có 21 hợp tác xã phát triển thêm cây chè, lạc, xả...

Một số hợp tác xã ở huyện Yên Bình, thị xã Yên Bái chú trọng phát triển kinh doanh nghề rừng bằng hình thức: Hợp tác xã đứng ra làm dịch vụ giống, phân bón cho xã viên trên cơ sở giao đất, giao rừng. Hoặc hợp tác xã đứng ra trồng xong giao lại cho xã viên chăm sóc, quản lý. Với hình thức đó hợp tác xã Tân Yên (Yên Bái) trong năm qua trồng thêm 26,5 ha bạch đàn cao sản và bồ đề, sau một năm giao đất, giao rừng 50% diện tích được phủ xanh.

Ngoài phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp một số hợp tác xã của các huyện Bắc Hà, Văn Chấn, Yên Bái, Văn Bàn... đã chuyển mạnh sang kinh doanh tổng hợp, đẩy mạnh ngành nghề trong hợp tác xã và làm dịch vụ vận tải cho sản xuất, đời sống.

2. Đổi mới cơ chế quản lý trong các cơ sở kinh doanh

a) Đối với quốc doanh.

Các cơ sở sản xuất dịch vụ quốc doanh nông, lâm nghiệp gần việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị với việc thực hiện Nghị định 217, 169 của Hội đồng Bộ trưởng, bước đầu thực hiện chủ trương đổi mới công tác quản lý kinh tế, bảo đảm quyền tự chủ của các xí nghiệp, hàng loạt các biện pháp xử lý đặt ra, vì vật tư thiếu, không cung ứng kịp thời, thiếu đồng bộ, giá cả tăng, vốn hoạt động thiếu, sản phẩm làm ra tồn kho ứ đọng vì giá, khối lượng làm ra không được nghiệm thu, thanh toán kịp thời, nợ ngân hàng, ngày càng tăng. Cũng chính từ những khó khăn đó một số cơ sở sản xuất đã năng động sáng tạo bằng liên doanh, liên kết sản xuất với đơn vị bạn, tạo ra mặt hàng mới, tìm cách tiêu thụ giữ vững sản xuất kinh doanh hoàn thành được kế hoạch giao như vật tư nông nghiệp, cơ giới nông nghiệp, thức ăn gia súc, giống cây trồng, Xí nghiệp mộc xẻ Hoàng Liên Sơn.

Huyện Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên, Bảo Thắng... bước đầu ra xét lại từng bước chuyển các công ty, trạm dịch vụ nông, lâm nghiệp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mở thêm nhiều quầy hàng bán vật tư nông nghiệp ở các cụm, tạo thuận lợi cho người sản xuất, bước đầu đạt kết quả tốt.

Qua phân xếp loại ở 28 đơn vị trực thuộc Sở Nông - lâm nghiệp có 18 đơn vị hoàn thành kế hoạch năm 1988, thu nộp ngân sách 1.570 triệu đồng, đạt 124,5% kế hoạch, các đơn vị đã tận dụng lao động, đất đai để sản xuất lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho hàng xuất khẩu. Năm 1988 ngoài phần tự túc lương thực các đơn vị đã bán cho Nhà nước 120 tấn lương thực, trên 10 tấn lợn thịt, 6 tấn gà công nghiệp, 15 tấn bông chít, 18 tấn tằm mảnh.

b) Đối với kinh tế tập thể.

Về cơ bản các hợp tác xã đã xóa bỏ khoán cộng điểm, chuyển sang cơ chế khoán sản phẩm theo định mức và đơn giá, gắn kể

hoạch sản xuất với phân phối ngay từ đầu. Vụ đông - xuân 1988 đã tiến hành ở 100 hợp tác xã thuộc vùng thấp, đến vụ đông - xuân 1989 đã có 100% hợp tác xã tiến hành khoán cây lúa.

+ Hình thức chung về khoán cây lúa hầu hết các huyện do điều kiện diện tích lúa nước có hạn (bình quân toàn tỉnh có 0,18 ha gieo trồng/lao động nông nghiệp, 0,06 ha/khẩu) quy đất để sản xuất lúa chỉ đáp ứng giải quyết nhu cầu cơ bản, không có đất để sản xuất hàng hóa.

Các hợp tác xã tiến hành rà xét lại diện tích trồng lúa, các định mức kinh tế - kỹ thuật, dựa vào tình hình thực hiện năng suất khoán của những năm trước đây, định rõ năng suất khoán cây lúa/101.290 số hộ nông nghiệp với diện tích 10.000 ha ruộng nước, năng suất bình quân trong khoán 2 tấn/ha/vụ. Một số huyện: Yên Bình, Trấn Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng, Văn Yên, có điều chỉnh lại năng suất giao khoán cho sát với thực tế. Huyện Yên Bình, bình quân năng suất khoán là 4,8 tấn/ha/năm, tăng 1,3 tấn/ha so với năng suất khoán theo tinh thần Chỉ thị 100.

Trên cơ sở phân hạng đất đai và định năng suất giao khoán, phần người lao động hưởng thụ, hợp tác xã giao diện tích ổn định 10-15 năm và năng suất ổn định từ 3-5 năm. Một số hợp tác xã giữa tập thể và xã viên có hợp đồng khoán cụ thể, quy định rõ trách nhiệm về phía ban quản lý hợp tác xã, đội sản xuất người nhận khoán và có điều khoản chung về giao nộp sản phẩm, thưởng phạt, mức đầu tư... ăn chia phân phối trong hợp tác xã được dân chủ bàn bạc, công khai do Đại hội xã viên biểu quyết.

Riêng diện tích đất hạng 7, năng suất 900-1.000 kg/ha, khó bảo vệ không tiện canh, hợp tác xã đầu tư thường lỗ hơn hợp tác xã khoán cho xã viên chỉ thu lại phần thuế.

Qua kiểm tra tình hình khoán cây lúa các hợp tác xã ở huyện: Bảo Thắng, Văn Bàn, Văn Chấn, Trấn Yên phần lớn các hợp tác xã đã quản lý khâu giống và cơ cấu giống, hợp tác xã làm nhiệm vụ dịch vụ phân hóa học, thuốc trừ sâu, thủy lợi.

+ Đối với cây màu: Diện tích ngô tập thể quản lý 6.000 ha, ngô đã khoán cho trên 4 vạn hộ, tập trung chủ yếu: Mường Khương, Lục Yên, Bảo Thắng, Văn Yên, Bắc Hà; cách giao khoán tương tự như cây lúa. Song phần lớn các hợp tác xã đẩy mọi chi phí, đầu tư về người lao động, không điều hành các khâu. Trong quá trình sản xuất hợp tác xã chỉ thu lại thuế và các loại quỹ.

+ Đối với cây chè: Được tiến hành khoán ở 137 hợp tác xã với diện tích 4.000 ha, có trên 1 vạn hộ nhận khoán, năng suất 1,5 tấn/ha ổn định trên 5 - 7 năm. Hợp tác xã quản lý 30% sản phẩm (quỹ và thuế), xã viên hưởng 60 - 70% giá trị sản phẩm, diện tích ổn định từ 20 đến 25 năm. Những diện tích chè thừa và xấu chuyển sang đấu thầu.

+ Đối với con trâu tập thể: Để sử dụng có hiệu quả hợp tác xã đã chuyển bán lại đàn trâu cho xã viên quản lý, chăm sóc (phần lớn các hợp tác xã bán cho hộ, một số ít bán cho nhóm), hiện nay có 80% trâu cày kéo đã bán trên 30.000 con cho xã viên thu dần sau 2 - 3 vụ.

+ Đối với ngành nghề của hợp tác xã (sản xuất vật liệu xây dựng, xay sát, vận tải...) hiện nay có 180-460 hợp tác xã tiến hành khoán ngành nghề khi chuyển sang cơ chế quản lý mới, ngành nào hạch toán riêng ngành đó, không còn hiện tượng bao cấp. Song do không chủ động vật tư, phương tiện vận chuyển, giá vật tư, cước vận chuyển tăng nhanh do đó giá thành sản phẩm làm ra cao, không tiêu thụ được, ngành nghề có xu hướng chững lại một số hợp tác xã đã chuyển sang hình thức đấu thầu, hoặc liên doanh liên kết cùng sản xuất, bước đầu có hiệu quả.

Có thể nói quá trình thực hiện các nghị quyết đã có chuyển biến rõ nét ở một số mặt:

+ Ruộng đất được đưa vào sử dụng nhiều hơn, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực tăng hơn năm trước.

Cơ chế quản lý mới phù hợp nên không còn tình trạng người xã viên trả ruộng khoán. Đối với ruộng xấu khó làm các hợp tác xã đã

đưa vào đầu trâu. Quần chúng xã viên yên tâm đầu tư công sức, thâm canh cây trồng. Đó là một trong nguyên nhân chính góp phần đưa diện tích cây lương thực tăng 2,7% so với năm 1987, vụ mùa 1988 đạt 32.251 ha, tăng 4%, đã góp phần đưa tổng sản lượng quy thóc cả năm đạt 267.767 tấn, tăng 6,8% so với năm 1987 (riêng thóc đạt 162.815 tấn, tăng 5,4%), 21 hợp tác xã huyện Yên Bình đưa diện tích chè tăng 73 ha, xả tăng 60 ha, lạc tăng 20 ha; các huyện xuất hiện nhân tố mới tăng thêm vụ ngô đông trên chân ruộng 2 vụ lúa và ngô xuân trên chân ruộng 1 vụ ở vùng cao. Ở các xã vùng cao khai hoang đưa vào sản xuất 94,8 ha ruộng nước.

+ Cơ sở vật chất kỹ thuật tiếp tục được sử dụng và một số tăng thêm.

Trong quá trình thực hiện khoán cho thấy qua vụ rét vừa qua số trâu chết giảm 50% so với năm cao nhất. Xã viên còn mua thêm 500 con trâu, số tiền bán trâu cho xã viên hợp tác xã lại tiếp tục cho xã viên vay để mua thêm trâu hoặc mua sắm tài sản khác, nhiều hợp tác xã đã mua thêm ô tô vận tải, mở mang ngành nghề và dịch vụ sản xuất (47 ô tô vận tải, 2 máy kéo, 3.000 bình bơm thuốc trừ sâu), xã viên tự mua sắm hàng vạn công cụ cày, bừa, xe cải tiến, quạt bàn, xây thêm hàng vạn m² sân phơi, hàng ngàn m² nhà kho của gia đình.

Các hợp tác xã ở huyện Yên Bình làm mới 4 công trình thủy lợi và sửa 4 công trình cũ, đã đầu tư trên 200 triệu đồng để mua thêm 2 máy bơm nước, 2 máy xát lúa, 2 ô tô vận tải, 200 máy tuốt lúa, 300 xe cải tiến, 500 bừa, 200 bình bơm thuốc trừ sâu... Nhiều công trình lò vôi, gạch, ngói được khôi phục. Huyện Bảo Yên năm 1988 thi công xong 10 công trình thủy lợi tưới tiêu chủ động cho 170 ha ruộng, huyện Bảo Thắng bằng nguồn vốn tự có và các nguồn vốn khác các hợp tác xã mua sắm 4 ô tô, tự sửa làm mới 12 công trình thủy lợi...

+ Các mối quan hệ về lợi ích được giải quyết thoả đáng hơn.

- Lợi ích người lao động.

- Đối với cây lúa người lao động nhận khoán được hưởng từ 45-60%, cây màu hưởng 70 - 80%, cây chè người nhận khoán hưởng 60-70% giá trị sản lượng.

Riêng đối với cây lúa, những hộ có vốn lao động, nhận nhiều khâu trong quá trình sản xuất thì hưởng tới 70 - 80% sản lượng giao khoán như một số hợp tác xã ở Sa Pa, Bảo Thắng, Văn Bàn, Yên Bình... Trong khi những năm trước đây người nhận khoán cây lúa bình quân toàn tỉnh chỉ được phân phối từ 20-24% trong tổng số 58% sản lượng khoán để lại ăn chia phân phối trong hợp tác xã.

Số hộ vượt khoán cao hơn năm trước. Nhiều hợp tác xã có tới 70-80% số hộ vượt khoán, hầu hết các hợp tác xã đã thực hiện khoán đều vượt từ 40-60% năng suất phần trong định mức giao khoán. Toàn huyện Yên Bình năng suất khoán bình quân là 4,8 tấn/ha/năm, trên thực tế qua 2 vụ của năm 1988, năng suất lúa toàn huyện đạt 5,68 tấn/ha vượt 0,88 tấn/ha.

Hợp tác xã Tân Thịnh (Văn Chấn) diện tích chè 146,25 ha, trong đó 126,2 ha chè kinh doanh năng suất thực thu đạt 4 tấn 375 vượt 0,542tấn/ha.

Xuất phát từ lợi ích kinh tế của người nhận khoán được trả thỏa đáng cộng với việc đầu tư thâm canh để vượt khoán nên kinh tế, đời sống đã giảm bớt khó khăn, phần khô đọng sản phẩm phát sinh ít, nhiều nơi đã thu hồi được nợ cũ. Một số hợp tác xã qua 1 vụ sản xuất xã viên đã đăng ký trả sản phẩm cho cả năm như Xuân Tiến (Bảo Thắng), Tân Yên (Yên Bái)...

+ Phần giao nộp Nhà nước: Bình quân sản phẩm về lúa giao nộp cho Nhà nước 15 - 20% sản lượng giao khoán (thuế, thóc đối lưu, hàng 2 chiều), qua thực tế những hợp tác xã nào thực hiện tốt Nghị quyết 10 thì hợp tác xã đó hoàn thành tốt phần giao nộp cho Nhà nước nhanh, gọn, chỉ tiêu thu mua (riêng thủy lợi phí đạt rất thấp).

- Đối với hợp tác xã các quỹ và các khoản đóng góp được tính toán chặt chẽ, công khai phổ biến hiện nay còn các loại quỹ: phát

triển sản xuất, dự phòng thiên tai, phúc lợi tập thể, quản lý phí... tổng các loại quỹ chiếm từ 20-25% sản lượng giao khoán và qua kiểm tra một số hợp tác xã quỹ này có thật sự, không còn tình trạng trên giấy tờ sổ sách như trước.

+ Tiến bộ khoa học - kỹ thuật tiếp tục được đưa vào sản xuất.

- Đối với cây lúa: Ngành nông nghiệp đã chỉ đạo chặt chẽ các huyện, thị ngoài lịch thời vụ đã chú trọng thay đổi các giống lúa thoái hóa bằng các giống lúa kỹ thuật. Đưa nhanh các giống lúa mới vào sản xuất như 037, IR - 64, OM - 80... đồng thời chú trọng phân bón, nhất là phân chuồng bình quân bón đạt 7,5 tấn/ha (vùng thâm canh đạt 12 - 14 tấn/ha). Hợp tác xã Xuân Tiến tăng cường củng cố đội giống cùng với các biện pháp kỹ thuật khác đưa năng suất lúa bình quân lên 10 - 11 tấn/ha. Riêng đội giống đạt 13 tấn/ha.

- Đối với giống ngô: Năm 1988 đã đạt 15% diện tích bằng giống ngô mới, ngắn ngày, năng suất vượt 0,5 - 0,8 tấn/ha so với giống ngô cũ. Một số huyện đã đạt 18 - 20 tấn/ha (Mường Khương, Bắc Hà).

Ngoài ra, các đề tài thực nghiệm, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật đang được tiến hành.

- Trồng rừng thâm canh và các loại cây mới có năng suất cao như bạch đàn làm nguyên liệu giấy và cải tạo đất.

- Chế biến tinh bột sắn bằng phương pháp thủ công, nửa cơ khí và chế biến thức ăn gia súc.

Bộ máy quản lý hợp tác xã được tinh giản, Ban quản lý phổ biến còn 3 người. Qua điều tra các hợp tác xã ở 4 huyện, số cán bộ quản lý giảm 1.455 người (giảm 51%) so với năm 1987.

Ngành nông nghiệp, Tài chính, Ngân hàng tỉnh, Ban Kinh tế Tỉnh ủy phối hợp cùng với các huyện thị mở lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quản lý, chế độ kế toán trong tình hình mới thời gian từ 30-40 ngày cho 160 chủ nhiệm và 180 kế toán của các hợp tác xã.

Các huyện, thị cũng chủ động bồi dưỡng tập huấn từ 7 - 10 ngày theo các nội dung hướng dẫn của tỉnh cho 125 hợp tác xã với 520 cán bộ theo học.

3. Kinh tế gia đình phát triển đa dạng

+ Khu vực nông, lâm trường quốc doanh, kinh tế gia đình của cán bộ, công nhân viên đã gắn với kinh tế quốc doanh tạo thành vùng sản xuất hàng hóa, chè, quế, trồng rừng, chiếm tỷ trọng 60 - 65% thu nhập trong năm. Điển hình có gia đình anh Đỗ Ngọc Kim nguyên là công nhân Nông trường Liên Sơn (Văn Chấn) có vườn rừng 3.000 cây mỡ, 2.000 cây quế, 50 bụi tre hóp, phát triển chăn nuôi, trồng rau, hàng năm thu nhập tương đương 2 cây vàng.

+ Khu vực xã viên nông nghiệp: Kinh tế gia đình giữ vai trò quan trọng ngoài thâm canh tăng năng suất trên diện tích nhận khoán mô hình kinh tế gia đình là vườn - ao - chăn nuôi, vườn rừng là phổ biến ở nông thôn, qua điều tra kinh tế gia đình khu vực nông nghiệp chiếm 70 - 75% thu nhập trong năm.

- Đối vùng cao phát triển cây đặc sản quế, cây dược liệu ông Dín, Vũ Quang Nga (Bắc Hà), trồng mận tam hoa, chăn nuôi, trồng rau năm 1988 thu nhập 4 - 5 triệu đồng.

- Đối vùng thấp, ngoài phát triển chăn nuôi, trồng trọt còn chú ý phát triển trồng rừng, nhiều gia đình ở thị xã Yên Bái, Trấn Yên có vườn rừng từ 1 - 3 ha, ông Nguyễn Đức (xã Tân Đồng, Trấn Yên) có vườn rừng 13.000 cây quế, ông Đắc Sứ (Liên Hà, Bảo Yên) bằng kinh tế gia đình mỗi năm thu nhập hàng chục triệu đồng.

4. Chính sách xã hội

Đối với những nơi có hợp tác xã và thực hiện theo khoán gọn chính sách xã hội được vận dụng dưới hai hình thức:

- Một số hợp tác xã để quỹ điều hoà từ 2 - 2,5% bán hỗ trợ cho các gia đình thuộc diện đối tượng chính sách.

- Nhiều hợp tác xã trích một phần diện tích đất lúa (nơi ít 200 m², nơi nhiều trên 400 m²) giao cho cán bộ chủ chốt xã, các gia đình đối tượng mượn, hợp tác xã chỉ thu lại phần thuế. Đối với cán bộ chủ chốt xã sau khi thôi công tác, hợp tác xã thu lại hoặc chuyển thành ruộng khoán. Các hộ thuộc diện đối tượng chính sách được ưu tiên nhận ruộng tốt, điều kiện canh tác thuận lợi.

Đối với những nơi không có hợp tác xã: Một số huyện (Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà) đã vận dụng theo hình thức mỗi hộ một năm đóng góp từ 5 - 7 kg lương thực, do Ủy ban nhân dân quản lý để trả thù lao cho trưởng thôn, bản làm nhiệm vụ giao dịch với Nhà nước và quản lý xã hội. Huyện Mường Khương mỗi hộ đóng góp 50 kg thóc, ngô/năm, ngoài trả thù lao cán bộ còn để quỹ phát triển các công trình phúc lợi cần thiết, hỗ trợ những gia đình nghề khó.

5. Vấn đề quản lý nhà nước trong nông nghiệp:

- Bước đầu đã chuyển biến trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư, năm 1988 đầu tư 38,3% tổng số vốn xây dựng cơ bản cho sản xuất nông, lâm, thủy lợi (tăng 4,7% so với năm 1987) tập trung vào một số hạng mục công trình khai hoang, trồng rừng, tăng diện tích tưới tiêu khoa học.

- Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI tỉnh đã chủ động ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nhằm phục vụ tốt ba chương trình kinh tế. Đối với cây chè, cây lạc, cây ngô, sản xuất giống lúa... bước đầu đã đạt được một số kết quả, chuyển biến rõ nét nhất là đối với cây ngô, cây chè.

- Bộ máy quản lý nông, lâm nghiệp được sắp xếp lại, đối với cấp tỉnh sát nhập 4 sở vào một đầu mối, giảm được 152 cán bộ và tiếp tục tăng cường cán bộ kỹ thuật cho cơ sở sản xuất, dịch vụ sản xuất. Đối cấp huyện, thị bước đầu bố trí sắp xếp lại các phòng quản lý sản xuất, một số huyện tiến hành duyệt phân cấp quản lý hạch toán kinh doanh cho các cơ sở sản xuất.

6. Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa được tăng cường hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố

- Nhờ có sản xuất đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều gia đình nông dân đã có lương thực dự trữ, làm được nhà mới khang trang, mua sắm thêm đồ dùng gia đình, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Một số huyện vùng cao có bình quân lương thực/đầu người cao hơn mức bình quân chung của tỉnh (Bắc Hà 380 kg; Bát Xát 350 kg, Trại Tấu 370 kg).

Đời sống về văn hóa của nhân dân nhất là vùng thấp có tiến bộ rõ rệt, các chính sách hậu phương quân đội được thực hiện cơ bản tốt.

- Trong công tác quản lý kinh tế - xã hội bước đầu được công khai hóa, dân chủ hóa.

- Thông qua Đại hội Đảng hai cấp ở các huyện, thị, bộ máy lãnh đạo được tăng cường và củng cố. Một số huyện mạnh dạn bố trí cán bộ không phải đảng viên có năng lực làm chủ nhiệm hợp tác xã.

Việc thi hành thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị tuy thời gian còn ngắn nhưng đã đạt được kết quả và xuất hiện những nhân tố mới.

B. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VÀ VƯỚNG MẮC ĐẶT RA

I. TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT CÁC NGHỊ QUYẾT

Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu quán triệt sớm. Quá trình tổ chức học tập quán triệt nghị quyết đã có nhiều huyện triển khai mạnh, song một số huyện quá chậm như Sa Pa, có huyện sớm triển khai học tập quán triệt nhưng chậm tổ chức thực hiện như Than Uyên, Bảo Yên, khu vực quốc doanh chuyển biến chậm hơn khu vực tập thể. Nhiều nông, lâm trường, trạm, trại, công ty dịch vụ nông nghiệp của tỉnh và huyện chưa quán triệt tới người lao động.

+ Về nhận thức: Bên cạnh những nhận thức đúng các yêu cầu, giải quyết cụ thể đặt ra của nghị quyết là cơ bản. Song, hiện tại tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên và nông dân còn phân vân.

- Giao ruộng, đổi cây công nghiệp dài ngày, bán trâu và một số tài sản của hợp tác xã cho xã viên như vậy có phải là phân tán tài sản không.

- Một số hợp tác xã đối chiếu tinh thần nghị quyết cần chuyển cấp như vậy thành quả cách mạng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội không còn. Qua điều tra một số hợp tác xã ở Văn Chấn, Bảo Thắng, Văn Yên, Trấn Yên... nói chung tâm lý của bà con nông dân vẫn muốn còn hợp tác xã mặc dù không có nội dung hoạt động.

- Còn không ít cán bộ, đảng viên, nông dân chưa nắm được bốn yêu cầu và những nội dung cơ bản của Nghị quyết 10. Phổ biến chỉ hiểu “khoán 10” là chia ruộng đất cho nông dân sản xuất.

- Chưa quán triệt hợp tác hóa là con đường tất yếu đưa nông dân đi theo Đảng lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng hợp tác hóa phải có nhiều hình thức từ thấp đến cao... từ tổ đổi công, vắn công - hợp tác xã, quy mô từ nhỏ đến lớn, mức độ tập thể hóa khác nhau, đó cũng chính là con đường Đảng ta chủ trương đưa nông dân đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, theo mục tiêu đã khẳng định.

- Quản lý thôn, bản trước đây vẫn thông qua Ban quản lý hợp tác xã, đội sản xuất nay không còn, nhưng trở lại trưởng thôn, bản nhưng lại chưa được hướng dẫn quản lý của Nhà nước, vận dụng cho vùng cao còn lúng túng.

- Một số cán bộ chủ chốt xã, hợp tác xã có tư tưởng xin nghỉ công tác để nhận ruộng khoán.

- Bố trí phương hướng và cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, chưa khai thác thế mạnh kinh doanh tổng hợp tập trung đa dạng hóa sản phẩm.

II. TỔ CHỨC VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ VẤN ĐỀ CUNG ỨNG, DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP CÒN NHIỀU TỒN TẠI

1. Đối với quốc doanh

Khu vực quốc doanh nông, lâm nghiệp bước đầu đã đi vào thực hiện Nghị định 217 và 169 của Hội đồng Bộ trưởng gắn với việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, sự chuyển biến còn chậm so với yêu cầu đặt ra, nếu tính đủ “đầu vào” thì còn đang thua lỗ và rất khó khăn. Thực chất nhiều đơn vị quốc doanh chưa tự trang trải được, chưa thật sự đi vào kinh doanh tổng hợp; gắn sản xuất lâm nghiệp với nông nghiệp, với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, gắn sản xuất với dịch vụ, lưu thông kể cả dịch vụ đời sống trên khu vực địa bàn quản lý...

Tổ chức bộ máy còn chồng chéo, chỉ tính riêng 28 đơn vị quốc doanh thuộc sở nông, lâm nghiệp quản lý có 9.195 cán bộ, công nhân viên, bình quân có 15% cán bộ gián tiếp. Khối công ty dịch vụ sản xuất có tỷ lệ gián tiếp 21%. Có lâm trường (Việt Hưng) tỷ lệ gián tiếp tới 20%.

Các nông, lâm trường chưa được quy hoạch lại, xác định quy mô hợp lý, cân đối với lao động và lấy hiệu quả sản xuất làm chính. Bình quân diện tích rừng của các lâm trường quản lý là 32 ha/1 lao động, Lâm trường Văn Bàn quản lý 34 vạn ha mà chỉ có 300 công nhân. Lâm trường Lục Yên quản lý 2,3 vạn héc-ta trên địa bàn 11 xã chỉ có 668 cán bộ, công nhân viên.

2. Đối với kinh tế tập thể

- Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong các hợp tác xã chưa gắn với đổi mới phương hướng sản xuất, cơ cấu sản xuất và kế hoạch. Các hợp tác xã vẫn còn đang trong tình trạng độc canh cây lúa (lao động chủ yếu cho ngành trồng trọt chiếm 77 - 78%, cho ngành nghề 3%, chăn nuôi 7%, lâm nghiệp 14 - 15%), chưa đi vào sản xuất kinh doanh tổng hợp tạo vùng sản xuất hàng hóa. Sản

xuất nông, lâm nghiệp tuy có phát triển song chưa toàn diện. Các cây công nghiệp phát triển chậm. Cây chè là cây mũi nhọn song trong năm qua trồng mới 350 ha, đạt 53% kế hoạch, lạc đạt 56% kế hoạch và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp sản lượng chưa tăng, một số cơ sở sản xuất vôi, gạch, ngói... nghề thủ công khác nông thôn đang dừng lại một số giảm sút. Chăn nuôi, nghề rừng phát triển chưa đúng so với tiềm năng.

Không ít hợp tác xã chưa chú ý sử dụng cơ sở vật chất đã có như chuồng trại, nhà kho, sân phơi, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

+ Việc giải quyết các tài sản chuyển bán cho xã viên thiếu công khai dân chủ trong việc bình giá và hóa giá về trâu, bò, máy móc định giá một số tài sản quá thấp, thu hồi tài sản kéo dài 2 - 3 năm.

+ Việc thu hồi vốn, một số nơi sử dụng chưa đúng mục đích, còn có hợp tác xã tiền thu về chỉ đủ trả nợ trước.

+ Mối quan hệ giữa hợp tác xã với xã viên vẫn còn biểu hiện bao cấp; định mức khoán thấp, ứng trước vật tư cho xã viên hợp tác xã vẫn phải chịu lãi hoặc đầu tư lớn nhưng thu hồi sản phẩm chưa tương xứng.

- Việc thực hiện khoán đơn giá đến hộ xã viên đối với cây lúa, cây chè tuy có kết quả song còn bộc lộ nhiều thiếu sót khuyết điểm:

+ Năng suất khoán của nhiều hợp tác xã vẫn giữ theo như mức khoán của Chỉ thị 100 sản lượng khoán thấp so với thực tế. Bình quân toàn tỉnh năng suất lúa khoán 4 tấn/ha. Trong khi đó năng suất thực tế đạt 5,5 tấn và có nơi còn cao hơn. Trước hết ảnh hưởng tới lợi ích của tập thể.

+ Phương án khoán thiếu dân chủ, không hoàn chỉnh chưa phân định rõ trách nhiệm giữa người nhận khoán, đội sản xuất và ban quản lý hợp tác xã, phần lớn các hợp tác xã chưa có hợp đồng khoán, công tác chỉ đạo sản xuất dịch vụ sản xuất còn buông lỏng nhất là khâu: giống, cơ cấu giống, bảo vệ thực vật, thủy lợi, mọi chi

phí, vật tư đẩy cho người nhận khoán phải chịu từ đó có ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất.

- Chưa chú ý khoán đồng bộ các cây con ngành nghề khác. Việc phân công lại lao động theo hướng mở thêm ngành nghề chưa được triển khai, còn rất lúng túng trong việc giải quyết việc làm cho lao động trong khu vực nông thôn.

- Một số huyện có chủ trương về hạ cấp, chuyển hàng loạt hợp tác xã xuống hình thức thấp hơn, song chưa có hướng củng cố và xử lý các vấn đề; ruộng đất, trâu, bò, tài sản cho phù hợp với điều kiện mới.

- Dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp còn lúng túng và không bảo đảm đủ cho người nhận khoán. Các công ty, xí nghiệp cung ứng, dịch vụ nông nghiệp chưa chuyển biến kịp. Qua thanh tra 2 xí nghiệp công - nông nghiệp chè (thuộc chè Việt Nam) tình hình nợ lương thực, vật tư đối lưu để thu mua chè nhân dân ở hai vùng Văn Chấn, Trấn Yên năm 1987 - 1988 trên 400 tấn, 315 tấn đậm tiêu chuẩn, 201 tấn lân và nhiều vật tư khác.

- Vị trí chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý hợp tác xã đội sản xuất chưa được xác định phù hợp với yêu cầu mới. Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ còn yếu. Huyện Bảo Yên có 45 hợp tác xã, có 14/45 chủ nhiệm văn hóa hết cấp II còn lại văn hóa hết cấp I, nội dung quản lý mới chưa được bồi dưỡng kịp thời.

- Mối quan hệ giữa hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng ở khu vực nông thôn chưa chặt chẽ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Toàn tỉnh có 281 hợp tác xã mua bán, 372 điểm bán hàng với tổng số vốn cổ phần 9,8 triệu, chủ yếu làm đại lý bán lẻ, phần thu mua ủy thác, tư doanh còn ít, hiệu quả kinh doanh thấp. Toàn tỉnh có 150 hợp tác xã tín dụng nhưng chỉ có 45 hợp tác xã hoạt động, vốn tự có chỉ đạt 1 triệu đồng.

- Tình trạng tranh chấp đất đai tuy không phải là phổ biến song vẫn xảy ra ở một số nơi: Trong nội bộ hợp tác xã với cơ quan

nhà nước, đơn vị quân đội đóng trên địa bàn, vùng cao có hiện tượng đòi lại ruộng ông cha. Nhiều nông, lâm trường, xí nghiệp chưa được quy hoạch, xác định rõ số đất đai cần sử dụng.

3. Một số cơ chế chính sách của Nhà nước còn nhiều vướng mắc, lãi suất ngân hàng; nhìn chung chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh của cây trồng và vật nuôi, lại không có tỷ lệ ưu đãi cho những vật tư bắt buộc phải dự trữ cho quá trình sản xuất, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi cho miền núi, những cơ sở kinh tế, có sản xuất kinh doanh rừng phòng hộ hiện nay đang có rất nhiều khó khăn và thiếu vốn.

- Giá cước vận chuyển tăng nhanh, nhiều vật tư phải nhận từ miền xuôi với cách “công đồn chiết khấu” hiện nay nhiều đơn vị kinh tế cả trong nông nghiệp, công nghiệp không có khả năng chịu đựng. Sản phẩm làm ra giá thành cao không tiêu thụ được, Nhà nước cần phải có chính sách trợ giá cho miền núi.

- Diện phải vận động định canh định cư lớn (15, 17 huyện) của trên 20 vạn người, trong chỉ đạo, còn lúng túng, trong bố trí cơ cấu đầu tư còn phân tán. Ở miền núi đề nghị cho áp dụng việc mua bán thẳng vật tư phục vụ cho nông, lâm nghiệp theo giá kinh doanh.

- Các sản phẩm như: Chè, quế, lâm sản, khoáng sản... của miền núi hiện nay trao đổi với các ngành kinh tế của Trung ương thực ra vẫn bị thua thiệt nhiều, giá mua dưới giá thành, vật tư thanh toán chậm, nợ nần với nông dân còn rất lớn. Trung ương cần cho tính thuế tài nguyên cho địa phương.

4. Vấn đề quản lý nhà nước xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, tổ chức cán bộ còn nhiều tồn tại

- Cơ cấu đầu tư cho sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn chưa được chuyển đổi lớn, còn phân tán, hiệu quả chưa cao, đầu tư cho quốc doanh đạt hiệu quả thấp. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào

sản xuất, xây dựng cơ cấu hạ tầng nhằm cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho nông thôn nhất là vùng cao chưa được đúng mức. Các chính sách kinh tế đã có nhằm khuyến khích sản xuất chưa được thực hiện tốt.

- Vai trò lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền cơ sở sản xuất khu vực ngoài quốc doanh còn chậm đổi mới, chưa chuyển biến kịp thời so với yêu cầu đặt ra. Các phong trào quần chúng: Đoàn thanh niên, Phụ nữ, Hội nông dân hoạt động còn rất yếu, nhiều cơ sở chỉ là hình thức, còn nhiều lúng túng và còn nghèo nàn.

- Đội ngũ cán bộ cơ sở hợp tác xã còn rất yếu về trình độ quản lý kinh tế cũng như về khoa học - kỹ thuật lại không ổn định, công tác bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ không thường xuyên cộng với tổ chức bộ máy quản lý hợp tác xã từ tỉnh đến huyện còn yếu, từ đó hạn chế nhiều tới việc chỉ đạo của hợp tác xã.

Tóm lại, qua hơn 1 năm thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có bước chuyển biến mới về cơ chế quản lý góp phần đẩy mạnh sản xuất, chủ yếu là sản xuất lương thực, đã xuất hiện một số điển hình tốt và tương đối toàn diện.

Song, về phương hướng sản xuất, cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế trong hợp tác xã trong nông thôn chưa có chuyển biến đáng kể, còn nặng độc canh cây lúa, nhiều khả năng về lâm nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi, công nghiệp, thủ công nghiệp chưa được khai thác. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần chuyển biến chưa rõ, mới bước đầu phát huy kinh tế gia đình xã viên và kinh tế gia đình cũng còn nghèo và chưa toàn diện, chưa kinh doanh tổng hợp. Do đó nhiều khả năng chưa được khai thác, lao động dôi thừa, nhàn rỗi còn rất lớn, sản xuất hàng hóa còn trì trệ, khó khăn, kể cả trong hợp tác xã và các cơ sở quốc doanh.

Hoạt động dịch vụ phục vụ cho cơ chế khoán mới còn rất lúng túng, chưa tạo thuận lợi cho người nhận khoán và cho nông dân

nơi chưa có hợp tác xã. Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp chưa đi vào giúp đỡ phát triển sản xuất toàn diện nhất là công nghiệp, thủ công nghiệp, tín dụng, lưu thông mua bán sản phẩm, xây dựng nông thôn mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ quản lý sản xuất kinh doanh, nhất là công tác kế hoạch, công tác tài chính chưa được quan tâm đúng mức nên quản lý còn nhiều lúng túng khó khăn trên đường đi tới hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của các cấp ủy, nhất là cơ sở chưa chú ý sâu sát, cụ thể nên nghị quyết thực hiện chưa toàn diện, đồng bộ tạo chuyển biến ngày càng mạnh trong sản xuất lưu thông, đời sống. Các đoàn thể quần chúng còn lúng túng trong việc giáo dục, vận động thực hiện nghị quyết, chuyển sang cơ chế khoán mới.

Phần thứ hai

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT ĐỂ ĐẨY MẠNH VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Phải quán triệt yêu cầu cơ bản của Nghị quyết 10 là giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy đầy đủ các thành phần kinh tế, lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo, chuyển các thành phần kinh tế sang sản xuất hàng hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Khắc phục cho được tình trạng sản xuất độc canh, tự túc, tự cấp và cơ chế quan liêu bao cấp nhằm đạt được: sản xuất phát triển, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động, tăng thu nhập quốc dân, tăng tích lũy, củng cố tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, hướng dẫn chỉ đạo các thành phần kinh tế khác đi đúng quỹ đạo kinh tế xã hội chủ nghĩa, từng bước đưa nền nông nghiệp tỉnh ta tiến vững chắc lên sản xuất lớn.

Tiếp tục mở rộng dân chủ, công khai trong nông thôn từ đó nhằm xây dựng nông thôn về mọi mặt, thực hiện đổi mới về tổ

chức và cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn của Đảng trong những năm tới. Kịp thời rút ra những kinh nghiệm tốt để phát huy, những khuyết điểm cần uốn nắn, chống tư tưởng bảo thủ, ngại khó, không quyết tâm đổi mới. Đồng thời khắc phục tư tưởng giản đơn, chủ quan, cách làm rập khuôn ô ạt.

Trên tinh thần đó và với kinh nghiệm thực tế vừa qua, có những vấn đề sau đây cần xác định và tập trung chỉ đạo giải quyết.

I. TIẾP TỤC RÀ XÉT QUY HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT, CƠ CẤU ĐẦU TƯ

- Đổi mới cơ cấu sản xuất theo hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần, chuyên môn hóa kết hợp với phát triển toàn diện, kinh doanh tổng hợp, sản xuất hàng hóa là hướng quan trọng để khai thác sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, khí hậu, lực lượng lao động, điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, giải quyết việc làm và đời sống làm biến đổi bộ mặt nông thôn.

Với tinh thần trên các huyện, thị, cơ sở sản xuất căn cứ vào ba chương trình kinh tế đã được xác định của tỉnh, huyện, thị cần khẩn trương rà xét, điều chỉnh lại phương án không hiệu quả để bố trí lại hoặc bổ sung cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề chế biến, bố trí lại cơ cấu các thành phần kinh tế.

Tập trung cho thâm canh lúa phát triển màu trên đất đai có điều kiện. Phải phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, lấy kinh doanh rừng, trồng, bảo vệ, tái sinh rừng làm nhiệm vụ số một, kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp với công nghiệp (chế biến tại chỗ), cấm phá rừng bừa bãi, cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, chăn nuôi tiểu, đại gia súc. Mở rộng giao lưu hàng hóa trong tỉnh, xuất khẩu đổi lấy lương thực phục vụ nhu cầu đời sống nhân dân tạo giải quyết chính sách xã hội, phát triển sản xuất xây dựng nông thôn gắn với định canh định cư.

Để giải quyết vấn đề trên cần làm tốt:

+ Tiếp tục chỉ đạo tốt hơn nữa đổi mới cơ chế quản lý chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

+ Đảm bảo cân đối vật tư cho sản xuất bằng nhiều nguồn.

+ Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhất là tiến bộ giống, thủy lợi, chế biến lương thực.

+ Tổ chức tốt các khâu lưu thông, chế biến, tiêu thụ, tạo được dự trữ khá về lương thực của Nhà nước để ổn định cung cấp, đột biến xấu về giá cả đời sống.

+ Đối với cây mũi nhọn xuất khẩu chủ lực ngoài nguồn vốn hợp tác với nước ngoài và xuất khẩu để trang trải cần hết sức coi trọng huy động vốn của các thành phần kinh tế, của gia đình, cá thể và tư nhân, cán bộ, công nhân viên trong các ngành, đơn vị.

+ Khuyến khích xã viên và nhân dân tự bỏ vốn mua sắm công cụ, sức kéo, làm thủy lợi nội đồng, xây dựng các cơ sở chế biến, sửa chữa cơ khí, công cụ thủy điện nhỏ, khuyến khích các hình thức góp phần của mọi tầng lớp nhân dân làm dịch vụ sản xuất.

+ Kêu gọi các địa phương trong nước, các tổ chức quốc tế liên doanh, liên kết để mở rộng sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm khuyến khích lưu thông hàng hóa.

Căn cứ những định hướng và điều chỉnh quy hoạch sản xuất nêu trên cần bố trí lại cơ cấu đầu tư tập trung cho vùng trọng điểm, cho các thành phần kinh tế, đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nhằm tạo ra khối lượng hàng hóa ngày càng lớn và có giá trị kinh tế cao.

II. SẮP XẾP VÀ SỬ DỤNG PHÁT HUY TỐT CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

A. Đối với kinh tế quốc doanh

- Cần thực hiện tốt Nghị định 217/HĐBT về đổi mới cơ chế

quản lý kinh tế các xí nghiệp quốc doanh, Nghị định 169/HĐBT về cơ chế quản lý các cơ sở quốc doanh sản xuất nông, lâm nghiệp, cần nhấn mạnh việc thực hiện đồng bộ các chủ trương.

1. Phát huy vai trò chủ đạo của hệ thống kinh tế quốc doanh, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền tự chủ thật sự cho các đơn vị quốc doanh theo đúng tinh thần Nghị quyết 10. Đặc biệt là tự chủ về kinh doanh, tự trang trải về tài chính, làm ăn có lãi, kiên quyết xóa bỏ chế độ bao cấp.

2. Tiến hành đổi mới cơ chế quản lý đối với quốc doanh cần thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động, đến hộ hoặc nhóm hộ công nhân, viên chức, đồng thời tùy điều kiện mà vận dụng thực hiện hình thức cho thuê hoặc khoán đầu thầu.

Phát huy vai trò chủ đạo của các quốc doanh nêu gương về kỹ thuật, về quản lý, về quan hệ hợp tác thông qua nhiều hình thức liên doanh, liên kết, hợp đồng kinh tế dẫn dắt thu hút được thành phần kinh tế tập thể, gia đình, kinh tế cá thể tư nhân cùng tham gia khắc phục tình trạng quốc doanh không gắn với thành phần khác trong sản xuất, đời sống.

3. Trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ và chuyển sang hạch toán kinh doanh, đưa các quốc doanh vào môi trường cạnh tranh thông qua hiệu quả cụ thể để đánh giá phân loại và sắp xếp lại.

Nội dung củng cố và sắp xếp lại:

- Đối với quốc doanh dịch vụ lấy mở rộng dịch vụ cho các thành phần kinh tế, đến hộ gia đình để phát triển kinh doanh thông qua mua bán thẳng hoặc qua hợp đồng kinh tế, giảm các tầng lớp trung gian và theo hướng: cơ quan nào thu mua sản phẩm, cơ quan đó có trách nhiệm đầu tư vốn, cung ứng vật tư, dịch vụ sản xuất làm ra sản phẩm đó và tiêu thụ sản phẩm.

Ở cấp huyện cần tổ chức lại hệ thống dịch vụ phục vụ cho sản xuất (giống, thú y, bảo vệ thực vật, thủy nông...), một số huyện vùng thấp có điều kiện kiên quyết chuyển sang hạch toán kinh doanh.

- Đối với các nông, lâm trường:

+ Xác định lại phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng, vật nuôi vừa thực hiện chuyên canh, thâm canh vừa kinh doanh tổng hợp phù hợp với cơ cấu sản xuất theo sơ đồ phân bổ lực lượng sản xuất của từng vùng trong tỉnh. Đồng thời cần mở rộng dịch vụ tổng hợp, nhằm đáp ứng với nhu cầu sản xuất, tiêu dùng ở vùng để thúc đẩy sản xuất phát triển.

+ Tổ chức lại quy mô hợp lý trên cơ sở cân đối lao động, trang thiết bị kỹ thuật... và phải lấy hiệu quả làm chính. Phần đất đai chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả cần giao lại cho chính quyền địa phương quản lý để giao cho tập thể và các thành phần kinh tế khác kinh doanh, đồng thời cần mở rộng hợp đồng kinh tế giữa quốc doanh với các thành phần đó.

+ Các đơn vị làm ăn kém hiệu quả sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý gắn liền đổi mới cán bộ quản lý. Đối với các đơn vị làm ăn thua lỗ mà không có triển vọng củng cố, phát triển thì cần lựa chọn từng bộ phận hoặc toàn bộ sang hình thức quản lý thích hợp khác (có thể cho tự nhận đấu thầu, vốn trước đây Nhà nước đầu tư cho các cơ sở này cần được kiểm kê, thanh toán, chuyển giao đầy đủ).

B. Đối với kinh tế tập thể

Cần gắn việc thực hiện Nghị quyết 10 với Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị đồng thời các cấp ủy và chính quyền các cấp cơ sở cần căn cứ Nghị định 171/HĐBT về chấn chỉnh tổ chức, đổi mới quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông, lâm nghiệp để có kế hoạch thực hiện.

Về quản lý nội bộ hợp tác xã cần nhấn mạnh chú ý:

1- Mở rộng và hoàn thiện cơ chế khoán theo định mức và đơn giá, gắn kế hoạch sản xuất với kế hoạch phân phối từ đầu, khoán thẳng đến hộ, nhóm hộ. Mở rộng cơ chế này ra tất cả cây con, ngành nghề trong hợp tác xã. Các huyện cần chỉ đạo các hợp tác xã điều chỉnh lại năng suất sát với thực tế đã đạt được mức đầu tư hiện nay.

2- Khi đã khoán ruộng đất ổn định, chính quyền địa phương cấp giấy giao quyền sử dụng cho từng hộ (đất ruộng là 15 năm, đồi cây đất lâm nghiệp 30 - 35 năm).

3- Do thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ và nhóm hộ, một cách phổ biến cần xác định: Hợp tác xã là đơn vị kinh tế cơ sở, chủ sở hữu, chủ quản lý, chủ phân phối và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, tự chủ về mọi mặt sản xuất kinh doanh, gắn chặt sản xuất, chế biến, lưu thông, tiêu thụ.

Hộ xã viên là đơn vị nhận khoán đồng thời trở thành những đơn vị sản xuất tự chủ gắn kế hoạch sản xuất do tập thể sản xuất với kế hoạch sản xuất của hộ gia đình thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của hộ. Hộ xã viên phải thực hiện tốt kế hoạch sản xuất và các nghĩa vụ đối với tập thể, đồng thời chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh theo khả năng vốn, kỹ thuật, nhận đầu thầu hoặc liên doanh, liên kết hợp tác với các hộ khác và đơn vị khác, khuyến khích các hộ làm giàu chính đáng.

4- Nội dung sản xuất kinh doanh và quản lý của hợp tác xã cần xác định rõ:

- Quyết định phương án sản xuất kinh doanh theo hướng thâm canh, chuyên canh, tăng vụ, kinh doanh tổng hợp, lấy hiệu quả làm thước đo.

- Quyết định các định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế khoán và liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế.

- Chuyển sang hoạt động dịch vụ nhất là những khâu tập thể đảm nhận, bảo vệ thực vật, giống, thủy lợi, phân vô cơ, tránh hình thức phát canh thủ tô.

- Từ quyết định việc thành lập và sử dụng đúng hướng, có hiệu quả các loại quỹ, tư liệu sản xuất, các tài sản cố định của hợp tác xã trước hết là đầu tư cho sản xuất, xây dựng các cơ sở phúc lợi và quyết định các chế độ phúc lợi cho tập thể (tổng các quỹ của hợp tác xã không quá 15% sản lượng khoán) cả bằng thóc và tiền.

- Có trách nhiệm bảo đảm nghĩa vụ nộp thuế theo đúng chính sách và thanh toán các hợp đồng đã ký kết với Nhà nước và thành phần kinh tế khác.

5- Kiện toàn ban quản lý hợp tác xã để làm nhiệm vụ và chức năng quản lý sau:

- Chuẩn bị kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính của hợp tác xã, xây dựng các định mức, đơn giá khoán đưa Đại hội xã viên thảo luận và quyết định.

- Thay mặt tập thể ký các hợp đồng với các hộ xã viên, bảo đảm thực hiện các hợp đồng đã ký, tổ chức thực hiện các hợp đồng hoặc liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế, các cơ quan khoa học - kỹ thuật và các thành phần khác.

- Hướng dẫn các xã viên thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật trách nhiệm với tập thể, chăm lo đời sống xã viên, thực hiện tốt các chính sách xã hội trong hợp tác xã, giúp đỡ hướng dẫn phân công lao động hợp lý tạo điều kiện cho các gia đình khó khăn, nơi có đủ điều kiện xây dựng quỹ hưu trí trong hợp tác xã.

- Đội trưởng sản xuất trong hợp tác xã làm nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc hướng dẫn xã viên làm đúng định mức khoán, thực hiện tốt quy trình kỹ thuật. Đồng thời đôn đốc các tổ chức dịch vụ thực hiện các hợp đồng đã ký với hộ xã viên. Đối với những đội chuyên canh chỉ cần 1 đội trưởng.

Đối với hợp tác xã yếu kém:

Đối với những cơ sở này cần phân ra hai loại để có giải pháp cụ thể:

- Những hợp tác xã yếu kém ở trong vùng ít nhiều cơ sở vật chất-kỹ thuật của Nhà nước đã đầu tư xây dựng (thủy lợi, thủy điện,...). Có các cơ sở kinh tế quốc doanh làm nòng cốt, có môi trường kinh doanh thuận lợi (thị trường giao thông, có sản phẩm xuất khẩu hoặc gia công) thì cố gắng củng cố và có kế hoạch lâu dài đưa hợp tác xã đi lên trước mắt cần thực hiện các nội dung:

a- Về bộ máy và cán bộ, cơ quan quản lý hợp tác xã nếu năng lực quản lý yếu kém thì kiên quyết thay đổi, lựa chọn người có năng lực, phẩm chất tốt, nhiệt tình chăm lo đời sống cho tập thể.

b- Giúp các hợp tác xã xác định lại phương hướng sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thực hiện cơ chế khoán hộ, nhóm hộ. Đối với phương thức hoạt động của ban quản lý, tổ chức dịch vụ và liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác tạo nguồn vốn kinh doanh.

Đối với những hợp tác xã không có nội dung, nhất là vùng cao cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa có, sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, kinh tế quốc doanh chưa có điều kiện đầu tư tạo ra sản phẩm hàng hóa chủ yếu, điều kiện giao thông vận tải tiếp cận thị trường khó khăn thì có kế hoạch chuyển sang hình thức tổ đổi công, vắn công, phải xác định phương hướng sản xuất hàng hóa. Nhà nước thông qua thương nghiệp và dịch vụ sản xuất tiêu thụ sản phẩm để hướng dẫn và khuyến khích sản xuất và khuyến khích các thành phần kinh tế khác làm dịch vụ ở những vùng này.

Khi chuyển cấp cần chú ý xử lý các vấn đề:

a- Ruộng đất: Đối với đất sản xuất lương thực mà hợp tác xã trước đây đang quản lý cần kiểm kê thu hồi quỹ đất đó trước hết trích 10% (đất ruộng và màu) cấp cho các hộ làm kinh tế gia đình, giành 3 - 5% diện tích chia cho các gia đình thuộc diện đối tượng chính sách cán bộ chủ chốt xã. Số còn lại chia đều cho lao động quy đổi nhân khẩu hiện có của hợp tác xã khi chuyển hình thức, số đất này chính quyền địa phương cấp giấy cho các hộ mượn để sản xuất (tối đa là 15 năm). Đối với đất rừng thực hiện giao đất, giao rừng theo chính sách hiện hành.

b- Trâu, bò của hợp tác xã, diện tích cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản... tùy từng loại có thể chuyển sang công trình phúc lợi công cộng do chính quyền xã quản lý hoặc có thể chuyển đấu thầu hoặc bán.

c- Các tài sản khác: Nhà kho, sân phơi, cày, bừa, nông cụ, công

trình thủy lợi... tùy từng loại có thể chuyển sang công trình phúc lợi công cộng do chính quyền xã quản lý hoặc có thể chuyển đầu thầu hoặc bán.

Số tiền vốn thu được tùy từng nơi có thể trích một phần để xây dựng công trình phúc lợi công cộng hoặc chia theo vốn cổ phần xã viên thời điểm chuyển hình thức.

d- Chính sách xã hội: Ngoài thuế là nghĩa vụ bắt buộc hằng năm các hộ có đóng góp một số lương thực, số lương thực này do Ủy ban nhân dân xã quản lý để trả thù lao cho trưởng thôn, bản tùy điều kiện từng nơi (bảo đảm mỗi trưởng thôn, bản 15-200 kg lương thực quy thóc) và phát triển các công trình phúc lợi cần thiết, trưởng thôn, bản có trách nhiệm làm một số việc:

- Huy động thuế nông nghiệp, dân công công ích.
- Làm tốt công tác giao dịch với Nhà nước để lấy vật tư cho sản xuất và làm một số công việc chung khác.
- Làm công tác quản lý xã hội ở thôn, bản đó.

Việc bình xét, phân chia đóng góp phải thật sự dân chủ, bình đẳng và ở hội nghị của nông dân bàn bạc quyết định.

6- Đối với các huyện vùng cao của tỉnh nhất là các xã xa xôi hẻo lánh, cần chú ý xây dựng củng cố cụm kinh tế - kỹ thuật (khu vực) gắn hoạt động của cụm với tổ chức an ninh, chính trị ở từng khu vực trên địa bàn huyện. Việc tổ chức dịch vụ ở cụm cùng với chính sách bảo trợ của Nhà nước từng bước đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, giải quyết những khó khăn trong đời sống, tổ chức việc định canh định cư, góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn.

Vấn đề định canh định cư trước mắt cần phải:

- Muốn định canh chủ yếu là hướng dẫn và đầu tư kinh tế vườn, tạo thêm ruộng nước, ruộng cạn, giao đất, giao rừng để sản xuất kinh doanh, quản lý, bảo vệ từng bước có sản phẩm hàng hóa, mở rộng giao lưu giữa các vùng.

- Tổ chức tốt dịch vụ về giống, kỹ thuật cung ứng vật tư, tiêu

thụ sản phẩm, xây dựng làng bản và xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc.

C. Đối với kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân

Cùng với phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể tỉnh khuyến khích không hạn chế phát triển kinh tế gia đình kinh tế cá thể, tư nhân bỏ vốn, sức lao động (nếu thiếu lao động được thuê lao động theo hợp đồng lao động kỹ thuật và khả năng quản lý sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, chế biến...), không hạn chế quy mô sản xuất, kinh doanh, khuyến khích làm giàu từ từ kết quả sản xuất kinh doanh chính đáng.

Định hướng cho sản xuất:

1- Trong sản xuất nông, lâm nghiệp: Khuyến khích đầu tư, phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây đặc sản xuất khẩu, cây dược liệu... trồng rừng nguyên liệu, khai hoang ruộng nước, chăn nuôi các loại gia súc.

2- Chế biến: Các loại sản phẩm nông, lâm nghiệp.

- Đối với sản phẩm công nghiệp: Đẩy mạnh chế biến nông sản như màu, tinh dầu, chè, da các loại.

- Lâm nghiệp: Chế biến lâm sản các mặt hàng dân dụng; bàn, ghế, giường, tủ, dụng cụ học sinh, chế biến bao bì các loại, hàng mây tre đan, màn hình cọ, đệm bông lau, chổi chít...

Ngoài ra, phát triển các ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp phục vụ nông nghiệp: cơ khí, sửa chữa nông cụ, thủy điện, xay xát, công cụ cầm tay. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp quốc doanh cần quy hoạch tổ chức sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật và làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm.

D. Giải quyết việc tranh chấp đất đai

Ở những nơi có tranh chấp đất đai trong nội bộ nông dân cũng như giữa nông dân với các tổ chức kinh tế của Nhà nước cần

tập trung sức chỉ đạo giải quyết theo đúng tinh thần Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị và ý kiến kết luận của Ban Bí thư (số 123-TB/TW, ngày 12-12-1988) gắn với việc giải quyết ruộng đất với củng cố các tổ chức kinh tế tập thể, đẩy mạnh phân công lao động, mở mang ngành nghề sớm ổn định tình hình sản xuất, đời sống và tăng cường đoàn kết nông thôn. Vấn đề cần lưu ý đối với vùng cao của tỉnh: việc giải quyết tranh chấp ruộng đất cần lấy mốc xem xét từ cải cách dân chủ và đối với ruộng đất do xóa bỏ tàn dư bóc lột phong kiến của phú nông, địa chủ do tịch thu trưng thu của các loại phản động. Qua các thời kỳ cách mạng đã được ghi cấp cho nông dân thì không trả lại. Nếu đời sống của hộ gặp khó khăn không có ruộng sản xuất thì giải quyết như mọi nông dân khác.

- Đối với ruộng đất xen canh, nông dân ở nơi cư trú không có ruộng đất phải đi đến nơi khác sản xuất nguyên tắc chung là không được cấy ruộng đất xen canh, phải từng bước kiểm tra tư liệu sản xuất cho vùng chưa đủ đất canh tác (phải có bước đi cụ thể và bàn bạc cụ thể giữa các địa phương).

III. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG NÔNG, LÂM NGHIỆP

1. Đối với cấp xã

Chính quyền xã phải tập trung làm nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và kinh tế đối với mọi thành phần kinh tế và quản lý xã hội trên địa bàn xã.

+ Quản lý nhà nước về kinh tế chính quyền xã cần: Cụ thể hóa quy hoạch và kế hoạch trên địa bàn xã; chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị sản xuất cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với quy hoạch vùng, phối hợp kiểm tra giám sát các hoạt động kinh tế của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

+ Quản lý xã hội cần: Trách nhiệm chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng các công trình văn hóa phúc lợi công cộng, làm tốt công tác

văn hóa, thông tin, thực hiện nếp sống mới, khắc phục tập quán lạc hậu, bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn.

+ Việc quản lý kinh tế của hợp tác xã và quan hệ kinh tế giữa hợp tác xã và các tổ chức kinh tế quốc doanh do Ban quản lý hợp tác xã tự lo.

2. Đào tạo tổ chức cán bộ

Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có phẩm chất, năng lực để đảm đương được công việc theo yêu cầu đổi mới hiện nay.

+ Đào tạo chính quy và bồi dưỡng chuyên môn: Giao cho hệ thống trường: Trung học Nông - lâm nghiệp, Kinh tế Kế hoạch tỉnh, Trường Đại học tại chức tỉnh chịu trách nhiệm sắp xếp bố trí đào tạo theo kế hoạch.

+ Trước mắt cần tăng cường mở các lớp tập huấn ngắn hạn về nghiệp vụ quản lý, xây dựng kế hoạch, ở từng khu vực trong tỉnh giao cho cơ sở nông, lâm nghiệp, tài chính, ngân hàng phối hợp cùng với huyện thị thực hiện.

+ Hợp tác xã lo chi phí để cử cán bộ đi học về làm cho hợp tác xã.

+ Tổ chức cán bộ: Bộ máy quản lý hợp tác xã cần sắp xếp theo hướng gọn nhẹ, Ban quản lý hợp tác xã có từ 1-3 người (ở những hợp tác xã toàn xã kinh doanh tổng hợp có thể từ 3 đến 5 người). Ban kiểm soát 1 trưởng ban, 2 ủy viên không chuyên trách cán bộ trong Ban quản lý kiểm soát do Đại hội xã viên bầu, nhiệm kỳ từ 2-3 năm.

3. Trong khi kiến nghị và chờ Trung ương có chính sách đối với miền núi bảo trợ và tính toán hợp lý về giá vật tư, thiết bị cước vận tải, thu quốc doanh, lãi suất ngân hàng, tính lãi triết khấu với miền núi, v.v.. Để đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp ngoài các chính sách đã ban hành tỉnh bổ sung một số chính sách:

- Với vùng chuyên canh cây công nghiệp:

a- Cây lương thực: Đối với một số hợp tác xã huyện có thể mạnh cây công nghiệp, cây đặc sản (chè, quế) nhưng rất khó khăn

về lương thực sản xuất tại chỗ, ngoài sản phẩm đã ký hợp đồng với các cơ sở kinh tế của Nhà nước. Phần còn lại được xuất khẩu, trao đổi hoặc liên kết với những nơi có lương thực để chủ động bổ sung lương thực thiếu.

b- Thuế: Đối với hợp tác xã các gia đình nằm trong vùng chuyên canh sản xuất cây công nghiệp, lương thực sản xuất tại chỗ chỉ đảm bảo 40% cho nhu cầu, tỉnh cho phép nộp thuế bằng tiền hoặc nộp thuế bằng sản phẩm của cây công nghiệp như chè.

- Chính sách xã hội ở nông thôn:

Trước mắt cần giải quyết:

+ Đối với các gia đình thuộc diện đối tượng chính sách ngoài việc thực hiện một số chính sách ưu tiên như Nghị quyết 02, Nghị quyết 10 (khoán ruộng gần, ruộng tốt, hướng dẫn làm ngành nghề, trích quỹ đất), tỉnh chủ trương sẽ xây dựng quỹ bảo trợ xã hội do toàn dân đóng góp để thực hiện trách nhiệm đối với các đối tượng trên. Trước mắt lập quỹ xã hội ở từng xã, huyện đóng góp theo hộ gia đình cán bộ, công nhân viên bằng thóc hoặc bằng tiền (do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể).

+ Ở những hợp tác xã sản xuất phát triển, thu nhập khá, hợp tác xã cần để quỹ bảo hiểm để hỗ trợ sản xuất và đời sống khi gặp thiên tai, mùa màng sút kém. Đồng thời, dần dần trích lập quỹ trợ cấp sản xuất xã hội cho xã viên của hợp tác xã khi hết tuổi lao động hoặc già yếu (quỹ hưu trí).

+ Cần mở cuộc điều tra tình hình nông thôn (làm thí điểm) để làm cơ sở cho việc định các chủ trương, chính sách cho nông thôn miền núi theo tinh thần Chỉ thị số 22, ngày 31-8-1988 của Ban Bí thư.

IV. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG Ở NÔNG THÔN

- Cần thực hiện Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước hết là nâng cao năng lực lãnh đạo về kinh tế, nâng cao

sức chiến đấu và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch và vững mạnh đi liền với việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường các hoạt động của các đoàn thể quần chúng, đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, người nông dân làm chủ sản xuất thực hiện dân chủ, công khai, đoàn kết, củng cố quan hệ sản xuất, cải thiện đời sống, giữ vững kỷ cương về các mặt quản lý kinh tế - xã hội - hành chính an ninh.

- Khuyến khích các đảng viên nông thôn đầu tư vốn, lao động phát triển kinh tế, giao trách nhiệm cho các đảng viên giúp đỡ các hộ gặp khó khăn bằng những hình thức thích hợp để cùng nhau phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Phát huy vai trò của đảng viên trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

V. TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- Đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, trước hết củng cố hệ thống giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa để nhanh chóng xóa nạn mù chữ cho người lớn và nạn thất học của trẻ em các dân tộc (nhất là vùng cao) mở rộng sự nghiệp văn hóa, y tế, xóa các phong tục tập quán lạc hậu mê tín, cờ bạc, nghiện hút, thuốc phiện, xây dựng nếp sống văn minh, đẩy mạnh cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình đến từng thôn, bản, từng nhà, nhằm hạ thấp dân tỷ lệ tăng dân số.

- Bằng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm khôi phục và xây dựng hệ thống giao thông trong nông thôn và kiến trúc hạ tầng.

- Nâng cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau tiến tới thanh toán số hộ nông dân nghèo ở nông thôn.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc thực hiện Nghị quyết 10 gắn với Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị cùng các Nghị quyết 2, 3, 4, 5 của Trung ương là động lực mạnh mẽ nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ngành, các cấp và các đoàn thể quần chúng làm tốt những việc sau đây:

1- Tiếp tục quán triệt sâu rộng Nghị quyết 10 trong các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện, cơ sở và quần chúng nhân dân gắn với công tác kiểm điểm và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới theo tinh thần chỉ đạo trên đây của Ban Thường vụ.

Cần nắm vững tính hệ thống đồng bộ của nghị quyết, gắn chặt chẽ từng mặt, từng bước thực hiện với nội dung toàn diện của nghị quyết, tạo sức mạnh tổng hợp làm chuyển biến tình hình về cơ bản.

2- Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục cụ thể hóa các chính sách và các quy định cụ thể, chỉ đạo thực hiện nghị quyết và xử lý tháo gỡ những vướng mắc. Chỉ đạo các ngành chức năng hướng dẫn thi hành những vấn đề thuộc ngành phụ trách.

3- Tỉnh ủy tiếp tục công tác chỉ đạo điểm, tổng kết điển hình, chỉ đạo các ban và các ngành xây dựng một số chuyên đề của Nghị quyết 10 như:

- Vấn đề nông, lâm trường
- Công tác xây dựng Đảng trong nông thôn.
- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhất là về nghiệp vụ quản lý trong hợp tác xã.

4- Các cấp cần có sự phân công cấp ủy viên lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nghị quyết này, định kỳ kiểm tra, nghe báo cáo sơ kết, tổng kết và báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Giao cho Ban Kinh tế Tỉnh ủy và Sở Nông - lâm nghiệp giúp Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp tình hình và đề xuất, giúp Tỉnh ủy chỉ đạo thắng lợi Nghị quyết này trong thời gian tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ TRONG TOÀN TỈNH

STT	Huyện thị	Số hợp tác xã	1988		Ghi chú
			Hợp tác xã có nội dung kinh tế	Tổ đoàn kết sản xuất	
1	Yên Bình	38	38	-	
2	Trấn Yên	63	58	-	
3	Văn Chấn	94	72	32	
4	Văn Yên	47	47	-	
5	Lục Yên	48	48	-	
6	Bảo Yên	50	35	40	
7	Văn Bàn	50	25	-	Chưa có số liệu tổ đoàn kết sản xuất
8	Bảo Thắng	48	38	10	
9	Bát Xát	32	8	60	
10	Sa Pa	33	12	48	
11	Bắc Hà	59	16	103	
12	Mường Khương	101	7	93	
13	Trạm Tấu	8	6	15	
14	Mù Cang Chải	12	2	25	
15	Than Uyên	70	28	41	
16	Thị xã Lào Cai	12	12	-	
17	Thị xã Yên Bái	11	11	-	
	Toàn tỉnh	776	463	473	

Biểu 1
Số lượng cán bộ hợp tác xã (điều tra ở 4 huyện)

STT	Huyện thị	Đơn vị	1987	1988	1987 so 1988		Ghi chú
					Số giảm	%	
1	Yên Bình	Cán bộ	1.240	508	722	58,6	
2	Bảo Thắng	Cán bộ	832	430	402	48,3	
3	Trấn Yên	Cán bộ	480	222	258	53,7	
4	Văn Bàn	Cán bộ	308	236	73	24	
	Tổng số 4 huyện		2.860	1.396	1.455	184,6	

Biểu số 2

1. Tình hình thực hiện vốn xây dựng cơ bản

	Thực hiện 1987	Kế hoạch 1988	Thực hiện 1988	%		
				Thực hiện 1988/ KTH	Thực hiện 1986/ Thực hiện 1987	Quy đổi 1987 thực hiện 1988/ thực hiện 1987
Tổng số vốn	424.496	2.736.592	3.437.378	125	809,4	179,9
+Khu vực sản xuất	289.323	2.061.699	2.709.206	131,4	936,4	208,0
+Khu vực không sản xuất	135.173	674.892	728.442	112,4	538,8	119,7
+ Trong đó:						
- Công nghiệp	100.253	599.383	733.023	122,7	731,6	162,5
- Nông, lâm, thủy lợi	143.828	1.044.004	1.321.328	126,0	918,6	204,1
Cơ cấu đầu tư						
Tổng vốn (%)	100%	100%	100%			
Theo khu vực và ngành						
+ Khu vực sản xuất	68,1	72,1	75	+ 2,9	+ 6,9	
+ Khu vực không sản xuất	31,0	27,9	25	- 2,9	- 6,9	
+ Trong đó:						
- Công nghiệp	23,6	21,8	21,3	-0,5	-2,3	
- Nông, lâm, thủy lợi	33,6	38,0	38,3	+ 0,3	+4,7	

2. Kết quả đầu tư xây dựng bằng với xây dựng cơ bản

- Diện tích tưới, tiêu khoa học: 914 ha
- Diện tích khai hoang : 809 ha
- Diện tích kho tàng : 2.508 m²
- Diện tích trồng rừng tập trung: 7.584 m²
- + Trong đó quốc doanh : 5.044 ha

Biểu 3

Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
- Tổng công trình trung thủy nông	Công trình	211	
- Công trình thủy lợi nhỏ	Công trình	1.625	
Trong đó:			
+ Công trình loại đập dâng kênh dẫn	Công trình	142	
+ Hồ chứa nước	Hồ	62	Diện tích 42 triệu m ³
- Các công trình khác			
+ Bơm điện	Chiếc	6	
+ Bơm dầu	Chiếc	100	Tăng
- Diện tích được tưới chắc vụ đông - xuân	Ha	19.000/19.600	180% so 1960
- Diện tích tưới chắc vụ mùa	Ha	30.000/31.500	Tăng 170% so 1960
- Thu thủy lợi phí 1988			
+ Tổng thu bằng thóc	Tấn	303	
- Vụ đông - xuân	Tấn	180	
- Vụ mùa	Tấn	123	

Biểu 4
Tình hình quốc doanh nông - lâm
(trực thuộc sở quản lý)

Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1. Tổng số cơ sở quốc doanh	Cơ sở	28	
2. Tổng số lao động	Người	9.195	
- Lao động gián tiếp	Người	1.399	Chiếm 18,2%
Trong đó			
- Lao động lâm nghiệp	Người	5.624	Gián tiếp: 798 người chiếm 14%
- Xí nghiệp chế biến	Người	1.127	Gián tiếp 128 người chiếm 11%
- Nông trường	Người	612	Gián tiếp 88 người chiếm 14%
- Dịch vụ nông, lâm nghiệp	Người	1.832	Gián tiếp 385 người chiếm 21%
- Tổng số cán bộ kỹ thuật	Người	774	Chiếm 8% tổng số lao động
+ Đại học	Người	165	
3. Đất đai quản lý			
A. Nông trường trạm trại			
Tổng diện tích		28.863	
+ Đất nông nghiệp	Ha	21.621	
+ Đất trồng cây lương thực	Ha	2.389	
+ Diện tích chè	Ha	3.683	
B. Diện tích lâm nghiệp	Ha	236.409	
+ Đất lâm trường quản lý	Ha	182.658	Bình quân 32,4 ha rừng /lao động
+ Rừng trồng	Ha	26.000	
4. Tổng giá trị tài sản cố định	1.000đ	6.962.054	(tính đến 31-12-1988)
- Bình quân giá trị tài sản/lao động	1.000đ	757	
5. Vốn đầu tư	1.000đ	4.713.418	Bình quân ha 512.000 đồng/lao động
- Vốn cố định	1.000đ	3.425.750	Bình quân ha 372.000 đồng/lao động
- Vốn lưu động	1.000đ	1.287.668	Bình quân ha 140.000 đồng/lao động
6. Tổng thu ngân sách	1.000đ	1.345.916	Bình quân ha 146.000 đồng/lao động
- Thu quốc doanh	1.000đ	223.195	Bình quân ha 24.000 đồng/lao động

- Lợi nhuận	1.000đ	264.189	Bình quân ha 24.000 đồng/lao động
- Thuế lâm sản	1.000đ	439.019	
7. Đơn vị hoàn thành Kế hoạch có hiệu quả kinh tế	Đơn vị	19/28	(Lâm trường: Văn Yên, Thác Bạc, Công ty Chế biến tổng hợp, Công ty ô tô lâm nghiệp, xí nghiệp công, nông nghiệp Bảo Yên).
8. Đơn vị không hoàn thành có tích lũy		5/28	
9. Đơn vị không hoàn thành kế hoạch hiệu quả kinh tế thấp		4/28	
			Lâm trường: Ngòi Lao, Việt Hưng, Yên Bình, Bảo Yên.

Biểu 5
Kết quả điều tra 3 hợp tác xã ở huyện Văn Yên

Diễn giải	Đơn vị	Hợp tác xã Yên Hưng			Hợp tác xã Lâm Giang			Hợp tác xã Quảng Ninh		
		1987	1988	TG (+/-)	1987	1988	TG (+/-)	1987	1988	TG (+/-)
A. Diện tích tự nhiên	Ha	670	670	-	9.000	9.000	-	-	-	-
- Đất nông nghiệp	Ha									
+ Diện tích Lúa nước		171,36	171,36	-	200	200	-	-	-	-
- Nông sản khoán/vụ										
- Nông sản thực tế/vụ	Ha									
+ Diện tích chè kinh doanh		135,0	135,0	-	72,5	72,5	-	9,0	9,7	+0,7
- Nông sản khoán	Trên ha	2,68	2,64	2,64	2,94	2,58	0,54	+0,08	2,84	+1,0
- H.S thực tế	Trên ha	2,68	2,64	0,04	3,48	3,46	+0,16	-	-	-
+ Diện tích quế	Trên ha	14	14	-	30,0	22,68	-8,4	-	-	-
+ Diện tích đất lâm nghiệp										
- Rừng trồng	Trên ha	1,6	1,6	-	-	-	-	-	-	-
- Rừng tự nhiên	Trên ha	2,2	2,2	-	-	-	-	-	-	-
B. Cơ sở vật chất kỹ thuật	Ha	-	-	-	-	-	-	4,0	4,0	4,0
+ Tổng đàn trâu cây kéo	con	498,6	498,6	-	-	-	20	-	-	-
- Trong đó xã viên	Ha	-	-	-	-	20	-	-	-	-
+ Nhà kho	m ²	498,6	498,6	-	-	-	-	-	-	-
+ Sân phơi	m ²					-	-	-	-	-
+ Máy động lực	Cái							49	-	-
+ Bình bơm trừ sâu	Cái	130	144	+14	346		-	49		
- Trong đó gia đình	Cái				346		+50	-	-	-
+ Cây bừa	Cái	-	-	-	250		-	-		
C. Vốn	Triệu					300	-		350	-
+ Tổng số vốn	Triệu	270	270	-	262		-	350	900	-
- Vốn cố định	Triệu	3200	3200	-	2102	262	1	900	-	-
- Vốn lưu động	Triệu	1	1	-	7	2102	-	-	2	-
D. Đầu tư cho sản xuất		27	27	-	33	8		2	-	-
+ Phân chuồng	Tấn					0	+28	-	86	+14
+ Đạm tiêu chuẩn	Tấn	15	15	-	5			72		
+ Su pe lân	Tấn					33				
+ Ka ly	Tấn	-	-	-			+5			
Đ. Phân phối	100%				120		+50,8		8,58	
+ Tỷ lệ bình quân xã viên		5,4	19,2	113,8	8,7	125	+18,8		8,0	+0,1
hưởng	100%	4,6	10,7	+6,1	3,0	59,5	+38,0	8,4	0,48	+0,1
+ Hợp tác xã	100%	0,7	8,5	+7,7	5,7	15,8		12,0		+0,04
+ Nhà nước	100%					43,7		0,44		
		1092	1092	-	400		-		78,0	
		20,0	22,9	+2,9	35	400	-5,0		1,1	+3,0
						30	+8,0	75,0		+0,1
		29	0,9	-28,0	21		+5,0	1,0	-	-
		0,99	0,83	-0,16	-	29	-	-	-	-
	100%	100%	100%	-	5	-	-	-	-	100%
		57,7	60	+7,3	-	-	-	-	-	54,0
		17,2	19,9	+2,7	-	-	-	-	-	24,5
		30,1	20,1	+10,0	-	-	-	-	-	21,5
						-		-		

Biểu 5B

Phân bổ lao động - số lượng chất lượng cán bộ của 3 hợp tác xã nông nghiệp II Văn Yên

Đơn vị người

Diễn giải	Hợp tác xã Yên Hưng		Hợp tác xã Quảng Ninh		Hợp tác xã Lâm Quan		Tổng số			
	Yên Hưng		Quảng Ninh		Lâm Quan					
	1987	1988	1987	1988	1987	1988	1987	1988	T.giảm	Ghi chú
Tổng số lao động										
- Lao động trồng lúa	430	438	128	133	1080	1125	1636	1696	+60	
- Lao động ngành nghề	390	400	119	125	979	1043	1488	1568	+60	
- Lao động gián tiếp	29	29	-	-	15	15	44	44	-	Giảm
+ Ban quản lý	29	1	9	7	46	27	84	53	-31	37%
+ Bộ giúp việc	5	3	3	3	4	3	12	9	-3	-25%
Trình độ cán bộ	24	16	6	4	42	24	72	44	-28	-39%
Đại học										
Trung học	1	1	-	-	-	-	1	1		
Văn hóa cấp I	2	0	-	-	4	4	6	4	-2	
Văn hóa cấp II	3	3	8	6	8	5	19	44	-5	
Trung cấp chính trị	26	16	1	38	22	65	39		-26	
- Số đảng viên tham gia công tác	1	1	0	-	-	-	1	1		
Tổng số đảng viên	18-52	16-54	1-9	3-9	18-94	15-94	37-155	34-157		

KẾ HOẠCH CỦA TỈNH ỦY

Số 11-KH/TU, ngày 13-5-1989

**Về quán triệt và tổ chức thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Phổ biến sâu rộng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 đến từng cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc thuộc tất cả các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh.

2. Thông qua việc học tập, nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 6, làm cho mọi người nhất trí cao về đánh giá tình hình hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI.

Nhận thức đúng đắn những kết quả bước đầu quan trọng, thấy rõ những khó khăn và khuyết điểm phải khắc phục, những tiến bộ và thuận lợi cần phát huy, trên cơ sở đó nâng cao niềm tin ở đường lối đổi mới của Đảng ta.

3. Quán triệt sâu sắc những quan điểm đổi mới, những phương hướng và chủ trương lớn về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng mà Hội nghị Trung ương 6 đã đề ra, nhất là về các vấn đề:

- Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, khai thác mọi tiềm năng, mọi nguồn vốn đầu tư và đổi mới cơ chế đầu tư.

- Thực hiện chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.
- Đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh.
- Khống chế và đẩy lùi dần lạm phát.
- Xây dựng và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Đổi mới công tác tổ chức và phát huy hiệu lực của hệ thống chính trị.

4. Vận dụng các quan điểm, tư tưởng của Nghị quyết Trung ương 6 vào thực tế đơn vị, địa phương, xây dựng chương trình hành động cụ thể, thiết thực và tổ chức thực hiện, phấn đấu tạo ra bước chuyển biến tích cực ngay trong năm 1989 và các năm sau.

II. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 3-4-1989 của Trung ương Đảng, căn cứ vào tình hình cụ thể của Đảng bộ Hoàng Liên Sơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo việc triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 theo các hướng sau:

1. Đối với các cấp ủy Đảng, các đoàn thể quần chúng:

1. Tỉnh ủy và Huyện ủy mở hội nghị Ban Chấp hành (mở rộng) và hội nghị cán bộ chủ chốt để nghiên cứu nghị quyết và đề ra chương trình hành động từ nay đến hết năm 1991.

Hội nghị Ban Chấp hành và cán bộ chủ chốt làm các việc sau:

a) Nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 và bài phát biểu bế mạc hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Tham khảo bài giới thiệu Nghị quyết Trung 6 của đồng chí Đào Duy Tùng tại Hội nghị cán bộ toàn quốc (10-13 tháng 4-1989).

b) Thảo luận kiểm điểm 2 năm (1986-1988) và chương trình hành động của Đảng bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc huyện ủy trình bày.

- Trong thảo luận cần chú ý một số vấn đề sau:

+ Về đánh giá tình hình: Tìm ra nguyên nhân khách quan, đặc biệt là chủ quan của những thành công, thắng lợi cũng như khó khăn, yếu kém trong 2 năm qua. Xác định rõ trách nhiệm của từng đảng viên, cấp ủy trong những mặt còn yếu kém, tồn tại.

+ Về cơ cấu đầu tư, hướng đầu tư nhằm vào thực hiện các mục tiêu ở chương trình kinh tế, xây dựng vùng cao và biên giới.

+ Về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần cần lưu ý vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, quan niệm về cải tạo xã hội chủ nghĩa.

+ Về cơ cấu quản lý kinh tế, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

+ Về chống lạm phát: Chú ý vai trò của sản xuất và trật tự trong lưu thông phân phối.

+ Mở rộng dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và chấp hành luật pháp Nhà nước, giữ gìn trật tự, kỷ cương của Đảng.

Xây dựng Đảng và đấu tranh chống tiêu cực:

- Ngoài ra, có thể thảo luận những vấn đề khác xét thấy cần thiết và phù hợp với tình hình của địa phương.

Khi nghiên cứu các vấn đề trên, cần quán triệt các nguyên tắc của công cuộc đổi mới của Đảng ta trên toàn bộ các lĩnh vực, ví dụ:

- Phát triển kinh tế hàng hóa phải đi đôi với nâng cao vai trò kế hoạch hóa.

- Thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, đồng thời phải thực hiện tốt vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh

- Đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động cả hệ thống chính trị, phải gắn liền với xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản vững mạnh.

- Mở rộng dân chủ, công khai phải có định hướng xã hội chủ nghĩa...

2. Đối với các Đảng bộ xã, thị trấn và chi bộ cơ sở

- Đọc kỹ toàn văn Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 và bài phát biểu bế mạc Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

- Trao đổi kỹ những vấn đề chủ yếu có liên quan mật thiết đối với địa phương, đơn vị hoặc những vấn đề cần giải thích.

- Dựa vào đề cương giải thích nghị quyết do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn, trao đổi, giải đáp những thắc mắc, băn khoăn của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

- Căn cứ vào chương trình hành động của Đảng bộ cấp trên và tình hình cụ thể của địa phương, đề ra chương trình hành động thiết thực của Đảng bộ, chi bộ trong năm 1989 và 3 năm 1989-1991.

3. Đối với các đoàn thể quần chúng

- Phổ biến nội nghị quyết đến từng đoàn viên, hội viên, thông qua lực lượng báo cáo viên là cán bộ ban chấp hành đoàn thể hoặc đảng viên sinh hoạt trong đoàn thể.

- Căn cứ vào nội dung nghị quyết và chức năng nhiệm vụ của từng đoàn thể, từng cấp, các tổ chức quần chúng từ tỉnh đến cơ sở xây dựng chương trình hành động cụ thể có mục tiêu, biện pháp, định thời gian hoàn thành và xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Đội ngũ cán bộ trí thức, văn nghệ sĩ, phóng viên báo, thông tin văn hóa cần được nghiên cứu kỹ nội dung nghị quyết. Địa phương nào có đông đội ngũ cán bộ nói trên nên có riêng lớp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 do cấp ủy tổ chức.

4. Để thực hiện được các việc trên, Tỉnh ủy giao

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn tài liệu, giải thích nội dung cơ bản của nghị quyết và đưa về cơ sở làm tài liệu học tập, thảo luận của đảng viên và đoàn viên, hội viên và các đoàn thể quần chúng.

- Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức Đảng, Trung tâm Giáo dục chính trị các cấp (do Ban Tuyên giáo chủ trì) có trách nhiệm lựa chọn bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên giúp cấp ủy triển khai, quán

triệt nội dung nghị quyết đến từng đảng viên, quần chúng các dân tộc trong tỉnh.

+ Các đồng chí dự hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng là báo cáo viên cấp tỉnh

+ Ở huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc, đội ngũ báo cáo viên sẽ là các đồng chí dự hội nghị cấp ủy mở rộng và hội nghị cán bộ chủ chốt ở tỉnh.

+ Đội ngũ báo cáo viên của Đảng bộ xã, thị trấn, các chi, đảng bộ cơ sở chọn trong số cán bộ cấp huyện và các đảng viên hưu trí có trình độ và có khả năng truyền đạt được bồi dưỡng kỹ nội dung nghị quyết do Ban Tuyên giáo huyện tổ chức.

- Các Ban Kinh tế, Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp cùng Đảng ủy, ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chuẩn bị chương trình hành động về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng Đảng từ nay đến năm 1990 cho Tỉnh ủy gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6.

- Báo, đài, văn hóa thông tin từ tỉnh đến cơ sở có kế hoạch và tổ chức tuyên truyền thông tin và giải thích kịp thời các chủ trương, chính sách mới, phát hiện và giới thiệu các nhân tố mới phê phán các quan niệm, nhận thức lệch lạc.

III. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Tỉnh ủy giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện

- Rà soát lại và bổ sung, điều chỉnh (nếu xét thấy cần thiết) các chính sách kinh tế - xã hội của địa phương đã ban hành từ Đại hội VI đến nay.

- Căn cứ vào chương trình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của cấp ủy cụ thể hóa thành các chính sách, các quyết định, và tổ chức thực hiện. Trước hết tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách sau:

+ Thực hiện ba chương trình kinh tế, sản xuất và cung ứng lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu.

+ Chuẩn bị chương trình chống lạm phát gắn với giải quyết các vấn đề về phân phối, lưu thông, ngân sách, tiền mặt, đảm bảo quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh.

+ Ban hành kịp thời các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

+ Giữ gìn trật tự trị an, biên giới và nội địa, xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa.

2. Lãnh đạo các ngành, các cấp ủy Đảng có chương trình hành động gắn với việc thực hiện kế hoạch nhà nước, bao gồm:

- Chương trình tổng hợp, đề cập và giải quyết đồng bộ nhiều lĩnh vực, nhiều ngành kinh tế, trong thời gian dài.

- Chương trình chuyên đề nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách, then chốt phù hợp với thực tế từng nơi, từng thời kỳ.

- Căn cứ vào chương trình dài hạn, cần cụ thể hóa thành chương trình công tác 6 tháng, từng quý và từng tháng nhằm giải quyết dứt điểm từng phần việc, từng khâu trong hệ thống các nhiệm vụ cần giải quyết và đem lại hiệu quả thiết thực.

3. Cấp ủy Đảng cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra chính quyền và các ngành, các đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát huy cao độ dân chủ, tính năng động, sáng tạo của các cấp và từng người lao động với việc giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng và Nhà nước.

4. Định kỳ nghiêm ngặt việc sơ kết, tổng kết, coi trọng việc phát hiện nhân tố mới, phổ biến kịp thời những kinh nghiệm tốt, uốn nắn ngay những lệch lạc trong quá trình thực hiện.

5. Đổi mới một bước quá trình triển khai quán triệt và thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, tạo điều kiện để đảng viên tiếp cận trực tiếp với nghị quyết. Thông qua nhận thức chủ quan

của đối tượng học tập, yêu cầu nêu thắc mắc, bản khoản xung quanh nội dung nghị quyết sau đó báo cáo viên có nhiệm vụ giải đáp (gửi nghị quyết đến từng chi bộ).

- Gắn liền việc quán triệt về nhận thức với xác lập chương trình hành động và đề án tổ chức thực hiện nghị quyết ngay trong từng địa phương, đơn vị (huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc nên đưa vào nghị quyết Đại hội của cấp mình mà lập chương trình cụ thể).

- Việc nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 6 và xác lập chương trình hành động được tiến hành trong 3 tháng (5, 6, 7 năm 1989) gắn với đợt bồi dưỡng chính trị ngắn hạn (8 chuyên đề) cho cán bộ chủ chốt cơ sở. Đến cuối quý II năm 1989 các cấp ủy, các huyện, thị, Đảng ủy báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng là nghị quyết quan trọng trọng nhất, là cơ sở để tăng cường sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong Đảng và trong nhân dân các dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới nhằm đạt mục tiêu ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội.

Vì vậy, yêu cầu các cấp ủy phải trực tiếp việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 là nhiệm vụ trọng tâm của các tổ chức đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng trong thời gian tới, phấn đấu đến hết năm 1989 tạo cho được một số chuyển biến tích cực chào mừng những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1990.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08A-CT/TU, ngày 15-5-1989

Về lãnh đạo tổ chức Đại hội Hội Nông dân cấp huyện và xã năm 1989

Năm 1989 Hội Nông dân cấp huyện và xã tiến hành Đại hội đại biểu nhiệm kỳ thứ IV. Thực hiện Chỉ thị 05 của Ban Bí thư và chỉ thị của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Đại hội toàn quốc của Hội về xây dựng củng cố tổ chức Hội nông dân, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng lãnh đạo tổ chức tốt Đại hội đại biểu Hội Nông dân cấp huyện và xã nhằm đạt các nội dung chủ yếu sau đây.

I. Về mục đích yêu cầu:

Tiến hành Đại hội hai cấp huyện, xã theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam lần này cần đạt các yêu cầu như sau:

1- Đại hội là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của giai cấp nông dân các dân tộc trong tỉnh nên cần khơi dậy truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần phấn khởi, phát động phong trào thi đua sôi nổi lao động sản xuất, phát huy tốt vai trò chức năng của Hội, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy về đổi mới quản lý nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, phát huy tốt các thành phần kinh tế, trong đó quan tâm chỉ đạo kinh tế gia đình ở

nông thôn để tạo ra nguồn hàng hóa nông sản thực phẩm ngày càng nhiều cho xây dựng, góp phần thực hiện ba chương trình kinh tế, ổn định một bước tình hình kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

2- Lãnh đạo tốt việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội nhằm đánh giá đúng đắn, tình hình phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân các cấp thực hiện nghị quyết Đại hội Nông dân nhiệm kỳ qua và đề ra phương hướng nhiệm vụ, chương trình hành động cho nhiệm kỳ tới theo hướng đổi mới toàn diện mọi mặt công tác hội sát hợp với thực tế từng huyện, thị, hoàn cảnh cụ thể từng xã, đưa hoạt động của Hội các cấp có nền nếp và hiệu quả hơn trong những năm tới. Văn kiện Đại hội phải chuẩn bị chu đáo và đưa xuống cơ sở để cán bộ, hội viên thảo luận.

3- Qua Đại hội hai cấp, củng cố kiện toàn một bước về tổ chức, cán bộ hội cấp xã và huyện thị theo hướng đổi mới. Tiến hành chặt chẽ việc cấm lắp cán bộ chủ chốt của Hội ở huyện và xã nhằm đưa vào cương vị chủ chốt (chủ tịch, phó chủ tịch) những người có hiểu biết về sản xuất của nông dân, có năng lực vận động nông dân, có phẩm chất và nhiệt tình xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động cách mạng, có tinh thần đoàn kết nội bộ, mạnh dạn đấu tranh chống tiêu cực, bảo vệ quyền lợi chính đáng của cán bộ, hội viên nông dân. Ở cấp huyện, thị cần đưa cấp ủy hoặc đảng viên tốt có nhiệt tình công tác hội sang phụ trách Hội Nông dân.

4- Tiến hành Đại hội hai cấp lần này phải thực sự dân chủ dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, chống chủ quan, gò ép, áp đặt. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử trong Đại hội phải thực hiện nghiêm túc, đúng Điều lệ Hội quy định và hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Sau đại hội mỗi cấp, đội ngũ phải được tăng cường, phong trào công tác hội phải có tiến bộ mới.

II. Các cấp ủy Đảng cần lãnh đạo tốt công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội. Đồng thời với chuẩn bị văn kiện và nhân sự cần đẩy mạnh các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội hướng vào thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, thực hiện chương trình công tác hội năm 1989, tích cực gây khí thế hào hứng phấn khởi trước và sau Đại hội hai cấp của Hội.

III. Để Đại hội hai cấp của Hội đạt kết quả tốt, trong khi Hội còn nhiều mặt khó khăn thiếu thốn, chưa có quỹ hội để tự chi tiêu, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp các ngành có liên quan cần tạo mọi điều kiện, hỗ trợ mọi mặt kể cả kinh phí chi tiêu trong Đại hội. Ở cấp xã cần vận động hội viên nông dân đóng góp ủng hộ vật chất cho Đại hội.

Việc tổ chức Đại hội cần chỉ đạo chặt chẽ, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao, tránh phô trương hình thức gây lãng phí không cần thiết.

Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Hội Nông dân tỉnh làm tham mưu cho Tỉnh ủy chỉ đạo tốt Đại hội hai cấp Hội Nông dân kỳ này.

IV. Về thời gian Đại hội

Cần khẩn trương bắt tay ngay vào công tác chuẩn bị để Đại hội cấp xã, tiến hành xong trong quý III và cấp huyện, thị hoàn thành trong quý IV năm 1989. Đại hội cả hai cấp chỉ tiến hành trong 1 ngày.

Nhận được chỉ thị này, các cấp ủy Đảng toàn tỉnh triển khai kịp thời, chặt chẽ, nghiêm túc theo tinh thần đổi mới và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08 - CT/TU, ngày 22-5-1989

Về tăng cường phối hợp công tác an ninh biên phòng

Qua báo cáo của chỉ huy Biên phòng tỉnh và chuyên án gián điệp ở xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương, tính chất vụ án rất nghiêm trọng, xâm hại trực tiếp đến an ninh chính trị ở khu vực biên phòng cần bắt xử lý đối tượng trước pháp luật, qua đó giáo dục quần chúng và xây dựng phong trào bảo vệ an ninh biên phòng trong tình hình biên giới hiện nay.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị:

1- Các cơ quan điều tra có thẩm quyền (Viện Kiểm sát, Công an tỉnh, Tòa án) phối hợp giúp đỡ bộ đội biên phòng tỉnh thực hiện các bước theo luật tố tụng hình sự quy định.

2- Giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo nghiệp vụ, bộ đội biên phòng và có sự phối hợp của các phòng nghiệp vụ cùng bộ đội biên phòng bắt giam, điều tra xét hỏi làm rõ các hình vi phạm tội, củng cố hồ sơ phục vụ xử lý đối tượng.

3- Huyện ủy Mường Khương chỉ đạo các ngành có chức năng phối hợp cùng bộ đội biên phòng mở đợt vận động quần chúng, xây dựng phong trào bảo vệ an ninh do bộ đội biên phòng tham mưu đề xuất.

Nhận được chỉ thị này các cơ quan phối hợp cùng bộ đội biên phòng tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo về Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-CT/TU, ngày 24-5-1989

**Về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán theo
Quyết định 194, ngày 23-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng**

Trong những năm qua, hoạt động của tổ chức hợp tác xã mua bán của tỉnh ta theo Quyết định 850 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đạt một số kết quả nhất định, góp phần cùng thương nghiệp quốc doanh giải quyết được nhiều khó khăn trong phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, bước đầu đã chuyển từ cơ chế quản lý hành chính bao cấp sang chế độ hạch toán kinh doanh có hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên nhìn chung, hoạt động của hợp tác xã mua bán còn nhiều yếu kém, còn dựa dẫm nhiều vào thương nghiệp quốc doanh, thiếu năng động sáng tạo, số của hàng loại trung bình và yếu còn chiếm tỷ lệ lớn. Nguyên nhân của tình hình trên có mặt do tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán chưa được đổi mới theo đúng tính chất là một tổ chức nằm trong thành phần kinh tế tập thể cùng với đội ngũ cán bộ hợp tác xã mua bán còn nhiều hạn chế trong buôn bán, kinh doanh.

Để khắc phục tình hình trên, sau khi đã tổ chức làm thí điểm theo mô hình liên hiệp hợp tác xã mua bán ở Văn Chấn và Yên Bình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có một số chủ trương sau đây:

1- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo huyện, thị phối hợp cùng các ngành liên quan làm phương án thành lập Liên hiệp Hợp

tác xã mua bán, đối với những nơi trước đây đã giải thể tổ chức hợp tác xã mua bán nay cũng cần nghiên cứu để khôi phục và xây dựng tổ chức theo hướng trên.

2- Chỉ đạo Đại hội (hoặc hội nghị) xã viên để kiện toàn tổ chức hợp tác xã mua bán các cấp và bầu đại biểu đi dự Đại hội (hoặc hội nghị) cấp trên theo Điều lệ dự thảo của hợp tác xã mua bán Việt Nam.

3- Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán các cấp theo Quyết định 194, ngày 23-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng và hướng dẫn của Bộ Nội thương cùng các ngành liên quan, bảo đảm hoạt động của hợp tác xã mua bán thực hiện quyền chủ động kinh doanh và tự chủ về tài chính, đồng thời bảo đảm chính chất của một tổ chức kinh tế - xã hội của tập thể nhân dân lao động. Việc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán cần chú ý gắn với tổ chức sản xuất nhất là ở địa bàn nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, gắn sản xuất với lưu thông.

Các huyện, thị ủy căn cứ vào các tinh thần trên đây lãnh đạo thực hiện tốt công tác này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ Bí THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 662-NQ/TU, ngày 26-5-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
Quân sự tỉnh**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự tỉnh gồm các đồng chí:
 1. Đồng chí Nguyễn Thành Tín, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 2. Đồng chí Nông Thanh Viện, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
 3. Đồng chí Hoàng Hữu Oanh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
2. Ban Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 666-QĐ/TU, ngày 16-6-1989

Thành lập Xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu Lào Cai

- Căn cứ vào Chỉ thị số 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức sản xuất kinh doanh để xây dựng ngân sách Đảng;
- Căn cứ vào Quyết định số 92 của Hội đồng Bộ trưởng về các cơ quan nhà nước và đoàn thể tổ chức sản xuất kinh doanh;
- Sau khi nghe báo cáo chủ trương và đề án xây dựng Xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu của Thị ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu trực thuộc Thị ủy Lào Cai, trên cơ sở liên kết với Công ty Ngoại thương thị xã Yên Bái.

Xí nghiệp có nhiệm vụ:

- Tổ chức sản xuất chế biến hàng xuất khẩu gồm: cần câu, gậy trúc, song, tre đan, làm chổi chít, v.v..
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất, chủ yếu là dịch vụ phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Xí nghiệp là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập theo cơ chế như một đơn vị kinh tế quốc doanh, có mở tài khoản tại ngân hàng.

3. Xí nghiệp được tổ chức bộ máy quản lý kinh tế, kỹ thuật là

cán bộ trong biên chế sản xuất kinh doanh thuộc hệ thống Đảng, gồm: Giám đốc, 1 đến 2 phó giám đốc, còn lao động tuyển dụng theo chế độ hợp đồng ngắn hạn và dài hạn, số lượng cụ thể do Thị ủy quy định.

4. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thị ủy Lào Cai thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 667-QĐ/TU, ngày 16-6-1989

Thành lập Công ty Ngoại thương Bảo Yên

- Căn cứ vào Chỉ thị số 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức sản xuất kinh doanh để xây dựng ngân sách Đảng;
 - Căn cứ vào Quyết định số 92 của Hội đồng Bộ trưởng về các cơ quan nhà nước và đoàn thể tổ chức sản xuất kinh doanh;
- Sau khi nghe báo cáo chủ trương và đề án xây dựng Công ty của Huyện ủy Bảo Yên,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Công ty Ngoại thương Bảo Yên trực thuộc Huyện ủy Bảo Yên, trên cơ sở tiếp nhận Trạm ngoại thương do Công ty Ngoại thương tỉnh bàn giao trên tinh thần liên kết sản xuất kinh doanh

Công ty có nhiệm vụ:

- Tổ chức sản xuất chế biến hàng xuất khẩu: sản xuất tấm màng nứa, dệt màng, trồng và trưng cất các loại tinh dầu sả, màng tang, làm chổi chít ...

- Tổ chức dịch vụ phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Công ty là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập theo cơ chế như một đơn vị kinh tế quốc doanh, có mở tài khoản tại ngân hàng.

3. Công ty được tổ chức bộ máy quản lý kinh tế, kỹ thuật là cán bộ trong biên chế sản xuất kinh doanh của cơ quan Đảng gồm: Giám đốc, 1- 2 phó giám đốc, số lao động tuyển dụng theo chế độ hợp đồng ngắn hạn và dài hạn, số lượng cụ thể do Huyện ủy quy định.

4. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo Yên thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-CT/TU, ngày 26-6-1989

**Về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy
và tổ chức sản xuất kinh doanh**

Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính sự nghiệp cũng như tổ chức lại sản xuất kinh doanh ở tỉnh ta đã được tiến hành trong nhiều năm nhất là từ khi có Thông tri số 11 của Ban Bí thư và Quyết định số 217 của Hội đồng Bộ trưởng. Bộ máy hành chính cấp tỉnh và huyện đã được sắp xếp một bước, giảm được đầu mối và giảm biên chế gắn với việc xác định chức năng nhiệm vụ, đi vào làm chức năng quản lý nhà nước với phân định chức năng quản lý sản xuất kinh doanh để phát huy quyền tự chủ của cơ sở. Đối với các đơn vị sản xuất kinh tế bước đầu đã được sắp xếp theo các mô hình thích hợp gắn với đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện sắp xếp lại dây chuyền công nghệ và thực hiện khoán, bộ máy gián tiếp đã giảm so với trước.

Tuy nhiên, việc tiến hành các mặt công tác trên đây chưa mạnh và chưa đồng bộ về tổ chức hành chính bao gồm tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể còn một số tổ chức chưa rõ chức năng, biên chế chưa gắn với chức danh tiêu chuẩn và chất lượng cán bộ nói chung còn hạn chế, hiệu lực của bộ máy phát huy chưa mạnh. Bộ máy cấp cơ sở chưa được tập trung chỉ đạo sắp xếp. Trong khối sự nghiệp nhìn chung chưa được nghiên cứu sắp xếp

lại, tổ chức bộ máy cũng như biên chế quá lớn do hoạt động còn mang nặng tính bao cấp, nhiều tổ chức đang gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi cơ chế cũng như trước sự thay đổi chung của tình hình xã hội. Về tổ chức sản xuất kinh doanh nhìn chung việc tiến hành sắp xếp làm còn chậm, trước tình hình mới, nhiều xí nghiệp cần phải làm rõ phương hướng sản xuất, còn nhiều tổ chức trung gian, trùng thừa, nhiều xí nghiệp làm ăn thua lỗ, công nhân thiếu việc làm, đời sống gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình gay gắt trên đây, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong phiên họp ngày 13-6-1989 đã quyết định cần phải tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính sự nghiệp và tổ chức sản xuất kinh doanh với một số tư tưởng chỉ đạo chính sau đây:

1- Việc sắp xếp lại tổ chức phải đạt được yêu cầu cuối cùng là sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động sự nghiệp có hiệu quả thật sự, sản xuất được phát triển gắn với tổ chức lưu thông hợp lý, vai trò chủ đạo của kinh doanh quốc doanh phải được phát huy. Tổ chức hành chính bao gồm tỉnh, huyện và cơ sở phải tiếp tục sắp xếp theo yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phải định rõ chức năng, phải rà soát để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, gọn và tinh. Thông qua sắp xếp lại, vai trò và hiệu lực quản lý nhà nước cùng các mối quan hệ giữa tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể phải được làm rõ trong các cấp, và các tổ chức cơ sở. Vì vậy, việc tiến hành sắp xếp phải làm đồng bộ cả tổ chức hành chính sự nghiệp và tổ chức sản xuất kinh tế. Quá trình chỉ đạo phải nghiên cứu toàn diện và phải xuất phát từ cơ sở gắn chặt với đổi mới cơ chế quản lý.

2- Trách nhiệm chính trong việc tiến hành sắp xếp lại tổ chức là các đồng chí thủ trưởng các sở, ban, ngành, bí thư và chủ tịch các huyện thị. Đồng thời, nâng cao hơn nữa vai trò tham mưu của Ban chỉ đạo trong việc phối hợp với các ngành và các huyện cũng như trong công tác nghiên cứu chỉ đạo chung. Ban chỉ đạo cần có sự phân công trách nhiệm cụ thể, có kế hoạch và biện pháp chỉ

đạo, tiến hành làm điểm, sơ tổng kết. Chú trọng nghiên cứu phương án tạo việc làm và chính sách giải quyết đối với số biên chế dôi ra.

3- Định kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ nghe Ban chỉ đạo báo cáo tình hình để giải quyết vướng mắc trong quá trình tiến hành. Phấn đấu hoàn thành cơ bản nhiệm vụ công tác này trong năm nay.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 227-TB/TU, ngày 15-7-1989

Về cuộc họp ngày 12 và 13-7-1989
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong 2 ngày 12 và 13-7-1989 đã bàn và thống nhất một số vấn đề dưới đây:

1. Về việc thực hiện Thông báo 118 của Ban Bí thư Trung ương

- Thống nhất trên toàn tuyến biên giới thuộc tỉnh, chỉ mở 6 lối đi cho nhân dân các xã giáp biên. Đó là: Ý Tý, Bản Vược, Vạn Hoà, Xín Tẻn, Lao Kha (Pha Long) và Hoá Chu Phùng. Cho phép nghiên cứu để mở chợ ở khu vực ga Lào Cai cũ; chợ Bản Vược sẽ đưa ra vị trí Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát cũ, chợ Mường Khương cũ sẽ khôi phục lại bình thường.

- Vấn đề định cư của nhân dân; chưa cho nhân dân ra ở khu vực Cốc Lếu, mà ở đó chỉ tận dụng đất đai để sản xuất. Phía Vạn Hoà: cho nhân dân ở từ km 30 trở vào.

- Đối với nhà hàng Năm Trung (thuộc Sở Thương nghiệp Hoàng Liên Sơn) vẫn duy trì bình thường hoạt động như cũ, tại mỗi lối đi nên có cơ sở buôn bán với phía Trung Quốc. Về nội dung hoạt động: phải đáp ứng được yêu cầu sản xuất và tiêu thụ hàng

hóa của địa phương, từng bước góp phần củng cố và phát triển mối quan hệ láng giềng giữa ta và các tỉnh phía Trung Quốc.

Hàng hóa trao đổi với phía Trung Quốc:

+ Cho phép bán gạo sang Trung Quốc (chủ yếu làm ủy thác cho Trung ương và các tỉnh miền xuôi); bán một số trâu thả loại sang Trung Quốc, cùng với một số hàng hóa khác mà phía Trung Quốc cần dùng, phía ta cần tiêu thụ, v.v..

+ Mua hàng Trung Quốc: Phải nghiên cứu chọn lọc theo hướng mua hàng hóa, vật tư thiết bị... để phát triển sản xuất ở địa phương, không mua các loại hàng xa xỉ phẩm chưa cần thiết, hoặc các loại hàng mà trong nước, tỉnh tự sản xuất được.

+ Công tác an ninh biên giới, cần triển khai phương án đề phòng, chống đẩy người từ phía Trung Quốc sang Việt Nam.

+ Cấm các lực lượng vũ trang, an ninh buôn lậu, tập trung quản lý biên giới.

2. Vấn đề hoạt động kinh doanh dịch vụ của các ngành, các cấp, các đơn vị

- Cần tiến hành chấn chỉnh để làm tốt việc tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo Chỉ thị 92 và 12 của Trung ương; nghiêm cấm các cơ quan không có chức năng, đi buôn bán gây rối loạn thị trường và xã hội (đặc biệt các lực lượng công an, biên phòng, quân sự tuyệt đối không được buôn bán, đi vào chức năng của mình).

- Về thu mua và phát triển mặt hàng quế tại địa phương:

+ Đây là mặt hàng tỉnh thống nhất quản lý; nghiêm cấm các cơ quan nhà nước, tập thể và cá nhân không có nhiệm vụ, mua và bán quế cả thảo quả.

+ Chuyển khoản thuế lâm sản về cho người sản xuất quế, theo quy định của Nhà nước, ngành ngoại thương không phải chịu khoản thuế này để đưa giá quế lên cao bằng giá thị trường tự do.

+ Huyện ủy Văn Yên và Sở Nông - Lâm nghiệp sẽ nghiên cứu và tổ chức lại sản xuất đối với Lâm trường quốc tế Văn Yên trong vòng quý III năm 1989.

3. Vấn đề tổ chức, bộ máy

- Cần tiếp tục triển khai nhanh gọn, vững chắc và đồng bộ để đảm bảo đến cuối năm 1989, bộ máy mới đi vào hoạt động bình thường và phát huy hiệu lực cao.

- Số lao động dôi thừa phải nghiên cứu vận dụng để giải quyết hợp lý, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động trong điều kiện cụ thể ở địa phương và chính sách chung của Nhà nước (số lao động trẻ, khỏe, có tay nghề cao, có thể cho đi đào tạo, hợp tác lao động, v.v.); tạm thời ngừng việc tuyển dụng lao động từ ngoài xây dựng vào biên chế Nhà nước, khuyến khích lao động hợp đồng theo nhu cầu của các cơ quan và đơn vị.

- Khẩn trương tiến hành kiện toàn và củng cố công tác thanh tra và trọng tài kinh tế, đối với các huyện, thị, kiện toàn và củng cố công tác thanh tra đối với các ngành có chức năng quản lý nhà nước, trong phạm vi ngành mình.

- Nghiên cứu để kiện toàn cán bộ đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nghiên cứu chuyển số cán bộ làm công tác chuyên trách Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, nhà trẻ, mẫu giáo ở xí nghiệp về hưởng lương của xí nghiệp (để gắn các hoạt động với sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và khắc phục những bất hợp lý trong lương).

- Do yêu cầu và nhiệm vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất bổ sung thêm một số đồng chí cán bộ lãnh đạo các ngành và Ban chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy (danh sách cụ thể sẽ có quyết định riêng). Sau khi được các ngành, Ban Trung ương

thống nhất, giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo với Ban Tổ chức Trung ương.

4. Cuộc họp cũng đã bàn và thông qua quy chế phân cấp quản lý cán bộ

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 30B-BC/TU, ngày 20-7-1989
Về tổng kết Đại hội Đảng bộ cơ sở
và cấp trên trực tiếp cơ sở

I. TÌNH HÌNH CHUNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Thực hiện Chỉ thị số 37/CT-TW của Ban Bí thư về Đại hội Đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở lần này được tiến hành ở tỉnh ta sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng. Bước đầu có sự chuyển biến và đổi mới trên một số mặt, xây dựng được ba chương trình kinh tế của địa phương, xác định phương hướng sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư đã giành 85% vốn cho các chương trình kinh tế nông, lâm, công nghiệp và xây dựng biên giới. Về cơ chế quản lý đã đổi mới nội dung và cách giao kế hoạch, phát huy quyền chủ động của xí nghiệp. Trong nông nghiệp đã triển khai Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Trong phân phối lưu thông đã chuyển sang phương thức kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống. Đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã có hướng dẫn thực hiện các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị. Tóm lại, đang từng bước chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Với những cố gắng và đổi mới trên, tình hình kinh doanh xã hội có sự phát triển khá. Về nông nghiệp, diện tích cây lương thực năm 1988 so với năm 1986 tăng 3%, sản lượng lương thực tăng trên 7%, đàn trâu tăng 7%, đàn bò tăng 13%. Về công nghiệp, giá trị tổng sản lượng tăng 14%; giá trị xuất khẩu tăng 50%, v.v. an ninh quốc phòng xác định rõ vị trí chiến lược của tỉnh trên phạm vi toàn tuyến bảo vệ an ninh Tổ quốc, đã tập trung củng cố xây dựng vùng biên giới trên nhiều mặt. Các mặt công tác khác như: văn hóa, giáo dục, y tế cũng có cố gắng và chuyển biến khá. Công tác xây dựng Đảng đã triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị tập trung vào việc củng cố tổ chức cơ sở, khảo sát đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên và giải quyết các vụ việc tồn đọng. Đã đổi mới bước đầu trong việc nhận xét đánh giá cán bộ.

Tuy nhiên với đặc điểm là tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều dân tộc, nền kinh tế còn mang nặng tính tự túc, tự cấp, kẻ thù lại thường xuyên phá hoại trên nhiều mặt, trình độ nhận thức của nhân dân không đồng đều; nhìn chung còn thấp, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới nhất là ở vùng cao biên giới. Thực trạng ở địa phương so với yêu cầu nhiệm vụ còn nhiều mặt yếu kém. Nền kinh tế còn phân tán và mất cân đối lớn, lương thực mới đảm bảo 75%, ngân sách 70%, hàng hóa tự đảm bảo 30%, v.v.. Điều kiện sản xuất, đời sống, sinh hoạt của nhân dân còn nhiều khó khăn. Phong tục tập quán lạc hậu ở địa phương còn nặng, tiêu cực xã hội còn diễn biến phức tạp. Vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên chưa được phát huy tốt. Số cơ sở yếu kém còn chiếm 17,4%, trên thực tế còn có thể hơn, số đảng viên trung bình còn lớn.

Từ tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định Đại hội cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở lần này phải thực sự đổi mới về nội dung, hình thức và tổ chức cán bộ, bảo đảm tính dân chủ và công khai, có chuyển biến thực sự về tư tưởng, tổ chức và hành động cách mạng nhằm thúc đẩy sự nghiệp đổi mới hiện nay trên các

lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và công tác xây dựng Đảng. Gắn việc sơ kết thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị với việc triển khai quán triệt Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội Đảng bộ hai cấp.

Tỉnh ủy đề ra bốn yêu cầu phải đạt được là:

1- Đại hội phải là một đợt sinh hoạt chính trị sâu sắc nhằm nâng cao nhận thức về đường lối, chính sách của Đảng, nhất là những nội dung trong công cuộc đổi mới hiện nay. Nâng cao trách nhiệm của đảng viên và quần chúng đối với việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; xây dựng Đảng bộ địa phương ngày càng vững mạnh.

2- Từng đảng bộ kiểm điểm sâu sắc sau 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, các Nghị quyết 2, 3, 4, 5 của Trung ương và Nghị quyết 10, 16 của Bộ Chính trị. Đánh giá đúng tình hình thực trạng ở địa phương, đơn vị. Đề ra được mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 1990, tập trung cho ba chương trình kinh tế, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế nhằm giải phóng lực lượng sản xuất và khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương. Đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, từng bước chuyển sang nền kinh tế tự túc tự cấp, sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa.

3- Bầu được Ban Chấp hành Đảng bộ, với yêu cầu đổi mới và tăng cường năng lực lãnh đạo của cấp ủy, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Bầu được đại biểu đi dự Đại hội cấp trên thực sự tiêu biểu cho trí tuệ của Đảng bộ.

4- Giải quyết tốt các vụ việc tồn đọng của cán bộ, đảng viên, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tăng thêm niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Tỉnh ủy có kế hoạch chỉ đạo chung và đã phân công từng đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo từng huyện, thị, đảng ủy.

II. QUÁ TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Công tác chuẩn bị Đại hội

- Ở tỉnh: Đã họp hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, hội nghị các đồng chí trưởng, phó ngành, ban, cán bộ nghiên cứu ở tỉnh, cán bộ chủ chốt các huyện, thị, đảng ủy để nghiên cứu quán triệt Nghị quyết 5 của Trung ương, Chỉ thị 37 của Ban Bí thư, sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và thảo luận thống nhất kế hoạch chỉ đạo Đại hội cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở, tỉnh chọn 2 huyện (Văn Chấn, Bảo Thắng) và Đảng ủy Sở Nông - lâm nghiệp (thuộc Đảng bộ các cơ quan tỉnh) làm điểm đi trước một bước rút kinh nghiệm, chỉ đạo chung. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã hướng dẫn quy trình tiến hành trước, trong và sau Đại hội cho các đảng bộ.

- Các huyện, thị, đảng ủy và cơ sở đảng đã làm tốt việc quán triệt trong cấp ủy, bồi dưỡng cán bộ và chuẩn bị nội dung cho Đại hội: 92% cấp ủy huyện, thị và 86% cán bộ chủ chốt cơ sở được bồi dưỡng chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và kế hoạch thực hiện ở cơ sở đảng. Các huyện, thị, Đảng ủy đã chọn 52 chi, đảng bộ cơ sở chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm.

- Báo cáo đề án và nhân sự cấp ủy, được chuẩn bị bảo đảm dân chủ, công khai và tập trung thống nhất.

Ở cơ sở được thảo luận kỹ từ chi bộ, lấy ý kiến ở hội nghị cán bộ ngoài Đảng, các đoàn thể quần chúng và một số cơ sở tổ chức lấy ý kiến tham gia tới đội sản xuất (như Văn Yên). Tổng hợp một số nơi như thị xã Yên Bái, Văn Chấn, Bảo Thắng số ý kiến của đảng viên quần chúng tham gia vào báo cáo đề án có 59% về kinh tế xã hội; 10% về an ninh quốc phòng, 14% về chính quyền và các đoàn thể quần chúng và 17% tham gia về công tác xây dựng Đảng.

Việc xét duyệt của cấp ủy cấp trên được đổi mới khác trước tập thể Ban Thường vụ huyện, thị duyệt trực tiếp, tham gia với cơ sở những vấn đề lớn có tính định hướng, kể cả về nhân sự.

Báo cáo đề án của các huyện, thị, Đảng ủy, tỉnh chỉ đạo vừa

giao cho cấp dưới chuẩn bị, vừa giao cho các ngành ở tỉnh khảo sát nắm tình hình giúp các Thường trực Tỉnh ủy gợi ý định hướng trước cho từng đảng bộ. Tất cả các huyện, thị, Đảng ủy đều đưa dự thảo báo cáo đề án xuống cho đảng viên thảo luận ở Đại hội cơ sở. Nhiều huyện thì tổ chức hội nghị theo các khối chính quyền, đoàn thể, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ đã nghỉ hưu trí, v.v. để thảo luận tham gia ý kiến. Tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp duyệt cho từng huyện, thị, Đảng ủy.

Về nhân sự được chuẩn bị công phu qua nhiều bước. Kết hợp chặt chẽ giữa việc khảo sát, nắm cán bộ và chuẩn bị của cấp trên với việc mở rộng dân chủ của cấp dưới. Khi thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, đã rà soát phân loại có 32,7% cấp ủy viên huyện, thị có triển vọng vươn lên, 48,8% ổn định công tác, 18,5% cần phải thay và đã rút khỏi cấp ủy trước Đại hội là 24 đồng chí. Ở xã rà soát phân loại sáu chức danh: Bí thư, chủ tịch, phó bí thư thường trực, trưởng công an, xã đội trưởng, chủ nhiệm hợp tác xã có 31,7% có triển vọng, 51,2% ổn định công tác và 17% cần phải thay thế. Trước Đại hội các đảng bộ đều tổ chức thăm dò, lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng tham gia giới thiệu nhân sự cấp ủy mới, qua đó đã chủ động chuẩn bị nhân sự cấp ủy cho Đại hội được sát đúng hơn. Riêng Ban Thường vụ và một số chức danh chủ chốt của cấp trên trực tiếp cơ sở. Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp lấy ý kiến tín nhiệm bằng phiếu kín của cán bộ chủ chốt ở các huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở đảng, hỏi ý kiến của các ngành, ban và các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách khối. Những vấn đề về lịch sử chính trị, những đồng chí có đơn thư tố giác về phẩm chất đạo đức được xác minh làm rõ. Trên cơ sở đó tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt dự kiến nhân sự cho từng huyện, thị, Đảng ủy.

Những cán bộ tuổi cao, sức yếu, năng lực hạn chế được thay đổi. Những nơi nội bộ cấp ủy có biểu hiện mất đoàn kết đã làm rõ đúng sai và có biện pháp giải quyết thích hợp, một số chức danh

chủ chốt xét thấy không đảm đương với nhiệm vụ lần này Tỉnh ủy chỉ đạo kiên quyết thay. Như thị xã Yên Bái, Lục Yên mạnh dạn đề bạt hoặc điều động luân chuyển những cán bộ trẻ, có triển vọng từ các ban, ngành, xí nghiệp ở tỉnh tăng cường cho cấp huyện (trong đợt này tỉnh tăng cường cho các huyện, thị 1 bí thư huyện ủy, 2 phó bí thư chủ tịch huyện, 2 phó bí thư thường trực huyện ủy, 1 ủy viên thường vụ phó chủ tịch huyện. Đồng thời tỉnh cũng đã điều động 2 đồng chí phó bí thư, chủ tịch huyện, thị, 3 ủy viên thường vụ huyện ủy bổ sung cho các ngành, ban ở tỉnh). Qua đó đã giải quyết một bước tư tưởng cục bộ địa phương, dân tộc hẹp hòi trong công tác cán bộ.

- Giải quyết các vụ việc tồn đọng trước Đại hội.

Ở các huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở đảng qua việc thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và liên hệ kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương. Tiến hành phê bình tự phê bình trong cấp ủy, đảng viên, rà soát phân loại tổ chức cơ sở, kiểm tra chất lượng đảng viên, tập trung giải quyết những vụ việc tồn đọng, những đảng viên vi phạm khuyết điểm mà đảng viên và quần chúng đã nêu ra trong đợt sinh hoạt chính trị này, điển hình một số nơi như: huyện Bảo Thắng đã tập trung giải quyết các vụ tham ô, vi phạm chính sách, vi phạm phẩm chất của cán bộ, đảng viên ở các xã Sơn Hà, Tầng Loỏng, Phòng Thương binh xã hội; Công ty Thương nghiệp. Huyện Văn Chấn, Thanh tra 3 hợp tác xã ở Thượng Bằng La thu hồi trên 1.300.000 đồng, giải quyết các vụ tham ô ở Công ty Dược phẩm, Công ty Thương nghiệp, Công ty Lâm sản và đã thu hồi cho Nhà nước trên 4 triệu đồng. Các huyện, thị khác cũng tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm ở địa phương như huyện Trấn Yên giải quyết các vụ vi phạm chính sách ruộng công quản lý ở xã Báo Đáp, Y Can, Âu Lâu, hợp tác xã mua bán của huyện xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm khuyết điểm. Huyện Lục Yên giải quyết các vụ ở Công ty Thương nghiệp, Công ty Vật tư nông nghiệp, huyện Bảo

Yên giải quyết các vụ ở Phòng Nông nghiệp, Trường vùng cao, cửa hàng thực phẩm, Công ty Vật tư nông nghiệp, v.v.. Theo báo cáo của 11 huyện, thị, Đảng ủy đã đưa ra khỏi Đảng 96 đảng viên, trong số 153 đảng viên không còn đủ tư cách cần phải đưa ra khỏi Đảng. Giải quyết 2.286 đảng viên vi phạm khuyết điểm nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng, trong đó phải xử lý kỷ luật từ khiển trách đến cách chức 159 đồng chí còn lại được phê bình kiểm điểm sâu sắc. Qua đó đã giải quyết một bước về tổ chức cán bộ, gây niềm tin cho đảng viên và quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi khi bước vào Đại hội.

2. Kết quả Đại hội Đảng bộ hai cấp

Đến hết tháng 1-1989 toàn tỉnh đã kết thúc việc tổ chức Đại hội hai cấp có 24/24 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh và 915/915 chi, đảng bộ cơ sở đã Đại hội xong, 93% đảng viên (30.942/33.272) dự đại hội cơ sở, nhiều nơi đạt 100%. Đại biểu dự Đại hội cấp trên cơ sở đạt 94% so với số triệu tập.

a) Kết quả về báo cáo đề án Đại hội.

Những điểm mới nổi lên qua Đại hội lần này là:

+ Phát huy được vai trò chủ động của cơ sở, cấp trên chỉ gợi ý định hướng, không gò ép chủ quan. Tư tưởng bao cấp, trông chờ ỷ lại được khắc phục. Với tinh thần kiểm điểm nghiêm túc và thái độ nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội các đảng bộ đã khẳng định đúng mức thành tích và kết quả đạt được sau hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, chỉ rõ những mặt yếu kém, tồn tại của Đảng bộ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và công tác xây dựng Đảng, xác định được mục tiêu nhiệm vụ của Đảng bộ trong những năm tới. Nhìn chung, nội dung báo cáo đề án các đảng bộ nêu được sát đúng tình hình thực trạng ở địa phương. Nhiều đảng bộ chuẩn bị báo cáo ngắn, gọn, thiết thực. Bước đầu khắc phục được tư tưởng phô trương hình thức, chỉ kể lễ nhiều thành tích khó khăn mà không giám nói rõ khuyết điểm tồn tại.

+ Về báo cáo đề án lần này các huyện, thị đã xây dựng sát đúng với tình hình của địa phương, do vậy những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra có khả năng và cơ sở thực hiện vững chắc hơn. Việc xác định phương hướng kinh doanh, cây con rõ hơn, đã chú ý nhiều đến việc khai thác tiềm năng của từng vùng kinh tế để từng bước đi lên sản xuất hàng hóa.

Sản xuất nông - lâm nghiệp ở vùng thấp đi vào thâm canh sản xuất cây lương thực, mở rộng diện tích cây ngô đông, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp thành từng vùng tập trung để có sản phẩm hàng hóa như vùng quế Văn Yên, vùng chè Văn Chấn, Trấn Yên, Yên Bình; vùng lạc ở Lục Yên, v.v. đặc biệt là phát triển vườn rừng, ở các hộ gia đình ở tất cả các huyện, thị vùng thấp.

Kiểm điểm và thảo luận việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị phát huy và kết hợp chặt chẽ giữa các thành phần kinh tế ở địa phương. củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, những hợp tác xã yếu kém, nhất là ở vùng cao được chuyển sang cơ chế quản lý thích hợp (tổ đoàn kết sản xuất).

Ở vùng cao ổn định công tác định canh định cư, đưa các giống cây mới như: đại mạch, ngô, cây dược liệu, v.v. vào thay cho cây thuốc phiện. Phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò, ngựa.

Ở thị xã, thị trấn và các huyện vùng thấp đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, làm hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Mở rộng liên doanh liên kết, tích cực tiếp thu những tiến bộ về khoa học - kỹ thuật nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh địa phương.

Ở khu vực cơ quan, xí nghiệp đi sâu kiểm điểm và bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết 03 của Ban Chấp hành Trung ương và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng.

Công tác xây dựng Đảng đã kiểm điểm sâu sắc những mặt yếu kém trì trệ và đề ra những biện pháp tích cực để củng cố tổ chức cơ sở đảng. Công tác đảng viên và quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Khí thể thảo luận ở Đại hội sôi nổi, nói thẳng, nói thật với ý thức xây dựng tốt.

b) Kết quả bầu cử cấp ủy mới.

Nhìn chung bảo đảm dân chủ, tập trung, đúng nguyên tắc. Do có sự chuẩn bị tốt nên đại bộ phận Đại hội các Đảng bộ cơ sở chỉ bầu 1 vòng, Đại hội cấp trên trực tiếp cơ sở bầu 2 vòng (1 vòng bầu ủy viên chính thức, 1 vòng bầu ủy viên dự khuyết). Hầu hết các đại hội ban chấp hành cũ không phải giới thiệu danh sách dự kiến ban chấp hành mới. Nhiều đảng viên xác định được trách nhiệm tự xung phong ứng cử vào cấp ủy. Kết quả bầu cử như sau:

- *Cấp ủy cơ sở:* Tổng hợp ở 887 cơ sở đảng trong 23 huyện, thị, Đảng ủy (thiếu huyện Mù Cang Chải) đã bầu được 4.677 cấp ủy viên, so với khóa cũ giảm 2,75 về số lượng. Trong đó, cấp ủy mới tham gia chiếm 40,66%; nữ chiếm 9,2%, dân tộc ít người chiếm 31,8%, trình độ văn hóa cấp I chiếm 14,4%, cấp II 47,9%, cấp III 37,65%, trình độ lý luận trung cao cấp có 21,9%. Trình độ chuyên môn trung cấp có 13,6%, đại học có 13,4%. Độ tuổi dưới 35 chiếm 29%, từ 35 - 45 có 49,8%, từ 46 trở lên có 21%.

Đã thay đổi 364 bí thư trong số 887 bí thư chi, đảng bộ cơ sở. Trong số 2.049 cấp ủy viên cũ thôi tham gia cấp ủy khóa này có 11,2% do năng lực hạn chế; 7,9% vi phạm phẩm chất; 35,7% do tuổi cao sức yếu, 44% là các lý do khác.

- Cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh:

Tổng hợp 23 huyện, thị, Đảng ủy như sau: Số cấp ủy viên dự kiến và do Đại hội biểu quyết bầu là 732 đồng chí, số đồng chí ứng cử và đề cử ở Đại hội là 916 đồng chí, trong đó có 328 đồng chí ứng cử. Kết quả bầu có 727 đồng chí, có bốn nơi bầu thiếu số cấp ủy viên do Đại hội biểu quyết (huyện Văn Bàn thiếu 1 ủy viên chính thức, Mù Cang Chải thiếu 1 ủy viên dự khuyết, Bảo Yên thiếu 1 ủy viên dự khuyết, Đảng ủy Công an thiếu 2 ủy viên chính thức). Có 4 đồng chí trong dự kiến không trúng cử Ban Chấp hành, trong đó có 2 đồng chí là cấp ủy viên cũ, 1 đồng chí là Ủy viên Thường vụ.

Trong 727 đồng chí có 622 ủy viên chính thức, 105 ủy viên dự khuyết. Số đồng chí mới tham gia chiếm 33,8%. Nữ 8,4% (so khóa trước giảm 0,7%), dân tộc ít người 30,1% (so với khóa trước giảm 0,8%). Trình độ văn hóa cấp I chiếm 6,9% (so với khóa trước giảm 0,5%), cấp II chiếm 32,7% (so với khóa trước giảm 1,8%); cấp III có 60,4% (so khóa trước tăng 3,4%). Lý luận trung cao cấp có 57,3% (so khóa trước tăng 7%). Trình độ chuyên môn trung học có 21,3%, đại học 29,6% (so khóa trước tăng 6%). Độ tuổi dưới 35 có 16%; từ 35 - 45 có 56%; từ 46 trở lên có 28%. Cấu tạo Khối Đảng có 17,5%, chính quyền 13,6%. Nội chính 7%, đoàn thể quần chúng 9,5%, các phòng, ban ở huyện 19,1%, công ty xí nghiệp 12,7%; cơ sở xã, phường, thị trấn 20,4%.

Trong 17 huyện, thị khóa này đã thay đổi 5 bí thư Huyện ủy, 5 chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, 8 phó bí thư thường trực Huyện ủy, 10 trưởng ban tổ chức, 8 trưởng ban tuyên giáo, 4 chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và 11 trưởng công an. Ở 3 huyện, thị Bảo Yên, Trạm Tấu, Yên Bái chưa bầu được phó bí thư thường trực. Đảng ủy Công an chưa bầu đủ số ủy viên thường vụ. Trong số 317 cấp ủy viên thôi tham gia khóa này có 2,3% vi phạm phẩm chất; 32,5% tuổi cao sức yếu; 10,7% năng lực hạn chế, các lý do khác 51,3%.

Nhìn chung chất lượng cấp ủy khóa này khá hơn, thể hiện ở trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn được nâng lên so với trước. Một số đồng chí chủ chốt (bí thư, phó bí thư, chủ tịch) được trẻ hóa hơn và đã qua thực tiễn. Kết hợp được 3 độ tuổi, số lượng, cấp ủy có giảm 8,9% so với khóa trước nhưng đảm bảo tiêu chuẩn và cấu tạo hợp lý với yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương. Có nơi mạnh dạn đổi mới đội ngũ cán bộ chủ chốt, đã tạo ra sự nhất trí và chuyển biến mới sau Đại hội như huyện Lục Yên.

c) *Về hình thức tổ chức, chương trình nghị sự và điều hành trong Đại hội kỳ này* bảo đảm được yêu cầu ngắn, gọn, thiết thực và đúng nguyên tắc thủ tục quy định. Ở Đại hội cơ sở trước đây thường họp từ 2 - 3 ngày lần này đa số chỉ họp 1 ngày. Ở Đại hội

cấp trên trực tiếp cơ sở trước đây họp 3 - 4 ngày lần này chỉ họp 2 ngày. Đại hội đã tạo ra được khí thế mới, nâng cao được nhận thức và bước đầu gây được lòng tin của đảng viên và quần chúng. Các ban xây dựng Đảng và một số ngành ở tỉnh ta đã đóng góp tích cực, vào quá trình chuẩn bị và kết quả Đại hội.

3. Bên cạnh những việc làm và những nơi làm tốt. Cũng còn có việc và những nơi làm chưa tốt, biểu hiện như sau:

- Việc chuẩn bị báo cáo đề án ở một số đảng bộ cơ sở. Nhất là đối với vùng cao chưa đạt yêu cầu, chưa có sự đổi mới. Báo cáo đề án còn chung chung, chưa cụ thể sát thực với tình hình Đảng bộ. Có nơi chưa xác định rõ được mục tiêu nhiệm vụ. Có nơi tuy có mở rộng dân chủ lấy ý kiến của đảng viên và quần chúng, nhưng chưa tổng hợp kịp thời và rút ra những ý kiến có chất lượng để bổ sung vào báo cáo trình ra Đại hội. Việc thảo luận ở một số nơi kể cả ở Đại hội cấp trên của tổ chức cơ sở còn hình thức, bài bản, xuôi chiều, chưa mang tính tranh luận và đối thoại cao, để làm sáng tỏ những vấn đề còn đang vướng mắc hiện nay.

- Việc chuẩn bị và bầu cử cấp ủy ở đảng bộ cơ sở, có mở rộng dân chủ nhưng sự chỉ đạo tập trung một số nơi chưa tốt. Việc nghiên cứu, đánh giá cán bộ chưa sát, do đó một số nơi khi bầu cử có đồng chí dự kiến vào cấp ủy, kể cả những đồng chí dự kiến vào chức vụ chủ chốt của Đảng bộ đã không trúng cử. Một số ít nơi còn có biểu hiện gò ép theo dự kiến. Trong chuẩn bị và bầu cử cấp ủy lần này, tuy nhiều nơi đã có quan điểm đúng, nhưng vẫn còn có nơi, có tư tưởng cục bộ địa phương, tư tưởng dân tộc hẹp hòi dẫn đến kết quả bầu cử chưa đạt yêu cầu. Một số nơi, trước Đại hội chưa làm tốt phê bình tự phê bình trong cấp ủy, còn nể nang, không dám nói thẳng, nói thật. Huyện Trấn Yên đã triệu tập Đại hội; Tỉnh ủy phải trực tiếp cùng với tập thể Thường vụ Huyện ủy làm rõ, kết luận, từng trường hợp và quyết định thay đổi phương án nhân sự cán bộ chủ chốt, tuy có đột ngột đối với huyện so với sự

chuẩn bị ban đầu, nhưng là quyết định đúng, kịp thời được cán bộ, đảng viên đồng tình, bầu cử đạt kết quả tốt. Huyện Bảo Yên khi chuẩn bị nhân sự, đã phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu của cán bộ nhưng chủ quan chưa nói thẳng, chưa giải quyết làm rõ, những biểu hiện tư tưởng sai của cán bộ nên trong Đại hội có diễn biến không hay khi bầu cử cấp ủy. Ở huyện Bắc Hà chỉ đạo ban đầu còn chủ quan, khi bầu cử Chủ tịch đoàn đã có sự căng thẳng đáng ra không có.

- Do chưa làm tốt công tác quy hoạch đào tạo nên việc đổi mới thay thế cán bộ nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở còn khó khăn lúng túng, cần thay nhưng chưa có người thay, cán bộ chủ chốt một số huyện còn phải bố trí gượng ép, nguồn cán bộ kế cận khó khăn. Chất lượng cán bộ mới thay thế còn hạn chế, chưa thật tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ít người có chiều hướng giảm sút.

- Một số nơi do không làm tốt công tác chuẩn bị. Mặt khác, do năng lực cán bộ hạn chế nên việc tổ chức, điều hành, thực hiện những thủ tục, quy định trong Đại hội còn nhiều lúng túng, sai sót.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA

Quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội Đảng bộ hai cấp lần này, nói chung đạt được yêu cầu theo tinh thần Chỉ thị số 37 của Ban Bí thư và tư tưởng chỉ đạo của tỉnh. Bước đầu có sự đổi mới về nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức Đại hội. Sự chỉ đạo của cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tập trung, thống nhất, chặt chẽ. Từ những việc làm và kết quả trên, có thể rút ra một số điểm như sau:

1- Trước hết phải nắm vững và quán triệt sâu sắc chỉ thị của Trung ương. Xác định rõ mục đích, yêu cầu và tư tưởng chỉ đạo của cấp ủy. Sự chỉ đạo điều hành phải bám sát quy trình kế hoạch đã đề ra. Điểm chỉ đạo phải đi trước một bước và rút kinh nghiệm, bổ

khuyết, uốn nắn kịp thời khi triển khai ra diện rộng. Kết hợp chặt chẽ việc tổ chức Đại hội với việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của địa phương.

2. Phải làm tốt công tác chuẩn bị, nhất là việc chuẩn bị báo cáo đề ra và nhân sự cấp ủy. Quá trình chuẩn bị thực chất là quá trình Đại hội. Thực tế ở những nơi làm tốt công tác chuẩn bị, đã có ý nghĩa quyết định đến kết quả Đại hội.

- Kết quả cho thấy việc chuẩn bị nội dung cho Đại hội phải được đầu tư công sức và phải động viên được cán bộ, đảng viên, quần chúng ở từng cấp tham gia và cũng từ đó nâng cao nhận thức, đặc biệt nâng cao tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp quần chúng nhân dân trong việc đóng góp ý kiến, xây dựng vào nội dung của Đại hội.

3. Thực sự phát huy dân chủ trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội. Muốn dân chủ tốt, cấp trên phải thực sự tin tưởng vào cấp dưới, tin tưởng vào đảng viên và quần chúng. Ở nhiều đảng bộ, ý kiến tham gia xây dựng của đảng viên, quần chúng có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao chất lượng báo cáo của cấp ủy trình ra Đại hội và làm cơ sở tốt cho việc chuẩn bị nhân sự bầu cử cấp ủy. Tuy nhiên dân chủ phải đi đôi với tập trung, gắn tốt giữa dân chủ với tập trung. Không thả nổi, không vì dân chủ mà không dám uốn nắn những biểu hiện sai lệch trong Đại hội.

4. Cần làm tốt việc tự phê bình và phê bình trong cấp ủy và đảng viên trước Đại hội. Những vụ việc tổn động những mắc mớ nội bộ phải được làm rõ, kết luận và xử lý đúng mức trước Đại hội. Có như vậy mới gây được niềm tin và không khí phấn khởi của đảng viên và quần chúng; thực tế ở một số nơi cán bộ, đảng viên có vi phạm khuyết điểm; đảng viên, quần chúng thắc mắc, dị nghị, thậm chí có đơn thư tố giác, nhưng đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận rõ đúng sai, xử lý đúng mức thì vẫn được tín nhiệm giới thiệu bầu vào cấp ủy.

Những đảng bộ yếu kém, cần được củng cố kiện toàn trước Đại hội.

5. Khi lãnh đạo bầu cử cấp ủy, chủ yếu làm rõ tiêu chuẩn và cấu tạo, không nên gò ép chủ quan, sẽ dẫn đến kết quả bầu cử không tốt. Khi xét thấy cán bộ cần phải thay thế, nên giải quyết sớm trước Đại hội, nếu để đến Đại hội dễ nảy sinh khó khăn, phức tạp cho công tác bầu cử.

6. Sự chỉ đạo của cấp ủy phải chặt chẽ, kiểm tra, phát hiện, uốn nắn kịp thời những thiếu sót ở từng cấp đặc biệt các ban xây dựng Đảng với chức năng của mình đã tích cực, bám sát điểm, sát cơ sở tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo tốt đồng thời hướng dẫn cho huyện và cơ sở thực hiện tốt những yêu cầu Tỉnh ủy đề ra.

IV. TÌNH HÌNH SAU ĐẠI HỘI VÀ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM TIẾP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Một số tình hình sau đại hội

Trước và trong Đại hội, các đảng bộ đã đề ra những nội dung hành động thiết thực tập trung vào việc hoàn thành kế hoạch năm 1988 và những tháng đầu năm 1989, không phát động theo kiểu “cờ giông trống mỗ” như trước. Sau đại hội, nhìn chung có khí thế, không khí cởi mở, nội bộ đoàn kết. Các đảng bộ từng bước triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội và các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên. Những điểm chính nổi lên trong thời gian tới là:

- Trong nông nghiệp thời tiết khó khăn, các đảng bộ đã tập trung chỉ đạo vụ sản xuất đông - xuân có kết quả khá, tiến hành sơ kết và đề ra những biện pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Ở huyện Văn Chấn do đổi mới cơ chế khoán và chỉ đạo thâm canh, mạnh dạn thay đổi cơ cấu giống lúa có năng suất cao nên vụ chiêm xuân 1989 đã đạt năng suất lúa

gần 33 tạ/ha cao nhất từ trước đến nay. Ở các huyện Bát Xát, Mường Chải mạnh dạn đưa cây sắn lên trồng ở các xã vùng cao. Huyện Trấn Yên ngoài việc chỉ đạo thâm canh lúa phần đầu đạt 65 tạ/ha năm 1989 huyện đã nhanh chóng đưa các giống ngô lai có năng suất cao vào sản xuất hình thành vùng ngô đông, ngô hè thu và ngô xuân của huyện, chỉ đạo khai thác và kinh doanh nghề rừng, kinh tế vườn rừng đã phát triển mạnh ở các xã Tân Đồng, Cường Thịnh, Hoà Công, v.v. đã có khoảng 20% số hộ đạt hiệu quả kinh tế cao. Huyện Lục Yên tập trung chỉ đạo sản xuất lương thực và bước đầu xác định được việc sản xuất các mặt hàng xuất khẩu là thế mạnh của địa phương như: măng cọt, chổi chít, song, mây, v.v.. Chỉ đạo trồng quế ở 7 xã ven sông bước đầu có kết quả; huyện Yên Bình đã tập trung chỉ đạo thâm canh lúa, coi trọng chỉ đạo việc khoán cây lúa, bảo đảm cho tăng năng suất, chú ý mở rộng diện tích ngô thu, ngô đông, có chuyển biến khá mạnh về trồng rừng ở nhiều xã vùng hạ huyện, bằng cách huyện - hợp tác xã - và hộ xã viên cùng đầu tư.

- Trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khi bước vào thực hiện cơ chế mới theo Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng đang có những khó khăn lúng túng. Tình trạng chung là sản phẩm làm ra không tiêu thụ được, hàng hóa tồn đọng, dư nợ ngân hàng ngày càng lớn, công nhân không có việc làm, có xí nghiệp 80% công nhân phải nghỉ việc, có xí nghiệp phải tạm ngừng sản xuất. Tuy nhiên, nhiều cơ sở đã có cố gắng tìm cách tháo gỡ khó khăn bằng cách nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm tạo mặt hàng mới, tìm nơi tiêu thụ, mở rộng liên doanh liên kết, v.v.. Nhằm duy trì sản xuất, tạo thế mới đi lên như: Xí nghiệp cao lanh đã đầu tư mở rộng việc tinh lọc bột cao lanh, nâng cao giá trị sản phẩm tìm thị trường tiêu thụ, nên vẫn duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm cho công nhân và còn thu hút thêm lao động của các xí nghiệp khác. Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm huyện Văn Yên chuyển hướng kinh doanh sản xuất mặt hàng chè xanh xuất

khẩu bằng nguyên liệu tại chỗ của địa phương bước đầu có kết quả khá. Công ty Điện máy đã phân loại các mặt hàng tồn đọng chọn các mặt hàng phù hợp thị hiếu của từng nơi, mở rộng các điểm dịch vụ, đưa hàng xuống tận cơ sở để phục vụ, mặt khác có kế hoạch nhập các mặt hàng mới phù hợp với thị trường tiêu thụ ở địa phương nhằm đảm bảo duy trì sản xuất, kinh doanh phục vụ được tốt, v.v..

- Trong công tác an ninh quốc phòng, đã triển khai thực hiện Thông báo 118 của Ban Bí thư bước đầu có kết quả khá, những việc quản lý biên giới, quản lý hàng hóa, tình hình trật tự an ninh đang có những diễn biến phức tạp mới.

- Về công tác xây dựng Đảng sau đại hội đã tập trung làm một số việc như tiếp tục triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 5, 6 của Ban Chấp hành Trung ương. Tất cả các cấp ủy đều phân công nhiệm vụ cho từng cấp ủy viên. Điều động, điều chỉnh, bố trí lại một số cán bộ do biến động sau bầu cử. Nhiều huyện, thị đã xây dựng quy chế làm việc và chương trình hoạt động toàn khóa của cấp ủy theo Thông tri 89 của Thường trực Tỉnh ủy. Các huyện Bảo Thắng, Văn Chấn, Lục Yên, v.v. đã bồi dưỡng về chức năng nhiệm vụ cho cấp ủy cơ sở. Các huyện: Văn Chấn, Trấn Yên, Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà, Yên Bình, Lục Yên, Văn Yên, Mù Cang Chải, Bát Xát đã kiểm tra tình hình hoạt động của cơ sở đảng sau đại hội. Qua kiểm tra 205 cơ sở, có 61 cơ sở phát huy tốt, đạt tiêu chuẩn vững mạnh chiếm 29,7%, cơ sở khá và có 112 chiếm 54,6%, cơ sở yếu có 29 chiếm 14,4%, còn 3 cơ sở kém. Huyện Trấn Yên có 2 đảng bộ từ yếu vươn lên khá (xã Âu Lâu, xã Văn Phú), có 3 đảng bộ từ mạnh tụt xuống khá và yếu (Đảng bộ xã Lương Thịnh, Công ty Thương nghiệp tụt xuống khá, Công ty Xây dựng xuống yếu), huyện Yên Bình có 4 đảng bộ khá vươn lên chất lượng khá hơn (xã Ngọc Chấn, xã Cẩm Nhân, thị trấn Yên Bình, Xí nghiệp lâm nghiệp), có 5 đảng bộ từ vững mạnh tụt xuống khá (xã Xuân Long, xã Vĩnh

Kiên, xã Bảo Ái, xã Xuân Lai, xã Phú Thịnh). Huyện Lục Yên có 3 đảng bộ khá lên khá hơn (xã Mường Lai, xã Minh Xuân, xã Minh Chuẩn). Đối với đảng viên, qua kiểm tra 6.689 đồng chí có 5.806 đồng chí phấn đấu tốt đạt 86,79%. Số đảng viên có vi phạm khuyết điểm có 824 chiếm 12,3%, còn 59 đảng viên phải xem xét tư cách cần đưa ra khỏi Đảng chiếm 0,8%. Đối với cấp ủy viên cơ sở qua kiểm tra 733 đồng chí có 245 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 33,4%, 420 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ chiếm 57,3%, còn 68 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ có khó khăn chiếm 9,2%. Tình hình sinh hoạt ở các chi, đảng bộ duy trì được nhưng không đều huyện Mường Khương xem xét 19 cơ sở có 9 cơ sở sinh hoạt đều 10 cơ sở sinh hoạt đồng đều. Huyện Bắc Hà kiểm tra 6 cơ sở có 2 cơ sở sinh hoạt đều, 1 cơ sở từ sau đại hội đến nay mới họp 1 lần, 3 cơ sở từ sau đại hội đến nay chưa họp lần nào, trong đó có chi bộ được xếp loại vững mạnh như Chi bộ Công ty Thương nghiệp huyện. Công tác kết nạp đảng viên sau đại hội có cố gắng, theo báo cáo của 13/24 huyện, thị 6 tháng đầu năm đã kết nạp được 455 đảng viên mới. Huyện Yên Bình mở lớp bồi dưỡng đối tượng ở vùng dân tộc Dao cho trên 40 quần chúng.

Bên cạnh những việc làm và kết quả trên, từng nơi, từng chỗ cũng bộc lộ những mặt yếu cần lưu ý. Phong trào chuyển biến không đều, việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đại hội và các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên còn chậm thiếu cụ thể. Có đảng bộ sau đại hội cấp ủy đề ra nghị quyết khá nhiều chuyên đề nhưng việc tổ chức thực hiện các chuyên đề thiếu cụ thể. Số cơ sở yếu kém ở nông thôn sau đại hội chuyển rất chậm. Ở khu vực xí nghiệp quốc doanh, khi bước vào thực hiện cơ chế mới còn nặng về nhiệm vụ kinh tế, công tác chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng có phần coi nhẹ. Sự chỉ đạo điều hành của cấp ủy mới một số nơi chưa phát huy tốt, qua kiểm tra những đảng bộ phong trào có biểu hiện giảm sút nguyên nhân chính là do sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy nhất là cán bộ chủ chốt, năng lực yếu, thiếu năng động sáng

tạo. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng ở cơ sở rất yếu. Chế độ thông tin báo cáo từ cơ sở lên, chưa thực hiện tốt.

2. Một số việc cần làm tiếp trong thời gian tới

- Các đảng bộ huyện và cơ sở tập trung sức thực hiện chương trình hành động nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương và các chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng. Có những biện pháp tích cực, cụ thể để tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế ở địa phương.

- Làm tốt công tác củng cố cơ sở đảng và công tác đảng viên nhất là những cơ sở yếu kém kể cả ở nông thôn và khu vực cơ quan xí nghiệp nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ở nông thôn) và Nghị quyết 3 của Trung ương, Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng (ở xí nghiệp quốc doanh).

- Tiếp tục làm tốt việc xây dựng quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khóa của tập thể và cá nhân cấp ủy viên. Kể cả ở huyện, thị và các cơ sở đảng.

- Tiếp tục chỉ đạo kiểm tra tình hình cơ sở sau đại hội. Hướng dẫn nội dung củng cố cơ sở đảng và nội dung đăng ký phấn đấu của đảng viên, cho phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý hiện nay.

- Chỉ đạo tốt công tác chuẩn bị và tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân, kiện toàn Ủy ban nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân theo luật bầu cử và Luật tổ chức Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy từ cơ sở lên, bảo đảm gọn nhẹ, nâng cao hiệu lực của tổ chức các cấp.

- Làm rõ chức năng và danh giới của Đảng, chính quyền, đoàn thể và tổ chức kinh tế, nhất là đối với cơ sở. Thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý và nhân dân làm chủ. Phát

huy sức mạnh đồng bộ của hệ thống chính trị từ cơ sở lên, bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội và Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-NQ/TU, ngày 29-7-1989

Về Hội nghị Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn lần thứ 13 (khóa IV)
về những nhiệm vụ trọng tâm
trong 6 tháng cuối năm 1989

Trong những tháng đầu năm, tình hình các mặt đang có bước chuyển biến theo sự vận hành của cơ chế quản lý mới, song quá trình cũng phát sinh nhiều khó khăn lớn đòi hỏi phải tập trung hơn nữa sự lãnh đạo và chỉ đạo trong thời gian tới.

Về tình hình, trong ba chương trình kinh tế, đã có nhiều cố gắng trên mặt trận sản xuất lương thực và thực phẩm nhất là việc khắc phục khó khăn đối với diễn biến phức tạp của thời tiết năm đầu, đưa diện tích, năng suất và sản lượng lương thực cùng với chăn nuôi phát triển hơn vụ đông - xuân năm trước. Cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đang được thực hiện mở rộng, trở thành động lực đối với nông dân, có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất. Một số mặt đã có chuyển biến ở vùng thấp như phát triển kinh tế gia đình, thực hiện giao đất, giao rừng, mở rộng vùng quế...

Về hàng tiêu dùng, đi đôi với việc triển khai thực hiện Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng về đổi mới cơ chế quản lý trong xí nghiệp quốc doanh, bước đầu đã có chủ trương về phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh gắn với mở rộng lưu

thông hàng hóa theo phương thức kinh doanh, đã thực sự giải phóng và thực hiện dân chủ trong mua và bán, khắc phục độc quyền và cửa quyền cũng như khắc phục các hiện tượng dưng trủ gây mất cân đối giả tạo. Nhìn chung hàng hóa từ nhiều nguồn đã nhiều hơn, giá cả giảm nên đã góp phần quan trọng vào phục vụ sản xuất và đời sống. Mặt khác, cũng do việc chuyển sang cơ chế quản lý mới đối với lĩnh vực kinh tế quốc doanh nhiều ngành và nhiều xí nghiệp đã cố gắng vươn lên trong sự cạnh tranh giữa các thành phần, đã quan tâm tới sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với thị trường và từ thị trường đã chuyển đổi sản xuất mặt hàng phù hợp. Bước đầu đã khắc phục một số khó khăn để duy trì sản xuất, việc làm và đời sống.

Những cố gắng trên đây cùng với kết quả của nó thể hiện quyết tâm của Đảng bộ trong việc thực hiện chuyển đổi cơ chế đồng thời cũng khẳng định hướng đi trong công cuộc đổi mới là hoàn toàn đúng, được dân đồng tình phấn khởi và nhất trí cao. Song nhìn chung, đó mới là thắng lợi bước đầu và chưa vững chắc, bên cạnh đó vẫn còn nhiều mặt trì trệ đồng thời cũng phát sinh thêm những khó khăn mới.

- Sản xuất nông nghiệp nhìn chung tốc độ tăng chậm và không đạt kế hoạch, nếu tính theo đầu người thì mức bình quân lương thực ngày càng giảm, cây màu nhất là ngô chưa được đẩy mạnh, cây công nghiệp chưa được chú ý phát triển đúng mức. Nhìn lại sau gần 3 năm thực hiện nghị quyết của Đại hội thì nói chung các mục tiêu chủ yếu còn thấp xa, sản xuất chưa có sản phẩm hàng hóa lớn, kinh tế nông nghiệp còn mang nặng tính tự túc tự cấp, khoa học - kỹ thuật chậm phát triển. Đó là trở ngại lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp mà trong lãnh đạo, chỉ đạo, đấu tranh để chuyển vấn đề này nói chung làm chưa tốt.

- Kinh tế quốc doanh gặp khó khăn nghiêm trọng vì ứ đọng sản phẩm gây đình đốn sản xuất, thiếu việc làm cho công nhân. Thực chất của tình hình có mặt là do sự chuyển đổi cơ chế gây đột biến

trong hạch toán giá thành. Thiếu vốn và chính sách tín dụng chưa phù hợp. Mặt khác, là trong tổ chức sản xuất nhìn chung còn chậm sắp xếp lại, chậm đổi mới kỹ thuật, chất lượng xấu, giá thành cao, không đủ sức cạnh tranh trước sự giao lưu mở rộng thị trường trên phạm vi cả nước và nước ngoài cũng như trước sự phát triển của các thành phần kinh tế.

Sản xuất đình trệ cùng với công tác quản lý làm chưa tốt đã gây thất thu ngân sách, bội chi đến mức báo động và thường xuyên căng thẳng, vốn xí nghiệp thiếu quá lớn, dư nợ cao, thanh toán dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau đang là khó khăn lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

- Tình hình xã hội có nhiều vấn đề quan tâm, số công nhân thiếu việc làm chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 32%) cùng với số bộ đội ra quân và số học sinh ra trường chưa có việc ngày càng tăng. Trả lương chậm và nhiều mặt thuộc chính sách xã hội chậm được giải quyết. Nói chung đời sống nhất là trong cán bộ, công nhân viên và những người về hưu gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, tình hình dân số có xu hướng tăng làm cho đời sống càng khó khăn và gay gắt thêm.

Điều đáng quan tâm là văn hóa xã hội với các tai tệ nạn nhất là cờ bạc, nghiện hút phát triển cùng với lưu hành văn hóa phẩm xấu đang gây tác hại nhiều mặt. Trật tự an toàn xã hội đang diễn biến xấu nhất là tội phạm hình sự, trọng án tăng, tính chất nghiêm trọng và trắng trợn gây nhiều lo ngại trong nhân dân.

Phải thấy rõ những khó khăn trên đây là gay gắt mà nguyên nhân chủ quan là những khuyết điểm trên các mặt chính trị tư tưởng, lãnh đạo, chỉ đạo và công tác quản lý trong việc thực hiện đổi mới.

- Nhận thức tư duy nói chung chưa tiến kịp với yêu cầu. Đứng trước tình hình phức tạp còn nhiều lúng túng và có biểu hiện thiếu tin. Tình hình tư tưởng vẫn tiếp tục có sự phân hóa, một số chạy

theo lối sống thực dụng, bàng quan, lý tưởng bị lu mờ, gây nhiều trì trệ trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới.

- Công tác lãnh đạo và biện pháp chỉ đạo chưa đồng bộ và chưa thật sự bám sát mục tiêu. Phong cách còn mang nặng kiểu hành chính, bộ máy còn cồng kềnh, kém hiệu lực, thể chế trong hoạt động của hệ thống chính trị chưa được làm rõ, vai trò của các đoàn thể đang là một khâu yếu cần phải được nâng lên.

- Công tác quản lý nói chung còn bị buông lỏng trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là quản lý xã hội. Kỷ luật, kỷ cương không được tôn trọng nhất là trong thanh niên và học sinh do thiếu sự phối hợp giáo dục và quản lý giữa các tổ chức xã hội, nhà trường và nhất là của gia đình. Sự xuống cấp trên các lĩnh vực xã hội là vấn đề lớn đang đặt ra đối với toàn Đảng và toàn dân.

Tình hình trên đây đòi hỏi các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở phải có sự kiểm điểm nghiêm túc và có biện pháp cụ thể để đẩy mạnh các mặt công tác nhằm làm chuyển biến tình hình trong thời gian tới. Với tinh thần tập trung cao độ nhằm hoàn thành các mục tiêu chính trị của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV, trước mắt phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ còn lại của năm 1979. Tạo đà thuận lợi cho việc bước vào năm 1990 với các phong trào cách mạng lập thành tích thiết thực chào mừng các ngày kỷ niệm lớn. Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 13, trên cơ sở khẳng định lại các mục tiêu của Đại hội, đã quyết định phải tập trung lãnh đạo hướng toàn Đảng bộ vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- 1- Về nông nghiệp, để thực hiện mức tổng sản lượng lương thực cả năm là 300.000 tấn, phải tăng cường chỉ đạo sản xuất vụ mùa và phát động sản xuất tăng 1 vụ cuối năm.

- Trong vụ mùa phải hoàn thành vượt mức gieo cấy với các biện pháp kỹ thuật thâm canh gồm thời vụ, giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh và phòng, chống hạn hán, lũ lụt, tập trung mọi cố gắng để đạt năng suất vụ mùa là 30 tạ/ha.

- Hướng tăng vụ tập trung chủ yếu vào đất 1 vụ, cần đẩy mạnh

sản xuất hoa màu nhất là ngô. Phải đẩy mạnh đưa ngô xuống ruộng và hướng phát triển ngô trở thành lương thực hàng hóa thông qua chăn nuôi hoặc xuất khẩu. Cần khắc phục tư tưởng không muốn làm ngô vì những khó khăn tạm thời trong tiêu thụ hiện nay.

- Tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, chú trọng trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối. Đi sâu vào xem xét cơ chế khoán và khắc phục khoán trắng cũng như xem xét trong xử lý tài sản. Tiếp tục nghiên cứu để xác định mô hình tổ chức sản xuất đối với vùng cao. Chú trọng việc tăng cường các biện pháp kỹ thuật, cần nghiên cứu khắc phục những tồn tại trong tổ chức dịch vụ kỹ thuật, tăng cường chỉ đạo thu mua sản phẩm, khắc phục ép cấp, ép giá đối với nông dân. Cần phải tăng cường giáo dục ý thức sản xuất hàng hóa để phát triển sản xuất nông nghiệp, khắc phục sản xuất tự túc tự cấp cùng với các nạn trong sản xuất tự nhiên. Trước mắt có biện pháp giải quyết số lương thực còn tồn đọng hiện nay.

2- Về công nghiệp, với định hướng đưa kinh tế quốc doanh trở thành chủ đạo, phải tập trung vào tháo gỡ những khó khăn trong xí nghiệp, từng bước đưa xí nghiệp trở lại sản xuất bình thường, bảo đảm việc làm nhất là bảo đảm giữ đội ngũ công nhân kỹ thuật và bảo đảm có tích lũy, trước mắt cần giải quyết ngay số hàng tồn đọng. Phải xác định rõ trách nhiệm trong việc giải quyết khó khăn là nhiệm vụ của cơ sở xí nghiệp, của giám đốc, bí thư Đảng ủy và Hội đồng xí nghiệp. Đi vào rà soát tình trạng của từng xí nghiệp để phân loại gắn với tổ chức lại sản xuất, sắp xếp dây truyền công nghệ và nghiên cứu đổi mới kỹ thuật, nghiên cứu thị trường để định hướng sản xuất, bảo đảm chất lượng, hạ giá thành, hàng bán được và có tích lũy phần đầu vươn lên trong sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế với tư tưởng chỉ đạo quyết tâm chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh. Không vì khó khăn mà trả lại cơ chế bao cấp.

Cần tập trung giải quyết những tồn tại trước đây trong tín dụng ngân hàng đối với xí nghiệp như mức lãi suất, thời hạn vay, nghiên cứu đình hoãn nợ để tiếp tục cho vay. Đẩy mạnh thanh toán công nợ của xí nghiệp.

Đối với số sản phẩm tồn đọng có thể cần hạ giá để tiêu thụ quay vòng vốn. Đối với những mặt hàng không còn phù hợp (như than) cần chuyển hướng.

3- Về phân phối lưu thông, đi đôi với việc sắp xếp để phát triển phân phối lưu thông cần chú trọng làm tốt công tác quản lý thị trường, khắc phục sự “bung ra” trong tư thương và trong cơ quan làm dịch vụ thương nghiệp.

Phải hết sức coi trọng công tác tài chính và ngân hàng nhất là việc thu ngân sách. Cần rà soát lại các nguồn thu, đẩy mạnh thu thuế như thuế công thương nghiệp, thuế lâm sản, thuế sát sinh, thuế đối với hàng qua biên giới và đẩy mạnh thu quốc doanh, cần tăng cường đội ngũ cán bộ thuế. Phải quản lý chặt chẽ trong chi tiêu kể cả trong xí nghiệp, rà soát lại các khoản chi và thực hiện triệt để tiết kiệm chi, phân đầu có thu mới có chi. Cố gắng bảo đảm vốn cấp cho các nhiệm vụ và nhu cầu thiết yếu, phục vụ cho sản xuất, lưu thông và tập trung giải quyết vốn xây dựng cơ bản được thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

Tiếp tục chuyển mạnh ngân hàng sang cơ chế kinh doanh đi đôi với việc thực hiện các quy định mới trong tín dụng phù hợp với tình hình sản xuất của địa phương, đi vào tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng.

4- Về công tác xã hội, toàn bộ công tác xã hội có rất nhiều vấn đề bao trùm là phải tập trung tiến hành cuộc vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị nhằm xây dựng con người mới, xây dựng nếp sống mới, lập lại trật tự, kỷ cương, hạn chế và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực.

Đi đôi với nhiệm vụ “xây” là chính, trong tình hình hiện nay Tỉnh ủy chủ trương phải tăng cường chỉ đạo việc giữ gìn trật tự, an

toàn xã hội, phải tập trung củng cố và xây dựng phong trào an ninh nhân dân từ cơ sở gắn với tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt công an, dân quân tự vệ, bộ đội, biên phòng với sự phối hợp của các ngành nội chính và các lực lượng bảo vệ trong các ngành, các cấp, trong từng cơ quan, đơn vị, xí nghiệp. Phải tiến hành các đợt sâu rộng với sức mạnh tổng hợp và đồng bộ tập trung vào đấu tranh truy quét chống các tội phạm hình sự nhất là trên các địa bàn trọng điểm, tuyến đường sắt, đầu mối giao thông, nơi công cộng, đi đôi với các biện pháp phòng ngừa tăng cường quản lý để bài trừ các tai tệ nạn nhất là cờ bạc, nghiện hút, quản lý và thu hồi tàng trữ vũ khí trái phép, quản lý và loại trừ các văn hóa phẩm xấu. Xác định nhiệm vụ chính cho các đồng chí bí thư, chủ tịch các huyện, thị; đi đôi với đề cao trách nhiệm từng cấp, từng ngành, thủ trưởng đơn vị, xí nghiệp, cơ quan, phường, xã, thôn, bản, tổ dân phố, tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức xã hội với nhà trường và gia đình trong việc giáo dục đối với lớp trẻ, trong đó gia đình phải có trách nhiệm trực tiếp.

Về an ninh, cần tăng cường công tác giáo dục nhằm đề cao cảnh giác trong việc quản lý biên giới nhất là việc quản lý qua lại hai bên theo đúng tinh thần Thông báo 118 của Ban Bí thư và các quy định cụ thể của tỉnh.

Toàn bộ công tác này, Tỉnh ủy sẽ có kế hoạch và phân công với sự phối hợp trong chỉ đạo, tập trung làm để trước mắt đến cuối năm phải tạo những chuyển biến rõ nét, giảm cơ bản tình hình tội phạm, ngăn chặn tai tệ nạn nhất là trong thanh niên, lập lại trật tự ở nơi công cộng.

Bên cạnh công tác trên đây, phải hết sức coi trọng tạo việc làm cho người lao động bằng phát triển các thành phần kinh tế sớm ban hành chính sách đối với số lao động dôi ra thuộc khu vực Nhà nước, trước mắt đối với số công nhân tạm thời chưa bố trí được việc phải nghỉ tự túc thì không được thu “tiền mua chính sách”. Phấn đấu bảo đảm trả lương và thực hiện các chính sách xã hội.

Đi đôi với việc giải quyết khó khăn về đời sống, cần đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Phải coi giảm mức tăng dân số là nhiệm vụ chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài để tập trung sự chỉ đạo của các cấp, các ngành và các đoàn thể, phấn đấu giảm mức tăng dân số theo nghị quyết của Đảng bộ đã đề ra.

5- Nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng bộ với những công tác trọng tâm đòi hỏi phải tăng cường đẩy mạnh xây dựng phong trào cách mạng của quần chúng, thực sự lấy dân làm gốc, thực sự coi việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động vừa là động lực, vừa là mục tiêu. Vì vậy, việc nghiên cứu đổi mới hoạt động trong thể chế chính trị, cần tập trung nghiên cứu đổi mới công tác vận động quần chúng, nhất là đổi mới cơ chế hoạt động, coi đó là một công tác trọng tâm trong thời gian tới.

Cấp ủy các cấp phải tăng cường lãnh đạo công tác quần chúng, cũng như chỉ đạo sự hoạt động của các đoàn thể và Mặt trận, phải coi trọng củng cố và tăng cường cán bộ, khắc phục các biểu hiện không đúng, coi nhẹ vai trò của các tổ chức đoàn thể, để kéo dài bệnh hình thức trong nội dung hoạt động của các đoàn thể như hiện nay.

Mặt trận và các đoàn thể phải trên tinh thần đổi mới, bám sát các nghị quyết và chủ trương của Đảng để xây dựng nội dung vận động phù hợp với tổ chức của mình gắn với nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động nhằm tạo sự gắn bó giữa tổ chức với các đoàn thể và hội viên cũng như gắn mục tiêu chính trị với lợi ích của các thành viên. Phải hướng về cơ sở, đi sâu vào thực tế, nắm chắc tình hình quần chúng để xây dựng phong trào cách mạng, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đã đề ra.

Hội nghị Tỉnh ủy xác định các nhiệm vụ trọng tâm trên đây là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân trong thời gian tới đòi hỏi sự nhất trí cao từ trên xuống dưới, từ cấp ủy tỉnh đến các cấp, cơ sở

đảng và từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, vì vậy cần làm tốt công tác quán triệt sâu rộng đến cơ sở và các tổ chức xã hội và nhân dân.

Tỉnh ủy sẽ có kế hoạch cụ thể hóa theo từng chuyên đề và được thể chế hóa về mặt Nhà nước gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị 65 của Hội đồng Bộ trưởng về phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

Từng đồng chí Tỉnh ủy viên, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị và thủ trưởng các ban, ngành, các đoàn thể phải chỉ đạo kiểm điểm nghiêm túc tình hình và xác định nhiệm vụ còn lại, cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm trên đây với các biện pháp chỉ đạo chặt chẽ và sự phối hợp đồng bộ, trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí phải được xác định rõ và được kiểm điểm trong định kỳ cuối năm.

Nhiệm vụ trước mắt rất nặng nề, sự nghiệp đổi mới còn nhiều khó khăn, việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là đòi hỏi bức thiết của công cuộc đổi mới, cũng là những khâu then chốt để thúc đẩy hoàn thành các nhiệm vụ chính trị. Cán bộ, đảng viên phải phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của mình gắn với việc nâng cao sức chiến đấu và vai trò hạt nhân của tổ chức cơ sở đảng để thực hiện và lãnh đạo thực hiện tốt nghị quyết này, đồng thời vận động thuyết phục đồng bào các dân tộc ra sức phát huy truyền thống, quyết tâm khắc phục khó khăn, vươn lên giành những thắng lợi mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 689-NQ/TU, ngày 8-8-1989

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
huyện Văn Yên khóa IX**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Yên và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Yên khóa IX gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Đào Đình May, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy

2. Đồng chí Trần Duy Định, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy

3. Đồng chí Nguyễn Văn Chấn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra chuyên trách

4. Đồng chí Nguyễn Thị Mùi, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra kiêm chức

5. Đồng chí Trần Gia Hội, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra kiêm chức.

2. Ban Chấp hành Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 17-TT/TU, ngày 10-8-1989

Về việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết về những nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 1989 của Tỉnh ủy

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Tỉnh ủy là một trong những nghị quyết quan trọng, vì nó đáp ứng những vấn đề nóng bỏng mà cuộc sống đang đòi hỏi phải được giải quyết để thúc đẩy công cuộc đổi mới về nhiều mặt ở tỉnh ta, nên phải được tổ chức quán triệt, và tổ chức thực hiện theo hướng dẫn đưa phong trào đi vào chiều sâu có hiệu quả ở tất cả các cấp, các ngành và ở cơ sở, khắc phục một bước bệnh phân tán, hời hợt, buông trôi thả lỏng trong lãnh đạo và chỉ đạo.

1. Những yêu cầu cần đạt được

- Triển khai quán triệt sâu sắc và rộng, bảo đảm nhận thức đúng đắn về nội dung, nhất trí cao về tư tưởng chỉ đạo, phải tập trung vào những những nhiệm vụ trọng tâm của nghị quyết lần này đã chỉ ra.

- Đề cao tinh thần tự phê bình, kiểm điểm liên hệ sát với thực trạng và theo trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh đã được giao. Gắn chặt với Nghị quyết Trung ương 6 và để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể, rồi bám vào đó chỉ đạo thực hiện cho kỳ được.

- Thực hiện cơ chế tổng thể làm chuyển động thực sự hệ thống chính trị để tạo ra sức mạnh tổng hợp vận dụng cơ chế quản lý mới tư duy phong cách, phương pháp mới, thúc đẩy động lực dân chủ, công khai xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống. Phát động phong trào thi đua một cách thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, quyết tâm tìm ra nguyên nhân để có biện pháp đúng tháo gỡ khó khăn, đưa phong trào đi lên.

2- Những vấn đề cần nắm vững

- Nắm vững nội dung trọng tâm là:

+ Nắm vững việc đã làm được.

+ Những mặt còn tồn tại, yếu kém và nguyên nhân.

+ 5 nhiệm vụ trọng tâm...

- 5 nhiệm vụ trọng tâm phải được hiểu là những vấn đề bức thiết mà cuộc sống đang đòi hỏi phải được tập trung giải quyết. Đó là trách nhiệm của toàn Đảng, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và tổ chức xã hội.

- Thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 6 và nghị quyết của Tỉnh ủy là thước đo về vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp, ngành và đoàn thể.

- Tư tưởng chỉ đạo của cấp ủy là phải tập trung trí tuệ, các điều kiện phục vụ cho lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành vào 5 nhiệm vụ trọng tâm để tạo ra sự chuyển biến tình hình thật sự, trong đó chú ý chuyển về kinh tế - xã hội, chuyển về hệ thống chính trị, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 1989.

3. Chỉ đạo triển khai thực hiện

- Tất cả các cấp, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội làm tốt khâu đầu là sinh hoạt nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của Tỉnh ủy, gắn với liên hệ, kiểm điểm, rà soát lại nhiệm vụ và căn

cứ vào nghị quyết mà để xác định thật rõ những nhiệm vụ trọng tâm của mình, rồi bám vào đó để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện.

- Coi trọng khâu giáo dục, tuyên truyền sâu rộng, thông qua mọi phương tiện thông tin ở các cấp, trong đó chú ý ở cấp cơ sở đối tượng người lao động, sử dụng thật tốt độ ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, sử dụng những cán bộ, đảng viên, những gia đình gương mẫu, những quần chúng tiên tiến vào công tác giáo dục, thuyết phục.

- Triển khai nghị quyết của Tỉnh ủy phải gắn chặt với triển khai Nghị quyết Trung ương 6, chương trình hành động đổi mới 7 điểm của Tỉnh ủy, Chỉ thị 65 của Hội đồng Bộ trưởng về phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, mặt khác phải nắm vững những quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về các chuyên đề cụ thể như:

- + Chuyên đề thâm canh và làm thêm một vụ, nhất là chân ruộng một vụ.

- + Chuyên đề tháo gỡ khó khăn cho kinh tế quốc doanh.

- + Chuyên đề về làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

- + Chuyên đề lưu thông phân phối, thu tài chính.

- + Chuyên đề đổi mới phương thức vận động quần chúng và hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách khối có kế hoạch triển khai chuyên đề thuộc khối mình phụ trách, kiểm tra thực hiện và sẽ báo cáo chuyên đề kết quả với Ban Chấp hành vào kỳ họp tới. Các đồng chí tỉnh ủy viên, giám đốc các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế... chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy trong việc triển khai và tổ chức thực hiện ở đơn vị mình và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giới thiệu nội dung cơ bản nghị quyết của Tỉnh ủy qua các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng báo cáo viên để giúp các cấp, ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền được thống nhất.

- Các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội... làm xong công tác triển khai trong tháng 8-1989 và gửi chương trình kế hoạch của đơn vị mình về Tỉnh ủy chậm nhất là ngày 20-8-1989.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 233-TB/TU, ngày 10-8-1989

Về việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng

Kính gửi: - Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc
- Các ban, ngành trong tỉnh

Công việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng theo Chỉ thị 34 của Ban Bí thư là một nhiệm vụ rất quan trọng nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tính chiến đấu của đảng viên và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, chống các biểu hiện tiêu cực và chống nguy cơ quan liêu của Đảng lãnh đạo chính quyền, nhất là việc thực hiện các chính sách kinh tế theo hướng đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm cho các chính sách ấy được thực hiện có hiệu quả.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các ban, ngành trong tỉnh chỉ đạo xây dựng chương trình kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, phải kết hợp chặt chẽ với việc kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong các đảng bộ. Trước hết là kiểm tra những ngành quan trọng thực hiện ba chương trình kinh tế, các ngành phân phối lưu thông, tổng hợp, xây dựng cơ bản, an ninh, quốc phòng.

Những đồng chí cán bộ chủ chốt các ban, ngành, huyện, thị (kể

cả cấp ủy viên cùng cấp) cán bộ do cấp ủy quản lý đều phải được kiểm tra.

Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra về chấp hành nguyên tắc và sinh hoạt đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên... kiểm tra về thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhất là các nghị quyết của Trung ương Đảng 3, 5, 6, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng về các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với các xí nghiệp quốc doanh.

- Trước hết cần chú trọng kiểm tra về thực hiện chức trách nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được phân công thực hiện ba chương trình kinh tế, nhiệm vụ chính trị - xã hội ở địa phương, đơn vị. Từ nay đến cuối năm 1989 tập trung triển khai kiểm tra thực hiện Nghị quyết lần thứ 13 của Tỉnh ủy về những nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 1989 với các nội dung chủ yếu sau đây:

1- Về Nông nghiệp phải tăng cường chỉ đạo sản xuất vụ mùa, phát động tăng vụ cuối năm để đạt tổng sản lượng cả năm 300.000 tấn.

2- Về công nghiệp phải tập trung vào tháo gỡ những khó khăn trong các xí nghiệp quốc doanh.

3- Về sắp xếp phát triển phân phối lưu thông, làm tốt công tác quản lý thị trường, khắc phục sự “bung ra” trong tư thương. Rà soát lại các nguồn thu, thu thuế công thương nghiệp, thuế lâm sản, thuế sát sinh, thuế hàng qua biên giới, thu quốc doanh. Thực hiện triệt để tiết kiệm chi.

4- Công tác xã hội phải tăng cường chỉ đạo việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào an ninh nhân dân từ cơ sở làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

5- Tăng cường đẩy mạnh xây dựng phong trào cách mạng của

quần chúng thực sự lấy dân làm gốc, thực sự coi việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, vừa là động lực vừa là mục tiêu, cần tập trung nghiên cứu đổi mới công tác vận động quần chúng, đổi mới cơ chế hoạt động. Coi đó là những công tác trọng tâm trong thời gian tới.

Phương pháp tiến hành

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc chỉ đạo, phấn đấu đến năm 1991 mọi đảng viên trong đảng bộ đều được kiểm tra từ 1 đến 2 lần và cuối năm 1990 phải có tổng kết để tích cực góp phần phục vụ việc chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Theo sự chỉ đạo thì bốn cấp đều làm kiểm tra, lấy việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ làm trọng tâm, là nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp, của cấp ủy Đảng do cấp ủy đích thân và trực tiếp để tiến hành chỉ đạo công tác kiểm tra.

Cần đặc biệt coi trọng và thực hiện tốt việc kiểm tra thường xuyên và định kỳ. Đây là hình thức kiểm tra chủ yếu của tổ chức cơ sở đảng. Trong quá trình kiểm tra phải có tác dụng thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị, giải phóng mọi năng lực sản xuất phát triển các thành phần kinh tế sản xuất hàng hóa... không gây ảnh hưởng đến việc chậm trễ sản xuất, công tác ở các ngành và cơ sở. Sau khi kiểm tra phải có kết luận đối với từng người được kiểm tra (ưu điểm, khuyết điểm và sai lầm nếu có).

Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và các ngành, ban trong tỉnh khi thực hiện có thuận lợi hoặc khó khăn gì thì báo cáo về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để giúp cấp ủy chỉ đạo được thuận lợi.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 18-TT/TU, ngày 12-9-1989

Về hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 53 về lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp

Trong tình hình hiện nay, việc lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp là rất quan trọng nên Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 53, Tỉnh ủy đã sao gửi tới cơ sở, yêu cầu các cấp ủy nghiên cứu, nắm vững và lãnh đạo thực hiện nghiêm túc.

Đối với tỉnh ta, là tỉnh miền núi, nhiều dân tộc, là tỉnh biên giới, nên ngoài việc thực hiện tốt chỉ thị của Trung ương, cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

1- Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân lần này tiến hành theo luật mới, muốn bảo đảm đạt được yêu cầu do Trung ương đề ra, cần lãnh đạo việc phổ biến học tập, trao đổi, thảo luận thật kỹ làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững luật bầu cử để thực hiện cho đúng. Qua đó, cần chú ý nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân đối với việc bầu cử, việc lựa chọn, giới thiệu đại biểu, việc lựa chọn đại biểu để bầu, bảo đảm chất lượng, góp phần xây dựng chính quyền, bảo vệ chính quyền nhân dân. Trong suốt cuộc vận động bầu cử cần đề cao cảnh giác, phòng và chống những hoạt động tâm lý, phá hoại của địch và của những phần tử xấu, vừa bảo đảm bầu cử tốt, sản xuất tốt và an toàn tuyệt đối, chống tội phạm, chống gây rối.

2- Trong quá trình lựa chọn và hiệp thương giới thiệu người vào danh sách ứng cử viên, vừa phát huy tốt dân chủ, vừa bảo đảm có lãnh đạo chặt chẽ, không gò ép, áp đặt, nhưng không được buông lỏng; phát hiện và uốn nắn kịp thời những tư tưởng, hành động lệch lạc trong suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành bầu cử.

Vừa bảo đảm chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, vừa phải rất coi trọng bảo đảm cơ cấu, lấy nâng cao chất lượng là chính nhưng không vì quá nhấn mạnh chất lượng mà coi nhẹ cơ cấu và ngược lại, không vì cơ cấu mà giảm nhẹ chất lượng. Đó là một yêu cầu rất khó, đòi hỏi các cấp ủy phải đi sâu, dựa vào quần chúng, vào cơ sở để phát hiện người tốt, đủ tiêu chuẩn lại phù hợp với cơ cấu để lựa chọn giới thiệu, mới giúp quần chúng cử tri bầu cử đại biểu vào Hội đồng nhân dân bảo đảm chất lượng, phù hợp với hoàn cảnh và trình độ từng vùng, và từng dân tộc, bảo đảm những đại biểu được cấp ủy lựa chọn, nhất là những cán bộ chủ chốt được đưa vào danh sách bầu cử trong các cuộc hiệp thương và bảo đảm đắc cử.

3- Từ nay đến hết năm, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 và kế hoạch kinh tế xã hội còn rất nặng nề, phải nắm vững và lãnh đạo thực hiện tốt chương trình thực hiện Nghị quyết 6 của Tỉnh ủy và nghị quyết về những công tác trọng tâm của tỉnh mà hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy lần thứ 13 đã đề ra, cụ thể là: Đẩy mạnh thâm canh lúa mùa, chuẩn bị làm tốt vụ thu, đông và xuân sớm, nhất là ngô, tiếp tục đi sâu tháo gỡ khó khăn trong kinh tế quốc doanh, bảo đảm thu ngân sách phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 1989, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ tốt cuộc vận động bầu cử, bảo đảm an ninh trật tự biên giới và nội địa, các đoàn thể quần chúng cố gắng đổi mới phong cách hoạt động, phục vụ tốt sản xuất và bầu cử, giáo dục thanh thiếu niên trong dịp bước vào năm học mới.

4- Ủy ban nhân dân các cấp cần có kế hoạch cụ thể hướng dẫn

các cấp, các ngành thực hiện tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, thực hiện tốt Chỉ thị 53 và luật bầu cử.

Yêu cầu các cấp ủy lưu ý quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị 53 và Thông tri này, đồng thời thường xuyên báo cáo tình hình về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH HƯỚNG DẪN CỦA TỈNH ỦY

Số 14-KH/TU, ngày 5-10-1989

**Về đợt sinh hoạt chính trị quán triệt và thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (khóa VI)**

Kế hoạch có một số vấn đề lớn sau đây:

I. NẮM VỮNG MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt ý nghĩa và nội dung của Nghị quyết:

- Ý nghĩa quan trọng của nghị quyết là: “Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay” có giá trị chỉ đạo sâu sắc đối với công tác tư tưởng của Đảng và đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

- Nội dung chủ yếu của nghị quyết là những quan điểm cơ bản của Đảng ta về một số vấn đề quốc tế và sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta, thể hiện lập trường giai cấp công nhân của Đảng. Phải được quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh.

2. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị mà củng cố lập trường giai cấp công nhân, quan điểm đấu tranh cách mạng đúng đắn, khẳng định và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao niềm tin và đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới của Đảng, đồng thời khắc phục các biểu hiện:

- Khắc phục kịp thời những nhận thức, quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ về cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

- Khắc phục tâm trạng bi quan, dao động đối với tiền đồ của chủ nghĩa xã hội, mất cảnh giác đối với những âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ trong việc chống phá phong trào cách mạng, chống phá chủ nghĩa xã hội.

3. Các cấp ủy, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể kiểm điểm sâu sắc về sự lãnh đạo của mình đối với công tác tư tưởng trong thời gian (1987-1989), đề ra những biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản công tác tư tưởng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (làm cùng trong dịp triển khai nghị quyết).

Đối với từng cán bộ, đảng viên dựa vào các quan điểm nêu trong nghị quyết, tự phê bình về nhận thức đúng sai của mình trong thời gian qua, sẽ làm kỹ trong đợt tự phê bình và phê bình cuối năm 1989.

4. Trên cơ sở triển khai tốt Nghị quyết Trung ương 7 mà gắn chặt và thúc đẩy việc thực hiện các công việc trước mắt:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1989.
- Lãnh đạo và tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, bầu bổ sung đại biểu Quốc hội.
- Thực hiện tốt Nghị quyết 13 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy.
- Tổng kết năm 1989, chuẩn bị nhiệm vụ năm 1990, thi đua lập thành tích kỷ niệm và chào mừng những ngày lễ lớn năm 1990.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, TƯ TƯỞNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN

1. Nội dung đợt sinh hoạt chính trị

- Về quán triệt Nghị quyết Trung ương 7.
- + Toàn thể cán bộ và đảng viên toàn Đảng bộ nghe trực tiếp nghị quyết toàn văn (tập trung nghe, đọc)

- + Có báo cáo viên giới thiệu những nội dung cơ bản của nghị quyết.
- + Ở tỉnh, huyện có thêm các tư liệu cần thiết tham khảo.
- + Đảng viên (nông thôn) có tài liệu hỏi - đáp về nghị quyết.
- + Có thảo luận, liên hệ nâng cao nhận thức và phê phán có lý có tình về những nhận thức, quan điểm lệch lạc, sai trái.
- + Có tổng kết học tập, giải đáp thắc mắc.
- Về thảo luận báo cáo kiểm điểm của cấp ủy.
- + Đồng chí bí thư hoặc phó Bí thư báo cáo kiểm điểm của cấp ủy về lãnh đạo công tác tư tưởng.
- + Hội nghị và đảng viên liên hệ, tham gia phân tích và quán triệt nhiệm vụ công tác tư tưởng và tiếp tục những công tác phải làm trước mắt ở cơ sở.
- + Các báo cáo kiểm điểm của cấp ủy và ý kiến của đảng viên phải được báo cáo đầy đủ gửi lên trên theo hệ thống Đảng.

2. Phương pháp, tư tưởng trong sinh hoạt chính trị

- Phát huy tự do tư tưởng trong thảo luận, phân tích phê phán một cách có lý, có tình về những quan điểm lệch lạc, sai trái, nhằm tăng cường dự thống nhất tư tưởng, ý chí hành động trong Đảng và toàn dân để phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy đổi mới, có định hướng và vững chắc chứ không hạn chế dân chủ.
- Biết phân biệt những bản khoản chính đáng, những sự tìm tòi nghiên cứu nghiêm túc, những ý kiến không đúng do mơ hồ về nhận thức, với những phần tử xấu, bất mãn, cơ hội và luận điệu xuyên tạc.

3. Cách làm

- + Thường trực Đảng hoặc Ban Thường vụ các cấp phải nghiên cứu quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Ban Bí thư và kế hoạch của

tỉnh trước, rồi phân công chuẩn bị mọi mặt cho hội nghị ban chấp hành, hoặc hội nghị cán bộ chủ chốt, chỉ đạo các hội nghị quán triệt nghị quyết có chất lượng, tránh hình thức.

- + Chuẩn bị tốt báo cáo kiểm điểm của cấp ủy, chuẩn bị đủ các tài liệu: Nghị quyết, các tư liệu tham khảo, tài liệu hỏi - đáp...và kế hoạch triển khai ở cơ sở.

- + Bồi dưỡng báo cáo viên, báo cáo viên là đội ngũ cán bộ chủ chốt, các ủy viên, trưởng, phó ban, ngành, đoàn thể, cán bộ Ban Tuyên giáo được bồi dưỡng.

4. Về các đối tượng

- + Trước hết chú ý đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội, lãnh đạo các phương tiện thông tin đại chúng.

- + Ở tỉnh, huyện còn phải chú ý số anh em là báo chí, văn hóa thông tin, văn nghệ sĩ, trí thức, khoa học.

- + Đội ngũ cán bộ về hưu: Căn cứ vào chế độ quản lý cán bộ các cấp cần có hợp riêng và đồng chí Thường vụ trực tiếp giới thiệu nghị quyết với anh chị em.

- + Đưa các đối tượng vào Trung tâm chính trị hoặc Trường Đảng nghiên cứu nghị quyết theo hình thức tại chức từ 3- 5 ngày.

- + Về các đoàn thể quần chúng, đặc biệt chú ý đối tượng đoàn thanh niên và công đoàn.

- + Đối với quần chúng tuyên truyền theo tài liệu hỏi - đáp do Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương biên soạn.

5. Thời gian phải hoàn thành

Do tính chất cấp bách của nghị quyết Trung ương, yêu cầu việc triển khai nghị quyết phải xong trong tháng 10-1989, để tháng 11 tập trung vào lãnh đạo bầu cử, tháng 12-1989 tổng kết chuẩn bị nhiệm vụ năm 1990.

III. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM

1. Các cấp ủy, trước hết là đồng chí bí thư, các đồng chí trong thường trực và thường vụ, trong sự lãnh đạo toàn diện của mình phải coi việc lãnh đạo tư tưởng là công tác quan trọng số một, không khoán trắng cho các cơ quan chuyên môn, không buông trôi hoặc đưa lên cấp trên giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Mỗi đảng viên phải xác định rõ trách nhiệm làm công tác tư tưởng của mình và tổ chức chu đáo đợt sinh hoạt chính trị này.

2. Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng có kế hoạch mở đợt sinh hoạt chính trị, nắm tâm tư nguyện vọng, và cải tiến nội dung, hình thức tuyên truyền, cổ động, vận động quần chúng phong phú, sáng tạo, có tính thuyết phục, tính chiến đấu, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tâm lý và điều kiện của hội viên.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ định kỳ xuống các xí nghiệp, hợp tác xã, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang... gặp gỡ các đối tượng để trực tiếp truyền đạt các quan điểm cơ bản của Đảng, trao đổi thu thập ý kiến, trả lời những vấn đề do quần chúng nêu ra (ở tỉnh ta là ngày chính trị định kỳ 20 của tháng thứ 2 theo quý). Quý tư năm 1989 là 20-11-1989.

4. Các cấp ủy và lãnh đạo các ngành, đoàn thể đều có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý tốt đội ngũ giảng viên, cán bộ biên tập báo, đài, xuất bản. Cụ thể là tạo điều kiện thuận lợi cho công tác, sát cuộc sống, củng cố lòng tin... từng thời gian đánh giá việc hoạt động của các cơ quan báo, đài, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, biểu dương mặt tốt, giúp đỡ khắc phục những lệch lạc và chăm lo đời sống vật chất - tinh thần và điều kiện làm việc cho anh chị em.

5. Coi trọng công tác nghiên cứu lý luận, đưa cán bộ, đảng viên, quần chúng vào các trung tâm chính trị huyện, thị và Trường

Đảng tỉnh theo mọi hình thức học tập, nhất là hình thức tại chức; nghiên cứu đổi mới bài giảng và phương pháp học tập.

6. Tất cả các cấp, ngành, đoàn thể chấp hành nghiêm kỷ luật báo cáo tiến độ và kết quả việc triển khai nghị quyết, một bản gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, một bản gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (ngày 30-10 báo cáo kết quả triển khai Nghị quyết, ngày 22-11 báo cáo kết quả ngày chính trị quý IV).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 723-QN/TU, ngày 6-10-1989

Về thành lập Ban chỉ đạo diễn tập thực nghiệm TN 89

- Căn cứ vào Nghị quyết 02 Bộ Chính trị và Nghị quyết 03 Trung ương về xây dựng tỉnh “thành khu vực phòng thủ vững chắc trong bảo vệ Tổ quốc”;
- Căn cứ vào Quy định 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Để chỉ đạo cuộc diễn tập TN 89 ở huyện Bảo Thắng đạt kết quả tốt,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo diễn tập thực nghiệm TN 89 gồm các đồng chí:

- 1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban
- 2- Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- 3- Đồng chí Nguyễn Đình Sanh, Quyền Chỉ huy trưởng
- 4- Đồng chí Hoàng Tuyển, Giám đốc Công an tỉnh
- 5- Đồng chí Trần Ngọc Sắc, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng
- 6- Đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng
- 7- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 2. Ban chỉ đạo diễn tập TN 89 có nhiệm vụ điều hành các

cơ quan, các cấp, các ngành, các lực lượng làm tốt công tác chuẩn bị kế hoạch, văn kiện, cơ sở vật chất cho cuộc diễn tập đề tài chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu - đánh bại thủ đoạn chiến tranh phá hoại nhiều mặt giữ vững trật tự trị an ở huyện Bảo Thắng đạt kết quả, xác định một số nhiệm vụ cụ thể:

- Đồng chí Tráng A Pao, đồng chí Lương Xuân Mậu trực tiếp lãnh đạo chỉ đạo, điều hành các ban, ngành, đơn vị, cơ sở chuẩn bị văn kiện, kế hoạch, cơ sở vật chất và thực hiện công tác thực nghiệm sát với tình hình địa phương, thực sự, thực tế đạt hiệu quả cao.

- Đồng chí Hoàng Tuyển, Giám đốc Công an trực tiếp chỉ đạo lực lượng Công an huyện Bảo Thắng xây dựng kế hoạch, nội dung ý định diễn tập, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng biên phòng và các lực lượng khác trên địa bàn huyện, hoạt động đạt kết quả. Cử 1 đồng chí tham gia tổ trung tâm, xây dựng văn kiện ý định diễn tập.

- Đồng chí Trần Ngọc sắc chỉ đạo 2 đồn phối kết hợp chặt chẽ với dân quân 2 xã thống nhất kế hoạch và nội dung thực binh, cử 1 đồng chí tham gia tổ trung tâm.

- Đồng chí Nguyễn Đình Sanh chỉ đạo chặt chẽ khối quân sự phối kết hợp với các lực lượng làm tốt công tác chuẩn bị diễn tập. Trực tiếp chỉ đạo điều hành tổ trung tâm chuẩn bị các kế hoạch, văn kiện và nội dung thực nghiệm về các hoạt động của dân quân kết hợp biên phòng; các đồng chí khác theo chức năng chỉ đạo, kiểm tra các khối, các lực lượng làm tốt công tác, chuẩn bị cho diễn tập.

Điều 3. Chế độ làm việc và báo cáo:

Tối ngày 10-10-1989 Ban chỉ đạo họp phiên đầu tiên tại Văn phòng Tỉnh ủy nghe các đồng chí trong Ban chỉ đạo báo cáo kết quả triển khai các kế hoạch và công tác chuẩn bị.

- Ngày 20-10-89 kiểm tra lần cuối công tác chuẩn bị.

Huyện Bảo Thắng, các ngành, các đơn vị báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ nay đến khi triển khai thường xuyên báo cáo kết quả chuẩn bị về Ban chỉ đạo (qua Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh).

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực theo dõi tổng hợp tình hình, kết quả triển khai các mặt công tác chuẩn bị diễn tập báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban và Ban chỉ đạo và Quân khu II

Điều 4. Các đồng chí có tên trên, các sở, ban ngành, huyện Bảo Thắng, lực lượng địa phương, công an nhân dân, Bộ đội biên phòng chấp hành nghiêm túc, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác diễn tập TN 89 ở huyện Bảo Thắng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 34-BC/TU, ngày 10-10-1989

Về kiểm điểm về lãnh đạo công tác tư tưởng và nhiệm vụ công tác tư tưởng trong thời gian tới

Thi hành Chỉ thị 54 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin báo cáo kiểm điểm về lãnh đạo công tác tư tưởng trong thời gian qua và nhiệm vụ lãnh đạo tư tưởng trong thời gian tới để thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 7. Báo cáo này chỉ tập trung vào một số vấn đề cấp bách do tác động của tình hình trong nước và quốc tế hiện nay theo yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 7 như sau.

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO TƯ TƯỞNG VÀ TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG Ở NƯỚC TA

1. Công tác lãnh đạo tư tưởng trong 3 năm qua

Chức năng hàng đầu của Đảng là lãnh đạo chính trị tư tưởng. Nhận rõ trách nhiệm đó, từ Đại hội VI của Đảng đến nay, công tác tư tưởng được triển khai liên tục, toàn diện, sâu rộng và mạnh mẽ, mà nội dung cơ bản là quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 6, các nghị quyết của Bộ Chính trị, gắn với

các nghị quyết của Tỉnh ủy được cụ thể hóa để thực hiện đường lối chung và các nghị quyết của Trung ương.

Mục tiêu chủ yếu của công tác lãnh đạo tư tưởng đó là:

- Quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng ta. Qua đó, trên tinh thần đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế làm cho Đảng bộ và nhân dân nhận rõ được những sai lầm, khuyết điểm để sửa chữa, đi đôi với nhận thức được đường lối đổi mới tìm ra những hình thức, phương pháp, bước đi phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh ta để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Tạo được nhận thức thống nhất, nhất trí, quyết tâm phấn đấu đưa đường lối đổi mới đi vào cuộc sống, thành hiện thực trong sản xuất, quốc phòng, an ninh, xây dựng phong cách, đạo đức, lối sống, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, đạt được những mục tiêu ổn định mọi mặt của đời sống xã hội do Đại hội VI của Đảng và Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh đề ra.

Nắm vững nhiệm vụ và mục tiêu đó, ngay sau Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và kịp thời tổ chức các lớp ngắn ngày để nghiên cứu, nắm vững nội dung nghị quyết cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Tiếp đó, chúng ta đã coi trọng và kịp thời triển khai tuyên truyền, giáo dục, tổ chức nghiên cứu quán triệt các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 6, làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững 5 nguyên tắc lớn chỉ đạo công cuộc đổi mới, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, đã giải đáp kịp thời những băn khoăn, lo lắng trong cán bộ, ngăn ngừa những hình thức, những phương pháp đi chệch quỹ đạo xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, chúng ta cũng đã nghiêm túc triển khai nghiên cứu các Nghị quyết của Bộ Chính trị, nhất là Nghị quyết 10 về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp.

Để tạo được chuyển biến từ nhận thức đường lối, chính sách chung của Đảng đến hành động của quần chúng trong tỉnh, chúng ta đã rất coi trọng việc vận dụng vào điều kiện cụ thể của tỉnh ta,

Tỉnh ủy và Ban Thường vụ đã ra nhiều nghị quyết, chương trình để thực hiện các nghị quyết của Trung ương. Do đó, sau Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã kịp thời xây dựng được ba chương trình kinh tế, các nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đổi mới công tác quốc phòng, an ninh, chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 và nhiều chính sách kinh tế cụ thể về phát triển sản xuất lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Đồng thời, quán triệt tư tưởng đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã từng bước thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Trung ương về đổi mới tổ chức và cán bộ phù hợp với yêu cầu đòi hỏi. Nhờ đó, đã làm cho đường lối đổi mới của Đảng từng bước đi vào thực tiễn cuộc sống, ở tỉnh ta, gắn công tác tư tưởng và quản lý tư tưởng với đổi mới quản lý kinh tế, quản lý tổ chức làm cho tính giáo dục, thuyết phục cũng như chất lượng công tác tư tưởng được nâng lên. Đó là nhân tố quan trọng trong tiến trình đổi mới.

Cùng với phương châm đó, chúng ta đã thường xuyên lãnh đạo, giáo dục đổi mới và áp dụng cơ chế mới như chuyển từng bước sang hạch toán kinh doanh, thực hiện chính sách một giá, chính sách lưu thông hàng hóa, chính sách tài chính và tín dụng, kiểm chế lạm phát... đã tạo nên bước chuyển đổi lớn và có ý nghĩa quan trọng từ cuối năm 1988 đến nay.

Sản lượng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu được phát triển, sản phẩm hàng hóa tăng, nhất là lương thực, thực phẩm, giá cả tương đối ổn định, giá thị đồng tiền tăng lên, nhu cầu hàng hóa tiêu dùng của nhân dân được đáp ứng tốt hơn. Về an ninh, quốc phòng được sắp xếp bố trí lại cùng với việc thực hiện Thông báo 118 của Ban Bí thư, tình hình biên giới bớt căng thẳng, trật tự an ninh được bảo đảm, dân chủ được mở rộng, không khí chính trị, tư tưởng được đổi mới, cởi mở vui vẻ hơn.

Nói một cách tổng quát, trong mấy năm qua công tác tư tưởng được coi trọng đúng mức, luôn gắn việc làm thấm nhuần đường lối

đổi mới với đổi mới cơ chế quản lý, thúc đẩy sản xuất phát triển; luôn gắn việc thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng với vận dụng cho sát với đặc điểm của địa phương, bảo đảm tính thận trọng, từng bước, tính năng động sáng tạo nhưng phải bảo đảm đúng hướng, bám sát mục tiêu đổi mới là để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Do đó, nhìn chung chúng ta đã tạo được sự nhất trí, ủng hộ sự nghiệp đổi mới trong Đảng, trong nhân dân, chuyển đổi được tâm trạng bi quan, chờ đợi, thiếu tin, nay đã củng cố một bước quan trọng niềm tin, niềm phấn khởi trước những kết quả quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới. Những thành tích đó đã giúp cho chúng ta, cho nhân dân ta, nhìn thấy lối thoát ra khỏi khó khăn, khủng hoảng của nền kinh tế. Đó là nhân tố tốt và quan trọng nhất hiện nay tác động tốt đến việc ổn định tình hình chính trị, tư tưởng ở tỉnh ta hiện nay.

2. Những nhân tố trong nước và thế giới đang tác động đến tư tưởng

- Tuy sự nghiệp đổi mới đã thu được những kết quả quan trọng, song từ đầu năm 1989 đến nay lại phát sinh những khó khăn mới, đó là: nền kinh tế quốc doanh và tiểu thủ công nghiệp bị ách tắc, đình đốn, hàng hóa ứ đọng khá lớn không tiêu thụ được, số người mất việc làm và thiếu việc làm tăng lên đột ngột, xí nghiệp thiếu vốn, ngân sách thiếu hụt, không dễ gì xoay chuyển được tình hình một cách nhanh chóng.

Do đó, về đời sống vừa có bộ phận được cải thiện, vừa có bộ phận gặp khó khăn gay gắt hơn, nhất là số công nhân bị mất việc làm có tới ngót chục ngàn người. Mặt khác, tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội lại phát triển, nhất là tội giết người, cướp của, trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu, nghiện hút thuốc phiện... phát triển, làm cho đông đảo nhân dân hết sức lo lắng, bi quan về sự nghiệp đổi mới, về chủ nghĩa xã hội trước sự thoái hóa, biến chất của không ít người, đáng quan tâm nhất là thanh, thiếu niên, học sinh.

- Đối với đất nước ta, các lực lượng đế quốc, phản động đang chĩa mũi nhọn đả kích, cho rằng Đảng ta không mạnh dạn cải cách chính trị, vừa mở ra nay lại bóp nghẹt dân chủ, hạn chế tự do báo chí, tự do sáng tác văn hóa, văn nghệ. Chúng đã lưu hành rộng rãi ở nước ngoài và đã lén lút đưa vào nước ta những sách báo mang nội dung phản động để kích động biểu tình, bãi công đòi tự do dân chủ theo kiểu tư bản, đòi xét lại một số vụ án chính trị, tìm mọi cách tác động, lôi kéo một số người mà chúng cho là có tư tưởng chống đối Đảng và chế độ ta.

- Ở tỉnh ta, là một tỉnh miền núi, nhiều dân tộc, tỉnh biên giới giáp Trung Quốc, quan hệ giữa hai bên biên giới có bất cân bằng (...). Các thế lực thù địch vẫn tiến hành phá hoại ta về nhiều mặt, nguy hiểm nhất là hoạt động tình báo, gián điệp, gây cơ sở phản động, kích động chia rẽ các dân tộc (...).

- Đối với công cuộc cải cách, cải tổ ở một số nước xã hội chủ nghĩa, đã phát sinh những nhân tố khá gay go, phức tạp khủng hoảng cả về chính trị, kinh tế, xã hội, có nước đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ đang triệt để lợi dụng những khó khăn đó để thực hiện chiến lược chống phá chủ nghĩa xã hội bằng các thủ đoạn nguy hiểm như: tiếp tục thực hiện răn đe về quân sự, ra sức cổ vũ chủ nghĩa đa nguyên chính trị, đa đảng, công đoàn đối lập với Đảng Cộng sản để hạ thấp vai trò của Đảng, chống chủ nghĩa xã hội, đòi hỏi phải phát triển kinh tế tư nhân để đổi lấy quan hệ kinh tế với phương Tây, dẫn đến phụ thuộc vào chúng. Nguy hiểm nhất là tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, móc nối, mua chuộc, lôi kéo các phần tử bất mãn và chống đối để chống lại Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời chúng đang ra sức gieo rắc văn hóa đồi trụy, kích động đòi dân chủ cực đoan không có giới hạn, tố cáo chủ nghĩa xã hội vi phạm tự do, nhân quyền giả dối, kích động biểu tình, đình công, xung đột, bạo loạn. Lợi dụng những khó khăn mà các nước đang gặp phải để

rêu rao rằng chủ nghĩa xã hội đang tan rã, đang lao nhanh tới chỗ diệt vong. Tất cả những thủ đoạn đó của bọn đế quốc và phản động là nhằm làm cho quần chúng mất phương hướng, mất lòng tin và hỗn loạn về tư tưởng, hòng lái các nước xã hội chủ nghĩa đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trong khi đó, ở một số nước xã hội chủ nghĩa lại để cho một số tổ chức chống chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động, để cho những phần tử cơ hội gây rối về chính trị, phủ nhận những thành tựu lịch sử vĩ đại của chủ nghĩa xã hội, để cho các phương tiện thông tin đại chúng tùy tiện phát biểu những quan điểm sai trái...

- Đó là những nhân tố tác động đến tư tưởng rất phức tạp và rất nguy hiểm nếu như chúng ta không kiên quyết, kịp thời đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục thì không thể bảo đảm ổn định về chính trị để yên tâm phát triển kinh tế - xã hội. Song, tỉnh ta là một tỉnh miền núi vừa bất lợi vì những đường lối, chính sách của Đảng chậm đến với quần chúng, song cũng có thuận lợi là những tư tưởng, quan điểm lệch lạc, sai trái, những hiện tượng thoái hóa, biến chất, sa đọa trên thế giới và trong nước chậm bị ảnh hưởng tác động vào tỉnh ta.

3. Tuy nhiên với tinh thần nghiêm túc kiểm điểm về tư tưởng, đạo đức, lối sống đối chiếu với tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 cũng có những sai sót, khuyết điểm, lệch lạc như sau:

a) Đối với đường lối đổi mới của đảng ta.

Sau Đại hội VI của Đảng, nhìn chung cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi ủng hộ đường lối đổi mới, song còn nặng tâm trạng chờ đợi và một số ít thuộc loại cán bộ hiểu biết thì còn nghi ngờ đổi mới sẽ đưa đất nước ta đi lệch con đường xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, một số ít cán bộ, đảng viên còn tâm trạng nóng vội, muốn thay đổi, thay thế tất cả cơ chế, thiếu tin vào đội ngũ cán bộ đương thời có thể dứt bỏ được cơ chế quan liêu, bao cấp. Mặt khác,

tư tưởng bảo thủ, cũ kỹ, trì trệ, chưa thực sự đổi mới cũng còn nặng, nhất là ở nông thôn.

Từ cuối năm 1988 đến nay, lòng tin vào đường lối đổi mới được củng cố một bước quan trọng, song tình hình kinh tế, xã hội, trật tự, an toàn xã hội lại phát sinh những khó khăn gay gắt mới, nhất là tình hình thiếu việc làm, tình hình tội phạm và tai tệ nạn xã hội phát triển làm phát sinh tư tưởng nghi ngờ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, của cơ chế kinh tế mới vì tình trạng thất nghiệp và đạo đức lối sống xuống cấp nghiêm trọng như tình trạng giết người, cướp của, cờ bạc, nghiện hút thuốc phiện, sản xuất đình đốn, tài chính thiếu hụt, đời sống khó khăn, nhất là số lao động không có việc làm.

Thực hiện đổi mới về quốc phòng thì phát sinh tư tưởng cho là ta mất cảnh giác, sợ mắc mưu hòa bình, đối thoại của địch. Số sĩ quan phải về hưu sớm, phục viên hoặc đi lao động nước ngoài đang diễn ra tâm trạng nặng nề, chiến sĩ ra quân cho là bị thất nghiệp. Anh em công nhân không có việc làm đang trong tư tưởng bị quan, cho rằng bị xí nghiệp, bị Nhà nước bỏ rơi, trong khi một số ít cán bộ lãnh đạo xí nghiệp lại có hiện tượng lợi dụng cơ chế mới để lo cho cuộc sống riêng, thiếu quan tâm tới đời sống người lao động.

Các đối tượng hưởng chính sách xã hội cũng lo lắng vì chậm trả lương, trợ cấp khó khăn cho người ăn theo chưa thực hiện được, lại phải nộp thêm một số loại lệ phí mới, càng phát sinh nhiều thắc mắc, kêu ca.

Ở vùng cao, sau khi hạn cấp hàng loạt hợp tác xã mang tính chất hình thức xuống tổ đổi công, tổ đoàn kết, thực chất là làm ăn cá thể, ít người nghĩ tới đường lối đổi mới, tới chủ nghĩa xã hội.

Ở các xí nghiệp chuyển sang hạch toán, quyền hành và trách nhiệm của giám đốc tăng lên, cũng phát sinh hiện tượng và tâm trạng lo lắng về vai trò lãnh đạo của Đảng ủy đang ngày càng giảm xuống. Có chỗ mới được triển khai thực hiện, nói chung được đông đảo nhân dân ủng hộ, song một bộ phận cán bộ, đảng viên có

trình độ nhận thức nhất định, có mặt phần khởi, song cũng có tâm trạng lo lắng, sợ chúng ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa, rơi vào con đường tư bản chủ nghĩa.

Đó là những vấn đề lớn nếu không được khắc phục từng bước và kịp thời sẽ là môi trường tốt cho kẻ thù và những phần tử bất mãn, cơ hội lợi dụng để gây rối về chính trị tư tưởng.

b) Về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản:

- Sự nghiệp cải cách, cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa được coi là sự tất yếu trong quá trình tìm tòi những con đường để đi tới hoàn thiện. Song, do những nguyên nhân nêu trên ở một số nước đang diễn ra khủng hoảng cả kinh tế và chính trị, tư tưởng, về tổ chức đảng, thậm chí có cả xung đột vũ trang. Do đó tâm trạng chung của cán bộ, đảng viên và nhân dân, mà chủ yếu là cán bộ có trình độ nhận thức, cán bộ, đảng viên lâu năm rất lo lắng cho cách mạng của các nước này, nhất là đối với Liên Xô, trụ cột của chủ nghĩa xã hội.

- Bên cạnh đó, kẻ thù lại ra sức tuyên truyền chống phá chủ nghĩa xã hội cho nên một số ít cán bộ hoài nghi về mặt lý luận là tiến lên chủ nghĩa xã hội có phải là sự tất yếu là quy luật khách quan hay không. Nền kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa đã phát sinh nhiều vấn đề rất cơ bản là: năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém, sản xuất phát triển chậm, thậm chí bị giảm sút, trật tự xã hội, tội phạm tăng, đời sống kém hơn một số nước tư bản, dẫn đến tư tưởng hoài nghi về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội như lý luận này đã nói, có phải đó là do sai lầm về quản lý hay do bản chất của chủ nghĩa xã hội và không ít tư tưởng lãng quên những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội.

- Về một số vấn đề mà một số nước xã hội chủ nghĩa đang thực hiện như: Dân chủ và công khai không giới hạn, vấn đề cải cách chính trị, chấp hành đa nguyên chính trị, đa đảng, đa công đoàn và việc xem xét lại một số sự kiện trong lịch sử ở một số nước... Nói chung những cán bộ có hiểu biết và quan tâm đến vấn đề này nhất

trí cho rằng đó là những chủ trương, những quan điểm sai lầm, đó cũng là nguyên nhân dẫn đến sự nổi loạn ở một số nước.

Song về những vấn đề đó cũng có không ít cán bộ, đảng viên chưa phân biệt được đúng, sai như thế nào, nay cần được phân tích, khẳng định để ổn định nhận thức, tư tưởng. Còn đa số nhân dân do thiếu thông tin nên chưa quan tâm tới vấn đề quá phức tạp này.

- Về chủ nghĩa tư bản, do trong nhiều năm qua không có chiến tranh lớn, các nước tư bản đã lợi dụng được môi trường này, áp dụng những thành tựu khoa học mới nhất vào sản xuất, tìm cách thích nghi với thời đại, mị dân, nên đã hạn chế được mâu thuẫn, phát triển được sản xuất. Trong khi đó, không những công tác tư tưởng chưa được làm tốt, trong công tác tuyên truyền nhiều khi lại quá đề cao chúng, nhất là đối với một số nước công nghiệp mới ở châu Á, lại bị hàng hóa của chúng làm cho không ít người choáng mắt dẫn đến không vững vàng về quan điểm giai cấp, không thấy rằng bản chất của chủ nghĩa tư bản không hề thay đổi, mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại, nhất định tất yếu sẽ dẫn đến sự diệt vong.

- Vấn đề đấu tranh cho hòa hoãn, đối thoại, bảo vệ hoà bình, thực chất cũng là một hình thức đấu tranh giai cấp không kém phần gay gắt, quyết liệt, nhưng cũng có một số đồng chí chúng ta cho rằng không còn khả năng chiến tranh, dẫn đến mơ hồ, mất cảnh giác, lãng quên, hạ thấp đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường, thậm chí cá biệt còn có tư tưởng cho là không còn đấu tranh giai cấp.

Trong thực hiện chủ trương mở rộng kinh tế đối ngoại cũng phát sinh tư tưởng cho là cái gì của chủ nghĩa tư bản cũng tốt, cái gì của chủ nghĩa xã hội cũng không tốt, sùng bái quá mức hàng hóa của tư bản, ca ngợi quá mức những “con rồng, con hổ” châu Á. Do đó đã du nhập quá mức hàng hóa và cả văn hóa phẩm đồi trụy của tư bản vì lợi ích kinh tế đơn thuần và cục bộ, bất chấp tác hại

của chúng. Cũng do đó một số ít người cho rằng quan hệ kinh tế với tư bản có lợi hơn, thiếu coi trọng tăng cường, quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa, không thấy rằng các nước xã hội chủ nghĩa vẫn luôn luôn là chỗ dựa rất quan trọng của chúng ta. Ở tỉnh ta trong thời gian qua, thực hiện Thông báo 118 cũng mắc một số khuyết điểm tuy chưa lớn, song cũng gây tác hại cả về kinh tế và tư tưởng, về tinh thần cảnh giác (...).

c) Về vấn đề phát huy dân chủ.

Đảng ta chủ trương phát huy dân chủ nhưng là dân chủ với nhân dân lao động, dân chủ có lãnh đạo, theo nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cực kỳ quan trọng. Nhưng do nhận thức không đầy đủ, lại bị nhiễm những luận điệu tuyên truyền của kẻ thù nên cũng đã xuất hiện tư tưởng và hành vi lợi dụng dân chủ, công khai để đả kích, bôi đen, làm mất uy tín cán bộ, thậm chí hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng vì động cơ cá nhân ở nơi này, nơi khác. Trên nhiều trường hợp và không ít người chưa thật sự thông suốt với nguyên tắc dân chủ có lãnh đạo, thậm chí có ít người có thái độ đối lập dân chủ và lãnh đạo, thực chất là dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản.

Ngược lại, trong chúng ta cũng còn tồn tại tình trạng quan liêu, gia trưởng, không tôn trọng quyền dân chủ, quyền làm chủ của quần chúng lao động, còn những hiện tượng trù dập, ức hiếp quần chúng, xâm phạm quyền làm chủ của người lao động.

d) Trên lĩnh vực báo chí, văn hóa, văn nghệ.

Cũng còn có nhiều khuyết điểm, một số cán bộ, đảng viên, thanh niên không phân biệt được đúng, sai, tốt, xấu đối với nhiều tác phẩm văn học, vở diễn, bộ phim có nội dung lập lờ, hai mặt, không phân biệt được đó là đổi mới hay tác phẩm xấu, nên lưu hành hay không nên lưu hành, lẫn lộn thế nào là xấu, thế nào là tươi mát.

Trong một số ít cán bộ đảng viên, đoàn viên và thanh niên cũng đã có những hiện tượng đồng tình, tán thưởng đối với một số

văn hóa phẩm, tác phẩm miêu tả hiện thực đen tối, khơi lại những sai lầm trước đây, đả kích lớp cán bộ này, lớp cán bộ khác, thậm chí đả kích cả chiến tranh cách mạng, giải phóng dân tộc. Một số không ít người đã một thời say xưa với những văn hóa phẩm kích động tình dục, kích động bạo lực, mê tín... Trong khi đó các cuốn sách chính trị lâu nay lại không được coi trọng, rất ít người mua, người đọc, nhất là đối với thanh niên.

Ở một số rất ít người cũng đã có trường hợp tỏ thái độ cho rằng “đã đến lúc chúng ta phải nổi loạn”, ý nói phải đấu tranh đòi tự do sáng tác, tự do thông tin, thoát ly sự lãnh đạo của Đảng.

đ) Về xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Đảng ta chủ trương xây dựng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Nhưng do kinh tế quốc doanh đang gặp khó khăn lớn, do đó đã có nhiều người suy nghĩ nghi ngờ tính ưu việt và hiệu quả của kinh tế quốc doanh, đó là bản chất hay là do sai lầm về cơ chế quản lý vẫn đang là câu hỏi chưa được giải đáp. Nhiều người đã tỏ thái độ ca ngợi kinh tế tư nhân năng động hơn, hiệu quả hơn và cũng có tư tưởng tư nhân hóa những xí nghiệp mà sản phẩm không ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế chung.

Ở nông thôn, phổ biến cán bộ, đảng viên coi nhẹ vai trò của kinh tế tập thể, dẫn đến buông trôi, khoán trắng cho gia đình nhận khoán, không đứng ra làm tốt các khâu dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất, hỗ trợ các gia đình nhận khoán. Ở vùng cao, mới là hạ cấp hợp tác xã xuống tổ đội công, đoàn kết sản xuất, nhưng thực chất là làm ăn cá thể như cũ, chưa có cơ chế để phát huy vai trò đổi công, đoàn kết và cũng chưa có tổ chức dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất, như vậy làm sao phát triển lực lượng sản xuất, tạo cơ sở để từng bước đi lên con đường tập thể.

Về phát triển kinh tế gia đình, tư nhân, cá thể tuy mới thực hiện, song cũng đã khơi dậy được những tiềm năng phong phú, đa dạng, nhưng còn mang nặng tính chất tự phát, không có sự hướng

dẫn chung đi vào sản xuất, đa số lao vào kinh doanh buôn bán, kể cả buôn lậu, trốn thuế... nhiều người phát đạt, song cũng không ít người phá sản, kể cả một số cán bộ, công nhân viên.

Trong khi đó, nói chung thương nghiệp quốc doanh lúng túng khi chuyển sang hạch toán kinh doanh, đã bị tư thương, hàng ngoại lấn át, vai trò chủ đạo của thương nghiệp quốc doanh chưa được phát huy, nhiều khi còn bị thua lỗ.

Tóm lại là, trong gần 3 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta đề xướng, chúng ta đã nỗ lực vận dụng vào thực hiện với tinh thần tích cực, năng động, sáng tạo nên tuy thời gian còn ít, khó khăn của tỉnh ta còn nhiều, nhưng chúng ta đã thu được những kết quả quan trọng, củng cố lòng tin vào đường lối đổi mới, vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng.

Song, về phương diện tư tưởng còn nhiều vấn đề, chủ yếu là: Tuy tán thành và ủng hộ đổi mới, nhưng nhận thức còn có mức độ về mục tiêu đổi mới là để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, còn lúng túng về giới hạn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, dẫn đến tồn tại những băn khoăn, lo lắng trong chính sách đổi mới, sợ không khéo sẽ dẫn chúng ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa, đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản và ngược lại cũng còn một số ít quan niệm cho là chúng ta chưa đổi mới mạnh mẽ.

Đối với sự nghiệp cải cách, cải tổ của các nước xã hội chủ nghĩa, tâm trạng chung là không tán thành và lo lắng về chủ nghĩa đa nguyên chính trị, về dân chủ, công khai không có giới hạn, về cải cách chính trị ở một số nước. Song cũng không phải là không có vấn đề trong tư tưởng về vấn đề này ở một số ít người, chúng ta cần phải quan tâm để tạo sự nhất trí cao về đường lối, mục tiêu đổi mới trong Đảng trong nhân dân tỉnh ta.

Về vấn đề dân chủ, công khai, còn có cả biểu hiện quan liêu, độc đoán, trù dập, ức hiếp quần chúng và cũng có xuất hiện những tư tưởng đòi dân chủ, công khai không có giới hạn, còn có một số người tư tưởng cho là đã có lãnh đạo thì không còn dân chủ thật sự

hoặc còn có lợi dụng dân chủ, lợi dụng công khai vì động cơ cá nhân, có một số ít có tư tưởng hạn thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, nhất là trong kinh tế và ở cơ sở.

Về kinh tế, còn tâm trạng hoài nghi tính ưu việt của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, ca ngợi kinh tế tư nhân, cá thể, kinh tế tư bản chủ nghĩa, tuyệt đối hóa cơ chế thị trường, dẫn đến những sai sót trong quản lý, ảnh hưởng tới tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Song, vấn đề lớn nhất là biểu hiện của tư tưởng thiếu cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn tấn công chống phá chủ nghĩa xã hội đang rất ráo riết, quyết liệt và nham hiểm của bọn đế quốc và phản động bằng tuyên truyền xuyên tạc, truyền bá văn hóa đồi trụy, hòng làm thoái hóa, biến chất cán bộ, đảng viên, nhân dân ta, bằng các thủ đoạn kinh tế, bằng tình báo gián điệp, kích động đòi đa nguyên chính trị, đòi dân chủ tự do tư sản và luận điệu nhân quyền giả dối, kích động chia rẽ xung đột, đình công, biểu tình, gây rối, thực hiện diễn biến hoà bình hòng lái các nước xã hội chủ nghĩa đi vào quỹ đạo tư bản chủ nghĩa.

Nguyên nhân của tình hình đó là do:

- Chúng ta chưa nhận thức đúng vị trí quan trọng của công tác quản lý tư tưởng và đấu tranh tư tưởng nhằm thống nhất nhận thức, quan điểm trong công cuộc đổi mới và trong tình hình âm mưu của bọn đế quốc và phản động chống chủ nghĩa xã hội hiện nay.

- Coi nhẹ cuộc đấu tranh chống các lực lượng thù địch, cuộc đấu tranh giai cấp, cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, bằng những phương pháp thích hợp với điều kiện mới của thời đại. Chưa chú trọng vạch trần những bản chất, những âm mưu và hành động ráo riết chống chủ nghĩa xã hội của bọn đế quốc và phản động thế giới.

- Coi nhẹ lãnh đạo và quản lý lỏng lẻo về hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí còn có lúc mơ hồ, lẫn lộn tốt, xấu, đúng, sai trong

chỉ đạo nhất là ở cơ sở đảng để cho văn hóa đôi trọi lan tràn, tuyên truyền cải cách, cải tổ qua những tin bài sách báo về cải cách, cải tổ trái với quan điểm của Đảng ta.

- Các cấp ủy Đảng, các đồng chí cán bộ lãnh đạo và đảng viên, buông lỏng lãnh đạo tư tưởng và đấu tranh tư tưởng, vai trò lãnh đạo tư tưởng ở nhiều nơi bị lu mờ, bị hạ thấp, nhiều cán bộ còn nặng tư tưởng kinh tế đơn thuần, tư tưởng thực dụng, ít nói về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản, về đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Công tác tổng kết, lý giải những vấn đề thực tiễn nảy sinh chưa kịp thời, lúng túng trong việc phát hiện đúng, sai, thiếu đấu tranh và thiếu thông tin để không ngừng tăng cường trận địa xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, chất lượng và sức chiến đấu của nhiều cán bộ, đảng viên còn rất yếu, nhất là ở nông thôn, ở cơ sở sản xuất, nhiều khi không đủ sức giáo dục, thuyết phục quần chúng. Trong giáo dục và đấu tranh tư tưởng còn hiện tượng lúc tả, lúc hữu.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ TỐI

Để thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 7 và Chỉ thị 54 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ nay đến hết năm 1989, các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả những công tác trọng tâm sau đây:

1. Tiến hành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong Đảng bộ, các đoàn thể, các cơ sở xã, các cơ quan, xí nghiệp, trường học để quán triệt Nghị quyết Trung ương 7, nhằm:

- Khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội, những thành tựu vĩ đại và tính ưu việt của hệ thống xã hội chủ nghĩa, củng cố lập trường giai cấp công nhân, củng cố lòng tin vào chủ nghĩa xã hội.

- Khẳng định tính tất yếu khách quan và phương hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình đổi mới, nhằm tìm ra những hình thức, những phương pháp để thực hiện cho được mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Nhận rõ bản chất và con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, trước mắt tập trung chống những âm mưu lợi dụng đổi mới, cải cách, cải tổ để chống các nước xã hội chủ nghĩa (...).

- Không ngừng giáo dục trong Đảng và nhân dân, lòng kiên trì thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở 5 nguyên tắc mà Nghị quyết Trung ương 6 đã đề ra và những chính sách đổi mới của Đảng. Chú ý những vấn đề cơ bản là:

Về lâu dài, làm cho sở hữu xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân, coi trọng hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Khẳng định rõ quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, thực hiện chuyên chính vô sản trên cơ sở đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị, không chấp nhận đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động. Tiếp tục mở rộng dân chủ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, nhưng là dân chủ của công nhân, nông dân, trí thức, muốn nắm vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Quyết tâm xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, coi trọng xây dựng văn hóa trong công nhân, cho nông thôn, cho vùng cao, xa xôi, chống mê tín dị đoan, chống kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy. Khẳng định vai trò Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng chỉ đạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định sức mạnh của cách mạng nước ta là sức mạnh tổng hợp, sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới, tăng cường đoàn kết quốc tế.

- Nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tăng cường đoàn kết

trong Đảng, thống nhất ý chí và hành động của toàn xã hội, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong Đảng cũng như trong nhân dân các dân tộc.

2. Đổi mới và tăng cường lãnh đạo tư tưởng và quản lý tư tưởng của toàn Đảng bộ, kết hợp quản lý tư tưởng với quản lý kinh tế, quản lý tổ chức, cụ thể là:

a) *Cấp ủy Đảng*, trước hết là đồng chí bí thư, trong vai trò lãnh đạo toàn diện, phải coi trọng lãnh đạo tư tưởng, coi đó là công tác quan trọng số một, không khoán trắng cho cơ quan chuyên môn, không dồn đẩy lên cấp trên, mỗi cán bộ, đảng viên cũng phải xác định rõ vai trò lãnh đạo tư tưởng của mình và làm tròn trách nhiệm đó.

b) *Trong vai trò quản lý toàn diện của Nhà nước*, cần coi trọng quản lý tư tưởng và văn hóa, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định của Nhà nước về sáng tác, xuất bản, lưu hành văn hóa phẩm, báo chí, trừng trị thích đáng những kẻ vi phạm pháp luật, đồng thời giành phần đầu tư thỏa đáng cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... góp phần xây dựng con người mới, xã hội mới.

c) *Ban lãnh đạo các đoàn thể quần chúng* phải thật sự đổi mới phong cách hoạt động, thường xuyên giáo dục, vận động quần chúng nắm chắc tư tưởng, nguyện vọng của quần chúng, tập hợp làm sao để quần chúng luôn luôn gắn bó với tổ chức của mình, cán bộ gắn bó với đoàn viên, hội viên, đặc biệt là đối với Đoàn thanh niên và Liên đoàn Lao động các cấp, bảo đảm luôn luôn đoàn kết và trung thành với sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân các dân tộc tỉnh ta.

d) *Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, nhất là tuyên truyền miệng*. Các đồng chí cấp ủy từ tỉnh đến các huyện, thị, đảng ủy, chi ủy phải thường xuyên xuống cơ sở, gặp gỡ, đối thoại với công nhân, nông dân, lực lượng vũ trang, cán bộ về

hưu, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, với học sinh chuyên nghiệp và phổ thông, để hiểu rõ quần chúng và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, giải đáp và giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh; tiếp tục thực hiện tốt và thiết thực tinh thần “ngày chính trị” ít nhất mỗi quý một lần ở cơ sở (không thống nhất vào một ngày như trước nữa).

Công tác thông tin phải theo định hướng của Đảng, bảo đảm chính xác, bảo vệ bí mật, lấy phục vụ chủ nghĩa xã hội và đoàn kết quốc tế xã hội chủ nghĩa làm mục đích cao nhất. Phải thông tin kịp thời các nhân tố mới để củng cố niềm tin. Phải góp phần đấu tranh chống tiêu cực, đấu tranh với những hành vi lợi dụng dân chủ, công khai để xuyên tạc, vu cáo, gây rối nội bộ. Phải rất coi trọng giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cho đảng viên, cho nhân dân, nhất là cho thanh, thiếu niên, học sinh.

Công tác báo chí, xuất bản, phát hành văn hóa phẩm cũng phải được lãnh đạo chặt chẽ, uốn nắn những lệch lạc, khuyết điểm, loại trừ những ấn phẩm trái với quan điểm của Đảng và những văn hóa phẩm đồi trụy.

đ) Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên theo hệ tập trung và tại chức. Đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận phải nắm chắc các nghị quyết của Đảng và phải bám sát thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm từ thực tiễn để qua bồi dưỡng lý luận mà lý giải được những đòi hỏi của thực tiễn, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, phục vụ đổi mới của Đảng.

Mặt khác, phải củng cố tốt các trong Đảng và các trung tâm chính trị, bảo đảm hoạt động thiết thực và có hiệu quả.

e) Lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị: Công tác lãnh đạo tư tưởng phải gắn liền với lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống. Từ nay đến hết năm tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm mà Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp

hành Tỉnh ủy đã đề ra, phấn đấu hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, làm cơ sở ổn định đời sống, ổn định tư tưởng và trật tự an ninh trong tỉnh.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

1. Tập thể cấp ủy phải chịu trách nhiệm lãnh đạo triển khai nghị quyết, từng cấp ủy viên phải trực tiếp triển khai thực hiện trên cương vị của mình theo sự phân công của tập thể một cách cụ thể. Song, trước hết là đồng chí bí thư và phó bí thư đảng bộ mỗi cấp phải chịu trách nhiệm chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ đợt sinh hoạt này bảo đảm thông suốt xuống cơ sở.

2. Tập thể các cơ quan lãnh đạo đoàn thể quần chúng và Mặt trận phải triển khai thực hiện thuộc hệ thống đoàn thể mình, trước hết là đối với cán bộ lãnh đạo các cấp và tập trung chỉ đạo ở cơ sở, nhất là các cơ sở trọng điểm. Từ đợt này phải tìm cách để đổi mới hoạt động của toàn bộ hệ thống đoàn thể mình cho thiết thực và hiệu quả.

Các đồng chí lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất kinh doanh và sự nghiệp phải phối hợp chặt chẽ với cấp ủy và các đoàn thể cơ sở triển khai ở đơn vị mình.

3. Các cơ quan của Đảng phải tập trung làm tốt đợt sinh hoạt chính trị ở cơ quan mình một cách thận trọng, để sau đó tập trung giúp cấp ủy triển khai xuống cấp dưới thuộc hệ thống Đảng, Nhà nước và đoàn thể, coi trọng công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm, bổ khuyết kịp thời những nơi làm không chặt chẽ, không thấu suốt xuống cơ sở.

4. Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo như kế hoạch đã quy định (chú ý bảo vệ và thu hồi tài liệu khi triển khai xong, tập trung tài liệu Nghị quyết Trung ương 7 về Văn phòng Tỉnh ủy, chỉ để lại nghị quyết cho các đồng chí thường vụ, bí thư huyện, thị, Đảng ủy).

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta, trên tinh thần thấm nhuần sâu sắc những quan điểm của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ của năm 1989, lập thành tích chào mừng ngày lễ lớn năm 1990.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-CT/TU, ngày 15-11-1989

Về việc khảo sát 2 năm thực hiện Nghị quyết 10

Việc triển khai Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp đã được 2 năm và đã phát huy tốt tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm. Song thực tế cũng bộc lộ một số khuyết nhược điểm, tình trạng khoán trắng cho người nhận khoán khá phổ biến, làm giảm vai trò của kinh tế tập thể, hạn chế sản xuất hàng hóa phát triển toàn diện, mạnh mẽ.

Để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết nhược điểm, từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiến hành một đợt khảo sát tình hình hợp tác xã sau 2 năm thực hiện nghị quyết nói trên.

1. Nội dung và yêu cầu

Vì thời gian có hạn nên tập trung vào mấy nội dung yêu cầu chính sau đây:

+ Thực trạng tình hình đổi mới cơ chế quản lý trong hợp tác xã, thực hiện cơ chế khoán mới, tập trung vào những vấn đề chính là:

- Đổi mới phương hướng sản xuất.
- Quản lý tư liệu sản xuất, quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm.
- Đổi mới bộ máy quản lý và cán bộ hợp tác xã, vai trò của Ban Quản trị.
- + Tình hình thực hiện các chính sách xã hội ở nông thôn, đời sống vật chất của nông dân.
- + Tình hình thực hiện vai trò lãnh đạo của cơ sở đảng, vai trò quản lý của chính quyền và hoạt động của các đoàn thể quần chúng ở nông thôn phục vụ việc thực hiện cơ chế khoán mới theo Nghị quyết 10 và Nghị quyết 02.

2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì việc khảo sát và tổng kết kết quả khảo sát, có sự tham gia của Ban Kinh tế Tỉnh ủy, nhằm có chủ trương, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết nhược điểm.

Để khảo sát kết quả cần có kế hoạch hướng dẫn cụ thể cho các ban ngành huyện thị thực hiện, đồng thời cử một số cán bộ trực tiếp khảo sát một số điểm.

- Các huyện, thị ủy giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thị chỉ đạo các xã khảo sát báo cáo và trực tiếp có cán bộ khảo sát một số cơ sở hợp tác xã để tổng kết chung.

- Các ban của Tỉnh ủy, các sở và các đoàn thể quần chúng như: Ban Kinh tế, Ban Tổ chức, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Hội Liên hiệp Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ; các Sở Nông - lâm nghiệp, Lao động Thương binh và xã hội, Giáo dục, Y tế, Văn hóa - thông tin... cần tham gia vào việc khảo sát của tỉnh và tự khảo sát chức năng của ngành để báo cáo về tỉnh.

Đợt khảo sát này cố gắng làm xong vào khoảng trung tuần tháng 12-1989.

Yêu cầu các cấp, các sở, ban ngành đoàn thể lưu ý thực hiện và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh theo thời hạn nói trên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 36-BC/TU, ngày 30-11-1989

Về công tác quần chúng và sự hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể quần chúng từ Đại hội VI của Đảng đến nay

Hoàng Liên Sơn là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc. Diện tích 14.852 km² chia làm 3 vùng rõ rệt. Vùng thấp, vùng giữa, vùng cao biên giới (có 284 km đường biên giáp Trung Quốc), trong đó 73% (1,1 triệu ha) diện tích là đất lâm nghiệp nhưng đất có rừng chỉ có 26 vạn ha, 20 vạn ha đất nông nghiệp, còn lại là đất trống, đồi núi trọc, độ dốc cao và bị chia cắt bởi ba dãy núi Hoàng Liên Sơn, con Voi, Tây Côn Lĩnh, sông Hồng, sông Chảy và trên 40 con suối lớn.

Dân số toàn tỉnh 1.032 triệu người gồm 26 dân tộc anh em, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 564.000 người chiếm 55% (sau người Kinh thì dân tộc Mông 14 vạn người, Tày hơn 15 vạn người, Dao 10 vạn người, Thái 7 vạn người, Nùng 3 vạn người, Giáy 2 vạn người...), đồng bào sống xen kẽ trên địa bàn 346 xã phường, thị trấn, thuộc 17 huyện thị. Đặc biệt có 134 xã vùng cao thì 27 xã giáp biên giới Trung Quốc. Do đặc điểm lịch sử và đi lại khó khăn nhiều nơi ở vùng cao, biên giới còn lạc hậu tập quán nặng nề, mê tín dị đoan. Nhiều người ở vùng biên giới có quan hệ

dân tộc, thân tộc với đồng bào bên Trung Quốc. Trong số 4 vạn dân công giáo toàn tỉnh đặc biệt có hơn 2.000 người dân tộc Mông sống ở vùng cao theo đạo Thiên Chúa.

Mặt trận Tổ quốc cơ sở có ở 341 xã phường gồm 7 vạn hội viên, 5.000 cụ trong hội bảo thọ. Độ tuổi thanh niên có 25 vạn chiếm 25,7% dân số, trong đó có 60.683 đoàn viên thanh niên cộng sản ở 1.037 cơ sở đoàn, chiếm gần 30% so với tổng số thanh niên, Hội Nông dân các xã đều có chi hội với hơn 7,23 vạn hội viên. Hội Phụ nữ có 120.878 hội viên ở 346 chi hội. Liên đoàn Lao động tỉnh có tổ chức ở tất cả các cơ quan, xí nghiệp với hơn 9 vạn đoàn viên.

1. Tình hình quần chúng

Những biểu hiện chuyển biến tốt từ sau khi có Nghị quyết Đại hội Đảng VI, các tầng lớp nhân dân phấn khởi vì Đảng nói thẳng, nói thật những thành tựu sẽ đạt được, nêu rõ những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đúng đắn về xây dựng chủ nghĩa xã hội, những chính sách kinh tế nhằm ổn định và đưa đất nước tiến lên.

Năm 1987 - 1989 tình hình giá cả tăng, đồng tiền mất giá, trật tự trị an xã hội ngày càng xấu, đời sống của quần chúng nhất là công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang càng khó khăn hơn. Nên các tầng lớp quần chúng tỏ ra băn khoăn, lo lắng, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục giảm sút.

Từ đầu năm 1989, đó thực hiện chính sách 1 giá, kiềm chế lạm phát, tự do lưu thông hàng hóa... vật giá ổn định, hàng tiêu dùng phong phú, giá trị đồng tiền tăng lên. Tâm trạng các tầng lớp quần chúng biểu hiện như sau:

a) Trong công nhân, viên chức

Do tác động của nhiều chính sách kinh tế mới giá ổn định, lương thực, thực phẩm, hàng hóa nhiều, chất lượng nâng lên, mua bán dễ dàng thuận tiện, đời sống dễ chịu hơn, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố và nâng lên rõ rệt.

Nhưng lại bộc lộ một số khó khăn mới, khu vực hành chính sự nghiệp ngân sách thiếu hụt nghiêm trọng, lương còn chậm, trợ cấp khó khăn chưa có, khu vực sản xuất, kinh doanh thiếu vốn ứ đọng sản phẩm, sản xuất đình đốn, công nhân phải nghỉ việc “tự túc” 12.000 người, rất ít cơ sở bảo đảm được sản xuất, công nhân không đủ việc làm nhiều người làm những việc tạm thời, thất thường (khối công nghiệp 40%), khối xây dựng cơ bản 40%, khối nông - lâm nghiệp 20%, giao thông vận tải 40%, lưu thông phân phối 20% phải nghỉ việc.

Tình trạng trên làm cho công nhân, viên chức thiếu gắn bó với cơ quan, xí nghiệp mọi người phải tự tìm cách để nuôi sống bản thân và gia đình. Nhiều người muốn xin thôi việc, hưởng mỗi năm 1 tháng lương hoặc xin hưu trí. Trật tự an toàn kém, trộm cắp, trấn lột tăng lên, một số vụ bắn giết nhau nghiêm trọng, quần chúng thiếu yên tâm và lo không biết đến bao giờ mới khắc phục được.

b) Nông dân

Từ khi có Nghị quyết 10 và Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy, chính sách thu mua nông sản thực phẩm đúng đắn, quan hệ hai chiều giữa nông dân và cơ quan làm dịch vụ của Nhà nước được cải tiến bớt đi tình trạng ép cấp, ép giá, v.v. và nhiều chính sách, biện pháp khuyến khích sản xuất nên nông dân nhìn chung phấn khởi sản xuất phát triển tốt.

- Ở vùng thấp: Bà con nông dân tự tính toán, nắm chắc phần thu nhập của mình (từ 30 đến 45%) và phần làm nghĩa vụ nên họ yên tâm, tích cực sản xuất và làm nghĩa vụ, hăng hái ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, gắn bó với ruộng đất hơn.

Tuy nhiên, nhiều nơi bà con thắc mắc giá thóc Nhà nước thu thuế bằng tiền là 350 đồng kg nhưng giá thị trường chỉ được 280 - 300 đồng kg, giá vật tư lại cao hơn thị trường tự do. Một số nơi nông dân liên kết trồng chè cho quốc doanh giá đầu tư quá thấp, họ không muốn làm.

- Ở vùng cao: Chủ yếu là sản xuất cá thể. Ở vùng biên giới tỉnh cho mở 6 điểm cho nhân dân đi lại mua bán hàng thiết yếu và thăm hỏi người thân nên bà con phấn khởi yên tâm sản xuất. Nhưng cũng phần nào ảnh hưởng đến sản xuất vì một số xã có tới trên 90% số hộ có người đi chợ Trung Quốc. Từ khi mở cửa đến nay có 9.725 người Việt Nam sang Trung Quốc và 3.925 người Trung Quốc sang bên ta.

Một số nơi ở vùng cao có tình trạng xen canh xen cư lẫn nhau, tranh chấp ruộng đất trong nội bộ nông dân các dân tộc, giữa nông dân và các nông, lâm trường, có nơi trong cải cách dân chủ ta tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho nông dân, nay con cháu họ đòi lại hoặc ruộng đất do đời ông cha mua đi bán lại, nay con cháu đòi lấy lại. Tình trạng đó cũng gây những phức tạp nhất định.

Số đồng bào vùng biên giới ta di chuyển về tuyến sau, nay đã trở lại nơi cũ, đáng chú ý là một số đối tượng bất buộc cư trú ở tuyến sau này không xin phép cũng trở về.

Về đời sống nông dân qua khảo sát 32% có mức sống khá giả, 40% trung bình, 14% khó khăn, 7% rất khó khăn, cơm ăn áo mặc luôn thiếu thốn.

c) *Giới trí thức*: Nhìn chung tỏ ra yên tâm, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái làm việc, ủng hộ cái mới, mong muốn mở rộng dân chủ, khuyến khích phát triển tài năng.

d) *Trong cán bộ hưu trí*: Tuy đời sống có khó khăn, thu nhập thấp nhưng gần đây niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước được củng cố. Phần đông cán bộ hưu trí tích cực tham gia lao động sản xuất, lao động thủ công, tham gia công tác xã hội.

e) *Tình hình tôn giáo*: Từ sau đợt phong cách (1988) có những diễn biến phức tạp; tăng thêm linh mục, rồi cử người đi học chủng viện, sửa chữa mở rộng nhà thờ (có nơi không xin phép chính quyền), xin xây nhà thờ mới, tăng cường học kinh bốn, mở rộng đạo, các ban hành giáo hoạt động tích cực lấy cớ “nguyện vọng giáo dân” để ép ta giải quyết những yêu sách, điển hình là vụ lộn xộn

giữa tháng 11-1989 ở thị trấn Nghĩa Lộ (Văn Chấn) hàng trăm giáo dân tụ tập cản trở công việc của địa phương và yêu sách củng cố nhà thờ.

Đạo Phật: Trước đây không có cơ sở đáng kể, nhưng gần đây tư tưởng đạo Phật mở rộng, một số nơi như Bảo Thắng, Sa Pa, Nghĩa Lộ đòi lập hội Phật giáo, và xây dựng đền thờ. Một số đền miếu trước đây đã bỏ, nay xin dựng lại... có một số ít cán bộ, đảng viên về hưu tham gia.

2. Những biểu hiện thiếu phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng

a) Tuy đời sống nhân dân nói chung bước đầu được cải thiện, song nhìn chung vẫn rất khó khăn, nhất là đời sống người ăn lương lực lượng vũ trang và đồng bào vùng cao, vùng biên giới. Ở miền núi vốn đã khó khăn nay ngân sách bị cắt giảm, đầu tư ưu tiên miền núi bị cắt giảm. Đời sống cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ, vùng cao, biên giới so với vùng thị xã, thị trấn, so với miền xuôi chênh lệch ngày càng lên, các chế độ chính sách trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống như: tiền lương thấp, trợ cấp khó khăn không có, tiền công tác phí, kinh phí cho phục vụ công tác, hoạt động của các cơ quan, đoàn thể... đều rất khó khăn. Một bộ phận người ăn lương tỏ ra chán nản. Ở vùng cao còn khó khăn về mọi mặt, sự nghiệp văn hóa, giáo dục ở vùng cao xuống cấp nghiêm trọng, nên giảm sút lòng tin. Vì chuyển sang cơ chế mới, những nơi kinh tế tự nhiên, tự cấp, ngày càng cách biệt lớn hơn những nơi đã có sản xuất hàng hóa, nên phải có chính sách ưu đãi đặc biệt với vùng này.

b) Tình hình sản xuất nhất là sản xuất công nghiệp đình đốn, công nhân không có việc làm. Một số xí nghiệp khá trước đây như được, xí nghiệp, đá vôi xi măng và một số lâm trường... nay hàng nghìn công nhân thiếu việc làm, có xí nghiệp phải giải tán.

Sản xuất nông nghiệp nhiều nơi ở miền núi còn khó khăn, giá cả vật tư nông nghiệp nhìn chung còn cao, giá thóc thuế thu cao,

trong khi đó giá trị trường thấp, các loại màu không tiêu thụ được, làm cho đông đảo quần chúng thiếu yên tâm sản xuất.

c) Tình hình trật tự trị an xã hội, các tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, tập tục cũ lạc hậu nổi lên ở nhiều nơi và kéo dài chưa được giải quyết tốt. Vi phạm dân chủ, công bằng xã hội... xảy ra phổ biến cũng làm cho quần chúng nhân dân có phần hoài nghi tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

d) Trước diễn biến của công cuộc cải cách, cải tổ, đổi mới của nhiều nước xã hội chủ nghĩa, giới trí thức, cán bộ hưu trí và nhân dân có trình độ tỏ ra băn khoăn dao động về thành quả và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, sùng bái, ca ngợi chủ nghĩa tư bản nhất là về kinh tế, lo lắng liệu Đảng ta có vượt qua thử thách mới này không, quan hệ Việt Nam - Liên Xô - Trung Quốc rồi sẽ ra sao.

II. CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

Từ Đại hội VI đến nay, hoạt động của các đoàn thể quần chúng và mặt trận tập trung vào ba mặt chủ yếu là: Tiến hành công tác tư tưởng, phong trào hoạt động cách mạng và công tác củng cố xây dựng đoàn, xây dựng hội.

- Công tác tư tưởng: Đã có ý thức bám sát các nghị quyết, chỉ thị của Đảng để phổ biến, giáo dục làm cho thành viên của tổ chức mình quán triệt. Các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở cũng đổi mới phong cách lãnh đạo, coi trọng đi sâu đi sát, tuyên truyền đường lối, chính sách và đối thoại trực tiếp với quần chúng công, nông dân, trí thức, cán bộ về hưu, cán bộ và nhân dân các dân tộc. Nội dung chủ yếu là đường lối đổi mới của Đảng, nhất là cơ chế kinh tế, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa, khoán sản phẩm, xóa bỏ bao cấp, đi vào hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, công khai trong sinh hoạt đảng, tính hoạt quần chúng, nói rõ thành tích, nói rõ

khuyết điểm, khó khăn, công khai những chủ trương, chính sách, nhất là trong kinh tế, và phát huy dân chủ trong bầu cử, trong Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Do đó đường lối đổi mới đã được quán triệt một bước và được thực hiện có hiệu quả.

- Đã chú trọng phát động và chỉ đạo các phong trào hành động cách mạng như: Phong trào mua công trái, tiết kiệm, xây dựng quỹ bảo thọ, cùng với các xí nghiệp giải quyết việc làm và đời sống cho công nhân, phối hợp bảo vệ trật tự an ninh, thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm, chăm sóc bảo vệ bà mẹ, trẻ em, đấu tranh khắc phục tiêu cực, phát huy dân chủ, chống trù dập, ức hiếp quần chúng, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng nếp sống mới.

Nét nổi bật trong mấy năm qua là phát huy dân chủ tham gia vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp ý kiến vào các dự thảo luật của Quốc hội và thảo luận lấy ý kiến rộng rãi về giới thiệu ứng cử viên vào các cấp ủy, các cơ quan dân chủ, giải quyết tốt hơn, nhanh gọn hơn các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Trong nhiều trường hợp ý kiến đúng đắn cũng như lợi ích chính đáng của quần chúng đã được các cấp tôn trọng và giải quyết thích đáng, giảm đáng kể tình trạng áp đặt một cách cứng nhắc, không tính đến dư luận và ý kiến quần chúng. Do đó, được quần chúng đồng tình phấn khởi, người tố cáo, người đấu tranh được bảo vệ, phải trái được phân minh, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự đổi mới của Đảng.

- Đã bước đầu cho ý kiến tham gia quản lý nhà nước về mọi mặt.

- Công tác củng cố xây dựng Đoàn, xây dựng Hội cũng được các cấp ủy, các đoàn thể quan tâm, các tổ chức quần chúng tiếp tục phát triển, cán bộ được kiện toàn, các cấp ủy thường xuyên chỉ rõ nhiệm vụ của các đoàn thể, chỉ đạo đoàn thể thực hiện, kiểm tra kết quả thực hiện. Ban Dân vận đã cố gắng phối hợp hành động của các đoàn thể. Do đó, giúp Đảng bộ tập hợp quần chúng, góp phần vào những thành tựu trong 3 năm qua.

Song, phải nói rằng, hoạt động của các đoàn thể chưa bao giờ khó khăn, bế tắc như hiện nay, biểu hiện trên một số mặt như sau:

- Chúng ta chưa có quan niệm đầy đủ, và chưa giải quyết thỏa đáng lợi ích phong phú, đa dạng mà mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp, mỗi dân tộc, mỗi lứa tuổi đòi hỏi, bao gồm: Lợi ích chính trị, tinh thần, đó là quyền bình đẳng, công bằng xã hội là dân chủ, công khai, là quyền tham gia quản lý nhà nước, quyền lợi vật chất, quyền có việc làm, quyền được bảo đảm đời sống, sức khỏe, quyền được hưởng thụ văn hóa, quyền được tôn trọng nền văn hóa của mỗi dân tộc, quyền được học hành nâng cao trình độ, quyền tự do tín ngưỡng của người có đạo, v.v.. Do đó khi những lợi ích không được tôn trọng hoặc bị xâm phạm, quần chúng đấu tranh để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Đây có thể là vấn đề lớn nhất cần thấy rõ để có đường lối, chính sách đúng, đáp ứng lợi ích phong phú, đa dạng hóa thì mới tập hợp thu hút được mọi tầng lớp nhân dân, nhất là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân các dân tộc, đi theo con đường của Đảng vạch ra.

- Các thành viên của mỗi đoàn thể quần chúng không còn tha thiết, gắn bó một cách thiết thực với tổ chức đoàn thể của mình như trước đây, nhiều người tuy có tham gia vào các đoàn thể, song chỉ là hình thức, một số không còn muốn tham gia, có lẽ vì họ cho rằng không có lợi ích gì thiết thực với họ, cũng do đó việc thu hút, tập hợp quần chúng ngày nay của mỗi đoàn thể là hết sức khó khăn, hoạt động trở nên dòi rạc phân tán, mạnh ai nấy làm.

- Vai trò tham gia quản lý nhà nước, theo quan điểm “lấy dân làm gốc” trên thực tế nhiều khi còn nặng tính chất hình thức, chưa phải là vấn đề thực chất vì các Chỉ thị 53, 44 và Nghị quyết 26 của Trung ương và các chỉ thị, nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng chưa được hướng dẫn thống nhất, đồng bộ để thực hiện, nên các cấp còn hết sức lúng túng, thực hiện tùy tiện, của đến đâu hay đến đó.

Nguyên nhân:

- Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng thực hiện đường

lỗi, chính sách đổi mới, song trên những đòi hỏi rất đa dạng, phong phú của mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp về lợi ích của mình, nhưng chưa có chính sách, biện pháp thể hiện sự tôn trọng, phát huy và bảo vệ lợi ích chính đáng đó của nhân dân.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền còn đơn giản hóa hoạt động quần chúng và các đoàn thể quần chúng, chưa có chính sách thỏa đáng với cán bộ làm công tác vận động quần chúng, nhiều đảng viên không thực hiện được vai trò vận động quần chúng và gương mẫu trước quần chúng, không đủ sức thuyết phục được quần chúng còn nặng về mệnh lệnh hành chính đối với quần chúng, trù úm, ức hiếp quần chúng, vi phạm lợi ích của quần chúng còn phổ biến.

Mặt khác, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể quần chúng cả về tài chính, tiền lương, trang thiết bị, phương tiện hoạt động và thiếu thường xuyên tôn trọng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

- Cán bộ làm công tác vận động quần chúng nói chung trình độ còn quá thấp chưa làm được vai trò tham mưu đắc lực cho cấp ủy, lại không yên tâm, phấn khởi vì đãi ngộ, vì vị trí công tác quần chúng không được đề cao, không có lợi như làm cán bộ kinh tế.

- Đặc biệt là phong cách hoạt động của các cấp bộ đoàn thể chưa được đổi mới, còn quá cũ kỹ, không khác gì so với một cơ quan hành chính, không sâu sát, không gắn bó với đoàn viên, hội viên của mình, không quan tâm đến lợi ích của họ, không thường ngày giúp họ giải quyết khó khăn, không thông cảm sâu sắc với đời sống hằng ngày của họ, không gắn bó họ bởi lợi ích chính trị, kinh tế, văn hóa và tình cảm. Phương pháp công tác thì hành chính quan liêu, giấy tờ đơn điệu, khô cứng, chỉ chú ý về giáo dục chính trị, tinh thần, tách rời với bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi thành viên của đoàn thể mình, kể cả lợi ích có tính riêng biệt, đặc thù.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT

1. Tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng VI, tính cực nghiên cứu và tiến hành cải tiến nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể theo tinh thần chỉ đạo làm chuyển biến rõ nét được một số mặt công tác.

Muốn đổi mới được phương thức hoạt động trước hết các đồng chí lãnh đạo Mặt trận và đoàn thể các cấp phải tập trung suy nghĩ, đề ra được những biện pháp đổi mới, đổi mới từ việc nhỏ đến việc lớn, từ thấp đến cao nhất định sẽ đổi mới được toàn diện hoạt động của mình.

2. Rà soát, nhận xét, đánh giá từng cán bộ, công nhân viên. Phân loại mạnh, khá, kém để ra biện pháp giải quyết. Những đồng chí năng lực yếu, phẩm chất kém cần giải quyết chuyển làm việc khác. Tiến hành định rõ chức năng nhiệm vụ từng bộ phận, từng người để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác.

3. Chuyển mạnh việc chỉ đạo củng cố cơ sở vững mạnh. Sự hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể phải bám sát cơ sở, đoàn viên, hội viên phải dành thời gian đi cơ sở nhiều lần.

- Lựa chọn, bố trí cốt cán lãnh đạo ở cơ sở có trình độ, năng lực, có tín nhiệm.

- Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng đoàn viên, hội viên, cải tiến nội dung sinh hoạt hấp dẫn, bổ ích, thiết thực đi vào giải quyết tâm tư nguyện vọng và đời sống của quần chúng.

- Tổ chức các hình thức sinh hoạt, đối thoại với từng đối tượng để nắm tâm tư, trao đổi ý kiến, giải đáp những thắc mắc của quần chúng.

4. Hoạt động các đoàn thể và Mặt trận phải hướng vào thực hiện ba chương trình kinh tế của Đảng gắn hoạt động với việc làm kinh tế bảo đảm đời sống và tạo ra kinh phí hoạt động của đoàn thể mình.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với phong trào quần chúng. Các cấp ủy nhất thiết phải cử phó bí thư hoặc thường vụ lãnh đạo, chỉ đạo, phải thường xuyên và có định kỳ làm việc với các đoàn thể để nắm chắc tình hình và giúp đoàn thể tháo gỡ khó khăn, tôn trọng và phát huy tính độc lập dân chủ của đoàn thể quần chúng. Động viên các đoàn thể, các lực lượng thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trước mắt từ nay đến quý I năm 1990 chỉ đạo tốt Đại hội các đoàn thể quần chúng và có kế hoạch tổng kết Chỉ thị 53.

IV. Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

1. Cần có sự kiểm điểm nghiêm túc về việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác vận động quần chúng để thấy mặt làm được, mặt chưa làm được và có bổ sung.

Nghiên cứu thể hiện quan điểm “lấy dân làm gốc” vào cơ chế lãnh đạo và tổ chức ở các cấp, các ngành.

2. Bên cạnh việc bao cấp về kinh phí hoạt động cần cho phép và tạo điều kiện để các đoàn thể có những tổ chức làm kinh tế tích hợp trong khi Đảng và Nhà nước đang có khó khăn.

3. Trước mắt cần quan tâm, nghiên cứu và giải quyết chế độ lương cho cán bộ các cấp trong khối đoàn thể, không để chênh lệch, mất bình đẳng như hiện nay.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-NQ/TU, ngày 1-12-1989

Về xây dựng vốn rừng và phát triển kinh tế rừng

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH RỪNG VÀ KINH TẾ RỪNG Ở TỈNH TA

Tỉnh ta có nhiều dãy núi lớn: Hoàng Liên Sơn, Tây Côn Lĩnh, con Voi, Pú Luông. Lại là tỉnh biên giới diện tích rừng và đất rừng chiếm tới trên 70%, địa hình rất phức tạp, bị chia cắt và có độ dốc lớn, là lưu vực lớn của sông Hồng, sông Chảy và một phần sông Đà. Vì vậy tỉnh ta có vị trí quan trọng về phòng hộ đối với đồng bằng Bắc Bộ. Có vị trí quan trọng về hệ sinh thái, môi trường sống và có nguồn thủy điện dồi dào. Rừng Hoàng Liên Sơn còn có nhiều loại gỗ quý và nhiều loại lâm đặc sản, dưới lòng đất rừng có nhiều khoáng sản. Do đó, rừng và đất rừng của tỉnh có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

Hàng năm rừng tỉnh ta đã cung cấp 20 vạn khối gỗ, trên 1 triệu ste củi và nhiều hàng hóa lâm đặc sản phục vụ xây dựng, nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Trung ương, của các tỉnh, phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đóng góp phần lớn nguồn thu ngân sách của tỉnh. Đó cũng là cơ sở bảo đảm việc làm và đóng góp quan trọng trong đời sống của đồng bào các dân tộc.

Trong những năm qua, thực hiện đường lối, chính sách kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước, tỉnh ta đã có nhiều cố gắng khai thác, phát huy thế mạnh kinh tế rừng và đất rừng của tỉnh. Đã quy hoạch 5 vùng kinh tế, trong đó có lâm nghiệp, đã lập trên 20 đơn vị kinh tế lâm nghiệp quốc doanh với trên 8 ngàn lao động và có trên 300 hợp tác xã có kinh doanh nghề rừng. Nhờ đó, 10 năm qua tỉnh ta đã cung cấp cho Trung ương 1 triệu mét khối gỗ, luôn luôn hoàn thành kế hoạch hằng năm do Trung ương giao. Công tác giao đất, giao rừng cho tập thể, gia đình, cá thể được 14 vạn ha, đến nay đã hình thành được một số điển hình tập thể và gia đình kinh doanh rừng có hiệu quả, nhất là vùng rừng quê huyện Văn Yên.

Song, vốn rừng ngày càng suy kiệt, trong 10 năm qua diện tích còn rừng bị giảm 20 vạn ha, giảm nghiêm trọng trong cả diện tích và trữ lượng lâm sản (gỗ giảm 50%, nứa giảm 85%), nhiều loại đặc sản rừng hầu như không còn, tỷ lệ tán che của rừng giảm từ 30% xuống 17%, trong đó nhiều huyện tỷ lệ tán che chỉ còn 5 đến 10% như Bắc Hà, Mường Khương, Mường Chải, Than Uyên, Trạm Tấu... phá vỡ nghiêm trọng hệ sinh thái và môi trường sống. Do đó, hằng năm đã gây ra nạn lũ lụt lớn, bào mòn và sạt lở đất đai ghê gớm, nguồn sinh thủy cho thủy lợi giảm 15 đến 20%, diện tích gieo cấy lúa nước giảm 3 - 4%.

Hiệu quả kinh tế rừng rất thấp, quốc doanh bị thua lỗ nhiều, khai thác, chế biến còn rất lãng phí, không đóng được vai trò chủ đạo, nay lại đang bị đình đốn, ách tắc lớn trong sản xuất, lưu thông sản phẩm. Các hợp tác xã không tha thiết kinh doanh nghề rừng vì không có hiệu quả, giao đất rừng cho tập thể và gia đình còn nặng hình thức. Cũng vì vậy diện tích đất rừng chiếm tới 70% mà lao động làm rừng mới chiếm 5%, trong khu vực tập thể mới chiếm 1,7%. Đời sống những người lao động lâm nghiệp và 60% dân số sống trên đất rừng còn rất khó khăn cả về vật chất, tinh thần, khó khăn hơn của người làm nông nghiệp.

Nguyên nhân của tình hình yếu kém tồn tại trên là do:

- Trung ương thiếu một chiến lược chung về rừng phòng hộ và rừng kinh tế, dẫn đến sự chấp vá, luôn luôn thay đổi, biến động. Cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, mang nặng tư tưởng quốc doanh hóa, không xây dựng cơ cấu nhiều thành phần làm lâm nghiệp. Gần 50% diện tích đất rừng ở Hoàng Liên Sơn là thuộc các đầu nguồn sông suối lớn không có chính sách bảo vệ, phục hồi rừng, không có chính sách tín dụng riêng cho trồng rừng là loại sản xuất kinh doanh hàng chục năm mới cho thu hoạch.

- Từ năm 1988 về trước do lương thực bị thiếu hụt lớn và thường xuyên căng thẳng, lại còn tới 15 vạn người du canh một phần du cư, những nơi xác định đã định canh định cư nhưng thực tế vẫn còn một phần lớn diện tích du canh mới bảo đảm đủ lương thực. Đó là nguyên nhân dẫn đến phá rừng lớn nhất diễn ra bao đời nay. Bên cạnh đó, nhu cầu quốc phòng, bảo vệ biên giới và cung cấp chất đốt cũng là nguyên nhân không kém phần quan trọng.

- Hệ thống tổ chức kinh tế lâm nghiệp và chính sách cũng có nhiều sai lầm khuyết điểm, nhất là tư tưởng quốc doanh hóa toàn bộ rừng và đất rừng, coi nhẹ tổ chức cho nhân dân ở ngay trên đất rừng để kinh tế lâm nghiệp. Trong chính sách còn quá thiên về sử dụng các biện pháp tư tưởng, hành chính phong trào coi nhẹ các biện pháp kinh tế, làm rừng bằng bất cứ giá nào, không coi trọng hậu quả, chặt phá rừng để trồng rừng, phân cấp quản lý rừng không gắn với lợi ích, nhất là lợi ích của cơ sở, của người dân sống trên đất rừng,...

- Thực hiện tốt phương thức sản xuất nông, lâm kết hợp là rất quan trọng ở miền núi, không kết hợp tốt với định canh định cư và kinh tế mới, chưa kết hợp khai thác với đầu tư xây dựng vốn rừng, trồng rừng với khoanh nuôi phục hồi rừng, chưa có chính sách đồng bộ và chưa phân biệt rõ rừng kinh tế và rừng phòng hộ để có chính sách đúng.

- Các ngành, các cấp thiếu phối hợp đồng bộ, xây dựng điển hình và tổng kết nhân điển hình còn yếu.

Phần thứ hai

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VỐN RỪNG
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG ĐẾN NĂM 2000**

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

1. Phương hướng chung

- Lấy xây dựng vốn rừng làm trọng tâm bằng khoanh nuôi, bảo vệ phục hồi, làm giàu vốn rừng là chính, kết hợp trồng rừng tập trung theo hướng quy mô lớn với trồng cây phân tán phù hợp với hướng từng vùng, chỉ đạo tập trung trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc, không phá rừng để trồng rừng. Khai thác hợp lý và tiết kiệm tài nguyên rừng đi đôi với chế biến lâm đặc sản, để nâng cao giá trị và tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa từ tài nguyên rừng, song phải lấy lâm sinh làm gốc.

- Xoá bỏ tình trạng độc canh, thực hiện nghiêm túc phương thức sản xuất kinh doanh toàn diện, kinh doanh tổng hợp và sản xuất hàng hóa ở các loại rừng, kết hợp chặt chẽ sản xuất lâm nghiệp và nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên từng vùng rừng, nắm chắc thị trường để bảo đảm lưu thông trao đổi hàng hóa từ lâm đặc sản, đảm bảo đạt hiệu quả, phục vụ công nghiệp, tiêu dùng và xuất khẩu. Mặt khác, phải rất coi trọng xây dựng làm giàu vốn rừng quốc gia phục vụ phòng hộ, bảo vệ sinh thái, môi trường.

- Thực hiện phân công phân cấp trách nhiệm và phạm vi quản lý hành chính rừng và nghề rừng cho chính quyền huyện, thị, xã, phường. Phân giao rừng và đất rừng cho các thành phần kinh tế, hộ gia đình, hộ tập thể, hộ quốc doanh, cá thể. Diện tích rừng và đất rừng chưa giao cho các hộ thì chính quyền xã phải quản lý theo phân cấp, bảo đảm mỗi diện tích rừng và đất rừng đều có chủ quản lý, sử dụng cụ thể, đúng mục đích, đúng quy hoạch, pháp lệnh của

Nhà nước. Trên cơ sở đó nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của các thành phần kinh tế làm rừng.

- Nhanh chóng sắp xếp lại hệ thống tổ chức lâm nghiệp theo hướng tinh gọn, bảo đảm có hiệu lực trong quản lý nhà nước, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức lại sản xuất các đơn vị quốc doanh lâm nghiệp về phương hướng, quy mô, bộ máy quản lý vừa trực tiếp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vừa giữ vai trò trung tâm thu hút các thành phần kinh tế làm rừng trong khu vực như dịch vụ vật tư, khoa học - kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm.

- Các đơn vị kinh tế như nông trường, hợp tác xã, các đơn vị vũ trang, an ninh và các cơ quan xí nghiệp có quản lý đất rừng đều phải làm kinh tế rừng.

Củng cố lực lượng kiểm lâm nhân dân bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh bảo vệ rừng tận gốc, gắn liền với tổ chức vận động quần chúng tự giác bảo vệ rừng, mở rộng vốn rừng, bảo hiểm vững chắc về rừng cho mọi thành phần kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện định canh định cư theo hướng kết hợp nông, lâm nghiệp có cơ sở từng bước vững chắc, chuyển dần sang khoanh nuôi bảo vệ rừng, trồng rừng kinh tế và rừng phòng hộ, rừng đặc sản, lấy kinh doanh tổng hợp từ rừng để bảo đảm cuộc sống từng bước thủ tiêu nạn đốt rừng làm nương rẫy.

- Tổ chức hướng dẫn phát triển rộng rãi chương trình lâm nghiệp xã hội trên nhiều mặt. Trồng rừng gỗ củi, tiết kiệm năng lượng, sản xuất nông, lâm kết hợp trên đất dốc, kinh doanh tổng hợp hệ sinh thái rừng vườn ao chuồng, xây dựng rừng vệ sinh, môi trường, rừng văn hóa du lịch... tạo cho quan hệ rừng, cây, con người gắn chặt với nhau bằng lợi ích thiết thực.

- Xây dựng hệ thống chính sách lâm nghiệp đồng bộ, bảo đảm lợi ích chính đáng của các thành phần kinh tế xây dựng vốn rừng, là yếu tố quan trọng nhất của chính sách.

- Bằng thực hiện một cơ chế chính sách đồng bộ để ổn định

và cải thiện đời sống về vật chất, văn hóa cho nhân dân làm kinh tế rừng.

2. Mục tiêu

- Trước mắt không để giảm mức diện tích rừng và độ tán cho của rừng như hiện nay.

- Phấn đấu đến năm 2000 đưa diện tích có rừng lên ít nhất 520.000 ha tăng độ tán che rừng lên 35%.

- Bằng thực hiện tốt nhất phương thức canh tác kết hợp nông nghiệp và lâm nghiệp để sản xuất và phục vụ sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu để tạo cơ sở thực hiện cơ bản định canh định cư cho 10 vạn đồng bào còn du canh du cư.

- Cải thiện một bước yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, cung ứng tốt nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chất đốt của địa phương. Đồng thời luôn luôn dự đoán nắm chắc thị trường trong nước và ngoài nước về sản phẩm từ rừng để tổ chức chỉ đạo sản xuất phục vụ nhu cầu Trung ương và xuất khẩu, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao.

- Bố trí lao động làm rừng tương xứng với nhu cầu phát triển kinh tế lâm nghiệp, tăng thêm việc làm, bảo đảm ổn định, cải thiện đời sống người làm rừng về ăn, ở, đi lại, học hành, chăm lo sức khỏe và các nhu cầu văn hóa, xã hội tối thiểu khác, nhằm nâng cao trình độ dân trí, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu cho các lực lượng dân cư sống trên địa bàn có sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

- Sửa chữa, nâng cấp số đường lâm nghiệp - thủy bộ hiện có mở thêm đường mới bảo đảm kết hợp tốt giữa dân sinh - kinh tế - quốc phòng. Trên cơ sở các nguồn vốn được đầu tư và thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để tăng thêm cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng cho kinh tế lâm nghiệp.

II. VỀ BIỆN PHÁP

1. Về công tác tổ chức

a) Tổ chức phân giao rừng và tổ chức sản xuất:

Trên cơ sở phân chia ba loại rừng (rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) và phân chia theo các đơn vị cơ sở rừng (tiểu khu) tiến hành phân công phân cấp quản lý rừng về mặt lãnh thổ cho huyện, thị, xã phường (hoàn thành vào năm 1990) tổ chức tiến hành ngay công tác điều chế rừng. Tùy theo mức độ khác nhau ở cả ba loại rừng đều phải kinh doanh tổng hợp cả cây lâm nghiệp, cây nông nghiệp, cây đặc sản, dược liệu, cả theo thời gian và không gian. Hồ sơ phân giao phân cấp rừng cho các cấp chính quyền, cấp cho hộ, các đơn vị sản xuất kinh doanh được quản lý chặt chẽ như đất nông nghiệp.

- Các lâm trường quốc doanh phải tiến hành rà xét lại quy hoạch (hoàn thành trong năm 1989), xác định rõ phương hướng sản xuất, quy mô, tổ chức bộ máy bảo đảm kinh doanh toàn diện, hiệu quả (nơi trồng loại cây có chu kỳ kinh doanh từ 20 năm trở lên, quy mô lâm trường có thể không quá 2 vạn ha, nơi có loài cây kinh doanh trong 10 năm quy mô lâm trường không quá 1 vạn ha; nơi loài cây kinh doanh dưới 10 năm, quy mô lâm trường khoảng 5.000 ha) xác định đầy đủ quyền tự chủ của các lâm trường. Các lâm trường phải gắn chặt nhiệm vụ lâm nghiệp với nhiệm vụ kinh tế xã hội ở địa phương. Phân rừng và đất rừng không có điều kiện quản lý kinh doanh thì giao lại cho chính quyền địa phương, để giao cho các thành phần kinh tế khác.

- Các loại hộ nhận đất nhận rừng để kinh doanh, phải tổ chức ngay sản xuất, phân công lao động hợp lý, thực hiện đúng phương hướng sản xuất, đúng hợp đồng đã cam kết.

b) Tổ chức hệ thống quản lý lâm nghiệp:

- Đối với cấp tỉnh:

Củng cố, hoàn thiện bộ máy mở rộng lâm nghiệp, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước.

Trong điều kiện sản xuất hiện nay, các đơn vị sản xuất kinh doanh được tạo điều kiện thuận lợi để chủ động vươn ra khắc phục khó khăn để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Khi điều kiện thuận lợi cho phép sẽ tổ chức một trung tâm quản lý sản xuất kinh doanh cấp tỉnh, để thống nhất điều hành sản xuất và làm tổng dịch vụ sản xuất kinh doanh.

Thành lập trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật về nông, lâm nghiệp, có cơ sở ở các vùng có thể gắn với 1 lâm trường.

- Đối với cấp huyện:

+ Chỉ để một đầu mối về quản lý sản xuất kinh doanh lâm nghiệp huyện, để thống nhất điều hành và làm trung tâm hướng dẫn khoa học - kỹ thuật, liên doanh liên kết tất cả các thành phần kinh tế làm rừng trên địa bàn huyện.

+ Đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan Kiểm lâm nhân dân, đưa phần lớn lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tại các tiểu khu, các xã có rừng. Chuyển từ chức năng chủ yếu là kiểm tra kiểm soát lâm sản, sang công tác tổ chức, vận động quần chúng bảo vệ rừng, trồng rừng, trồng cây công nghiệp, đặc sản, định canh định cư, làm nương rẫy luân canh, sản xuất ruộng nước... làm chức năng chủ yếu.

- Đối với cơ sở:

+ Tuỳ theo cơ cấu đất nông, lâm nghiệp mà tổ chức thành hợp tác xã nông, lâm nghiệp hoặc nông nghiệp. Trong đó phải bố trí hợp lý lao động, các điều kiện sản xuất khác và phân công trách nhiệm chỉ đạo một cách tương xứng.

+ Các công trình, trạm, trại quốc doanh nông nghiệp, căn cứ và quỹ đất lâm nghiệp được quản lý, phải tổ chức sản xuất kinh doanh rừng theo phương thức nông, lâm kết hợp, đúng quy hoạch và hợp đồng kinh tế với cơ quan quản lý sản xuất kinh doanh lâm nghiệp huyện.

+ Đối với các xã, phường có rừng phải có trưởng ban lâm nghiệp xã chuyên trách (có thể kiêm nhiệm thêm các công việc

trưởng thôn, trưởng bản, chủ tịch nông dân, trưởng ban thuế...). Giúp chính quyền quản lý giám sát các hoạt động lâm nghiệp trong phạm vi được huyện phân công, phân cấp, dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ của Hạt Kiểm lâm nhân dân.

2. Đổi mới công tác quản lý sản xuất kinh doanh

Chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp sang hạch toán kinh doanh, chuyển từ chủ yếu khai thác rừng tự nhiên sang lâm nghiệp sản xuất và sang kinh doanh tổng hợp.

- Áp dụng rộng rãi các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng theo định mức và đơn giá đến hộ và nhóm hộ, nhằm đạt hiệu quả cao, giải quyết đúng đắn, hài hoà các mối quan hệ về lợi ích.

- Lâm nghiệp quốc doanh phải sản xuất theo hướng công nghiệp; từ trồng rừng tập trung, thâm canh, gắn với mở mang cơ sở hạ tầng để khai thác tận dụng tối đa tài nguyên rừng. Trong công nghiệp rừng phải thực hiện chế biến tổng hợp, phải nghiên cứu dự toán, tìm hiểu thị trường để tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả và là trung tâm giải quyết đủ hạt giống, cây con, vật tư, khoa học - kỹ thuật, liên doanh liên kết sản xuất.

- Trong cơ cấu cây trồng phải tạo được tập đoàn cây sinh trưởng nhanh, có nhiều công dụng: vừa cho nguyên liệu gỗ, củi, vừa cải tạo đất, vừa cho thức ăn chăn nuôi, vừa chóng phủ xanh... phù hợp với từng vùng. Đồng thời chú trọng phát triển nhanh các vùng cây đặc sản có giá trị kinh tế cao như quế, thảo quả, cây có tinh dầu, dược liệu...

- Thực hiện phương thức sản xuất nông, lâm kết hợp phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng nơi, từng tiểu khu, cả trên phạm vi rộng cho đến từng lô rừng đất rừng vừa tận dụng khả năng tối đa của rừng. Mô hình kết hợp có thể rút ra là:

Rừng + ruộng + chăn nuôi.

Nương + vườn rừng + chăn nuôi + tiểu thủ công nghiệp.

3. Về chế độ chính sách

- Giao đất, giao rừng cho tất cả các thành phần kinh tế trong tỉnh, giao lâu dài (từ 50 năm trở lên). Các huyện, thị, xã phường căn cứ vào quỹ đất lâm nghiệp được phân cấp quản lý, căn cứ vào vốn, thị trường để thực hiện giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế nhận đất, nhận rừng phải thực hiện đúng hợp đồng cam kết và theo đúng các luật định Nhà nước đã ban hành, Nhà nước bảo hộ mọi giá trị sản phẩm làm ra, quyền thừa kế, chuyển nhượng sản phẩm, những công trình xây dựng cơ bản, cải tạo đất...

Mở rộng liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế trong tỉnh, ngoài tỉnh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và tư nhân nước ngoài hợp tác, làm vốn đầu tư, kinh doanh rừng.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tự bỏ vốn hoặc liên doanh liên kết để có vốn sản xuất kinh doanh rừng. Trường hợp thiếu vốn, sẽ được vay vốn với lãi suất ưu đãi cho cả chu kỳ kinh doanh, tùy theo từng đối tượng rừng, loài cây kinh doanh, diện tích kinh doanh người làm rừng bắt đầu phải trả vốn từ khi có sản phẩm thu.

- Đối với vùng định canh định cư, khu vực phòng hộ đầu nguồn và những địa bàn có gắn kinh tế với quốc phòng, được ưu tiên đầu tư vốn để bảo vệ và xây dựng vốn rừng, được hỗ trợ đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất - kỹ thuật, các công trình phúc lợi cần thiết.

- Giá mua hàng hóa lâm sản, đặc sản rừng (kể cả trồng được và khai thác tự nhiên) bảo đảm cho người lao động có tích lũy cải thiện được đời sống.

- Về thuế: Các sản phẩm nông nghiệp trồng xen trên đất nông lâm kết hợp hợp lý được miễn thuế nông nghiệp. Vùng định canh định cư, những nơi thiếu lương thực, sản xuất nông nghiệp khó khăn, được đóng thuế nông nghiệp bằng tiền hoặc sản phẩm rừng.

Tùy theo đối tượng rừng và đất lâm nghiệp giao cho các thành

phần kinh tế kinh doanh mà xác định mức thu tiền nuôi rừng khác nhau đối với các sản phẩm rừng. Nghiên cứu chính sách thu theo thuế đất lâm nghiệp và thuế tài nguyên rừng, nhằm bảo vệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên rừng.

- Về lưu thông lâm sản: Các sản phẩm rừng trên cơ sở khai thác hợp lý, thực hiện song phẳng hợp đồng kinh tế với các thành phần kinh tế, có quyền chủ động và được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục lưu thông (trừ đặc sản Nhà nước cấm).

Khuyến khích các thành phần kinh tế mở các điểm dịch vụ bán chất đốt từ sản phẩm tận thu, nhất là ở khu vực tập trung dân.

- Tỉnh sẽ dùng một phần ngân sách địa phương (từ các nguồn thu xuất khẩu, thủy lợi phí...) tiền nuôi rừng, vốn đầu tư viện trợ của các tổ chức quốc tế, của Việt kiều, vốn định canh định cư, vốn Trung ương để hỗ trợ xây dựng vùng rừng phòng hộ đầu nguồn (nhất là khu vực rừng phòng hộ phía bắc và khu vực rừng phòng hộ phía tây).

- Có chế độ chính sách quan tâm đúng mức để cải thiện điều kiện lao động, điều kiện sống của người làm rừng, con cái người làm rừng, đặc biệt là đối với lao động nữ, về các nhu cầu nhà ở, học tập, sức khỏe, đi lại và các dịch vụ vật chất văn hóa khác, nhằm nâng cao dần trình độ dân trí cho các vùng định canh định cư và các đơn vị sản xuất kinh doanh nghề rừng.

Có chế độ ưu đãi về vật chất, tinh thần đối với nhân tố mới, trong các thành phần kinh tế làm rừng, trong đội ngũ khoa học - kỹ thuật có sáng kiến, cải tiến, tạo mô hình tốt đạt hiệu quả cao về bảo vệ rừng, kinh doanh rừng, tiết kiệm tài nguyên.

4. Tăng cường hiệu quả của pháp luật và đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn phổ cập rộng rãi lâm nghiệp xã hội trong toàn dân.

5. Việc xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn, kết hợp định canh định cư, phòng thủ biên giới có tính chất quốc gia. Trung ương cần có biện pháp đầu tư hỗ trợ bằng vốn, lương thực, vật tư thiết bị để địa phương tổ chức thực hiện một cách đồng bộ.

Phần thứ III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Phải tổ chức kiểm điểm liên hệ, học tập, quán triệt sâu sắc các quan điểm lớn của Đảng về sản xuất nông, lâm nghiệp, về phát triển toàn diện kinh tế miền núi, nhằm nâng cao nhận thức và đổi mới căn bản các chương trình hành động xây dựng vốn rừng và phát triển kinh tế rừng trong toàn Đảng, toàn dân.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức lại sản xuất lâm nghiệp, hướng dẫn việc phân công phân cấp trách nhiệm và phạm vi quản lý rừng và đất rừng cho các địa phương và sớm ban hành các chính sách cụ thể.

3. Ngành nông, lâm nghiệp xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện các mục tiêu, hướng dẫn kịp thời và kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện.

4. Các huyện, thị và các sở, ban, ngành, các đoàn thể theo chức năng nhiệm vụ của mình cùng với các ngành nông, lâm nghiệp xây dựng chương trình của ngành để thực hiện theo sự chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các huyện ủy, thị ủy, các Đảng bộ trực thuộc phải kiểm điểm liên hệ và tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết và phải xây dựng được mục tiêu, biện pháp tổ chức thực hiện trước mắt và lâu dài của đơn vị mình, chú trọng xây dựng các đơn vị điển hình và chỉ đạo có trọng điểm.

Ban Kinh tế Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan nhà nước theo dõi việc thực hiện nghị quyết và thường xuyên báo cáo lên Tỉnh ủy.

Nghị quyết này phổ biến rộng rãi tới các chi, đảng bộ và toàn dân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 244-TB/TU, ngày 2-12-1989

Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn

Ngày 25-11-1989 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp đã quyết định về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ của ngành thương nghiệp như sau:

1. Hợp nhất Công ty Bách hóa vải sợi và Công ty Điện máy vật liệu chất đốt của ngành thương nghiệp thành Công ty Công nghệ phẩm.

- Bổ nhiệm đồng chí Đào Đức Toại, Giám đốc Công ty Điện máy vật liệu chất đốt (cũ) làm Giám đốc Công ty Công nghệ phẩm.

2. Hợp nhất Công ty Thương nghiệp khu vực tuyển quặng apatít (thuộc Sở Thương nghiệp) và Công ty Thương nghiệp thuộc huyện Bảo Thắng thành Công ty Thương nghiệp huyện Bảo Thắng.

- Bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Khắc Trạch, Giám đốc Công ty Thương nghiệp khu vực tuyển quặng apatít (cũ) làm Giám đốc, Công ty Thương nghiệp huyện Bảo Thắng (công ty hợp nhất).

3- Điều động đồng chí Nguyễn Thiện Thuật, Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai

về Sở Thương nghiệp công tác, nhiệm vụ cụ thể do giám đốc Sở Thương nghiệp phân công.

Thông báo để các đồng chí làm thủ tục về phương diện nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 748-QĐ/TU, ngày 16-1-1990

**Về việc bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bảo Thắng**

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Công văn số 51, ngày 1-1-1990 của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Thắng đề nghị về việc bổ sung kiện toàn cấp ủy huyện,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định các đồng chí có tên sau đây là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng:
 - 1- Đồng chí Phạm Kỳ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện
 - 2- Đồng chí Nguyễn Văn Sinh, Chỉ huy trưởng Ban quân sự huyện
 - 3- Đồng chí Lâm Bá Đình, Trưởng Công an huyện.
2. Huyện ủy Bảo Thắng, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 11-CT/TU, ngày 18-1-1990

**Về việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức
quản lý nhà nước cho cán bộ cơ sở**

Thực hiện Nghị quyết VI của Đảng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền cơ sở của tỉnh ta đã giành được kết quả bước đầu. Bình quân hàng năm đã đào tạo được 50 cán bộ có trình độ trung cấp quản lý nhà nước và bồi dưỡng được hơn 400 cán bộ cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đòi hỏi ở tỉnh ta, số lượng cán bộ đào tạo, bồi dưỡng ở các xã, phường, thị trấn nói chung còn quá ít, nhiều xã chưa có người nào qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước. Nhất là các xã vùng cao, biên giới. Do đó hạn chế rất nhiều đến công tác quản lý nhà nước ở các cơ sở. Các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đề ra chưa được thực hiện đầy đủ, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động còn bị vi phạm, vai trò quản lý nhà nước của chính quyền chưa được phát huy tốt.

Nguyên nhân chủ yếu là một số cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành chưa thực sự quan tâm đến công tác này, sự phối kết hợp các ngành chưa chặt chẽ và đồng bộ, chưa có chính sách thỏa

đáng khuyến khích người đi học, cán bộ không muốn xa gia đình để đi học.

Để chính quyền thực sự phát huy đầy đủ vai trò và hiệu lực làm tròn chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp Đảng, chính quyền và các ngành trong tỉnh thực hiện tốt một số việc sau đây:

1- Các huyện, thị ủy và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có kế hoạch quy hoạch cán bộ của huyện, thị xã, cơ sở mình theo phân cấp và thường xuyên cử cán bộ đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước của Trung ương, tỉnh và huyện, thị xã mở. Trong nhiệm kỳ 1989 - 1990 phải đảm bảo hầu hết số cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước các cấp qua các lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước; mỗi xã phường, thị trấn có từ 2 - 3 cán bộ được đào tạo theo chương trình trung cấp quản lý nhà nước.

2- Các huyện, thị có kế hoạch cùng với Trường Hành chính tỉnh để tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm chức để mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước tại Trung tâm giáo dục chính trị của huyện, thị xã để bảo đảm số cán bộ huyện, thị xã và cơ sở được qua các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngay tại huyện, thị xã.

3- Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo nghiên cứu chính sách khuyến khích cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng, đào tạo và tạo điều kiện cho cán bộ đỡ khó khăn, quan tâm xây dựng Trường Hành chính tỉnh trở thành nơi trung tâm nghiên cứu và giảng dạy lý luận thực tiễn quản lý nhà nước cho cán bộ trong tỉnh.

4- Các ngành chức năng của tỉnh và các trung tâm giáo dục chính trị của huyện thị phải được kiện toàn đội ngũ cán bộ và xây dựng đội ngũ giáo viên kiêm chức, phối hợp với Trường Hành chính tỉnh mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước tại địa phương và ngành mình.

Cấp ủy và chính quyền các cấp cần kiểm điểm việc đào tạo bồi

duỡng. Tìm nguyên nhân từ đó có quy hoạch, kế hoạch đào tạo cụ thể (ngắn và dài hạn) và tập trung giải quyết mọi khó khăn để thực hiện tốt Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-CT/TU, ngày 5-2-1990

**Về việc tập trung chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp
vụ đông - xuân năm 1989-1990**

Năm 1989 tỉnh ta đã thu được nhiều kết quả trong quá trình chỉ đạo thực hiện ba chương trình kinh tế, nổi bật là chương trình lương thực - thực phẩm. Là năm có năng suất và sản lượng lương thực cao nhất từ trước đến nay, trên chân ruộng 2 vụ năng suất lúa đạt bình quân 59,5 tạ/ha/năm đưa sản lượng lương thực từ 267.767 tấn của năm 1988 lên 281.857 tấn năm 1989. Tuy vậy, trong sản xuất nông, lâm nghiệp nhìn chung cũng còn bộc lộ những nhược điểm, nổi bật là chưa phát huy được thế mạnh của mỗi vùng, dẫn đến sản xuất vẫn chưa thoát khỏi tình trạng độc canh, phân tán, có tập trung thâm canh nhưng chưa vững chắc, nói coi trọng cây lúa nước, xao nhãng đối với cây màu nên diện tích, năng suất cây màu đang suy giảm như cây ngô, khoai, khoai tây, đặc biệt là cây sắn là cây màu chủ lực song đang bị suy giảm đáng lo ngại. Nguyên nhân của sự tồn tại trên là do cơ chế giá, giữa sản xuất với lưu thông. Song nổi bật do một số nguyên nhân sau:

- Nhận thức các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh và Trung ương về sản xuất nông, lâm nghiệp chưa sâu và chưa toàn diện.
- Do được mùa nên dễ nảy sinh ra chủ quan coi nhẹ trồng màu,

đây là vấn đề đáng lo ngại, nếu như thời tiết không thuận thì tình trạng thiếu đói sẽ xảy ra.

- Sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền chưa sâu sát cơ sở và kiên quyết chỉ đạo sát với từng vùng, cán bộ quản lý trong các hợp tác xã còn hạn chế về năng lực nên tình trạng khoán trắng cho hộ gia đình còn phổ biến.

- Trước tình hình cấp bách của sản xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị, các ban, ngành trong toàn tỉnh có kế hoạch triển khai thực hiện đạt được những nhiệm vụ sau:

1. Ngay từ đầu năm có kế hoạch và biện pháp phát huy cho được thế mạnh của mỗi vùng, phát triển sản xuất toàn diện, đa dạng, chuyển nhanh từ sản xuất tự túc, tự cấp sang sản xuất hàng hóa.

2. Tập trung chỉ đạo cây lương thực theo hai hướng thâm canh và tăng diện tích cây màu. Tận dụng đất đồi gò, soi bãi, 1 vạn ha ruộng một vụ để trồng ngô, khoai, sắn và cây thực phẩm, đề phòng thiên tai gây mất màu.

3. Có kế hoạch chỉ đạo trồng rừng và các cây công nghiệp trong vụ xuân và vụ thu.

Biện pháp tổ chức và thực hiện:

- Thường vụ các cấp ủy Đảng khẩn trương đánh giá sản xuất nông, lâm nghiệp một cách toàn diện, nhất là cây lương thực (lúa, màu). Tìm đúng nguyên nhân từ đó có chủ trương và kế hoạch chỉ đạo kịp thời sát từng vùng, xem xét lại quỹ đất cả đất các nông, lâm trường, điều kiện vật chất phục vụ cho thâm canh, tăng vụ.

- Kiên quyết chỉ đạo vượt kế hoạch được giao trên cả ba mặt (diện tích, năng suất và sản lượng).

- Phân công cấp ủy phụ trách từng vùng, thường xuyên bám sát cơ sở, trực tiếp chỉ đạo và giải quyết những khó khăn, trở ngại, phòng ngừa thời tiết đột biến bảo vệ người, gia súc và cây trồng.

Đồng chí bí thư và phó bí thư các huyện, thị ủy báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương và biện pháp chỉ đạo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 751-QN/TU, ngày 8-2-1990

**Về việc đổi tên và quy định chức năng nhiệm vụ
Ban Dân vận Tỉnh ủy**

- Căn cứ Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 25-8-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương;
- Căn cứ bản Hướng dẫn ngày 29-12-1988 của Ban Dân vận Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác Ban Dân vận - dân tộc và để phù hợp với tình hình thực tế trong tỉnh;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 24-11-1989,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

- 1.** Đổi tên Ban Dân vận Tỉnh ủy hiện này thành Ban Dân vận - dân tộc tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn.
- 2.** Ban Dân vận - dân tộc có chức năng làm tham mưu giúp Tỉnh ủy về công tác quần chúng, công tác dân tộc, tôn giáo và công tác hóa vận.

Ban có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- a) *Nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất* các chủ trương, biện pháp thi

hành các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh ủy về công tác quần chúng, công tác dân tộc, công tác tôn giáo và người Hoa ở địa phương. Kiến nghị với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề về chủ trương, chính sách đối với những công tác nói trên.

b) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tham gia ý kiến với các cấp ủy, các ngành, các cấp chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của tỉnh đối với công tác quần chúng và công tác dân tộc, tôn giáo và người Hoa.

c) Phối hợp với các ban, ngành, Mặt trận, các đoàn thể trong việc giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh nắm tình hình đề ra chủ trương, biện pháp hướng dẫn các cấp, các ngành trong tỉnh tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách đối với tôn giáo và người Hoa, xây dựng cơ sở chính trị và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cốt cán làm công tác tôn giáo, người Hoa.

d) Tham gia với Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý và thực hiện tốt chính sách cán bộ thuộc khối đoàn thể và Mặt trận các cấp trong tỉnh. Cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn kiểm tra đôn đốc các cấp ủy Đảng, các đoàn thể và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp làm công tác cán bộ thuộc Khối Dân vận, cán bộ dân tộc, cán bộ làm công tác tôn giáo.

đ) Phối hợp tham gia cùng Đảng ủy các cơ quan tỉnh xây dựng các đảng bộ, chi bộ cơ quan trong Khối Dân vận vững mạnh.

3. Tổ chức bộ máy và cách làm việc

- Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng có trưởng ban và một số phó trưởng ban giúp việc.

- Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về toàn bộ công tác của Ban. Các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban, đồng thời cùng trưởng ban chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lĩnh vực công tác được phân công.

- Bộ máy giúp việc của Ban gồm có:
- + Văn phòng Ban.
- + Bộ phận theo dõi công tác các đoàn thể và các hội quần chúng.
- + Bộ phận công tác tôn giáo và người Hoa.
- + Bộ phận công tác dân tộc.
- + Ban Tổ chức Tỉnh ủy thống nhất với Ban Dân vận - dân tộc về biên chế Ban Dân vận - dân tộc Tỉnh ủy để có đủ cán bộ thực hiện được chức năng, nhiệm vụ quy định trên.

4. Ban Dân vận - dân tộc, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể các cấp có nhiệm vụ thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 756-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc bầu cử bổ sung Bí thư, Phó Bí thư
và Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bảo Thắng**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử bổ sung Thường vụ Huyện ủy của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện Bảo Thắng họp ngày 1-2-1990 xét duyệt về công tác cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y các đồng chí có tên sau đây là Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Thắng:

- 1- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Bí thư Huyện ủy
- 2- Đồng chí Phạm Kỳ, Phó Bí thư Huyện ủy
- 3- Đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Phó Bí thư Huyện ủy
- 4- Đồng chí Nguyễn Đức Cách, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Sinh, Ủy viên Ban Thường vụ.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo Thắng và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 757-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc bầu cử bổ sung Phó Bí thư
và Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Yên Bình**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ kết quả bầu cử bổ sung Phó Bí thư và Ủy viên Thường
vụ Huyện ủy của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên
Bình họp ngày 19-1-1990,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y các đồng chí có tên sau đây là Phó Bí thư và Ủy
viên Ban Thường vụ Huyện ủy Yên Bình:
 - 1- Đồng chí Vũ Tuyên, Phó Bí thư Huyện ủy
 - 2- Đồng chí Đào Duy Vượng, Ủy viên Ban Thường vụ.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Yên
Bình và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 758-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên
chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Công văn số 07, ngày 20-1-1990 của Huyện ủy Yên Bình
đề nghị về việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y chuyển đồng chí Hoàng Cao Nguyên, Ủy viên dự khuyết
lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Yên Bình
và đồng chí Hoàng Cao Nguyên căn cứ Quyết định này thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 759-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc bầu cử bổ sung Bí thư, Phó Bí thư
và Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Văn Yên**

- Căn cứ Điều 15 Chương II điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ kết quả bầu cử bổ sung Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên họp ngày 19-1-1990,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y các đồng chí có tên sau đây là Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Yên.
 - 1- Đồng chí Đinh Công Thế, Bí thư Huyện ủy
 - 2- Đồng chí Hoàng Xuân Lộc, Phó Bí thư Huyện ủy
 - 3- Đồng chí Nguyễn Thị Mùi, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 760-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc bầu cử bổ sung Ủy viên
Thường vụ Huyện ủy Văn Chấn**

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ của
Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn họp ngày 18-
1-1990,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Trần Thanh Hải, Ủy viên Ban Thường vụ
Huyện ủy Văn Chấn.

Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Trần Thanh Hải do Ban Thường
vụ Huyện ủy phân công.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn
Chấn và đồng chí Trần Thanh Hải căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 761-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên
chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Công văn số 13, ngày 19-1-1990 của Huyện ủy Văn Yên
đề nghị về việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y chuyển đồng chí Nguyễn Văn Diêu, Ủy viên dự
khuyết lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện
Văn Yên.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn
Yên và đồng chí Nguyễn Văn Diêu căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 762-QĐ/TU, ngày 17-2-1990

**Chuẩn y việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên
chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Công văn số 52, ngày 12-1-1990 của Ban Thường vụ
Huyện ủy Bảo Thắng đề nghị về việc chuyển ủy viên dự khuyết lên
ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y các đồng chí có tên sau đây là ủy viên dự khuyết
lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng:
 - 1- Đồng chí Phạm Thị Dân
 - 2- Đồng chí Nguyễn Xuân Yên.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo
Thắng và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 255-TB/TU, ngày 3-3-1990

Về một số chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ngày 22-2-1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp bàn cụ thể việc thực hiện chương trình công tác quý I do Ban Chấp hành Tỉnh ủy quyết định và chủ trương giải quyết một số công việc trước mắt như sau:

1- Chuẩn bị mở hội nghị sơ kết và triển khai một số nghị quyết:

Cuối quý I (có thể làm sang quý II năm 1990) mở hội nghị các huyện, các sở, ngành, đoàn thể sơ kết Nghị quyết 10 (kịp thì sơ kết cả Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị) đồng thời triển khai Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi và nghị quyết phát triển kinh tế lâm nghiệp của Tỉnh ủy.

Để hội nghị đạt chất lượng tốt cần bám sát yêu cầu của các nghị quyết khảo sát, sơ tổng kết rút kinh nghiệm và kiến nghị các chính sách với tỉnh và với Trung ương.

Riêng Nghị quyết 22, không chờ đợi chính sách cụ thể hóa của Trung ương, mà cần có chủ trương chính sách chủ động phát huy khả năng của địa phương, của nhân dân để thực hiện. Đối với nghị quyết phát triển kinh tế lâm nghiệp, cần cụ thể hóa các chính sách để thực hiện, nhất là việc tổ chức lại lâm trường, xí nghiệp, tổ chức khoanh nuôi rừng, dịch vụ kỹ thuật, chính sách thừa kế trong giao đất rừng cho đơn vị và cá nhân... để triển khai thực hiện được ngay...

Về sơ kết Nghị quyết 10 và 16, triển khai nghị quyết lâm nghiệp do Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, có sự tham gia của Ban Kinh tế Tỉnh ủy và các cơ quan nhà nước liên quan. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chuẩn bị triển khai quán triệt Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị trong hội nghị nói trên.

2- Rà soát quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh và dự kiến kế hoạch kinh tế - xã hội 1991-1995. Thường trực Ủy ban nhân dân chủ trì chỉ đạo và giao cho Ủy ban Kế hoạch tỉnh lập một nhóm cán bộ trực tiếp làm công tác này, do đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch trực tiếp phụ trách (cố gắng để quý II đưa ra Ban Thường vụ thảo luận).

3- Nghe báo cáo về tình hình kinh doanh lương thực, tình hình liên kết kinh tế với nước ngoài và tình hình thu, chi tài chính ngân sách. Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chuẩn bị để đầu tháng 3-1990 đưa ra báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4- Duyệt nâng lương năm 1989 Ban lương tỉnh cần khẩn trương chuẩn bị để đưa ra duyệt nâng lương thường xuyên năm 1989 thuộc diện Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy quản lý vào đầu tháng 3-1990.

5- Về sắp xếp lại bộ máy, tổ chức lại sản xuất. Cần tiếp tục triển khai khẩn trương theo chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy. Về sắp xếp lại bộ máy các cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể do Ban chỉ đạo của tỉnh làm tiếp, còn về sắp xếp lại sản xuất các công ty, xí nghiệp, do Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo trực tiếp để bảo đảm đồng bộ, tập trung, thống nhất.

6- Mở hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1989, để việc xem xét đánh giá được toàn diện và thống nhất, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị báo cáo (có sự phối hợp của Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận) và sau đó các ban sẽ mở hội nghị tổng kết vào tháng 3-1990.

7- Một số công tác khác:

- Ban Thường vụ nhất trí các cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy

hàng tuần mời đồng chí chủ tịch Hội đồng nhân dân và đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân đến họp để nghe báo cáo và giải quyết công việc được kịp thời.

- Phân công đồng chí Tạ Hữu Thanh, Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách huyện Văn Yên, đồng chí Tráng A Pao, Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách huyện Bảo Thắng và thêm huyện Mường Khương, trong khi đồng chí Lò Văn Nhài đi học vắng. Còn các đồng chí khác vẫn theo như trước đây đã phân công.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận - dân tộc Tỉnh ủy khẩn trương hoàn thành chuẩn bị nhân sự để sớm tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh, nghiên cứu kiện toàn lãnh đạo Ban Tuyên giáo và giải quyết một số về công tác cán bộ tồn tại lâu chưa được giải quyết dứt điểm để trình Ban Thường vụ quyết định (cả việc bố trí, sắp xếp và một số nghỉ theo chế độ).

Vậy xin thông báo để các đồng chí biết và tổ chức thực hiện kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 41-BC/TU, ngày 6-3-1990

Về tình hình năm 1989 và phương hướng nhiệm vụ năm 1990

Năm 1989 là năm thực sự đi vào vận hành theo cơ chế quản lý mới với những thắng lợi mới đồng thời cũng là năm bộc lộ những khó khăn gay gắt như trong đánh giá của Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 13 nhằm hướng toàn Đảng bộ vào những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt. Sau đây là tình hình chủ yếu trên các mặt công tác.

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

- Trong việc thực hiện ba chương trình kinh tế, đã có rất nhiều cố gắng trên mặt trận sản xuất lương thực nhất là việc khắc phục những khó khăn về thời tiết trong những tháng đầu năm để bảo đảm diện tích gieo trồng, gắn với đẩy mạnh thâm canh, dưới tác động của cơ chế khoán theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị.

Tính chung, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực đạt 117.000 ha, đạt 98,6% kế hoạch và tăng 0,1% so với năm trước, trong đó lúa nước 52.000 ha tăng 0,6%, lúa nương mỳ 18.500 ha tăng 3%, ngô 25.000 ha tăng 2%, sắn 17.000 ha, riêng cây ngô so với kế hoạch mới đạt 88,5% và sắn giảm hơn năm trước 1,7%.

Năng suất lúa ruộng cả năm đạt 59,5 tạ/ha, gần bằng mức kế hoạch đã đề ra với 7,17 huyện thị đạt trên 60 tạ, trong đó có 4 huyện, thị đạt xấp xỉ và vượt năng suất 70 tạ.

Tổng sản lượng lương thực đạt gần 282 ngàn tấn, đạt 99% kế hoạch, tăng hơn năm trước 5%, và cũng là mức cao nhất từ trước đến nay, trong đó sản lượng thóc 176.700 tấn đạt mức kế hoạch và màu 105.000 tấn đạt 95,7%. Như vậy tỷ trọng màu đạt 37,3% so với mục tiêu Đại hội là 41% và mức bình quân lương thực đầu người mới đạt 274 kg so với mục tiêu của Đại hội 350 kg.

Có thể nói thành tích trong sản xuất lương thực có phần do thời tiết thuận lợi, đồng thời có sự tác động rất lớn của cơ chế, nhìn chung sau khi đã làm xong việc rà soát quy mô, với tổng số hợp tác xã là 497, số tổ đoàn kết ở vùng cao là 472, qua điều tra ở 209 hợp tác xã số tiên tiến đạt 15%, trung bình 50% còn lại là yếu, điều quan trọng là đã phát triển kinh tế hộ gia đình, đồng thời cơ bản đã thực hiện khoán đơn giá đối với cây lúa, với tổng số trên 10 vạn hộ và thực hiện khoán đối với cây chè ở 95 hợp tác xã với trên 1 vạn hộ, đã thực hiện bán trâu hoặc giao trâu cho xã viên quản lý. Thông qua khoán người lao động đã gắn với kết quả lao động và gắn với lợi ích nên thúc đẩy được sản xuất phát triển, cũng như thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhất là về thời vụ giống và chăm sóc. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đổi mới cơ chế chưa thực sự đi sâu đánh giá để làm tốt cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối, ăn chia, như vấn đề phân phối quỹ đất, định năng suất sản lượng khoán, nội dung quản lý còn nhiều sơ hở, chậm thu hồi vốn, bán tài sản, kê đọng sản phẩm tăng hơn trước, nhiều hợp tác xã bị mất vốn, không còn nội dung. Mặt khác, chưa chú trọng tạo điều kiện để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, như còn bất hợp lý, về tỷ giá giữa thóc và phân hóa học, chưa làm tốt phòng trừ dịch bệnh, còn để các ổ dịch tái phát, chưa mở rộng việc khoán để đẩy mạnh phát triển ngành nghề, trong đó đáng chú ý là hoa màu không đạt kế hoạch, nhất là cây ngô còn nhiều tiềm năng phát triển. Các loại

cây công nghiệp đạt thấp trong đó cây chè đang giảm cả diện tích năng suất và sản lượng. Chăn nuôi nói chung giữ ở mức bình thường, riêng việc nuôi thả và đánh bắt thủy sản đang giảm sút, việc rà soát để sắp xếp lại các nông, lâm trường nói chung còn chậm, trong quản lý cũng như điều hành nói chung còn nhiều hiện tượng buông lỏng và để khoán trắng, các dịch vụ kỹ thuật như cung ứng phân bón thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật ở nhiều nơi làm chưa tốt.

Nhìn khái quát trong sản xuất nông nghiệp so với yêu cầu thì trên cả ba mặt diện tích năng suất và sản lượng nhất là hoa màu chưa đạt kế hoạch, ngô chưa được coi trọng đúng mức, việc đưa màu xuống chân ruộng 1 vụ làm còn ít. Đáng chú ý là mức lương thực bình quân trên đầu người sau 4 năm thực hiện nghị quyết của Đại hội thì còn dậm chân và còn cách xa với mục tiêu.

Trong kinh tế lâm nghiệp, khó khăn nổi lên là thiếu vốn cho trồng rừng tập trung và chưa có chính sách hỗ trợ hợp lý cho trồng cây nhân dân. Chưa chú trọng đúng mức việc khoanh nuôi, tốc độ trồng cây nhân dân chưa mạnh. Khó khăn lớn nhất trong nông nghiệp với việc đổi mới cơ chế là vấn đề tiêu thụ lâm sản do giá và do những yếu kém trong quản lý để nhiều thành phần khai thác trốn lậu thuế, nên gỗ nguyên liệu của quốc doanh thường xuyên tồn đọng khoảng 7.000 m³. Việc chế biến lâm sản nói chung chưa được đổi mới để nâng cao chất lượng và hạ giá thành nên cũng gặp khó khăn trong tiêu thụ. Đời sống của gần 6.000 cán bộ, công nhân viên lâm nghiệp gặp khó khăn lớn.

Công tác định canh định cư tuy đã đi vào củng cố về mặt tổ chức gắn với việc chuyển phương thức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, nhưng kết quả còn hạn chế, rừng vẫn bị tàn phá, nạn xâm canh, xâm cư, di dịch cư cũng như nạn tranh chấp đất đai ở một số nơi vẫn tiếp diễn. Đời sống của đồng bào thuộc diện vận động nói chung chưa được ổn định.

- Về sản xuất hàng công nghiệp và hàng tiêu dùng, cùng với

việc vận hành theo cơ chế quản lý mới, đã chú trọng phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh gồm các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, tổ đội cá thể, và kinh doanh dịch vụ, tạo việc làm cho hàng vạn lao động xã hội.

Đối với kinh tế quốc doanh, đã tập trung tháo gỡ những khó khăn trong quá trình đổi mới cơ chế như điều chỉnh lãi suất và thời hạn vay, tiến hành rà soát để hoãn nợ và thoái thu, thành lập trung tâm tín dụng để cho vay với lãi suất thấp, cũng như việc tính lùi khấu hao, giảm mức thu quốc doanh và cho phép hạ giá bán để tiêu thụ hàng tồn đọng, gắn với tổ chức lại sản xuất đã chuyển hướng sản xuất gắn với thị trường, dần dần các xí nghiệp đã đi vào ổn định và tạo thêm những sản phẩm mới như gỗ ván sàn, bàn ghế xuất khẩu, đá ốp lát, sứ điện 35, cao lanh tinh lọc... một số công nhân không có việc làm đầu năm, bước đầu đã trở lại làm việc.

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp vẫn chưa thoát khỏi những khó khăn trầm trọng, nhiều thiết bị máy móc chưa được đổi mới trình độ tay nghề chưa được nâng cao, chất lượng sản phẩm kém, và hình thức còn xấu, chưa đủ sức cạnh tranh nên nói chung vấn đề tiêu thụ sản phẩm công nghiệp địa phương là khó khăn lớn, nhất trong quá trình đổi mới cơ chế nhất là đối với cấp huyện. Dự ước giá trị sản lượng đạt 366 triệu đồng, đạt 61% kế hoạch và giảm 28% so với năm trước. Trong đó, công nghiệp quốc doanh 184,6 triệu đạt 54% kế hoạch, và giảm hơn năm trước 34%. Sản xuất công nghiệp sa sút là một trong những nguyên nhân quan trọng gây thất thu ngân sách địa phương. Các cơ sở kinh tế Trung ương ở địa phương cũng gặp nhiều khó khăn lớn (Mỏ apatít, Xí nghiệp chè...), được sự hỗ trợ của Trung ương về cuối năm các đơn vị này đã tháo gỡ được khó khăn, bảo đảm việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương.

- Về hàng xuất khẩu, đã đi vào đầu tư sản xuất, thu mua hàng xuất khẩu và đã tạo được tích lũy cho ngân sách tỉnh và huyện.

Đồng thời đã tạo điều kiện cho các đơn vị từng bước tiếp cận thị trường tạo ra một số mặt hàng xuất khẩu mới như chuối khô, quần áo bảo hộ lao động, ghế chân tiện... Tổng giá trị sản xuất hàng xuất khẩu của địa phương năm 1989 đạt 3.879.908 rúp (trong đó các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc tỉnh, tỉnh quản đạt 2.587.012 rúp, các huyện bán thẳng cho các đơn vị ngoài tỉnh đạt 1.292.896 rúp). Mặt khác đã tăng cường một bước hoạt động kinh tế đối ngoại, tranh thủ viện trợ của các tổ chức quốc tế như: bánh mì cho thế giới, PAM, FAO, UNICEF... có hiệu quả với tổng số dự án được xây dựng là 19 đã mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài như với Đức và Cuba trong sản xuất sứ điện, với Liên Xô trong sản xuất chè, với Thái Lan trong liên doanh khai thác đá quý, đầu tư trồng rừng chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Tuy nhiên, kết quả xuất khẩu so với mục tiêu còn thấp, lãnh đạo và chỉ đạo chưa tập trung vào những mặt hàng chủ yếu, tổ chức sản xuất hàng chậm đổi mới, nguồn hàng còn phân tán, nhiều đơn vị và tổ chức cá nhân tranh mua gây sức ép về giá, mặt khác việc quản lý sử dụng ngoại tệ chưa thống nhất, chính sách thuế tài nguyên còn nhiều kẽ hở để con buôn hoạt động. Trong hoạt động kinh tế đối ngoại còn hạn chế về thông tin và quản lý cơ sở hạ tầng nói chung còn nhiều thiếu thốn.

- Về xây dựng cơ bản, đã hướng tập trung vào các công trình trọng điểm nhằm phục vụ chương trình kinh tế và đầu tư cho biên giới, với tổng mức đầu tư 11 tỷ đồng, đạt 112,3% kế hoạch, một số công trình lớn đã được tiếp tục thi công và khởi công như cầu Yên Bái, cầu Tô Mậu, cầu Thia, cùng với việc nâng cấp một số tuyến đường. Đã đi vào quy hoạch để khôi phục một số huyện, lỵ, việc đầu tư cho một số huyện biên giới đã được tiến hành theo chủ trương của Trung ương. Việc thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã có một số kết quả như làm cầu Yên Bái, đường điện Văn Yên...

Song, trong xây dựng cơ bản đang gặp khó khăn về vốn thanh

toán chủ yếu là phân vốn địa phương. Trong quản lý một số chính sách chậm được điều chỉnh, còn nhiều tiêu cực trong quản lý thiết kế cũng như trong thi công và trong đấu thầu. Thực chất trong xây dựng cơ bản vẫn là thực thanh và thực chi.

- Về phân phối lưu thông, đã kiên quyết chuyển hoạt động thương nghiệp và lương thực sang hạch toán kinh doanh, mở rộng thị trường và thực hiện cơ chế một giá. Giá cả nói chung đã giữ ổn định. Tuy nhiên vẫn có sự bùng nổ trong kinh doanh thương nghiệp với nhiều đơn vị, cơ quan, các hộ tư thương và nhiều cán bộ, công nhân viên với nhiều tiêu cực trong ký kết hợp đồng, trốn lậu thuế, tranh mua tranh bán và tuần hàng ký gửi để buôn bán kiếm lời. Hoạt động thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán còn nhiều lúng túng và gặp khó khăn nhất là đối với cấp huyện. Công tác quản lý thị trường nói chung chưa được tập trung chỉ đạo và phối hợp đồng bộ, nhiều lâm sản và đặc sản quý bị thất thu.

Về ngân sách, đã có nhiều cố gắng trong việc chống lạm phát, với mở rộng thêm các nguồn thu như thu lệ phí giao thông, thu nghĩa vụ lao động, thu xổ số... Tuy nhiên vẫn còn bỏ sót nhiều nguồn thu và do sản xuất quốc doanh gặp khó khăn nên ảnh hưởng lớn đến kết quả thu nộp. Mặc dù kế hoạch đã điều chỉnh nhưng kết quả chỉ đạt 86%. Mức tự cân đối của ngân sách địa phương là 62% so với năm trước là 68%. Nói chung tình hình ngân sách luôn luôn căng thẳng còn mất cân đối khoảng 4 tỷ đồng, mặt khác việc chi tiêu chưa được quản lý chặt chẽ, tỷ lệ chi trên đồng lương tăng gấp nhiều lần so với quy định và nói chung buông lỏng kiểm tra tài chính, buông lỏng quyết toán chi và chưa làm tốt quản lý các nguồn vốn. Có sự tự phát trong việc mua sắm trang thiết bị ở các xí nghiệp, cơ quan tạo sự chênh lệch giữa các ngành, các khối cũng như sự chênh lệch về đời sống giữa người quản lý với công nhân viên hiện đang là vấn đề nóng bỏng, trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nhiều xí nghiệp.

Công tác tiền tệ có nhiều cố gắng trong việc huy động vốn tín

dụng, góp phần khắc phục tình trạng căng thẳng về vốn, xong trong quản lý chưa chỉ đạo chặt chẽ và hoạt động ngân hàng còn biểu hiện tiêu cực nhất là trong việc cho vay kể cả đối với tư nhân.

- Về mặt xã hội, vấn đề giải quyết việc làm gắn với việc tổ chức lại sản xuất, đầu tư mở rộng xí nghiệp và mở rộng dịch vụ, tổ chức lao động hợp tác và giải quyết chính sách cũng như việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, tuy nhiên vẫn còn khoảng 8.000 lao động cộng với số học sinh tốt nghiệp, bộ đội ra quân chưa bố trí được việc làm đang là tồn tại lớn trong chính sách xã hội. Đời sống của công nhân nhất là công nhân lao động phổ thông còn gặp nhiều khó khăn, một số chính sách như chính sách thâm niên giáo viên và chính sách trợ cấp đông con chậm được thực hiện, chính sách cho thôi việc không có vốn, bên cạnh đó là tình hình phát triển dân số đang là điều đáng quan tâm với tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 1989 là 2,35% so với mục tiêu là 1,85% của Đại hội. Cuộc tổng điều tra dân số 1-4 với dân số trên 1 triệu đã kéo theo nhiều chỉ tiêu về đời sống đạt thấp so với mục tiêu Đại hội.

Các mặt y tế, giáo dục, thể dục thể thao nói chung được giữ vững, đã tăng thêm số cơ sở vật chất, tiếp tục thực hiện chương trình cải cách giáo dục, tổ chức tiêm phòng và phòng, chống dịch bệnh cũng như mở rộng các hình thức điều trị nhằm nâng cao chất lượng gắn với giảm dần bao cấp, công tác quản lý văn hóa phẩm đã tập trung chỉ đạo, tuy nhiên tình hình xã hội diễn biến trong năm có nhiều phức tạp với các tệ nạn, nạn nghiện hút và mua bán súng trái phép đã gây những hậu quả nghiêm trọng. Trong giáo dục số học sinh bỏ học nhiều, kể cả vùng thấp và đối với vùng cao chưa triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy. Ngoài ra, về mặt xã hội nổi lên hoạt động Thiên Chúa giáo và đạo Phật như đã bổ sung thêm linh mục, tu sửa và làm mới nhà thờ, đi lễ tăng, việc giải quyết một số vụ việc trong tôn giáo có nơi làm chưa tốt, gây căng thẳng và có phản ứng trong đồng bào giáo dân.

Tóm lại, tình hình kinh tế, xã hội trong sự đổi mới. Tỉnh ủy các cấp các ngành đã có nhiều cố gắng tập trung vào thực hiện ba chương trình kinh tế nhất là vấn đề về lương thực và thực phẩm gắn với phát triển các thành phần kinh tế và thực hiện đổi mới cơ chế, từng bước chuyển cách quản lý tập trung, hành chính, bao cấp sang hạch toán kinh doanh gắn với xác lập quyền tự chủ của đơn vị cơ sở và quyền làm chủ của người lao động với lợi ích.

- Nhìn chung sản xuất xã hội có phát triển theo sự vận hành của cơ chế quản lý mới, sản phẩm hàng hóa tăng, vai trò tự chủ của cơ sở, của người lao động. Với tính chủ động sáng tạo đã được phát huy đã quan tâm tới sản xuất hàng hóa, quan tâm đến thị trường để sản xuất có hiệu quả trong sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế. Một số mô hình làm ăn giỏi bao gồm hộ kinh tế gia đình, tổ hợp kinh tế làm rừng, làm vườn, làm thủ công nổi lên khả năng khai thác thế mạnh của miền núi khi gắn được sản xuất với thị trường và gắn được lao động với lợi ích.

- Lưu thông đã được mở mang, dân chủ trong mua và bán đã thật sự được thực hiện về cơ bản đã khắc phục những tiêu cực trong mua và bán theo lối bao cấp nên điều tiết được cung cầu khắc phục được tâm lý dự trữ gây mất cân đối giả tạo, hàng hóa phong phú và dễ mua. Tình hình giá cả nói chung về cuối năm là ổn định, đời sống có cải thiện, nhân dân phấn khởi và đồng tình hưởng ứng.

- Trong quản lý đã nâng cao chất lượng hạch toán và kinh doanh đã quan tâm tới hiệu quả do đã làm rõ được lãi và lỗ.

- Từ kết quả trên, một lần nữa khẳng định trong việc đẩy mạnh sản xuất, giải quyết khó khăn, cũng như trong việc nâng cao đời sống nhân dân trước hết phải tháo gỡ từ cơ sở, phải kiên trì xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp trên tất cả các lĩnh vực nhất là trong kinh tế. Cơ chế quản lý mới phải được vận dụng sát thực tế, phải thực sự đi vào cuộc sống, phải trở thành động lực thúc đẩy sản xuất, mặt khác với đặc điểm của một tỉnh miền núi còn mang nặng

tính tự túc tự cấp phải khuyết khích được các thành phần kinh tế nhất là kinh tế hộ gia đình nhằm khai thác tiềm năng sẵn có, phải mở rộng liên doanh liên kết để bổ sung kỹ thuật đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phải làm tốt chức năng quản lý nhà nước của các ngành đi đôi với tạo quyền chủ động cho cơ sở sản xuất kinh doanh, phải tranh thủ đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Khoa học - kỹ thuật phải thực sự là động lực, là lực lượng sản xuất và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, những chuyển biến trong năm 1989 mới là bước đầu chưa vững chắc. Sau 4 năm thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh, các mục tiêu chủ yếu đều đạt thấp, lương thực đạt 85% với bình quân lương thực đầu người đạt 78%, sản xuất công nghiệp đạt 49%, hàng xuất khẩu 45%, những vấn đề lớn của kinh tế - xã hội miền núi như lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây đặc sản, vấn đề định canh định cư về cơ bản vẫn chưa có hướng để phát triển thành thế mạnh, sự mất cân đối nhất là về tài chính và tiền tệ còn lớn, việc chỉ đạo sản xuất hàng hóa nói chung chưa mạnh.

Mặt khác, việc chuyển đổi cơ chế, thực chất mới phát huy trong nông nghiệp và trong lưu thông, đồng thời đã bộc lộ sự yếu kém trong kinh tế quốc doanh, thực chất kinh tế quốc doanh chưa làm được vai trò chủ đạo và có sự suy yếu, nhất là đối với cấp huyện trên các mặt như tổ chức sản xuất, trong quản lý cũng như trong khoa học - kỹ thuật. Trước sự phát triển của các thành phần kinh tế, trong việc mở rộng giao lưu có cạnh tranh kinh tế quốc doanh thực sự gặp khó khăn gay gắt đó là một tình hình cần phải được hết sức quan tâm trong định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh đó có sự bung ra không đúng hướng trong phát triển các thành phần kinh tế chủ yếu là buôn bán và dịch vụ, thị trường lộn xộn với các tiêu cực trong quản lý cũng như trong xã hội.

Tình hình xã hội nói chung còn nhiều khó khăn và tiêu cực, có sự chênh lệch rõ rệt về mức sống giữa các đối tượng cũng với lối sống, các tai tệ nạn nói chung còn nặng.

Nguyên nhân của tình hình trên, về khách quan vẫn do khó khăn vốn có của một tỉnh miền núi, cùng với hệ thống chính sách thiếu đồng bộ và chưa phù hợp.

- Về mặt chủ quan, việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất tuy có làm, làm chưa đồng bộ, nhưng nói chung còn chậm và nhiều lúng túng trong giải quyết hậu quả. Bộ máy nhà nước còn cồng kềnh và chưa định rõ chức năng và còn cấp trung gian, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội nói chung còn nhiều mặt yếu.

Mặt khác, trong lãnh đạo và chỉ đạo chưa thực sự tập trung, chưa bám sát mục tiêu và chậm xử lý, chuyển đổi cơ chế chưa đồng bộ, thông tin kinh tế, thông tin thị trường nói chung chưa được coi trọng đúng mức, công tác khoa học - kỹ thuật nhìn chung chưa được đẩy mạnh nhất là trong việc nâng cao chất lượng, nâng cao năng suất, nâng cao hiệu quả kinh tế.

2. Về quốc phòng và an ninh¹

Trên tuyến biên giới, nhìn chung có diễn biến phức tạp về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội (...).

Đã phát hiện trong năm có 1977 vụ xâm nhập với 248 tên, bắt được 20 vụ và 124 tên.

Tình hình qua lại sau khi có Thông báo 118, có 15.500 lượt người Việt Nam sang Trung Quốc, trong đó có 460 lượt người ở tuyến sau, 340 cán bộ, công nhân viên, trên 20 chiến sĩ lực lượng vũ trang, 46 đảng viên, ngoài ra có cả đối tượng điều tra đối tượng hiềm nghi... Việt kiều người Hoa, số lượt người Trung Quốc sang là 11.500, trong đó có 250 người đi sâu vào nội địa, trong tổ chức và quản lý qua lại đã mở 6 lối đi thành lập 2 trạm kiểm soát liên hợp nhưng việc qua lại vẫn lộn xộn, buôn bán trái phép vận chuyển qua biên giới ngày càng tăng và phức tạp nhất là vũ khí, chất cháy

1. Bản gốc có mục 2 không có mục 1 - BT.

nổ, kim loại màu, tai nạn chết người, trong việc qua lại biên giới đã xảy ra một số vụ.

Tình hình nội địa có mặt nghiêm trọng hơn trước. Các loại vụ như trọng án, cướp có vũ khí, chống người thi hành công vụ tăng nhiều, trong năm đã xảy ra 1247 vụ, trong đó phạm pháp hình sự 717 vụ, tai tệ nạn xã hội 278 vụ, đã gây chết 186 người, bị thương 332 người, cùng một số phương tiện súng, đạn và tài sản quý.

Nhiệm vụ quốc phòng chủ yếu tập trung vào xây dựng các khu vực phòng thủ theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, thực hiện sắp xếp lại bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị và củng cố các đồn biên phòng đã làm xong điều chỉnh lực lượng, bố trí lại đội hình cho 5 huyện, thị, biên giới, giải quyết ra quân và giải thể một số đơn vị, cùng với việc tiếp nhận một số lực lượng. Đã tổ chức diễn tập cho 1 huyện, mở lớp huấn luyện dự bị động viên, dân quân tự vệ và hoàn thành công tác tuyển quân. Thành lập các ban cán sự để thực hiện cơ chế lãnh đạo chính quyền điều hành, quân sự làm tham mưu. Tuy nhiên việc giáo dục quốc phòng toàn dân làm còn yếu, việc xây dựng lực lượng dự bị chưa được coi trọng đúng mức.

Về công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo tinh thần Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết 13 của Tỉnh ủy đã liên tiếp mở các đợt tấn công truy quét bọn tội phạm hình sự, điều tra được 640 vụ án, triệt phá 39 ổ nhóm hình sự, 4 đường dây buôn bán vũ khí, lập hồ sơ cải tạo 102 tên, mở lớp cải huấn 226 đối tượng, bắt 919 tên phạm tội, 108 súng cùng với nhiều phương tiện gây án. Nhiều nơi đã xây dựng được phong trào giữ gìn trật tự, an toàn xã hội như Văn Yên, Trấn Yên, Bảo Thắng, Văn Chấn, thị xã Yên Bái, đường sắt.

Đã khởi tố 369 vụ gồm 645 đối tượng, truy tố 239 vụ đã giải quyết hình sự thụ lý 256/363 vụ, hình sự sơ thẩm 187/219 vụ, giải quyết xong phúc thẩm thụ lý và giám đốc thẩm.

Đã tổ chức 351 cuộc thanh tra và kiểm tra, giải quyết 603 đơn khiếu nại và 245 đơn tố cáo, đạt tỷ lệ 84%.

3. Về công tác xây dựng Đảng và các hoạt động quần chúng

- Hướng trọng tâm trong công tác chính trị tư tưởng tập trung vào nâng cao nhận thức lý luận, nhằm làm rõ và khẳng định các quan điểm đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu và Nghị quyết 7 về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay. Về Nghị quyết Trung ương 6 đã quán triệt tới 869 cơ sở đảng đạt 96% với 28.600 đảng viên, đạt 86%. Đã quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 tới 95% cơ sở, với số đảng viên đạt 92%.

Trước những thành quả bước đầu nhất là trong chuyển đổi cơ chế, cán bộ, đảng viên và quần chúng đã thấy được hướng đi bước đầu có nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, khắc phục tư duy một chiều, duy ý chí, và có sự thống nhất cao về mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội. Đã có nhận thức đúng đắn với sự phấn khởi đồng tình trong việc xóa bỏ cơ chế bao cấp với ý thức kinh doanh, quan tâm đến sản xuất hàng hóa, quan tâm tới thị trường để tìm cách sản xuất có hiệu quả. Mặt khác, cũng do thay đổi cơ chế đã nâng cao ý thức phục vụ vị trí của người tiêu dùng, cũng như vị trí của người lao động cùng với tính dân chủ công khai đã được coi trọng đó là sự thay đổi cơ bản được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng.

Ngoài ra, trong chuyển hướng chính sách đối ngoại tìm giải pháp đối với Campuchia cũng thiện chí trong việc lập lại quan hệ bình thường với Trung Quốc, việc tổ chức mở cửa cho nhân dân hai bên qua lại đã đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

Thực tế những điều làm được trong tiến trình đổi mới đã góp phần quan trọng vào việc khắc phục tư tưởng bảo thủ cũng như khắc phục từng bước những biểu hiện tiêu cực trong lưu thông phân phối. Dân chủ trên các lĩnh vực bước đầu được phát huy, đã góp phần giải phóng tư tưởng, lòng tin bước đầu đã được củng cố.

Về công tác tổ chức, đã tập trung rà soát và nghiên cứu để có phương án tổ chức sắp xếp lại bộ máy từ tỉnh đến huyện và xã

cũng như trong khu vực hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh trong Khối Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng đi đôi với chỉ đạo rà soát biên chế có chính sách giải quyết số biên chế dôi ra. Tính chung Khối Hành chính đã giảm 247 đầu mối với 651 biên chế. Đối với khu vực sản xuất kinh doanh đã chỉ đạo sắp xếp lại lao động xí nghiệp thuộc các ngành công nghiệp, giao thông, nông - lâm nghiệp huyện Yên Bình, Văn Yên đã thực hiện tinh giản bộ máy gián tiếp và đã giải quyết chính sách cho 5.600 lao động.

Đối với bộ máy nhà nước đã tập trung chỉ đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp và bầu bổ sung đại biểu Quốc hội với tỷ lệ đi bầu đạt 98%, đã bầu 94/95 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 729/736 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã và 10.230/10.261 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn đã tiến hành họp Hội đồng nhân dân các cấp bầu cơ quan thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo luật định.

Hoàn thành việc mở Đại hội Đảng hai cấp huyện, thị và cơ sở.

Về công tác cán bộ, đã tiến hành quy hoạch cán bộ chủ chốt cấp ủy tỉnh và quy hoạch cán bộ ở 31/52 ngành và 12/17 huyện, thị, kiện toàn đội ngũ cán bộ huyện và cơ sở sau đại hội hai cấp, gắn với việc xây dựng quy chế làm việc và chương trình công tác cho toàn khóa. Có quy chế về phân cấp quản lý cán bộ, công tác đào tạo bồi dưỡng có nhiều cố gắng, đã mở lớp đào tạo chương trình cao cấp tại chức cho 89 cán bộ lãnh đạo tỉnh và huyện.

- Về công tác xây dựng cơ sở đảng và đảng viên đã xúc tiến nghiên cứu nội dung công tác Đảng trong xí nghiệp quốc doanh và nông thôn, tiến hành đánh giá chất lượng cơ sở đảng có 30% số cơ sở phát huy vai trò lãnh đạo, 55% số cơ sở giữ vững được phong trào, còn lại là cơ sở yếu, đã phân tích 749 cấp ủy viên có 33,4% hoàn thành tốt nhiệm vụ, 57% hoàn thành nhiệm vụ, 9% còn hạn chế. Về chất lượng đảng viên đã phân tích 6.700 đồng chí có 87% phấn đấu tốt, 12% có vi phạm, gần 1% đưa ra khỏi Đảng.

- Về công tác kiểm tra đã tập trung chỉ đạo kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ được 9.583 đồng chí, trong đó 376 thuộc tỉnh quản lý, số đảng viên chấp hành tốt đạt tỷ lệ 86%, số chấp hành chưa tốt chiếm 8%, số có vi phạm 6%, đã xử lý kỷ luật 5 tổ chức cơ sở đảng và 456 đảng viên, chủ yếu là vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng và vi phạm chính sách pháp luật, đã giải quyết 133/189 đơn tố cáo và 11/16 đơn khiếu nại.

- Về hoạt động của các đoàn thể bước đầu đã đi vào cơ sở để phối hợp tuyên truyền, tổ chức hướng dẫn thực hiện các nghị quyết của Đảng theo tinh thần đổi mới như khảo sát tình hình, đời sống, hướng tham gia giải quyết tạo việc làm và xây dựng quyền làm chủ tập thể trong công nhân viên, tổ chức mở Đại hội công nhân, viên chức và thành lập Hội đồng xí nghiệp. Đã tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các bộ luật, tổ chức hiệp thương cho bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Về xây dựng phong trào đã hướng vào ba chương trình kinh tế như phong trào tuổi trẻ xung kích trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, phong trào người phụ nữ mới, gắn với tổ chức dạy nghề và phát triển làm kinh tế gia đình trong các ngành, các giới, chỉ đạo hướng dẫn phát triển ngành, nghề làm vườn làm thủ công nghiệp chỉ đạo xây dựng các quỹ hội và tổ chức vận động quyên góp. Về tổ chức đã đi vào củng cố cơ sở gồm Hội Nông dân, xây dựng cơ sở Đoàn thanh niên vững mạnh, tiến hành Đại hội các cấp của một số đoàn thể theo quy định của Trung ương cũng như tổ chức phát triển một số hội nghề nghiệp.

Trong công tác dân vận đã chú trọng đi vào nắm tình hình quần chúng, tình hình tôn giáo, tình hình người Hoa, khảo sát tình hình công tác dân tộc và giúp Trung ương mở hội nghị, hội thảo về chính sách dân tộc tại địa phương.

Bên cạnh những việc làm được trên đây, đi vào đánh giá tình hình công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng nổi lên một số vấn đề cần phải được quan tâm.

- Về chính trị tư tưởng, việc trang bị lý luận nhìn chung có nhiều mặt chưa tiến kịp trước đòi hỏi của công cuộc đổi mới nhất là những vấn đề cụ thể thuộc về kinh tế, những khó khăn mới trong quá trình chuyển đổi cơ chế cùng với những diễn biến phức tạp của các nước xã hội chủ nghĩa có tác động tâm lý, ảnh hưởng đến lòng tin vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội cũng như của công cuộc đổi mới. Nhìn chung công tác chính trị, tư tưởng ở cơ sở và ngoài quân chúng làm yếu, có mặt là do tổ chức tuyên giáo, đội ngũ báo cáo viên ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu.

Về mặt xã hội với sự xuống cấp trên nhiều lĩnh vực nhất là tình hình mất trật tự, an toàn xã hội thực sự là mối lo đối với mọi người. Vai trò quản lý nhà nước cùng với những biểu hiện tiêu cực trong các tổ chức công cụ như công an, thuế vụ, kiểm lâm, ngân hàng... đã gây nghi ngờ làm giảm sút lòng tin của nhân dân.

Tình hình tư tưởng vẫn tiếp tục có sự phân hóa giữa tính bảo thủ và nôn nóng, có bộ phận chạy theo lối sống thực dụng, bàng quan, tránh né, một bộ phận trong thanh niên, học sinh không chịu học tập, rèn luyện, sống theo lý tưởng, ngại sinh hoạt chính trị, ngại phấn đấu kể cả phấn đấu vào Đảng.

- Về tổ chức và cán bộ qua sắp xếp đã giảm đầu mối và biên chế song cũng còn một số bất hợp lý cộng với sự thiếu đồng bộ từ Trung ương nên khó làm và còn nhiều lúng túng nhất là việc giải quyết chính sách đối với biên chế dôi ra. Trong công tác cán bộ, nhìn chung công tác quy hoạch cán bộ làm chậm và còn nhiều mặt chưa được cụ thể hóa trong quá trình chỉ đạo thực hiện. Việc sử dụng cán bộ đào tạo nhất là đối với số học sinh chuyên nghiệp mới ra trường còn nhiều lãng phí, do công tác quy hoạch đào tạo chưa phù hợp. Mặt khác, tình hình đoàn kết nói chung là tốt những cũng có biểu hiện mất đoàn kết ở một số ngành. Ý thức tổ chức kỷ luật tập trung dân chủ có mặt bị coi nhẹ.

- Đối với cơ sở đảng và đảng viên đang có nhiều mặt bị xem nhẹ và cũng có nhiều lúng túng như chưa rõ vai trò lãnh đạo trong

các loại hình cơ sở với biểu hiện xem nhẹ vai trò lãnh đạo của cấp ủy khi chuyển sang thực hiện đổi mới. Lý tưởng của đảng viên có biểu hiện bị lu mờ, còn nhiều đảng viên trung bình kém tác dụng, phát triển đảng viên ít nên chậm trễ hóa đội ngũ đảng viên và có nhiều đảng viên tuổi cao trong các thị xã, thị trấn, kỷ luật sinh hoạt và chất lượng sinh hoạt đảng nói chung là thấp. Nguyên nhân của sự yếu kém của cơ sở đảng thể hiện trên các mặt như chức năng lãnh đạo của cơ sở đảng thay đổi, cán bộ của cấp ủy nhất là ở chi bộ nói chung yếu, chất lượng đảng viên giảm sút, vai trò lãnh đạo của huyện ủy chưa được đề cao.

- Về hoạt động của các đoàn thể quần chúng nói chung mang nặng tính hình thức, chưa rõ hướng đổi mới trong nội dung và phương pháp hành động, cũng như chưa thực sự bám sát cơ sở và bám sát nhiệm vụ chính trị nên việc tổ chức vận động và xây dựng phong trào làm yếu. Trên thực tế chưa gắn được tổ chức với đoàn viên và hội viên. Nhìn chung đội ngũ cán bộ trong các đoàn thể thiếu phấn khởi, cán bộ thay đổi nhiệm vụ và nhiều tổ chức đoàn thể cấp tỉnh chưa được kiện toàn, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với các đoàn thể nói chung chưa được coi trọng.

Tình hình trên đây là biểu hiện của sự lúng túng trong thể chế chính trị cần phải được nghiên cứu để thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ gắn với việc đổi mới nội dung và phương pháp vận động quần chúng trước yêu cầu nhiệm vụ còn lại rất nặng nề và có nhiều ý nghĩa của năm 1990.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 1990

Với vị trí là năm cuối cùng của kỳ kế hoạch 1986-1990 và là năm có những ngày kỷ niệm trọng đại, năm 1990 phải là năm phấn đấu thực hiện các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, đồng thời tích cực chuẩn bị, tạo tiền đề cho kỳ kế hoạch 1991-1995.

Bước vào năm 1990 có nhiều thuận lợi nhưng cũng còn rất nhiều khó khăn thử thách phải vượt qua.

Về thuận lợi:

- Với những chuyển biến tích cực của năm 1989 cùng với việc đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay được thực tế xác nhận và đã được tổng kết, sẽ được tiếp tục hoàn thiện và phát huy mạnh mẽ. Đó là động lực quan trọng để thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển.

- Trung ương có sự đánh giá đặt đúng vị trí quan trọng chiến lược của kinh tế - xã hội miền núi với các nghị quyết của Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng, chỉ hướng đi lên kinh tế miền núi khắc phục khó khăn và phát triển trong những năm tới.

- Mối quan hệ giao lưu kinh tế kỹ thuật giữa các địa phương trong nước và ngoài nước sẽ được tiếp tục mở rộng, là động lực thúc đẩy theo hướng sản xuất hàng hóa.

Về khó khăn:

- Phải thấy hết được đặc điểm đặc thù của miền núi và biên giới với nền kinh tế còn mang nặng tính tự nhiên, tự túc tự cấp còn mất cân đối trên nhiều mặt, thông tin kinh tế hạn chế và cơ sở hạ tầng còn nhiều thiếu thốn, Trung ương đã định hướng về những chính sách lớn, những việc cụ thể hóa chưa làm đồng bộ nên việc chuyển sang sản xuất hàng hóa với cơ chế hạch toán kinh doanh còn tiếp tục gặp khó khăn phải xử lý.

- Những tiến bộ trong quá trình thực hiện đổi mới còn là bước đầu và chưa vững chắc, đồng thời cũng bộc lộ rất nhiều khó khăn đòi hỏi phải tiếp tục nhận thức trong diễn biến chung của tình hình đất nước và thế giới có những ảnh hưởng nhiều mặt về đời sống xã hội cũng như trong lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện.

Căn cứ vào những mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh gắn với tình hình thực tiễn hiện nay, nhiệm vụ chính trị của năm 1990 nhằm.

Một là: Phấn đấu để ổn định cuộc sống nhân dân, trước hết là đối với công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang và đối tượng

chính sách, chú trọng việc giải quyết việc làm cho người lao động nâng dần nhu cầu về văn hóa cho nhân dân. Tiếp tục mở rộng dân chủ với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hai là: Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện đổi mới cơ chế quản lý để giải phóng lực lượng sản xuất, hướng xây dựng kinh tế, từng bước chuyển sang kinh tế hàng hóa phù hợp với từng vùng. Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Chú trọng phát triển các thành phần kinh tế nhất là kinh tế hộ gia đình.

Ba là: Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật và xây dựng cơ sở hạ tầng, chuẩn bị các mặt cho thời kỳ 1991-1995.

1. Về kinh tế xã hội, mục tiêu chủ yếu của năm 1990

- Sản lượng lương thực quy thóc tăng 4% so với năm 1989.
- Đàn trâu tăng 5,8%.
- Đàn bò tăng 5,4%.
- Đàn lợn tăng 12,4%.
- Trồng rừng tập trung là 10 ngàn héc ta.
- Rừng phòng hộ là 8 ngàn héc ta.
- Giá trị sản lượng công nghiệp 500 triệu đồng, tăng 8%.
- Giá trị xuất khẩu là 5 triệu rúp - đô la.
- Đầu tư xây dựng cơ bản là 10,35 tỷ đồng.
- Tỷ lệ tăng dân số 1,85%.

Trong việc lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu, cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Về lương thực và thực phẩm, cần đẩy mạnh chuyển hướng, giải quyết vấn đề lương thực theo quan điểm sản xuất hàng hóa, cần có phương án khai thác thế mạnh của địa phương, trao đổi lương thực, đi đôi với mở rộng giao lưu hàng hóa lương thực thúc đẩy sản xuất. Hướng chính trong sản xuất lương thực, thực phẩm là thâm canh và tăng vụ, đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 1,8. Thể chế hóa việc miễn thuế và giảm thuế lương thực cho các vùng theo

tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị và nghị quyết của Quốc hội, coi trọng cây màu, đẩy mạnh cây chè và các loại cây công nghiệp khác theo hướng thâm canh và chủ động về thị trường.

- Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng chính là chăn nuôi gia đình khuyến khích chăn nuôi hàng hóa đại gia súc để thúc đẩy chăn nuôi phát triển. Nhà nước cần làm tốt khâu dịch vụ kỹ thuật và phòng, chống dịch bệnh gia súc, nghiên cứu phát triển nuôi thả vùng hồ Thác Bà và các ao hồ, mặt nước.

- Về lâm nghiệp, có kế hoạch triển khai nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế lâm nghiệp, nghiên cứu để ban hành sớm những chính sách về lợi ích và quyền lợi sử dụng. Quyền thừa kế của người làm nghề rừng, trọng tâm đưa quản lý kinh doanh rừng vào nền nếp. Lấy khoanh nuôi làm chính, cần bố trí vốn cho khoanh nuôi, bảo vệ rừng tái sinh, sử dụng vốn liên doanh với các công ty nước ngoài và vốn vay lãi sản xuất thấp để trồng rừng nhằm gắn với các đơn vị, người sản xuất với sản phẩm cuối cùng của rừng.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế hộ gia đình, chỉ đạo công tác định canh định cư theo hướng khắc phục cách làm bao cấp, chủ yếu làm dịch vụ giúp đỡ nhân dân có hiệu quả thiết thực.

- Về thủy lợi: Tiếp tục đầu tư tập trung cho những vùng thâm canh lớn, đẩy mạnh quản lý khai thác phát triển thủy lợi nhỏ (phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm).

- Về sản xuất công nghiệp, trên cơ sở tập trung vào các thế mạnh, cần đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật nhất là trong chế biến nông, lâm sản và khoáng sản, đầu tư có trọng điểm cải tạo máy móc, thiết bị và mở rộng các hình thức liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tạo thêm sản phẩm mới.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học - kỹ thuật và các hộ kinh doanh tiểu thủ công nghiệp ở miền xuôi

đến mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh, được xem xét giảm hoặc miễn thuế kinh doanh trong một số năm đầu. Cụ thể hóa việc miễn thuế kinh doanh cho một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn.

Phát huy hơn nữa vai trò và ưu thế của công nghiệp Trung ương đối với công nghiệp địa phương.

Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp tổ chức công nghiệp quốc doanh, đầu tư chiều sâu tập trung vào các mũi nhọn như xi măng, sứ điện, cao lanh graphít, chè, chế biến gỗ nhằm phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

- Về xuất khẩu, cần đầu tư chiều sâu cho sản xuất chế biến hàng xuất khẩu nhằm hạn chế xuất khẩu nguyên liệu, lập lại trật tự trong thu mua nắm hàng xuất khẩu nhất là xuất khẩu lâm sản, và đặc sản. Thực hiện việc thu thuế trực tiếp với người làm hàng xuất khẩu nhằm hạn chế việc mua tranh của con buôn, chủ động khai thác các thị trường tiêu thụ (khu vực I, II và Trung Quốc). Từng bước chuyển sang xuất trực tiếp cho bạn hàng, đồng thời khuyến khích mọi hình thức tiêu thụ hàng xuất khẩu.

- Về phân phối lưu thông, cần mở rộng lưu thông hàng hóa đi đôi với mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh nhằm gắn sản xuất với lưu thông, phấn đấu vươn lên giữ vai trò chủ đạo, làm chủ thị trường và giá cả. Thực hiện cơ chế một giá với thực hiện chính sách trợ giá trong thu mua theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị. Cụ thể hóa chính sách để thực hiện dự trữ hàng hóa thiết yếu nhất là về lương thực và hàng thiết yếu cho vùng cao, biên giới.

Tăng cường chỉ đạo thu, chi ngân sách và tiền tệ, triệt để khai thác các nguồn thu trong các thành phần nhất là thu thuế nông thương nghiệp. Chỉ đạo khoán thu và khoán chi. Quản lý chặt chẽ chi tiêu nhất là trong hành chính và trong mua sắm trang thiết bị. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho các huyện, thị và các đơn vị sản xuất kinh

doanh theo Chỉ thị 65 của Hội đồng Bộ trưởng, nhằm tăng cường công tác kiểm tra tài chính. Tổ chức việc thành lập hệ thống Kho bạc Nhà nước về ngành tài chính.

Nghiên cứu đề nghị về lãi suất tín dụng phù hợp với địa phương và cụ thể hóa các chính sách miễn giảm thuế để khuyến khích phát triển sản xuất trong các thành phần kinh tế.

- Về xây dựng cơ bản, tập trung vốn cho các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất nông, lâm, công nghiệp, và cơ sở hạ tầng như cầu Yên Bái, cầu Tô Mậu, một số tuyến đường xây dựng một số đường dây tải điện. Tiếp tục xây dựng các huyện, lỵ biên giới, bảo đảm đủ mức tổng đầu tư cho các huyện vùng cao, biên giới, theo kế hoạch nhà nước giao hàng năm.

Đẩy mạnh việc thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” khuyến khích tư nhân bỏ vốn xây dựng một số loại hình như thủy điện hoặc trạm bơm nhỏ để kinh doanh, Nhà nước thực hiện miễn thuế một số năm.

- Về xã hội, gắn với tổ chức sắp xếp lại sản xuất cần chú trọng việc làm và giải quyết chính sách đối với số biên chế dôi ra. Chủ yếu bằng phát triển các thành phần kinh tế để thu hút lao động. Thực hiện các chính sách xã hội như chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với người về hưu.

Tăng thêm kinh phí cho các hoạt động y tế, giáo dục, văn hóa gắn với nâng cao chất lượng trên các lĩnh vực, thực hiện chống bao cấp nhưng cần nghiên cứu bảo đảm chính sách xã hội phù hợp với các đối tượng chính sách và phù hợp với các vùng như việc thu học phí, viện phí.

Củng cố và xây dựng hệ thống thông tin kinh tế trên phạm vi toàn tỉnh mở rộng mạng lưới thông tin kinh tế với các tỉnh bạn, từng bước vươn lên nắm bắt kịp thời tình hình quốc tế.

Tiếp tục cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa mới đẩy mạnh cuộc vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội nhất là việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và chống các tai tệ nạn.

Đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, phấn đấu giảm mức tăng dân số theo chỉ tiêu đã đề ra.

Toàn bộ nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên đây phải được gắn việc triển khai Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

2. Về quốc phòng - an ninh

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị về việc xây dựng các khu vực phòng thủ, làm tốt công tác biên phòng. Chỉ đạo tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, theo hướng dân củ, dân giao việc, chỉ đạo hoàn thành công tác tuyển quân, bảo đảm chất lượng. Tiếp tục đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất và xây dựng lực lượng dự bị.

- Về an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tiếp tục chỉ đạo việc qua lại hai bên đồng thời chú trọng giáo dục tinh thần cảnh giác, chú trọng làm trong sạch địa bàn, bố trí ổn định sản xuất và dân cư vùng biên.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo kế hoạch đã đề ra, tăng cường đấu tranh chống tội phạm và chống tiêu cực trên các lĩnh vực, tăng cường điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm sát và xét xử nhằm từng bước lập lại kỷ cương và làm lành mạnh các quan hệ xã hội, cần nâng cao chất lượng và đấu tranh chống tiêu cực trong các ngành nội chính và cơ quan nhà nước nhằm xây dựng lòng tin trong phong trào an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

3. Về công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng

- Tiếp tục công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức lý luận và bồi dưỡng lý tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng theo tinh thần Nghị quyết 6 và 7 của Trung ương. Thông qua các ngày kỷ niệm lớn cần làm tốt việc giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao phẩm chất và ý thức trách nhiệm của

đảng viên. Cần có kế hoạch để chỉ đạo các đợt sinh hoạt chính trị nhân các ngày kỷ niệm này từ cơ sở. Tiếp tục nắm tình hình và uốn nắn những lệch lạc trong tư tưởng trước những diễn biến trên thế giới.

- Nghiên cứu để đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.

- Về công tác tổ chức và cán bộ:

- + Tiếp tục thực hiện sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế theo phương án đã đề ra, chú trọng việc nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước với tăng cường vai trò tự chủ của xí nghiệp để thực hiện tốt vấn đề này nhất là việc sắp xếp trong sự nghiệp và sản xuất kinh doanh.

- + Về công tác cán bộ, cần có sơ kết để tiếp tục chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ. Triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý cán bộ. Có kế hoạch chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng bộ tỉnh. Trước mắt cần kiện toàn cán bộ lãnh đạo sau bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

- + Về công tác xây dựng cơ sở đảng và đảng viên, có đề án để kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên, hoàn thành việc xây dựng nội dung lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng theo các loại hình như ở xí nghiệp quốc doanh và nông thôn. Chỉ đạo tổng kết 10 năm công tác phát triển đảng viên và nghiên cứu việc phát triển Đảng ở vùng cao, biên giới. Chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ nội bộ nhất là ở các huyện, thị và xã giáp biên.

- Về công tác kiểm tra tập trung đẩy mạnh công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, hướng trọng tâm kiểm tra vào:

- + Việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công.

- + Việc chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng.

- + Việc chấp hành kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

Yêu cầu các cấp ủy tỉnh, huyện, thị và cơ sở phải chỉ đạo chặt chẽ công tác này, chú trọng kiểm tra đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên do cấp ủy quản lý.

Tăng cường công tác giải quyết đơn thư khiếu tố, giải quyết dứt điểm những đơn thư tồn đọng.

- Về công tác quần chúng, hướng đổi mới nội dung và phương pháp vận động quần chúng theo tinh thần nghị quyết sắp tới của Trung ương, từng đoàn thể cần nghiên cứu để vận dụng vào tổ chức địa phương mình, chú trọng việc nắm tình hình quần chúng đi sát cơ sở và đi vào xây dựng phong trào quần chúng thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đi sâu hơn nữa việc chỉ đạo công tác dân tộc và công tác tôn giáo, thực hiện chính sách dân tộc và giáo dân, sớm tiến hành Đại hội Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Nhiệm vụ năm 1990 rất nặng nề và trong tình hình còn nhiều phức tạp. Với vị trí của một năm có ý nghĩa lịch sử, toàn Đảng bộ phải vươn lên phát huy các thuận lợi, và khắc phục khó khăn với tinh thần ra sức đổi mới toàn diện và sâu sắc quyết tâm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 256-TB/TU, ngày 15-3-1990

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp từ ngày 6 đến ngày 8-3-1990 để xem xét giải quyết một số công tác sau:

1- Nghe báo cáo và cho ý kiến về sơ kết Nghị quyết 10 và chính sách phát triển kinh tế lâm nghiệp của tỉnh. Ý kiến thảo luận tập trung vào những vấn đề chính

- Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phát huy tốt, thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp phát triển, rõ nét là sản xuất lương thực (chủ yếu là cây lúa) và thực phẩm trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hợp tác xã và hộ gia đình, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của người lao động, vừa khắc phục một bước tư tưởng bao cấp, ỷ lại, giảm biên chế quản lý gián tiếp và đẩy lùi một bước tình hình tiêu cực trong hợp tác xã, sử dụng tư liệu sản xuất, vật tư kỹ thuật có hiệu quả hơn. Đa số nông dân yên tâm phấn khởi.

Song sản xuất nông nghiệp chưa phát triển toàn diện, một số mặt có ưu thế nhưng đang có xu hướng giảm như các cây màu, nhất là sắn, các cây công nghiệp, ngắn ngày như đỗ tương, được liệu... Thủ công nghiệp, giao thông vận tải và một số hoạt động văn hóa xã hội bị xuống cấp do chưa có chính sách đúng và còn

nhiều lúng túng khi chuyển sang cơ chế quản lý mới. Sự lãnh đạo của các cơ sở đảng, quản lý của chính quyền cơ sở còn nhiều lúng túng, dẫn đến tình trạng nhiều nơi khoán trắng cho hộ. Các cơ sở quốc doanh nông, lâm nghiệp hiệu quả còn kém, vai trò các trạm trại phục vụ đổi mới kỹ thuật chưa tốt. Kinh tế quốc doanh hỗ trợ cho kinh tế tập thể, kinh tế hộ còn rất yếu, kể cả chế biến, tiêu thụ sản phẩm và đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật thế nào để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Trên tinh thần đó, cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo, có biện pháp để khắc phục những khuyết nhược điểm hoàn thiện một bước cơ chế khoán 10. Chú ý tổng kết thêm tình hình kinh tế nông thôn vùng cao, kinh tế gia đình nông dân và công nhân nông, lâm trường theo tinh thần Nghị quyết 16 để có một số báo cáo điển hình, để sớm mở hội nghị tổng kết.

Riêng chính sách phát triển kinh tế lâm nghiệp cần thu gọn và công bố công khai lấy ý kiến của cán bộ và quần chúng tham gia trước khi đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo và cho ý kiến về thu chi ngân sách năm 1989 và dự kiến kế hoạch tài chính năm 1990

- Năm 1989, tuy kinh tế quốc doanh gặp khó khăn, song đã cố gắng tháo gỡ sản xuất kinh doanh và do đó đã hạn chế thâm hụt ngân sách, song thâm hụt vẫn lớn. Nguyên nhân chính là do thất thu trong kinh tế quốc doanh và chưa quản lý, và tận thu thuế công thương nghiệp, Nhà nước lại ban hành một số chính sách mới như thâm niên giáo viên, song chủ yếu là không điều chỉnh kế hoạch vốn xây dựng cơ bản, lại phát sinh một số công trình mới, nhiều công trình vượt dự toán. Chưa quản lý sử dụng tốt vốn tự có và tài sản của các xí nghiệp, nhiều xí nghiệp mua sắm những thứ không cần thiết nhất là xe máy.

- Năm 1990 cần làm tốt công tác kiểm kê tài sản xí nghiệp để

quản lý và đổi mới công tác thuế, kiểm tra, đăng ký kinh doanh, đổi mới việc tính thuế và thu thuế, tổ chức lại đội ngũ thu thuế. Tích cực tháo gỡ khó khăn cho các xí nghiệp quốc doanh ngay từ đầu năm để bảo đảm sản xuất và tăng nguồn thu.

Chuyển Kho bạc từ Ngân hàng Nhà nước sang sở Tài chính quản lý để đi vào hoạt động từ tháng 4-1990.

Về xây dựng cơ bản, công bố sớm vốn Trung ương cho từng danh mục công trình mà Trung ương định. Tiếp tục tính toán các nguồn thu địa phương (hiện nay chưa tính toán được) để bố trí kế hoạch xây dựng thuộc vốn địa phương sau khi được xét duyệt chặt chẽ, chưa có nguồn vốn thì chưa bố trí kế hoạch đầu tư. Bảo đảm chỉ tiêu đầu tư cho biên giới, vùng cao, ưu tiên đầu tư chiều sâu, cho nông nghiệp, cho sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng trên cơ sở bảo đảm có hiệu quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã duyệt danh mục đầu tư thuộc vốn Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ công bố công khai.

3. Thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Chấp hành lâm thời Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí cho thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn và nhất trí cử 19 đồng chí là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về hưu và chuyển ngành vào Ban Chấp hành lâm thời, do đồng chí Hoàng Diêm, nguyên Đại tá làm Chủ tịch. Các đồng chí Thào A Tráng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nguyên thiếu tá, đồng chí Tống Chư, nguyên Đại tá làm Phó Chủ tịch Hội.

- Ban Chấp hành lâm thời cần khẩn trương đi vào hoạt động để xây dựng tổ chức hội theo Điều lệ quy định và chuẩn bị Đại hội các cấp Hội xong trước ngày 19-5-1990.

4. Một số công tác khác

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe Ban Lương tỉnh báo cáo về tình hình nâng lương thường xuyên năm 1990 và đã cho ý kiến về việc kiến nghị với Trung ương giải quyết những bất hợp lý trong chính sách lương hiện nay, kể cả cán bộ có chức vụ về hưu trước cải tiến tiền lương năm 1985.

- Duyệt lương chức vụ và nâng lương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo quyết định của toà giám đốc thẩm (Tòa án nhân dân tối cao) xét xử vụ Ban Tài chính quản trị cũ và cho chủ trương cụ thể giải quyết chính sách, chế độ thỏa đáng đối với các đồng chí Đặng Thuật, nguyên Phó Ban Tài chính - Quản trị cũ, Đặng Giang Đông, Nguyễn Ngọc Lân cán bộ Ban Tài chính - Quản trị cũ (có biên bản riêng).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 271-TB/TU, ngày 14-4-1990

Cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy ngày 9-4-1990

Ngày 9-4-1990, Thường trực Tỉnh ủy họp có Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và một số ban, ngành liên quan đã bàn một số vấn đề sau đây:

1- Về tình hình kinh tế trong sản xuất nông nghiệp để tập trung hoàn thành cơ bản diện tích gieo cấy lúa đông - xuân, song nhìn chung do rét kéo dài nên sinh trưởng kém và có sâu bệnh ở một số nơi, mặt khác đối với số diện tích cấy sớm trở vào lúc gặp mưa rét nên năng suất sẽ thấp. Các mặt khác nhất là hoa màu (ngô, sắn) còn đạt rất thấp.

Sản xuất công nghiệp đã tập trung xây dựng phương án gối xuất khẩu, song nhìn chung vẫn bị ách tắc trong khâu tiêu thụ, kể cả sứ điện là thế mạnh cũng đang bị cạnh tranh. Việc làm vẫn là vấn đề gay gắt.

Quản lý xí nghiệp còn bị buông lỏng, quyết toán giá thành còn nhiều chi phí không hợp lý.

Về lương thực, đã tổ chức mua gạo ở các tỉnh để giải quyết khó khăn trước mắt, nhưng lượng tồn kho mỏng, giá gạo thị trường tăng nhanh, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống.

Ngân sách còn ở mức báo động do bội chi của năm trước và phần thu đầu năm đạt thấp.

Đời sống tiếp tục khó khăn, ở nông thôn có khoảng 30% dân thiếu đói, nhất là ở vùng cao.

Trước tình hình trên, Thường trực Tỉnh ủy có một số chủ trương như sau:

- Phải tập trung chỉ đạo chăm sóc và bảo vệ lúa, đẩy mạnh trồng màu là ngô và sắn trong tháng 4 này, đồng thời tích cực chuẩn bị các mặt cho sản xuất vụ mùa tới.

- Tiếp tục tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất công nghiệp gắn với tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Quyết định 217 đi vào đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng, hạ giá thành, phấn đấu vươn lên tích ứng trong sự cạnh tranh. Tập trung khai thác chế biến gỗ xuất khẩu, cao lanh, graphít. Có kế hoạch bảo vệ vùng đá quý Lục Yên, chỉ đạo giải quyết việc làm cho công nhân viên, gắn với việc phát triển các thành phần kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh mua lương thực để từng bước kéo giá trị thị trường, chú ý giải quyết vấn đề cứu đói nhất là ở vùng cao.

2- Một số công tác khác cần tập trung chỉ đạo gồm có:

- Phát động thi đua hướng về kỷ niệm ngày sinh của Bác gắn với triển khai Nghị quyết Trung ương 8.

- Chú trọng công tác chính trị tư tưởng, chú ý việc ổn định tư tưởng trước dư luận chia tỉnh.

- Tăng cường công tác dân vận, có chuyên đề về công tác này và công tác tôn giáo vận.

3- Thường trực đã nghe báo cáo một số vụ kỷ luật Đảng để chuẩn bị đưa ra Thường vụ. Duyệt cử cán bộ đi học nước ngoài và duyệt lương. Đã cho ý kiến về công tác tài chính của Đảng theo hướng phân cấp và thực hiện khoán chi. Cho ý kiến thanh lý một số nhà ở cho cán bộ và giải quyết đất ở gia đình thuộc khu vực Trường Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 272-TB/TU, ngày 15-4-1990

Chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy về đổi mới cấp phát tài chính Đảng

Tại cuộc họp ngày 9-4-1990, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi nghe báo cáo của Văn phòng Tỉnh ủy về tình hình công tác tài chính Đảng đã nhất trí quyết định về một số chủ trương như sau:

1- Giao cho Sở Tài chính - vật giá trực tiếp cấp phát kinh phí cho các huyện, thị ủy và các cơ quan đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy kể từ ngày 1-7-1990.

2- Để đảm bảo được tốt, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm thông báo biên chế và quỹ lương của từng đơn vị cho Sở Tài chính - vật giá để trên cơ sở đó, Sở Tài chính - vật giá cấp kinh phí cho các huyện, thị ủy qua Phòng Tài chính các huyện, thị và trực tiếp cấp kinh phí cho các đơn vị cơ quan Đảng đóng ở thị xã Yên Bái theo định mức chi thống nhất trong toàn tỉnh.

- Những khoản chi đột xuất hoặc ngoài mức chi thường xuyên như thiên tai, sửa chữa lớn xe cộ, nhà cửa, xây dựng nhỏ, mua sắm trang thiết bị mới, hội nghị tổng kết, đại hội, huấn luyện, chi về xuất bản báo, chế độ đối với các đồng chí nghỉ hưu, chính trị phí...

làm dự toán riêng trình Thường trực Tỉnh ủy duyệt làm căn cứ để Sở Tài chính - vật giá cấp phát kinh phí.

- Các đảng ủy: Xí nghiệp Nông - công nghiệp chè Trần Phú, Tổng công ty Xây dựng Vinh Phú - Hoàng Liên Sơn, Xí nghiệp liên hợp Apatít Lào Cai giao cho giám đốc ứng kinh phí theo dự toán kinh phí được duyệt, thống nhất với Sở Tài chính - vật giá trừ vào phần xí nghiệp nộp vào ngân sách tỉnh.

- Các đảng ủy: Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ đội biên phòng, tiền lương vẫn do cơ quan chuyên môn cấp, Sở Tài chính - vật giá chỉ cấp kinh phí chi về hành chính, công tác xây dựng Đảng theo dự toán được duyệt.

- Từ nay thực hiện khoán mức chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy theo định mức quy định của Nhà nước cho mỗi biên chế được duyệt là 800.000 đồng một năm, những đơn vị nào giảm biên chế vẫn được cấp đủ kinh phí theo biên chế đã phân bổ.

- Văn phòng Tỉnh ủy và Sở Tài chính - vật giá bàn bạc thống nhất chi tiết phân bổ kinh phí cho từng đơn vị và cho hoạt động của Tỉnh ủy, kể cả các quy định về nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản thuộc các cơ quan đảng.

3- Về các khoản các đơn vị còn nợ năm 1989 và 6 tháng đầu năm 1990:

- Văn phòng Tỉnh ủy cần tổng hợp báo cáo đầy đủ để Sở Tài chính - vật giá giải quyết gọn trong quý II năm 1990. Riêng khoản nợ 120 triệu còn tồn tại năm 1989 và quý I năm 1990 cần giải quyết sớm để các đơn vị có tiền thanh toán dứt điểm công nợ.

4- Văn phòng Tỉnh ủy và Sở Tài chính - vật giá cần thống nhất cách thức phối hợp nhằm giúp Tỉnh ủy quản lý ngân sách thu, chi tài chính Đảng, bảo đảm đúng chính sách chế độ, đồng thời phối hợp theo dõi, kiến nghị các chính sách, chế độ với Tỉnh ủy và với

Trung ương để giải quyết kịp thời nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của bộ máy Đảng.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc báo cáo về Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 357-QĐ/TU, ngày 4-5-1990

**Chuẩn y việc bầu cử bổ sung Phó Bí thư Huyện ủy và
chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban
Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên**

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử bổ sung Phó Bí thư Huyện ủy của Hội
nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên họp ngày 21-3-
1990 và Công văn đề nghị số 08, ngày 23-3-1990 của Ban Thường
vụ Huyện ủy Than Uyên,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Phó Bí thư Huyện ủy Than Uyên.
2. Chuẩn y chuyển đồng chí Lò Văn Phụng, Ủy viên dự khuyết lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên.
3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Than Uyên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 361-QĐ/TU, ngày 18-5-1990

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Kinh tế
Tỉnh ủy

- Căn cứ vào Quyết định số 98-QĐ/TW, ngày 6-11-1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng nhiệm vụ tổ chức của Ban Kinh tế Trung ương;
 - Căn cứ vào Hướng dẫn số 1587-CT/TW của Ban Tổ chức Trung ương về quy chế làm việc của các ban cấp tỉnh trực thuộc Trung ương;
 - Căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV và kết luận tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 10-4-1990;
- Để tiếp tục hoàn thiện về chức năng và nhiệm vụ của các Ban phù hợp với Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, ngày 29-3-1989 và theo tinh thần Quyết định số 389-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Ban Kinh tế Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về những vấn đề kinh tế tổng hợp và những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế ngành được phân công nhằm

vận dụng và thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách về kinh tế xã hội, của Trung ương với Hoàng Liên Sơn đồng thời từ đặc thù của tỉnh để nghiên cứu chiến lược kinh tế giúp Tỉnh ủy đề ra các chủ trương, chính sách về kinh tế, đồng thời kiểm tra đôn đốc sơ tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết đó Ban có những nhiệm vụ chính sau đây:

1- Nghiên cứu đề xuất với Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc vận dụng thực hiện các chủ trương, phương hướng chiến lược và các chính sách lớn về kinh tế, xã hội tại Hoàng Liên Sơn.

Ban có trách nhiệm nghiên cứu chuẩn bị hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước các đoàn thể chuẩn bị cho các kỳ họp của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bàn về các vấn đề kinh tế, xã hội trong phạm vi trách nhiệm được phân công cụ thể là.

a) Nghiên cứu tình hình thực tế của địa phương theo tinh thần nghị quyết, chỉ thị của Trung ương đề nghị với cấp ủy chương trình các vấn đề cần nghiên cứu kiểm tra trong cả năm, 6 tháng, mỗi quý về công tác thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban và đề nghị với cấp ủy phân công cụ thể trách nhiệm cho các ban, sở, ngành có liên quan thực hiện chương trình đó.

b) Căn cứ vào chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để Ban lập chương trình công tác, chuẩn hoặc phối hợp với các ngành chuẩn bị những vấn đề thuộc trách nhiệm của Ban để trình Thường vụ, chấp hành Tỉnh ủy quyết định, ngoài chương trình đó ban có chương trình riêng để giao cho từng tổ chuyên viên.

c) Đối với các đề án, chủ trương về kinh tế - xã hội cấp ủy giao cho các giám đốc sở (và tập thể giám đốc, phó giám đốc sở) thuộc các cơ quan nhà nước chuẩn bị để trình Ban Chấp hành hoặc Thường vụ Tỉnh ủy... Ban có trách nhiệm tham gia định hướng về nội dung và phối hợp nghiên cứu ngay từ đầu thẩm tra

đề án và phát biểu ý kiến, bằng văn bản về đề án đó trước khi cấp ủy quyết định.

d) Đối với các chủ trương chính sách kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân quyết định, Ban có trách nhiệm đóng góp ý kiến với các cơ quan nhà nước được phân công nghiên cứu hoặc với Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi chính sách đó được quyết định và ban hành, nếu vấn đề xét thấy cần thiết thì Ban đề nghị với Thường trực Tỉnh ủy phát biểu ý kiến với Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đối với những đề án mà Ban được phân công chuẩn bị, Ban cần lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban được huy động phối hợp với các cơ quan nhà nước, đoàn thể có liên quan tham gia khi trình bày với cấp ủy đề án. Ban cũng trình bày những ý kiến còn khác nhau của cơ quan đó (nếu có).

g) Sau khi các đề án đã được cấp ủy cho ý kiến, Ban có trách nhiệm cùng với các cơ quan có liên quan hoàn thành văn bản (nghị quyết, chỉ thị, thông tri) và đề xuất với cấp ủy kế hoạch triển khai.

2. Theo dõi kiểm tra việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội trong phạm vi Ban được phân công

a) Ban có trách nhiệm báo cáo định kỳ với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về tình hình thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế - xã hội, thông tin kịp thời những vấn đề kinh tế - xã hội mà lãnh đạo quan tâm.

b) Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội đối với các cơ sở ban, huyện, thị khi cấp ủy đã quyết định thông qua đó để tham gia các biện pháp cụ thể, đồng thời kiến nghị với Ban thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành hoàn chỉnh các chủ trương, chính sách...

c) Các sở, ban, ngành khi trình Ủy ban nhân dân đề án và chủ trương công tác lớn cần lấy ý kiến của Ban, Ban có trách nhiệm nghiên cứu đề án để phát biểu ý kiến với sở và với Ủy ban nhân

dân (nếu cần), Ủy ban nhân dân khi thảo luận đề án có thể mời đại diện Ban đến phát biểu ý kiến, trong trường hợp thấy quy định của Ủy ban nhân dân không phù hợp thì Ban cần báo cáo với các đồng chí Ủy viên Thường vụ phụ trách khối hoặc đồng chí thường trực cấp ủy.

d) Ban phối hợp cùng với Ban Tuyên huấn (hoặc Tuyên giáo) giúp cấp ủy làm quán triệt các chủ trương của cấp ủy thuộc trách nhiệm của Ban về kinh tế, xã hội đề nghị với Thường trực Tỉnh ủy uốn nắn những nhận thức không đúng.

e) Thông qua việc nắm tình hình và việc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Khối Kinh tế (trong phạm vi trách nhiệm của Ban) có những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, Ban Kinh tế chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất ý kiến với Ban thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về bố trí đề bạt cán bộ (theo Quyết định số 10-QĐ/TU, ngày 10-9-1989 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về quy chế quản lý về tổ chức và cán bộ). Chủ động phát hiện và tham gia với các ngành các huyện, thị ủy xây dựng quy hoạch cán bộ dự bị (Khối Kinh tế) về đào tạo bồi dưỡng chính sách cán bộ, đồng thời tham gia ý kiến về sự lãnh đạo của Đảng trong các ngành kinh tế, các xí nghiệp quốc doanh.

3. Tổ chức sơ, tổng kết làm thử các mô hình kinh tế và cơ chế quản lý

a) Phải thường xuyên tham gia hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước, đoàn thể, sơ tổng kết rút kinh nghiệm về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy và sớm phát hiện các nhân tố mới tổ chức nhân điển hình để phát huy, đồng thời kiến nghị để uốn nắn kịp thời những lệch lạc và đề nghị bổ sung hoàn chỉnh, đối với các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội.

b) Trường hợp cần thiết được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy, Ban phối hợp với các cơ quan nhà nước, đoàn thể có trách

nhiệm tổ chức làm thử các mô hình kinh tế hoặc cơ chế quản lý để thử nghiệm, rút kinh nghiệm cho sự nghiệp đổi mới kinh tế.

c) Khi có chuyên đề cụ thể, hoặc công việc quan trọng đột xuất như Nghị quyết Trung ương, của Tỉnh ủy với phạm vi trách nhiệm của Ban, Ban xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy mời đồng chí trưởng hoặc phó ban, ngành, sở, đoàn thể, thường vụ cấp ủy huyện, thị để truyền đạt kiểm điểm tình hình trao đổi kinh nghiệm và phối hợp chương trình nghiên cứu làm thử sơ, tổng kết hoặc kiểm tra theo sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy.

4. Trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ nghiên cứu về chế độ thông tin

a) Ban có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ về vấn đề cần nghiên cứu đối với các ngành kinh tế, các huyện, thị ủy tổ chức bồi dưỡng trao đổi kinh nghiệm, góp ý kiến vào các chuyên đề công tác thuộc lĩnh vực của Ban phụ trách.

b) Các đồng chí thủ trưởng cơ quan ban, ngành (Khối Kinh tế) các huyện, thị ủy gửi báo cáo lên cấp ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi cho Ban (vấn đề liên quan trách nhiệm) để giúp cấp ủy nắm tình hình Ban Kinh tế cần có chế độ làm việc với các ngành trong khối, các huyện, thị ủy 3 tháng hoặc bất thường để trao đổi những việc có liên quan.

c) Ban cần tăng cường cung cấp tài liệu thông tin thiết thực cho các đồng chí cấp ủy tỉnh các huyện thị ủy, sở, ban, ngành tỉnh (thông tin cả quốc tế trong nước và địa phương).

5. Mối quan hệ công tác

a) Trưởng ban, phó ban được dự các hội nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cuộc họp giao ban sơ, tổng kết của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, sơ tổng kết của các ngành trong khối, Đại hội Đảng bộ các huyện, thị ủy để bàn về công tác thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban.

b) Quan hệ giữa Ban với các Ban của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và quan hệ hiệp tác phối hợp cùng làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Kinh tế Tỉnh ủy cần cung cấp cho nhau những thông tin cần thiết về tình hình hoạt động của các sở, khi Ủy ban nhân dân tỉnh có nhận xét đối với hoạt động các sở thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cần thông báo cho Ban biết những vấn đề thuộc trách nhiệm Ban.

d) Ban Kinh tế giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân để quy tụ, điều hoà phối hợp các hoạt động kinh tế giữa các sở, ban, ngành, huyện thị để thực hiện các đường lối, chính sách, chủ trương khi đã được quyết định.

e) Ban chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ và nằm trong hệ thống với các ban Kinh tế Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương, thường xuyên có trách nhiệm báo cáo các tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh và hoạt động của Ban với các ban Trung ương.

Tổ chức của Ban:

Lãnh đạo Ban Kinh tế Tỉnh ủy có trưởng ban và từ 1-2 phó, trưởng ban, Ban làm việc theo chế độ thủ trưởng, trưởng ban chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về toàn bộ công việc được phân công, các phó, trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban về lĩnh vực công tác được giao.

Tổ chức bộ máy của Ban cần gọn nhẹ, gồm những cán bộ có phẩm chất và năng lực, có quan điểm đổi mới theo nghị quyết của Đảng có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác được giao, Ban cần được tăng cường cơ sở vật chất tương xứng với nhiệm vụ, trong công tác nghiên cứu kiểm tra Ban thực hiện chế độ chuyên viên trực tuyến, ngoài số cán bộ trong biên chế Ban được sử dụng các cộng tác viên trong công tác nghiên cứu.

Căn cứ nhiệm vụ chung Ban Kinh tế trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về biên chế của Ban, cụ thể hóa chức năng

nhiệm vụ, quy chế làm việc, xây dựng chức danh tiêu chuẩn chuyên viên.

Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy các ban, các huyện thị ủy, các sở ban, ngành thuộc Ủy ban tỉnh. Các cơ quan đơn vị kinh tế thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 277-TB/TU, ngày 23-5-1990

Về một số chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy

Ngày 21-5-1990, Thường trực Tỉnh ủy đã họp có sự tham gia của đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, qua nghe báo cáo tình hình, đã đi đến nhất trí tập trung chỉ đạo, giải quyết một số công tác trước mắt sau:

1. Tình hình thu hoạch lúa đông - xuân: Năng suất có thể không đạt kế hoạch, có khả năng giảm so với năm trước, do thời tiết không thuận và thâm canh chăm sóc kém. Thời tiết tới đây có thể có những đột biến thất thường, phân đạm Trung ương cấp tụt 1/2 so với kế hoạch. Để bảo đảm sản lượng lương thực theo kế hoạch, cần tổ chức một đợt kiểm tra cụ thể chuẩn bị tốt vụ mùa và hè thu, chú ý làm tốt khâu giống, giải quyết vướng mắc về giá cả vật tư nông nghiệp nhất là phân đạm không để bán thẳng cho miền xuôi và thảmlậu ra ngoài, phải có đủ thuốc phòng sâu bệnh chỉ đạo tốt nhằm bảo đảm diện tích và thâm canh tăng năng suất.

2. Trong kinh tế quốc doanh, cần sơ kết việc rà soát, tổ chức lại sản xuất, khẳng định những xí nghiệp, những mặt hàng mà ta có thể mạnh, cần ưu tiên đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng hiệu quả. Những xí nghiệp hoặc bộ phận xí nghiệp cần duy trì chuyển hướng tìm thêm việc làm lâu dài hoặc tạm thời

để bảo đảm đời sống, còn những bộ phận hoặc xí nghiệp không thể chuyển hướng, không tìm được việc làm, không thể tồn tại được thì cho giải thể, cho thanh lý tài sản, lấy tiền trả cho lao động cho thôi việc và xóa bỏ bộ máy quản lý hành chính của đơn vị đó, không để tồn tại như hiện nay mà không chịu tìm được việc làm cho công nhân.

Cần nghiên cứu về kỹ thuật và thị trường giá cả để có thể tổ chức sản xuất bột giấy và cốt ép trắng nhựa, nếu xét thấy có hiệu quả.

3. Một số tuyến xe khách, khách đông mà không tăng chuyển xe quá chật chội không bảo đảm an toàn cần được kiểm tra, quản lý để đáp ứng nhu cầu đi lại vừa bảo đảm an toàn giao thông.

4. Tình hình tranh chấp đất đai đang diễn ra gay gắt ở một số như Mường Khương, Bát Xát, giữa Bắc Hà với Bắc Yên, Bảo Yên với Văn Yên, Bảo Yên với Bảo Thắng, Lục Yên với Hà Tuyên, Mù Cang Chải với Sơn La và ở thị xã Yên Bái, nhất là khu ga và khu vực Nhà máy chè Yên Bái... cần tổ chức nghiên cứu cụ thể để thống nhất chủ trương, biện pháp giải quyết một cách khẩn trương, đúng đắn tránh để gây rối.

5. Vấn đề tiền lương và thu nợ: Rà lại một số trường hợp ký quyết định lương không đúng như đã được xét duyệt hoặc còn sót chưa ra quyết định và nghiên cứu một số trường hợp đề nghị về lương của cán bộ ngành giáo dục để đưa ra xem xét, giải quyết.

Rà và có biện pháp thu nợ tài chính (cho vay) và nợ của ngân hàng, bảo đảm nhanh gọn, không để bị thất thoát, thiệt hại.

6. Thường trực sẽ nghe Ban Dân vận - dân tộc Tỉnh ủy báo cáo và có chủ trương tập trung một đợt chỉ đạo giải quyết cơ bản tình hình tôn giáo ở Văn Chấn, bảo đảm ổn định tình hình.

7. Một số việc về công tác Đảng và giải quyết một số vụ việc; giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị kế hoạch củng cố cơ sở đảng từ nay đến Đại hội vòng I và sau đó tới vòng II, để đưa ra Ban Thường vụ thảo luận quyết định và triển khai thực hiện.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy rà lại các vụ việc đã rõ phục vụ Nghị quyết Trung ương 8.

Chuẩn bị nội dung cho hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào đầu tháng 6, kế hoạch củng cố cơ sở đảng, việc giải quyết thư tố cáo của đồng chí Mai Hồng, xét công nhận cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng 8, nghe báo cáo một số vấn đề về kinh tế như; lương thực, thu nợ tài chính, ngân hàng...

Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các vấn đề về 1, 2, 3, 4, 5, các vấn đề còn lại do các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 363-QĐ/TU, ngày 25-5-1990

**Chuẩn y việc bầu bổ sung Ủy viên Thường vụ
và chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn**

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu bổ sung Ủy viên Thường vụ và chuyển ủy
viên dự khuyết lên ủy viên chính thức của Hội nghị Ban Chấp
hành Đảng bộ huyện Văn Bàn ngày 27-4-1990,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Phạm Đức Thuận Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Văn Bàn.
2. Chuẩn y chuyển đồng chí Nguyễn Chí Tuệ là Ủy viên dự khuyết lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn.
3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 366-QĐ/TU, ngày 8-6-1990

Về việc chỉ định chức vụ cán bộ

- Căn cứ vào Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 6-6-1990 xét duyệt về công tác cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định đồng chí Hà Văn Hiền, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã Lào Cai giữ chức Quyền Bí thư Thị ủy Lào Cai thay đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ chuyển công tác khác. Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai có trách nhiệm họp để bầu đồng chí Hà Văn Hiền giữ chức Bí thư Thị ủy Lào Cai.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thị ủy Lào Cai và đồng chí Hà Văn Hiền căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 284-TB/TU, ngày 6-7-1990

Về việc thành lập các tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp 1990-1991

Ngày 3-7-1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp bàn việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ các cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí.

1. Xác định nhiệm vụ lãnh đạo Đại hội Đảng các cấp sắp tới là trách nhiệm của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Phân công các đồng chí có tên sau đây vào các tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp 1990-1991.

a) Tiểu ban Nội dung

1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy

2- Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

3- Đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

4- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

5- Đồng chí Hoàng Công Dung, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

6- Đồng chí Đỗ Tuế, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh

7- Đồng chí Lê Huy Hợp, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- 8- Đồng chí Phạm Đạo, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
- 9- Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
- 10- Đồng chí Nguyễn Ngọc Lâm, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty Ngoại thương
- 11- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp
- 12- Đồng chí Nguyễn Văn Ý, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thương nghiệp
- 13- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp.

Trưởng tiểu ban: Đồng chí Kiều Việt Nguyên.

Phó tiểu ban: Đồng chí Tạ Hữu Thanh.

Nhiệm vụ:

- Hướng dẫn tổng hợp ý kiến tham gia Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.
- Chuẩn bị các văn kiện trong Đại hội tỉnh.
- + Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Đại hội, kiểm điểm sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, đề án nhiệm kỳ tới.
- + Các văn kiện cần thiết khác.
- + Diễn văn khai mạc
- + Chương trình hành động sau đại hội
- + Diễn văn bế mạc.
- Xét duyệt báo cáo của các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc tỉnh.

b) Tiểu ban nhân sự.

- 1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy
- 2- Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
- 3- Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
- 4- Đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- 5- Đồng chí Tiêu Đức Hội, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy

6- Đồng chí Trần Bá Châu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

7- Đồng chí Hoàng Tuyển, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh

8- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Dân vận - dân tộc Tỉnh ủy

9- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Trưởng tiểu ban: Đồng chí Hà Thiết Hùng

Phó tiểu ban: Đồng chí Tiêu Đức Hội.

Nhiệm vụ:

- Nhân sự đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng các cấp.

+ Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu đoàn đại biểu tỉnh đi dự Đại hội Đảng toàn quốc.

+ Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu các đoàn đại biểu đi dự Đại hội tỉnh khóa V.

- Nhân sự cấp ủy tỉnh, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc khóa mới.

Dự kiến nhân sự tỉnh ủy khóa mới.

+ Yêu cầu tiêu chuẩn, cơ cấu của Ban Chấp hành.

+ Yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ban Thường vụ.

+ Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu trong Đại hội tỉnh.

+ Chuẩn bị cho Thường vụ xét duyệt nhân sự các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc tỉnh.

c) Tiểu ban tuyên truyền, phục vụ và bảo vệ.

1- Đồng chí Lê Huy Hợp, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

2- Đồng chí Nguyễn Thiệp, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

3- Đồng chí Giàng Seo Dín, Phó Giám đốc Công an tỉnh

4- Đồng chí Nguyễn Văn Ý, Tỉnh ủy viên, Giám đốc sở Thương nghiệp.

5- Đồng chí Hoàng Thị Chiên, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính

- 6- Đồng chí Ngô Thị Hương, Tỉnh ủy viên, Giám đốc sở Y tế
- 7- Đồng chí Trần Nam, Giám đốc Sở Văn hóa
- 8- Đồng chí Bùi Bằng Thịnh, Phó Văn phòng Tỉnh ủy
- 9- Đồng chí Lê Văn Nhẫn, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
- 10- Đồng chí Nguyễn Thanh Vân, Phó Giám đốc Đài Phát thanh tỉnh
- 11- Đồng chí Nguyễn Huy Cộng, Trưởng phòng Bảo vệ nội bộ Công an tỉnh
- 12- Đồng chí Nguyễn Bội Đông, Tổng Biên tập báo Hoàng Liên Sơn.

Trưởng tiểu ban: Đồng chí Lê Huy Hợp

Phó tiểu ban: Đồng chí Nguyễn Thiệp

Phó tiểu ban: Đồng chí Giàng Seo Dín

Nhiệm vụ:

- Phát động thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội (nội dung - hình thức - sơ tổng kết).
 - Công tác tuyên truyền cho Đại hội.
 - Trang trí, khánh tiết Đại hội tỉnh.
 - Có kế hoạch về hậu cần, sinh hoạt tinh thần, vật chất của Đại hội tỉnh.
 - Chăm lo sức khỏe đại biểu trong Đại hội.
 - Có kế hoạch bảo vệ Đại hội được an toàn.
4. Các tiểu ban có thể trưng tập cán bộ các ngành có liên quan để phục vụ cho nhiệm vụ nêu trên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 382-QĐ/TU, ngày 23-7-1990

**Về việc tiến hành kiểm tra đảng viên chấp hành Điều
lệ Đảng nhằm củng cố Đảng, làm trong sạch và
nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên**

Thi hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa VI) và Chỉ thị 62 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân gắn với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Tiến hành kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, nhằm thực hiện cuộc vận động “Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội” thiết thực phục vụ kịp thời Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

1. Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng là nhằm thực hiện một bước quan trọng làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng là yêu cầu cấp bách đối với đảng viên. Kiên quyết xử lý kỷ luật Đảng cũng như xử lý bằng pháp luật Nhà nước những đảng viên vi phạm nguyên tắc tổ chức, kỷ luật Đảng, thoái hóa

biến chất, và tham nhũng, giải quyết minh bạch và kịp thời những đơn thư tố cáo của quần chúng đối với đảng viên, đối với chi bộ, đảng bộ.

Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, mỗi đảng viên phải thể hiện được tính tiên phong gương mẫu trong tự phê bình và phê bình, trong công tác lao động sản xuất và đời sống hằng ngày làm cho quần chúng tin tưởng và gắn bó với Đảng.

Sau đợt kiểm tra mỗi đảng viên cần phát huy ưu điểm đã đạt được và nghiêm túc đề ra phương hướng, biện pháp, thời gian kiên quyết sửa chữa khuyết điểm để tạo được niềm tin trong quần chúng.

2. Phương châm và cách làm

Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng phải:

- Kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, xây là chủ yếu, làm cho đảng viên có lập trường vững vàng, phẩm chất trong sáng để có cơ sở đấu tranh và chủ động phòng ngừa mọi biểu hiện tiêu cực ngoài xã hội thâm nhập vào đội ngũ đảng viên.

- Đảng viên phải tự kiểm tra, tự kiểm điểm nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình kết hợp với việc vận dụng quần chúng tích cực đóng góp ý thức xây dựng Đảng và tham gia tư cách đảng viên, trong khi thực hiện giữ gìn và tăng cường đoàn kết nội bộ, tránh gây không khí căng thẳng trong nội bộ Đảng và trong nội bộ quần chúng.

- Kết hợp sự chủ động kiên quyết của cấp ủy với sự kiểm tra của cấp trên đối với những cơ sở có đảng viên là cán bộ chủ chốt, có dấu hiệu vi phạm mà có nhiều ý kiến của quần chúng phản ánh thì cấp trên phải trực tiếp kiểm tra.

Xử lý cán bộ, đảng viên phải nắm vững phương châm, xử lý công minh chính xác kịp thời có lý có tình, đúng chính sách, xử lý theo Chỉ thị 27-CT/TW của Ban Bí thư, bảo đảm để người đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức và đảng viên bị xử lý kỷ luật vẫn phát huy, phấn đấu tốt và giữ mối liên hệ tốt với Đảng.

Kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng lần này tiến hành từ trên xuống, từ dưới lên làm đồng bộ ở các cơ sở đảng trong tất cả các ngành, các cấp.

Trên nguyên tắc bình đẳng đối với mọi đảng viên (dù ở cấp nào, ở cương vị công tác nào) và nêu cao tinh thần dân chủ trong sinh hoạt đảng mọi đảng viên được kiểm tra phải tự phê bình trước chi bộ để đảng viên tham gia ý kiến, chi bộ có trách nhiệm tham gia và kết luận về tư cách phẩm chất của đảng viên đó.

Để kết luận được chính xác, khách quan khi kiểm tra nhất thiết phải có thời gian khảo sát, thẩm tra và xác minh, sau khi có kết luận phải thông báo trở lại cho đảng bộ và quần chúng nơi đảng viên đó sinh hoạt biết.

Mỗi huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tập trung làm một hai điểm để rút kinh nghiệm, sau đó triển khai trong toàn Đảng bộ.

Các cơ quan công quản: Đảng ủy chủ động tiến hành kiểm tra quá trình thực hiện có vướng mắc thì các Ban Xây dựng Đảng của Tỉnh ủy phối hợp giúp đỡ.

Đối với những đơn vị Tỉnh ủy không trực tiếp quản lý có nhiều biểu hiện tiêu cực mà quần chúng phản ánh thì các cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo luật pháp Nhà nước, khi cần thiết thì phản ánh với ngành dọc và báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Đối tượng và nội dung kiểm tra

Từ nay đến Đại hội VII tất cả các đảng viên đều được kiểm tra. Nội dung kiểm điểm dựa vào Điều lệ Đảng, Nghị quyết 04-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng.

Các cấp ủy các ngành căn cứ vào đặc điểm của mình xác định đúng và rõ đối tượng để tập trung kiểm tra là:

- Đối với đảng viên có nhận thức quan điểm, tư tưởng, phát ngôn trái với các nghị quyết của Đảng (Nghị quyết 6, 7, 8...) vi phạm nguyên tắc tổ chức kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Đối với đảng viên lợi dụng chức trách, quyền hạn cố ý làm sai chính sách dưới mọi hình thức trá hình trong cơ quan quản lý (liên doanh, liên kết, môi giới dịch vụ, lợi dụng khi chia tách, sáp nhập, giải thể cơ quan, đơn vị, lợi dụng cấp vốn, vật tư...) để tham ô chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại tiền của của Nhà nước và nhân dân để làm giàu bất chính cho cá nhân và một số người.

- Đối với đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm, để lãng phí, thất thoát lớn gây thiệt hại đến tiền của Nhà nước.

- Tuỳ tiện đặt ra các chế độ, tiêu chuẩn ngoài quy định để chi tiêu, chi thưởng, sử dụng công quỹ lãng phí để liên hoan, quà cáp, biếu xén, tiêu sảm những phương tiện, đồ dùng quá mức cần thiết, trái với chính sách tiết kiệm của Nhà nước làm cho quần chúng bất bình và chê trách.

- Đối với đảng viên có hành vi độc đoán, chuyên quyền, ức hiếp quần chúng, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng, có tư tưởng cục bộ, bè phái gây mất đoàn kết nghiêm trọng.

- Đối với đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, vi phạm tư cách đảng viên, không làm tròn nhiệm vụ đảng viên để cho quần chúng chê trách.

Tất cả các đảng viên đều được kiểm tra, nhưng cần chú ý tập trung kiểm tra những đảng viên giữ các chức vụ chủ chốt của các ngành kinh tế, xí nghiệp sản xuất kinh doanh, ngành nắm và thực hiện pháp luật, những ngành có quan hệ trực tiếp với dân như: Công an, Tòa án, Y tế, Giáo dục, Ngân hàng, Thương nghiệp, Xây dựng cơ bản... có nhiều ý kiến phản ánh của quần chúng.

4. Biện pháp tiến hành

Tiến hành kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng là nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng, đồng thời phục vụ thiết thực cho việc xem xét, lựa chọn nhân sự vào cấp ủy và đại biểu Đại hội Đảng các cấp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh

đạo, Thường trực Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ chỉ đạo trực tiếp việc thực hiện Quyết định này.

Các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Dân vận theo chức năng, trách nhiệm quyền hành của mình có kế hoạch, biện pháp phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành thực hiện Quyết định này.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo Điều lệ Đảng quy định có trách nhiệm tiến hành kiểm tra và có nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể về đối tượng, nội dung, phương pháp và kết luận theo quy trình của Ủy ban Kiểm tra Trung ương sát với tình hình thực tế của địa phương để việc kiểm tra đạt được kết quả tốt.

Ủy ban Kiểm tra các cấp có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp số liệu và tình hình báo cáo kịp thời cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra cấp trên.

Ban Thường vụ các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể căn cứ vào tình hình thực tế của ngành mình, địa phương mình xây dựng kế hoạch tổ chức, thực hiện Quyết định này cho đến tận cơ sở, nơi có vấn đề hoặc cơ sở yếu phải cử cán bộ tốt về nắm và xây dựng, củng cố chi bộ, đảng bộ cho đạt yêu cầu trên.

5. Thời gian tiến hành: Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc các ban, ngành trong tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này đến hết quý I năm 1991. Trước hết tập trung giải quyết tồn đọng đến giữa quý IV năm 1990.

Quyết định này được quán triệt đến các cơ sở đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 385-NQ/TU, ngày 31-7-1990

**Chuẩn y danh sách bầu bổ sung
vào Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy Mường Khương**

- Căn cứ Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản cuộc họp ngày 24-5-1990 của Ban Chấp hành Huyện ủy Mường Khương bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đồng chí Sùng Chúng làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy Mường Khương.
2. Ban Chấp hành Huyện ủy Mường Khương, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí Sùng Chúng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 386-NQ/TU, ngày 31-7-1990

**Chuẩn y danh sách bầu bổ sung
vào Ủy ban Kiểm tra của Thị ủy Lào Cai**

- Căn cứ Điều 41 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản cuộc họp ngày 31-5-1990 của Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đồng chí Đào Văn Minh làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra của Thị ủy thị xã Lào Cai.
2. Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí Đào Văn Minh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 23-TT/TU, ngày 1-8-1990

Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị cho các thầy, cô giáo và học sinh các ngành của tỉnh trong hè 1990

Thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW về triển khai Nghị quyết Trung ương 8 và Công văn số 508-CV/TW, ngày 3-7-1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về mở đợt sinh hoạt chính trị trong ngành giáo dục và đào tạo.

Đây là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, quan trọng đối với đội ngũ trí thức trong ngành giáo dục của tỉnh, quán triệt sâu sắc tinh thần nghị quyết Trung ương, bảo đảm sự ổn định trong trường và tạo nên sự chuyển biến tích cực hoàn thành nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, các cấp, các ngành có liên quan làm một số việc sau đây:

1. Ngành giáo dục có kế hoạch tổ chức cho các thầy, cô giáo từ phổ thông, bổ túc đến giáo viên và học sinh các trường chuyên nghiệp trong tỉnh tham gia đợt sinh hoạt chính trị hè 1990.

2. Tỉnh trực tiếp tổ chức học cho giáo viên phổ thông trung học, và các trường chuyên nghiệp, tập trung theo ba cụm thị xã Yên Bái, Nghĩa Lộ, Bảo Thắng và giao trách nhiệm cho:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Giáo dục tổ chức quản lý lớp.
- Trường Đảng tỉnh, Thị ủy Yên Bái và Huyện ủy Văn Chấn,

Bảo Thắng giúp đỡ địa điểm tập trung và tổ chức lớp.

3. Các thị ủy, huyện ủy, trực tiếp lãnh đạo chặt chẽ đợt sinh hoạt chính trị và giao nhiệm vụ cho Ban Tuyên giáo, Trung tâm giáo dục chính trị của huyện, thị phối hợp với Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục huyện, thị tổ chức đợt sinh hoạt ở địa phương.

- Tạo điều kiện tổ chức các lớp: Giải quyết lương, công tác phí, kinh phí tổ chức lớp cho giáo viên tham dự sinh hoạt chính trị.

- Hướng dẫn nghiên cứu quán triệt nội dung nghị quyết phù hợp với địa phương.

- Quán triệt nghị quyết đưa vào nhiệm vụ năm học của ngành.

- Hoàn thành triển khai trong hè, báo cáo kết quả với cấp ủy trực tiếp và cấp trên.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Giáo dục thống nhất hướng dẫn nội dung, cách làm cụ thể cho các huyện, thị,...

5. Tỉnh thành lập Ban chỉ đạo theo dõi, đôn đốc thực hiện:

- Đồng chí Lê Huy Hợp, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trưởng ban.

- Đồng chí Thào A Cháng, Phó Chủ tịch, phụ trách Khối Văn xã, Phó Trưởng ban.

- Đồng chí Lê Đôn, Giám đốc Sở Giáo dục, Phó Trưởng ban.

Đồng chí Hà Đình In, Phó Giám đốc Sở Giáo dục, Phó Ban Thường trực.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 292-TB/TU, ngày 5-8-1990

Của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và giảm biên chế

Căn cứ ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 25-11-1989 và ngày 6-5-1990 và việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy đảng, bộ máy nhà nước và bộ máy các đoàn thể các cấp trong tỉnh theo phương án do Ban chỉ đạo sắp xếp lại tổ chức bộ máy của tỉnh đã trình trước Thường vụ Tỉnh ủy.

Từ đó đến nay việc sắp xếp đã thực hiện được một số việc, đặc biệt lần này sắp xếp lại bộ máy các đơn vị sản xuất kinh doanh đã gắn với tổ chức lại sản xuất trong các xí nghiệp quốc doanh bước đầu giải quyết được một số lao động dôi ra, giảm được một số tổ chức...

Tuy nhiên nhìn chung so với yêu cầu và nội dung phải thực hiện thì còn nhiều vấn đề chưa được triển khai thực hiện.

Để đảm bảo cho hoạt động của tổ chức bộ máy có hiệu lực, hiệu quả phải tiếp tục làm tốt công tác sắp xếp tổ chức những nội dung sau:

I. VỀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

1. Kiểm tra lại việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một số

ngành kinh tế kỹ thuật, làm rõ chức năng quản lý nhà nước của các ngành này, phân rõ ranh giới, trách nhiệm của các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông, nông, lâm nghiệp, thủy lợi... trong việc quản lý đối với các cơ sở kinh tế công nghiệp.

2. Xác định cấp chủ quản trực tiếp đối với các xí nghiệp của địa phương, và đối với các tổ chức sự nghiệp, các hội quần chúng hoạt động nghề nghiệp, hoạt động công tác xã hội. Trên cơ sở đó xây dựng cách tổ chức chỉ đạo, quản lý, tránh tình trạng chỉ đạo chồng chéo không rõ trách nhiệm và gây phiền hà cho cơ sở.

3. Rà soát lại và phân các tổ chức sự nghiệp thành ba loại: Vẫn do Nhà nước phải trợ cấp hoàn toàn, loại sự nghiệp có thu bù chi Nhà nước trợ cấp một phần, loại đơn vị phải tự cấp lấy tài chính để hoạt động. Đối với loại trợ cấp hoàn toàn và một phần, các ngành, các cấp phải rà soát lại định mức và biên chế hợp lý, sắp xếp lại bộ máy gọn nhẹ, tránh tình trạng bao cấp tràn lan.

4. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của chính quyền (xã, phường, thị trấn) cần rà soát lại và bố trí bộ máy biên chế cán bộ hưởng phụ cấp sinh hoạt phí trên tinh thần gọn nhẹ, có hiệu lực, giảm số người trong bộ máy và tăng mức hưởng sinh hoạt phí cho cán bộ.

5. Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp để kiện toàn tổ chức và xây dựng lề lối làm việc giữa Ủy ban nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân, bảo đảm hoạt động của bộ máy chính quyền phù hợp với luật pháp quy định, phát huy tốt hiệu lực của bộ máy nhà nước và giữa bộ máy nhà nước với bộ máy đảng, bộ máy các đoàn thể hoạt động được thống nhất nhịp nhàng.

Các nội dung trên cần phải xây dựng phương án để xem xét và có quyết định quy định cụ thể để triển khai thực hiện. Lần này không đặt ra sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính bao gồm: Bộ máy các cơ quan đảng, bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước và bộ máy các đoàn thể quần chúng, đối với các cơ quan

này chủ yếu kiểm điểm việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và bố trí cán bộ giảm biên chế bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

II. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU SẮP XẾP LẠI CÁC TỔ CHỨC

1. Rà soát bố trí lại hệ thống tổ chức các ngành kinh doanh thương nghiệp, lương thực, vật tư từ tỉnh đến cơ sở cho phù hợp cơ chế mới, làm chức năng thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm địa phương, môi giới tiêu thụ sản phẩm và dự đoán thị trường để góp phần hướng dẫn sản xuất kinh doanh. Tìm mọi cách giảm chi phí lưu thông để kinh doanh có hiệu quả. Trên cơ sở đó, bố trí lại lao động trong các đơn vị quốc doanh thật gọn nhẹ, ở cấp huyện, thị nếu có công ty xây dựng tổng hợp, xí nghiệp chế biến tổng hợp, công ty thương nghiệp kinh doanh có thương nghiệp vật tư và hàng xuất khẩu, công ty lâm nghiệp.

2. Tổ chức lại sản xuất trong các xí nghiệp, nông, lâm trường trên cơ sở đó chỉ duy trì và phát triển những cơ sở làm ăn có hiệu quả hoặc trước mắt chưa có hiệu quả nhưng còn có khả năng vươn lên làm ăn có hiệu quả hoặc chỉ bù đắp được chi phí hòa vốn, không bị thua lỗ, những cơ sở sau khi tổ chức lại sản xuất, hoặc đang bị bế tắc phương hướng sản xuất, đang bị thua lỗ triền miên thì kiên quyết giải tán như Công ty Chế biến tổng hợp, Mỏ than Hồng Quang...

3. Một số tổ chức vừa qua đã sắp xếp lại, đến nay hoạt động còn vướng mắc, nay tiếp tục rà soát để tìm nguyên nhân nếu vì do tổ chức chưa hợp lý, hay do cơ chế, hay do cán bộ thì đi vào tháo gỡ bố trí lại như: Viện Quy hoạch khảo sát thiết kế tổng hợp, Công ty Ăn uống và khách sạn, Liên hiệp các xí nghiệp chè, Xí nghiệp Chế biến thực phẩm, Công ty Lương thực tỉnh, Công ty Giống và thức ăn gia súc, Trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, Công ty Vật tư tiêu thủ công nghiệp thị xã Yên Bái...

4. Nghiên cứu để thành lập một số tổ chức mới như: Công ty Bảo hiểm ngoài quốc doanh, Tổ chức thu thuế quốc doanh, Phòng quản lý lương thực thuộc Sở Nông - lâm nghiệp theo hướng dẫn liên bộ. Ban Tổ chức của Chính phủ và Bộ Nông - lâm nghiệp, việc thành lập những tổ chức mới phải được tính toán chặt chẽ, bộ máy và biên chế thật gọn, nhẹ, có hiệu lực, hiệu quả, tránh phô trương hình thức.

5. Chuyển giao quản lý một số tổ chức:

- Chuyển giao các đảng bộ xí nghiệp đang trực thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh và trực thuộc các huyện, thị ủy.

- Chuyển giao Trường Hành chính tỉnh đang trực thuộc Ban Tổ chức chính quyền và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chuyển Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng Đại học tại chức đang trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và trực thuộc Sở Giáo dục cho phù hợp hệ thống từ Trung ương đến địa phương.

- Tổ chức quản lý các hội quần chúng theo đúng quy định tại Chỉ thị số 01 của Hội đồng Bộ trưởng.

III. VỀ BIÊN CHẾ

1. Rà soát để bố trí đội ngũ phái viên huyện ủy để chỉ đạo các xã vùng cao có phong trào yếu kém, cần xác định số lượng của từng huyện để bố trí, đối với các huyện biên giới sau khi xác định số cán bộ cần bố trí thì trước hết lấy số cán bộ tăng cường biên giới sang, số cán bộ tăng cường biên giới từ 6 tháng cuối năm 1989 không bố trí biên chế loại cán bộ này nữa.

2. Thôi bố trí cán bộ kỹ thuật chỉ đạo thâm canh cây lương thực, Ủy ban nhân dân huyện giao cho Phòng Nông - lâm nghiệp huyện chỉ đạo công tác thâm canh, số cán bộ cấm điểm thâm canh cây lương thực được bố trí vào làm các công tác khác hoặc trả về cơ quan trước đây cử làm công tác này.

3. Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh xác định bố trí biên chế cán bộ giúp việc cho Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp (huyện, tỉnh) và bố trí định suất cán bộ

hoạt động Hội đồng nhân dân xã theo quy định của Hội đồng Nhà nước. Việc lấy cán bộ giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân lựa chọn và bố trí. Không lấy người không biết làm việc từ các cơ quan khác sang làm cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Các cơ quan tiến hành rà soát xác định lại số biên chế cần thiết kiên quyết tinh giản biên chế làm cho bộ máy gọn nhẹ, sau khi rà soát tỉnh sẽ giao biên chế chính thức năm 1990. Việc này hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 1990.

5. Rà soát làm rõ chức năng, nhiệm vụ các đoàn thể, phương pháp tổ chức chỉ đạo theo tinh thần nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương kỳ họp thứ tám và đổi mới công tác quần chúng của Đảng. Đồng thời chuyển số biên chế chuyên trách Đảng, Công đoàn đang công tác tại các công ty, xí nghiệp về cho xí nghiệp trả lương để cùng Đảng ủy, Ban giám đốc xí nghiệp chăm lo công việc, gắn bó với xí nghiệp.

IV. VIỆC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Trên cơ sở chức năng, việc bố trí sắp xếp tổ chức Khối Đảng, đoàn thể do Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện, Khối Chính quyền do Ủy ban nhân dân chỉ đạo thực hiện. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền, Sở Lao động, Thương binh và xã hội vừa là thành viên trong Ban chỉ đạo sắp xếp bộ máy của tỉnh, vừa là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các ngành, các cấp giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện tốt công tác này. Cuối năm Ban chỉ đạo tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả để tiếp tục thực hiện những năm tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 392-QĐ/TU, ngày 11-8-1990
Về việc chuyển giao cơ sở đảng

- Căn cứ vào Điều 11 Chương 2 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Để sắp xếp lại một bước tổ chức cơ sở của Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức tỉnh ủy sau khi đã nghiên cứu trao đổi thống nhất với Đảng ủy các cơ quan tỉnh và Thị ủy thị xã Yên Bái,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuyển 11 cơ sở đảng dưới đây đang trực thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh về chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thị ủy thị xã Yên Bái.
 - 1- Đảng bộ Công ty Vật tư Tổng hợp.
 - 2- Đảng bộ Công ty Lương thực tỉnh.
 - 3- Đảng bộ Liên hiệp xuất nhập khẩu tỉnh.
 - 4- Chi bộ Công ty than.
 - 5- Chi bộ Xí nghiệp vật tư xây dựng 404 (Công ty cung ứng Xi măng Hoàng Liên Sơn).
 - 6- Chi bộ Liên hiệp các xí nghiệp chè Hoàng Liên Sơn.
 - 7- Chi bộ Ngân hàng phát triển Nông nghiệp Hoàng Liên Sơn.
 - 8- Chi bộ Ngân hàng Công thương Hoàng Liên Sơn.

9- Chi bộ Ngân hàng đầu tư xây dựng Hoàng Liên Sơn.

10- Chi bộ Trường Kinh tế, kế hoạch tỉnh Hoàng Liên Sơn.

11- Chi bộ Xí nghiệp nhựa.

2. Đảng ủy các cơ quan tỉnh có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ của đảng viên và tình hình hoạt động của các cơ sở đảng nói trên cho Thị ủy thị xã Yên Bái trước ngày 30-8-1990.

3. Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Thị ủy thị xã Yên Bái và Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ Quyết định này để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 50-BC/TU, ngày 18-8-1990

**Về kiểm điểm công tác quần chúng từ Đại hội VI
của Đảng đến nay, những chủ trương, biện pháp
tiếp tục đổi mới công tác quần chúng nhằm thực
hiện tốt Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng**

Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: "... các đoàn thể quần chúng phải thật sự đổi mới trong quan điểm cũng như trong nội dung, hình thức công tác vận động quần chúng..."; "... trong tình hình hiện nay các đoàn thể quần chúng phải mạnh về tổ chức, vững về tư tưởng, có quyết tâm đổi mới về tổ chức cán bộ, về nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động thì mới có thể tạo nên sự chuyển biến tích cực làm hậu thuẫn cho Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI".

Quán triệt tinh thần Nghị quyết nêu trên, từ thực tiễn là một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc (54,7% dân số là dân tộc) mấy năm qua công tác quần chúng đã được các cấp ủy Đảng trực tiếp chỉ đạo, có nhiều mặt chuyển biến tiến bộ hơn trước. Mặt trận và các đoàn thể bước đầu đã đổi mới một số phương thức hoạt động, tổ chức các phong trào thi đua, động viên đoàn viên và các dân tộc hành động cách mạng, đã góp phần to lớn vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được giữ vững và phát triển tốt.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác quần chúng của Đảng, xây dựng các đoàn thể vững mạnh; xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, thực hiện tốt Nghị quyết 8 của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy, chúng ta cần kiểm điểm đánh giá đúng mức những thành tích ưu điểm và thấy rõ khuyết điểm, khó khăn, yếu kém mấy năm qua. Trên cơ sở đó tiếp tục từng bước đổi mới công tác quần chúng, đẩy mạnh sự hoạt động của các đoàn thể, tạo ra sự chuyển biến mới, khí thế mới, xây dựng củng cố các đoàn thể vững mạnh trong tình hình mới.

I. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH QUẦN CHÚNG, NHỮNG ƯU, KHUYẾT ĐIỂM CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG VÀ SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ

Mặc dù từng mặt trong cuộc sống, từng đoạn thời gian, tình hình kinh tế, xã hội còn diễn biến phức tạp, nhất là giá cả chưa thật ổn định, đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung tình hình nhân dân trong tỉnh là ổn định. Đời sống kinh tế được giữ vững và từng phần được cải thiện, có mặt được nâng cao hơn trước. Nhân dân tin tưởng và gắn bó với chế độ xã hội chủ nghĩa, họ đồng tình và hoan nghênh công cuộc đổi mới của Đảng đã làm chuyển biến tình hình kinh tế, xã hội họ đồng tình chống bao cấp, Đảng mở rộng dân chủ và quyền làm chủ của dân được tôn trọng, họ gắn bó với Đảng và nhất trí với quan điểm của Đảng chống đa đảng, đa nguyên chính trị; khẳng định và tin tưởng đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã chọn... Nhưng họ mong Đảng và cán bộ có chức có quyền sửa chữa khuyết điểm, kiên quyết chống tham nhũng trục lợi cá nhân, xử lý những cán bộ vi phạm, thực hiện công bằng xã hội.

Những mặt tốt cơ bản đó thể hiện kết quả to lớn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của các cấp ủy Đảng và đoàn thể các cấp, là

truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, cần cù lao động và sáng tạo của các tầng lớp quần chúng.

Tuy nhiên, mặt khó khăn tồn tại còn nhiều vấn đề cần được coi trọng và tập trung giải quyết. Trong công nhân, viên chức hiện nay còn khoảng 7.000 người không có việc làm (năm 1989 là 12.000 người) chưa kể các cơ sở kinh tế Trung ương. Lương không đủ sống, bình quân 10.000 đồng/tháng/người, có nơi còn thấp hơn. Nhiều người phải buôn bán thêm hoặc làm thêm các nghề khác, gần đây giá gạo và một số mặt hàng tăng lên, giá trị tiền lương càng giảm xuống, tâm tư nhiều người băn khoăn lo lắng cho cuộc sống.

Các cấp ủy Đảng và chính quyền đã tập trung tìm cách tháo gỡ, duy trì và đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống, nhưng tình hình còn nhiều vấn đề phải tiếp tục giải quyết. Đi đôi với vấn đề sản xuất, tỉnh đã giải quyết hai đợt cho một số công nhân thôi việc theo chính sách của Trung ương, đợt một chỉ trợ cấp được 273.500 đồng/người, đợt 2 là 398.000 đồng/người; hiện nay rất khó khăn về ngân sách, không đủ tiền để trả cho người thôi việc.

Đáng quan tâm là hiện nay ở một số xí nghiệp, công nhân không có việc làm, lương không đủ sống, nhưng một số cán bộ lãnh đạo và quản lý thì giàu lên nhanh chóng, nhà cửa, trang bị khang trang, ti vi, xe máy và mọi phương tiện đầy đủ. Một số cán bộ lãnh đạo ở các cấp lợi dụng chức vụ và quyền hành móc ngoặc, thông đồng với nhau để tìm cách lấy tiền, lấy của Nhà nước, của tập thể, ăn hối lộ, đút lót ngày càng lớn, tinh vi và nghiêm trọng, ý kiến tập trung vào một số ngành quản lý kinh tế, sản xuất kinh doanh, quần chúng đang bất bình, thiếu tin và yêu cầu các cấp cần làm rõ và xử lý nghiêm minh. Những vấn đề này không phải chỉ nêu lên mãi mà phải có chỉ đạo chặt chẽ, có biện pháp kiên quyết tiến hành để lấy lại lòng tin đối với quần chúng.

Ở khu vực nông thôn, trừ một số nơi kinh tế phát triển, đời sống vật chất tinh thần có khá hơn. Nhưng nhìn chung còn nghèo nàn và thiếu thốn, lúc giáp hạt nhiều nơi còn bị đói, nhất là ở vùng

cao. Qua khảo sát ở một số xã về đời sống của nông dân thì vùng cao loại hộ nghèo, loại 1,2, chiếm 90%, trung bình 5,3% và loại khá chỉ chiếm 0,4%. Ở vùng thấp loại 1,2 chiếm 72%, loại trung bình 22% và loại sống khá 1,6%. Những căn cứ trên thể hiện kinh tế vùng nông thôn phát triển không đồng đều, kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc còn nặng, đời sống người nông dân còn nghèo và nhiều người còn khó khăn, đáng chú ý gần đây nông dân kêu ca phải đóng góp nhiều khoản thóc và tiền cho tập thể và Nhà nước cần được xem xét cụ thể và giải quyết.

Chính sách xã hội chưa được thực hiện tốt, vùng cao nói chung trên 80% người trong lứa tuổi đi học và vùng thấp trên dưới 20% còn mù chữ. Vùng nông thôn người dân ốm đau, bệnh tật điều trị còn khó khăn, viện phí ít, vào việc phải bỏ thêm tiền mua thuốc để chữa trị, nhà nghèo không có tiền. Trường học, trạm xá bị hư hỏng không được tu sửa kịp thời, học sinh bỏ học nhiều, nạn nghiện hút mê tín dị đoan ngày càng phát triển... nhiều vấn đề chúng ta đã thấy và đã bàn biện pháp nhưng vẫn chưa giải quyết được.

Từ tháng 7-1990 đến nay, một số xã vùng huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Bảo Thắng, Mường Khương, bọn người xấu và bọn phản động lợi dụng trình độ thấp kém của đồng bào, lợi dụng các mặt yếu kém của ta để tuyên truyền “đón vua” thực chất là tuyên truyền đồng bào Mông đi đạo Thiên Chúa gây nên mất ổn định về tư tưởng, gây thiệt hại về kinh tế, làm khó khăn về đời sống. Các huyện và các cấp, ngành ở tỉnh đã tập trung mọi lực lượng và phương tiện để chỉ đạo tới nay tình hình đã dần dần ổn định.

1. Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quần chúng và hoạt động các đoàn thể

- Công tác tư tưởng: Từ sau Đại hội VI của Đảng nhận thức về công tác quần chúng của các cấp ủy, các ngành các cấp đã có bước chuyển biến mới, thấm nhuần bài học lấy dân làm gốc trong mọi hoạt động của mình. Đã tổ chức cho đảng viên và quần chúng

nghiên cứu học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội VI các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, làm cho quần chúng hiểu rõ các chủ trương, chính sách của Đảng, trong công tác này chúng ta đã áp dụng nhiều hình thức, đổi mới nhiều phương pháp, tổ chức các “ngày chính trị” nói chuyện thời sự, sinh hoạt câu lạc bộ, các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động mạnh mẽ và chất lượng hơn, đã đóng góp quan trọng vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong quần chúng đáng chú ý là nhiều đồng chí lãnh đạo các cấp đã xuống cơ sở trực tiếp đối thoại với công nhân, nông dân, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ hưu trí, đồng bào các dân tộc, nhiều cấp, nhiều ngành mở trụ sở tiếp dân, trực tiếp giải quyết thắc mắc và yêu cầu của dân.

Chúng ta đã làm cho quần chúng, đoàn viên, hội viên thấy rõ đường lối đổi mới của Đảng nhất là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát triển kinh tế nhiều thành phần, khoán sản trong nông nghiệp, nhiều luật pháp của Nhà nước được công khai lấy ý kiến quần chúng tham gia. Việc thực hiện dân chủ và công khai trong quần chúng và hoạt động của các đoàn thể như tham gia ý kiến xây dựng Đảng, bầu cử các cấp lãnh đạo, quyền dân chủ của dân được tôn trọng.

Tất cả những nội dung và hình thức giáo dục quần chúng đã tạo nên sự chuyển biến rõ nét đem lại hiệu quả thiết thực. Chúng ta đã giữ được tình hình chính trị luôn luôn ổn định sản xuất phát triển, đời sống cơ bản ổn định và giữ vững, nêu cao cảnh giác làm thất bại mọi hành động phá hoại của địch. Những mắc mớ trong quần chúng được giải quyết bằng giáo dục thuyết phục, bằng cơ chế chính sách và cả bằng pháp luật nên nhiều vấn đề tồn tại được giảm bớt, qua học Nghị quyết Trung ương 7, 8 quần chúng càng nhận thức quan điểm đúng đắn sáng suốt vững vàng của Đảng ta trước tình hình diễn biến của Đông Âu, tin tưởng vào sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, kiên quyết bảo vệ và đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà

Đảng và Bác Hồ đã chọn, tỏ rõ thái độ không chấp nhận đa đảng, đa nguyên chính trị trong nước ta.

- Về chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể nhiều huyện, thị, đảng ủy đã ra chỉ thị, nghị quyết về công tác quần chúng, mở các hội nghị bàn chuyên đề về hoạt động từng đoàn thể. Sự chỉ đạo nổi bật và rõ nét của Tỉnh ủy và các huyện, thị, đảng ủy là chỉ rõ những mục tiêu nhiệm vụ mà Mặt trận và đoàn thể các cấp cần tập trung hành động theo chức năng của mình. Nhiều cấp ủy đã coi trọng kiểm tra sự hoạt động và hiệu quả của các phong trào thi đua các đoàn thể chuyển hướng hoạt động về cơ sở, gắn sự hoạt động phù hợp với tình cảm, nguyện vọng và lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên. Vì vậy, quần chúng gắn bó chặt chẽ với tổ chức của mình như tổ chức quỹ thọ của phụ lão, phong trào nuôi con khỏe dạy con ngoan của phụ nữ...

Từng thời gian 6 tháng, 1 năm Tỉnh ủy và các huyện, thị đều trực tiếp nghe kết quả hoạt động của các đoàn thể và Mặt trận chỉ rõ nhiệm vụ hoạt động thời gian tới, theo chức năng của ngành và xoay quanh việc thực hiện ba chương trình kinh tế của cấp ủy. Đáng chú ý là mấy năm gần đây nhiều cấp ủy chính quyền các cấp nhận thức rõ hơn vị trí quan trọng công tác quần chúng và vai trò của Mặt trận và các đoàn thể, đã quan tâm kiện toàn và tăng cường cán bộ lãnh đạo các đoàn thể trang bị những phương tiện hoạt động tạo điều kiện cho các đoàn thể khá hơn trước.

2. Sự hoạt động của các đoàn thể

Thực hiện sự đổi mới hoạt động của mình các đoàn thể đã cố gắng từng bước chuyển hướng hoạt động tổ chức nhiều phong trào thi đua như, mua công trái, xây dựng quỹ trồng cây, công trình thanh niên, nhận khoán việc, nuôi con khỏe dạy con ngoan, làm kinh tế gia đình giải quyết việc làm cho người lao động... bài học kinh nghiệm thực tế mấy năm qua không phải hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể không có nội dung không thiết thực mà chính

là chúng ta chưa bám sát đoàn viên, hội viên, chưa nghiên cứu rút kinh nghiệm và tìm ra cái mới, nhân ra những điển hình tốt.

Các phong trào quần chúng đã góp phần đáng kể vào đẩy mạnh sản xuất chiến đấu bảo vệ an ninh Tổ quốc trên mặt trận sản xuất lương thực, thâm canh có tiến bộ, năng suất lúa 2 vụ đạt gần 6 tấn/ha, sản lượng lương thực đạt 282 ngàn tấn, kinh tế nhiều thành phần phát triển làm cho hàng hóa phong phú, đa dạng đã xuất hiện nhiều gia đình làm kinh tế giỏi, nhiều đoàn viên đã gây được quỹ để hoạt động và giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn.

3. Công tác tổ chức Mặt trận và các đoàn thể

Hơn 3 năm qua hướng theo tinh thần đổi mới, các đoàn thể ra sức xây dựng củng cố tổ chức cơ sở vững mạnh. Thông qua Đại hội các cấp, đội ngũ cán bộ được kiện toàn củng cố, từng bước giải quyết những cán bộ không đủ tín nhiệm, năng lực yếu ra khỏi các đoàn thể, làm cho sự lãnh đạo các đoàn thể vươn dần lên sát với yêu cầu mới. Đến nay tất cả các cơ sở đều có tổ chức của các đoàn thể hoạt động, Mặt trận Tổ quốc có trên 35.647 hội viên quỹ thọ với số quỹ hơn 5 triệu đồng. Nhiều nơi có phong trào khá như Bảo Thắng, thị xã Yên Bái, Trấn Yên, Yên Bình... công đoàn với 549 cơ sở, gần 8 vạn đoàn viên và có 20% cơ sở vững mạnh, các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Hội Nông dân đều chuyển hướng xây dựng cơ sở đoàn, hội vững mạnh, đã coi trọng xây dựng các mô hình tiên tiến.

Ban Dân vận đã cùng với các đoàn thể nhiều lần bàn chuyển hướng và đổi mới phương thức hoạt động. Tuy còn nhiều vấn đề khó khăn, lúng túng, có sở còn nhiều yếu kém, nhưng bước đầu có một số mặt tiến bộ, nét nổi bật là các đoàn thể đã coi trọng công tác kiểm tra, bám sát cơ sở và xây dựng cơ sở vững mạnh.

Thông qua phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, đội ngũ cán bộ đoàn thể có bước trưởng thành về năng lực, trình độ

tổ chức thực hiện đã bổ sung cán bộ cho Đảng, chính quyền, nhiều đoàn viên, hội viên đã được kết nạp vào Đảng.

4. Mối quan hệ giữa chính quyền và các đoàn thể ngày càng phối hợp chặt chẽ và tôn trọng lẫn nhau. Trên cơ sở các quy định của Hội đồng Bộ trưởng các kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể đều được mời dự. Một số công tác, Thường trực Ủy ban nhân dân đã trực tiếp làm việc hoặc dự các cuộc họp với Mặt trận. Nhiều ý kiến của nhân dân, của công nhân viên chức được báo cáo, kiến nghị với chính quyền, các đoàn thể cũng đã đóng góp nhiều ý kiến vào việc thực hiện các chủ trương, chính sách với chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, một số đơn vị thực hiện chưa đều, các đoàn thể chưa tham gia được nhiều ý kiến sát với tình hình và chất lượng chưa cao. Vấn đề này cần tiếp tục vươn lên thực hiện tốt hơn.

Những kết quả và một số mặt chuyển biến mấy năm qua thể hiện sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự cố gắng của các đoàn thể và sự hỗ trợ của các cấp chính quyền. Song trước tình hình mới, công tác quần chúng và hoạt động của các đoàn thể chưa bao giờ khó khăn lúng túng như hiện nay, cộng với những khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo dẫn đến tình trạng yếu kém nổi lên chủ yếu trên một số mặt như sau:

- Chúng ta chưa đi sâu, chủ động nghiên cứu cách tổ chức và thay đổi nội dung, hình thức hoạt động công tác quần chúng nhằm giải quyết những lợi ích chính đáng, phong phú của các đối tượng quần chúng. Một số chế độ, chính sách chưa được thi hành đồng bộ, đây là vấn đề khó khăn cần thấy rõ để tiếp tục đổi mới thu hút, tập hợp quần chúng, làm cho hoạt động các đoàn thể sinh động, thiết thực vào cuộc sống.

- + Các đoàn viên, hội viên thiếu gắn bó với đoàn thể của mình, nhiều người tham gia chỉ là hình thức. Gần đây số lượng đoàn viên, hội viên các đoàn thể có xu hướng giảm rõ rệt, họ ngại đi họp, đi sinh hoạt đoàn thể. Vai trò các đoàn thể bị lu mờ, bị coi thường,

tổ chức các cơ sở đoàn thể ở nông thôn, vùng cao, một số xã vùng thấp và cả ở một số cơ quan xí nghiệp, trường học... tồn tại chỉ là hình thức. Một số nơi đoàn thể không nắm được đoàn viên, hội viên không nắm được quần chúng. Cán bộ đoàn thể thì yếu, và một số kém tin nghiệm với quần chúng.

+ Vai trò tham gia quản lý nhà nước theo quan điểm “lấy dân làm gốc” trên thực tế còn mang nặng tính hình thức, khẩu hiệu xuống nhất là ở cơ sở. Các chỉ thị, Nghị quyết 53, 44, Nghị quyết số 26... của Trung ương Đảng; Quyết định 69A, 163 của Hội đồng Bộ trưởng chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, nhiều cấp ủy chưa thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về công tác quần chúng của Trung ương.

5. Những nguyên nhân chủ yếu

1. Các cấp ủy Đảng nhận thức và quan điểm quần chúng, coi nhẹ công tác quần chúng và hoạt động của các đoàn thể, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mọi việc ở các cấp, các ngành đều dựa vào pháp luật, mệnh lệnh, xem thường công tác vận động quần chúng và vai trò các đoàn thể. Nhiều cán bộ, đảng viên sinh ra quan liêu, hách dịch, coi thường nhân dân, xa lánh dân. Từng chặng đường cách mạng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng là đúng đắn, nhưng một số cán bộ, đảng viên mắc một số sai lầm, nhất là tình trạng tiêu cực, trong đó đáng chú ý là một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, các đơn vị kinh tế, việc đấu tranh khắc phục trong nội bộ Đảng thiếu kiên quyết, xử lý không kịp thời... làm cho dân thiếu tin vào Đảng, một số cán bộ mất tin nhiệm với quần chúng.

2. Chủ trương của Đảng xóa tập trung quan liêu bao cấp, hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế; thực hiện đổi mới cơ chế chính sách... trước bước ngoặt và sự chuyển biến to lớn đó, công tác quần chúng và hoạt động các đoàn thể cần được đổi mới, theo nhịp điệu chung của đất nước, nhưng công tác quần

chúng và đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đều gặp phải lúng túng chưa nghiên cứu thí nghiệm tạo ra những mô hình mới, vì vậy hoạt động của các đoàn thể còn mang nặng lối quan liêu, hành chính không đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng, tình cảm thiết thực của các tầng lớp quần chúng, làm cho quần chúng thiếu gắn bó với tổ chức của mình.

3. Cán bộ làm công tác quần chúng, cán bộ lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể năng lực yếu, và chưa thật ổn định. Tình trạng thay đổi cán bộ, đưa cán bộ không có đủ phẩm chất và năng lực sang đoàn thể còn ở nhiều nơi, có huyện một nhiệm kỳ thay 2 đến 3 lần cán bộ chủ chốt của một đoàn thể.

Cán bộ đoàn thể các cấp chưa thật yên tâm bởi vì thấy lĩnh vực hoạt động của mình bị xuống cấp ít được cấp ủy và các ngành khác tôn trọng, nhiều đồng chí muốn chuyển sang ngành kinh tế hoặc điều các ngành khác sang Khối Đoàn thể rất khó khăn, chính sách lương Trung ương quy định chưa thỏa đáng, bậc lương đoàn thể thấp so với các ngành khác. Cấp ủy chính quyền ít quan tâm về trụ sở, phương tiện làm việc, kinh phí hoạt động rất khó khăn, vì vậy có thể nói các đoàn thể chưa làm đúng chức năng tham mưu cho cấp ủy về công tác quần chúng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NỘI DUNG TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ, TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới đang gặp phải những khó khăn thử thách mới. Những diễn biến chính trị mới phức tạp ở Đông Âu và Liên Xô đang tác động mạnh mẽ đến cách mạng nước ta.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vẫn đang tiếp tục cấu kết chặt chẽ, dùng mọi âm mưu thủ đoạn để phá các

nước xã hội chủ nghĩa tiến tới xóa bỏ xã hội chủ nghĩa mà nước ta là trọng tâm trong âm mưu chiến lược của chúng.

Vì vậy, hơn lúc nào hết công tác quần chúng cần được quan tâm lãnh đạo chỉ đạo, tích cực hơn hẳn những năm trước đây nhằm tăng cường tốt hơn quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân.

Nhận thức sâu sắc bốn quan điểm lớn của Đảng trong Nghị quyết 8, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì dân.

Động lực thúc đẩy phong trào là phải đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, kết hợp hài hoà các lợi ích và bảo đảm thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân. Các hình thức tập hợp quần chúng phải phong phú đa dạng trên nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải về tài chính. Phải nhận rõ công tác quần chúng là trách nhiệm của toàn Đảng, của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Để nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ công tác quần chúng, hoạt động của các đoàn thể nhằm tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân. *Từ nay mỗi cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể mọi cán bộ, đảng viên và nhân viên Nhà nước, cán bộ, đoàn viên hội viên các đoàn thể đều phải làm công tác quần chúng theo chức trách của mình*, sao cho công tác quần chúng đi sâu vào từng dân tộc, từng tập thể, từng gia đình và từng người dần dần phát huy tính tích cực hạn chế tiêu cực, xây dựng con người mới, cuộc sống mới, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung tạo ra sự chuyển biến mạnh toàn diện trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết chống lại mọi mưu mô của kẻ thù, núp dưới mọi hình thức để tập hợp lôi kéo, kích động quần chúng và nhân dân các dân tộc, đặc biệt là các thế hệ trẻ, thế hệ tương lai kế cận của cách mạng.

Từ thực tiễn của tỉnh ta công tác quần chúng và hoạt động các đoàn thể cần đổi mới theo hướng:

+ Đổi mới công tác quần chúng và hoạt động của các đoàn thể phải gắn liền với công cuộc đổi mới của đất nước và địa phương,

mọi hoạt động phải hướng tới bồi dưỡng giáo dục lý tưởng, tình cảm cách mạng, nâng cao nhận thức, làm cho trình độ quần chúng tiến bộ về mọi mặt, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, ra sức phấn đấu để xây dựng bảo vệ Tổ quốc, khẳng định dứt khoát đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã chọn.

+ Phải động viên nhân dân, đoàn viên, hội viên hăng hái thi đua tạo ra phong trào hành động cách mạng, hướng vào ba chương trình kinh tế của tỉnh, phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân, phối hợp các lực lượng giải quyết xử lý tốt những lợi ích chính đáng của quần chúng, trên cơ sở tôn trọng bình đẳng về mọi mặt.

+ Phải tập hợp được đông đảo quần chúng giữ vững và phát triển mạnh tổ chức đoàn thể mình ngày càng có chất lượng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Công tác quần chúng và hoạt động của các đoàn thể ở cơ sở phải từng bước đổi mới, có nội dung và phương pháp hoạt động thích hợp. Căn cứ vào chương trình hành động của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và từng đoàn thể ngoài những nhiệm vụ thường xuyên của mình cần tập trung vào một số phong trào mũi nhọn, tập trung sự chỉ đạo vào đó, đưa phong trào đem lại hiệu quả thiết thực qua đó mà củng cố tổ chức vững mạnh, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Theo hướng trên, tỉnh nêu lên một số nhiệm vụ công tác quần chúng và nội dung hoạt động chủ yếu của Mặt trận các đoàn thể như sau:

1. Phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc những quan điểm nội dung Nghị quyết 8 và Chỉ thị 62, nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cấp bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể về công tác quần chúng.

Từ nay đến hết năm 1990 tất cả cấp ủy Đảng, chính quyền các ngành đoàn thể các cấp trong tỉnh đều tiến hành kiểm điểm công tác quần chúng của mình, phân tích rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và rút ra kinh nghiệm, nêu rõ những việc cần phải

làm từ nay đến Đại hội VII của Đảng, sửa chữa ngay những khuyết điểm có thể sửa được.

2. Thật sự tôn trọng sâu sát, lắng nghe ý kiến quần chúng: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể mỗi cấp phải phối hợp chặt chẽ cùng nhân dân bàn bạc, chủ động tháo gỡ giải quyết những khó khăn cấp bách, trước mắt và tập trung là: Đoàn kết nhất trí cao về tư tưởng, tuyệt đối tin tưởng đường lối cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, động viên quần chúng phát triển kinh tế, ổn định đời sống, nâng cao đời sống văn hóa, xóa nạn mù chữ, giữ gìn trật tự trị an xã hội, bảo vệ biên giới, tạo mọi điều kiện để nhân dân yên tâm phấn khởi thực hiện tốt nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng

- Mặt trận Tổ quốc các cấp cần tích cực hoạt động tăng cường đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, các lực lượng các giới lắng nghe ý kiến tập hợp nguyện vọng quần chúng phản ánh với Đảng. Động viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng, giữ vững mối liên hệ, bảo đảm cho Đảng vừa là thành viên vừa là lãnh đạo của Mặt trận.

Động viên và củng cố mở rộng hoạt động của tổ chức phụ lão ở cơ sở tập trung sức chỉ đạo củng cố phát triển các hội thọ, hội trồng cây, câu lạc bộ, tổ hoà giải, ban bảo vệ chăm sóc giáo dục thiếu nhi, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu tốn kém, tổ chức và thực hiện tốt các đám tang trong nhân dân động viên các cụ hưu trí gương mẫu cho con cháu noi theo.

- Liên đoàn lao động và công đoàn các cấp ở cơ sở:

Phải bám sát chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình mà hoạt động cần coi trọng hơn nữa việc tham gia quản lý nhà nước và đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động trên cơ sở những chế độ, chính sách đã được Nhà nước ban hành.

Công đoàn cơ sở phải tích cực tham gia quản lý xí nghiệp, phải

cùng giám đốc lo phương án sản xuất, tháo gỡ khó khăn và có trách nhiệm với sản phẩm làm ra. Phải có nhiều hình thức hoạt động động viên công nhân, viên chức gắn bó với xí nghiệp tăng cường bảo vệ tài sản Nhà nước, tài sản tập thể, đấu tranh chống tiêu cực làm thất thoát tài sản, tiền vốn, vật tư của Nhà nước, tổ chức công đoàn phải là chỗ dựa cho chính quyền. Phải nhanh chóng lập thêm các tổ chức công đoàn trong các hợp tác xã tiêu thụ công nghiệp để tập hợp quần chúng.

Hoạt động của công đoàn phải cải tiến nội dung, gắn với lợi ích, đời sống công nhân, viên chức. Phải cùng chính quyền bảo đảm việc làm, thực hiện phân phối công bằng đối với người lao động. Phát huy quyền làm chủ của công nhân, viên chức, đồng thời phối hợp chăm lo tốt hơn nữa đến đời sống xã hội tinh thần cho người lao động.

- Công tác thanh niên và chăm lo, giáo dục thế hệ trẻ, hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

Có tầm quan trọng đặc biệt đòi hỏi phải được quan tâm lãnh đạo và bản thân tổ chức đoàn phải không ngừng phấn đấu vươn lên về mọi mặt. Nội dung chủ yếu cần bồi dưỡng cho thanh niên các dân tộc ở tỉnh ta về niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và Bác Hồ đã chọn, thi đua lao động sản xuất làm giàu cho quê hương và làm giàu chính đáng cho bản thân và gia đình. Tích cực tham gia bảo vệ trật tự trị an, xây dựng nếp sống mới tiến bộ, làm tốt việc phụ trách thiếu niên nhi đồng.

Phong trào hành động của thanh niên phải xung kích đi vào sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật thâm canh, mở rộng diện tích, nâng cao năng suất lúa, màu, thực phẩm, tích cực trồng và bảo vệ rừng, làm giao thông thủy lợi, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và tổ chức các hội thanh niên như: Chi hội thanh niên ở phường, xã, kể cả thanh niên dân tộc ở vùng cao, chi hội thanh niên học sinh ở các

nhà trường, hội thanh niên theo nghề nghiệp, văn nghệ thể dục thể thao, du lịch, nghiên cứu tổ chức các đám cưới thanh niên ở từng vùng như nông thôn, thị trấn, thị xã sao cho thích hợp đồ phiên hà và tốn kém, hướng cho thanh niên tham gia tổ chức và sinh hoạt sao cho hấp dẫn, lành mạnh để thu hút và giáo dục thế hệ trẻ.

Để xứng đáng là nòng cốt, đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần coi trọng chất lượng và mỗi đoàn viên phải được giao công tác tập hợp thanh niên.

- Các cấp Hội phụ nữ cần đẩy mạnh hơn nữa hai phong trào của hội: giúp nhau làm kinh tế gia đình và phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Quan tâm đến đấu tranh bảo vệ quyền lợi bình đẳng của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Phối hợp với các ngành chăm lo sức khỏe cho người mẹ và làm tốt cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Tổ chức cơ sở và hoạt động của Hội cần đổi mới theo lứa tuổi, ngành nghề cho phù hợp và thiết thực. Trong một cơ sở địa phương, xí nghiệp có thể có nhiều chi hội phụ nữ theo lứa tuổi, trình độ. Ở nông thôn có thể tổ chức các hội cấy, hội chăn nuôi, hội làm hàng thủ công... nhằm giúp nhau kinh nghiệm và điều kiện sản xuất, nâng cao đời sống.

- Hội Nông dân các cấp trong tỉnh ngoài việc chăm lo, bồi dưỡng, tuyên truyền chính trị, thời sự chính sách nâng cao đời sống tinh thần và động viên nông dân thi đua sản xuất giỏi, cần chủ tập trung củng cố xây dựng tổ chức hội mạnh, đấu tranh chống tiêu cực trong nông dân. Các cấp hội cơ sở cần làm nòng cốt và tổ chức phát triển mạnh kinh tế gia đình, nghiên cứu tổ chức các hội như: hội làm vườn, hội nuôi cá, hội trồng cây, các tổ sản xuất hàng thủ công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, tổ chức giúp đỡ những hộ nông dân nghèo đẩy mạnh sản xuất chống khô đọng sản phẩm, trả hết nợ cho tập thể và Nhà nước.

+ Các hội quần chúng: Hiện nay ở tỉnh ta đã có các hội như: Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Việt - Xô, Hội Y học

dân tộc, Hội Nhà báo, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Xây dựng, Hội Cầu đường... cần được hoạt động tốt hơn trên cơ sở Điều lệ, tôn chỉ, mục đích của Hội và sự hướng dẫn của Hội cấp trên, tiến tới tự trang trải kinh phí hoạt động. Các hội cần hoạt động theo tinh thần đổi mới hướng vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, động viên tư tưởng cách mạng chăm lo lợi ích quần chúng, khơi dậy tình cảm yêu nước, yêu nghề nghiệp và giúp nhau trưởng thành.

4. Công tác tác cán bộ: Cán bộ các đoàn thể quần chúng là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tập hợp hướng dẫn quần chúng hoạt động. Đây là lực lượng vừa tham mưu giúp việc đắc lực cho cấp ủy vừa là lực lượng bổ sung cán bộ cho Đảng, chính quyền các cấp. Vì vậy phải được quan tâm đúng mức. Cán bộ phải có tiêu chuẩn nhất định và được quy hoạch, đào tạo có hệ thống. Lựa chọn, bố trí cán bộ đoàn thể phải có trình độ chính trị, đạo đức, phẩm chất và kiến thức chuyên môn cần thiết, phải đặc biệt chú ý mối quan hệ với quần chúng, phải được lựa chọn từ những người ưu tú trong phong trào quần chúng. Cán bộ ở cơ sở vùng dân tộc tuy không đòi hỏi có trình độ cao nhưng có tín nhiệm và biết tập hợp quần chúng. Không nên quan niệm ai làm cán bộ đoàn thể cũng được, dẫn đến đưa những người năng lực, tín nhiệm kém, khó bố trí ở ngành khác đưa về Mặt trận và đoàn thể, làm cho lãnh đạo các đoàn thể khó khăn và yếu kém. Kiên quyết thay những cán bộ không có năng lực và không được quần chúng tín nhiệm.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quần chúng và các đoàn thể quần chúng

- Các cấp ủy phải cử các đồng chí chủ chốt (có thể là bí thư, phó bí thư, thường vụ, chi ủy ở chi bộ) trực tiếp chỉ đạo công tác quần

chúng và hoạt động các đoàn thể. Ở cơ sở đảng phải lấy công tác vận động và chăm lo lợi ích quần chúng làm nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình. Từ nay mỗi đảng viên đều làm công tác quần chúng, gương mẫu thực hiện chức trách trong đơn vị và nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, hoạt động tích cực trong đoàn thể mà mình tham gia. Chi bộ phải phân công, đôn đốc, kiểm tra đảng viên thực hiện tốt việc này và gương mẫu trước quần chúng, thường xuyên lấy ý kiến quần chúng về công tác xây dựng Đảng như giới thiệu người vào cấp ủy, lựa chọn quần chúng ưu tú để kết nạp Đảng...

- Các cấp ủy có lịch làm việc với các đoàn thể theo quy định, chi ủy, đảng ủy cơ sở một tháng một lần, cấp ủy huyện và tỉnh 3 tháng 1 lần để nắm và chỉ đạo công tác đoàn thể quần chúng. Phải đi xuống cơ sở, trực tiếp gặp quần chúng để nắm chắc thắc mắc, diễn biến của quần chúng.

- Các Trường Đảng, Trường Hành chính, Trường huấn luyện cán bộ đoàn thể, các trường chuyên nghiệp trong tỉnh đều dành chương trình có bài giảng về công tác quần chúng theo tinh thần Nghị quyết 8.

2. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng các ngành, đơn vị đối với công tác quần chúng và các đoàn thể quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng củng cố chính quyền. Thực hiện tốt “chính quyền là của dân và vì dân phục vụ”.

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và thủ trưởng các ngành các cấp trong tỉnh cần thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng như 69A, 163... về quy chế làm việc giữa cơ quan nhà nước với các đoàn thể. Có chế độ phối hợp làm việc thường xuyên để các đoàn thể phản ánh tiến nói, nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

- Chính quyền các cấp, các ngành có liên quan nhiều đến công tác quần chúng, phục vụ nhân dân cần có lịch tiếp dân và có trách

nhệm giải quyết những vấn đề dân yêu cầu. Các ngành phục vụ, giao dịch thường xuyên với dân như: Công an, Lương thực, Thương nghiệp, Y tế, Ngân hàng, Thuế... cần công khai những chế độ, và có quy ước cụ thể phục vụ nhân dân thông báo thể lệ, chế độ, chính sách... để nhân dân biết. Giáo dục tốt tư tưởng và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công nhân viên trong khi thi hành nhiệm vụ.

- Các cấp chính quyền, các ngành cần giải quyết cơ sở vật chất, kinh phí cho các đoàn thể hoạt động.

3. Làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng và đãi ngộ với cán bộ đoàn thể. Thực hiện các chế độ chính sách như đối với cán bộ các ngành khác.

- Công tác quần chúng khó hơn trước rất nhiều, cần bổ sung cán bộ thật sự có năng lực, có tín nhiệm, nhiệt tình (tín - tâm) sang các đoàn thể.

4. Các đoàn thể quần chúng cần chủ động, sáng tạo đổi mới hoạt động của mình, phấn đấu vươn lên về mọi mặt, không nên chỉ kêu ca phàn nàn cấp ủy mà phải thấy rõ trách nhiệm của mình, tìm mọi cách khắc phục khó khăn phấn đấu vươn lên. Thường xuyên tạo ra phong trào hành động cách mạng. Bám sát cơ sở chỉ đạo điểm, tạo mô hình, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng động viên kịp thời thiết thực, tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi, thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế của tỉnh và Nghị quyết 8 của Trung ương.

5. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền đi vào phong trào quần chúng, phát hiện những điển hình tốt

Những địa phương, cơ quan, đoàn thể làm tốt công tác đổi mới và tăng cường quan hệ giữa Đảng, chính quyền và nhân dân để biểu dương khuyến khích; đồng thời phê phán những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của quần chúng.

Phát huy những ưu điểm mấy năm qua, thấy rõ những khuyết điểm yếu kém của mình, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các

đoàn thể cần nhận rõ và làm tốt hơn công tác quần chúng trong tình hình mới. Phải xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, quyết xây dựng và bảo vệ thành công xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 393-QN/TU, ngày 24-8-1990

**Về việc thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị
tỉnh Hoàng Liên Sơn**

- Căn cứ vào Thông báo số 46-TB/TW, ngày 12-12-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị cấp tỉnh và tương đương;

- Căn cứ Hướng dẫn số 731-TC-TW, ngày 11-7-1988 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Trung tâm Giáo dục chính trị tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương;

Căn cứ vào yêu cầu thực tế về công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh, sau khi xem xét tờ trình về việc thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị tỉnh Hoàng Liên Sơn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị tỉnh thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ: Quản lý, bồi dưỡng và tổ chức hoạt động báo cáo viên, bồi dưỡng lý luận dự thảo chuyên đề và cung cấp thông tin, hướng dẫn nghiệp vụ, phương tiện nghiệp vụ cho Trung tâm Giáo dục chính trị huyện, thị... theo Hướng dẫn số 731-TC-TW của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 2: Về tổ chức bộ máy biên chế:

- Trung tâm Giáo dục chính trị là đơn vị sự nghiệp, được mở tài khoản riêng.

- Tổ chức bộ máy và biên chế trên cơ sở hai bộ phận Tuyên truyền và Huấn học của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để lập hai khóa bồi dưỡng lý luận chính trị (theo các hình thức tại chức), Khoa Báo cáo viên và thông tin.

- Về lãnh đạo, trung tâm có một đồng chí Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phụ trách.

Điều 3: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO BƯỚC ĐẦU CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 52-BC/TU, ngày 5-9-1990

Về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI

Sau gần 4 năm thực hiện nghị quyết của Đảng bộ tỉnh theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, ở Hoàng Liên Sơn nổi lên một số tình hình dưới đây.

1. Về thuận lợi

- Sau Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã có nhiều nghị quyết cụ thể hóa những nội dung đổi mới với những quan điểm mới cùng các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng thể chế hóa về mặt Nhà nước trên các lĩnh vực nhất là về đổi mới quản lý kinh tế.

- Với định hướng và những chính sách đổi mới trên đây, đã khơi dậy tư duy nhận thức lại, thúc đẩy nỗ lực chủ quan các ngành, các cấp vào nghiên cứu vận dụng để đề ra chủ trương xây dựng cơ chế chính sách phù hợp nhằm chuyển biến từng bước về kinh tế, xã hội và các mặt công tác, bước đầu khắc phục tập trung, quan liêu, khắc phục cơ chế và tư tưởng bao cấp, chú trọng đến hiệu quả thiết thực.

2. Khó khăn

- Hoàng Liên Sơn với đặc thù miền núi, biên giới, kinh tế còn

mang nặng tính tự nhiên, tự túc, tự cấp. Thông tin kinh tế hạn chế. Cơ sở hạ tầng thiếu thốn và bị xuống cấp nghiêm trọng. Trung ương đã thấy và có chủ trương giải quyết theo tinh thần Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng, nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện nhất là những chính sách về kinh tế cũng như xã hội.

- Nhận thức và thực hiện công cuộc đổi mới là một quá trình, lại trong giao thời chưa đồng bộ và còn nhiều vướng mắc. Mặt khác, tình hình giảm sút của năm 1986 và năm 1987, bị 2 năm mất mùa nặng kéo theo những đột biến nhất là về giá gây lạm phát đã làm xấu thêm tình hình kinh tế - xã hội và đời sống. Trên thực tế những kết quả đạt được là quan trọng nhưng đồng thời cũng phát sinh những khó khăn mới trong diễn biến phức tạp của tình hình hiện nay, cần phải có thời gian nghiên cứu và đánh giá đầy đủ hơn nữa. Đúng về phía lãnh đạo và chỉ đạo, đi đôi với việc quán triệt các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy đã xây dựng ba chương trình kinh tế, ra nghị quyết về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, các nghị quyết về củng cố biên giới và quốc phòng an ninh cũng như ban hành các chính sách khuyến khích kinh tế xã hội phát triển, sau đây là báo cáo bước đầu trên một số lĩnh vực.

1. Về kinh tế - xã hội

- Nhìn chung về cơ cấu sản xuất, trên phạm vi toàn tỉnh như các huyện, thị đã hướng vào ba chương trình kinh tế và đặt trọng tâm vào chương trình lương thực - thực phẩm gắn với điều chỉnh cơ cấu đầu tư, dành 30% vốn cho nông nghiệp, 33% vốn cho công nghiệp và 22% cho biên giới.

+ Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đã chú trọng thâm canh nhất là việc đưa giống mới cùng với các biện pháp tăng vụ, chú trọng phát triển trồng cây ngô, tính chung tổng diện tích gieo trồng năm 1989 so với năm 1985 tăng 10.600 ha bằng 8%, trong đó lúa tăng gần 2.000 ha, ngô tăng 3.000 ha, với năng suất từ

55 tạ/ha lên 59,5 tạ/ha trên chân ruộng 2 vụ và tổng sản lượng lương thực từ 269 ngàn tấn lên 282 ngàn tấn, nếu tính trong vòng 3 năm 1987, 1988 và 1989 thì tốc độ tăng bình quân lương thực hằng năm là 7%.

+ Sản xuất công nghiệp qua chuyển đổi cơ chế đã bước đầu được sắp xếp lại và tập trung vốn đầu tư chiều sâu cho một số cơ sở mũi nhọn nhằm phát huy thế mạnh của địa phương. Nhìn chung trong hoàn cảnh có rất nhiều khó khăn của địa phương miền núi song bước đầu đã phát huy tính chủ động, năng động và sáng tạo của đơn vị cơ sở, tìm kiếm thị trường và chuyển đổi mặt hàng phù hợp. So với năm 1985, công nghiệp hàng tiêu dùng tăng 26%, một số sản phẩm thế mạnh được phát triển như sứ công nghiệp tăng hơn 2 lần, xi măng tăng 3 lần, tiểu thủ công nghiệp tuy có giảm nhưng mức độ không lớn.

+ Xuất khẩu có bước phát triển với mức tăng bình quân hằng năm là 26,7% và với mặt hàng chủ tiêu là quế tăng 24%, mặt khác đã mở rộng kinh tế đối ngoại, tổ chức liên kết, liên doanh giữa các tỉnh và một số tổ chức kinh tế thế giới trong đó có tư bản. Thông qua hoạt động kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu đã bổ sung hàng hóa, vật tư, lương thực và góp phần đáng kể vào tích lũy ngân sách, giải quyết một số khó khăn của địa phương.

+ Đi đôi với tập trung vào ba chương trình kinh tế, đã chú trọng vào xây dựng cơ sở hạ tầng, đến nay đã có đường điện cao thế chạy dọc tỉnh và đến một số huyện vùng lúa, xây dựng được một số công trình thủy lợi và thủy điện, xây dựng một số cầu quốc lộ và đang xây dựng một số cầu vượt sông.

- Về phân phối lưu thông, chủ yếu đi vào tổ chức lại và chuyển sang phương thức kinh doanh kể cả lương thực, vật tư, ngân hàng tín dụng. Đã xử lý thận trọng cân nhắc bước đi trong việc thực hiện cơ chế thị trường, chỉ đạo mở rộng giao lưu và chỉ đạo thực hiện Thông báo 118 về việc qua lại buôn bán ở biên giới, xử lý từng

bước và đến nay về cơ bản đã thực hiện cơ chế thị trường về giá một số vật tư, hàng thiết yếu và phân bón.

Các mặt về ngân sách tiền tệ trong khó khăn chung đã có nhiều cố gắng. Mức tự cân đối ngân sách trong các năm 1987, 1988 và năm 1989 được từ 65-66% so với 45% của năm 1985, và mức bội chi tiền mặt năm 1989 là 58% so với năm 1985 tỷ lệ đó là 76%. Giá cả nói chung từ năm 1989 đến nay giữ được ổn định.

- Việc phát triển các thành phần kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý.

+ Đối với kinh tế quốc doanh, thực hiện đổi mới cơ chế quản lý theo tinh thần Nghị quyết Trung ương II và III với Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, đã quy định ban hành đổi mới cơ chế kế hoạch hóa đến nay phần lớn chỉ còn một chỉ tiêu pháp lệnh về giao nộp ngân sách. Đã chỉ đạo thực hiện và xử lý trong việc tính đủ đầu vào cho tất cả các xí nghiệp. Kiểm kê lại tài sản, các loại vốn, chấn chỉnh công tác hạch toán và kế toán xí nghiệp. Mở rộng các hình thức khoán gọn, khoán lương, thưởng, đi đôi với rà soát lao động, thực hiện tinh giản biên chế. Nhìn chung xí nghiệp đã phát huy quyền tự chủ như việc bổ sung phương hướng sản xuất và phương án sản phẩm, mở rộng dịch vụ, mở rộng liên kết và chủ động trong lưu thông, tìm thị trường tiêu thụ. Hiệu quả lãi thật được làm rõ đã thúc đẩy xí nghiệp tự vươn lên, năng động để từng bước thích nghi trong chuyển đổi cơ chế.

Bước đầu đi rà soát quy hoạch và phương hướng sản xuất các nông, lâm trường, thu hẹp lại quy mô và giao phần còn lại cho các thành phần kinh tế khác.

+ Đối với kinh tế tập thể, trong nông nghiệp đã sớm nhìn ra những nhược điểm trong cơ chế khoán theo Chỉ thị 100, chủ động nghiên cứu ra chủ trương đổi mới cơ chế quản lý và chỉ đạo thực hiện nắm nghị quyết của Tỉnh ủy với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Đã làm xong việc rà soát và điều chỉnh quy mô hợp tác xã, đưa tổng số 776 hợp tác xã xuống còn 517 và chuyển số còn lại thành tổ

đoàn kết với số lượng là 518, một số chuyển hình thức sản xuất theo hộ gia đình. Đã rà soát và điều chỉnh phương hướng sản xuất, phân hạng đất đai, giao ổn định diện tích khoán 15 năm và ổn định năng suất 5 năm với xác định từ đầu định mức và giá khoán. Tính chung đến nay đã thực hiện khoán hộ được 10-15 vạn hộ với 24/34 ngàn héc-ta lúa ruộng, 6/25 ngàn héc-ta ngô và 4/8 ngàn ha chè cùng với việc bón trên 80% trâu, bò cày kéo các loại cho 3 vạn hộ.

Tác dụng của cơ chế khoán mới đã làm rõ ba lợi ích với mức thu nhập của người lao động từ 48-75% so với mức khoán đối với cây lúa và từ 70-80% đối với cây màu và cây công nghiệp. Cơ chế quản lý mới cũng có tác dụng làm tăng cơ sở vật chất với gần 50 ô-tô vận tải và máy kéo, tăng thêm trâu, bò, bình bơm, sân phơi và khai hoang tăng vụ được 2.000 ha. Bộ máy quản lý đã giảm khoảng 30%. Chính sách cán bộ xã trưởng thôn, bản và chính sách xã hội đã được giải quyết theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất hoặc góp quỹ điều hoà.

+ Đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, bước đầu đã có hướng dẫn để thực hiện Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị và các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng trong đó kinh tế gia đình đã có bước phát triển mới gồm kinh tế gia đình xã viên, kinh tế cá thể, kinh tế gia đình công nhân, viên chức, trong đó kinh tế hộ gia đình nông dân chiếm vị trí rất quan trọng trong nông, lâm nghiệp cũng như trong việc chuyển từ kinh tế tự túc tự cấp sang sản xuất hàng hóa và chiếm 70-75% thu nhập gia đình trong năm.

Bên cạnh đó, trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp có 31 hợp tác xã chuyên doanh, 14 tổ sản xuất, 331 hợp tác xã kiêm doanh và 1.279 hộ cá thể với tổng số lao động là 6.600 và đã tạo ra giá trị sản lượng bằng một nửa giá trị sản lượng công nghiệp chung. Qua chuyển đổi cơ chế loại hình này đã thích nghi hơn quốc doanh, thể hiện trong nhịp độ giảm bình quân hàng năm chỉ là 0,65% so với mức giảm của quốc doanh là 9,85.

Ngoài ra, đang có sự phát triển kinh tế ngoài quốc doanh thương nghiệp với tổng số hộ là 4.400 và với tổng doanh thu chiếm 53% (...) trên thực tế, thành phần này có tốc độ phát triển nhanh, thị trường hàng hóa phong phú. Nói chung giá rẻ hơn mậu dịch và hiệu quả trên đồng vốn cũng cao hơn nhiều so với mậu dịch.

- Về mặt xã hội, do chuyển đổi cơ chế và diễn biến thị trường xã hội, khó khăn gay gắt nổi lên là giải quyết đời thừa lao động trong khu vực Nhà nước, tính riêng trong khu vực sản xuất. Số đời thừa khoảng 1,2 vạn bằng 1/3 tổng số, đến nay đã giải quyết được 7.000. Các mặt khác về sự nghiệp văn hóa nói chung được cố gắng giữ vững, tính chung trên 1.000 dân có 1 y, bác sĩ và có 152 học sinh.

Về đời sống, tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung nạn đói giáp hạt đã giảm nhiều so với trước, ngoài ra cũng có một số thay đổi tiến bộ như về nhà ở, mua sắm, trang thiết bị ở một số địa bàn như ở các thị xã, thị trấn.

Tóm lại, tình hình kinh tế - xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Hoàng Liên Sơn có cố gắng tập trung vào ba chương trình kinh tế, nhất là vấn đề lương thực và thực phẩm gắn chặt với phát triển các thành phần kinh tế và thực hiện đổi mới cơ chế, có bước đi thích hợp trong việc chuyển cách quản lý tập trung hành chính, bao cấp sang hạch toán kinh doanh, xác lập quyền tự chủ của đơn vị cơ sở và quyền làm chủ của người lao động gắn với lợi ích.

- Nhìn chung sản xuất xã hội có phát triển theo sự vận hành của cơ chế quản lý mới, sản phẩm hàng hóa tăng, với tổng sản phẩm xã hội so với trước tăng 60%, vai trò tự chủ của cơ sở của người lao động với tính chủ động, sáng tạo đã được phát huy. Đã quan tâm tới sản xuất hàng hóa, quan tâm đến thị trường để sản xuất có hiệu quả trong sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế. Một số mô hình làm ăn giỏi bao gồm kinh tế hộ gia đình, tổ hợp kinh tế, làm rừng, làm vườn, làm thủ công nổi lên khả năng khai thác thế mạnh của miền núi là có hiện thực khi gắn được sản xuất

với thị trường và gắn được lao động với lợi ích trong cơ chế và chính sách hợp lý đối với miền núi.

- Lưu thông đã được mở mang, dân chủ trong mua và bán đã thật sự được thực hiện, về cơ bản đã khắc phục được những tiêu cực trong mua và bán theo lối bao cấp nên có tác dụng trong việc thực hiện công bằng xã hội và điều tiết được cung, cầu, khắc phục tâm lý dự trữ gây mất cân đối giả tạo, hàng hóa phong phú và dễ mua với giá cả nói chung là ổn định. Đời sống có cải thiện hơn trước. Đó là thắng lợi lớn có ý nghĩa xã hội được nhân dân phấn khởi và đồng tình hưởng ứng.

- Từ những kết quả trên đã khẳng định hướng đi theo tinh thần đổi mới, phải kiên trì xóa bỏ cơ chế tập trung, hành chính bao cấp. Mặt khác, với đặc điểm của miền núi còn mang nặng tính tự nhiên, tự túc, tự cấp cần phải hướng mạnh vào phát triển các thành phần kinh tế nhất là kinh tế hộ gia đình đi đôi với việc đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất trong việc tạo ra sản phẩm hàng hóa, nhằm phát huy các thế mạnh, tiềm năng của miền núi.

Những kết quả và nhận xét trên đây đồng thời cũng nói lên những tồn tại và những điểm chưa làm được. Nhìn chung sự chuyển biến sau gần 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng vẫn còn là bước đầu và chưa vững chắc. So với các mục tiêu chủ yếu nói chung đạt thấp, lương thực đạt 85% so với mức bình quân đầu người đạt 78%, sản xuất công nghiệp đạt 49%, xuất khẩu đạt 80%. Cơ cấu kinh tế Hoàng Liên Sơn chưa có chuyển biến, thực chất vẫn là kinh tế nông nghiệp với tỷ trọng 57% và tỷ suất hàng hóa từ nông nghiệp đạt thấp như lương thực 17%, thịt lợn 37%. Những vấn đề lớn của kinh tế - xã hội miền núi như lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây đặc sản, vấn đề định canh định cư về cơ bản vẫn chưa có hướng để phát triển thành thế mạnh. Sự mất cân đối nhất là về tài chính và tiền tệ còn lớn.

Mặt khác, sự phát triển các thành phần kinh tế với chuyển đổi cơ chế, đánh giá thực chất mới phát huy trong nông nghiệp và trong lưu thông, đồng thời đã bộc lộ sự yếu kém trong kinh tế quốc doanh. Qua cạnh tranh ngoài thị trường xã hội, sản xuất công nghiệp quốc doanh cũng như thương nghiệp quốc doanh chưa làm được vai trò chủ đạo và có sự suy yếu trên các mặt như về tổ chức, quản lý và khoa học - kỹ thuật, giá thành cao và chất lượng thấp. Kinh tế quốc doanh đang gặp khó khăn gay gắt và chưa có biện pháp tích cực tháo gỡ để định hướng đi lên xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó có sự bung ra không đúng hướng trong phát triển các thành phần kinh tế, chủ yếu là phát triển buôn bán và dịch vụ ăn uống với các tiêu cực tranh mua, tranh bán, trốn lậu thuế, tạo sức ép về giá cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường.

Tình hình xã hội nói chung còn rất nhiều khó khăn biểu hiện tập trung vào các vấn đề việc làm và đời sống, trật tự, an toàn xã hội và công bằng xã hội. Đồng thời với việc phát triển dân số với tỷ lệ cao 2,4% kéo theo các chỉ tiêu về đời sống trên đầu người giảm xuống, các mặt văn hóa, giáo dục, y tế bị xuống cấp, nạn mù chữ còn nặng 20%, tai tệ nạn xã hội và các biểu hiện tiêu cực diễn biến phức tạp, mê tín dị đoan và hoạt động tôn giáo phát triển gây tác hại xấu nhất là trong một số vùng dân tộc.

Nguyên nhân của tình hình trên, về khách quan là do khó khăn vốn có của một tỉnh miền núi cùng với hệ thống chính sách còn thiếu đồng bộ và chưa phù hợp. Khó khăn lớn nhất là cơ sở hạ tầng giao thông vận tải thiếu thốn và xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị máy móc lạc hậu, xa thị trường, xa thông tin, giá lại theo chiết khấu cộng nên nhìn chung trên tầm vi mô, vấn đề thị trường và giá đối với miền núi chưa có giải pháp, việc phát triển sản xuất hàng hóa ở miền núi còn nhiều lúng túng, mặt khác hậu quả của cơ chế bao cấp là một tồn tại khách quan cũng chưa có thể giải quyết nhanh được vì cần nhiều vốn trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn.

Về mặt chủ quan, việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất tuy có làm nhưng làm chưa đồng bộ và nói chung còn chậm. Bộ máy nhà nước còn công kênh và nói chung còn kém hiệu lực. Chưa thật sự tập trung lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện cơ cấu, nhất là việc hình thành các ngành chủ lực. Chưa tập trung vào khoa học - kỹ thuật đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật tay nghề truyền thống nói chung còn yếu... Về nhận thức tư duy kinh tế nói chung còn nhiều mặt chưa đáp ứng với yêu cầu, nhất là về sản xuất hàng hóa, thị trường, kinh tế đối ngoại cũng như về tổ chức sản xuất, trong đó có tổ chức công nghiệp quốc doanh và thương nghiệp quốc doanh là hai vấn đề lớn.

2. Về quốc phòng và an ninh

Xác định vị trí chiến lược của Hoàng Liên Sơn trên phạm vi toàn tuyến trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đã tập trung chỉ đạo trong nhiều năm vào việc củng cố và xây dựng vùng biên giới trên các mặt với mức đầu tư chiếm khoảng 20% tổng mức. Trong tình hình mới, tỉnh đã có chương trình củng cố biên giới theo kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Đã tiến hành bố trí chiến lược, làm xong kế hoạch điều chuyển, bố trí lực lượng chiến đấu theo hướng tinh giản, nâng cao chất lượng gắn với việc tiếp nhận và củng cố giải quyết trước... theo sự phân công, tiến hành rà soát và củng cố lực lượng dân quân tự vệ, chuyển hình thức tập trung các lực lượng dân quân xã, biên phòng thành hình thức cơ động và tăng cường củng cố xây dựng thêm đồn biên phòng. Trên phạm vi toàn tỉnh các phương án hợp đồng tác chiến và tổ chức diễn tập, xây dựng kế hoạch động viên và xây dựng được 8 tiểu đoàn dự bị động viên ở 8 huyện tuyến sau.

Về công tác an ninh, tập trung vào làm trong sạch địa bàn quản lý việc qua lại hai bên theo tinh thần Thông báo 118. Khắc phục quản lý hành chính đổi mới trong quản lý dân cư, bước đầu thực hiện hợp đồng trong bảo vệ kinh tế. Đã tập trung phá án một số vụ ở biên giới.

Việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo tinh thần Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng đã liên tiếp mở các đợt tấn công truy quét bọn tội phạm hình sự, tập trung điều tra, sưu tra triệt phá một số ổ nhóm đường dây buôn bán, lập hồ sơ cải tạo và mở lớp cải huấn. Tiến hành thanh tra, kiểm tra giải quyết đơn, thư khiếu tố và tiến hành truy tố, khởi tố, xét xử một số vụ án.

Nhìn chung tình hình trật tự, an toàn xã hội có mặt nghiêm trọng hơn trước, tỉnh đã có kế hoạch tiếp tục thực hiện Chỉ thị 135 gắn với việc chống tham nhũng theo Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng, nhưng an ninh chính trị kể cả biên giới và nội địa được giữ vững.

3. Về công tác xây dựng Đảng và các hoạt động quần chúng

- Hướng trọng tâm trong công tác chính trị tư tưởng, tập trung vào nâng cao nhận thức lý luận, nhằm làm rõ và khẳng định các quan điểm đổi mới cùng những vấn đề cấp bách về vấn đề tư tưởng về củng cố Đảng và về công tác vận động quần chúng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay.

Trước những thành quả bước đầu nhất là trong chuyển đổi cơ chế cán bộ, đảng viên và quần chúng đã thấy được hướng đi bước đầu có nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, khắc phục tư duy một chiều, duy ý chí và có sự thống nhất cao về mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội có nhận thức đúng đắn với sự phấn khởi và đồng tình trong việc xóa bỏ cơ chế bao cấp, tạo ý thức kinh doanh quan tâm đến sản xuất hàng hóa và thị trường để tìm cách sản xuất có hiệu quả, mặt khác cũng do thay đổi cơ chế đã nâng cao ý thức phục vụ, vị trí của người tiêu dùng, của người dân, người lao động cùng với tính dân chủ, công khai đã được coi trọng. Đó là sự thay đổi cơ bản được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng.

Ngoài ra, trong sự chuyển hướng chính sách đối ngoại, tìm giải

pháp đối với Campuchia cùng thiện chí trong việc lập lại quan hệ bình thường với Trung Quốc, việc tổ chức mở cửa cho nhân dân hai bên qua lại đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

Thực tế những điểm làm được trong tiến trình đổi mới đã góp phần quan trọng vào việc khắc phục tư tưởng bảo thủ cùng những biểu hiện tiêu cực. Dân chủ trên các lĩnh vực bước đầu đã được củng cố.

- Về công tác tổ chức, đã tập trung rà soát và nghiên cứu để có phương án tổ chức sắp xếp lại bộ máy từ tỉnh đến huyện và xã cũng như trong khu vực hành chính sự nghiệp, sản xuất kinh doanh, trong Khối Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng đi đôi với rà soát tinh giản biên chế. Tính chung Khối Hành chính đã giảm 247 đầu mối với 651 biên chế và khu vực sản xuất kinh doanh, đã giải quyết chính sách cho khoảng 7.000 lao động dôi ra.

Về công tác cán bộ, đã tiến hành quy hoạch cán bộ chủ chốt cấp ủy tỉnh và quy hoạch cán bộ ở 31/52 ngành và 12/17 huyện, thị. Có quy chế về phân cấp quản lý cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng có nhiều cố gắng và đã mở lớp đào tạo chương trình cao cấp tại chức cho 9 cán bộ lãnh đạo tỉnh và huyện.

- Về công tác xây dựng cơ sở đảng và đảng viên, đã xúc tiến nghiên cứu nội dung công tác Đảng trong xí nghiệp quốc doanh và nông thôn. Tiến hành đánh giá chất lượng cơ sở đảng với khoảng 30% số cơ sở phát huy vai trò lãnh đạo, 55% giữ được phong trào còn lại là cơ sở yếu. Đã phân tích 749 cấp ủy viên có 33,4% hoàn thành tốt nhiệm vụ, 57% hoàn thành nhiệm vụ, 9% còn hạn chế. Về chất lượng đảng viên, phân tích 6.700/33.000 đảng viên có 33% thật sự gương mẫu, trong đó 87% đủ tiêu chuẩn, 12% có vi phạm, phải đưa ra khỏi Đảng. Đã kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ được 70%, trong đó số chấp hành tốt 80%, chưa tốt 12%, số có vi phạm 8% và nói chung tỷ lệ sai phạm giảm dần (năm 1987 chiếm 19%; năm 1988 chiếm 11%, năm 1989 chiếm 5,7%).

- Về công tác quần chúng và hoạt động của các đoàn thể, bước

đầu đã đi vào cơ sở để phối hợp tuyên truyền, tổ chức hướng dẫn thực hiện các nghị quyết của Đảng. Đã tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội ở 1 huyện, khảo sát tình hình dân tộc Mông, tình hình tôn giáo, tình hình người Hoa, khảo sát tình hình đời sống trong công nhân viên và tình hình đời sống ở 1 huyện vùng cao và 1 huyện vùng thấp. Gắn với việc nắm tình hình quần chúng bước đầu đã hiện mở rộng dân chủ như tổ chức gặp gỡ, tổ chức tiếp dân, tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các luật, dân chủ trong tổ chức hiệp thương bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bước đầu đã tổ chức mở Đại hội công nhân, viên chức và thành lập Hội đồng xí nghiệp, tổ chức lấy ý kiến thăm dò, bỏ phiếu tín nhiệm. Về phong trào bước đầu đã hướng vào ba chương trình kinh tế nhằm vào phát triển kinh tế gia đình, tổ chức dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm và xây dựng quỹ hội nhằm gắn quyền lợi của hội viên với tổ chức. Về củng cố tổ chức bước đầu đã có tổng kết và đề ra phương hướng công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương và đã tổ chức được 10 hội quần chúng nghề nghiệp.

Bên cạnh những việc làm được trên đây, đánh giá tình hình công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng nổi lên một số vấn đề cần phải được quan tâm.

- Về mặt chính trị tư tưởng, việc trang bị lý luận nhìn chung còn nhiều mặt chưa tiến kịp trước đòi hỏi của công cuộc đổi mới nhất là những vấn đề cụ thể thuộc về kinh tế, những khó khăn mới trong quá trình chuyển đổi cơ chế, cùng với những diễn biến phức tạp của các nước xã hội chủ nghĩa và của Liên Xô có tác động đến tâm lý, ảnh hưởng đến lòng tin vào thắng lợi nói chung của chủ nghĩa xã hội cũng như của công cuộc đổi mới. Nhìn chung công tác chính trị tư tưởng ở cơ sở và ngoài quần chúng làm yếu, có mặt là do tổ chức đội ngũ báo cáo viên ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu.

Về mặt xã hội với sự xuống cấp trên nhiều lĩnh vực nhất là tình hình mất trật tự, an toàn xã hội thật sự là mối lo đối với mọi

người. Vai trò quản lý nhà nước cùng với những biểu hiện tiêu cực kể cả trong công tác tổ chức công cụ như: Thuế vụ, Ngân hàng, Kiểm lâm... đã gây nghi ngờ làm giảm sút lòng tin của nhân dân.

Tình hình tư tưởng vẫn tiếp tục có sự phân hóa giữa tích cực bảo thủ và nôn nóng, có bộ phận chạy theo lối sống thực dụng bàng quan, tránh né, một bộ phận trong thanh niên, học sinh không chịu học tập và rèn luyện sống theo lý tưởng, ngại sinh hoạt chính trị, ngại phấn đấu kể cả vào Đảng.

- Về tổ chức và cán bộ qua sắp xếp đã giảm đầu mối và biên chế nhưng nhìn chung còn nhiều lúng túng trong việc xác định chức năng và phân định nhiệm vụ. Thiếu việc làm đang là hiện tượng phổ biến trong các cơ quan hành chính. Mặt khác, việc giảm biên chế đang gặp khó khăn về vốn cũng như khả năng tạo ra việc làm mới. Trong công tác cán bộ nhìn chung quy hoạch cán bộ làm chậm. Việc sử dụng cán bộ đào tạo nhất là đối với số học sinh mới ra trường còn nhiều lãng phí do quy hoạch đào tạo chưa phù hợp. Chính sách đối với cán bộ cũng còn nhiều bất hợp lý như về lương, phụ cấp, tiêu chuẩn... có sự chênh lệch giữa các ngành và các địa phương.

- Cơ sở đảng và đảng viên đang có nhiều mặt bị xem nhẹ và có nhiều lúng túng như chưa định rõ vai trò lãnh đạo trong các loại hình cơ sở và cũng có biểu hiện xem nhẹ vai trò của cấp ủy khi chuyển sang thực hiện cơ chế mới. Lý tưởng của đảng viên có mặt còn bị lu mờ, còn nhiều đảng viên trung bình kém tác dụng, phát triển đảng viên ít nên chậm trẻ hóa đội ngũ và có nhiều đảng viên cao tuổi đã hạn chế sức chiến đấu. Kỷ luật sinh hoạt và chất lượng sinh hoạt đảng nói chung là thấp, vai trò hạt nhân của cơ sở đảng còn nhiều mặt bị hạn chế.

- Hoạt động của các đoàn thể quần chúng nói chung còn mang nặng hình thức, chưa rõ hướng đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động cũng như chưa thực sự bám sát cơ sở và bám nhiệm vụ chính trị. Việc tổ chức vận động và xây dựng phong trào làm yếu.

Đoàn viên và hội viên chưa thực sự thiết tha với tổ chức của mình. Cán bộ công tác quần chúng cũng thiếu phấn khởi. Chính sách và phương tiện làm việc thiếu nên không yên tâm công tác.

Tình hình trên đây là biểu hiện sự lúng túng trong cơ chế chính trị cần phải được làm nghiên cứu nhiều mặt để thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ gắn với việc đổi mới công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương.

4. Về phương hướng lớn trong những năm tới, Tỉnh ủy đang chuẩn bị tổng kết thời kỳ 1986-1990 và nghiên cứu phương hướng nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo Đại hội

- Về mục tiêu dự kiến cần tập trung vào giải quyết việc làm cải thiện một bước đời sống, tăng cường giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Về cơ cấu, tiếp tục tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế, trọng tâm giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm bằng thế mạnh của địa phương. Nghiên cứu phát triển chăn nuôi để tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy mạnh sắp xếp lại công nghiệp theo hướng gắn công nghiệp với nông nghiệp, chú trọng chế biến nông, lâm sản, mở mang phát triển tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục phát triển hàng xuất khẩu, hình thành một số mặt hàng chủ lực của địa phương.

Đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế nhất là kinh tế hộ gia đình. Phát triển kinh tế quốc doanh vươn lên làm chủ đạo trên một số khâu then chốt.

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng có trọng điểm nhất là giao thông vận tải, năng lượng. Coi trọng công tác khoa học - kỹ thuật nhất là việc ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất.

Về xã hội cần chú trọng tạo việc làm bằng phát triển các thành phần kinh tế. Tăng cường chỉ đạo vấn đề dân số. Chú trọng công tác tôn giáo và dân tộc. Nghiên cứu lại phương hướng giáo dục cho phù hợp với địa phương miền núi.

Tiếp tục đẩy mạnh giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng gắn với cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Về xây dựng Đảng, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức và cán bộ, xây dựng cơ sở đảng và đảng viên gắn với đổi mới công tác vận động quần chúng, chuẩn bị tiến tới đại hội Đảng các cấp theo Chỉ thị 59 của Ban Bí thư.

5. Một số kiến nghị

- Đề nghị Trung ương chỉ đạo việc thể chế hóa và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị đối với các ngành của Trung ương.

- Cần nâng mức đầu tư cho miền núi nhất là giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng.

- Cần nghiên cứu xử lý phù hợp trong việc chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh đối với miền núi. Tăng cường thông tin kinh tế. Khắc phục chiết khấu cộng. Có chính sách ưu tiên về văn hóa - xã hội, coi đó là một loại đầu tư không gọi là bao cấp.

- Nghiên cứu giải quyết chính sách đối với số biên chế dôi ra nhất là kinh phí cho thôi việc vì phần xí nghiệp giải quyết nói chung là không có vốn.

- Có quy chế về công tác đảng ở cơ sở đối với các loại hình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 53-BC/TU, ngày 7-9-1990

Sơ lược thực hiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương

Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng, Quy định 12 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội nhân dân và sự nghiệp quốc phòng; Hướng dẫn 707 của Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức hoạt động của tổ chức đảng trong các cơ quan quân sự địa phương. Sau hơn 2 năm thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu và chỉ huy thống nhất, các lực lượng vũ trang có ưu khuyết điểm sau.

I. NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

A. Về công tác chuẩn bị và triển khai thực hiện cơ chế

Sau khi có Nghị quyết 02, Quy định 12, Hướng dẫn 707, Đảng ủy và Ban chỉ huy Quân sự tỉnh đã làm tham mưu cho:

1. Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết 03 về nhiệm vụ quốc phòng năm 1988-1990 và 1990-1995. Nội dung chủ yếu đánh giá âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối diện với Hoàng Liên Sơn, nội dung và biện pháp xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, làng, xã vững mạnh.

Đi đôi với chỉ đạo giảm đầu mối các đơn vị bộ đội địa phương tăng cường củng cố rà xét xây dựng dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng dự bị động viên điều chỉnh lực lượng, bố trí lại thế trận phòng thủ phù hợp với tình hình mới.

2. Tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ chủ trì cấp tỉnh huyện, thị, sở, ban, ngành chỉ huy các đơn vị vũ trang địa phương về đường lối quân sự của Đảng, Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 03 của Thường vụ Tỉnh ủy, Quy định 12 của Ban Bí thư và lý luận xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc. Thông qua học tập quán triệt cán bộ đã nắm được những vấn đề cơ bản về quan điểm đánh giá kẻ thù, quan điểm quân sự của Đảng nhất trí cao với Bộ Chính trị, Ban Bí thư sự cần thiết và cấp bách phải xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực vững chắc, trước mắt đánh bại chiến lược phá hoại toàn diện, ngăn chặn đẩy lùi chiến tranh xâm lược của bọn phản động quốc tế.

3. Đã kiện toàn Đảng ủy Quân sự tỉnh số lượng 17 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy tham gia (đồng chí Bí thư, Chủ tịch, và Giám đốc Sở Công an làm Ủy viên).

- Kiện toàn 4 đảng ủy quân sự huyện, thị gồm: Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, có 32 ủy viên trong đó có 4 đồng chí bí thư huyện, thị ủy trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Quân sự, 4 đồng chí chủ tịch và 4 đồng chí trưởng công an làm ủy viên.

- Kiện toàn 13 ban cán sự các huyện, thị (không có bộ đội địa phương) gồm huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Than Uyên, Mù Cang Chải, Sa Pa, Văn Bàn, Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên và Thị Yên Bái.

Tổng số có 65 đồng chí ủy viên trong đó có 13 đồng chí bí thư huyện, thị ủy trực tiếp làm bí thư ban cán sự, 13 đồng chí chủ tịch, 10 đồng chí trưởng công an là ủy viên, 29 đồng chí trong cơ quan quân sự, trong đó có 8 đồng chí chỉ huy phó chính trị, 5 đồng chí là chỉ huy trưởng làm phó bí thư ban cán sự.

B. Thực hiện nguyên tắc - chức năng, nhiệm vụ

Cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu và chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang là cơ chế khoa học, đúng đắn và phù hợp đã và đang từng bước hoạt động có nền nếp đạt hiệu quả thiết thực, cụ thể.

1. Đảng lãnh đạo: Tỉnh ủy, huyện, thị ủy đã ra nghị quyết lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng tỉnh, huyện, thị thành khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng làng, xã vững mạnh về mọi mặt, có phân công kiểm tra quy trách nhiệm cụ thể. Trong những năm qua Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Quân sự huyện và Ban cán sự đã tập trung giải quyết được những vấn đề có tính chất chiến lược là:

- Hoàn thành xây dựng kế hoạch phòng thủ cấp tỉnh, huyện đạt 100% (đã thông qua và phê duyệt).

- Xây dựng kế hoạch B của cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, huyện Bảo Thắng và 2 xã Báo Đáp, Vạn Hoà.

- Xây dựng kế hoạch E từ tỉnh đến các huyện, thị đến nay cấp huyện, thị có 17/17 đơn vị thông qua, kết quả xây dựng kế hoạch E được đánh giá tốt.

- Lãnh đạo hai cuộc diễn tập TN-88 của tỉnh, TN-89 của huyện Bảo Thắng được Bộ và Quân khu đánh giá tốt, rút được kinh nghiệm, khẳng định cơ chế mới phát huy được hiệu lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực điều hành của chính quyền trong xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng và huy động sức người sức của khi chiến tranh xảy ra, khẳng định vai trò làm tham mưu và chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang địa phương của cơ quan quân sự (càng xuống cơ sở thấy cơ chế thể hiện hiệu lực rõ rệt).

- Căn cứ vào tình hình cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra chỉ thị xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Khảo sát xây dựng hậu phương chiến lược, nổi lên là củng cố xây dựng hệ thống kho tàng, cầu cống, đường sá chiến lược.

- Thực nghiệm động viên quân dự bị, phương tiện kỹ thuật, nền kinh tế quốc dân, chuyển đổi một số xí nghiệp sản xuất kinh tế sang phục vụ nhu cầu quốc phòng đã đánh giá rất đúng đắn hơn khả năng tự lực của địa phương.

- Đã tập trung xây dựng Trường quân sự Ấp Bắc và từng bước đi vào chính quy để đào tạo cán bộ dân tộc, bồi dưỡng tập huấn cán bộ xã, phường.

- Đối với công tác quy hoạch đào tạo, đề bạt bổ nhiệm cán bộ quân sự địa phương, từ khi có cơ chế việc sắp xếp đội ngũ cán bộ địa phương đã nâng được chất lượng, nâng được khả năng làm tham mưu của cơ quan quân sự, từ đó đã giải quyết được một số phân vân và rối rắm của đồng chí bí thư khi trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Quân sự và Ban cán sự và góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng ủy Quân sự tỉnh với các huyện, thị ủy giữa Đảng ủy với các ban của Đảng.

2. Chính quyền điều hành

Qua hai năm thực hiện và qua diễn tập thực nghiệm thấy khối lượng công việc rất lớn và phức tạp, đòi hỏi đồng chí chủ tịch phải là người có kiến thức toàn diện, có tính quyết đoán, nắm chắc pháp luật, nắm vững chủ trương của cấp ủy cùng cấp kiên quyết nghiêm túc thì mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khi chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến, di chuyển cơ quan, xí nghiệp, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra.

3. Cơ quan quân sự làm tham mưu và chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang

Để làm tốt chức năng trên cơ quan quân sự phải có kiến thức toàn diện, trước hết là hai đồng chí chỉ huy trưởng và phó chính trị phải tạo sự đoàn kết nhất trí cao nắm vững chủ trương, nhiệm vụ của trên giao và của địa phương để tổ chức thực hiện, có cơ chế cơ quan quân sự hoạt động thuận lợi hơn, công tác quân sự địa

phương được triển khai nhanh hơn, có hiệu lực hơn và làm tham mưu tốt hơn.

Quan hệ với các cơ quan, ban, ngành, các lực lượng đứng chân trên địa bàn thuận lợi và gắn bó hơn, bên ngoài thấy được chức năng của cơ quan quân sự địa phương, ngược lại cơ quan quân sự địa phương cũng hiểu biết được nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của các ngành để đề xuất, tham mưu đúng, trúng và giúp các cơ quan một cách thiết thực. Thực tế hiện nay cơ quan quân sự huyện, thị làm tham mưu tốt chưa nhiều, cần được thường xuyên bồi dưỡng.

4. Qua thực hiện cơ chế

- Cấp ủy, chính quyền các ban, ngành biết xử lý các tình huống khi chiến tranh xảy ra, nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng được nâng lên sâu hơn, tạo chuyển biến một bước về xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân địa phương.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, huyện, thị ủy nắm quan điểm chủ trương về công tác quân sự địa phương sâu hơn, chỉ đạo đạt kết quả tốt hơn, đồng thời xác định được trách nhiệm đối với công tác quân sự địa phương.

- Các mặt công tác quân sự địa phương được cấp ủy chính quyền các ngành và nhân dân quan tâm hơn. Đồng chí bí thư, chủ tịch thực sự trực tiếp nắm giải quyết những nhiệm vụ quan trọng về quân sự, nâng được kiến thức quân sự cho các đồng chí tham gia Đảng ủy hoặc Ban cán sự.

II. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM TỒN TẠI

1. Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, Quy định 12 của Ban Bí thư, Hướng dẫn 707 của Ban Tổ chức Trung ương, Nghị quyết 03 của Thường vụ Tỉnh ủy quán triệt chưa sâu, chưa toàn diện, có nơi mới dừng lại ở cấp huyện, thị. Do đó hiểu địch không kỹ, không sâu, hiểu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc chưa đến nơi đến chốn.

2. Xử lý hai nhiệm vụ chiến lược ở một số địa phương chưa cân đối, chưa thấy hết quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng, xây dựng đi đôi với bảo vệ.

3. Nhận thức về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng chưa thật sâu sắc về nhiệm vụ xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, thực hiện chính sách hậu phương quân đội... (trong hơn 2 năm qua ngoài tỉnh và những nơi đã làm được thì chưa phát triển được nơi nào mới hơn).

4. Nhận thức về Quy định 12 của Ban Bí thư chưa đầy đủ nên chưa thấy hết sự cần thiết nhất là tình hình hiện nay phải nắm chắc lực lượng vũ trang. Về cơ cấu trong Ban cán sự một số nơi chỉ định đồng chí chỉ huy trưởng huyện, thị làm phó bí thư Ban cán sự, nên nắm nguyên tắc không chắc, năng lực công tác Đảng không thành thạo do đó việc giúp đồng chí bí thư triển khai các mặt công tác lãnh đạo hạn chế.

5. Thực hiện chế độ sinh hoạt đối với Đảng ủy Quân sự và Ban cán sự ở cấp huyện, thị có nơi chưa thành nề nếp, hiệu lực của Ban cán sự còn hạn chế, có nơi còn hình thức, chưa có nội dung, có cơ chế nhưng một số đồng chí chủ tịch và công an chưa phát huy được vai trò trong thực hiện chức trách nên hiệu quả chưa cao.

6. Các nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Đảng chưa được thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước, nên các cấp, các ngành không thấy được trách nhiệm chỉ đạo giúp đỡ cơ sở thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Năng lực kinh nghiệm làm tham mưu của cán bộ quân sự địa phương nhìn chung còn hạn chế, chưa ngang tầm với cơ chế.

KẾT LUẬN CHUNG

Qua hai năm thực hiện cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương, lãnh đạo và chỉ đạo các cấp đã

thống nhất nhận thức; cơ chế 12 là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp. Thông qua cơ chế Đảng nắm chắc lực lượng vũ trang hơn, nguyên tắc tập trung dân chủ được giữ vững, hiệu lực lãnh đạo điều hành của cấp ủy chính quyền được tăng cường, các mối quan hệ giữa Đảng ủy Quân sự, Ban cán sự với cấp ủy chính quyền địa phương và các ban, ngành đoàn thể được giải quyết tốt. Cơ quan quân sự nâng được trách nhiệm, hiệu quả hoạt động làm tham mưu tốt hơn. Sức chiến đấu của lực lượng vũ trang được nâng lên, thế trận chiến tranh nhân dân và khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thị được hình thành và từng bước được củng cố.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA QUA 2 NĂM THỰC HIỆN CƠ CHẾ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TỚI

1. Tiếp tục quán triệt cho cán bộ, đảng viên quân chúng hiểu sâu sắc các quan điểm đổi mới của Đảng

- Trên cơ sở các nghị quyết quy định của Trung ương, địa phương bằng mọi biện pháp quán triệt xuống cơ sở xã, phường và làm chuyển biến thực sự xã, phường. Phát động hướng dẫn quần chúng tham gia xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, lấy kết quả ở cơ sở, sự vững chắc của làng, xã, huyện, thị để đánh giá kết quả của cơ chế.

2. Hằng năm cần bồi dưỡng cho cán bộ quân sự địa phương học tập chương trình quản lý kinh tế xã hội để nâng kiến thức toàn diện trên cơ sở đó làm tham mưu về nhiệm vụ quân sự được sát và có hiệu quả hơn. Đồng thời tổ chức các lớp tập huấn ngắn ngày bồi dưỡng kiến thức quân sự cho cán bộ chủ chốt huyện, thị xã phường và các ngành của tỉnh. Qua thực tế đồng chí nào có kiến thức tốt và toàn diện thì trong các đợt diễn tập thực nghiệm phát huy tốt.

3. Sự nhất quán và đồng bộ trong thành phần cơ chế có ý nghĩa quyết định thắng lợi mọi mặt của công tác quân sự địa phương.

Kinh nghiệm này được khẳng định ở cấp tỉnh và một số huyện, thị trong hơn 2 năm qua, đây là cơ sở để nâng chất lượng và hiệu quả công tác quân sự địa phương.

4. Bản thân cơ chế là đúng đắn, phù hợp. Muốn thực hiện có hiệu quả phải được các cơ quan nhà nước Trung ương thể chế hóa và chỉ đạo thực hiện đồng bộ. Đồng thời mới bước đầu thể hiện nên phải thường xuyên rút kinh nghiệm, bổ sung cho cơ chế hoàn thiện hơn. Kịp thời củng cố kiện toàn Đảng ủy Quân sự, Ban cán sự khi thiếu khuyết và duy trì nghiêm chế độ lãnh đạo.

5. Muốn thực hiện được nền nếp và chất lượng sinh hoạt của Đảng ủy, Ban cán sự, thì cơ quan quân sự mà trực tiếp là các đồng chí là ủy viên trong Đảng ủy, Ban cán sự phải nắm chắc các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của cấp mình, chủ động nghiên cứu thống nhất nội dung công tác, chủ trương biện pháp thực hiện, sau đó đồng chí phó bí thư báo cáo và tranh thủ xin ý kiến của đồng chí bí thư, có như vậy mới duy trì được nền nếp sinh hoạt đều đặn và sinh hoạt mới bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

6. Phát huy chức năng của các ngành, phải giáo dục làm chuyển biến nhận thức đối với nhiệm vụ quốc phòng, từng ngành chủ động xây dựng và thường xuyên bổ sung kế hoạch B cho phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, khi thực hiện nhiệm vụ phải tạo được sự phối kết hợp, đoàn kết giữa các ngành.

7. Tổ chức diễn tập và xây dựng lực lượng.

- Tùy tình hình cụ thể từng nơi tổ chức diễn tập quy mô làng xã là chủ yếu, với các nội dung chống bạo loạn, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

- Thực hiện tốt phương châm “dân bàn, dân cử, dân nuôi, dân kiểm tra” trong xây dựng và hoạt động của lực lượng bán vũ trang địa phương trong tuyển quân hàng năm thực hiện công khai, công bằng, dân chủ, dân cử nhằm góp phần nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang địa phương.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

1. Ở các huyện, thị không có đơn vị bộ đội địa phương cần nghiên cứu một tổ chức mới để Đảng vẫn nắm được lực lượng vũ trang, vẫn tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện Ban cán sự về tâm lý còn phân vân và hiệu quả hoạt động thấp.

2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thể chế hóa các nghị quyết, quyết định của Ban Bí thư về nhiệm vụ quốc phòng thành các văn bản pháp quy của Nhà nước cho các cơ quan, ban, ngành để có sự chỉ đạo và nâng cao được trách nhiệm thực hiện của từng ban, ngành.

3. Nhiệm vụ nặng nề mà cơ quan quân sự giảm quá nhiều sợ không đủ sức làm tham mưu, do đó trên cần nghiên cứu về biên chế cơ quan quân sự địa phương cho phù hợp.

4. Trên nghiên cứu có chế độ đối với cán bộ quân đội làm công tác quân sự địa phương miền núi và có một định suất cho cấp phó quân sự ở xã.

5. Bộ Quốc phòng hàng năm có tổ chức bồi dưỡng (tập huấn) cho các đồng chí bí thư, chủ tịch tỉnh về kiến thức quân sự nói chung và quân sự địa phương nói riêng, quân khu tổ chức bồi dưỡng cho các đồng chí bí thư, chủ tịch cấp huyện, thị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 55-BC/TU, ngày 29-9-1990

Về tình hình thu chi tài chính Đảng từ khi phân cấp đến nay

Bắt đầu từ năm 1988, Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn thực hiện sự phân cấp quản lý ngân sách theo Chỉ thị 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua gần 3 năm thực hiện, nay xin báo cáo với Ban Bí thư tình hình như sau:

I. TÌNH HÌNH THU CHI NGÂN SÁCH

1. Năm 1988, năm đầu tiên thực hiện sự phân cấp, tổng thu thực hiện được 654,8 triệu đồng, vượt kế hoạch đầu năm 12%, trong đó các nguồn thu của Đảng được 19,3 triệu đồng, đạt 77%, ngân sách tỉnh cấp sang được 662,5 triệu đồng vượt kế hoạch 12%.

Năm 1988 cũng là năm kinh tế biến động lớn, giá cả tăng vọt, thường xuyên, mặc dù tỉnh hết sức tiết kiệm chi, thực hiện giảm biên chế 30% ở nhiều cơ quan Đảng, giảm đầu xe hoạt động theo chủ trương của Hội đồng Bộ trưởng, riêng Văn phòng Tỉnh ủy giảm 4 đầu xe và không mua sắm thêm trang thiết bị mới, mặc dù có nhiều thứ cần bổ sung để phục vụ tốt hơn. Các chỉ tiêu về hợp hành, khách khứa cũng phải hết sức tiết kiệm và lại trượt giá lớn và là năm Đại hội Đảng bộ hai cấp nên thu

ngân sách (mà chủ yếu là trợ cấp của Nhà nước) phải tăng theo và vượt kế hoạch.

Năm 1988 các nguồn thu từ ngân sách địa phương đảm bảo cơ bản tốt là do kinh tế địa phương đạt hiệu quả khá, thu ngân sách tại địa phương tự cân đối 70% nhu cầu, năm cao nhất từ trước đến nay chỉ phải xin Trung ương trợ cấp 30%. Mặt khác, năm đó do có tác động của Ban Bí thư và trực tiếp là Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, có thông báo duyệt cấp kinh phí Đảng từng quý, được Bộ Tài chính thông báo xuống địa phương nên được xét cấp đủ và kịp thời. Lúc bấy giờ các cơ quan tài chính không ai có ý kiến về việc Đảng chi tiêu nhiều hay ít, nên được cấp ủy duyệt thì tài chính cấp đủ, tạo thuận lợi đáng kể cho hoạt động của các cấp ủy, kể cả chi hành chính, sửa chữa nhà cửa, huấn luyện cán bộ, đảng viên... đến cuối năm còn 217,5 triệu đồng kết dư là do một số đảng bộ huyện sang năm 1989 mới tổ chức Đại hội.

2. Năm 1989: Là năm cả nước chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, thực hiện một giá, kể cả vật tư, thực hiện bù giá vào lương, tình trạng bao cấp qua giá bị xóa bỏ, giá cả tương đối ổn định. Song là năm xuất hiện tình trạng ứ đọng sản phẩm, sản xuất công nghiệp, thương nghiệp bị đình đốn, ách tắc, thiếu việc làm nghiêm trọng. Thu ngân sách gặp khó khăn lớn, tình trạng chậm lương 2-3 tháng diễn ra ở tất cả các khu vực.

Trong tình hình đó, tổng thu ngân sách Đảng thực hiện được 1.204,4 triệu đồng, đạt 94% kế hoạch, trong đó thu từ nội bộ Đảng 114,8 triệu đồng, có một phần thu từ sản xuất kinh doanh đạt 81%, ngân sách nhà nước cấp thực hiện được 827 triệu đồng, đạt 68% kế hoạch, do đó chi tiêu của các cấp cơ quan Đảng thường xuyên căng thẳng, các cơ quan Đảng cũng không mua sắm thêm gì đáng kể, lương Khối Đảng thường xuyên chậm 1- 2 tháng, những vẫn không đảm bảo tiền chi tiêu thường xuyên, phải cắt bỏ cả báo chí, máy điện thoại (riêng Văn phòng Tỉnh ủy cắt bớt 5 máy), một số lớp huấn luyện cán bộ, đảng viên phải ngừng lại, nhà cửa hỏng

cũng không có tiền sửa chữa, một số huyện dỡ Trường Đảng để xếp đống lại, cán bộ đi công tác không có tiền ứng công tác phí... cuối năm số nợ của cơ quan đảng tồn lại 130 triệu đồng (tiền xăng dầu, sửa chữa xe, tiền bưu phí, tiền điện, công tác phí, tiền chi chế độ cho các đồng chí về hưu...) không thanh toán được kéo dài đến tận hiện nay vẫn chưa được giải quyết.

Trong tình hình đó các cơ quan Đảng kêu ca, thắc mắc về tài chính quá khó khăn, cản trở hoạt động triển khai các mặt công tác. Các cơ quan nhà nước cũng thắc mắc cho là Đảng chi tiêu quá nhiều, Sở Tài chính cấp theo định mức của Bộ, cứ 1 đồng lương thì được 0,5 đồng chi khác, để cấp kinh phí sửa chữa xe cộ, nhà cửa, huấn luyện...

Trước tình hình khó khăn đó, có một số ý kiến của các đồng chí lãnh đạo tỉnh yêu cầu phân cấp cho cơ quan tài chính cấp phát thẳng cho từng huyện, thị, đảng ủy và từng cơ quan đảng cấp tỉnh, xóa bỏ cơ quan tài chính đảng.

3. 6 tháng đầu năm 1990: Tình hình thu chi ngân sách cũng không sáng sủa hơn năm 1989, trên cơ sở tính toán cụ thể với tinh thần hết sức tiết kiệm, phù hợp với tình hình tài chính cả nước hiện nay. Kế hoạch thu được Tỉnh ủy duyệt là 871 triệu đồng, ước thực hiện 607 triệu đồng, đạt 70% kế hoạch, trong khi đó giá cả thị trường tiếp tục tăng lên, việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết thì nhiều, nhất là công tác tư tưởng, công tác củng cố cơ sở đảng, làm trong sạch nội bộ... cho nên chỉ tiêu ngày càng tăng lên, xe cộ hỏng nhiều phải sửa chữa nên tổng hợp sơ bộ các cơ quan đảng còn nợ các cơ quan về công tác phí của cán bộ, giải quyết chế độ cho các đồng chí về hưu tới 160 triệu đồng, đến nay vẫn chưa được giải quyết.

4. Về phân cấp cấp phát tài chính Đảng

Trước tình hình khó khăn như trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đi đến nhất trí chủ trương phân cấp việc cấp phát tài chính

Đảng giao cho Sở Tài chính cấp phát thẳng kinh phí hàng tháng cho các cơ quan đảng của Tỉnh ủy và cấp phát tài chính cho các huyện, thị, đảng ủy qua Phòng Tài chính huyện, thị theo Thông báo 272 của Tỉnh ủy, trong đó bao gồm hai khoản như sau:

- Chi thường xuyên cấp phát theo định mức 800.000 đồng/1 biên chế trong 1 năm.

- Các khoản chi đột xuất như mua sắm tài sản, nhà cửa, huấn luyện, Đại hội Đảng thì lập dự toán để Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt cấp, sau đó chuyển cho Sở Tài chính cấp phát thông qua cơ quan tài chính nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện.

Để thực hiện chủ trương đó, Văn phòng Tỉnh ủy và Sở Tài chính tỉnh đã hướng dẫn thực hiện từ ngày 1-7-1990.

II. NHẬN XÉT BƯỚC ĐẦU VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Một số nhận xét qua việc thực hiện phân cấp tài chính của Trung ương

- Cơ chế quản lý tài chính đảng trước khi có Chỉ thị 12, thu, chi của các cơ quan đảng ở các địa phương được Ban Bí thư cũng như Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chỉ đạo tập trung thống nhất trong cả nước, kể cả duyệt tổng dự toán của từng địa phương, cũng như việc thực hiện các chính sách, chế độ trong sinh hoạt đảng, nhất là chính sách cán bộ, công tác huấn luyện cán bộ, đảng viên, chi chính trị phí... Quá trình thực hiện, những địa phương có khó khăn đột xuất được Ban Tài chính - Quản trị Trung ương điều hoà kịp thời, giúp địa phương tháo gỡ khó khăn, nhất là các tỉnh miền núi, biên giới kinh tế chậm phát triển, ngân sách địa phương còn dựa chủ yếu vào sự điều tiết của Trung ương. Cũng từ đó tạo ra điều kiện cho việc quản lý, chỉ đạo chi tiêu thống nhất tài chính đảng trong cả nước.

- Nay thực hiện chủ trương phân cấp của Trung ương, có thuận lợi là địa phương không phải lên Ban Tài chính - Quản trị

Trung ương nhiều lần, những tỉnh có nguồn thu ngân sách địa phương khá và sớm triển khai làm kinh tế đảng, đã tạo được cơ sở vật chất lớn nhờ chính sách bao cấp trước đây và tạo được nguồn thu lớn thì có nhiều thuận lợi và được phân cấp càng chủ động cho cấp ủy địa phương.

Nhưng những tỉnh kinh tế chậm phát triển, cụ thể là miền núi, biên giới, ngân sách nhà nước tỉnh phải dựa chủ yếu vào trợ cấp của Trung ương, các cơ sở kinh tế của Đảng lại đang trong quá trình thử nghiệm thì trước đây đã khó khăn nay càng khó khăn hơn, càng mất chủ động trong thu, chi để phục vụ hoạt động của Đảng, Ban Bí thư giao cho Tỉnh ủy duyệt dự toán với ý định là tạo thể chủ động cho địa phương, nhưng thực tế lại càng mất chủ động vì Bộ Tài chính chỉ đạo chi tiêu của Đảng chung với các cơ quan hành chính nhà nước, gây khó khăn cho chi tiêu những khoản mà cơ quan nhà nước không có như huấn luyện cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ nhà nước, cán bộ kinh tế, hay sinh hoạt định kỳ của cấp ủy hoặc chính trị phí.

Với cơ chế đó chắc không khỏi dẫn đến không công bằng, nơi nào thuận lợi thì được chi nhiều, tỉnh nào khó khăn thì hoạt động hạn chế, không còn thống nhất như Điều lệ Đảng quy định, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương làm sao có thể giúp Ban Bí thư quản lý thống nhất tài chính đảng. Thực tế ở Hoàng Liên Sơn khó khăn và kém chủ động hơn thời kỳ còn thực hiện cơ chế cũ.

2. Chủ trương phân cấp tài chính đảng ở Hoàng Liên Sơn

- Chỉ thị 12 của Ban Bí thư yêu cầu phải xây dựng tài chính đảng độc lập, tự chủ và thống nhất là đúng. Những biến động ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay càng chứng tỏ sự đúng đắn của chủ trương đó.

Nhưng khó khăn chung về tài chính ở Hoàng Liên Sơn nên việc cấp phát ngân sách đảng nhỏ giọt nhiều lần trong 1 tháng dẫn đến cấp phát cho các cơ quan đảng càng nhỏ giọt nhiều đợt, gây

khó khăn cho cấp dưới. Từ đó dẫn đến ý nghĩ kinh phí vừa chậm, vừa tốn kém vất vả, nhất là những đơn vị xa tỉnh tới 200-300 km. Từ đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí chủ trương phân cấp việc cấp phát tài chính của các cơ quan Đảng, các huyện, thị, Đảng ủy cho Sở Tài chính tỉnh và Phòng Tài chính huyện, thị từ ngày 1-7-1990 như nói trên. Qua một thời gian ngắn thực hiện thấy có một số nét đáng lưu ý là:

- Trong quá trình triển khai công tác của cấp ủy, mỗi đơn vị lại có đặc điểm riêng, có khó khăn riêng và khó khăn đột xuất thì không điều hòa giữa các đơn vị để hỗ trợ được kịp thời.

- Những huyện, thị xa tỉnh (tới 200-300 km) lại là nơi kinh tế khó khăn nhất, chi công tác phí, xăng dầu, điện báo, chính trị phí, chi cán bộ xã lên làm việc nhiều hơn, nhiều khi phải chi cả huấn luyện đối tượng Đảng... lại chỉ được cấp phát theo một định mức chung cả nước và cả tỉnh là không hợp lý, không đáp ứng yêu cầu chi. Bên cạnh đó một số đảng ủy chỉ có 5 biên chế chuyên trách, hằng tháng ngoài lương chỉ còn 5 chục ngàn chi khác, không làm sao đủ được, nhiều khoản khó tránh khỏi có tình trạng đơn vị nào có thể, khéo tranh thủ thì được nhiều hơn, dẫn đến không công bằng nhất là khoản chi đột xuất, Văn phòng cấp ủy là nơi phục vụ trực tiếp mọi hoạt động sinh hoạt của cấp ủy, là nơi tập trung khách đến, với định mức chung, không thể đáp ứng được, nên phải có khoản chi riêng cho hoạt động của cấp ủy.

Trong quan hệ công tác ngày càng mở rộng với quan niệm mới nhằm tạo thuận lợi cho công tác Đảng, công tác nhà nước, nhất là những tỉnh khó khăn, xa xôi như Hoàng Liên Sơn chi tiêu tiếp khách không thể theo kiểu cũ, càng tốn kém mà vẫn phải chi.

- Về nghiệp vụ cơ quan tài chính nhà nước có ý muốn đòi quản lý trực tiếp cơ quan đảng như là một cơ quan hành chính nhà nước, kể cả tiền lương, tài sản, nên cũng không khỏi có vướng mắc. Về lâu dài, rõ ràng phân cấp như vậy chúng tôi cảm thấy không yên tâm.

3. Một số đề nghị

- Nghiên cứu lại chế độ phân cấp tài chính cho các Tỉnh ủy theo Chỉ thị số 12 của Ban Bí thư, hằng năm Ban Bí thư duyệt dự toán thu, chi ngân sách đảng cho từng tỉnh và giao cho Bộ Tài chính cấp phần chênh lệch cho từng tỉnh (trừ phần tự thu). Nếu thu nhiều phải có trích nộp lên Trung ương để điều tiết nơi khác.

- Nếu không thực hiện cho tất cả các tỉnh thì cần giải quyết cơ chế đó cho các tỉnh miền núi kinh tế còn khó khăn, không nên để buông trôi thả nổi như hiện nay.

- Trên cơ sở rút kinh nghiệm chung, đề nghị Ban Tài chính - Quản trị Trung ương làm rõ phân biệt các khoản chi thuộc Đảng và các khoản thuộc nhóm nhà nước để giúp các địa phương thực hiện được dễ dàng.

- Về Đảng làm kinh tế để thu ngân sách Đảng, cần có chính sách đầu tư vốn ban đầu như các xí nghiệp nhà nước, sau đó khấu hao thu hồi vốn mới có thể làm lớn được. Và đề nghị các chương trình đầu tư nước ngoài có thể dành một số chương trình cho các xí nghiệp của cơ quan đảng, đoàn thể.

- Cần có chính sách thống nhất thu, chi tài chính cho các đoàn thể quần chúng, nói là đoàn thể quần chúng là rất quan trọng nhưng chi tiêu thì quá eo hẹp, khó khăn.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM ĐẠO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 56-BC/TU, ngày 18-10-1990

Về tình hình thực hiện cuộc vận động “củng cố Đảng làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên”

Thực hiện Chỉ thị 59 của Ban Bí thư, cuối tháng 6-1990, tỉnh đã có hội nghị nghiên cứu và bàn kế hoạch triển khai cuộc vận động “củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên” chuẩn bị cho đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng. Tiếp đó Tỉnh ủy chọn 6 Đảng bộ cơ sở thuộc các loại hình khác nhau để chỉ đạo điểm: Đảng bộ xã Bảo Ái (Yên Bình), Chi bộ xã Tung Trung Phố (Mường Khương), Chi bộ xã Suối Giàng (Văn Chấn), Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước (thuộc Đảng bộ các cơ quan tỉnh), Đảng bộ phường Nguyễn Thái Học, Đảng bộ Nhà máy cơ khí (thuộc xã Yên Bái). Từ tình hình triển khai ở các huyện, thị và kết quả bước đầu ở các điểm chỉ đạo đã khẳng định việc củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cấp bách của Đảng. Nếu không làm tốt sẽ khó thực hiện có hiệu quả, những nhiệm vụ khác, nhất là việc chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp. Cuối tháng 8-1990 tỉnh đã mở hội nghị rút kinh nghiệm và xác định rõ về tính chất, mục đích yêu cầu, nội dung và phương châm, phương

pháp tiến hành cuộc vận động, nhằm thống nhất chỉ đạo thực hiện chung trong toàn tỉnh. Từ ngày 21-9 đến 3-10-1990 tỉnh tổ chức 8 đoàn do các đồng chí trưởng, phó các ban của cấp ủy và đoàn thể ở tỉnh xuống kiểm tra việc triển khai thực hiện ở hầu hết các huyện, thị, Đảng ủy và một số chi, đảng bộ cơ sở. Căn cứ vào báo cáo phản ánh của các huyện, thị, Đảng ủy và qua kiểm tra thực tế tình hình triển khai thực hiện cuộc vận động Ban thường vụ đã thảo luận và thống nhất đánh giá những việc đã làm, kết quả bước đầu và nhiệm vụ làm tiếp.

I. VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tuy mức độ triển khai và kết quả có khác nhau, nhưng đến nay hầu hết các huyện, thị, Đảng ủy đã tổ chức nghiên cứu quán triệt trong cấp ủy và cán bộ chủ chốt ở cơ sở, bồi dưỡng cán bộ đi chỉ đạo và hướng dẫn kế hoạch thực hiện. Ở 24 huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc tỉnh đều đánh giá tình hình cơ sở và xác định 141 cơ sở trọng điểm cần tập trung chỉ đạo trong đó có 61 xã, 45 xí nghiệp, 14 cơ quan, 6 phường, thị trấn và 15 chi, đảng bộ khác và đã chọn 61 cơ sở để chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm, trong đó có 19 cơ sở vững mạnh, 28 cơ sở khá, 14 cơ sở yếu, có 31 cơ sở xã (trong đó có 8 xã vùng cao, 3 xã giáp biên) và 30 cơ sở cơ quan, xí nghiệp, bộ đội, công an. Các điểm chỉ đạo nói chung đều có các tổ công tác của cấp trên trực tiếp cơ sở xuống chỉ đạo. Đến nay hầu hết các điểm chỉ đạo đã làm xong bước một (kiểm điểm và phân tích được chất lượng đảng viên). Một số đảng bộ như Yên Bình, thị xã Yên Bái, Đảng ủy các cơ quan tỉnh... đã mở hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm. Đồng thời các huyện, thị, Đảng ủy đã chỉ đạo triển khai thực hiện ở tất cả các cơ sở đảng, đến nay có 882/917 cơ sở đảng đã tiến hành cuộc vận động đạt tỷ lệ 96% nhưng mới có 453 cơ sở làm xong bước một, còn hầu hết mới dừng lại ở bước quán triệt.

Nhìn chung tiến độ chậm so với yêu cầu kế hoạch có huyện cuối tháng 9 mới triển khai xuống cơ sở.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ CHƯA ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về nhận thức tư tưởng

Trên cơ sở quán triệt Chỉ thị 59 của Ban Bí thư. Một số cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở đã nhận thức đúng về ý nghĩa quan trọng và yêu cầu của cuộc vận động, chỉ đạo chặt chẽ, tích cực ngay từ đầu như huyện Yên Bình, thị xã Yên Bái. Ở những nơi làm tốt nhìn chung đảng viên và quần chúng đồng tình phấn khởi, hoan nghênh cuộc vận động coi đó là những việc làm cần thiết, cấp bách, nhằm củng cố và nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Mong muốn của quần chúng là phải có sự chỉ đạo chặt chẽ, kiên quyết để cuộc vận động đạt kết quả thiết thực. Có những nơi ý kiến quần chúng cho rằng đây là cơ hội tốt nhất để củng cố và làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước. Bằng việc quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng (Nghị quyết 5, Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 59, 62 của Ban Bí thư, Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng, Quyết định 382 của Tỉnh ủy) đã nâng cao một bước về nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên. Nhìn chung đại bộ phận đã nâng cao nhận thức củng cố thêm lập trường tư tưởng, trung thành với Đảng, nhất trí với công cuộc đổi mới, nhưng đổi mới phải có nguyên tắc, quyết tâm đi theo con đường của Đảng và Bác Hồ đã chọn đó là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tăng cường đoàn kết và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, luôn đề cao cảnh giác chống những ảnh hưởng xấu ở các nước tác động vào nước ta, giữ vững và ổn định về chính trị, không đa nguyên, đa đảng, v.v..

Nhưng không ít tổ chức cơ sở kể cả cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở còn cho rằng củng cố Đảng là việc làm thường xuyên

đã làm nhiều lần, lần này cũng giống như những đợt sinh hoạt chính trị bình thường khác, chưa thấy hết tính chất cấp bách và ý nghĩa sâu sắc toàn diện của cuộc vận động, nên ngay từ đầu chỉ đạo không chặt, chưa coi là nhiệm vụ trọng tâm cấp bách của cấp ủy trước hết là: Trách nhiệm của Ban Thường vụ và đồng chí bí thư phải trực tiếp chỉ đạo thực hiện cuộc vận động có biểu hiện làm lướt, không theo đúng quy trình kế hoạch đã đề ra, hiệu quả đạt thấp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng còn băn khoăn, thiếu tin, nghe ngóng, chờ đợi thể hiện tâm trạng lo lắng về việc làm, về cuộc sống riêng tư, về công bằng xã hội, về trật tự an ninh, về sự học hành rèn luyện phẩm chất đạo đức của con em, v.v.. Chưa có được những cơ sở để bảo đảm vững chắc trong việc giải quyết những tồn tại tiêu cực hiện nay cả trong Đảng và ngoài xã hội. Một số tư tưởng cho rằng việc đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng hiện nay không thể thực hiện được bằng việc vận động tự phê bình và phê bình chung chung, những biện pháp tích cực từ dưới lên, từ trên xuống, từ trong Đảng đến ngoài xã hội, xử lý phải bằng cả biện pháp giáo dục, hành chính và kinh tế. Một số ít đảng viên, chủ yếu là số cán bộ nghỉ hưu đảng viên ở khu vực cơ quan xí nghiệp, có quan tâm lo lắng về tình hình Đông Âu, về Liên Xô, sợ tác động ảnh hưởng vào nước ta, băn khoăn về vai trò lãnh đạo của Đảng, về chuyên chính vô sản, về bảo vệ thành quả và triển vọng của chủ nghĩa xã hội, v.v.. Với những nhận thức đó nên ở những nơi chỉ đạo không chặt tổ chức quán triệt không sâu, chưa làm rõ để có nhận thức đúng về nội dung yêu cầu của cuộc vận động, nơi đó đảng viên và quần chúng thiếu nhiệt tình, thờ ơ với cuộc vận động.

2. Về thực hiện những yêu cầu nội dung của cuộc vận động

Thực hiện một bước quan trọng làm trong sạch đội ngũ cán bộ đảng viên; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của cán bộ đảng viên; tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân;

gắn cuộc vận động với đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị và chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội Đảng bộ các cấp, đó là yêu cầu phải đạt được trong cuộc vận động. Những yêu cầu trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, làm tốt yêu cầu này, đồng thời là cơ sở để thực hiện yêu cầu kia. Mức độ đạt được của những yêu cầu, trên đây cao hay thấp tùy thuộc vào nhận thức và sự chỉ đạo của từng cấp ủy.

a) Yêu cầu làm trong sạch một bước quan trọng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đây là một yêu cầu cấp bách, phải thực hiện nghiêm túc trong cuộc vận động. Lần này đội ngũ cán bộ, đảng viên phải được xem xét về quan điểm lập trường đối với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; về phẩm chất đạo đức, lối sống mà trước hết là những hành vi tiêu cực tham nhũng đang gây mất lòng tin trong nhân dân; về ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng. Những đảng viên vi phạm các mặt trên đây nếu nghiêm trọng phải khai trừ ra khỏi Đảng, những trường hợp cần thiết phải xử lý cả bằng pháp luật Nhà nước. Những đảng viên có mắc khuyết điểm nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng, thì tùy mức độ mà xử lý kỷ luật nghiêm minh và định rõ thời gian sửa chữa khuyết điểm.

Vừa qua một số huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở đã chỉ đạo công việc kiểm tra, phân tích chất lượng đảng viên, đã kết hợp giữa khảo sát của cơ sở, ý kiến tham gia của quần chúng, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng với việc tự phê bình và phê bình để xác định tư cách đảng viên. Qua tổng hợp ở 453 cơ sở đảng, có 17.644/18.321 đảng viên được phân loại trong đó có 16.066 đảng viên phấn đấu tốt đạt 91,05% (số đảng viên phát huy tốt cả về năng lực và phẩm chất, phân tích được ở 198 cơ sở có 2.400/7.115 đảng viên đạt 33,7%), số đảng viên vi phạm khuyết điểm nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng có 1.340 chiếm 7,59%; số đảng viên phải xem xét tư cách đưa ra khỏi Đảng có 238 chiếm

1,34%. Việc kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên của cuộc vận động củng cố Đảng được rà soát và chính xác hơn.

Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn trước cuộc vận động có 100% đảng viên phấn đấu tốt “xếp loại 3” nhưng qua làm cuộc vận động có 17 đảng viên vi phạm khuyết điểm “xếp loại 2”.

Chi bộ Kinh tế thuộc Đảng bộ Mỏ apatít trước cuộc vận động 100% đảng viên “xếp loại 3”, qua cuộc vận động có 8 đảng viên “xếp loại 2”.

Chi bộ Công an thị xã Lào Cai trước cuộc vận động chỉ có 2 đảng viên “xếp loại 2”, qua cuộc vận động có 5 đảng viên “xếp loại 2”, có 2 đảng viên “xếp loại 1” phải đưa ra khỏi Đảng.

Những đảng viên vi phạm khuyết điểm và phải xem xét tư cách đảng viên số đông là giảm sút ý chí chiến đấu, bỏ sinh hoạt, không thiết tha với Đảng trong đó có một số xin ra khỏi Đảng. Một số vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống như: tham ô, hối lộ, chiếm dụng tiền của công quỹ, nghiện hút thuốc phiện, lấy vợ lẽ, v.v.. Có số ít đồng chí biểu hiện tư tưởng hoang mang giao động. Một số nơi như: Yên Bình, Lào Cai, Văn Yên, Trấn Yên, Bát Xát, Sa Pa, Mù Cang Chải, v.v. đã xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm khuyết điểm khi đã xác định rõ. Trong số 50 đảng viên đã xử lý: khai trừ 8, xóa tên 8, cảnh cáo 16, khiển trách 18, cách chức 3. Đảng bộ Công an tỉnh trong 9 tháng đã xử lý 86 cán bộ chiến sĩ có vi phạm khuyết điểm.

Tuy nhiên còn nhiều tổ chức cơ sở kể cả cấp trên trực tiếp cơ sở chỉ đạo không chặt chẽ, phương pháp cách làm không theo quy trình. Đảng bộ không chuẩn bị báo cáo khảo sát nhiều nơi lấy báo cáo sơ kết 6 tháng năm 1990 thay cho báo cáo khảo sát ở cơ sở. Không tổ chức lấy ý kiến của quần chúng hoặc có lấy nhưng hình thức, trong đấu tranh phê bình còn nhiều biểu hiện né tránh, không nói thẳng, nói đúng sự thật, tư tưởng “dĩ hoà vi quý”. Do vậy việc xem xét phân tích chất lượng đảng viên chưa phản ảnh

đúng thực trạng ở cơ sở. Có một số chi, đảng bộ cơ sở phong trào có nhiều mặt yếu kém, nội bộ có biểu hiện mất đoàn kết, cán bộ, đảng viên có những biểu hiện vướng mắc vi phạm về kinh tế, nợ nần dây dưa chưa được xem xét kết luận, ý kiến quần chúng dị nghị chê trách... Nhưng phân loại vẫn đạt 100% đảng viên phấn đấu tốt. Có đảng bộ xã, khi để tự giác kiểm điểm chỉ có 8 đảng viên nợ sản phẩm, nhưng khi lấy ý kiến của quần chúng và qua khảo sát xem xét kỹ thì có trên 60 đảng viên có nợ nần dây dưa. Rõ ràng nơi nào làm đúng quy trình các bước tiến hành thì việc đánh giá chất lượng tư cách đảng viên được sát đúng hơn.

Cuộc vận động củng cố Đảng đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ cả trong Đảng, Nhà nước và ngoài xã hội. Nhưng vừa qua mới chú trọng trong nội bộ Đảng, còn tổ chức nhà nước và ngoài xã hội chưa được chỉ đạo, thực hiện đồng thời và mới nặng chống tham ô, tham nhũng còn tình trạng lãng phí và những hiện tượng cố tình làm sai chính sách, vi phạm pháp luật chưa được chú trọng xem xét giải quyết.

b) Yêu cầu nâng cao sức chiến đấu của tổ chức, cán bộ đảng viên.

Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên vừa là yêu cầu, vừa là mục tiêu của cuộc vận động.

- Về tổ chức cơ sở đảng, trong thời gian qua các huyện, thị, Đảng ủy đã có nhiều cố gắng để củng cố nâng lên, nhất là những cơ sở yếu kém một số huyện đã chỉ đạo kiện toàn bổ sung cấp ủy cơ sở những đồng chí có vấn đề rõ không bảo đảm cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo đã kịp thời thay đổi như Lục Yên, Bảo Yên, v.v.. Một số cơ sở đảng đã đề ra được quy chế, lề lối làm việc của cấp ủy. Nhưng nhìn chung vẫn còn yếu trên nhiều mặt. Kết quả phân loại của 338 cơ sở có báo cáo trong đợt vận động này có 83 cơ sở đạt vững mạnh, chiếm 24,5% (so với trước cuộc vận động giảm 0,85%), 223 cơ sở đạt khá, chiếm 65,79% (so với trước cuộc vận động tăng 6,7%) còn 32 cơ sở yếu kém, chiếm 9,46% (so với trước cuộc vận động giảm 5,88%). Sự yếu kém của tổ chức cơ sở thể hiện trên một số mặt chính sau đây:

+ Việc xác định vị trí chức năng, nhiệm vụ, vai trò lãnh đạo của cơ sở đảng chưa chuyển kịp với yêu cầu đổi mới về quản lý kinh tế, quản lý xã hội hiện nay. Nhìn chung còn lúng túng về nội dung và phương pháp hoạt động. Mối quan hệ lãnh đạo giữa tổ chức đảng chính quyền, đoàn thể và các tổ chức kinh tế ở địa phương chưa được xác định rõ, dẫn đến tình trạng chồng chéo bao biện làm thay hoặc buông lỏng, khoán trắng, vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các xí nghiệp quốc doanh bị lu mờ, không phát huy được trong thực hiện Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng.

+ Về tổ chức bộ máy, chưa được điều chỉnh, kiện toàn lại cho phù hợp với tình hình đổi mới cơ chế quản lý, phù hợp với tình hình phân bổ và thực trạng của đội ngũ đảng viên.

+ Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kiện toàn tổ chức và phương hướng hoạt động của các đoàn thể quần chúng chưa được coi trọng. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng nhìn chung rất yếu.

+ Đội ngũ cán bộ cơ sở, nói chung còn thiếu và yếu trên nhiều mặt, nhất là đối với vùng cao trình độ văn hóa chính trị nghiệp vụ còn quá thấp, một số bí thư, chủ tịch xã chưa biết chữ, năng lực lãnh đạo yếu, nhiều nơi ở vùng cao chưa chủ động điều hành được công tác.

- Về đội ngũ đảng viên, số thực sự phát huy cả về phẩm chất và năng lực còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao. Số đảng viên vi phạm khuyết điểm tuy không nhiều, thực chất cũng chưa đánh giá hết, số này còn tồn tại đang làm mất uy tín làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở, thể hiện ở số lượng và chất lượng đảng viên, do vậy phải có những biện pháp đồng bộ như: Đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, bồi dưỡng kiến thức mọi mặt cho đảng viên, phân công nhiệm vụ và tăng cường quản lý, kiểm tra đảng viên chấp hành, kiện toàn tổ chức và thường xuyên làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, đó là những đòi hỏi cấp bách của yêu cầu này.

Do chưa nhận thức đúng những nội dung của yêu cầu trên, nên nhiều cơ sở còn lúng túng trong việc xác định nội dung nhiệm vụ nâng cao.

Vừa qua các tổ chức cơ sở đảng mới chú ý việc xem xét xử lý đối với đảng viên có vi phạm khuyết điểm (chưa chú ý việc tăng cường phát triển Đảng, thiếu những biện pháp đưa đảng viên vào hành động cách mạng cụ thể, thiếu biện pháp thiết thực rèn luyện nâng cao về mọi mặt cho đảng viên, chưa quan tâm đúng mức việc củng cố tổ chức và hướng nội dung hoạt động của các tổ chức quần chúng tham gia, cuộc vận động và đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị.

c) Yêu cầu tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Quá trình củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cũng là quá trình làm cho cán bộ, đảng viên gắn bó với nhân dân, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương.

Nhận thức được yêu cầu trên, một số đảng bộ làm đúng theo quy trình kế hoạch đề ra, đã động viên được quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Ở huyện Yên Bình đã có 7.593 người trong số 11.948 hộ nhân dân đã tham gia đóng góp 1.600 ý kiến xây dựng Đảng. Huyện Bảo Thắng có 84% số cán bộ, nhân viên và khoảng 50% quần chúng đại diện cho các hộ xã viên ở nông thôn tham gia. Huyện Bát Xát, Bảo Yên, v.v. quần chúng cũng đóng góp hàng ngàn ý kiến tham gia xây dựng Đảng. Đa số ý kiến của quần chúng là chân thành, xây dựng, tập trung vào các vấn đề như:

- Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên

- Kiến nghị phải xử lý nghiêm minh những đảng viên vi phạm khuyết điểm.

- Đề xuất những tâm tư nguyện vọng chính đáng của quần chúng về việc làm, về đời sống, về học tập, v.v..

Ở những nơi đảng viên kiểm điểm nghiêm túc, xử lý và sửa chữa khuyết điểm kịp thời như Đảng bộ xã Bảo Ái, Đảng bộ xã Tuy Lộc, Chi bộ Công an thị xã Lào Cai, v.v. thì quần chúng tin tưởng, phấn khởi.

Ở những nơi chỉ đạo thiếu kiểm tra chặt chẽ, cơ sở làm không theo quy trình, nên chưa phát động được quần chúng nhiệt tình tham gia. Có huyện chỉ có trên 50% số cơ sở tổ chức lấy ý kiến của quần chúng, cả huyện chỉ có 65 ý kiến tham gia. Một số cơ sở đảng khi họp quần chúng lấy ý kiến, không ai có ý kiến gì, nhất là ở khu vực cơ quan xí nghiệp, trong khi đang thực hiện Quyết định 176 của Hội đồng Bộ trưởng, đảng viên quần chúng ngại đấu tranh, sợ bị trù dập cho thôi việc hoặc điều động công tác sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống gia đình, tư tưởng cho rằng có phê bình góp ý cũng không ai sửa, nắm không vững về yêu cầu cuộc vận động, nên quần chúng có đi họp, có tham gia ý kiến, nhưng nhiều nơi đi họp chưa đông, ý kiến chưa nhiều và ý kiến chưa sâu sắc.

d) Gắn kiểm với sửa, nhằm thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Đi đôi với kiểm điểm, một số nơi cán bộ, đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm bằng những hành động và việc làm thiết thực, nhất là việc thu hồi nợ nần cho tập thể. Qua tập hợp bước đầu, trong đợt này đã thu hồi được 1.170 tấn thóc, 44,6 triệu đồng do cán bộ, đảng viên, xã viên nợ nần dây dưa hoặc tham ô, lợi dụng của tập thể. Trong đó, huyện Yên Bình đã thu hồi 700/1.500 tấn thóc khô đọng sản phẩm, huyện Bảo Yên thu 400/1.500 tấn, xã Tuy Lộc (thị xã Yên Bái) thu 70 tấn. Các chi bộ Công ty Ngoại thương, Thương nghiệp và Ngân hàng huyện Bát Xát đã thu 13,7/32 triệu đồng; Công ty Vật tư nông nghiệp Yên Bái thu 25/66 triệu; Ngân hàng nhà nước tỉnh thu 5,6 triệu; phường Bắc Lệnh (thị xã Lào Cai) thu trên 300 ngàn... Nếu tính chung toàn tỉnh từ

đầu năm đến nay đã thu hồi các khoản nợ được 9/17 tỷ đồng. Một số nơi tuy chưa thu hồi nhưng đã kết luận quy rõ trách nhiệm và định thời gian trả. Những chuyển biến đó của đảng viên, có tác động tích cực đến phong trào, đến niềm tin của quần chúng, chấn chỉnh lại hoạt động kinh tế, thấy được thận trọng và chặn đứng tiêu cực phát sinh.

Tuy nhiên việc kiểm điểm gắn với sửa chưa được nhiều, còn nhiều cán bộ, đảng viên ở nhiều tổ chức cơ sở đảng nợ nần dây dưa kéo dài chưa có biện pháp tích cực để trả lại cho tập thể. Nhiều vụ việc mới dừng lại ở bước khảo sát phát hiện, chưa đi sâu vào xem xét kết luận và giải quyết dứt điểm.

Gắn với thực hiện cuộc vận động các đảng bộ đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, trước mắt tập trung vào việc phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 1990. Nhiều đảng bộ đang chuẩn bị làm các công trình như: Thủy lợi, giao thông, khai hoang, trồng cây gây rừng, v.v. để lập thành tích, thiết thực chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp, bước đầu có chuyển biến do kết quả cuộc vận động trên nhiều lĩnh vực. Nhưng tác động thúc đẩy nhiệm vụ chính trị chưa mạnh, sản xuất nông nghiệp tuy thời tiết khác thường nhưng việc chăm sóc lúa mùa bảo đảm cho tăng năng suất chưa tốt, khả năng tổng sản lượng lương thực giảm so với năm 1989; sản xuất công nghiệp 9 tháng chỉ đạt 38,3% kế hoạch về giá trị tổng sản lượng, thu, chi ngân sách mất cân đối, thuế nông nghiệp thu khá nhưng thuế công thương còn thất thoát lớn; trật tự, an toàn xã hội so với trước ổn định hơn, nhưng tính chất và phạm vi có diễn biến phức tạp.

3. Đánh giá chung

Đây là cuộc vận động về củng cố Đảng được tiến hành đồng bộ, sâu rộng. Bước đầu có chuyển biến mới. Từ sau hội nghị sơ kết của tỉnh, các huyện, thị, Đảng ủy đã chỉ đạo tích cực hơn. Mục đích, yêu cầu, phương châm, phương pháp tiến hành được quán triệt ở

hầu hết cấp ủy huyện, thị và cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Có kế hoạch tiến hành xác định được những cơ sở trọng điểm và chọn kế hoạch tiến hành, xác định được những cơ sở trọng điểm và chọn điểm chỉ đạo. Ở những đảng bộ tiến hành nghiêm túc đối chiếu với mục đích yêu cầu đề ra, đã đạt được những kết quả cơ bản như:

- Đánh giá được đúng hơn về thực trạng chất lượng, đội ngũ đảng viên. Thông qua đó mà có biện pháp xử lý những đảng viên vi phạm khuyết điểm, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Từng bước sàng lọc làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Giải quyết được một số vụ việc tồn tại ở cơ sở.

- Nâng cao thêm một bước chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Qua ý kiến tham gia của quần chúng, qua nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, qua phê bình, tự phê bình và kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, đã giúp cho số đông đảng viên nâng cao về nhận thức chính trị, về ý thức Đảng, về tinh thần trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu. Đoàn kết nội bộ được tăng cường hơn.

- Từ những việc làm cụ thể, thiết thực trong nội bộ Đảng, từng bước lấy lại niềm tin của quần chúng, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được tăng cường hơn trước. Rõ ràng đây là những việc làm thiết thực nhằm thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

Tuy nhiên về tiến độ triển khai nói chung là chậm. Khi làm điểm có sự chỉ đạo tập trung hơn, nên kết quả khá hơn, nhưng mở rộng diện do thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ nên kết quả hạn chế. Mức độ kết quả đạt được không đồng đều. Qua kiểm tra cho thấy ở khu vực nông thôn làm có chất lượng hơn khu vực cơ quan xí nghiệp. Cơ sở quốc doanh địa phương chất lượng làm khá hơn cơ sở quốc doanh Trung ương đóng tại địa phương. Ở nhiều đảng bộ cơ sở mới dừng lại ở bước quán triệt. Việc đánh giá phân tích chất lượng đảng viên ở một số cơ sở chưa chuẩn xác. Chưa gắn việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ. Việc thực hiện Quyết định 240 của

Hội đồng Bộ trưởng với yêu cầu nội dung của cuộc vận động. Một số nơi chỉ nặng về kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ. Việc kết hợp giữa điểm và sửa chữa khuyết điểm ở nhiều nơi chưa làm tốt. Mức độ chuyển biến còn chậm và chưa căn bản. Chưa tạo được khí thế sôi nổi của đảng viên và quần chúng tham gia cuộc vận động.

- Mới chú ý làm trong sạch Đảng, cơ quan nhà nước và ngoài xã hội chưa được tiến hành tích cực đồng bộ và mới chú ý những vụ việc lợi dụng tham ô, tham nhũng, chưa chú ý giải quyết những vụ việc lãng phí, thất thoát.

4. Nguyên nhân

Những kết quả đạt được và chưa được có nhiều nguyên nhân, nhưng cần lưu ý những nguyên nhân về sự lãnh đạo chủ quan của cấp ủy.

Một là:

Về nhận thức của cấp ủy. Ở những nơi có nhận thức đúng về ý nghĩa quan trọng, tính chất cấp bách của cuộc vận động, tập trung chỉ đạo có bài bản, có quy trình thì có kết quả thiết thực. Ngược lại những nơi nhận thức không đúng, chỉ đạo không chặt chẽ, thì kết quả đạt được rất hạn chế.

Hai là:

Về sự chỉ đạo của cấp ủy. Những nơi làm chưa đạt yêu cầu là do:

+ Sự chỉ đạo của cấp ủy thiếu chặt chẽ và không kiên quyết, không kiểm tra đôn đốc. Tuy có đề ra kế hoạch nhưng không cụ thể. Có chỉ đạo điểm, nhưng điểm không rút ra được kinh nghiệm phục vụ cho chỉ đạo diện. Kể cả điểm chỉ đạo của tỉnh ở một vài nơi cũng ít phát huy tác dụng, có xác định trọng điểm nhưng chưa quyết tâm chỉ đạo làm rõ.

+ Phân công cán bộ một số nơi không được bồi dưỡng kỹ. Cán bộ đi chỉ đạo năng lực yếu không nắm vững yêu cầu và cách làm nên còn hạn chế việc giúp cho cơ sở thực hiện.

+ Có nơi chỉ đạo theo kiểu chấp vác, không làm theo chỉ đạo của tỉnh và yêu cầu kế hoạch đã đặt ra.

+ Đối với cơ sở do nhận thức không đầy đủ, chủ quan, cho rằng cơ sở mình không có vấn đề gì, làm lúc nào xong lúc đó, không làm theo quy trình, không có báo cáo khảo sát, không lấy ý kiến quần chúng, kiểm sửa không cụ thể. Có nơi làm đi làm lại nhiều lần vẫn không đạt yêu cầu.

Ba là:

- Ngay từ đầu cấp ủy kể cả tỉnh và huyện chưa làm rõ trách nhiệm đối với các ngành, các đoàn thể trong việc thực hiện cuộc vận động củng cố Đảng, có chỗ có nơi còn có biểu hiện gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện ở cơ sở. Mặt khác, chậm việc soạn thảo tài liệu học tập cho cơ sở.

Bốn là:

- Cán bộ cơ sở vẫn là yếu tố quan trọng. Nhưng có nơi cán bộ cơ sở (chủ yếu là bí thư) vững thì chỉ đạo điều hành thực hiện có kết quả tốt. Ngược lại số đông cán bộ cơ sở hiện nay yếu, nhất là ở vùng cao, trình độ thấp, gia đình khó khăn, không chủ động được công tác. Mặt khác, tình hình kinh phí của cơ sở xã rất khó khăn hạn chế sự hoạt động ở cơ sở.

Từ thực tế khẳng định việc củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ cấp bách, nhưng đi vào thực hiện không đơn giản, có nhiều khó khăn phức tạp, đòi hỏi sự chỉ đạo phải có quyết tâm cao, phải kiên trì và phải làm thường xuyên liên tục.

III. NHỮNG VIỆC LÀM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Các cấp ủy, trước hết là cấp trên trực tiếp cơ sở cần nghiên cứu quán triệt sâu, nắm vững tinh thần Chỉ thị 59 của Ban Bí thư. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, quy định của Nhà nước. Kế hoạch hướng dẫn và ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy kết luận

trong hội nghị sơ kết của tỉnh. Nắm vững yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp tiến hành cuộc vận động, bổ sung vào kế hoạch của Đảng bộ mình để thực hiện đúng yêu cầu của Trung ương và của tỉnh đề ra.

Phải thấy rõ đây là cuộc vận động lớn, có tầm quan trọng, là nhiệm vụ trọng tâm cấp bách của Đảng ta, phải được thực hiện sâu rộng, đồng bộ trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, những quyết định của Nhà nước (như tài liệu đã hướng dẫn). Từ đó làm rõ trách nhiệm của cấp ủy các cấp, trách nhiệm của các ngành, của từng cấp ủy viên, mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong việc thực hiện cuộc vận động.

2. Dựa vào nội dung kiểm tra của tỉnh, huyện, thị, Đảng ủy tiến hành kiểm tra ở tất cả các cơ sở xem việc nào làm được, chưa được để có biện pháp chỉ đạo tiếp. Nơi nào làm chưa đạt yêu cầu kiên quyết chỉ đạo làm lại.

3. Xác định cuộc vận động củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải được tiến hành đồng bộ, từ nay đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Trước mắt trong tháng 10-1990 cần tập trung vào chỉ đạo những đảng bộ có vấn đề về kinh tế, về đoàn kết nội bộ, quần chúng đảng viên đang có nhiều ý kiến dị nghị chê trách và những cơ sở yếu kém, để bảo đảm kịp thời cho yêu cầu chuẩn bị Đại hội vòng 1 Đảng bộ các cấp. Những cơ sở có vướng mắc về kinh tế, cần thiết phải lập đoàn thanh tra Nhà nước để làm rõ.

Đối với những cơ sở khá, không có mắc mớ gì lớn thì hướng dẫn cơ sở tự làm nhưng phải thực hiện nghiêm túc yêu cầu, nội dung, quy trình hướng dẫn của tỉnh tự khảo sát, quán triệt, lấy ý kiến quần chúng, phê bình tự phê bình phân tích chất lượng đảng viên, xử lý, sửa chữa khuyết điểm, xây dựng cụ thể nội dung biện pháp nâng cao, thông báo những việc đã làm, những vụ việc đã giải quyết cho cán bộ, đảng viên và quần chúng rõ, kể cả những việc đang làm và sẽ làm từ đó động viên cán bộ, đảng viên, quần chúng

tin tưởng tạo nên khí thế mới trong lao động sản xuất, trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thiết thực chào mừng Đại hội Đảng.

4. Cấp ủy, trước hết là Ban Thường vụ phải tập trung kiên quyết chỉ đạo cuộc vận động.

- Phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ và cấp ủy trực tiếp xuống chỉ đạo ở những cơ sở có vấn đề mắc mớ.

- Làm rõ đến đâu, kết luận giải quyết đến đó quy rõ trách nhiệm và kiên quyết thu hồi những khoản tiền và tài sản của Nhà nước, của tập thể bị thất thoát dưới nhiều hình thức.

- Coi trọng chỉ đạo giữa yêu cầu làm trong sạch và nâng cao, coi đó là trọng tâm của cuộc vận động. Phải gắn chặt giữa kiểm và sửa, xây và chống, lấy xây là chính, chống phải kiên quyết không vì lý do nào mà làm ảnh hưởng cản trở đến chống, làm đồng bộ cả trong Đảng, bộ máy nhà nước và ngoài xã hội.

5. Đi đôi với cuộc vận động phải đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trước mắt là tập trung vào việc hoàn thành kế hoạch năm 1990 và chuẩn bị tốt mọi mặt cho đại hội đảng bộ các cấp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 426-QĐ/TU, ngày 21-12-1990

Về việc chỉ định chức vụ cấp ủy Huyện

- Căn cứ Điều 15 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 12-12-1990 xét duyệt về công tác cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định đồng chí Giàng Seo Phử, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Quyền Bí thư Huyện ủy Bắc Hà, thay đồng chí Trần Văn Luân chuyển công tác khác. Đồng chí Giàng Seo Phử có trách nhiệm bàn giao nhiệm vụ công tác đang làm cho đồng chí Hà Đức Long, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà tổ chức họp để bầu đồng chí Giàng Seo Phử giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà, các đồng chí Giàng Seo Phử, Hà Đức Long căn cứ Quyết định thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 427-QĐ/TU, ngày 21-12-1990

Về việc tiếp nhận tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ vào Điều 29 Chương V điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Công văn đề nghị số 94-CV/TC, ngày 18-12-1990 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Vĩnh Phú đề nghị cho Chi bộ Đoàn địa chất 304 chuyển về trực thuộc Huyện ủy Bảo Thắng;
- Căn cứ vào Quyết định số 18-PTKS/TC, ngày 6-9-1990 thành lập Đoàn địa chất khai thác khoáng sản và hoạt động tại Hoàng Liên Sơn;
- Căn cứ vào đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn và Huyện ủy Bảo Thắng,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tiếp nhận Chi bộ Đoàn địa chất khai thác khoáng sản 304 đang trực thuộc Đảng ủy liên Đoàn địa chất 3, trực thuộc Tỉnh ủy Vĩnh Phú và giao về trực thuộc sự lãnh đạo của Huyện ủy Bảo Thắng.

Điều 2: Huyện ủy Thắng có trách nhiệm kiểm tra, xem xét mọi thủ tục hồ sơ để tiếp nhận 22 đồng chí đảng viên thuộc Chi bộ Đoàn địa chất khai thác khoáng sản 304 mà Đảng ủy liên Đoàn địa chất 3 bàn giao.

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, Huyện ủy Bảo Thắng, Chi bộ Đoàn địa chất khai thác khoáng sản 304 và Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 314-TB/TU, ngày 12-1-1991

Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về nội dung Đại hội Đảng bộ cơ sở (vòng 1)

Từ tình hình cụ thể thảo luận bổ sung văn kiện dự thảo Đại hội VII; sau khi xem xét và xin ý kiến Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy thông báo để các huyện, thị, Đảng ủy chủ động chuẩn bị và chỉ đạo Đại hội cơ sở (vòng 1).

1. Ở Điểm C Chỉ thị 65 có ghi “thảo luận và thông qua bản báo cáo, tổng hợp các ý kiến trong đợt sinh hoạt góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội VII”. Nhưng nhiều cơ sở nhất là ở nông thôn qua thảo luận không có ý kiến tham gia hoặc có rất ít. Vì vậy huyện, thị, Đảng ủy tổng hợp những ý kiến đóng góp chung (chú ý tổng hợp một số cán đề lớn) thành bản báo cáo tổng hợp đưa xuống Đại hội cơ sở thảo luận. Việc thảo luận ở Đại hội cơ sở từng vấn đề ở các văn kiện không lấy biểu quyết mà chỉ cần tập hợp có bao nhiêu đại biểu thống nhất bao nhiêu không thống nhất từng loại ý kiến, v.v..

2. Đối với các chi bộ cơ sở Đại hội (vòng 1) nhiệm kỳ cấp ủy đã biết có thể tiến hành kiện toàn bầu cử cấp ủy nếu đã chuẩn bị tốt nhân sự. Đối với các Đảng ủy cơ sở nói chung không bầu cử cấp ủy ở Đại hội (vòng 1) ở những nơi có vấn đề cần thiết phải kiện toàn cấp ủy ngay mà nhân sự đã được chuẩn bị tốt thì huyện, thị, Đảng

ủy lập danh sách báo cáo (qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy) đã tập hợp trình với Thường trực Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến cụ thể từng nơi, Đại hội (vòng 1) mới tiến hành bầu cử kiện toàn cấp ủy.

Thường trực Tỉnh ủy thông báo hai ý kiến trên đã được Trung ương đồng ý để các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc chủ động và chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo chặt chẽ việc tiến hành Đại hội (vòng 1) ở cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 434-NQ/TU, ngày 5-2-1991

**Chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy Sa Pa**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu bổ sung các ủy viên Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa khóa XVI và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy của Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa gồm 2 đồng chí:

1- Đồng chí Dương Thị Xuân, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Văn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 435-NQ/TU, ngày 5-2-1991

**Chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra của
Huyện ủy Bát Xát**

- Căn cứ vào Điều 41 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu bổ sung các ủy viên Ủy ban Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát khóa XVI và báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy của Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát gồm 2 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lưu Văn Chuối, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát.
- 2- Đồng chí Đoàn Văn Tịnh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát.

Điều 2: Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 62-BC/TU, ngày 18-3-1991

Về tình hình năm 1990, hướng chỉ đạo nhiệm vụ năm 1991

Bước vào năm 1990, trên cơ sở đường lối của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã có chủ trương kiên trì và phát huy những thành quả đổi mới; tập trung sức phấn đấu giữ gìn sự ổn định chính trị, xã hội, đẩy mạnh thực hiện ba chương trình kinh tế, nhất là sản xuất lương thực cả lúa và màu, đề phòng tư tưởng chủ quan. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới kinh tế quốc doanh, phát huy các thành phần kinh tế, sắp xếp lại sản xuất. Cố gắng giải quyết việc làm, ổn định đời sống, bảo đảm an ninh, trật tự. Đổi mới công tác quần chúng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Thực hiện chủ trương đó, chúng ta có thuận lợi cơ bản là đã thấy rõ lối ra cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, giá cả và đời sống ổn định hơn, lạm phát được đẩy lùi một bước. Có các Nghị quyết 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương là những định hướng quan trọng, lại có ý nghĩa của các ngày lễ lớn trong năm cổ vũ, để đưa công cuộc đổi mới đi lên.

Song, sự bùng nổ, cuộc khủng hoảng toàn diện ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô tác động mạnh mẽ vào đất nước ta. Các thế lực thù địch đã thừa cơ chống phá ta rất ác liệt. Trong

bước chuyển đổi cơ chế cũng phát sinh những vấn đề phức tạp như thiếu việc làm, giá cả gia tăng, vốn và tài chính còn mất cân đối lớn, thời tiết lại có nhiều đột biến liên tiếp.

Đánh giá lại một năm lãnh đạo thực hiện những hướng lớn do Ban Chấp hành đề ra làm cơ sở cho việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 1991 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 1990

1. Về kinh tế - xã hội: Tổng sản phẩm xã hội đạt 2,46 tỷ đồng (giá 1982) bằng 94,6%/1989, thu nhập quốc dân 1,42 tỷ đồng, bằng 93,2%/1989, nếu tính riêng kinh tế địa phương còn giảm hơn nữa. Cụ thể các mặt như sau:

a) Về sản xuất lương thực: Tỉnh ủy đã sớm nhận thức được nguy cơ khó khăn về thiếu lương thực nên ngay từ đầu đã có chủ trương khắc phục tư tưởng chủ quan, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra. Nhà nước đã sớm có chủ trương đầu tư cho thâm canh (giống, phân bón, thuốc trừ sâu...), nhưng tổng sản lượng lương thực cả năm đạt mức thấp (24 vạn tấn, giảm 15%/1989). Trong đó thóc giảm 2,2 vạn tấn, chủ yếu là do mất mùa lúa nương và màu giảm 2,1 vạn tấn, chủ yếu là sắn.

- Các loại cây công nghiệp, bị lúng túng do chuyển đổi cơ chế và giá cả thị trường trong và ngoài nước. Chè là cây chủ lực, đến nay toàn tỉnh có 8.345 ha, trong đó địa phương quản lý 6.275 ha, trồng mới 52 ha. Do thâm canh và thực hiện khoán sản lượng đạt khá (15.000 tấn búp). Nhưng một số cơ sở do sự thiếu quyết tâm thu mua, chế biến, phần lớn do dân tự chế biến, tiêu thụ hiệu quả kém.

Các loại cây ngắn ngày, cây đặc sản có xu hướng trở lại tự túc, tự cấp như đỗ tương, lạc, có những cây bị giảm sút nặng như hạt rau giống, thảo quả, các loại dược liệu. Riêng Bắc Hà đã đi vào xây dựng vùng cây ăn quả, lấy đó làm hướng đi tới định canh định cư và đã trồng được 25 ha.

- Về chăn nuôi, có sự tăng trưởng, nhưng ở mức cầm chừng, phản ánh tính chất của nền chăn nuôi truyền thống tự nhiên, tự túc, tự cấp. So với năm 1989, đàn trâu tăng 4%, đàn bò giảm 8%, đàn lợn tăng 5%, phong trào chăn nuôi có giảm sút. Với đàn gia súc tương đối lớn nhưng vẫn mang tính chất thu nhập phụ, chưa trở thành ngành sản xuất hàng hóa quan trọng. Bên cạnh đó còn nhiều khả năng chăn nuôi khác rất phong phú và độc đáo, v.v. nhưng chưa có tác động đồng bộ để phát triển.

- Về lâm nghiệp: Chúng ta đã quyết tâm đi vào tổ chức lại các lâm trường, cắt giảm 10 vạn ha đất cho xã quản lý sử dụng. Kiên trì phương hướng giao đất cho trồng rừng và đã xuất hiện những điển hình tốt, khẳng định cách đi đó là đúng và đã trồng được trên 12 triệu cây (6.000 ha).

Khai thác lâm sản đã gắn với thị trường tiêu thụ nên đạt hiệu quả tốt hơn. Đã chú ý tìm kiếm thị trường kịp thời chỉ đạo khai thác gỗ pơ mu xuất khẩu đạt được 3.580 m³ góp phần đáng kể vào tăng thêm thu nhập cho dân và thu ngân sách. Song, nghị quyết của Tỉnh ủy về lâm nghiệp chậm được cụ thể hóa và triển khai thực hiện, chưa quy hoạch và có tổ chức quản lý, trước hết là rừng đầu nguồn, rừng gần đường giao thông. Chưa đi sâu nghiên cứu đổi mới cơ cấu cây trồng và chỉ đạo kinh doanh tổng hợp, nhất là các loại đặc sản rừng. Chưa có biện pháp liên kết chặt chẽ giữa lâm trường với lâm nghiệp gia đình để phát triển mạnh mẽ.

- Hợp tác xã nông nghiệp còn nhiều yếu kém, tác dụng của cơ chế khoán 10 đang bộc lộ những hạn chế, xã và hợp tác xã chưa thực sự hỗ trợ các hộ nhận khoán phát triển và mở rộng sản xuất, tình trạng khoán trắng còn nặng, do chưa nghiêm túc tổng kết để xây dựng cơ chế rõ ràng, nhất là dịch vụ hai đầu cho sản xuất.

b) Sản xuất công nghiệp, vận tải, xây dựng cơ bản, là ngành bị sóng gió mạnh nhất trong bước chuyển sang cơ chế mới. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, tỉnh đã tập trung tháo gỡ từng bước về vốn, xử lý nợ quá hạn, sản phẩm ứ đọng và lực lượng lao động dồi

thừa, đồng thời tập trung đầu tư cho những xí nghiệp và mặt hàng có triển vọng như xi măng, sứ, vật liệu xây dựng, chế biến chè, dược phẩm, cốt ép... nên sản xuất được hồi phục và đi dần vào ổn định, xi măng tăng 32%, gạch nung tăng 8,7%, xuất khẩu gỗ 1,02%, tinh dầu 25%, sứ điện 36%... nhưng sản xuất công nghiệp cũng chỉ đạt 49% kế hoạch.

Đến nay nhiều xí nghiệp quốc doanh bị thu hẹp quy mô sản xuất, một số xí nghiệp chưa tìm được lối ra, trong đó có hầu hết các xí nghiệp cấp huyện. Số người không có việc làm vẫn rất lớn (30-35%), số có việc cũng phải làm việc cầm chừng. Công nghiệp và thủ công nghiệp ngoài quốc doanh nhiều cơ sở không đứng vững được, phải giải thể hoặc thu hẹp sản xuất.

- Tình hình vận tải hàng hóa, hành khách được đáp ứng tốt lại thực hiện khoán xã nên đảm bảo thuận tiện hơn. Vấn đề cơ bản hiện nay là đường nội tỉnh quá xấu, giá thành cao đang là trở ngại lớn cho phát triển kinh tế miền núi. Năng lực vận tải còn dư khá lớn, kể cả đường bộ, đường thủy, đường sắt và vận tải thô sơ, chủ yếu do kinh tế hàng hóa còn thấp kém và do giá cước tăng cao, là một trong những yếu tố làm giảm lưu thông hàng hóa, kích thích sản xuất phát triển.

- Về xây dựng cơ bản, nhu cầu vốn quá lớn đối với tất cả các lĩnh vực kinh tế và xã hội, vốn ngân sách cần tối thiểu là 16 tỷ mới được Trung ương cấp 9,21 tỷ đồng (59%), các nguồn vốn khác huy động được 7,79 tỷ đồng. Căn cứ vào chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo chặt chẽ thực hiện có đến đâu bố trí đến đấy, tập trung trước hết cho nông nghiệp (31%, trong đó thủy lợi 19%), cho kết cấu hạ tầng 32,8% và cho các huyện, thị biên giới. Đã uốn nắn những lệch lạc trong thi công, hạn chế việc tự vượt khối lượng kế hoạch.

Song, chúng ta chưa bao quát được các nguồn vốn để khai thác tốt, tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước và lãng phí còn lớn, chưa chuyển

mạnh sang phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế, chưa thực coi đó là lối thoát cho sự phát triển.

c) Tình hình lưu thông, tài chính, tiền tệ.

- Về hàng hóa, vật tư lưu thông đáp ứng cơ bản tốt nhu cầu tiêu dùng, thương nghiệp quốc doanh đã bảo đảm chi phối trên 90% hàng hóa thiết yếu như dầu hỏa (106%), muối (90%), thuốc chữa bệnh (95%) và các vật tư như xăng dầu, sắt thép, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng. Do đó đã bảo đảm không gây biến động lớn, riêng lương thực mới bảo đảm 50%.

Nhưng lực lượng dự trữ tương đối mỏng, nhất là lương thực, các vật tư kỹ thuật, do vốn dự trữ còn rất có hạn, cơ chế chính sách dự trữ chưa rõ. Thương nghiệp quốc doanh chưa thực sự làm tốt vai trò chủ đạo trên thị trường, hợp tác xã mua bán chưa đáp ứng tốt nhu cầu vùng cao, vùng sâu, chưa tích cực tiêu thụ sản phẩm địa phương để kích thích sản xuất phát triển.

Thương nghiệp ngoài quốc doanh tiếp tục mở rộng, chợ nông thôn đã hình thành ở 100 điểm, tư nhân tăng 490 hộ, góp phần đáp ứng nhu cầu đời sống và đóng góp một phần vào ngân sách (1,4 tỷ đồng). Song, công tác quản lý nhà nước về thương nghiệp ngoài quốc doanh còn lỏng lẻo, thất thu thuế còn lớn.

- Về xuất nhập khẩu, hàng loạt hàng truyền thống xuất khẩu sang khu vực I bị ách tắc nghiêm trọng, chúng ta đã cố gắng tìm thị trường mới và tổ chức thực hiện nhanh nên đã xuất được 3.580 m³ gỗ pơmu, 800 tấn quế, 50 tấn chè đen và 20 tấn tinh dầu, nên đã tăng 28%/1989, trong đó doanh thu bằng ngoại tệ tăng 62%.

Song, chưa có tổ chức đi sâu và có chính sách cho nên việc nắm bắt kịp thời thị trường để khai thác mọi nguồn hàng, chủ động giới thiệu mặt hàng mới nhất là các loại nông, lâm đặc sản, thủy sản còn kém. Đầu tư cho phát triển hàng xuất khẩu chưa mạnh nên tốc độ còn rất chậm. Quản lý xuất khẩu còn chưa nhất quán, chưa bảo đảm lợi ích thỏa đáng cho người trực tiếp sản xuất.

- Tình hình tài chính, tín dụng, giá cả, do chủ động nhận thức từ đầu và cố gắng tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và coi trọng kiểm tra thu tài chính nên đã đạt khá (42 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch), trong đó thu từ kinh tế địa phương đạt 17,5 tỷ góp phần giải quyết các nhu cầu chi trong hoàn cảnh giá cả tăng và bù đắp được sự thiếu hụt khá lớn của năm 1989. Tuy nhiên, đây vẫn là mặt mắt cân đối quan trọng nhất của tỉnh ta, thể hiện sự thấp kém của nền kinh tế hàng hóa. Bên cạnh đó, công tác quản lý, phát hiện nguồn thu, tổ chức thu chưa chặt chẽ, trốn lậu thuế còn nhiều. Công tác tài vụ xí nghiệp chưa phản ánh trung thực kết quả sản xuất, tiết kiệm trong sản xuất còn rất kém.

- Về tín dụng, đã có chuyển biến tốt trong cơ chế “đi vay để cho vay”, bội thu trên 6 tỷ đồng, cho vay sản xuất bằng quỹ tiết kiệm chiếm 81%, góp phần hạn chế phát hành. Những sơ hở về cho vay đã được khắc phục, đồng thời với kiểm tra cho vay và thu nợ được triển khai sớm nên đã thu được hàng chục tỷ đồng. Đối với các xí nghiệp gặp khó khăn đã kịp thời có biện pháp dẫn nợ, hạ bớt lãi suất để phục hồi sản xuất.

Tuy nhiên, thu hút tiền tiết kiệm chưa mạnh trước tình hình giá cả tăng lên, tiền mặt phục vụ thu mua còn khó khăn. Công tác kiểm tra sử dụng vốn chưa chặt chẽ, nợ khó thu hồi vẫn còn trên 5 tỷ đồng...

- Giá cả đang ngày càng tăng cao, nhất là lương thực (158,5%), được phẩm (143%), chất đốt (199%), thực phẩm (47%),... so với cùng kỳ năm trước. Đây là biểu hiện tập trung của tình trạng bội chi tiền mặt lớn, đồng tiền giảm giá, phản ánh về mất cân đối cung cầu và Nhà nước tăng giá vật tư, lãi suất tiết kiệm giảm và có sự tác động của tình hình giá cả quốc tế.

d) Xây dựng và đời sống:

- Công tác giáo dục đã từng bước tổ chức sắp xếp lại hệ thống các cấp, các trường lớp, nhập hệ mẫu giáo vào phổ thông, tách cấp I riêng ra nên đã thu hút thêm học sinh (cấp II tăng 2,5%, mẫu

giáo tăng 1,8 lần) và 40 xã, phường đã phổ cập cấp I. Đã triển khai chống nạn mù chữ, thu hút 6.500 người đi học, làm thủ việc mở trường bán quốc lập hệ phổ thông lao động để có thêm người đi học, phân loại để bố trí lại đội ngũ giáo viên, trật tự trong trường học có chuyển biến, giáo dục vùng cao có tiến bộ. Song vấn đề đặt ra là quy mô quá lớn, nhưng chất lượng thấp và sự chênh lệch giữa các vùng ngày càng tăng. Hệ thống trường chuyên nghiệp và dạy nghề cũng đang lâm vào tình trạng lúng túng về phương hướng, mục đích đào tạo, chất lượng thấp và chưa gắn với sử dụng.

- Công tác y tế đã có bước chuyển biến trong y tế dự phòng giải quyết các bệnh xã hội... đó là hướng đi đúng, cho thấy có hiệu quả mặc dù còn ở mức thấp. Nhưng bệnh xã hội còn lớn (người có ký sinh trùng sốt rét 1,7%, bướu cổ 32%) tăng dân số còn cao ở nông thôn tới 3%, trẻ em suy dinh dưỡng còn rất đáng quan tâm.

- Hoạt động khoa học - kỹ thuật trước tình hình mới đã đi vào rà soát, đánh giá lại tiềm năng địa phương để góp phần điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, xác định hướng đi trong những năm tới. Các cơ sở, trước sức ép cạnh tranh trên thị trường đã từng bước đi vào đổi mới kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhưng nhìn chung còn lúng túng nhiều mặt cả về lựa chọn phương hướng trong nông, lâm, đặc sản, khoáng sản, thủy sản, phục vụ kinh tế hộ và kinh tế quốc doanh, trong khi vốn liếng rất có hạn.

- Hoạt động thông tin, báo chí, văn hóa, văn nghệ, sau thời gian lúng túng về nội dung, phương thức, đã dần dần đi vào quỹ đạo định hướng phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của Đảng. Nội dung thông tin ngày càng phong phú, thiết thực, hấp dẫn hơn. Văn hóa văn nghệ có nhiều cố gắng đi vào khai thác vốn văn hóa các dân tộc, khắc phục cơ bản nạn phim sách kích động bạo lực, tình dục và phản động, vai trò quản lý nhà nước được tăng cường hơn. Nhưng chưa nắm chắc thế mạnh để tạo bước chuyển hướng lớn về văn hóa, văn nghệ đặc sắc của các dân tộc và xây dựng nếp sống mới.

- Lao động và đời sống vẫn đang là vấn đề rất gay gắt, phức tạp, cho thôi việc 6.000 người, nhưng số người không có việc làm trong các cơ sở kinh tế quốc doanh còn 40% chưa có tiền để giải quyết. Số còn lại cũng không có đủ việc làm, số người đến tuổi lao động không có việc làm ngày càng tăng và vẫn nặng tư tưởng đi vào kinh tế quốc doanh, chưa tạo được cơ sở để đi vào kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân. Do đó, sức ép lớn và là nguyên nhân lớn của nhiều vấn đề xã hội.

Tình hình đời sống ở nông thôn, số hộ nghèo khổ còn nhiều, nhất là đồng bào vùng cao, số thiếu đói tới 29 ngàn hộ, 15 vạn nhân khẩu, sự chênh lệch giữa các vùng có sản xuất hàng hóa và tự túc tự cấp càng lớn.

Đối với những người ăn lương và hưởng chính sách xã hội thu nhập thực tế giảm 60-65%, số người có mức lương tối thiểu và trung bình thực sự khó khăn trong cuộc sống.

2. Về an ninh, quốc phòng

Trong năm qua, chúng ta đã triển khai thực hiện một số chủ trương lớn của Trung ương và của Tỉnh ủy về giữ gìn ổn định về chính trị tư tưởng, giải quyết vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, chống tội phạm và chống tham nhũng. Cho nên mặc dù tình hình thế giới và sự phá hoại của các thế lực thù địch diễn ra rất phức tạp nhưng vẫn bảo đảm thống nhất nhận thức tư tưởng, giải quyết tại chỗ những nhân tố phát sinh, giữ gìn ổn định về chính trị xã hội. Chúng ta đã kiên quyết chỉ đạo việc giải quyết vụ tuyên truyền đón vua chúa lan rộng trong đồng bào Mông, vạch mặt bọn lợi dụng, chặn đứng âm mưu gây rối, kịp thời ổn định sản xuất và đời sống. Công tác chống tội phạm hình sự và kinh tế được tiến hành thường xuyên liên tục, bước đầu khơi dậy được phong trào quần chúng đấu tranh, nhất là ở các địa bàn trọng điểm. Do đó đã phát hiện và tiến hành điều tra 163 vụ với 350 bị can, đã truy tố và đưa ra xét xử 148 vụ với 252 bị can. Các ngành, các cấp triển

khai cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tập trung ở các ngành trọng điểm, phục vụ thu tài chính, thu chênh lệch giá, thu nợ đạt kết quả thiết thực.

Song các văn bản pháp luật ban hành nhiều, nhưng tuyên truyền phổ biến pháp luật, hiểu biết pháp luật của quần chúng còn rất hạn chế. Đấu tranh chống tội phạm, chống tham nhũng cũng còn yếu, sự phối hợp giữa các ngành trong khối chưa chặt chẽ.

Công tác thi hành án còn rất yếu, mới đạt 36% số vụ, thu hồi về kinh tế mới đạt 68,6 triệu đồng (đạt 23%), hiệu lực của các bản án chưa được thi hành triệt để, do buông lỏng chỉ đạo và quản lý thi hành án.

Về quốc phòng, đã tập trung xây dựng lực lượng dân quân dự bị, dân quân tự vệ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, thực hiện giảm số lượng, tăng cường chất lượng. Qua diễn tập quân dự bị và chuẩn bị chống gây rối, gây bạo loạn cho thấy chất lượng có được nâng lên. Công tác thu hồi và bảo quản vũ khí trang bị được tốt. Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền có tiến bộ. Song nhìn chung chất lượng sẵn sàng chiến đấu và tham gia chống tội phạm còn thấp, tư tưởng hòa bình mất cảnh giác còn nặng.

3. Đổi mới hoạt động của các đoàn thể quần chúng

Năm qua các cấp ủy tập trung chủ yếu vào việc triển khai Nghị quyết Trung ương 8 kết hợp với kiểm điểm một cách sâu sắc từ Tỉnh ủy đến các cơ sở đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Có thể nói đây là đợt triển khai giáo dục về công tác quần chúng sâu sắc nhất từ trước đến nay. Nhận thức về vai trò ý nghĩa của quần chúng được nâng lên. Đồng đạo quần chúng các dân tộc nhận thức rõ hơn vai trò làm chủ của mình.

Cán bộ lãnh đạo các đoàn thể quần chúng thấm thía hơn về trách nhiệm được giao phó, thấy được tính chất nguy hại của tệ quan liêu, mệnh lệnh, chưa thực sự đại diện cho lợi ích và đòi hỏi

của quần chúng, do đó không hấp dẫn được quần chúng gắn bó chặt chẽ với đoàn thể của mình.

Những khuyết nhược điểm đó không chỉ do nhận thức quan điểm mà thể hiện cả về nội dung, phương thức, phong cách thiếu tính quần chúng. Trong cuộc sống hàng ngày cũng thiếu sự quan tâm khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn, do đó bị quần chúng xa rời.

Về các phong trào của các đoàn thể đã có chuyển biến bước đầu theo hướng sát hợp và thiết thực với đặc điểm của đoàn thể mình, gắn phong trào với lợi ích, như phong trào tìm việc làm cho người lao động, phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, chăm sóc sức khỏe trẻ em, sinh đẻ có kế hoạch của Phụ nữ, Mặt trận đã đi sâu hơn về công tác tôn giáo, dân tộc, đóng góp ý kiến với các cơ quan nhà nước về quản lý, về các chính sách với người lao động. Đã chú ý phát huy dân chủ, lắng nghe, phản ánh và tôn trọng hơn kiến nghị của quần chúng.

Song về những chuyển biến, đổi mới của các đoàn thể còn chậm chạp, tính thiết thực, tính hiệu quả còn thấp. Mối quan hệ giữa các cấp lãnh đạo với đoàn viên, hội viên chưa cải thiện, ý thức đoàn, ý thức hội còn rất thấp. Bản thân các đoàn thể chưa năng động tìm tòi, đổi mới, sáng tạo để nâng cao vai trò, vị trí của đoàn thể mình.

4. Về củng cố xây dựng Đảng

Công tác xây dựng Đảng được triển khai tích cực, khẩn trương liên tục, sâu rộng và toàn diện nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và chuẩn bị bước vào Đại hội VII của Đảng, cả về tư tưởng, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, chống tham nhũng, công tác cán bộ và đợt vận động góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội VII.

Về tư tưởng, chúng ta đã tập trung chủ yếu vào việc kỷ niệm các ngày lễ lớn và Nghị quyết Trung ương 8, nhằm khẳng định

truyền thống và phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, khẳng định những quan điểm, các nguyên tắc trong sự nghiệp đổi mới. Công tác tư tưởng được gắn liền với sự cố gắng tháo gỡ khó khăn trong kinh tế - xã hội, bảo vệ trật tự an ninh, chống phá hoại của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội, phát huy dân chủ, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân... Do đó đã góp phần đáng kể vào việc giữ gìn sự ổn định về chính trị xã hội trong tình hình diễn biến hết sức gay gắt, phức tạp trong năm 1990.

Đồng thời xúc tiến việc khảo sát các loại hình cơ sở đảng, nắm chắc hơn chất lượng cán bộ, đảng viên, bước đầu tìm ra nguyên nhân để khắc phục. Tiến hành đợt vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng theo Chỉ thị 59, gắn liền với Chỉ thị 64 của Ban Bí thư và Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng trong toàn Đảng bộ. Phương pháp tiến hành coi trọng chỉ đạo điểm, chỉ đạo mở rộng và công tác kiểm tra. Mặc dù thời gian có hạn, song đã có tác dụng tốt.

Qua đó đã tiến hành phân loại đảng viên và thi hành kỷ luật một cách nghiêm túc, trong tổng số 29.788 đảng viên được kiểm tra, số chấp hành tốt có 25.606 đồng chí, số có vi phạm 980 đồng chí, số phải xử lý kỷ luật 677 đồng chí, đã xử lý 493 đồng chí. Về xử lý kỷ luật thường xuyên và qua cuộc vận động là 514 trường hợp, trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 243 trường hợp, gắn liền với việc giải quyết đơn thư tốt cao đạt 184/235 đơn thư.

Có thể nói, chủ trương của Trung ương và của Ban Chấp hành đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, khẩn trương, coi trọng chất lượng và hiệu quả. Đối chiếu với ba yêu cầu, Đảng bộ tỉnh ta đã làm trong sạch một bước, đã nâng cao hơn sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, đổi mới từng bước sự lãnh đạo của Đảng, làm chuyển biến một bước về mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng và đi sâu hơn về cán bộ, kiện toàn những khâu cần thiết

và chuẩn bị nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội VII của Đảng.

Song sự chuyển biến còn chậm, chưa chắc, chưa đáp ứng được sự đòi hỏi của công cuộc đổi mới. Một bộ phận khá lớn đảng viên trình độ còn quá thấp, chưa thực sự là hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở. Số thoái hóa, biến chất dẫn đến sai phạm về chính sách, pháp luật khá nhiều. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng còn lúng túng, nhất là quan hệ giữa Đảng với Nhà nước. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân còn dừng lại ở nhận thức quan điểm, đổi mới về nội dung, phương thức còn yếu, cho nên tâm trạng chung trong xã hội thiếu sự hồ hởi, phấn khởi, còn có mặt, có khía cạnh nặng nề.

Cán bộ và trình độ đảng viên còn thấp, vai trò lãnh đạo còn yếu, lại chưa nắm chắc các nghị quyết, sức chiến đấu còn kém, nhất là vùng cao và nông thôn.

NHẬN XÉT TỔNG QUÁT

Năm 1990 là năm có rất nhiều khó khăn về tư tưởng, kinh tế, xã hội, các ngành đã có nhiều cố gắng thực hiện những phương hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy, từng bước đưa đường lối đổi mới đi vào chiều sâu và đã tạo được những thành quả tốt về nhiều mặt, nổi bật là:

- Trừ lương thực bị thất bát do thời tiết không thuận, các mặt khác trong kinh tế dần được phát triển, nổi bật là sản xuất hàng xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu tăng khá, thu ngân sách vượt kế hoạch, đáp ứng tốt yêu cầu, chi ngày càng tăng cao và có sự dự trữ, quản lý xây dựng cơ bản có chuyển biến tốt, khắc phục một bước tình trạng thất thoát tiền của, cung ứng vật tư và hàng thiếu yếu cho sản xuất và đời sống được đảm bảo, sắp xếp một bước kinh tế quốc doanh, một số xí nghiệp dần dần đã đi vào làm ăn có hiệu quả.

- Tình hình chính trị, tư tưởng và văn hóa, giáo dục, y tế bảo

đảm ổn định hơn mặc dù diễn biến tình hình trong, ngoài nước rất phức tạp, do chúng ta có nhiều cố gắng làm quán triệt các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 8, triển khai nhiều đợt chống tội phạm và sẵn sàng chống gây rối, chống bạo loạn, củng cố lực lượng vũ trang địa phương.

- Đẩy mạnh cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng gắn chặt với kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và chống tham nhũng. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu được nâng lên, dân chủ được phát huy tốt hơn, phong trào lãnh đạo được đổi mới từng bước, quan hệ giữa Đảng và quần chúng có tiến bộ. Các đợt lấy ý kiến tham gia vào các văn kiện Đại hội VII được tiến hành tích cực, khẩn trương và có hiệu quả, tạo sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và nhân dân các dân tộc.

Tuy nhiên, tình hình mọi mặt trong tỉnh còn nhiều yếu kém, khuyết điểm:

- Kinh tế hàng hóa chậm mở rộng và phát triển, thu nhập quốc dân thấp, dân số tăng cao, sản lượng lương thực bị giảm lớn, nhất là màu và lúa nương, lương thực, thực phẩm gặp nhiều khó khăn, tới đây một số vùng đã bị thiếu đói, giá cả tăng cao, đời sống khó khăn, nhất là nhân dân vùng cao, người về hưu, người không có việc làm và người hưởng lương.

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp vẫn trên đà sa sút, đạt kế hoạch thấp, thương nghiệp chưa làm chủ được thị trường, bội chi tiền mặt còn nhiều, giá cả có nguy cơ biến động lớn.

- Tiền vốn còn rất khó khăn, chưa có chính sách để khai thác mạnh mẽ các nguồn vốn rất lớn từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình vào xây dựng và phát triển sản xuất. Khoa học - kỹ thuật và công nghệ còn lạc hậu trên tất cả các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội, nên rất nhiều nguồn lực phong phú của địa phương chưa được khai thác để phát huy thế mạnh, năng suất, chất lượng, hiệu quả còn thấp.

- An ninh, trật tự, an toàn xã hội còn nhiều phức tạp trước

âm mưu chống phá ta của kẻ thù và sự thoái hóa trong lối sống của một bộ phận dân cư. Hoạt động lợi dụng tôn giáo, lợi dụng vấn đề dân tộc còn rất phức tạp, tệ nạn xã hội vẫn tăng, tham nhũng còn nhiều, các nguồn thu còn thất thoát lớn, nhất là thuế công thương.

- Vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng còn yếu và nhiều lúng túng, nhất là ở vùng cao, ở nông thôn. Trình độ cán bộ, đảng viên nói chung còn quá thấp so với yêu cầu đổi mới lãnh đạo kinh tế - xã hội theo cơ chế mới, xây dựng con người mới, cuộc sống mới. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng còn dừng lại ở nhận thức tư tưởng, hoạt động của các đoàn thể quần chúng và Mặt trận chưa thoát khỏi tình trạng hành chính quan liêu, chưa hấp dẫn và thu hút được nhiệt tình của quần chúng, các phong trào còn yếu vì thiếu tính thiết thực và hiệu quả.

Nguyên nhân chính là do chúng ta chưa có những chính sách động lực để mọi thành phần kinh tế phát triển theo đúng tiềm năng, nguồn lực sẵn có, chưa thực sự giải phóng sức sản xuất, nhất là chính sách đầu tư, thu mua, chế biến ứng dụng công nghệ và kỹ thuật mới, chưa gắn sản xuất với thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

- Các ngành, các cấp chưa nêu cao tinh thần phục vụ sản xuất theo đúng chức năng của mình, các cơ quan có chức năng phục vụ trực tiếp sản xuất còn nặng tư tưởng kinh doanh đơn thuần, chưa chịu khó tìm tòi, khai thác mọi tiềm lực của nhân dân, của tập thể để phát huy. Trong nông nghiệp chỉ đạo chưa tập trung, nhất là các vùng trọng điểm, hoàn thiện khoán trong hợp tác xã còn yếu.

- Sự lãnh đạo của các cấp ủy và đảng bộ cơ sở chưa thực sự đổi mới, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thiếu kiên quyết, chặt chẽ, còn buông trôi thả lỏng, kỷ luật chưa nghiêm, thiếu tính chủ động sáng tạo, tư tưởng thụ động, ỷ lại vào Nhà nước, thụ động trước thị trường còn nặng.

- Thông tin còn rất yếu và chậm chạp. Nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm, tìm tòi sáng tạo còn rất kém, còn bảo thủ, ngại khó.

II. HƯỚNG CHỈ ĐẠO NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 1991

Năm 1991 là năm đặc biệt quan trọng, có thuận lợi cơ bản do quá trình đổi mới đem lại, nhưng cũng là năm có khó khăn khác thường vì không còn những khoản tiền vay nhập siêu lớn như trước, bối cảnh quốc tế biến động rất phức tạp, mọi hoạt động kinh tế với nước ngoài phải thanh toán bằng ngoại tệ mạnh theo giá cả quốc tế.

Đối với tỉnh ta, còn nhiều mất cân đối lớn, nhất là lương thực, tài chính, tiền vốn, trong khi đòi hỏi đầu tư, chi tiêu ở tất cả các lĩnh vực đều tăng, là năm tiến hành 2 vòng Đại hội Đảng bộ các cấp. Sự lãnh đạo phải hết sức được coi trọng để cùng toàn dân vượt qua thử thách, quyết tâm đưa sự nghiệp đổi mới đi lên đúng hướng.

A. MỤC TIÊU NĂM 1991

- Quyết tâm đảm bảo ổn định về chính trị xã hội, nêu cao tính tự lực tự cường và triệt để tiết kiệm, tập trung mọi nguồn lực cho ba chương trình kinh tế, đặc biệt là lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu, tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân. Tích cực đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, sắp xếp, đổi mới cơ cấu kinh tế phù hợp với đặc điểm của tỉnh ta, tạo chuyển biến có tính chất bước ngoặt về khai thác thế mạnh, khai thác chiều sâu trong các thành phần kinh tế, gắn sản xuất với thị trường trong và ngoài nước theo hướng sản xuất hàng hóa, tự tìm thêm việc. Khắc phục sơ hở trong quản lý kinh tế, xã hội, ổn định sản xuất, ổn định đời sống, giảm bớt khó khăn cho người ăn lương và nhân dân.

- Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, hiệu lực của pháp luật, bảo đảm ổn định trật tự xã hội, phát huy dân chủ, công bằng, chống tham nhũng, phòng ngừa gây rối, gây bạo loạn và chống tội phạm.

- Tiếp tục làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tiến hành tốt Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội VII phát huy dân chủ, tinh thần xây dựng, sắp xếp tốt đội ngũ cán bộ, đổi mới và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nhất là cơ sở đảng tiến lên một bước mới. Đổi mới công tác quần chúng của Đảng và đại hội của các đoàn thể, các tổ chức xã hội đạt hiệu quả cao.

B. HƯỚNG CHỈ ĐẠO NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 1991

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

- Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, về lương thực đạt 28 vạn tấn trở lên, tăng 4,5 vạn tấn so với năm 1990, trong đó có 17,9 vạn tấn thóc, 3,7 vạn tấn ngô (chiếm 7,7%), đồng thời phát triển các loại màu khác, nhất là sắn. Phải có chính sách và biện pháp để chủ động tăng sản phẩm hàng hóa và phát huy thế mạnh để nhập 5,4 vạn tấn thóc, cân đối nhu cầu trong tỉnh. Chuyển mạnh hơn nữa sang thâm canh lúa, màu, nhất là thủy lợi, cải tạo đất, giống, phân hóa học và thuốc trừ sâu cho thâm canh và bảo vệ thực vật, chống chủ quan trong sản xuất lương thực.

- Có chính sách chủ động hướng dẫn và phát triển chăn nuôi một cách toàn diện, trước hết là đại gia súc, đáp ứng nhu cầu sức kéo, thực phẩm và xuất khẩu, trên cơ sở nghiên cứu sử dụng hết các sản phẩm của con gia súc, tăng giống lợn lai, tăng hiệu quả chăn nuôi. Quốc doanh làm tốt hai khâu là giống và thú y. Đi vào đầu tư nghiên cứu khôi phục nuôi ong, nuôi tằm và một số động vật đặc sản rừng,... tạo điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa.

- Phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị cao đáp ứng yêu cầu thực phẩm trong nhân dân và nhu cầu sản phẩm hàng hóa như đậu tương, lạc, mía, các loại đỗ,... khôi phục các cơ sở sản xuất hạt rau giống, đi sâu tìm hiểu, khẳng định tập đoàn cây con được liệu độc đáo của tỉnh có thể cạnh tranh được trên thị trường bằng kinh doanh tổng hợp lâm, nông nghiệp. Phát triển cây ăn quả, khôi phục vùng trồng dứa và phát triển vùng cây ăn quả Bắc Hà.

- Những cây con thuộc loại đặc sản nông, lâm nghiệp, cần có chương trình nghiên cứu bảo tồn, phục hồi và phát triển coi đó là một hướng đi lên làm giàu, có sự hỗ trợ đắc lực của Nhà nước về kỹ thuật và có kế hoạch cân đối lương thực.

Phát triển các cây công nghiệp dài ngày, trọng điểm là cây chè ở vùng thấp và một phần ở vùng cao bằng thâm canh và mở rộng diện tích để đạt sản lượng 15 ngàn tấn. Các ngành nông, công nghiệp và thương nghiệp phối hợp tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa với giá cả thỏa đáng. Mặt khác, tiếp tục phát triển cây quế, cây thảo quả...

Về lâm nghiệp: Dứt khoát đi vào làm rõ hai việc lớn là: khẳng định các rừng đầu nguồn lớn, đi liền với việc giao khoán bảo vệ, trồng rừng đầu nguồn theo các dự án đã duyệt. Mặt khác, tiến hành giao đất, giao rừng xong ở những nơi gần đường giao thông, gần thị xã, thị trấn và có định hướng phát triển theo hướng của vùng. Tổ chức chỉ đạo tốt việc khai thác, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu gỗ, bảo đảm có hiệu quả, tạo việc làm và vốn cho phát triển kinh tế rừng. Đi sâu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong lâm nghiệp.

- Cần đi sâu tổng kết cơ chế khoán 10, phát huy kinh tế hộ và xây dựng cơ chế phục vụ cho kinh tế hộ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủ công nghiệp, xóa bỏ tình trạng khoán trắng.

2. Công nghiệp, giao thông, xây dựng cơ bản

Cần rà soát lại các xí nghiệp công nghiệp tỉnh, huyện, đi sâu

tìm đúng nguyên nhân yếu kém của từng xí nghiệp để có quyết định tháo gỡ khó khăn kể cả chuyển hướng sản xuất, thu hẹp quy mô, sản xuất sản phẩm mới. Những xí nghiệp hoặc phân xưởng không tìm được lối thoát thì cho chuyển hình thức sở hữu hoặc giải thể. Những công nhân thực sự không tìm được việc làm thì cho nghỉ việc. Quốc doanh chủ yếu đầu tư chiều sâu cho những sản phẩm đã có thế mạnh và tích cực tìm tòi để xây dựng cơ sở mới, khẩn trương xây dựng phương án khai thác chế biến đá quý. Ra sức tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm thủ công nghiệp xuất khẩu, giới thiệu các sản phẩm truyền thống dân tộc trên cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng.

Phấn đấu đạt giá trị sản lượng tăng 43% so với năm 1990.

- Tiếp tục đổi mới quản lý vận tải, bảo đảm sử dụng có hiệu quả phương tiện, tiết kiệm xăng dầu, có biện pháp tăng vận tải đường sắt, đường thủy, vận tải thô sơ đường ngắn để bảo đảm tốt nhu cầu vận tải, quan tâm đối với vùng xa xôi trong tỉnh. Đầu tư nâng cấp các đoạn đường vào các huyện biên giới, đường Văn Bàn đi Than Uyên, các đoạn đường trong các thị trấn, thị xã và sửa chữa các tuyến đường chưa có khả năng nâng cấp. Khẩn trương thi công cầu Yên Bái, Tô Mậu, quy hoạch vùng phía bắc của tỉnh...

- Hướng đầu tư xây dựng cơ bản, tập trung cho các công trình trọng điểm trong nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, đổi mới thiết bị cho một số xí nghiệp công nghiệp, đường giao thông và đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, hướng vào khai thác thế mạnh. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả vốn, hạn chế xây dựng trụ sở. Có chính sách chuyển mạnh sang khai thác tốt các nguồn vốn tự có và vốn do nhân dân tự đầu tư, tự làm để phát triển. Làm tốt các dự án rừng đầu nguồn để có vốn đầu tư và ra sức tranh thủ vốn nước ngoài trên cơ sở các chương trình phát triển. Nghiên cứu ban hành các chính sách để nhân dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

3. Về thương nghiệp

Đi sâu nghiên cứu đổi mới cơ chế thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong mua và bán, khắc phục được tư tưởng ỷ lại, thụ động, vươn lên làm chủ thị trường.

- Nắm chắc và làm tốt kinh doanh và cung ứng vật tư sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng cơ bản, có phương thức dịch vụ vật tư thật tốt cho người sử dụng, tránh kinh doanh đơn thuần và lợi dụng ăn chênh lệch giá.

- Bảo đảm vững chắc các hàng thiết yếu phục vụ đời sống, cấp bách là lương thực, muối, dầu hỏa, thuốc bệnh, giấy viết,... Nghiên cứu thực hiện tốt Nghị quyết 22 và Quyết định 72 để góp phần phát triển sản xuất một cách thiết thực, cố gắng đến mức cao nhất không để tăng đột biến về giá cả và vật tư chủ yếu và hàng hóa thiết yếu. Mở rộng kinh doanh hàng thị hiếu, dự đoán tình hình diễn biến thị trường để có kế hoạch điều tiết và kinh doanh.

- Thực hiện tự do lưu thông hàng hóa vật tư mà Nhà nước không cấm, song phải có đăng ký, nắm chắc doanh thu theo trượt giá, chống lậu thuế, buôn lậu hàng cấm, kinh doanh hàng giả và thủ đoạn lợi dụng quốc doanh, tập thể để trốn thuế.

- Để tiến lên sản xuất hàng hóa, phải gắn liền sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu địa phương với thị trường cả nước và xuất khẩu. Thương nghiệp và các cơ sở kinh tế phải có biện pháp nắm chắc thị trường trong nước, thị trường Trung Quốc, thị trường khu vực I và II để có chủ trương phát triển sản xuất. Ngoài những mặt hàng chủ lực là chè, quế, pơ mu, cần đặc biệt hướng vào các đặc sản trong nông, lâm nghiệp, hàng thủ công truyền thống của mỗi dân tộc.

Đầu tư trở lại cho xuất khẩu và bảo đảm lợi ích cao cho người sản xuất hàng xuất khẩu. Cần có sự phân công, phân cấp rõ ràng những mặt hàng tinh thống nhất quản lý, những mặt hàng tự do

kinh doanh và thực hiện chế độ hợp đồng thu mua để người sản xuất yên tâm. Mặt khác để tạo thế cho những năm sau, cần đầu tư thích đáng cho nghiên cứu khoa học, cho sản xuất hàng mới để chào hàng trong nước và nước ngoài, nhằm chủ động tạo ra thị trường tiêu thụ.

4. Công tác tài chính

Do giá cả tăng cao, theo xu hướng hòa nhập với giá quốc tế nhu cầu chi, nhất là chi xây dựng và chi xã hội đòi hỏi ngày càng lớn.

Trước hết phải tháo gỡ kịp thời mọi khó khăn, vướng mắc cho người sản xuất kinh doanh để mọi thành phần kinh tế phát triển, bảo đảm cho người sản xuất là người có lợi nhất, tạo ra nhiều nguồn thu mới.

Nắm chắc và khai thác hết các nguồn thu, đổi mới tổ chức và cơ chế thu bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, thu theo mức trượt giá. Phấn đấu tăng thu 35% so với năm 1990 đạt mức 8% thu nhập quốc dân.

Thực hiện tiết kiệm chi, nghiên cứu các hình thức khuyến khích giảm chi, giám sát chặt chẽ các công trình xây dựng cơ bản, giảm mua sắm trang thiết bị hành chính, giảm biên chế hành chính sự nghiệp.

5. Khoa học và công nghệ là động lực quan trọng nhất của thời đại, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về đo lường tiêu chuẩn, về chất lượng sản phẩm, nhất là các công trình đầu tư mới, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, chống hàng giả, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng. Đẩy mạnh việc nghiên cứu xây dựng các dự án phát triển, trước hết là các dự án rừng đầu nguồn, định canh định cư, các dự án xin vốn đầu tư của nước ngoài. Hướng các ngành, các cấp cán bộ khoa học - kỹ thuật đi sâu tìm tòi nghiên cứu, đồng thời động viên toàn dân thi đua phát huy sáng kiến ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất và đời sống.

Có chính sách khen thưởng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa

học - kỹ thuật vào thực tế, động viên cán bộ khoa học - kỹ thuật liên kết, gắn bó với đơn vị sản xuất bằng những lợi ích thiết thực.

6. Một số vấn đề về xã hội

- Về giáo dục, đào tạo, tập trung củng cố và thu hút học sinh vào mẫu giáo và cấp I để thực hiện chương trình phổ cập cấp I, đi đôi với tích cực xóa nạn mù chữ, chú trọng chỉ đạo giáo dục vùng cao. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập cấp II và cấp III. Sắp xếp lại các trường chuyên nghiệp và dạy nghề bảo đảm thiết thực, gắn đào tạo với sử dụng.

- Công tác y tế: Cần chuyển hoạt động của toàn ngành sang chỉ đạo thực hiện các chương trình phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân như: chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện chương trình tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em, chương trình chống bệnh sốt rét, chống bướu cổ, chương trình nước ăn cho nhân dân và phòng chống các bệnh xã hội khác, đi đôi với giáo dục vận động phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân, nhất là vùng cao.

Củng cố và sắp xếp lại tốt hệ thống bệnh viện, bệnh xá, nhất là tuyến huyện và cơ sở, thực hiện khám và chữa bệnh đúng tuyến, mở rộng hình thức chữa bệnh tại nhà. Kiểm tra chặt chẽ việc kinh doanh thuốc, chống lưu thông, buôn bán thuốc giả.

- Đầu tư thỏa đáng cho công tác kế hoạch hóa gia đình, tăng cường giáo dục vận động và thực hiện các biện pháp tránh thai ở tất cả các vùng, đòi hỏi cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên phải gương mẫu thực hiện để hạ thấp tỷ lệ tăng dân số.

- Vấn đề việc làm tập trung nghiên cứu chương trình giải quyết việc làm cho giai cấp công nhân, bộ đội ra quân, trong đó chú ý ưu tiên việc làm cho lao động nữ. Các nông, lâm trường cần giao đất để tự tạo việc làm tại chỗ, các xí nghiệp công nghiệp tìm thêm sản xuất phụ để có thêm việc làm. Đối với số thực sự không có việc thì giải quyết cho thôi việc, cần hướng họ tìm việc trong nông, lâm nghiệp. Đề cao trách nhiệm của giám đốc, đảng ủy, công đoàn và

đoàn thanh niên phối hợp tìm việc làm cho người lao động, khắc phục tình trạng thiếu trách nhiệm.

- Về đời sống, cần cho phép tất cả các cơ quan, xí nghiệp, trường học tạo thêm việc làm chính đáng để có thêm thu nhập nếu là sản xuất thì được miễn thuế một thời gian nhất định, nếu kinh doanh thương nghiệp thì phải đăng ký và nộp thuế theo chính sách, chỉ trừ những việc Nhà nước cấm.

Mặt khác, đề cao ý thức phục vụ nhân dân của các cơ quan, xí nghiệp, cửa hàng, bệnh viện theo đúng chức trách, tránh kinh doanh đơn thuần, không được quấy nhiễu, phiền hà cho nhân dân, cho bệnh nhân. Chú ý đời sống của các đối tượng chính sách xã hội như thương binh, gia đình liệt sĩ, những người về hưu, những người không nơi nương tựa, trẻ mồ côi,...

Bằng sự cố gắng cao nhất để bảo đảm cung cấp lương thực cho công nhân viên, người về hưu và giải quyết đời sống những nơi thiếu đói trong vụ giáp hạt tới, không gây biến động lớn về giá cả.

7. Về quốc phòng, an ninh và chống tham nhũng

- Tiếp tục nâng cao chất lượng quân dự bị, dân quân tự vệ và bộ đội thường trực, bảo đảm chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ có nhận thức quan điểm đúng, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, trước hết tập trung hoạt động vào mục tiêu bảo vệ trật tự, an ninh, chống tội phạm, chống gây rối, gây bạo loạn tại chỗ.

Tập trung củng cố các lực lượng công an nhân dân, lực lượng bộ đội biên phòng, lấy bám sát cơ sở, nhất là những nơi trọng điểm xung yếu. Lấy việc nắm dân, vận động và tổ chức nhân dân phát hiện và đấu tranh chống tội phạm, chống gây rối làm hoạt động chủ yếu, cần để quần chúng thường xuyên phát hiện tội phạm cho chính quyền, cho công an, đưa công tác chống tội phạm, giữ gìn trật tự an ninh mới đi vào chiều sâu và có hiệu quả.

- Tiếp tục cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nội dung cơ bản là chống tham ô, hối lộ, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, tập

trung vào những công trình đầu tư xây dựng cơ bản, các cơ quan kinh doanh vật tư quý hiếm, các cơ sở quản lý thu và kiểm tra kiểm soát kinh tế. Song vấn đề lớn là phải hoàn thiện cơ chế tuyên truyền về pháp luật, phát huy vai trò quản lý nhà nước thông qua pháp luật và cơ chế tránh lợi dụng chống tham nhũng để gây rối về tư tưởng, gây khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường hoạt động của các cơ quan pháp luật, làm cho pháp luật thấm nhuần sâu sắc trong nhân dân, trước hết là cán bộ làm công tác quản lý kinh tế, xã hội. Tăng cường công tác tư vấn pháp chế trong hoạt động kinh tế, quy định một chế độ phối hợp giữa các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử để nhanh chóng xử lý các vụ việc. Coi trọng quản lý và kiểm tra thi hành án, bảo đảm cho các bản án được thi hành nghiêm túc và có tác dụng tốt về nhiều mặt.

- Coi trọng việc tổ chức tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu tố, nghiên cứu một tổ chức làm trung tâm theo dõi tổng hợp giải quyết đơn thư khiếu tố, kiến nghị của nhân dân giúp cho việc lãnh đạo và chỉ đạo giải quyết kịp thời.

8. Phát huy vai trò quản lý nhà nước

- Tập trung hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước, xác định rõ và rà soát lại chức năng nhiệm vụ chuyển mạnh sang làm chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội. Phát huy hơn nữa quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các công ty, xí nghiệp, tạo thêm động lực và tính năng động của cơ sở cho sự phát triển trên cơ sở sơ kết Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Tập trung nghiên cứu cơ chế, chính sách để phát triển sản xuất, nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trên cơ sở các dự án và kích thích phong trào quần chúng ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật công nghệ phát triển sản xuất đối với từng vùng, nhất là vùng cao, đi vào khai thác thế mạnh thật sự của tỉnh. Làm tốt chức năng hướng dẫn, thông tin kinh tế - xã hội và

điều tiết mọi mặt kinh tế - xã hội, bảo đảm phát triển, đúng hướng và ổn định.

- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa từ Hội đồng nhân dân các cấp tới các cơ quan, xí nghiệp để cho mọi chủ trương, chính sách, biện pháp đưa ra phù hợp và phát huy tác dụng. Khắc phục tư tưởng lợi dụng dân chủ, làm giảm hiệu lực điều hành của Nhà nước.

- Tiếp tục tổ chức sắp xếp lại sản xuất, giải quyết việc làm, ổn định đời sống, giữ gìn trật tự an ninh và giảm biên chế hành chính sự nghiệp.

9. Đổi mới hoạt động của các đoàn thể và Mặt trận

- Đổi mới nội dung phương thức, phong cách hoạt động của các đoàn thể quần chúng là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Mỗi đoàn thể và Mặt trận các cấp cần kiên quyết khắc phục quan liêu, hành chính, đi sâu đổi mới thật sự và có hiệu quả.

- Tích cực tham gia vào việc tuyên truyền giáo dục đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương công tác của đoàn thể mình tới cơ sở và chỉ đạo thực hiện. Tập trung củng cố cơ sở tìm việc làm, tìm ngành nghề để mở rộng và phát triển sản xuất trong các thành phần kinh tế, hướng mạnh vào việc tìm việc làm trong nông, lâm nghiệp, cả tập thể, tư nhân và gia đình.

- Mỗi đoàn thể cần đi sâu điều tra, nắm chắc nguyện vọng và kiến nghị của hội viên, đoàn viên về mọi mặt, để có biện pháp giải quyết hoặc kiến nghị với Đảng và Nhà nước giải quyết, uốn nắn những nhận thức, những đòi hỏi không đúng đắn, đấu tranh xây dựng lối sống tích cực, lành mạnh, chống tiêu cực, sa đọa.

- Tích cực tham gia phát huy dân chủ, đóng góp vào công tác xây dựng Đảng, kiến nghị những vấn đề cần thiết với Nhà nước với ý thức xây dựng.

- Đẩy mạnh công tác dân tộc và tôn giáo, tăng cường đoàn kết giữ gìn ổn định. Làm cho đồng bào các dân tộc và tôn giáo hiểu rõ

đoàn kết và ổn định là lợi ích thiết thân của nhân dân các dân tộc và đồng bào theo đạo.

- Lấy củng cố cơ sở là khâu then chốt, kiện toàn, nắm chắc đội ngũ cán bộ, chuyển hoạt động xuống cơ sở. Đi sâu tìm cho ra phương thức mới, nội dung mới trong hoạt động quần chúng, lấy lợi ích, tinh thần và vật chất làm mục đích để thu hút, hấp dẫn quần chúng, với cán bộ phải hòa mình với quần chúng, đi vào xây dựng phong trào, xây dựng điển hình để rút ra được kinh nghiệm đổi mới và xây dựng đoàn thể vững mạnh.

10. Củng cố xây dựng Đảng. Năm 1991, các cấp ủy phải tăng cường sự lãnh đạo về chính trị tư tưởng, giữ vững quan điểm, nguyên tắc của Đảng trong đổi mới, nắm chắc công tác cán bộ, nắm chắc quần chúng, đi liền với giải quyết đời sống, bảo đảm sự ổn định về chính trị xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo tốt việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo báo cáo chính trị sẽ trình ra Đại hội VII với ý thức xây dựng cao, với tinh thần dân chủ thật sự và giữ đúng nguyên tắc nhằm góp phần tích cực nhất vào sự thành công Đại hội VII của Đảng.

- Lãnh đạo chuẩn bị và tiến hành tốt nhất Đại hội Đảng bộ ba cấp vòng 1 và tiếp đó là Đại hội vòng 2 đạt cho được các yêu cầu.

- Phát huy dân chủ và giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, góp nhiều ý kiến và tạo sự nhất trí với những quan điểm, đường lối của Đảng, làm cơ sở cho đoàn kết, nhất trí, tin tưởng trong toàn Đảng, toàn dân. Đồng thời quán triệt sâu sắc nghị quyết Đại hội VII của Đảng để lãnh đạo thực hiện.

- Tổng kết tốt việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI gắn với Nghị quyết của Đảng bộ mình, tìm đúng nguyên nhân và bài học. Trên cơ sở đó, vận dụng sát đúng, sáng tạo Nghị quyết Đại hội VII vào điều kiện cụ thể để việc xác định chủ trương, mục tiêu, biện pháp thực hiện trong nhiệm kỳ tới.

- Lãnh đạo chặt chẽ nhân sự Đại hội và nhân sự cấp ủy khóa mới ở mỗi cấp, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng, tăng cường đoàn

kết nhất trí, đủ sức lãnh đạo đưa sự nghiệp đổi mới đi lên từng bước vững chắc.

- Tiếp tục củng cố cơ sở đảng theo hướng trong sạch và vững mạnh, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đi đôi với chống tham nhũng, xử lý đúng mức và kịp thời với những đảng viên thoái hóa biến chất và sai phạm. Không ngừng phấn đấu đổi mới nội dung và phong cách lãnh đạo, nhất là mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, Đảng và quần chúng.

Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện các chủ trương công tác trên đây, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, đổi mới cách kiểm tra để bảo đảm có hiệu lực và hiệu quả thiết thực.

11. Về chỉ đạo: Cần chú ý mấy vấn đề cơ bản sau đây:

- Đối với cấp ủy các cấp, cần làm quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo trên đây tới các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc để thực hiện sự chỉ đạo cụ thể của cấp ủy một cách thường xuyên là quyết định nên phải đổi mới, phải vận dụng để có chủ trương và giải pháp có sức thuyết phục, đi đôi với chỉ đạo triển khai cụ thể, sâu sát, chặt chẽ, tránh buông trôi nửa vời. Những công tác về Đảng và công tác quần chúng phải do cấp ủy trực tiếp chỉ đạo đi sâu chỉ đạo đổi mới xây dựng Đảng, đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo và hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

- Những vấn đề về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trực tiếp chỉ đạo việc cụ thể hóa thành chương trình như thâm canh, rừng đầu nguồn, cải tạo đàn gia súc, củng cố kinh tế quốc doanh, sản xuất hàng xuất khẩu, giải quyết việc làm, tổng kết khoán 10 trong nông nghiệp... để thực hiện. Các cơ quan tham mưu của Nhà nước phải được phát huy mạnh mẽ giúp chính quyền cụ thể hóa và kiểm tra việc thực hiện theo đúng cơ chế, chính sách và pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tổng kết rút kinh nghiệm của các cấp ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, của các cơ quan

chức năng và của quần chúng. Thực hiện tốt chính sách khen thưởng và kỷ luật.

Năm 1991, là năm có ý nghĩa chính trị to lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, của đất nước, cần có cách nhìn toàn diện và đúng đắn, kiên quyết giữ gìn đoàn kết, thống nhất và ổn định để đi lên từng bước vững chắc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 66-BC/TU, ngày 2-5-1991

Về kết quả Đại hội V (vòng 1) Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn

Thi hành Chỉ thị số 59 và 65 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã triệu tập Đại hội V (vòng 1) Đảng bộ tỉnh từ ngày 22-4 đến 24-4-1991 tại Hội trường lớn của tỉnh.

Nội dung và kết quả Đại hội như sau:

1. Nội dung Đại hội

Gồm ba nội dung là: Thảo luận báo cáo tổng hợp ý kiến đảng viên và quần chúng và Đại hội cơ sở, cấp trên cơ sở đóng góp vào các văn kiện dự thảo Đại hội VII; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII; Quyết định chương trình hành động chào mừng Đại hội VII và Đại hội vòng 2 đảng bộ các cấp trong tỉnh.

2. Đại biểu về dự Đại hội

Tổng số đại biểu triệu tập (chính thức) 300, có mặt 299 (có 2 đại biểu dự khuyết lên chính thức và 1 không có đại biểu dự khuyết lên thay). Cơ cấu các đồng chí đại biểu như sau: Nam 257, nữ 42, dân tộc Kinh 188, các dân tộc thiểu số 111, theo đạo Thiên

chúa 3. Thời gian vào Đảng: từ 1950 về trước 6, từ 1951 - 1954 có 4; từ 1955 - 1975 có 206, từ 1976 đến nay có 83.

Trình độ văn hóa cấp I: 10; cấp II: 59; cấp III: 230; chính trị cao cấp: 74; trung cấp: 155; chuyên môn đại học: 146; trung học: 53; cán bộ công tác Đảng: 81; nhà nước: 189; đoàn thể 29; công tác quân sự an ninh 33.

3. Kết quả thực hiện chương trình Đại hội

Họp trừ bị: Buổi tối ngày 21-4 Đại hội đã nhất trí thông qua chương trình Đại hội, bầu ban kiểm tra tư cách đại biểu (7 đồng chí), bầu đoàn chủ tịch (9 đồng chí), thư ký (3 đồng chí), phổ biến nội quy Đại hội và nghe Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo (không có trường hợp nào vi phạm tư cách trong quá trình Đại hội).

- Nghe báo cáo và thảo luận báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng vào Đại hội cơ sở, cấp trên cơ sở vào các văn kiện dự thảo sẽ trình ra Đại hội VII (2 ngày 22 và 23-4). Để thảo luận được tốt, trước đó Tỉnh ủy đã hướng dẫn cho các đoàn chuẩn bị ý kiến tập trung vào 7 chuyên đề lớn (thắng lợi của cách mạng Việt Nam và thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những vấn đề về đường lối, giải pháp kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và chính sách đối ngoại. Hệ thống chính trị. Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng). Đoàn chủ tịch đã hướng dẫn mục đích yêu cầu thảo luận để bảo đảm tập trung có hiệu quả. Kết quả đã có 135 đồng chí đăng ký phát biểu, trong 2 ngày đã có tới 53 đồng chí phát biểu ý kiến tại hội trường, bảo đảm tính chất xây dựng, sôi nổi liên tục, nhằm làm rõ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, nâng cao nhận thức tư tưởng và góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội VII. Tất cả các ý kiến đều với thái độ xây dựng, hoàn toàn nhất trí với quan điểm có tính nguyên tắc Trung ương đã nêu trong các văn kiện dự thảo. Đại hội đặc biệt tập trung thảo luận sôi nổi, sâu sắc về vấn đề miền núi và dân tộc,

đòi hỏi phải được ghi riêng vào một phần mục riêng, coi đó là vấn đề có tầm chiến lược đối với cả nước, không nên coi miền núi dân tộc là của người miền núi (có báo cáo tổng hợp và kiến nghị riêng). Và hai vấn đề là: đảng viên được làm kinh tế tư nhân theo pháp luật, vấn đề không giao quyền sở hữu, quyền chuyển nhượng ruộng đất cho nông dân. Tuy nhiên một số ý kiến còn mang tính chất tham luận, thiếu gắn chặt với nội dung các văn kiện dự thảo.

- Bầu cử đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII: số lượng được bầu có 19 đồng chí (cả 2 đồng chí do Trung ương giới thiệu về ứng cử). Đã có sự hướng dẫn chặt chẽ, sau đó về tổ để trao đổi về tiêu chuẩn, cơ cấu và ứng cử, đề cử (tổng số có 29 đồng chí), đoàn chủ tịch Đại hội đã cho một số đồng chí rút lui, danh sách bầu cử chính thức còn 22 đồng chí. Do đó sự chỉ đạo chặt chẽ, kết quả phiếu khá tập trung và đã có 19 đồng chí trúng cử ngay từ lần bỏ phiếu đầu, gồm có: đồng chí Hà Thiết Hùng (Bí thư Tỉnh ủy); Đỗ Quốc Sam, Phạm Như Cương (Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng); Tráng A Pao (Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh); Kiều Việt Nguyên (Phó Bí thư Tỉnh ủy); Tạ Hữu Thanh (Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); Nguyễn Quý Đăng (Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); Lê Huy Hợp (Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo); Trần Bá Châu (Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy); Lò Văn Nhài (Thường vụ, Thiếu tướng, Chỉ huy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh); Nguyễn Văn Ý (Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thương nghiệp); Trần Ngọc Tín (Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mường Khương); Giàng Thị Mỹ (Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Phụ nữ tỉnh); Mai Đình Sắc (Bí thư Huyện ủy Văn Chấn); Đinh Công Thế (Bí thư Huyện ủy Văn Yên); Bùi Thọ Vực (Giám đốc Xí nghiệp liên hợp chè Trần Phú), Trần Thị Thanh Khuê (Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp, xã Nam Cường, thị xã Lào Cai); Nguyễn Đình Lưu (Hiệu trưởng Trường cấp III Nguyễn Huệ, thị xã Yên Bái); Nguyễn Xuân Đề (Giám đốc Xí nghiệp xi măng Phú Thịnh) (có biên bản bầu cử riêng).

Sau khi nghe báo cáo và thảo luận, Đại hội đã nhất trí thông qua chương trình hành động và phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội VII và Đại hội vòng 2 các cấp sắp tới.

Suốt quá trình Đại hội, đã thể hiện tinh thần dân chủ, tự do tư tưởng, đoàn kết thống nhất cao với quan điểm đường lối của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, không khí Đại hội rất tốt, phấn khởi, tin tưởng đạt được yêu cầu do Trung ương đề ra. Nhìn chung là tốt đẹp.

Vậy xin báo cáo để Trung ương biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 14-CT/TU, ngày 11-5-1991

**Về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục,
phổ biến pháp luật trong các cơ quan Đảng, Nhà nước,
tổ chức đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh**

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nhiều luật, pháp lệnh và pháp quy của Nhà nước ta được ban hành. Đây là một bước tiến quan trọng nhằm thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, thể hiện tinh thần đổi mới trong công tác lập pháp lập quy của Nhà nước ta, thực hiện tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật (trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, nhân viên, hội viên và mọi công dân) nắm được pháp luật, nghiêm chỉnh và tự giác tuân thủ pháp luật, kiên quyết đấu tranh để phòng ngừa và chống mọi biểu hiện sai trái pháp luật của tất kỳ ai có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thi hành pháp luật và bảo vệ pháp luật.

Trong những năm qua, tỉnh ta đã tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật theo từng đợt, đưa việc giảng dạy pháp luật vào trường học, phổ biến giải thích pháp luật trên báo chí, Đài Phát thanh và truyền hình... đã đạt được một số kết quả bước đầu nâng dần nhận thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân

dân các dân tộc. Tuy nhiên việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật còn nhiều hạn chế, hình thức còn nghèo nàn, hiệu quả còn thấp. Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI tới nay Nhà nước ta đã ban hành 24 luật, 33 pháp lệnh và nhiều văn bản pháp quy; song nhiều luật, pháp lệnh và pháp quy chưa đến với quần chúng nhân dân. Tình hình đó có trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Để khắc phục tình trạng trên nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh là một nhiệm vụ rất cấp bách, trong tình hình hiện nay, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy chỉ đạo các ngành, các tổ chức, đoàn thể và lực lượng vũ trang phải làm tốt những việc sau đây:

1. Phải có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ việc tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật hiện hành. Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức cho nhân dân tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng pháp luật nhằm đảm bảo cho những quy định của Nhà nước sát thực tế, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân.

Những luật và pháp lệnh có liên quan tới hoạt động hằng ngày của mọi công dân như Luật hình sự, Luật đất đai, Luật hôn nhân gia đình, các luật thuế, pháp luật thuế, luật doanh nghiệp tư nhân, luật công ty, luật công đoàn, luật nghĩa vụ quân sự, luật sĩ quan quân đội, pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính, pháp lệnh hợp đồng lao động, v.v. cần phải thường xuyên tổ chức nghiên cứu, học tập trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, chiến sĩ và toàn thể nhân dân làm cho mọi công dân hiểu và nắm được những

nội dung cơ bản để chấp hành nghiêm chỉnh, khắc phục vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật. Từng bước nâng cao dân trí về mặt pháp luật và đưa pháp luật vào đời sống, thực hiện khẩu hiệu “Sống và làm việc theo pháp luật”.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh cần nghiên cứu ban hành một văn bản pháp quy, quy định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc tổ chức tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật, lấy ý kiến tham gia xây dựng pháp luật nhằm làm cho các ngành các cấp, các tổ chức có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh công tác này.

Cần kiện toàn cơ quan tư pháp từ tỉnh đến cơ sở xã, phường để đủ sức giúp Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện có hiệu quả các công tác tư pháp, trong đó công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật ở địa phương.

3. Cơ quan tư pháp các cấp cần phải phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng có chương trình, kế hoạch cụ thể để tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn có hệ thống những nội dung cơ bản của luật, pháp lệnh, pháp quy bằng nhiều hình thức thích hợp, duy trì và nâng cao chất lượng tin, bài chuyên mục “Nhà nước và pháp luật” trên Đài Phát thanh và truyền hình, báo Hoàng Liên Sơn.

Cần nghiên cứu, biên soạn, in ấn các nội dung pháp luật ngắn gọn, để phù hợp với trình độ nhận thức của nhân dân các dân tộc tiện sử dụng trong việc tổ chức học tập cho nhân dân.

Các cấp cần giành một phần kinh phí để phục vụ cho việc in ấn sách, tài liệu, tổ chức hội nghị báo cáo viên, phục vụ cho công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật có hiệu quả.

4. Hai ngành tư pháp và giáo dục đào tạo cần tiến hành tổng kết công tác dạy và học pháp luật trong nhà trường trong năm học 1990-1991. Đưa chương trình giáo dục pháp luật vào các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở địa phương.

5. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, phối hợp với Sở Tư pháp giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai, sơ kết và đôn đốc các ngành các cấp thi hành Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 15-CT/TU, ngày 23-5-1991

**Về công tác khoa học và công nghệ
trong những năm 1991-1995 để thực hiện
Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị**

I

Những năm qua, với đường lối đổi mới của Đại hội VI, hoạt động khoa học và công nghệ ở tỉnh ta đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội bước đầu phát huy tiềm lực khoa học và công nghệ ở địa phương gắn với đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

- Về phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, bước đầu chú trọng nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học trong việc xây dựng ba chương trình kinh tế; tiến hành điều tra tài nguyên đánh giá tổng hợp tự nhiên, kinh tế - xã hội để xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội; tham gia thẩm định các luận chứng kinh tế - kỹ thuật, các phương án cùng với một số chính sách phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. Công tác nghiên cứu ứng dụng đưa công nghệ tiến bộ vào sản xuất như xác định tập đoàn giống lúa mới, giống ngô mới, xác định hệ thống cơ cấu cây trồng trong nông, lâm nghiệp, xác định hướng mũi nhọn của công nghiệp địa phương, tạo ra một số

sản phẩm mới cũng như nâng cao chất lượng một số sản phẩm nhằm phát huy thế mạnh tài nguyên khoáng sản và dược liệu. Bước đầu chú ý vào vấn đề chăm sóc sức khỏe, dân số, giải quyết một số bệnh tật ở miền núi.

- Về phát huy tiềm lực, đã từng bước thực hiện kế hoạch hóa khoa học và công nghệ, cố gắng đầu tư cơ sở vật chất và đầu tư cho công tác nghiên cứu, chú trọng hoạt động thông tin, tổ chức các hội khoa học, công nghệ và mở rộng quan hệ hợp tác khoa học - công nghệ với nước ngoài. Đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ phát triển về số lượng và chất lượng.

- Về đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đã cải tiến một bước kế hoạch hóa, gắn khoa học công nghệ với kinh tế theo quan điểm sản xuất hàng hóa và theo quan điểm phát triển kinh tế nhiều thành phần nhằm phát huy sức sáng tạo của các tổ chức và các lực lượng khoa học công nghệ đi vào quản lý nhà nước, đưa công tác tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng vào quá trình quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ ở tỉnh ta phát triển chậm, chưa gắn với tính đặc thù miền núi, tính phong phú đa dạng trong sản xuất, đời sống tỉnh ta, chưa đáp ứng được những yêu cầu bức thiết trong đời sống xã hội, trong sản xuất kinh doanh cũng như trước yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Khoa học xã hội chưa được chú trọng về tổ chức cũng như nghiên cứu, chưa cung cấp đủ những luận cứ cho việc xác định chủ trương, chính sách cũng như cho việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội. Chưa làm tốt giáo dục thế giới quan nhất là trong việc xây dựng con người mới, xây dựng nếp sống văn hóa mới gắn với đẩy lùi các tai tệ nạn. Chưa đi sâu nghiên cứu các vấn đề xã hội của địa phương như dân tộc, tôn giáo, vấn đề giáo dục và đào tạo nhất là đối với vùng cao.

Hiệu quả của khoa học và công nghệ chưa đóng góp được nhiều vào việc làm chuyển biến nền kinh tế, chưa làm tốt thông

tin và chưa mở rộng nghiên cứu ứng dụng và chưa gắn được với cơ cấu như vấn đề thâm canh, tăng vụ, vấn đề kinh tế lâm nghiệp, chế biến nông, lâm sản, phát triển ngành nghề, phục vụ định canh định cư, phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế hộ, kinh tế tư nhân. Nhìn chung, năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất kinh doanh còn rất thấp, vẫn mang nặng kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp. Sản xuất và đời sống còn rất nhiều khó khăn nhất là trong thực hiện chuyển đổi cơ chế và trong thị trường có cạnh tranh.

Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan về hoàn cảnh miền núi, vốn có nhiều khó khăn, phức tạp và trình độ dân trí còn thấp. Nhưng về mặt chủ quan các cấp ủy Đảng và Nhà nước chưa thật sự nhận thức đúng mức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ, chưa coi khoa học là cơ sở và động lực cho việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp và sử dụng kém hiệu quả. Chính sách đãi ngộ và khuyến khích trong khoa học còn nhiều bất hợp lý, chưa bảo đảm điều kiện làm việc và sinh hoạt tối thiểu cho cán bộ khoa học.

Đội ngũ cán bộ khoa học đông nhưng không đồng bộ, chưa hình thành lực lượng cán bộ khoa học đầu đàn, thiếu cán bộ thạo công nghệ, giới quản lý và thiếu công nhân kỹ thuật tay nghề cao. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ khoa học còn nhiều thiếu sót. Chất lượng của một số cán bộ khoa học chưa đáp ứng yêu cầu, một số thiếu tinh thần hăng say, phát huy tài năng trí tuệ. Tư tưởng bao cấp, ỷ lại, ngại khó và hành chính hóa nặng nề.

Cần thấy rõ những khuyết nhược điểm trên đây là rất lớn và sâu sắc, đang gây trì trệ nhiều mặt cần phải được các ngành, các cấp và các tổ chức khoa học, các đơn vị sản xuất kinh doanh kiểm điểm một cách nghiêm túc và đề ra phương hướng tích cực khắc phục để đưa sự nghiệp khoa học vươn lên trước yêu cầu của công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ 1991 - 1995

1- Về quan điểm, phải coi công tác khoa học và công nghệ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, cần nâng cao nhận thức trong các ngành các cấp và các tổ chức quần chúng thấy rõ vị trí của khoa học - kỹ thuật là động lực quan trọng nhất tạo nên xu thế phát triển rất mạnh mẽ của thời đại và trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước, với ba chức năng cơ bản của khoa học và công nghệ là:

- Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách và các quyết định ở tất cả các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

- Làm công cụ đắc lực để đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thúc đẩy kinh tế không ngừng phát triển.

- Nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, giáo dục thế giới quan khoa học, phát triển trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người, xây dựng con người mới, xây dựng nếp sống văn hóa mới.

2. Trong những năm trước mắt, hướng công tác khoa học và công nghệ ở Hoàng Liên Sơn tập trung vào:

- Về khoa học xã hội, trên cơ sở tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, cần từng bước nâng cao trình độ nhận thức lý luận, thống nhất mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong toàn Đảng toàn dân.

Tăng cường nghiên cứu tổng kết thực tiễn để tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý như sơ kết Nghị quyết 10 và Quyết định 217, đề xuất những giải pháp phù hợp với thực tế Hoàng Liên Sơn.

Nghiên cứu để có chủ trương giải quyết những vấn đề xã hội như dân tộc, tôn giáo, vấn đề dân cư gắn với định canh định cư, vấn đề lao động việc làm, vấn đề dân số, các vấn đề về văn hóa, y tế,

giáo dục đào tạo và vấn đề xây dựng con người mới, xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, coi đó là một hướng chính trong công tác khoa học và công nghệ ở Hoàng Liên Sơn nhằm phục vụ ba chương trình kinh tế và phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội. Tập trung vào một số trọng tâm như:

+ Về nông, lâm nghiệp, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để xây dựng hệ thống cây và con giống gắn với cơ cấu mùa vụ thích hợp với các vùng sinh thái, nghiên cứu biện pháp giải quyết vấn đề lương thực gắn với cải tiến cơ cấu bữa ăn theo hướng giảm chất bột. Nghiên cứu biện pháp phủ xanh đất trống, đồi trọc, bảo vệ đầu nguồn, nghiên cứu kinh tế lâm nghiệp, nghiên cứu cây trồng trên đất dốc, nghiên cứu việc tăng vụ trên đất một vụ, v.v..

+ Về công nghiệp, trọng tâm nghiên cứu để phát triển chế biến nông, lâm đặc sản, phát triển ngành nghề, phát triển mặt hàng mới kể cả ở nông thôn, thị xã, thị trấn. Tăng cường nghiên cứu thị trường, nghiên cứu tổ chức cung ứng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm, vấn đề giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhất là đối với vùng cao. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiến bộ vào các ngành công nghiệp mũi nhọn để phát huy tiềm năng thế mạnh địa phương nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong thị trường có cạnh tranh.

- Tiếp tục công tác điều tra cơ bản để phục vụ quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, sinh thái.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

Nghị quyết của Bộ Chính trị đề ra 8 biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ. Các cấp các ngành dựa vào các biện pháp đó để có hướng vận dụng phù hợp. Chỉ thị này nhấn mạnh một số biện pháp chính như sau:

1. Về tổ chức, cần nghiên cứu sắp xếp lại tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng gắn khoa học với đời sống, sản xuất và kinh doanh, bảo đảm tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ với bảo đảm sự hoạt động đồng bộ các hoạt động sự nghiệp, phù hợp với kinh tế nhiều thành phần. Sớm thành lập Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ để chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ và làm tham mưu về chủ trương chính sách đối với khoa học và công nghệ.

2. Phải coi kế hoạch khoa học và công nghệ là bộ phận không thể thiếu trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành và các cấp. Dành một tỷ lệ cao hơn trong ngân sách (khoảng 2%) cho kinh phí sự nghiệp khoa học đi đối với quản lý tốt nguồn vốn đầu tư bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cần có Quy chế dân chủ trong sinh hoạt khoa học để khuyến khích nghiên cứu sáng tạo. Làm tốt quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ nhất là lực lượng đầu đàn, công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao, đào tạo bổ sung những loại cán bộ còn thiếu như quản lý kinh tế, kinh doanh... Chú trọng và tạo điều kiện về phương tiện làm việc và sinh hoạt cũng như thực hiện tốt chính sách thưởng sáng kiến để khuyến khích mọi tài năng. Có chính sách thu hút chuyên gia thợ lành nghề từ nơi khác. Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học - kỹ thuật về làm việc tại cơ sở sản xuất kinh doanh. Phát huy vai trò của các hội khoa học và công nghệ để tập hợp lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật và làm tốt chức năng giám định, tư vấn.

Trên đây là một số phương hướng, biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ trong thời gian tới, các cấp ủy Đảng và các ngành cần có kiểm điểm và đề ra phương hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng ngành, từng cấp. Cần tăng cường sự lãnh đạo đi đôi với đổi mới phong cách lãnh đạo bảo

đảm tính khoa học và đẩy mạnh phong trào khoa học và công nghệ trong toàn Đảng, toàn dân, biến khoa học và công nghệ thành động lực thật sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh ta.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-KH/TU, ngày 25-5-1991

Về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 25 và 26 của Bộ Chính trị

Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 25 về “Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên” và Nghị quyết số 26 về “Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới”. Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn hướng dẫn tổ chức nghiên cứu quán triệt và triển khai thực hiện hai nghị quyết trên của Bộ Chính trị như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT

1. Nhận thức đầy đủ các quan điểm của Đảng về công tác thanh niên, về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, thấy được ý nghĩa to lớn thiết thực của công tác thanh niên, công tác khoa học và công nghệ đối với sự phát triển trong mọi lĩnh vực của nước ta, thấy được thực trạng của tình hình công tác thanh niên, công tác khoa học và công nghệ hiện nay của từng đơn vị, địa phương.

2. Nghiên cứu quán triệt nghị quyết một cách nghiêm túc sâu rộng đến mọi tầng lớp, mọi đối tượng, và khi quán triệt tư tưởng, quan điểm của Đảng về công tác thanh niên, công tác khoa học và

công nghệ cần gắn với kiểm điểm, đánh giá thực trạng hiện nay ở từng đơn vị, địa phương.

3. Các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các ban, ngành của tỉnh, của các huyện, thị cần xây dựng được chương trình hành động thiết thực, cụ thể ở từng đơn vị, địa phương.

II. QUAN ĐIỂM NỘI DUNG CẦN NẮM VỮNG

Nghị quyết 25:

1. Tình hình thanh niên và công tác thanh niên

- Từ khi có Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, các thế hệ thanh niên Việt Nam đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thanh niên ngày nay có trình độ học vấn cao hơn các thế hệ trước, tiếp thu nhanh cái mới, sống năng động và thực tế, ưa công bằng và dân chủ, hăng hái tham gia công cuộc đổi mới.

- Song, những khó khăn kinh tế, xã hội của đất nước đã làm nảy sinh nhiều vấn đề gay gắt trong thanh niên... Một bộ phận thanh niên dao động về lý tưởng, nhận thức về giá trị cuộc sống có những lệch lạc, bàng quan với trách nhiệm xã hội.

2. Những quan điểm về công tác thanh niên

- Đảng, Nhà nước và toàn dân ta phải hết lòng bồi dưỡng phát huy tiềm năng và vai trò chủ động của thanh niên trên mọi lĩnh vực của công cuộc đổi mới, coi đó là nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược con người.

- Đoàn kết và tập hợp mọi tầng lớp thanh niên vì mục đích dân giàu nước mạnh.

- Phối hợp chặt chẽ các tổ chức của hệ thống chính trị xã hội,

phối hợp giữa gia đình, trường học và xã hội trong công tác thanh niên...

Chăm sóc, giáo dục và bồi dưỡng thanh niên, thiếu niên là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền và của xã hội.

3. Những công tác lớn

- Giải quyết việc làm
- Đào tạo, bồi dưỡng
- Tổ chức phong trào hành động cách mạng trong thanh niên.
- Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh
- Tăng cường công tác thanh niên của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội.

Nghị quyết 26:

1. Hoạt động khoa học và công nghệ thời gian qua

- Hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển gắn bó hơn với sản xuất, kinh doanh và đời sống, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Khoa học và công nghệ nước ta phát triển chậm, chưa đáp ứng được những yêu cầu bức xúc của công cuộc đổi mới.

2. Chức năng nhiệm vụ của khoa học và công nghệ

a) Chức năng:

- Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta...
- Là công cụ đắc lực để đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ đưa lực lượng sản xuất lên trình độ phát triển mạnh.
- Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, giáo dục thế giới quan khoa học, phát triển trí tuệ và năng lực sáng tạo của con người Việt Nam.

b) Nhiệm vụ:

- Vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin khoa học và công nghệ nhằm thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế lớn và các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội quan trọng khác.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

3. Những biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng Quy chế dân chủ trong mọi sinh hoạt khoa học tăng cường sự hợp tác giữa các nhà khoa học, khuyến khích tìm tòi.

- Tăng cường đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn. Dành một tỷ lệ cao hơn trong ngân sách nhà nước cho kinh phí sự nghiệp khoa học (ít nhất là 2%).

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác về khoa học và công nghệ.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

- Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nhân dân.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách quản lý kinh tế để thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học và công nghệ.

4. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến quản lý của Nhà nước đối với khoa học và công nghệ

- Trước hết là về nhận thức: Khoa học và công nghệ không chỉ là động lực phát triển kinh tế, xã hội mà còn là động lực quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước...

- Các cấp ủy Đảng phải có hiểu biết cơ bản về khoa học và công nghệ. Đảng viên phải quán triệt chính sách của Đảng đối với

khoa học và công nghệ và đối với những người làm khoa học và công nghệ.

- Các ngành, các địa phương cần kiểm điểm việc chỉ đạo công tác khoa học và công nghệ trong thời gian qua.

Sản xuất đông - xuân và nhiệm vụ cấp bách:

1. Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đông - xuân và những nguyên nhân tồn tại.

2. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt để khắc phục tình trạng yếu kém đó.

3. Mục tiêu, biện pháp phấn đấu thực hiện chỉ tiêu kế hoạch vụ mùa.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

A. Tổ chức nghiên cứu quán triệt nghị quyết

- Ở tỉnh:

1. Họp với các ban, ngành, đoàn thể có liên quan đến việc tổ chức nghiên cứu quán triệt nghị quyết để phân công chuẩn bị nội dung, chương trình hành động trình ra hội nghị nghiên cứu quán triệt nghị quyết của tỉnh.

2. Triệu tập hội nghị cán bộ chủ chốt để nghiên cứu quán triệt nghị quyết và thông qua chương trình hành động của tỉnh vào ngày 23 đến 27-5-1991.

- Ở huyện, thị và Đảng ủy:

1. Họp với các ban, ngành, đoàn thể có liên quan như: Các ban xây dựng Đảng, thường trực Ủy ban nhân dân huyện, thị, huyện thị đội, công an, huyện thị đoàn, phòng lao động thương binh và xã hội, phòng văn hóa thông tin, phòng quản lý sản xuất nông nghiệp, liên đoàn lao động huyện để phân công chuẩn bị:

- Đề cương giới thiệu Nghị quyết và chương trình triển khai.

- Chương trình hành động để thực hiện nghị quyết.

- Kinh phí cho hội nghị quán triệt nghị quyết.
 - Viết báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện trong thời gian qua và thực trạng hiện nay.
 - Chọn đơn vị làm điểm.
2. Triệu tập lãnh đạo của các ban, ngành, các đoàn thể, báo cáo viên và đơn vị làm điểm nghiên cứu quán triệt nghị quyết và thông qua chương trình hành động (không triệu tập xã, trừ xã điểm).
3. Cử cán bộ xuống các cơ sở tổ chức quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình hành động.
- *Ở cơ sở:* Tổ chức hội nghị quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình hành động của đơn vị. Hội nghị ở cơ sở có thể triệu tập: Toàn bộ đảng viên, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, các ban, ngành như: Công an, xã đội, văn hóa thông tin, Ban quản lý các hợp tác xã...

B. Xây dựng chương trình hành động

1. Các cấp ủy Đảng và chính quyền:
 - Có chủ trương và định hướng về mục tiêu, quan điểm và những biện pháp lớn.
 - Cử cán bộ theo dõi chỉ đạo.
 - Đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất và tạo điều kiện làm việc.
 - Quan tâm bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch, sắp xếp cán bộ, có chính sách, chế độ khuyến khích cán bộ đoàn thanh niên, cán bộ khoa học và kỹ thuật làm việc.
 - Xây dựng và củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy làm việc.
2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
 - Lựa chọn những cán bộ có năng lực, có uy tín để tập hợp và lãnh đạo thanh niên.
 - Tổ chức các phong trào hành động cách mạng nhằm thu hút tập hợp thanh niên.
 - Cải tiến nội dung, hình thức tập hợp thanh niên và sinh hoạt đoàn để phù hợp với từng đối tượng trong từng khu vực.

- Thường xuyên quan tâm đào tạo bồi dưỡng và tạo điều kiện tốt cho cán bộ đoàn các cơ sở hoạt động.

- Có chương trình kế hoạch cụ thể về chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng từ các cơ sở chi đoàn.

3. Ủy ban khoa học kỹ - thuật tỉnh

- Xác định chương trình và danh mục khoa học và công nghệ cụ thể của tỉnh và các huyện, thị.

- Có kế hoạch hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ trong tỉnh.

- Đề xuất và có phương án cụ thể về sắp xếp bộ máy, về cán bộ để bảo đảm thực hiện thắng lợi các chương trình khoa học và công nghệ.

- Dự thảo các chế độ chính sách khuyến khích hoạt động khoa học để trình với tỉnh.

- Tăng cường quản lý kiểm tra các chương trình khoa học và công nghệ.

4. Các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các ban, ngành của tỉnh và huyện, thị căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình mà có chương trình hành động cụ thể để thực hiện hai nghị quyết trên của Bộ Chính trị.

IV. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu quán triệt nghị quyết và quá trình thực hiện nghị quyết.

2. Các huyện, thị, Đảng ủy cần chọn đơn vị làm trước để rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo. Tỉnh sẽ lấy thị xã Yên Bái, huyện Văn Yên, huyện Bắc Hà làm trước để rút kinh nghiệm.

3. Công tác tổ chức nghiên cứu quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình hành động sẽ kết thúc vào ngày 2-6-1991; sau tháng 6-1991, các đơn vị tổ chức thực hiện chương trình hành động đã được thông qua.

4. Riêng Nghị quyết 25, các cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 353-TB/TU, ngày 8-6-1991

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn

Ngày 7-6-1991 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và nhất trí về công tác cán bộ như sau:

1. Bầu bổ sung Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai.
- Đồng chí Doãn Văn Hoàn, Phó Giám đốc Ngân hàng thị xã Lào Cai.
2. Bầu bổ sung Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên.
- Đồng chí Vi Lam Sơn, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Bảo Yên.

Vậy thông báo để các đồng chí biết và tiến hành các thủ tục về phương diện nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 70a-BC/TU, ngày 4-7-1991

Về đánh giá kết quả Đại hội Đảng bộ các cấp vòng 1 và một số nhiệm vụ chuẩn bị cho Đại hội vòng 2

I. VỀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VÀ KẾT QUẢ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP VÒNG I

Thực hiện Chỉ thị số 59 của Ban Bí thư về mở Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, từ cuối tháng 6-1990 Tỉnh ủy đã có hội nghị nghiên cứu và bàn kế hoạch triển khai thực hiện. Với nhận thức sâu sắc về ý nghĩa quan trọng của Đại hội Đảng bộ các cấp lần này, tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai cuộc vận động củng cố Đảng gắn với kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ và chống tham nhũng. Tiếp đó tiến hành 3 đợt sinh hoạt trong Đảng và ngoài nhân dân để quán triệt và đóng góp ý kiến vào 5 văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình ra Đại hội Đảng bộ các cấp từ cơ sở đến tỉnh. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, liên tục từ tháng 6-1990 đến nay, có tác dụng thiết thực nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên: Kiện toàn củng cố cơ sở đảng; tập trung được trí tuệ của Đảng bộ tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương và thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tiến hành Đại hội các cấp vừa qua trong tình hình thế giới có những diễn

biến phức tạp, trong nước tình hình kinh tế - xã hội còn khó khăn, tỉnh ta 2 vụ lúa mùa 1990 và chiêm xuân 1991 mất mùa, đời sống kinh tế của quần chúng một bộ phận thiếu ăn và có tình trạng di dịch dân cư.

Thấy được tình hình đó các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ, bảo đảm vừa tiến hành tốt Đại hội các cấp vừa giải quyết giảm bớt những khó khăn trước mắt.

1. Kết quả cuộc vận động củng cố Đảng gắn với kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ và chống tham nhũng

Tỉnh ủy đã khẳng định việc củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cấp bách của Đảng, nếu không làm tốt sẽ khó thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ khác, nhất là việc chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng bộ các cấp. Với nhận thức đó tỉnh đã tập trung chỉ đạo ở 6 chi, đảng, bộ cơ sở, lấy kết quả kinh nghiệm ở những nơi làm điểm để chỉ đạo triển khai ra diện, xác định rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung và phương châm, phương pháp tiến hành cuộc vận động. Các huyện, thị, Đảng ủy cũng đã chọn 61 cơ sở làm điểm và xác định 140 cơ sở trọng điểm để tập trung chỉ đạo.

Đến tháng 1-1991 các cơ sở đảng trong tỉnh triển khai xong thực hiện các nội dung của cuộc vận động. Với mức độ khác nhau, bước đầu đã đạt những kết quả thiết thực.

- Thực hiện một bước quan trọng về làm trong sạch và nâng cao chất lượng đảng viên. Trong đợt này có 29.665/34.326 đảng viên tham gia phê bình, tự phê bình. Qua phân loại có 26.817 phần đấu tốt, đạt tỷ lệ 90,4% trong đó có 8.586 đảng viên thực sự tiên phong gương mẫu, đạt 28,7% có 2.504 đảng viên có vi phạm khuyết điểm, nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng chiếm 8,4%; có 344 đảng viên phải xem xét về tư cách và đưa ra khỏi Đảng chiếm 1,15%. Những đảng viên vi phạm khuyết điểm đã

được kiểm điểm làm rõ và xử lý 58,37% bằng hình thức; khiển trách 94, cảnh cáo 149, cách chức 28, số còn lại kiểm điểm sâu sắc. Trong số 344 đảng viên không đủ tư cách đã đưa ra khỏi Đảng 240 (trong đó khai trừ 78, các hình thức khác 165) (Số liệu tính đến cuối tháng 12-1990).

Cuộc vận động củng cố Đảng được kết hợp với việc đấu tranh chống tham nhũng trong các cơ quan nhà nước, đơn vị tập thể, chống buôn lậu, chống tội phạm và các mặt tiêu cực khác trong xã hội có kết quả tích cực. Bước đầu đã phát hiện 317 vụ vi phạm kinh tế gồm 417 người vi phạm. Trong đợt này đã thu hồi cho Nhà nước và tập thể 20 tỷ đồng, 2.610 tấn thóc và một số tài sản khác kể cả việc thu nợ, kê đọng sản phẩm và thu hồi do tham nhũng. Trong đó riêng những vụ vi phạm tham nhũng đã thu hồi được 2 tỷ 438 triệu đồng.

- Củng cố kiện toàn nâng cao một bước sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Cấp ủy ở nhiều huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở đảng đã bổ sung, quy chế, lề lối làm việc, làm rõ hơn chức năng trách nhiệm, mối quan hệ giữa cấp ủy với cơ quan nhà nước, với đoàn thể quần chúng và các tổ chức kinh tế, xã hội, trong điều kiện đổi mới. Nhiều cơ sở đã tiến hành kiện toàn tổ chức lại chi bộ, tổ Đảng cho phù hợp với điều kiện sinh hoạt của đảng viên theo các thôn, bản, đội sản xuất; xây dựng chương trình hành động của Đảng bộ, phân công nhiệm vụ đảng viên, quy định chế độ sinh hoạt đảng. Những cấp ủy có biểu hiện mất đoàn kết đã được kiểm điểm làm rõ, những trường hợp năng lực quá yếu, không đảm đương được nhiệm vụ đã bổ sung thay thế, một số huyện, thị đã mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho cấp ủy cơ sở.

Qua đánh giá phân loại chất lượng tổ chức cơ sở năm 1990; tổng số có 941 cơ sở (có 319 cơ sở xã, đã phân loại 891 (có 318 xã) trong đó đạt yêu cầu vững mạnh 228 (có 75 xã) đạt tỷ lệ 25,6% cơ sở khá 525 (có 180 xã) đạt 59,7%; có 129 cơ sở yếu (có 61 xã) chiếm 14,7% và có 9 cơ sở kém (có 2 xã)

Về chất lượng cấp ủy huyện, thị: Trong tổng số 760 cấp ủy viên qua phân loại có 534 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bằng 70,26%, có 217 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ bằng 28,5%, có 13 đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ bằng 1,71% trong đó do năng lực yếu 4 đồng chí, do trách nhiệm 7 đồng chí, do sức khỏe 2 đồng chí.

Cấp ủy cơ sở phân loại ở 3.358/4.757 đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ có 1.345 đồng chí bằng 40,09% số hoàn thành nhiệm vụ có 1.800 đồng chí bằng 53,60% còn 213 đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ bằng 6,34%.

Các huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở đảng đã chú ý chỉ đạo tăng cường công tác phát triển đảng viên mới. Năm 1990 có 370 cơ sở đã kết nạp được 1.015 đảng viên mới.

- Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được tăng cường hơn. Thông qua việc lấy ý kiến của quần chúng phê bình xây dựng Đảng, qua việc kiểm sửa của cán bộ, đảng viên, nhất là những nơi làm tốt quần chúng tin tưởng phấn khởi hơn. Ở một số cơ sở cấp ủy đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương về công tác vận động quần chúng, quan tâm hơn đến việc kiện toàn tổ chức và tạo điều kiện cho các đoàn thể quần chúng hoạt động theo chức năng của mình.

Những kết quả trên, tuy còn nhiều mặt hạn chế so với yêu cầu của cuộc vận động, nhưng cũng là bước chuyển biến tích cực. Thiết thực chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ các cấp và là cơ sở để thực hiện công tác xây dựng Đảng đi vào nền nếp thường xuyên.

2. Kết quả việc tổ chức quán triệt và lấy ý kiến tham gia dự thảo các văn kiện của Trung ương

Từ cuối năm 1990 đến đầu tháng 3-1991 đã tiến hành 3 đợt sinh hoạt để nghiên cứu, quán triệt và tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương. Việc tổ chức quán triệt và thảo luận tham gia ý kiến được chỉ đạo chặt chẽ từ tỉnh đến các huyện,

thị, Đảng ủy và cơ sở đảng. Ở tỉnh ngoài việc bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt các huyện, thị, Đảng ủy, các ban, ngành ở tỉnh, đã tổ chức đội ngũ báo cáo viên và bộ phận tổng hợp chung. Các huyện, thị, Đảng ủy đã trưng tập và bồi dưỡng gần 900 đồng chí làm báo cáo viên và 48 đồng chí làm tổng hợp.

Đợt 1: Quán triệt và lấy ý kiến tham gia vào cương lĩnh và chiến lược kinh tế. Ở 913 cơ sở đạt 97% với 27.100 đảng viên đạt 81%; tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu được 170 đồng chí, hội nghị cán bộ khoa học - kỹ thuật được 80 đồng chí. Tổ chức lấy ý kiến cán bộ ngoài Đảng thuộc các đoàn thể quần chúng, Hội đồng nhân dân và đại biểu các tầng lớp nhân dân được 37.690 người tham gia. Tổng hợp toàn đợt có 10.670 ý kiến của đảng viên và 5.337 ý kiến của quần chúng tham gia đóng góp.

Đợt 2: Tiến hành trong Đảng, quán triệt và lấy ý kiến tham gia vào báo cáo xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi, có 860 cơ sở đạt 85% với 26.000 đảng viên đạt 79%, đã đóng góp 4.164 ý kiến.

Đợt 3: Lấy ý kiến trong Đảng tham gia báo cáo chính trị, có 941 cơ sở đạt 100% với 27.671 đảng viên đạt 84% đã đóng góp 1.899 ý kiến. Tổ chức hội nghị cán bộ lãnh đạo ở tỉnh đã nghỉ hưu được 150 đồng chí.

Tiếp đó Đại hội cơ sở và cấp trên cơ sở đã tiếp tục thảo luận đóng góp trên 10.000 ý kiến vào dự thảo các văn kiện.

Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng với tinh thần phấn khởi, lần đầu được tham gia vào các văn kiện lớn có ý nghĩa lịch sử và trọng đại của Đảng ta. Cán bộ, đảng viên và quần chúng đã tham gia sinh hoạt khá đông, dân chủ cởi mở, thảo luận góp ý với thái độ thẳng thắn. Các ý kiến đóng góp với ý thức xây dựng và thể hiện trách nhiệm cao.

3. Kết quả đại hội đảng bộ các cấp vòng 1

Do được chuẩn bị tốt trong suốt quá trình từ khi tiến hành cuộc vận động củng cố Đảng, đến các đợt sinh hoạt chính trị, ngay

sau khi kết thúc việc tổ chức lấy ý kiến vào các dự thảo văn kiện, Đại hội Đảng bộ các cấp được tiến hành nhanh, gọn, tập trung đạt yêu cầu. Chỉ trong vòng tháng 3-1991 đã hoàn thành Đại hội cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Về Đại hội cơ sở: Được tiến hành tập trung từ đầu tháng đến trung tuần tháng 3-1991 xong. Ở 2 huyện làm điểm Bát Xát và Yên Bình làm sớm hơn. Một số ít cơ sở do phải làm rõ để kết luận những vấn đề tồn đọng vướng mắc của cán bộ, đảng viên nên làm chậm hơn nhưng đến 20-3-1991 tất cả 941 cơ sở đã Đại hội xong.

Mặc dù trong thời gian qua phải đi sinh hoạt nhiều đợt và tình hình đời sống kinh tế có khó khăn, nhưng đảng viên đi dự Đại hội đạt trên 80%. Các huyện đạt tỷ lệ cao trên 90% như Mường Khương, Yên Bái, Trạm Tấu, còn phần đông đạt trên 80% như Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Mù Cang Chải, Bắc Hà, Sa Pa, Văn Bàn, Bảo Thắng và các Đảng ủy trực thuộc, một số nơi đạt dưới 80%. Có một cơ sở đảng viên đi dự Đại hội chưa quá 2/3 theo nguyên tắc quy định, cấp ủy, cấp trên đã kiểm tra và yêu cầu tiến hành họp lại đại hội để thực hiện nghiêm túc quy định của Trung ương.

- Về nội dung: Nói chung các Đại hội cơ sở đã thực hiện đúng theo tinh thần Chỉ thị 59; 65 và hướng dẫn chỉ đạo của tỉnh; các đảng bộ đều chuẩn bị báo cáo tổng hợp ý kiến của đảng viên và quần chúng đã tham gia vào 5 văn kiện, chọn ra những vấn đề trọng tâm những vấn đề đang có nhiều ý kiến khác nhau để Đại hội tiếp tục thảo luận.

+ Việc bầu cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên được chuẩn bị chu đáo, đến Đại hội việc tổ chức bầu cử nói chung thuận lợi, bảo đảm dân chủ, tập trung, đúng nguyên tắc. Đại hội cơ sở trong 24 huyện, thị, Đảng ủy đã bầu được 2.608/2.615 đại biểu do cấp ủy cấp trên phân bổ nói chung đảm bảo tiêu chuẩn và cấu tạo cần thiết. Có 7 cơ sở bầu không đủ số lượng cấp trên phân bổ. Đa số đại biểu được bầu đều đúng với dự kiến nhân sự của cấp ủy đã chuẩn bị.

Các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành các huyện, thị, Đảng ủy

được giới thiệu xuống Đại hội cơ sở ứng cử làm đại biểu, đều được Đại hội cơ sở tín nhiệm bầu cử làm đại biểu, đi dự Đại hội Đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy.

Có 22 đồng chí ủy viên Ban Chấp hành các huyện, thị, Đảng ủy không là đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy trong đó có 8 đồng chí có dự kiến trong danh sách nhưng Đại hội bầu cử không trúng. Các đồng chí này nói chung đều có vướng mắc khuyết điểm đã được kiểm điểm làm rõ nhưng sửa chữa còn chậm. Mặt khác, việc thông báo, giải thích kết luận của cấp ủy chậm và sự chỉ đạo cũng chưa thật chặt chẽ nên có ảnh hưởng đến tín nhiệm.

Trong số 2.608 đại biểu được Đại hội cơ sở bầu cử là đại biểu, có 2 trường hợp (huyện Yên Bình 1, thị xã Yên Bái 1) bản thân và gia đình có vướng mắc, nên cả 2 đồng chí đã tự giác xin vắng không đến dự Đại hội huyện, thị.

+ Trong Đại hội vòng 1 ở cơ sở, một số nơi tiến hành kiện toàn cấp ủy như: Yên Bình 3 cơ sở, thị xã Yên Bái 3 cơ sở, Bát Xát 11 cơ sở, thị xã Lào Cai 2 cơ sở và các cơ sở thuộc Đảng ủy Bộ đội biên phòng. Những cơ sở này do cấp ủy thay đổi nhiều, cần được kiện toàn để bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở.

- Về kết quả Đại hội đại biểu Đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh.

Sau khi Đại hội ở 2 huyện làm điểm (Bát Xát họp ngày từ ngày 4 đến 5-3-1991, Yên Bình từ ngày 9 đến 10-3-1991) tỉnh đã rút kinh nghiệm phổ biến tới các huyện, thị, Đảng ủy, từ ngày 15 đến ngày 18-3-1991 tất cả 24 đảng bộ trực thuộc tỉnh đã họp xong. Thời gian họp Đại hội đều làm trong 2 ngày (không kể phần họp trừ bị). Có 2.511/2.608 đại biểu được triệu tập đã về dự Đại hội đạt 97,9%. Các đảng bộ Sa Pa, Bảo Yên, Công an, Quân sự tỉnh đạt 100% số đại biểu về dự Đại hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy được chuẩn bị tốt cả về nội dung, nhân sự và hình thức tổ chức, nhìn chung đạt được yêu cầu, chất lượng thiết thực.

+ Về thảo luận các dự thảo văn kiện, các cấp ủy đã làm tốt việc tổng hợp ý kiến của đảng viên và quần chúng. Trong các đợt sinh hoạt chính trị và đại hội đảng bộ cơ sở, chọn ra những vấn đề trọng tâm cần tập trung thảo luận tiếp. Từng nội dung thảo luận được thông báo trước cho đại biểu để chuẩn bị ý kiến trong đại hội khi thể thảo luận sôi nổi, liên tục trong 24 đơn vị huyện, thị, Đảng ủy có 641 đại biểu đăng ký đã có 425 ý kiến phát biểu ở hội trường; nhìn chung các ý kiến phát biểu được chuẩn bị có sự nghiên cứu sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, nếu vấn đề có lý, có tình, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm, xây dựng của đại biểu.

+ Việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tiến hành ở đại hội các huyện, thị, Đảng ủy đảm bảo dân chủ, đúng nguyên tắc.

Tỉnh ấn định và phân bổ số lượng cho các huyện, thị, Đảng ủy là 300 đại biểu chính thức và 33 đại biểu dự khuyết. Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy bầu được 300 đại biểu chính thức và 29 đại biểu dự khuyết.

Danh sách bầu cử ở đại hội các huyện, thị, Đảng ủy có 378 đồng chí trong đó có 101 đồng chí ứng cử (kể cả số đại biểu tỉnh gửi xuống). Kết quả chỉ bầu 1 vòng đủ số lượng 300 đại biểu chính thức, riêng bầu đại biểu dự khuyết có 3 nơi bầu thiếu 4 đại biểu, 40 đồng chí cấp ủy viên và trưởng ngành của tỉnh được giới thiệu xuống ứng cử làm đại biểu đều được Đại hội các huyện, thị tín nhiệm bầu cử làm đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Đại bộ phận số đại biểu được bầu đúng dự kiến mà tiểu ban nhân sự đã chuẩn bị. Có 20 trường hợp khác dự kiến, chỉ thay đổi về cơ cấu, tiêu chuẩn vẫn đảm bảo, có 3 trường hợp là cán bộ chủ chốt không trúng đại biểu chính thức... Việc thực hiện các nguyên tắc thủ tục bầu cử được nghiêm túc phát huy được tinh thần dân chủ với ý thức xây dựng, trách nhiệm của đại biểu trong bầu cử. Ở đại hội huyện, thị, Đảng ủy phiếu bầu không hợp lệ lần này không nhiều, chỉ có 5 đảng bộ gồm: Yên Bình, Trạm Tấu, Văn Chấn,

Than Uyên, Bộ đội biên phòng có phiếu bầu không hợp lệ mất 1,6%. Những số phiếu bầu cử, bầu thiếu số lượng đại biểu, nhìn chung ở huyện, thị, Đảng ủy nào cũng có, nơi số phiếu bầu thiếu nhiều như Văn Yên, 14 phiếu bầu thiếu từ 1- 4 đại biểu, Trấn Yên 34 phiếu bầu thiếu 1 - 5 đại biểu, Đảng ủy các cơ quan tỉnh 17 phiếu bầu thiếu 1- 7 đại biểu, 1 nơi có đại biểu bỏ phiếu trắng khi bầu đại biểu dự khuyết.

- Kết quả Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh được triệu tập họp từ ngày 22 đến 24-4-1991 có 299/300 đại biểu, được bầu cử từ 940 đảng bộ cơ sở lên Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, thay mặt cho 34.396 đảng viên đã về dự.

Đại hội đã làm việc với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao để thực hiện những nội dung đã đề ra.

Đại hội đã nghe vào thảo luận báo cáo của Tỉnh ủy tổng hợp ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng vào các dự thảo Văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị trình ra Đại hội VII của Đảng, hướng vào 7 vấn đề trọng tâm để đại biểu tham gia ý kiến, 135 đại biểu đăng ký, có 53 đại biểu đại diện cho 24 đoàn đại biểu các huyện, thị, Đảng ủy đại diện cho các vùng, các dân tộc, các lĩnh vực công tác đã phát biểu tại Đại hội. Các ý kiến phát biểu được chuẩn bị công phu, suy nghĩ sâu, chứng minh, lý giải những vấn đề được nêu ra, phát biểu thẳng thắn, chân tình, xây dựng.

Đại hội đã bầu được đoàn đại biểu của tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng gồm 19 đồng chí trong đó có 2 đồng chí do Ban Bí thư giới thiệu xuống ứng cử làm đại biểu.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHỮNG ĐIỂM RÚT RA TỪ KẾT QUẢ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP VÒNG I

1. Kết quả đạt được

Kết quả đại hội đảng bộ các cấp vòng 1 là kết quả của quá

trình tiến hành tập trung khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp ủy Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu sắc và rộng khắp nhất từ trước đến nay, được tiến hành trong nhiều đợt liên tục với sự tham gia nhiệt tình, cởi mở, dân chủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tuy còn những hạn chế, thiếu sót ở mức độ khác nhau nhưng nhìn tổng quát đã đạt được những kết quả thiết thực.

- Cuộc vận động củng cố Đảng, đã thực hiện được một bước quan trọng về làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đánh giá được tương đối về chất lượng đội ngũ đảng viên và những mặt mạnh, mặt yếu của tổ chức cơ sở. Đa số những đảng viên vi phạm khuyết điểm được kiểm điểm làm rõ và đã xử lý nghiêm túc, có tác dụng ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tham nhũng và tiêu cực trong cán bộ, đảng viên. Vai trò lãnh đạo và ý thức tổ chức Đảng được nâng lên. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được củng cố tăng cường.

- Với 26.740 ý kiến của đảng viên và 5.337 ý kiến của quần chúng tham gia vào các văn kiện dự thảo của Trung ương trong các đợt sinh hoạt và đại hội đảng bộ các cấp là kết quả sự tập trung trí tuệ của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đóng góp vào những vấn đề quan trọng của đất nước và địa phương với tinh thần xây dựng và trách nhiệm.

Quá trình quán triệt, thảo luận, góp ý vào các văn kiện cũng là quá trình nâng cao thêm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhận thức lý luận đối với những vấn đề mà các dự thảo văn kiện của Trung ương đã nêu ra. Đồng thời tạo nên sự nhất trí cao về những quan điểm đổi mới và tăng thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chỉ ra. Củng cố thêm lập trường, tư tưởng không đa nguyên đa đảng chỉ có một Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời cũng xác định rõ hơn về trách

nhệm của mọi người trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng.

- Đại hội Đảng bộ các cấp đã phát huy dân chủ và thực hiện đúng các nguyên tắc thủ tục quy định của Trung ương, bầu được các đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn và cấu tạo cần thiết thể hiện tập trung trí tuệ của Đảng bộ đúng với yêu cầu của Chỉ thị 59 Ban Bí thư Trung ương.

- Đi đôi với các đợt sinh hoạt chính trị và đại hội đảng bộ các cấp từ cơ sở lên đã tập trung chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương với tinh thần thi đua lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp, sản xuất nông - lâm - nghiệp có nhiều cố gắng, đã phấn đấu hoàn thành 100% diện tích lúa đông - xuân, các loại hoa màu đều tăng so cùng kỳ năm trước. Trồng rừng, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả nhiều huyện phát triển khá, sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông, thủy lợi, v.v. có chuyển biến tích cực hơn. Công tác quân sự, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội được ổn định.

Từ tỉnh đến các huyện, thị và cơ sở đã tập trung cố gắng giải quyết những khó khăn, nhất là về kinh tế, giải quyết cứu đói, ổn định dân cư, củng cố lòng tin và động viên quần chúng khắc phục khó khăn đẩy mạnh sản xuất, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau.

- Chỉ đạo của cấp ủy tỉnh được chặt chẽ, tập trung, thống nhất, rút kinh nghiệm điểm nhân diện, tăng cường kiểm tra uốn nắn kịp thời; cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy và cơ sở xác định rõ trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chỉ thị Trung ương và hướng dẫn của tỉnh, niềm tin của quần chúng được tăng cường, khởi động được tinh thần xây dựng Đảng của quần chúng.

2. Những thiếu sót, tồn tại

- Một số nơi do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa quan trọng, cấp bách của việc củng cố Đảng, theo yêu cầu của Chỉ thị 59, nên

ngay từ đầu chỉ đạo cuộc vận động không chặt, làm lướt không gắn cuộc vận động với việc đấu tranh chống tham nhũng, việc góp ý kiến của quần chúng đối với Đảng ở nhiều nơi chưa phát huy được tốt, còn tránh né chưa dám nói thẳng, nói thật, sợ bị trừ úm, sự tiếp thu phê bình và sửa chữa khuyết điểm của một số cán bộ, đảng viên chưa tự giác thành khẩn, một số vụ việc tiêu cực xem xét kết luận và giải quyết, xử lý chậm, nên đảng viên và quần chúng chưa thật tin tưởng, phấn khởi; sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở chưa có chuyển biến rõ nét; nhiều cơ sở, sau đại hội vòng 1 chưa chú ý chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động củng cố Đảng. Nhất là việc xây dựng nội dung, biện pháp nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng còn nhiều lúng túng, việc đấu tranh chống tham nhũng có biện pháp chững lại.

- Do trình độ nhận thức ở từng vùng, từng đối tượng khác nhau, nên việc tổ chức quán triệt và tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương ở một số cơ sở còn ít ý kiến, số ý kiến tham gia phần đông là cán bộ, đảng viên cao tuổi, cán bộ, đảng viên đã nghỉ hưu, số cán bộ, đảng viên trẻ ít tham gia ý kiến; ý thức tham gia nhiều nơi nặng vào liên quan tình hình thực tế ở địa phương, vào những khuyết điểm tồn tại. Việc tham gia vào những chủ trương giải pháp còn ít; việc bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, hướng dẫn thảo luận một số nơi làm chưa tốt chưa tập trung vào những vấn đề trọng tâm, nên mức độ tham gia ý kiến và nâng cao nhận thức còn hạn chế; việc tổng hợp ý kiến tham gia một số nơi còn đơn giản, chưa phản ánh hết những ý kiến của đảng viên và quần chúng.

- Việc tổ chức, chỉ đạo đại hội một số nơi còn lúng túng, công tác chuẩn bị một số nơi chưa thật chu đáo. Ở đại hội cơ sở có nơi còn đi dự đại hội đạt ý lệ chưa cao, có nơi cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo làm đại hội. Chuẩn bị nhân sự có nơi chưa nắm vững mặt mạnh mặt yếu của cán bộ, đảng viên nên chuẩn bị dự kiến chưa

sát; việc điều hành, chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu có nơi còn biểu hiện gò bó theo cấu tạo, có nơi chỉ đạo chưa chặt chẽ bầu cử cả đảng viên có khuyết điểm, mà đảng viên và quần chúng đang có nhiều ý kiến dị nghị.

- Sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên một số nơi thiếu chặt chẽ, thiếu kiểm tra, uốn nắn và việc bồi dưỡng cho cán bộ đi làm chưa cụ thể, mặt khác cán bộ được trưng tập một số đồng chí trách nhiệm chưa cao, nắm yêu cầu, nội dung, phương pháp, quy trình thực hiện không vững, nên lúng túng khi tiến hành thực tế ở cơ sở.

- Quần chúng ở một vài nơi lợi dụng trong dịp Đảng Đại hội làm một số việc lộn xộn thiếu kỷ cương, nhưng chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền nơi đó thiếu kiên quyết, biểu hiện chần chừ do dự lẫn tránh trách nhiệm, những việc đó hiện nay giải quyết là việc phức tạp, nan giải vì chúng ta không kiên quyết ngay từ đầu.

- Đáng chú ý ở một vài nơi có dấu hiệu mất đoàn kết qua Đại hội vòng 1 đã bộc lộ.

- Phong trào hành động cách mạng đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị chưa đều, nhiều nơi thiếu nội dung cụ thể, chưa tạo được khí thế mới trong Đảng và ngoài quần chúng.

3. Từ những kết quả đạt được và những mặt còn thiếu sót, rút ra những điểm

Một là: Quá trình tiến hành Đại hội là quá trình phải quán triệt để nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp theo tinh thần Chỉ thị 59 và 65 của Ban Bí thư. Yêu cầu và nội dung nêu ra trong Chỉ thị 59 là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội các cấp, những yêu cầu nội dung đó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Đại hội (vòng 1) tập trung trước hết vào việc thực hiện một bước quan trọng cùng có tổ chức đảng: Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân; tập trung trí tuệ và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên thảo

luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện dự thảo của Trung ương và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên. Kết quả cho thấy những đảng bộ nắm vững tư tưởng chỉ đạo trên thì ngay từ đầu đã chỉ đạo chặt chẽ cuộc vận động củng cố Đảng. Làm cơ sở tốt cho những đợt sinh hoạt tiếp theo và thiết thực chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ vòng 1 có kết quả. Những nơi nắm không vững, làm lướt thì kết quả hạn chế hơn. Thông qua việc chuẩn bị và tiến hành đại hội cũng là quá trình nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành của cấp ủy các cấp.

Hai là: Kết quả Đại hội các cấp vòng 1 là quá trình chuẩn bị công phu của các cấp ủy Đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc và của mỗi cán bộ, đảng viên. Trước hết là trách nhiệm của cấp ủy và các cơ quan tham mưu, từ việc chỉ đạo thực hiện củng cố Đảng đến việc tổ chức quán triệt; thảo luận tham gia các văn kiện Trung ương; chuẩn bị nhân sự, cùng các công việc khác phục vụ cho đại hội các cấp. Những nơi chuẩn bị kỹ có phân công cụ thể thì không bị lúng túng, lơ đãng và kết quả chất lượng cao.

Ba là: Chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, tăng cường kiểm tra đôn đốc, uốn nắn kịp thời.

Ngay từ khi tiến hành cuộc vận động và đại hội đảng bộ các cấp, ở tỉnh cũng như các huyện, thị, Đảng ủy đều xác định những cơ sở những việc trọng tâm, trọng điểm để chỉ đạo. Tuy các điểm chỉ đạo còn nhiều mặt hạn chế, nhưng cũng là cơ sở để đánh giá những việc làm được chưa được rút ra kinh nghiệm cho chỉ đạo chung. Quá trình thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn kịp thời những việc làm chưa đúng, phải kiên quyết yêu cầu làm lại để bảo đảm tính nghiêm túc đối với những cơ sở thực hiện không đạt yêu cầu, nội dung hoặc vi phạm nguyên tắc quy định.

Bốn là: Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát huy dân chủ với việc chỉ đạo tập trung.

Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội là quá trình phát huy

dân chủ, đồng thời có sự chỉ đạo tập trung. Điều rút ra là muốn phát huy dân chủ phải thực sự tôn trọng, tiếp thu ý kiến của đảng viên và quần chúng, phải tự phê bình và sửa chữa khuyết điểm nghiêm túc. Các đợt sinh hoạt chính trị vừa qua thực sự đã phát huy dân chủ, tự do tư tưởng, chỉ đạo chặt chẽ, những ý kiến thảo luận được tập trung vào những vấn đề trung tâm thiết thực. Trong công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử đại biểu vừa qua, sự lãnh đạo tập trung được thể hiện trong việc vận dụng giữa tiêu chuẩn và cấu tạo cần thiết để hướng cho Đại hội xem xét lựa chọn những người xứng đáng để bầu cử làm đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên bảo đảm chất lượng. Việc điều hành của đoàn Chủ tịch có ý nghĩa quan trọng, tùy theo diễn biến của từng nơi mà linh hoạt điều hành theo quy trình đã định, vừa đảm bảo phát huy dân chủ, vừa lãnh đạo tập trung, giúp cho Đại hội lựa chọn, trên cơ sở bảo đảm những nguyên tắc thủ tục bầu cử trong Đảng.

III. MỘT SỐ VIỆC CẦN LÀM TIẾP TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI CÁC CẤP VÒNG 2

Chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 là cuộc sinh hoạt chính trị rất quan trọng, là Đại hội thể hiện trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương và đoàn kết nhằm thực hiện biến nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII vào nhận thức và hành động ở mọi cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, vào mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng, từ nghị quyết của Đảng thành hiện thực sinh động để từ đó vận dụng vào thực tế địa phương đơn vị, đề ra nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu sát đúng cho nhiệm kỳ tới ở từng cấp, tạo nên khí thế mới làm chuyển biến thật sự hành động cách mạng ở các cấp, các ngành, ở mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đại hội vòng 2 ở Đảng bộ các cấp là Đại hội phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí, lựa chọn bầu ra cấp ủy mới với số lượng cần thiết, thật sự nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo

của cấp ủy; đồng thời tạo nên sự đoàn kết giữa Đảng và nhân dân, tạo nên khí thế mới tin tưởng phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống quần chúng.

Từ nay đến đại hội vòng 2 và hết năm 1991 tập trung thực hiện một số việc sau:

1- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động củng cố tổ chức đảng theo tinh thần Chỉ thị 59 của Ban Bí thư, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 25, 26 của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên và phát triển khoa học - công nghiệp.

+ Các cấp ủy nhất là cơ sở phải thường xuyên chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Phát huy thắng lợi Đại hội vòng 1 tuyên truyền thành công Đại hội VII của Đảng, để có nhận thức đúng về tư tưởng, tạo ra hành động thống nhất trong Đảng và ngoài quần chúng, đồng thời chú ý nắm chắc sự diễn biến tư tưởng, giải quyết kịp thời tạo niềm tin vững chắc vào thắng lợi biến Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII vào cuộc sống quần chúng.

+ Tiếp tục giải quyết số đảng viên đã xác định rõ là loại 1, loại 2, đồng thời làm rõ, giải quyết ngay những trường hợp tiêu cực; mới phát sinh ảnh hưởng đến tư cách cán bộ, đảng viên đây là việc thường xuyên của tổ chức đảng, bảo đảm cho tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch.

Tăng cường chống tham nhũng, tập trung làm rõ, kiên quyết xử lý những vụ việc đã được phát hiện.

+ Làm tốt việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên, mọi đảng viên phải được phân công nhiệm vụ nhất định, từ nhiệm vụ phân công thường xuyên làm tốt việc quản lý, giáo dục, kiểm tra, giúp đỡ cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tùy yêu cầu nhiệm vụ cụ thể từng cơ sở, tất cả đảng viên đăng ký phấn đấu thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm người đảng viên như: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, rèn luyện học tập

nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất, làm tốt việc phụ trách giúp đỡ một số hộ quần chúng; phát triển kinh tế gia đình, khuyến khích đảng viên làm giàu chính đáng, đúng chính sách; xây dựng gia đình văn hóa mới.

Đồng thời thường xuyên thực hiện tốt công tác phát triển Đảng, cần phân công đảng viên làm công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng, qua đó lựa chọn quần chúng tiên tiến bồi dưỡng phát triển Đảng, chú ý quan tâm việc kiện toàn tổ chức đoàn, giáo dục đoàn viên thanh niên, lựa chọn những đoàn viên ưu tú, đây là nguồn chủ yếu phát triển đảng viên mới.

Các huyện, thị, Đảng ủy cần kiểm tra đánh giá đúng mạnh, yếu của tổ chức cơ sở; có kế hoạch cụ thể củng cố cơ sở yếu kém, tiến hành củng cố các chi bộ, tổ đảng theo thôn, bản hoặc đội sản xuất, phù hợp với nhiệm vụ tổ chức sản xuất ở cơ sở, bố trí cán bộ trưởng thôn, bản, đội trưởng và bí thư chi bộ hay tổ trưởng Đảng phù hợp với năng lực trình độ của cán bộ, đảng viên.

Đồng thời củng cố các tổ chức quần chúng, nhất là củng cố vững tổ chức đoàn thanh niên, phân công cấp ủy đảng viên có năng lực, có tín nhiệm, có nghiệp vụ công tác đoàn phụ trách công tác thanh niên.

Duy trì chế độ sinh hoạt đảng bộ, chi bộ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, sinh hoạt đảng phải là nhu cầu không thể thiếu đối với đảng viên, trong rèn luyện và tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ của mỗi đảng viên, thông qua sinh hoạt chi bộ, tập thể chi bộ giúp đỡ đảng viên, tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đã đăng ký.

2- Chuẩn bị tiến hành đại hội vòng 2, đại hội vòng 2 sẽ tiến hành từ cơ sở lên, việc chuẩn bị các công việc cho Đại hội vòng 2 phải được tập trung khẩn trương, có chất lượng bao gồm những việc:

- Chuẩn bị báo cáo đánh giá nhiệm kỳ vừa qua, xây dựng nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ tới; kiểm điểm mạnh yếu của nhiệm kỳ cấp ủy cả chung và cá nhân cấp ủy viên.

Báo cáo chính trị tập trung vào đánh giá về phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh quốc phòng, công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng. Đánh giá đúng mặt tích cực tồn tại nêu rõ những gì đã đạt được, chưa được trong nhiệm kỳ qua và tìm đúng nguyên nhân. Từ đó đưa vào đường lối, chủ trương của Trung ương thể hiện trên các Nghị quyết Đại hội VII, liên hệ thực tế địa phương đơn vị đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ biện pháp thực hiện cho nhiệm kỳ tới.

Kiểm điểm của cấp ủy cần chú ý đánh giá việc thực hiện đổi mới phong cách lãnh đạo của cấp ủy trong nhiệm kỳ qua.

- Chuẩn bị nhân sự kiện toàn cấp ủy bảo đảm số lượng cần thiết, coi trọng chất lượng, thật sự nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cấp.

(Văn phòng Tỉnh ủy có hướng dẫn việc chuẩn bị báo cáo chính trị, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có hướng dẫn cụ thể việc chuẩn bị nhân sự kiện toàn cấp ủy).

- Tỉnh sẽ chỉ đạo 2 huyện đi trước để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung Đại hội vòng 2.

3- Tập trung lãnh đạo bằng mọi cố gắng đẩy mạnh sản xuất, vụ mùa ổn định đời sống nhân dân có kế hoạch biện pháp tích cực giải quyết khó khăn trước mắt về đời sống ở một số vùng nông thôn, tích cực bằng mọi biện pháp đẩy mạnh sản xuất ở các cơ sở quốc doanh, tạo việc làm có thu nhập bảo đảm đời sống cho cán bộ, công nhân viên, khắc phục tư tưởng lo âu, chờ đợi của quần chúng.

Trên đây là một số việc chủ yếu cần được tập trung chỉ đạo thực hiện từ nay đến đại hội các cấp vòng 2, đề nghị các ban, ngành ở tỉnh, các huyện, thị, đảng ủy và các tổ chức cơ sở đảng tiến hành có kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số -BC/TU, ngày 28-7-1991

Về thực trạng kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào Mông tỉnh Hoàng Liên Sơn

I. THỰC TRẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI DÂN TỘC MÔNG

Vùng cao tỉnh Hoàng Liên Sơn chiếm 60% diện tích đất đai dọc khắp biên giới, tiếp giáp với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và các tỉnh bạn Sơn La, Lai Châu, Hà Tuyên. Dân tộc Mông cư trú ở những vùng này, có những đặc điểm nổi bật như:

1. Địa bàn cư trú, thuộc những vùng trọng yếu ở triền núi cao, đầu nguồn các lưu vực sông lớn, lại và là thành lũy của tỉnh, dọc biên giới giữa ta và Trung Quốc. Dân tộc Mông có lịch sử dân tộc lâu đời, có truyền thống đấu tranh chống áp bức, có quan hệ dòng họ chặt chẽ, có ý thức dân tộc, đoàn kết, thẳng thắn, cương trực, tự trọng, sống đơn giản, cần cù lao động.

Làng bản sống theo cụm riêng biệt lập, ít xen cư với các dân tộc khác trong vùng, thường ở những vùng xa xôi hẻo lánh, rét nhiều, đường sá đi lại hiểm trở, khó khăn, dốc cao, vực thẳm, tổng dân số có 144.000 người, chiếm 53,6% dân số trong vùng. Phân chia thành hai vùng phía đông và phía tây, thường ở độ cao từ 700 m - 1.300 m, lượng mưa nhiều, nhiệt độ thấp. Mật độ dân cư

không ngừng tăng nhanh, tỷ lệ tăng dân số từ 3 - 4,7% nhanh hơn tốc độ tăng sản lượng nông nghiệp gấp 3 lần.

2. Đặc điểm về sản xuất, đồng bào Mông cư trú ở vùng có tiềm năng lớn, nhưng chưa được khai thác, đất lâm nghiệp bình quân cao, trên dưới 200 ha/hộ, lại thuộc vị trí rừng phòng hộ quốc gia, có thiên nhiên khí hậu ưu đãi, trồng được các loại đặc sản quý (thảo quả, hạt rau giống, dược liệu quý hiếm, cây ăn quả,...) nói chung chưa được khai thác triệt để.

Đất tự nhiên chiếm 32%, rừng bị tàn phá nghiêm trọng, đất trồng, đồi trọc nhiều. Đất nông nghiệp chỉ chiếm 28,5% bình quân ruộng nước chỉ có trên dưới 210 m²/người, chủ yếu ruộng bậc thang, nương định canh đồi dốc, nương hốc đá, đã sử dụng lâu năm, phải cày bừa, bón phân chiếm 31,7%, chỉ sản xuất được một vụ không vững chắc. Đồi trọc, núi đá cao chiếm 52,6% nhiều diện tích còn trồng được rừng và các loại dược liệu quý hiếm khác... Đất sản xuất lương thực thiếu lại bị xói mòn, bạc màu nhiều. Đồng bào phải đi sâu canh làm xa từ 15-25 km, có lều nương nghỉ tại chỗ. Số ít không khác phục nổi, cộng với sức ép tăng dân số ở một số vùng đã và đang diễn ra dòng người di dịch cư đến nơi có đất khai phá, từ đầu năm 1991 tới nay có 725 hộ với 3.754 khẩu di dịch cư nội và ngoại tỉnh.

Quỹ đất nông nghiệp đã ít, kinh tế gia đình chậm phát triển, thu nhập từ nông nghiệp chiếm 68,7%, trong đó trồng trọt 84,4%, chăn nuôi 15,6%, lâm nghiệp 23,6%, thu từ kinh doanh khác chỉ có 0,06%, về chi tiêu trên dưới 80% cho bữa ăn, cho y tế, xã hội - văn hóa chỉ có 2,4%; đồ dùng trong gia đình rất đơn giản, đời sống hết sức khó khăn, ăn ngô là chủ yếu, bình quân thu nhập thấp nhất so với các dân tộc khác trong vùng, người Tày, Thái gấp 2,1 lần, kinh tế gấp 2,45 lần, lương thực mỗi năm có từ 200-230 kg/người/năm. Mức ăn bình quân 7,6 kg khẩu/tháng quy gạo (trong đó gạo 2,6 kg, màu 5 kg) nạn thiếu đói triền miên chưa được chấm dứt.

3. Trình độ dân trí thấp, 98% số người trong độ tuổi còn mù

chữ, không biết tiếng phổ thông; các trường phổ thông cơ sở hầu hết không có học sinh tới trường, số đi học 2 - 3 năm không lên được một lớp. Tổng số trong độ tuổi (từ 6 tuổi trở lên) có 114.400 người, số đang học 2.745 người chiếm 2,3%, đã thôi học 5.990 chiếm 5,23%, chưa bao giờ tới trường 105.400 người chiếm 92%.

Đảng, Nhà nước đã cố gắng mở các trường tập trung, ưu tiên thu hút con em đồng bào vào học. Nhu cầu thì lớn, khả năng kinh phí, cơ sở vật chất có hạn nên chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng hơn.

Mặc dù đã phấn đấu, tích cực đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho dân tộc Mông, song kết quả còn hạn chế. Tổng số trình độ chuyên môn nghiệp vụ có 127 người, toàn tỉnh có 48.374 bằng 0,26% (so với người Mông bằng 0,1%), số thoát ly công tác có 383 người. Tổng số đảng viên có (cuối năm 1990) là 1.002 đồng chí.

Việc đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo ở vùng đồng bào Mông có nhiều khó khăn ở cả hai phía:

- Chương trình giáo dục - đào tạo còn rập khuôn, thoát ly cuộc sống đồng bào, nhiều thầy cô giáo là người dân tộc khác, không biết tiếng, ngôn ngữ bất đồng, nên việc giảng dạy chưa tốt, chương trình giảng dạy còn thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với thời vụ sản xuất và khí hậu, điều kiện đi lại ở vùng đồng bào, nên số học sinh tới trường ngày càng giảm đi, nhiều địa phương có thầy, có trường nhưng không có học sinh...

- Về phía con em đồng bào nói chung không ham học, do những hậu quả nặng nề của chính sách ngu dân, chế độ phong kiến thực dân để lại. Cộng với địa bàn dân cư thưa thớt, đường đi lối lại khó khăn, cường độ lao động sản xuất căng thẳng, địa bàn canh tác xa xôi, cả nhà lớn bé, trẻ già phải đi làm từ tinh mơ sớm đến tối mịt, thậm chí nhiều gia đình phải nghỉ ở lều nường làm xong vụ mới về. Do đó nhiều gia đình chưa tạo điều kiện cho con em mình đi học.

Do trình độ dân trí thấp, các phong trào văn hóa văn nghệ, thông tin xuống cấp, kém phát triển. Các cơ sở y tế, trạm xá hầu

hết không hoạt động, có y sĩ, y tá nhưng không có việc làm vì thiếu thuốc, thiếu dụng cụ, một số bệnh dịch có xu hướng phát triển và gây nhiều tử vong, qua điều tra ở huyện Mù Cang Chải (năm 1985) tỷ lệ tử vong là 19%, năm 1986 là 14,1%. Kế hoạch gia đình thực hiện ít hiệu quả, tốc độ sinh đẻ lớn, mỗi cặp vợ chồng thường có từ 7-8 con.

Cũng do trình độ dân trí thấp, các tệ nạn xã hội tăng nhanh, số người nghiện hút nhiều. Riêng huyện Mù Cang Chải có 13 xã, 95 bản gồm 3.800 hộ, trên dưới 27.000 khẩu, trong đó 96% là dân tộc Mông có 2.700 người nghiện hút, trong đó có cả cán bộ, đảng viên, đã có 15 đảng viên phải khai trừ do mắc nghiện, bệnh nghiện hút có chiều hướng tăng lên, nhất là đồng bào Mông.

4. Vùng đồng bào Mông là trọng điểm của cuộc vận động định canh định cư, gồm 138.349 khẩu, chiếm 46,6% trong toàn tỉnh, trong đó có 7 vạn người thiếu cả nước ăn.

Trong những năm qua Nhà nước cố gắng đầu tư cho vùng định canh định cư, từ năm 1968-1985 là 75 triệu đồng, từ 1986-1990 là 1,3 tỷ đồng, chúng ta có xây dựng được một số cơ sở kết cấu hạ tầng, những định hướng đầu tư còn lúng túng, chưa đúng, thiếu ổn định, còn mang tính áp đặt, chủ yếu là trạm xá, trường học, trụ sở, cửa hàng... đầu tư cho sản xuất ít, nhiều công trình thủy lợi nay không phát huy được tác dụng vì núi cao, vực thẳm, mưa lũ làm hỏng nặng, không có vốn tu sửa, nhiều loại cây trồng không có thị trường ổn định (thảo quả, chè, hạt rau giống, hạt trấu, sỏ, gỗ sa mu...).

Vốn định canh định cư trong những năm qua thực chất cho vùng đồng bào Mông chỉ có trên dưới 10% so với tổng số vốn được cấp. Thực trạng hiện nay đồng bào vẫn thiếu đất nông nghiệp, thiếu nước sinh hoạt... đời sống hết sức khó khăn, không khắc phục nổi, dòng người di dịch cư vẫn tiếp diễn và có xu hướng tăng lên.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CẤP BÁCH VÀ LÂU DÀI VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VÙNG ĐỒNG BÀO MÔNG TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN

Do những đặc điểm hiện trạng về kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào Mông tỉnh Hoàng Liên Sơn, cần có những định hướng đúng và giải pháp cụ thể để đưa nền kinh tế - xã hội ở vùng cao nói chung, đồng bào Mông nói riêng tiến lên từng bước vững chắc.

1. Ổn định địa bàn dân cư

Nguyên nhân cơ bản, việc di dịch cư của đồng bào là thiếu đất canh tác, thiếu nước sinh hoạt, an ninh trật tự xấu, ốm đau bệnh tật phát sinh nhiều, đời sống nghèo đói khó khăn...

Tạo điều kiện cho đồng bào ổn định canh, cư trước hết cần ổn định địa bàn dân cư theo cụm nhỏ, cân đối đủ nước canh tác, đủ nước ăn cho từng cụm, tổ chức di dịch cư đến nơi còn đất khai phá, ổn định cuộc sống cho đồng bào (định nghĩa cụm dân cư là vài ba thôn, bản thành một cụm, vài ba cụm thành 1 xã, vài ba xã thành 1 khu vực...). Huyện điều hành qua khu vực, khu vực điều hành tới xã và cụm dân cư, cự ly từ thôn, bản tới cụm dân cư không quá 3 km, xã tới khu vực không quá 10 km.

Kiến nghị:

- Nhà nước đầu tư cho khu vực gồm: Trường phổ thông, kết hợp dạy nghề tập trung, trạm xá, đơn vị văn hóa thông tin và các cơ sở dịch vụ, cung ứng vật tư, hàng hóa, xây dựng chợ... (gọi là cụm kinh tế - kỹ thuật). Nhà nước đầu tư vốn làm đường ô tô tới khu vực, với tinh thần là Nhà nước với nhân dân cùng làm phát huy tổng lực các nguồn vốn, lao động, nghĩa vụ của dân... (mức cần có mở đường mới từ 200-300 triệu/km, nâng cấp 80 triệu/km đường liên thôn người, ngựa đi được 1 triệu/km cấp vốn và đầu tư các loại cầu treo cho đồng bào...).

- Cụm dân cư có trường phổ thông cơ sở, các lớp bổ túc văn hóa,

Nhà nước đãi thọ, trợ cấp cho hàng ngũ giáo viên (dưới hình thức giáo viên không chuyên, người biết chữ dạy người chưa biết chữ và biết tiếng).

- Xã tiến hành qua trưởng thôn, trưởng bản, cụm dân cư do vậy cần có chế độ chính sách trợ cấp thỏa đáng cho cốt cán, lãnh đạo cụm dân cư (mức tối thiểu bằng từ 18-20 kg/gạo một tháng, có thể trả bằng hiện vật).

2. Về dân sinh

Phấn đấu từ nay đến năm 2000 cơ bản ổn định canh, cư cho đồng bào, tập trung giải quyết những vấn đề cốt yếu như sau:

- Giải quyết vững chắc bữa ăn, nước sinh hoạt, một phần học hành (chủ yếu cán bộ cốt cán, 1 số thanh thiếu niên trong độ tuổi, không nhất thiết xóa mù tất cả), giải quyết tốt một số mặt văn hóa thông tin... trước hết cần có quan điểm nhất quán về nhiệm vụ đầu tư. Việc đầu tư cho vùng cao nói chung, đồng bào Mông nói riêng phải là nhiệm vụ chiến lược và lâu dài, không nên đặt trọng tâm cuộc vận động.

Do vậy cần huy động sức mạnh tổng hợp các nguồn vốn đầu tư cho đồng bào (chú ý đồng bào Mông), giải quyết lương thực bằng con đường phát huy hết thế mạnh, tiềm năng của từng vùng, từng cụm dân cư, chủ yếu đẩy mạnh thâm canh, hạn chế tập quán quảng canh, phá rừng bừa bãi, chú ý đầu tư cho khai phá ruộng bậc thang, nương định canh, trồng rừng phòng hộ quốc gia, đẩy mạnh trồng dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, đặc sản... các sản phẩm làm ra Nhà nước có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, trên cơ sở sản phẩm hàng hóa bảo đảm chất lượng, phấn đấu những năm trước mắt đủ ăn, đến năm 2000 có chút ít dự trữ.

- Hướng cơ bản vẫn là cân đối, vận động định cư tại chỗ là chính, kết hợp có hướng đi, dịch cư đối nơi còn đất khai phá, tổ chức chặt chẽ và sớm ổn định đời sống cho đồng bào.

Kiến nghị:

- Những năm trước mắt, Nhà nước cấp vốn cho khai phá ruộng bậc thang, nương định canh, trồng dược liệu, cây ăn quả, rừng phòng hộ, rừng nguyên liệu chăn nuôi đại gia súc... Dưới hình thức cho vay, trả bằng sản phẩm (có nghĩa Nhà nước mua lại sản phẩm) theo các dự án đã được duyệt (huyện là chủ đầu tư, xã là điểm, hộ gia đình là đơn vị).

- Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đề nghị Nhà nước trợ giá phân bón, thuốc trừ sâu, về Nhà nước có bán giá thấp, nhiều gia đình cũng không có tiền mua, Nhà nước ứng trước phân bón, thuốc trừ sâu với lãi suất thấp, đến thời vụ trả bằng sản phẩm (có tính lãi suất).

Mức đầu tư trong thời giá hiện nay nên: khai phá ruộng bậc thang từ 1-1,5 triệu đồng, tương đương với 1-1,5 tấn thóc/ha.

- Cây công nghiệp, cây đặc sản trợ cấp từ 2,7-3 triệu tương đương với 2,7-3 tấn thóc/ha (kể cả công khai phá và giống).

- Rừng phòng hộ quốc gia, Nhà nước hỗ trợ từ 800-1 triệu tương đương với 800 - 1 triệu tấn thóc/ha và 4 năm bảo vệ, chăm sóc, cấp từ 80 ngàn đến 100 ngàn/ha, tương đương với 80-120 kg thóc/ha.

- Rừng kết hợp với sản xuất từ 350-400 ngàn tương đương với 350-400 kg thóc/ha và 4 năm chăm sóc, bảo vệ cung cấp như rừng phòng hộ quốc gia.

Do khả năng vốn có hạn, tất cả các nguồn vốn trồng rừng, vốn định canh định cư và các loại vốn khác... không nên dàn đều, tập trung trọng điểm, nơi khó khăn nhất và cần thiết trước. Xây dựng thành những lâm trang, trên cơ sở ký kết hợp đồng, đầu thầu cấp bằng hiện vật là chủ yếu, cấp dần theo tiến độ thi công và theo vụ sản xuất, trên cơ sở tự nguyện, không ép đặt, nơi được cấp vốn tự tổ chức thi công, cấp trên làm nhiệm vụ kiểm tra, hỗ trợ về mặt kỹ thuật cung ứng vật tư, hạch toán nghiệm thu công trình nhằm nâng cao trách nhiệm người sử dụng vốn.

Văn hóa, giáo dục, y tế:

Về văn hóa, giáo dục y tế, đào tạo cán bộ mấy năm trước đây làm tốt hơn, nay nhiều nơi xuống cấp, chiều hướng xấu đi, những giải pháp trước mắt và lâu dài cần tập trung mọi cố gắng nâng cao dân trí.

- Nhà nước đầu tư cho các trường tập trung, theo phân hiệu nhỏ tại các khu vực là chính, còn trường phổ thông cơ sở, mở tại các thôn, bản, cụm dân cư. Cải tiến phương pháp giảng dạy cho phù hợp với thời vụ sản xuất, thời tiết khí hậu của từng vùng và khả năng tiếp thu của con em đồng bào Mông. Dưới nhiều hình thức, phổ thông, bình dân học vụ, bổ túc văn hóa vào buổi tối, sử dụng giáo viên tại chỗ, vừa dạy chữ và dạy tiếng. Tiếp tục dạy chữ Mông ở những vùng xét thấy cần thiết.

- Xây dựng mạng lưới thông tin (đài loa, chiếu phim, băng hình...) tới cụm dân cư, dưới nhiều hình thức, có những phòng trưng bày bằng hình ảnh thiết thực một khu vực có một máy chiếu phim hoặc hình, nội dung đơn giản, dễ hiểu, lồng tiếng Mông đối với những bộ phim, băng hình thực sự thiết thực với cuộc sống. Mở rộng hình thức truyền tin trực tiếp, thông qua các già làng, trưởng bản, cụm dân cư hướng dẫn xây dựng cuộc sống văn minh, tiến bộ.

- Mở rộng mạng lưới y tế, khu vực có trạm xá, xã và cụm dân cư có tủ thuốc, tăng cường chữa bệnh bằng phương pháp khoa học, chống và đẩy lùi các tập tục mê tín dị đoan, lạc hậu. Tổ chức cai nghiện, chống bệnh nghiện hút lây lan phát triển. Kiên quyết cấm trồng cây thuốc phiện, thay thế bằng các loại cây rau đậu, dược liệu ngắn ngày, lúa mỳ, đậu tương, lanh sợi... Nhà nước tìm thị trường và bao tiêu cho sản phẩm đó nếu đảm bảo chất lượng, nhằm mục đích thay thế được cây thuốc phiện, giải quyết đời sống cho đồng bào.

Kiến nghị:

- Nhà nước đầu tư cho hệ giáo dục và đào tạo cán bộ, xây dựng đội ngũ giáo viên không chuyên, đông đảo là người Mông, nếu là giáo viên nơi khác đến cần học tiếng Mông có chế độ thỏa đáng

dùng khoản kinh phí xóa mù hàng năm trợ cấp cho hàng ngũ đó dưới hình thức khoán, lượng người biết chữ và biết tiếng, kể cả số giáo viên, cán bộ hiện có ở cơ sở và lượng giáo viên không chuyên.

- Các hoạt động thông tin văn hóa, những năm trước mắt Nhà nước trợ cấp, đến khi trình độ dân trí phát triển tới mức cần thiết, những ngành đó mới có thể hoạt động kinh doanh hạch toán được.

- Nhà nước trợ cấp thuốc chữa bệnh cho người và gia súc, miễn tiền thuốc và viện phí cho đồng bào đi khám và chữa bệnh, cả các bệnh viện ở tuyến trên, Nhà nước cấp kinh phí dự trữ thuốc ở các tủ thuốc khu vực, cụm dân cư... trợ cấp các loại thuốc và dụng cụ cho cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, kiên quyết hạn chế tốc độ gia tăng dân số từ 40 - 50% so với mức hiện nay.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí mở lớp tập trung cai nghiện, kiên quyết chống bệnh nghiện hút phát triển lây lan, đối với những gia đình chấp hành tốt không trồng thuốc phiện, cai nghiện có hiệu quả, bước đầu Nhà nước cần hỗ trợ cho một phần kinh tế với những gia đình thực sự có khó khăn.

- Mở các trường đào tạo ngắn hạn cho cán bộ cơ sở (kể cả về quản lý nhà nước, chính trị, kỹ thuật nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, nếp sống xây dựng làng bản sạch sẽ văn minh...).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI KHÁC

Vì sản xuất lương thực ở vùng đồng bào Mông nói riêng và các dân tộc khác trong vùng nói chung hết sức khó khăn, ruộng nước hầu hết là ruộng bậc thang, mỗi năm chỉ cấy được một vụ không vững chắc, nương rẫy chủ yếu nương hốc đá, độ dốc lớn, xói mòn và bạc màu nhiều, bình quân mức ăn hàng năm rất thấp, nạn thiếu đói vẫn chưa được đẩy lùi và chấm dứt. Đề nghị Nhà nước miễn thuế nông nghiệp cho đồng bào trong một thời gian nhất định, để giúp đồng bào ổn định sản xuất và đời sống, đối với tỉnh Hoàng

Liên Sơn mức thuế nông nghiệp ổn định ở vùng đồng bào Mông mỗi năm trên dưới 1.000 tấn quy thóc hàng năm vẫn thường diễn ra, thu thuế xong đến vụ giáp hạt lại cấp cứu đói cho đồng bào.

- Đối với các thành phần kinh tế, hoạt động ở khu vực vùng cao nói chung cần được khuyến khích và miễn các loại thuế hàng hóa (kể cả hàng mua và hàng bán).

- Nhà nước trợ giá cho một số mặt hàng nhu yếu phẩm (phân bón, thuốc trừ sâu, muối i ốt, dầu thắp, thuốc chữa bệnh cho người và gia súc, giấy viết và sách giáo khoa...).

Ở miền núi, đường vận chuyển khó khăn, hiểm trở, mưa lũ thường gây ách tắc dài ngày, lượng tiêu thụ ít, là thị trường cụt, không có thì thiếu, có nhiều thì thừa. Do vậy đề nghị Nhà nước cấp cho những mặt hàng thiết yếu vốn dự trữ từ 3-4 tháng.

- Đối với đồng bào, sau khi sử dụng các nguồn vốn Nhà nước trợ cấp, nếu còn thiếu được vay ngân hàng, Nhà nước tài trợ phần lãi suất, mặt khác ngân hàng cần hướng dẫn và giúp đồng bào làm thủ tục vay và hướng dẫn quy định tài sản thế chấp cho phù hợp với thực lực của đồng bào.

- Giải quyết kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào Mông vừa có tính cấp bách và là định hướng chiến lược lâu dài, yêu cầu lớn, nhưng khả năng vốn, vật tư có hạn. Do vậy đề nghị Trung ương trên cơ sở khả năng có huy động sức mạnh tổng hợp các nguồn vốn, làm theo dự án tập trung không dàn đều, làm dứt điểm, mang lại hiệu quả thiết thực.

Trên đây sơ bộ nêu lên một số điều cơ bản về thực trạng kinh tế - xã hội của đồng bào Mông, nêu lên một số giải pháp và kiến nghị trước mắt.

Còn cuộc vận động định canh định cư đối với đồng bào Mông có đường lối chiến lược lâu dài, cần tiếp tục tìm hiểu và có những giải pháp thích hợp, đưa chủ nghĩa xã hội đến với đồng bào Mông.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

PHỤ BIỂU

DỰ KIẾN THÀNH LẬP KHU VỰC Ở MỘT SỐ HUYỆN, XÃ CÓ NHIỀU ĐỒNG BÀO MÔNG

1. Huyện Bắc Hà

- + Khu Lùng Phình (gồm Lùng Phình, Lùng Sín, Lùng Chín, Lùng Cải, Tả Văn Chư).
- + Km 8 (gồm: Cán cấu, Lử Thần, Quan Thần Sán).
- + Si Ma Cai (Xi Ma Cải, Sán Chải, Cán Hồ, Mán Thần, Nàn Sán).
- + Sín Chéng (Xín Chéng, Nàn Xín, Thào Chư Phìn, Bản Mế).

2. Huyện Mường Khương

- + Pha Long (Pha Long, Xừ Ma Tủng, Tả Ngải Chồ).
- + Xín Lùng Chải (xã Lùng Khấu Nhìn, Tả Thành, Cao Sơn, La Pa Tẩn).
- + Thải Giàng Sán (Lồ Xứ Thành, Dìn Chín, Tả Gia Khâu).

3. Huyện Bát Xát

- + Mường Hum (Dền Thành, Dền Sáng, Sàng Ma Seo, Pa Cheo Phìn, Mường Hum, Chung Lèng Hồ).

4. Huyện Sa Pa

- + Thanh Phú
- + Tả Phìn
- + Móng Xén (Móng Xén).

5. Huyện Mù Căng Chải: gồm 13 xã nên chia làm 3 khu vực đặt ở nơi trung tâm, hướng nên ở các điểm Púng Luông (ngã ba kim), Mường Căng.

6. Huyện Trạm Tấu: Bản Công (Bản Mùa, Hát Lìu (Bản Hồ, Bản Công).

+ Phìn Hồ (Hàng nhì, Tả Xi Lán, Phìn Hồ).

Ghi chú: Đối với những xã tuy có nhiều dân tộc Mông nhưng nếu gần huyện thì trực tiếp huyện, không nên đặt khu vực ngay tại huyện.

- Đối với các huyện vùng cao, mặc dù không phải là dân tộc Mông mà thuộc diện định canh định cư, nhưng vùng xã huyện cũng nên thành lập khu vực như: (Bắc Hà có Bảo Nhai, Cốc Ly, Mường Khương có Bản Lầu, Bát Xát có Trịnh Tường, Quang Kim, Sa Pa có Thanh Phú, v.v.).

- Biểu này chỉ đặt vấn đề phân khu vực các xã chủ yếu là dân tộc Mông còn có những xã là các dân tộc khác cũng gần khu vực, trong biểu này không đặt ra.

BIỂU PHỤ

MỘT SỐ TƯ LIỆU NGƯỜI MÔNG

1. Tổng nhân khẩu (điều tra 1989)

- 144.510 nhân khẩu chiếm 14% so với dân số toàn tỉnh.

2. Tổng số ở 17 huyện, thị

+ Nơi thấp nhất: huyện Lục Yên 22 khẩu, cao nhất Bắc Hà 40.506 chiếm 28% tổng số người Mông toàn tỉnh.

+ Tập trung ở huyện vùng cao (Bắc Hà, Mường Khương, Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Bát Xát, Than Uyên, Sa Pa). 7 huyện này có 123.459 khẩu chiếm 85% tổng số người Mông toàn tỉnh.

- Bắc Hà 40.506 người.
- Mường Khương 12.478 người.
- Trạm Tấu 10.902 người.
- Mù Cang Chải 25.330 người.
- Bát Xát 11.586 người.
- Sa Pa 14.721 người.
- Than Uyên 7.936 người.

3. Trình độ văn hóa (người trong độ tuổi 6 tuổi)

- + Tổng số 114.494 người.
- + Đang đi học 2.745 chiếm 2,3% tổng số trong tuổi.
- + Đã thôi học 5.990 chiếm 5,23%.

+ Chưa bao giờ đến trường: 105.479 người bằng 92% số trong độ tuổi (toàn tỉnh có 299.217/851.650 người từ 6 tuổi trở lên chiếm 35%).

4- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: (tính từ 16 tuổi trở lên)

- Số có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ 127/toàn tỉnh 48,37% bằng: 0,26% (so với người Mông chiếm 0,1%).

Trong đó:

- Trình độ trung cấp: 82 người/23.755 người toàn tỉnh chiếm 0,3%.

+ Đại học, cao đẳng: 11 người/6.131 chiếm 0,17% toàn tỉnh.

5- Tình hình đời sống: (theo số liệu báo cáo kết quả điều tra kinh tế và đời sống nông thôn năm 1989)

Tại huyện Văn Chấn Hoàng Liên Sơn:

+ Vùng cao thu nhập bao gồm 1 người là 11.974 đồng/tháng trong khi đó vùng thấp là 26.516 đồng).

Nếu so với các dân tộc:

- Kinh là 27.203 đồng/tháng.

- Tày 23.049 đồng/tháng.

- Thái 15.336 đồng/tháng.

- Dao 12.034 đồng/tháng.

- Thấp nhất Mông 11.068 đồng/tháng.

(Kinh gấp 2,45 lần so với Mông).

- Nguyên nhân của thu nhập chênh lệch là cơ cấu các nguồn thu nhập không đều, tính chất sản xuất độc canh, ngành nghề chưa phát triển.

+ Thu nhập từ nông nghiệp (tính chung điều tra) chiếm 60,17% trong đó Mông 68,7% (trồng trọt 84,04%, chăn nuôi 15,16%).

- Từ lâm nghiệp (chung toàn tỉnh) 15,01% (Mông là 23,6%).

- Từ kinh doanh khác chiếm 8,45% (Mông là 0,06%).

SỐ LIỆU DÂN DI BIẾN ĐỘNG
TỪ QUÝ IV-1991 ĐẾN 19-4-1991
TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN

Đi trong - ngoài tỉnh	Hộ	Nhân khẩu	Ghi chú
Tổng số:	820	4432	Chưa nắm hết số nhân khẩu
- Trong tỉnh	486	2199	
- Ngoài tỉnh	334	2233	
I. Đi trong nội tỉnh	486	2199	
1- Bắc Hà đi huyện Văn Bàn	93	612	
- Bắc Hà đi huyện Bảo Yên	72	469	
- Bắc Hà đi huyện Mường Khương	15	92	
- Bắc Hà đi huyện Văn Yên	32	68	
2- Mù Căng Chải đi huyện Văn Bàn	36	219	
- Mù Cang Chải đi Tân Uyên	34	196	
3- Sa Pa đi Văn Bàn	31	170	
- Sa Pa đi Tân Uyên	34		
4- Bảo Thắng đi Bảo Yên	6	52	
- Bảo Thắng đi Văn Yên	23	59	
5- Văn Chấn đi Văn Yên	50		
- Văn Chấn đi Trấn Yên	20		
6- Văn Bàn đi Văn Yên	34	170	
7- Văn Yên đi Bảo Yên	5	28	

8- Thị xã Lào Cai đi Văn Bàn	6	40	
II. Đi ra ngoài tỉnh	334	2.233	Riêng tỉnh Thanh Hóa dân Hoàng Liên Sơn sang là 98 hộ (chưa nắm hết)
1- Bảo Hà đi Lai Châu, Sơn La	139	1273	
2- Trạm Tấu đi Thanh Hóa – Sơn La	48	293	
3- Văn Yên đi Sơn La	8	64	
4- Bắc Hà đi Hà Tuyên	9		
5- Bảo Yên đi Hà Tuyên	26	153	
6- Văn Chấn đi Thanh Hóa - Vĩnh Phú	35		
7- Mù Cang Chải đi Sơn La - Lai Châu - Thanh Hóa	62	451	
8- Sa Pa đi Lào	7		

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991

Về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của
Quốc hội chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh

Tỉnh Hoàng Liên Sơn được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ đến nay đã được 15 năm. Trong 15 năm qua, thực hiện chủ trương hợp nhất tỉnh, của Đảng và Nhà nước, trong hoàn cảnh đất nước vừa ra khỏi các cuộc chiến tranh đầy gian khổ, hy sinh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết phấn đấu kiên cường, dũng cảm vượt qua nhiều khó khăn thử thách trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lập nhiều thành tích về phát triển kinh tế, xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh, nhất là trong 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, tạo nên truyền thống tốt đẹp của một tỉnh hợp nhất.

Nay thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, xuất phát từ yêu cầu xây dựng đất nước giàu mạnh và từ nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Quốc hội đã quyết định chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh, lấy tên là tỉnh Lào Cai gồm: Thị xã Lào Cai, các huyện: Sa Pa, Bát Xát, Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Yên, Văn Bàn, Than Uyên và tỉnh Yên Bái gồm: Thị xã Yên Bái, các huyện: Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình. Địa giới mỗi tỉnh lấy theo địa giới hiện tại của các huyện và

sử dụng theo bản đồ quốc gia quy định. Để lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện việc chia tỉnh là một chủ trương lớn, nhiệm vụ trung tâm đột xuất phải bảo đảm khẩn trương, nghiêm túc, đoàn kết, hợp tác, công bằng, dân chủ, công khai và trách nhiệm, trên cơ sở thống nhất cao trong Đảng, trong cơ quan nhà nước và cán bộ, công nhân viên. Ban Chấp hành Tỉnh ủy quyết định những chủ trương và nguyên tắc lớn để lãnh đạo việc chia tỉnh như sau:

1. Mục đích yêu cầu và nguyên tắc chung

- Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nhận thức một cách sâu sắc, đúng đắn và đầy đủ mục đích của việc chia tỉnh là nhằm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo và quản lý, bảo đảm sâu sắc, khắc phục quan liêu, để xây dựng tỉnh giàu mạnh. Xây dựng và phát huy tốt truyền thống đoàn kết, hợp tác phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh của một tỉnh hợp nhất trong 15 năm qua, coi đó là tài sản quý giá phải được bảo vệ và phát huy cả trước mắt và lâu dài, nhằm phát huy thế mạnh của mỗi tỉnh, hợp tác xây dựng mỗi tỉnh giàu mạnh. Nghiêm cấm mọi hành vi gây tổn hại đến tình đoàn kết keo sơn của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn đã được xây dựng và trải qua thử thách trong 15 năm qua.

- Mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi cán bộ công nhân, nhân viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm chung, tuân theo sự phân công của Đảng và ý thức xây dựng, trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ để xây dựng bộ máy tổ chức, bố trí cán bộ của mỗi tỉnh, bảo đảm nhanh chóng ổn định và đủ sức lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ đổi mới theo Nghị quyết Đại hội VII của Đảng.

Phải đề cao tinh thần tự giác, vượt qua khó khăn gian khổ, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, bảo đảm vừa đổi mới, vừa có tính kế thừa và phải tuân theo sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Tỉnh ủy và của Ban Chỉ đạo chia tỉnh. Đề

phòng, ngăn ngừa và nghiêm cấm mọi biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị, hẹp hòi, cơ hội, thoái thác nhiệm vụ và lợi dụng lúc chia tỉnh để làm những việc sai trái, kích động chia rẽ, làm thất thoát tài sản xã hội chủ nghĩa.

- Bảo đảm nghiêm túc việc chia tài sản một cách công bằng, hợp lý dân chủ, công khai, có sự ưu tiên về số lượng, chất lượng đối với tỉnh Lào Cai, tạo thuận lợi để tỉnh Lào Cai nhanh chóng đi vào ổn định và hoạt động tốt. Phòng ngừa và chống mọi hành động phân tán, làm thất thoát tài chính, tài sản. Mọi khoản chi tiêu, sử dụng tài chính, tài sản phải theo đúng chính sách chế độ của Nhà nước và đúng những quy định của tỉnh. Giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời mọi hành động vi phạm chính sách, pháp luật.

- Trong lúc chia tỉnh phải vừa tích cực, khẩn trương, vừa bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động kinh tế, xã hội, trật tự an ninh, phục vụ sản xuất, đời sống, giữ vững ổn định chính trị xã hội, không được để có thời gian gián đoạn. Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh sản xuất, chuẩn bị và tiến hành tốt Đại hội các cấp vòng II... Chú trọng chăm lo tốt đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ trong khi chia tỉnh.

2. Một số chủ trương và nguyên tắc lớn trong việc chia tỉnh

a) Các đơn vị phải chia gồm:

- Các cơ quan lãnh đạo tỉnh như Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.
- Các ban và cơ quan của Tỉnh ủy, các đoàn thể quần chúng.
- Các cơ quan quản lý nhà nước.
- Các công ty và cơ sở kinh doanh, dịch vụ và khoa học - kỹ thuật hoạt động phục vụ trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Về tổ chức và cán bộ, đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu nhằm đổi mới một bước về chất lượng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực, cần thực hiện tốt như sau:

- Bộ máy tổ chức các sở, ban, ngành của tỉnh Lào Cai cần vận dụng Quyết định 109 của Hội đồng Bộ trưởng được xây dựng và hình thành không nhất thiết tỉnh Hoàng Liên Sơn có ban, ngành nào thì tỉnh Lào Cai cũng có ban, ngành đó, để tránh phải sắp xếp lại sau này. Đối với tỉnh Yên Bái sẽ sắp xếp lại bộ máy, giảm biên chế sau. Biên chế phải tinh gọn và biên chế của hai tỉnh không tăng so với biên chế của tỉnh Hoàng Liên Sơn.

- Tất cả các cơ quan sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh phải giữ nguyên biên chế hiện có và phải căn cứ vào yêu cầu để chia cán bộ, nhân viên cho mỗi sở, ban, ngành của mỗi tỉnh, bảo đảm số lượng, chất lượng cần thiết, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chỉ đạo và chuyên môn nghiệp vụ. Từ ngày 31-8-1991 cấm tuyển chuyển, điều động cán bộ và không tuyển dụng mới, những nơi cần tuyển chuyển, tuyển dụng các tỉnh mới sẽ làm sau. Nghiêm cấm việc lợi dụng chia tỉnh để nâng lương cho cán bộ lãnh đạo, nhân viên. Việc đề bạt, bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo và nâng lương nói chung do các tỉnh mới xem xét quyết định. Trường hợp cần thiết phải đề bạt cán bộ trong lúc chia tỉnh do Ban Chỉ đạo xem xét, kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn quyết định.

- Đề phòng và khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị, cơ hội, ngại khó, ngại khổ, chống tư tưởng cho rằng cán bộ trước đây công tác ở tỉnh nào nay để tỉnh đó. Đề cao ý thức trách nhiệm xây dựng chung cho cả hai tỉnh để cùng hoàn thành nhiệm vụ. Những cán bộ tự nguyện lên Lào Cai công tác nên được khuyến khích và tạo thuận lợi cho anh em.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức lên công tác ở tỉnh Lào Cai, một tỉnh miền núi, biên giới, bước đầu sẽ gặp nhiều khó khăn, cần xây dựng và kiến nghị chính sách trợ cấp thỏa đáng. Nếu cán bộ chuyển lên Lào Cai mà gia đình vẫn ở lại Yên Bái thì vẫn được bảo đảm thuận lợi như gia đình cán bộ công tác ở tỉnh Yên Bái.

Cán bộ về hưu và nhân dân muốn trở lại cư trú ở tỉnh Lào Cai thì làm tốt các thủ tục quản lý hành chính quy định.

- Các đồng chí cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành ở lại công tác tỉnh Yên Bái có trách nhiệm chăm lo, tạo thuận lợi cho đến khi ngành mình thuộc tỉnh Lào Cai cơ bản ổn định ăn ở và công tác.

- Không đặt vấn đề liên hoan chia tay người ở người đi, chủ yếu là thể hiện tốt tình cảm đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, không mua vật kỷ niệm, không phô trương lãng phí trong khi đời sống nhân dân đang rất khó khăn.

c) Về tài sản phải thực hiện nghiêm túc các chủ trương và quy định sau đây:

- Phải kiểm kê toàn bộ tài sản của các cơ quan sở, ban, ngành, đoàn thể và các công ty phải chia trên cơ sở kết quả kiểm kê năm 1990 cộng thêm phần mới mua sắm bổ sung từ ngày 1-1-1991 đến 31-8-1991.

Lập phương án chia động sản cho mỗi tỉnh để sử dụng theo nguyên tắc chung là chia đôi và hợp lý, có phần ưu tiên về số lượng và về chất lượng đối với tỉnh Lào Cai, vì phải xây dựng mới.

Nghiêm cấm việc phân tán tài sản xuống cơ sở nhượng bán chuyển giao cho cá nhân, hoặc bán ra ngoài, cấm để quỹ ngoài sổ sách kế toán... Ngừng mua sắm tài sản kể từ 1-9-1991, nếu thiếu sẽ mua sắm sau khi đã bàn giao tài sản cho mỗi tỉnh xong.

- Ủy ban Kế hoạch và từng ngành tiến hành chia các chỉ tiêu kế hoạch năm 1991 cho mỗi tỉnh trên cơ sở lãnh thổ và dân cư (kể cả vật tư, tài chính và vốn đầu tư), bàn giao cho mỗi tỉnh để tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo tỉnh mới.

- Việc cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải theo đúng danh mục công trình đã được xét duyệt (1991) có tính toán phân trợt giá hợp lý.

Lập ngay kế hoạch xin cấp vốn bổ sung năm 1991 để xây dựng một số nhà tạm và trang bị bảo đảm nơi làm việc, ăn ở cho các cơ quan tỉnh Lào Cai và một phần trang bị thiếu sau khi chia của tỉnh Yên Bái.

- Chia và bàn giao cho mỗi tỉnh các số liệu cơ bản, số liệu lịch sử kinh tế, xã hội, quân sự, an ninh, Đảng, đoàn thể để bàn giao cho mỗi tỉnh quản lý, sử dụng. Bảo quản lưu trữ tốt các tài liệu, coi đó là tài sản đặc biệt để mỗi tỉnh khai thác sử dụng lâu dài và tài liệu chung của tỉnh Hoàng Liên Sơn giao cho Yên Bái lưu trữ.

Chia đôi quỹ dự trữ của tỉnh và quỹ kết dự cho mỗi tỉnh bằng hiện vật (nếu là dự trữ hiện vật) và bằng tiền. Đồng thời chia quỹ vật tư hàng hóa thuộc kế hoạch năm 1991 cho mỗi tỉnh trên cơ sở định mức sử dụng vật tư để mỗi tỉnh quản lý sử dụng như xăng dầu, dược phẩm, lương thực, hàng hóa thiết yếu. Riêng phân bón, thuốc trừ sâu chia theo doanh số.

- Ủy ban Kế hoạch tỉnh xây dựng kế hoạch nhà nước năm 1992 về tiền vốn đầu tư, vật tư hàng thiết yếu và xuất nhập khẩu cho mỗi tỉnh để kịp báo cáo bảo vệ kế hoạch với Ủy ban Kế hoạch nhà nước, còn những nội dung khác do mỗi tỉnh xây dựng sau.

+ Đối với trường Đảng, Trường Hành chính, Trung tâm đào tạo tại chức, trường trung học vùng cao, các trường trung sơ cấp và công nhân kỹ thuật trước mắt chưa chia mà vẫn phải có trách nhiệm nhận nhiệm vụ đào tạo cho cả hai tỉnh, cho đến khi tỉnh Lào Cai có đủ điều kiện sẽ có kế hoạch tiến hành chia sau.

+ Việc chia một số cơ sở sự nghiệp và các công ty hoạt động và phục vụ chung của tỉnh Hoàng Liên Sơn giao cho tiểu ban chia tài sản chỉ đạo cụ thể.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo chỉ đạo tất cả những phương án chia trên đây phải được xây dựng một cách đầy đủ cho mỗi tỉnh, trên cơ sở số liệu kiểm kê phát huy tốt dân chủ, công khai, công bằng, hợp lý và phải báo cáo để xét duyệt trước khi thi hành. Mọi tài sản trước và sau khi bàn giao phải có chế độ quản lý chặt chẽ, có biên bản giao cụ thể, lưu ở mỗi tỉnh, tuyệt đối tránh thất thoát hư hỏng. Mọi vi phạm phải được xem xét, xử lý nghiêm minh, kịp thời.

+ Đối với các ngành do Trung ương quản lý theo ngành dọc cần

làm việc với ngành để thống nhất chủ trương, nguyên tắc chia cán bộ và tài sản bảo đảm tốt các yêu cầu nói trên.

- Các cơ quan quản lý tổng hợp và các cơ quan kiểm tra, kiểm soát phải phát huy tốt chức năng để bảo vệ an toàn tài sản trong suốt quá trình phân chia giao nhận.

3. Về các cơ quan lãnh đạo tỉnh

- Đề nghị Ban Bí thư quyết định thành lập Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời cho mỗi tỉnh với số lượng cấp ủy viên về cơ bản gồm các đồng chí cấp ủy viên trong Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn. Để thực hiện đổi mới một bước trong cấp ủy. Các đồng chí tuổi cao, sức yếu thôi không tham gia Ban Chấp hành lâm thời và đề nghị bổ sung cấp ủy viên ở một số ngành cần thiết. Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt công tác trong mỗi tỉnh cho đến Đại hội vòng 2 của mỗi tỉnh.

- Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cần có phương án bầu cử thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trình thường vụ Tỉnh ủy sẽ duyệt trước và báo cáo xin ý kiến Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng trước khi thi hành.

- Lãnh đạo tốt Hội đồng nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn họp bất thường để thống nhất chủ trương, biện pháp thực hiện chia tỉnh và quyết định những công việc cần thiết theo luật định.

- Các đoàn thể và Mặt trận cần làm tốt công tác nhân sự để thành lập Ban Chấp hành lâm thời của mỗi tỉnh. Chỉ định Ban Chấp hành Đảng ủy lâm thời các đảng ủy. Cơ quan tỉnh, Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh cho mỗi tỉnh và bàn giao các Đảng ủy trực thuộc tỉnh như Đảng ủy Mỏ apatít, Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn, Bộ đội biên phòng cho Tỉnh ủy Lào Cai quản lý.

4. Chỉ đạo thực hiện

Để thực hiện tốt chủ trương chia tỉnh, với tinh thần tích cực,

khẩn trương để đến 1-10-1991 các tỉnh mới bắt đầu hoạt động, Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo như sau:

- Thành lập Ban chỉ đạo chung gồm: Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, Ban chỉ đạo có nhiệm vụ làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn trong việc lãnh đạo và chỉ đạo mọi mặt công tác thuộc về lĩnh vực chia tỉnh (...) cơ bản xong trong tháng 9-1991.

- Thành lập 2 tiểu ban để giúp chỉ đạo tốt hai mặt công tác lớn như sau:

- + Tiểu ban nhân sự và tư tưởng, gồm đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, một số đồng chí lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ chỉ đạo việc chia cán bộ, nhân viên cho hai tỉnh. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền có nhiệm vụ phối hợp hướng dẫn, tổng hợp kết quả chia cán bộ và định lịch báo cáo cho Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt theo chế độ phân cấp cán bộ đã quy định.

- + Tiểu ban tài sản gồm các đồng chí: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Nguyễn Quý Đăng, Hoàng Công Dung, Thào A Tráng, Nguyễn Thiệp và lãnh đạo một số ngành cần thiết do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, do đồng chí Nguyễn Quý Đăng làm Trưởng tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ chỉ đạo tốt việc kiểm kê và chia tài sản báo cáo Ban Thường vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt cho mỗi tỉnh quản lý sử dụng.

5. Một số đề nghị lên Trung ương

Đề nghị Ban Bí thư, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng một số việc sau:

- + Duyệt địa điểm cụ thể tỉnh lỵ Lào Cai (do tỉnh Lào Cai quy hoạch và kiến nghị).
- + Cấp một số vốn bổ sung cho kế hoạch năm 1991 để đáp ứng nhu cầu tập kết cán bộ tỉnh Lào Cai.
- + Xây dựng và đề nghị Trung ương duyệt chính sách trợ cấp cho cán bộ và gia đình cán bộ chuyển lên Lào Cai công tác.
- + Cho sắp xếp bộ máy và biên chế tỉnh Lào Cai được vận dụng theo Quyết định 109 của Hội đồng Bộ trưởng (cần lập phương án cụ thể để báo cáo Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt).
- + Đề nghị Ban Bí thư cho thành lập Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời của tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái và cho hoãn thời gian Đại hội Đảng bộ hai tỉnh sang quý I năm 1992.
- + Đề nghị Nhà nước cho phép tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái bắt đầu chính thức hoạt động từ 1-10-1991.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 372-TB/TU, ngày 19-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh Đoàn
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12 - NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

- 1- Tỉnh đoàn Yên Bái gồm có đồng chí:
 - Đồng chí Nguyễn Văn Hoà, Bí thư
 - 2- Tỉnh đoàn Lào Cai gồm có đồng chí:
 - Đồng chí Nguyễn Văn Tuyết, Ủy viên Thường vụ, phụ trách
- Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 366-TB/TU, ngày 19-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Dân vận -
dân tộc hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Ban Dân vận - dân tộc Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Trưởng ban
- Đồng chí Phàn Thị Hoa, Phó Trưởng ban
- Đồng chí Đinh Đình Phiệt, Phó Trưởng ban

Được phân công:

1- Ban Dân vận - dân tộc tỉnh Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Hà Đình Khiêm
- Đồng chí Đinh Đình Phiệt

2- Ban Dân vận - dân tộc tỉnh Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Phàn Thị Hoa

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 367-TB/TU, ngày 19-9-1991

Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Kinh tế
Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 12-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Ban Kinh tế Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Trưởng ban
- Đồng chí Dương Đình Ưông, Phó Trưởng ban

Được phân công:

1- Ban Kinh tế Tỉnh ủy Yên Bái gồm có đồng chí:

- Đồng chí Dương Đình Ưông

2- Ban Kinh tế Tỉnh ủy Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Nguyễn Đức Thăng

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 368-TB/TU, ngày 19-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Văn phòng Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Phạm Đạo, Chánh Văn phòng
- Đồng chí Bùi Bằng Thịnh, Phó Văn phòng
- Đồng chí Nguyễn Đức Tùy, Phó Văn phòng

Được phân công:

1- Văn phòng Tỉnh ủy Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Phạm Đạo
- Đồng chí Nguyễn Đức Tùy

2- Văn phòng Tỉnh ủy Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Bùi Bằng Thịnh

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 369-TB/TU, ngày 19-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Lê Huy Hợp, Trưởng ban
- Đồng chí Đào Văn Ty, Phó Trưởng ban
- Đồng chí Sần Tráng, Phó Trưởng ban

Được phân công:

1- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Lê Huy Hợp
- Đồng chí Đào Văn Ty

2- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Sần Tráng

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 370-TB/TU, ngày 19-9-1991

Về việc phân công cán bộ lãnh đạo
Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Trần Bá Châu, Chủ nhiệm
- Đồng chí Lê Ngọc Ban, Phó Chủ nhiệm
- Đồng chí Hoàng Ngọc Lộc, Phó Chủ nhiệm
- Đồng chí Hoàng Thị Đình, Phó Chủ nhiệm

Được phân công:

1- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Trần Bá Châu
- Đồng chí Hoàng Thị Đình

2- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Lê Ngọc Ban
- Đồng chí Hoàng Ngọc Lộc

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 371-TB/TU, ngày 19-9-1991

Về việc phân công cán bộ lãnh đạo
Ban Tổ chức Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Tiêu Đức Hội, Trưởng ban
- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Trưởng ban
- Đồng chí Mai Văn Mùi, Phó Trưởng ban
- Đồng chí Lương Đình Công, Phó Trưởng ban

Được phân công:

1- Ban Tổ chức Tỉnh ủy Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Tiêu Đức Hội
- Đồng chí Mai Văn Mùi
- Đồng chí Lương Đình Công

2- Ban Tổ Tỉnh ủy Lào Cai gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 372/TB-TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh Đoàn
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí phân công như sau:

- 1- Tỉnh Đoàn Lào Cai gồm có đồng chí:
 - Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Bí thư
 - 2- Tỉnh Đoàn Yên Bái gồm có đồng chí:
 - Đồng chí Nguyễn Văn Tuyết, Ủy viên Thường vụ, phụ trách
- Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 373-TB/TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Liên đoàn Lao động
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Liên đoàn Lao động tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Đỗ Văn Liên, Chủ tịch
- Đồng chí Vũ Khang, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Đàm Xuân Đông, Phó Chủ tịch

Được phân công:

1- Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Đỗ Văn Liên
- Đồng chí Vũ Khang

2- Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Đàm Xuân Đông

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 374-TB/TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Hà Phú An, Chủ tịch
- Đồng chí Hà Lát, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Trần Niên, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Đỗ Triết Lâm, Phó Chủ tịch

Được phân công:

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Hà Phú An, Chủ tịch
- Đồng chí Trần Niên, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Đỗ Triết Lâm, Phó Chủ tịch

2- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Hà Lát, Quyền Chủ tịch

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 375-TB/TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh Hội Phụ nữ
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Tỉnh Hội Phụ nữ Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Hội trưởng
- Đồng chí Trần Thị Áo, Phó Hội trưởng

Được phân công:

- 1- Tỉnh Hội Phụ nữ Yên Bái gồm có đồng chí:

Trần Thị Áo, Hội phó phụ trách

- 2- Tỉnh Hội Phụ nữ Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Hội trưởng

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 376-TB/TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Hội Nông dân
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Hội Nông dân tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Trần Văn Luân, Chủ tịch
- Đồng chí Hoàng Thị Khước, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Thào Văn Chấn, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Tưởng Văn Thơ, Phó Chủ tịch

Được phân công:

1- Hội Nông dân tỉnh Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Hoàng Thị Khước, Phó Chủ tịch - phụ trách
- Đồng chí Tưởng Văn Thơ, Phó Chủ tịch

2- Hội Nông dân tỉnh Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Trần Văn Luân, Chủ tịch
- Đồng chí Thào Văn Chấn, Phó Chủ tịch

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 377-TB/TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ lãnh đạo Hội Cựu chiến binh
hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai**

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13-9-1991 về bố trí nhân sự, đã nhất trí như sau:

Hội Cựu chiến binh tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí:

- Đồng chí Hoàng Diệm, Chủ tịch
- Đồng chí Tống Chư, Phó Chủ tịch
- Đồng chí Thào A Tráng, Phó Chủ tịch

Được phân công:

1- Hội Cựu chiến binh tỉnh Yên Bái gồm có các đồng chí:

- Đồng chí Hoàng Diệm, Chủ tịch
- Đồng chí Nguyễn Thanh Sơn

2- Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai gồm có đồng chí:

- Đồng chí Tống Chư, Quyền Chủ tịch
- Đồng chí Hoàng Hạt

Vậy thông báo để các đồng chí thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 378-TB/TU, ngày 20-9-1991

**Về việc phân công cán bộ các sở, ban, ngành
của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn

- Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về lãnh đạo, chỉ đạo việc chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái;
- Căn cứ Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn ngày 13-9-1991 về việc phân công cán bộ các sở, ban, ngành của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái;
- Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị và khả năng cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn quyết định phân công cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái như sau:

I. PHÂN CÔNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO ĐƯƠNG CHỨC

1. Sở Tài chính - vật giá

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm kiêm Giám đốc Sở Tài chính - vật giá

- Đồng chí Nguyễn Văn Vạn, Phó Giám đốc Sở Tài chính - vật giá Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Hoàng Thị Chiên, Giám đốc Sở Tài chính - vật giá tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Lê Đình Cầm, Phó Giám đốc Sở Tài chính - vật giá tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

2. Sở Nông - lâm nghiệp

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Đặng Quốc Lộng, Phó Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc Sở.

- Đồng chí Đặng Văn Nghiết, Phó Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng, Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Trần Quyết, Phó Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Trần Viết Hưởng, Phó Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Phạm Tùng Sâm, Phó Giám đốc Sở Nông - lâm nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

3. Sở Công nghiệp

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Hoàng Đức Tiêu, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt, Giám đốc Sở Công nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.
- Đồng chí Dương Văn Xuyên, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.
- Đồng chí Nguyễn Đức Dung, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

4. Sở Xây dựng

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Đào Văn Ngoạn, Giám đốc Sở Xây dựng Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Đặng Sơn, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hoàng Liên Sơn, nay làm Quyền Giám đốc Sở.
- Đồng chí Nguyễn Mạnh Hiệp, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.
- Đồng chí Lê Thơ, Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

5. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Hoàng Phú Khèn, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Hữu Bảy, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội Hoàng Liên Sơn nay là Phó Giám đốc, phụ trách Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh.

- Đồng chí Nguyễn Thế Dũng, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

6. Sở Giáo dục

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Trần Văn Phúc, hiện là Phó Giám đốc Sở Giáo dục Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Lê Đôn, Giám đốc Sở Giáo dục Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Thị Bài, Phó Giám đốc Sở Giáo dục Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Hà Đình In, Phó Giám đốc Sở Giáo dục Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

7. Ban Kế hoạch

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Bùi Quang Vinh, Phó Trưởng ban Kế hoạch Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Trưởng ban.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Đỗ Tuất, Trưởng ban Kế hoạch Hoàng Liên Sơn, nay làm Trưởng ban.

- Đồng chí Lê Kinh, Phó Trưởng ban Kế hoạch Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Trưởng ban.

- Đồng chí Nguyễn Hữu Long, Ủy viên Ban Kế hoạch Hoàng Liên Sơn, nay làm Ủy viên Ban Kế hoạch tỉnh.

- Đồng chí Lưu Văn Kế, Ủy viên Ban Kế hoạch Hoàng Liên Sơn, nay làm Ủy viên Ban Kế hoạch tỉnh.

8. Sở Giao thông vận tải - Bưu điện

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Nguyễn Kim Cương, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Bưu điện Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Phan Văn Giới, Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Trần Võ Hoá, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

9. Sở Văn hóa thông tin - thể thao

A. Tỉnh Lào Cai: Bố trí cán bộ lãnh đạo mới

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Trần Nam, Giám đốc Sở Văn hóa thông tin - Thể thao Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Liên, Phó Giám đốc Sở Văn hóa thông tin - Thể thao Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Đăng Mạnh, Phó Giám đốc Sở Văn hóa thông tin - Thể thao Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Văn Kinh, Phó Giám đốc Sở Văn hóa thông tin - Thể thao nghỉ hưởng chế độ hưu trí.

10. Sở Y tế

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Lý Hán Minh, Phó Giám đốc Sở Y tế Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Ngô Thị Hương, Giám đốc Sở Y tế Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Duy Thản, Phó Giám đốc Sở Y tế Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Minh Tâm, Phó Giám đốc Sở Y tế Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

11. Sở Thương nghiệp

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Nguyễn Mạnh Diệm, Phó Giám đốc Sở Thương nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc Sở.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Văn Ý, Giám đốc Sở Thương nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Đình Ấp, Phó Giám đốc Sở Thương nghiệp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

12. Sở Thủy lợi

A. Tỉnh Lào Cai: Bố trí cán bộ lãnh đạo mới

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Phạm Văn Giá, Giám đốc Sở Thủy lợi Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Tiến Mão, Phó Giám đốc Sở Thủy lợi Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

- Đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Phó Giám đốc Sở Thủy lợi Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

13. Ban Khoa học - kỹ thuật

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Ngô Trọng Mỹ, Phó ban Khoa học - kỹ thuật Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Trưởng ban.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Phan Hồng Thực, Chủ nhiệm Ban Khoa học - kỹ thuật Hoàng Liên Sơn, nay làm Trưởng ban.
- Đồng chí Nguyễn Văn Kết, Phó Chủ nhiệm Ban Khoa học - kỹ thuật Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó ban.

14. Ban Tổ chức chính quyền

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Nguyễn Quang Khải, Phó Trưởng ban Tổ chức chính quyền Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Trưởng ban.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Văn Tích, Trưởng ban Tổ chức chính quyền Hoàng Liên Sơn, nay làm Trưởng ban.
- Đồng chí Nguyễn Văn Mai, Phó Trưởng ban Tổ chức chính quyền Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó ban.

15. Trọng tài kinh tế

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Đặng Văn Luy, Phó Chủ tịch Trọng tài kinh tế Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Chủ tịch trọng tài.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Phó Chủ tịch Trọng tài kinh tế Hoàng Liên Sơn, nay phụ trách Trọng tài kinh tế tỉnh.

16. Thanh tra tỉnh

A. Tỉnh Lào Cai: Bố trí cán bộ lãnh đạo mới

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Văn Đồng, Chánh Thanh tra tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Chánh Thanh tra.

- Đồng chí Trần Ngọc Huỳnh, thực hiện thủ tục bổ nhiệm cán bộ theo pháp lệnh Thanh tra Nhà nước.

17. Cục Thống kê

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Lê Trọng Mẫn, Cục phó Cục Thống kê Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Cục trưởng.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Lã Văn Chỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê Hoàng Liên Sơn, nay làm Cục trưởng.

- Đồng chí Nguyễn Văn Cống, Phó cục trưởng Cục Thống kê Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Cục trưởng.

18. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

A. Tỉnh Lào Cai: Bố trí cán bộ lãnh đạo mới

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đồng chí Lê Văn Nhân, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đồng chí Bùi Quang Liễu, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

19. Sở Tư pháp

A. Tỉnh Lào Cai: Bố trí cán bộ lãnh đạo mới

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Lê Xuân Đông, Giám đốc Sở Tư pháp Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc Sở.

- Đồng chí Vũ Trọng Chiến, Phó Giám đốc Sở Tư pháp Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc Sở.

20. Đài phát thanh

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Bùi Duy Nhiễm, Phó Giám đốc Đài Phát thanh truyền hình Hoàng Liên Sơn, nay Quyền Giám đốc.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Thanh Vân, Giám đốc Đài Phát thanh truyền hình Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc.

21. Công an tỉnh

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Giàng Seo Dín, Phó Giám đốc Sở Công an Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc.

- Đồng chí Bùi Anh Xuân, Phó Giám đốc Sở Công an Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc.

- Đồng chí Hoàng Minh Ngọc, Trưởng phòng Tình báo Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc.

- Đồng chí Hoàng Công Tế, Trưởng Công an thị xã Lào Cai, nay làm Phó Giám đốc.

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Quảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng, nay làm Phó Giám đốc.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Hoàng Ngọc Tuyển, Giám đốc Sở Công an Hoàng Liên Sơn, nay làm Giám đốc.

- Đồng chí Nguyễn Trọng Soạn, Phó Giám đốc Sở Công an Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc.

- Đồng chí Hà Minh Nhớ, Trưởng phòng Cảnh sát Công an Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc.

- Đồng chí Nguyễn Văn Việt, Trưởng phòng An ninh Công an Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Giám đốc.

22. Ban chỉ huy Quân sự tỉnh

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Lý Quang Cấn, Chỉ huy trưởng.

- Đồng chí Nguyễn Thành Tín, Phó chỉ huy - chính trị.

- Đồng chí Cao Bá Hùng, Phó chỉ huy - Tham mưu trưởng.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Đình Xanh, Chỉ huy trưởng.

- Đồng chí Nguyễn Mạnh Đức, Phó chỉ huy - Tham mưu trưởng.

- Đồng chí Sa Minh Chắc, Phó chỉ huy - chính trị.

23- Tòa án nhân dân tỉnh

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Nguyễn Đình Lưu, Phó Chánh án Tòa án tỉnh Hoàng Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Chánh án.

- Đồng chí Chu Văn Tiếp, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Phó Chánh án.

- Đồng chí Hoàng Văn Thái, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

- Đồng chí Nguyễn Thị Mão, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

- Đồng chí Hà Xuân Tiếu, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Hoàng Đình Quốc, Chánh án Tòa án tỉnh Hoàng

Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Chánh án.
Nguyễn Mạnh Thắng, Phó Chánh án Tòa án tỉnh Hoàng Liên Sơn
nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Phó Chánh án.

- Đồng chí Hoàng Hữu Thắng, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng
Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

- Đồng chí Lý Đình Tiến, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên
Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

- Đồng chí Đinh Thị Long, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên
Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

- Đồng chí Trần Xuân Dự, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng Liên
Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

- Đồng chí Đinh Thị Hoan, Thẩm phán Tòa án tỉnh Hoàng
Liên Sơn nay giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Thẩm phán.

24. Hội Văn học nghệ thuật

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Lò Ngân Sủn, Phó Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật
Hoàng Liên Sơn, nay phân công Quyền Chủ tịch Hội Văn học nghệ
thuật tỉnh.

B. Tỉnh Yên Bái

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Bái, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật
Hoàng Liên Sơn, nay làm Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh.

25. Hội nhà báo

A. Tỉnh Lào Cai

Sẽ thành lập mới hoạt động theo Điều lệ của Hội do Tỉnh ủy
Lào Cai chỉ đạo.

B. Tỉnh Yên Bái

Chuyển Hội nhà báo tỉnh Hoàng Liên Sơn thành Hội nhà báo
tỉnh Yên Bái.

26. Viện Kiểm sát

A. Tỉnh Lào Cai

- Đồng chí Triệu Viết Hanh, Phó viện trưởng Viện Kiểm sát Hoàng Liên Sơn, nay làm Viện trưởng.

B. Tỉnh Yên Bái

1- Đồng chí Hà Đình Giai, Viện trưởng Viện Kiểm sát Hoàng Liên Sơn, nay làm Viện trưởng.

2- Đồng chí Ngô Xuân Thắng, Phó viện trưởng Viện Kiểm sát Hoàng Liên Sơn, nay làm Phó Viện trưởng.

II. VỀ PHÂN CÔNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN KHOA HỌC DỊCH VỤ VÀ CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH

Căn cứ vào Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991 của Tỉnh ủy về lãnh đạo và chỉ đạo việc chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

Căn cứ vào tình hình đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của mỗi tỉnh, với khả năng số cán bộ hiện có ở các cơ quan khoa học dịch vụ và các đơn vị sản xuất kinh doanh hiện nay.

Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu để sắp xếp bộ máy tổ chức và phân công cán bộ lãnh đạo cho các cơ quan khoa học dịch vụ và các đơn vị sản xuất kinh doanh cho hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái hoạt động.

Đối với các cơ quan như:

- 1- Ngân hàng.
- 2- Cục Thuế.
- 3- Chi cục Kho bạc.
- 4- Hải quan tỉnh.

Ủy ban nhân dân có văn bản thống nhất với ngành dọc cấp trên bổ nhiệm.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng Sở Y tế có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chia và thành lập Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Thông báo trên thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 70b-BC/TU, ngày 25-9-1991

Về tổng quát 16 năm tỉnh Hoàng Liên Sơn

Tỉnh Hoàng Liên Sơn hợp nhất từ ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Nghĩa Lộ đến nay đã được 16 năm. Với đặc điểm của một tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều dân tộc, lại trực tiếp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hoàn cảnh có rất nhiều khó khăn và thử thách nghiêm trọng. Song với sức mạnh tổng hợp của một tỉnh hợp nhất quân và dân các dân tộc Hoàng Liên Sơn đã đoàn kết nhất trí dưới sự lãnh đạo của tỉnh Đảng bộ, đã vượt qua các bước đường phấn đấu vươn lên giành được nhiều thắng lợi trên các mặt kinh tế - xã hội cũng như về quốc phòng và an ninh. Đồng thời trong những năm qua, dưới ánh sáng của đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, Hoàng Liên Sơn cũng đã có chuyển biến bước đầu quan trọng để đi lên. Đến nay do yêu cầu phát triển của sự nghiệp miền núi, tỉnh Hoàng Liên Sơn được chia thành hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái, chúng ta có dịp nhìn lại tổng quát 16 năm hợp nhất như sau:

I. VỀ THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC

Quá trình hợp nhất Hoàng Liên Sơn trong nhiều năm cũng là quá trình trực tiếp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với những khó

khăn chồng chất. Song, được sự chi viện của Trung ương và các tỉnh kết nghĩa cộng với nỗ lực của bản thân trong sự bổ sung liên kết giữa các vùng, tạo sức mạnh về chất để khắc phục khó khăn và có bước phát triển.

1. Về kinh tế - xã hội, từ sau năm 1979 đã tập trung vào điều chỉnh chiến lược trên các mặt quy hoạch, phân bổ lực lượng sản xuất và dân cư gắn với điều chỉnh cơ cấu đầu tư cùng hệ thống các chính sách nhằm xây dựng cơ sở vật chất và động viên sức người sức của để tăng cường thế phòng thủ.

Trên mặt trận hàng đầu sản xuất nông nghiệp, đã tập trung vào thâm canh đi đôi với khai hoang, tăng vụ, mở rộng diện tích, thay đổi cơ cấu giống và cơ cấu mùa vụ. Nhìn chung tổng diện tích cây hàng năm tăng, và về năng suất cũng là lần đầu tiên Hoàng Liên Sơn đạt trên 5 tấn/ha ở chân ruộng 2 vụ trong 8 năm liên, đánh dấu bước tiến mới tương đối vững chắc trong chỉ đạo thâm canh. Sản lượng lương thực năm cao nhất đạt trên 280 ngàn tấn so với khi hợp nhất là 177 ngàn tấn. Chăn nuôi lợn, trâu, bò đều tăng từ 20 - 80%. Sản xuất công nghiệp sau biến động đã được bố trí lại và có bước phát triển hơn trước, đồng thời đã góp phần vào xây dựng khu công nghiệp trọng điểm tuyến quặng Lào Cai gắn với mở rộng nâng cấp cơ sở hạ tầng tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng nhất là về năng lượng và đường sá giao thông. Một số cơ sở công nghiệp mới được xây dựng, nhằm hướng vào khai thác thế mạnh, gắn công nghiệp với nông nghiệp theo các vùng thông qua chế biến.

Về xây dựng cơ sở vật chất, đã tăng cường đầu tư chiều rộng cũng như chiều sâu, tạo thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật mới và tạo tiền đề để các tỉnh tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Xuất khẩu có chuyển biến bước đầu về nhận thức. Đã hình thành các mặt hàng chủ lực xuất khẩu như chè, quế và một số mặt hàng từ nông, lâm sản. Tổ chức xuất khẩu cũng như thị trường xuất được mở rộng. Giá trị kim ngạch tăng và góp phần quan trọng vào ngân sách địa phương.

Về xã hội, đã tập trung vào giải quyết các khó khăn trong đời sống nhất là đối với biên giới, vùng cao, tập trung cố gắng phục vụ đời sống cho các lực lượng vũ trang, khu mỏ và cho cán bộ, công nhân, viên chức. Nhìn chung đời sống trong các tầng lớp dân cư tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã cố gắng bảo đảm duy trì, vượt qua các kỳ đói kém và so với trước đời sống có được nâng lên nhiều mặt.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế tuy còn thiếu thốn nhưng cũng được tăng cường cơ sở vật chất và mở rộng hoạt động trong các sự nghiệp, chú trọng quan tâm đối với vùng cao nhất là việc mở trường đào tạo con em người dân tộc.

2. Về quốc phòng và an ninh, đã tập trung rất nhiều cố gắng trong xây dựng lực lượng, xây dựng cơ sở vật chất và xây dựng các tuyến hành lang. Đã phát huy truyền thống đoàn kết, huy động sức người sức của, phát huy tinh thần làm chủ, ý thức tự lực, tự cường nhằm củng cố và tăng cường bảo vệ chủ quyền biên giới với các chính sách tăng cường đầu tư, tổ chức chi viện, ưu tiên cung cấp vật tư hàng hóa và tăng cường công tác cán bộ.

Về an ninh, đã tập trung vào củng cố địa bàn, điều chuyển dân cư và chỉ đạo phong trào an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Mặc dù tình hình xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, song đã cố gắng giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội trong nội địa cũng như ở biên giới.

Nhìn chung về quốc phòng và an ninh, đã tập trung mọi cố gắng giữ được ổn định về chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, góp phần tích cực vào việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ hết sức nặng nề và trong hoàn cảnh có rất nhiều khó khăn. Song với truyền thống đoàn kết yêu nước, được tăng thêm sức mạnh của tình hợp nhất, quân và dân các dân tộc Hoàng Liên Sơn đã chung sức, chung lòng vượt qua rất nhiều gian nan thử thách, vừa xây dựng, vừa bảo vệ, vừa làm tròn các nghĩa vụ đối

với Trung ương. Đó là sự hy sinh phấn đấu rất lớn lao và đã đạt những thành tích xuất sắc. Trong nhiều năm Hoàng Liên Sơn là tỉnh dẫn đầu phong trào thi đua khu vực giữa các tỉnh miền núi phía Bắc trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược Tổ quốc giao cho.

II. VỀ THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Bốn năm qua, trong diễn biến rất phức tạp của tình hình trong nước cũng như trên thế giới, nền kinh tế miền núi Hoàng Liên Sơn vốn rất nghèo nàn, lạc hậu với tính tự nhiên, tự túc, tự cấp lại bị cắt giảm phần bao cấp với khối lượng lớn vật tư, hàng hóa cũng như cắt giảm bao cấp qua vốn. Quá trình đột biến trong giao thời chuyển đổi cơ chế đã tác động trực tiếp và là thử thách gay gắt đối với toàn bộ kinh tế, xã hội của Hoàng Liên Sơn.

Vì vậy, việc thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII thật sự là cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện. Nên trong thực hiện Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đòi hỏi phải có cách nhìn mới và cách làm mới. Chúng ta đã cố gắng tìm tòi sáng tạo đưa đường lối đổi mới vào cuộc sống với những kết quả tuy là bước đầu nhưng có ý nghĩa quan trọng nhất là trong đổi mới tư duy.

1. Về kinh tế - xã hội, hướng vào ba chương trình kinh tế, sản xuất lương thực mặc dù gặp nhiều khó khăn về thời tiết cũng như về chính sách và còn có khuyết điểm trong chỉ đạo, nhưng tính chung diện tích, năng suất và sản lượng có tăng so với thời kỳ 5 năm trước. Tuy mức tăng còn thấp, bình quân lương thực đầu người giảm, nhưng với tinh thần giải quyết lương thực bằng thế mạnh, bằng khai thác các nguồn gắn với chính sách tự do lưu thông, nên nói chung vẫn bảo đảm cung ứng lương thực bình thường ở địa phương và có dự trữ. Về thực phẩm các đàn gia súc đều tăng khá theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa. Lâm

ng nghiệp được chú trọng chỉ đạo, kinh tế đồi rừng được phát triển một bước.

- Sản xuất hàng xuất khẩu tiếp tục tập trung vào các mặt hàng chủ lực chè, quế gắn với xây dựng thêm một số cơ sở chế biến đồng thời đã phát triển thêm một số mặt hàng mới đi đôi với mở rộng thị trường xuất ngoài khu vực I, nên đã khắc phục nhiều khó khăn và đạt mức kim ngạch do Đại hội IV đề ra. Mặt khác, đã tăng cường kinh tế đối ngoại, tăng cường liên doanh liên kết và tranh thủ các quỹ viện trợ để đầu tư thêm cơ sở vật chất và góp phần giải quyết chính sách xã hội.

- Việc thực hiện đổi mới sản xuất công nghiệp gắn liền với tổ chức sắp xếp lại, đã tập trung rà soát và giải thể một số xí nghiệp gắn với giải quyết số lao động dôi thừa. Đi vào thực hiện cơ chế quản lý mới đã thúc đẩy một số xí nghiệp vươn lên với một số sản phẩm mới. Công nghiệp Trung ương trên địa bàn cũng có nhiều cố gắng, từng bước tháo gỡ những khó khăn về vốn và thị trường nên nói chung giữ được nhịp độ phát triển và làm tốt nghĩa vụ ngân sách với địa phương.

- Phân phối lưu thông có sự chuyển biến rất cơ bản với thị trường hàng hóa phong phú gắn liền với xóa bỏ cơ chế bao cấp nhất là về giá và thực hiện chính sách tự do lưu thông, đã góp phần quan trọng vào điều tiết cung cầu, xin điều tiết giá cả và kiềm chế lạm phát cũng như có nhiều cố gắng trong việc thực hiện ngân sách.

- Đi đôi với việc tập trung cho ba chương trình gắn với phát triển cơ cấu kinh tế gồm nhiều thành phần theo hướng sản xuất hàng hóa, đã tập trung nhiều công sức vào đổi mới cơ chế quản lý phù hợp với đổi mới cơ cấu. Đã từng bước thực hiện phân định chức năng quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh, đổi mới công tác kế hoạch hóa. Sớm nhận thức để đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp và từng bước thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong xí nghiệp quốc doanh gắn với triển khai phát triển, các

thành phần kinh tế theo hướng phát triển kinh tế hộ. Nhìn chung việc đổi mới cơ chế đã có tác dụng giải phóng năng lực sản xuất, phát huy tính tự chủ để vươn lên với hiệu quả thiết thực. Mặt khác, đã có bước đi thận trọng trong việc thực hiện cơ chế giá thị trường phù hợp với tình hình địa phương, đã khắc phục những đột biến xấu làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

- Về mặt xã hội, việc xóa bỏ cơ chế bao cấp có hậu quả xã hội nặng nề nhất là việc làm và đời sống. Đó là vấn đề lâu dài và có nhiều khó khăn. Đến nay về cơ bản đã làm xong chính sách đối với người thôi việc trong khu vực Nhà nước. Đồng thời với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, đã tổ chức một số trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp, bước đầu tạo thêm việc làm cho một số lao động. Nhìn chung về đời sống tuy còn nhiều khó khăn và có sự chênh lệch, nhưng so với trước đã có phần được cải thiện, một số nơi đã biết làm giàu bằng sản xuất hàng hóa.

Các mặt văn hóa, giáo dục, y tế bước đầu có sự đổi mới, hướng hoạt động về cơ sở và quần chúng nhân dân, từng bước nâng cao chất lượng trong phục vụ gắn với khắc phục cách làm bao cấp.

Công tác tôn giáo, dân tộc đã được chú trọng quan tâm. Dân chủ xã hội từng bước được mở rộng, đã tạo bầu không khí phấn khởi trong đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Về quốc phòng và an ninh

Trước tình hình mới, đã kịp thời chuyển hướng chiến lược, tập trung vào xây dựng khu vực phòng thủ, điều chỉnh lại thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, tinh giản phần lớn quân thường trực, hướng trọng tâm vào xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ gắn với xây dựng kế hoạch động viên, nâng cao trình độ chiến đấu.

Tiếp tục xây dựng phong trào “An ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc” gắn với củng cố lực lượng công an nhân dân và đổi mới phương thức nhằm đối phó âm mưu “diễn biến hoà bình”, đồng

thời đã chỉ đạo giữ gìn an ninh, trật tự trong việc tổ chức qua lại hai bên biên giới, phù hợp với tình hình mới.

Tăng cường chỉ đạo giữ gìn trật tự, an toàn xã hội với các đợt tấn công tội phạm và phòng ngừa gắn với cuộc vận động chống tham nhũng, bước đầu đã hạn chế các tiêu cực xã hội.

3. Để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trên đây theo tinh thần đổi mới, Tỉnh ủy đã coi trọng công tác xây dựng Đảng, kiện toàn bộ máy nhà nước và từng bước tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân.

- Trong công tác tư tưởng, đã tập trung quán triệt đường lối đổi mới, tiến hành các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong Đảng cũng như ngoài quần chúng. Thực tế kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới đã củng cố niềm tin, nhân dân phấn khởi đồng tình hưởng ứng và đã tạo nên sự nhất quán. Trình độ nhận thức có được nâng cao một bước nhất là trong đợt sinh hoạt tham gia ý kiến vào các văn kiện Đại hội VII của Trung ương.

- Đã tập trung vào công tác tổ chức và cán bộ. Bộ máy được sắp xếp và thu gọn một bước. Biên chế cán bộ được tinh giản đi đôi với chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng.

- Về củng cố cơ sở đảng và đảng viên, đã tiến hành các đợt làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng gắn với chống tham nhũng, về cơ bản đã tiến hành rà soát phân tích chất lượng đảng viên, tiến hành xử lý vụ việc, bước đầu đi vào nghiên cứu việc củng cố vai trò cơ sở đảng phù hợp với yêu cầu đổi mới.

Tóm lại: Quá trình tìm tòi để thực hiện đổi mới ở một tỉnh miền núi, Đảng bộ Hoàng Liên Sơn đã có cố gắng bước đầu trong việc xây dựng cơ cấu, tập trung vào ba chương trình kinh tế gắn với phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đồng thời đã giành nhiều công sức vào chuyển đổi cơ chế quản lý tạo nên những biến đổi về chất mà nổi bật là khắc phục phần thiếu hụt do Trung ương bao cấp, có bước đi phù hợp trong vận dụng cơ chế thị trường, đồng thời đã chủ động suy nghĩ để đổi mới cơ chế quản lý sản xuất nhất là

trong nông nghiệp. Nhìn chung đã hạn chế được khó khăn trong sản xuất đồng thời đã xuất hiện những nhân tố phát triển mới, hàng hóa phong phú và mua bán thuận tiện, đời sống có được cải thiện theo hướng phấn đấu để sống bằng cái tự làm ra thông qua sản xuất hàng hóa.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được mở rộng trên các mặt chính trị, kinh tế - xã hội. Con người được tôn trọng và từng bước bảo đảm các quyền công dân. Đời sống xã hội được đổi mới. Tạo không khí phấn khởi và lòng tin được nâng lên. Hệ thống chính trị từng bước được hoàn thiện theo hướng phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, bước đầu nghiên cứu đổi mới để tăng cường vai trò của các đoàn thể quần chúng.

- Về quốc phòng và an ninh: Trong diễn biến phức tạp nhưng vẫn giữ được ổn định chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng từng bước được củng cố và phát triển phù hợp với tình hình mới, đồng thời đã cải thiện một bước quan hệ ở biên giới.

Có được những kết quả trên đây, trước hết là do sự đoàn kết trong toàn Đảng, toàn dân và sự đoàn kết trong Tỉnh ủy đã trở thành truyền thống trong quá trình hợp nhất, đồng thời Tỉnh ủy cũng đã thể hiện sự cố gắng trong lãnh đạo và chỉ đạo, vừa bảo đảm sự nghiêm túc chấp hành các nghị quyết của Trung ương gắn với sự vận dụng xác định bước đi, đã có nhiều cố gắng trong việc ban hành các chính sách. Nhìn chung các chủ trương, chính sách đề ra là đúng đắn, phù hợp với tình hình địa phương, hướng vào khai thác tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội đồng thời đã khắc phục những đột biến xấu nên giữ được ổn định. Đó là cố gắng lớn trong đổi mới tư duy.

Về phong cách lãnh đạo và chỉ đạo, đã từng bước phân định chức năng lễ lối làm việc giữa Đảng với Nhà nước và các đơn vị cơ sở, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Mối quan hệ với quần chúng đã được mở rộng và có nhiều cố gắng trong việc đi sát cơ sở, quần chúng nhân dân.

Công tác tổ chức và cán bộ có bước đổi mới thông qua tổ chức sắp xếp lại. Đã coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để vươn lên phù hợp với công cuộc đổi mới.

Bên cạnh những thành tích đạt được, tình hình Hoàng Liên Sơn cũng còn nổi lên nhiều khó khăn và tồn tại.

- Nhìn chung kinh tế phát triển còn chậm và chưa vững chắc, sản xuất hàng hóa với tỷ suất hàng hóa còn thấp. Nông nghiệp phát triển chưa đều và chưa toàn diện. Rừng và kinh tế rừng chưa được đẩy mạnh gắn liền với diện du canh du cư còn lớn. Nhìn chung việc đầu tư theo cơ cấu kinh tế chưa được xác định hợp lý.

- Về mặt xã hội, số người thiếu việc làm còn lớn, đời sống nhất là đối với đồng bào các dân tộc vùng cao, người ăn lương rất thấp và đang có sự chênh lệch gắn liền với tốc độ phát triển dân số còn ở mức cao. Mặt khác, là tình hình văn hóa, giáo dục nói chung còn nhiều khó khăn, mù chữ còn lớn, dân trí thấp cùng với cái tai tệ nạn xã hội chưa giảm.

- Về xây dựng Đảng, chưa làm tốt quy hoạch đào tạo cán bộ nhất là đào tạo cán bộ dân tộc. Chưa chú trọng công tác phát triển Đảng và việc xây dựng cơ sở đảng vững mạnh còn yếu.

Từ những kết quả đã đạt được và những mặt tồn tại trên đây, có thể rút ra một số kinh nghiệm chính sau đây:

1- Những thành tựu đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là hoàn toàn đúng đắn. Vì vậy, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải kiên trì con đường đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, đồng thời hết sức coi trọng nghiên cứu đặc điểm tình hình địa phương để có sự vận dụng phù hợp, tránh rập khuôn máy móc trên cơ sở nắm vững những phương hướng nguyên tắc đã được Nghị quyết Đại hội VII đề ra.

2- Tăng cường đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối của Đảng. Phải tăng cường công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

làm nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Tiếp tục làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng gắn liền với chống tham nhũng, phải không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong hệ thống chính trị. Để làm tròn vai trò lãnh đạo Đảng phải tự chỉnh đốn, tự trau dồi lý luận, bám sát thực tiễn, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và năng lực công tác. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ gắn với tổ chức sắp xếp lại nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới.

3- Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, cần hướng vào giải quyết những vấn đề cấp bách của xã hội như vấn đề việc làm, đời sống, giữ gìn trật tự trị an nhằm ổn định đời sống nhân dân, tạo niềm tin để xây dựng phong trào cách mạng quần chúng.

Sự nghiệp phát triển trước tình hình mới đòi hỏi phải tăng cường quản lý, tăng cường chỉ đạo nhằm khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng. Vì vậy, Hoàng Liên Sơn được Quốc hội phê chuẩn chia thành hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái. Tuy nhiên, hai tỉnh được chia vào lúc hoàn cảnh quốc tế, trong nước có nhiều khó khăn, mỗi tỉnh mới của chúng ta còn nghèo và thiếu thốn trên nhiều mặt đòi hỏi sự khắc phục, hy sinh nhiều hơn nữa để vượt qua. Trước mắt phải tập trung vào ổn định tổ chức, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, chuẩn bị các mặt để tiến hành Đại hội vòng 2 gắn liền với việc đẩy mạnh các nhiệm vụ chính trị. Mỗi đảng bộ chúng ta cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, giữ gìn tình cảm trong sáng, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, cùng ra sức vươn lên, tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện, hướng mọi nỗ lực vào sự nghiệp phát triển “dân giàu, nước mạnh” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
KIỀU VIỆT NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 341-TB/TU, ngày 25-9-1991

Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh: Lào Cai và Yên Bái, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ hai tỉnh. Ngày 23-9-1991 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn (khóa IV) đã họp Hội nghị lần thứ 21 (lần họp cuối cùng) Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Hội nghị có hai nội dung lớn là:

- Nghe báo cáo đánh giá tổng quát tình hình 16 năm lãnh đạo xây dựng tỉnh Hoàng Liên Sơn.
- Công bố Quyết định của Bộ Chính trị chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Yên Bái.

1. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Hà Thiết Hùng đã trình bày báo cáo đánh giá tổng quát 16 năm lãnh đạo xây dựng tỉnh Hoàng Liên Sơn. Báo cáo đã nêu bật những thành tích đã giành được trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ở Hoàng Liên Sơn và những thành tích trong 4 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng theo Nghị quyết Đại hội VI. Đồng thời cũng nêu lên những mặt còn yếu kém, tồn tại, kiến nghị với Đảng bộ hai tỉnh

mới lãnh đạo khắc phục, xây dựng hai tỉnh giàu mạnh đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân các dân tộc, góp phần xứng đáng cùng cả nước giữ vững ổn định chính trị và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội (có văn bản riêng).

2. Công bố quyết định của Bộ Chính trị chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

a) Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Lào Cai gồm có các đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Tráng A Pao
 - 2- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
 - 3- Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ
 - 4- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm
 - 5- Đồng chí Nguyễn Đức Thắng
 - 6- Đồng chí Lê Ngọc Ban
 - 7- Đồng chí Trần Ngọc Tín
 - 8- Đồng chí Thào A Tráng
 - 9- Đồng chí Bùi Quang Vinh
 - 10- Đồng chí Giàng Thị Mỹ
 - 11- Đồng chí Nguyễn Văn Hoà
 - 12- Đồng chí Phàn Thị Hoa
 - 13- Đồng chí Trần Văn Luân
 - 14- Đồng chí Trần Nam
 - 15- Đồng chí Tạ Duy Hiến
 - 16- Đồng chí Đào Mạnh Cơ
 - 17- Đồng chí Nguyễn Ngọc Khang
 - 18- Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim
 - 19- Đồng chí Thào A Dín
 - 20- Nguyễn Thành Tín
 - 21- Đồng chí Hoàng Trá Quang.
- + Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai gồm các đồng chí:
- Đồng chí Tráng A Pao
 - Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ

- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng
- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm
- Đồng chí Nguyễn Đức Thắng
- Đồng chí Lê Ngọc Ban
- Đồng chí Trần Ngọc Tín
+ Chỉ định đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy.

b) Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Yên Bái gồm các đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Tạ Hữu Thanh
- 2- Đồng chí Kiều Việt Nguyên
- 3- Đồng chí Hoàng Công Dung
- 4- Đồng chí Hoàng Tuyển
- 5- Đồng chí Trần Bá Châu
- 6- Đồng chí Lê Huy Hợp
- 7- Đồng chí Mai Ngọc Giao
- 8- Đồng chí Nguyễn Thiệp
- 9- Đồng chí Địch Ngọc Lâm
- 10- Đồng chí Hà Phú An
- 11- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng
- 12- Đồng chí Nguyễn Văn Ý
- 13- Đồng chí Nguyễn Tấn Duyệt
- 14- Đồng chí Hà Đình Giai
- 15- Đồng chí Trần Thị Thiệp
- 16- Đồng chí Hoàng Thị Chiên
- 17- Đồng chí Phạm Đạo
- 18- Đồng chí Lê Kinh
- 19- Đồng chí Lê Đôn
- 20- Đồng chí Ngô Thị Hương
- 21- Đồng chí Phạm Văn Giá
- 22- Đồng chí Vũ Sửu
- 23- Đồng chí Nguyễn Đình Sanh.

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái gồm các đồng chí:

- Đồng chí Tạ Hữu Thanh
- Đồng chí Kiều Việt Nguyên
- Đồng chí Hoàng Công Dung
- Đồng chí Hoàng Tuyền
- Đồng chí Trần Bá Châu
- Đồng chí Lê Huy Hợp
- Đồng chí Mai Ngọc Giao

+ Chỉ định đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

- Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Phó Bí thư Tỉnh ủy.

3. Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai và đồng chí Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái đã phát biểu ý kiến đánh giá cao sự đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng tỉnh Hoàng Liên Sơn trong những năm qua của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Hà Thiết Hùng, cùng các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy: Hà Đình Khiêm, Đỗ Tuế, Tiêu Đức Hội và các đồng chí Tỉnh ủy viên: Phan Văn Giới, Đỗ Văn Liên nay do tuổi cao sức yếu, thôi không tham gia Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời và đồng chí Lò Văn Nhài, Thường vụ Tỉnh ủy được điều lên Quân khu II nhận công tác mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

KIỀU VIỆT NGUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

	Trang
- Chú dẫn của Nhà xuất bản	7
- Lời giới thiệu	9
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-QN/TU, ngày 1-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I	11
- Nghị quyết ngày 13-10-1986, Đại hội lần thứ IV Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Hoàng Liên Sơn	13
- Biên bản ngày 13-10-1986, Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn	19
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1142-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an khóa IV	28
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1147-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XVI	30
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1148-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XIII	33
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1149-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa VIII	36
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1152-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XV	39
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1153-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XV	42

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1154-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa III	45
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1157-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XX	48
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1158-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa III	51
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1159-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít	54
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1161-QN/TU, ngày 13-10-1986, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp đường Sắt Hoàng Liên Sơn khóa II	56
- Biên bản ngày 18-10-1986, về bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV	58
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-TB/TU, ngày 18-10-1986, kết quả Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa IV	68
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-TB/TU, ngày 23-10-1986, về việc điều động bổ nhiệm, đề bạt cán bộ	74
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-TB/TU, ngày 24-10-1986, về việc bổ sung và kiện toàn Ban lương tỉnh	76
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-QN/TU, ngày 28-10-1986, thành lập Ban Chỉ huy Quân sự thống nhất thị xã Lào Cai	78
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-TB/TU, ngày 1-11-1986, về việc kiện toàn Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình	81
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-TB/TU, ngày 1-11-1986, về việc kiện toàn Huyện ủy Yên Bình	82
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TB/TU, ngày 3-11-1986, phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách các huyện, thị và Đảng ủy	83

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-QN/TU, ngày 12-11-1986, về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Cung thiếu nhi Hoàng Liên Sơn	85
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-QN/TU, ngày 14-11-1986, về chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa XI	88
- Thông báo của Ban Thường trực Tỉnh ủy, số 11-TB/TU, ngày 20-11-1986, về việc bổ sung và kiện toàn Ban lương tỉnh	91
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-KH/TU, ngày 30-11-1986, tiến hành đợt sinh hoạt chính trị quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV	93
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 15-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Yên Bình	99
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 16-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa	101
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 17-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Thắng	102
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 18-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Bàn	103
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 19-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát	104
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 20-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà	105
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 21-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên	106
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 22-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trấn Yên	107

- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 23-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Yên Bái	108
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 24-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai	109
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 25-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Liên hiệp Xí nghiệp chè Trần Phú	110
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 26-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp đường sắt	111
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 27-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Mỏ apatít Lào Cai	112
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 28-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn	113
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 29-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Hoàng Liên Sơn	114
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 30-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh	115
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 31-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Biên phòng	116
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 32-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp dầu máy Hà Lào	117
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 33-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh	118
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 34-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trạm Tấu	119

- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 35-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mù Cang Chải	120
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 36-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Chấn	121
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 37-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Than Uyên	122
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 38-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Yên	123
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 42-NQ/TU, ngày 2-12-1986, chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trạm Tấu	124
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 24-TB/TU, ngày 30-12-1986, về công tác cán bộ	125
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 89-QN/TU, ngày 20-1-1987, về việc bổ sung và kiện toàn Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh	127
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, số 05-BC/TU, ngày 5-2-1987, tình hình các mặt công tác năm 1986 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1987	128
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-CT/TU, ngày 9-2-1987, về việc lãnh đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã và cấp tương đương	151
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 41-TB/TU, ngày 10-4-1987, về một số chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	154
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-TT/TU, ngày 2-5-1987, về việc lãnh đạo tốt Đại hội Hội Nông dân tập thể ba cấp và củng cố tốt tổ chức Hội các cấp	158
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 48-TB/TU, ngày 2-5-1987, về nội dung phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 24, 25-4-1987	161

- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-TT/TU, ngày 5-5-1987, về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với việc tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết liên tịch về công tác thanh niên trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc	164
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-TT/TU, ngày 13-5-1987, về việc tiến hành “Ngày chính trị” trong quý II năm 1987	167
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 195-QĐ/TU, ngày 22-5-1987, về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 2 của Trung ương	169
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-TT/TU, ngày 13-6-1987, về việc tổng kết tình hình và xây dựng chương trình củng cố vùng biên giới vững mạnh	171
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 53-TB/TU, ngày 22-6-1987, về hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 12 và sáng 13-6-1987	174
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 216-QĐ/TU, ngày 20-7-1987, về thành lập Chi bộ Công an công trình Tầng Loong	179
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-CT/TU, ngày 21-7-1987, về công tác y học cổ truyền dân tộc	181
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-CT/TU, ngày 23-7-1987, về hưởng ứng “Những việc cần làm ngay” của đồng chí Nguyễn Văn Linh trên báo <i>Nhân Dân</i>	184
- Kế hoạch của Tỉnh ủy, số ... KH/TU, ngày 23-11-1987, về tổ chức thực hiện Nghị quyết 04, Chỉ thị 16 về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội	188
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-TT/TU, ngày 9-12-1986, về việc biên soạn lịch sử chiến tranh nhân dân và truyền thống đấu tranh cách mạng trong các thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ (1945-1975)	197
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-NQ/TU, ngày 9-12-1987, về việc xây dựng và củng cố tổ chức, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp	200
	881

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 16-BC/TU, ngày 31-12-1987, đề nghị phê duyệt về việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn	223
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 15-BC/TU, ngày 4-1-1988, đề nghị phê duyệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn	235
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 586-QN/TU, ngày 8-3-1988, về việc tách và sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	244
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 389-QĐ/TU, ngày 12-3-1988, về việc hợp nhất Ban Kinh tế Tỉnh ủy với Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy thành một ban lấy tên là Ban Kinh tế Tỉnh ủy	246
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 390-QĐ/TU, ngày 12-3-1988, về việc giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy	248
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 391-QĐ/TU, ngày 16-3-1988, về việc chỉ định Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh	250
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 403-QĐ/TU, ngày 23-3-1988, về việc tách cơ sở đảng	252
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Liên Sơn	254
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 404-QĐ/TU, ngày 23-3-1988, về việc tách thành lập tổ chức cơ sở đảng	255
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Nghĩa Lộ	257
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 405-QĐ/TU, ngày 23-3-1988, về việc tách thành lập tổ chức cơ sở đảng	258
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp công nghiệp chè Trần Phú	260
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 407-TB/TU, ngày 28-3-1988, về kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ	261
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 411-QĐ/TU, ngày 28-5-1988, về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Tỉnh ủy	262

- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-CT/TU, ngày 28-5-1988, về chế độ báo cáo lên Tỉnh ủy	267
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 23-BC/TU, ngày 10-8-1988, về sơ kết việc thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội	271
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 441-QĐ/TU, ngày 11-8-1988, về việc thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị huyện, thị xã	292
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, số 05-NQ/TU, ngày 5-9-1988, về củng cố và phát triển sự nghiệp giáo dục vùng cao	295
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-CT/TU, ngày 4-10-1988, về việc tăng cường lãnh đạo công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế	303
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 496-QĐ/TU, ngày 18-10-1988, thành lập Ban chỉ đạo diễn tập quân sự TN-88	306
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 499-NQ/TU, ngày 20-10-1988, về việc chuyển giao Đảng bộ cơ sở	308
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 515-QĐ/TU, ngày 31-12-1988, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng	309
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 196-QĐ/TU, ngày 5-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XVI	312
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 535-NQ/TU, ngày 18-1-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát	315
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 533-NQ/TU, ngày 18-1-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Thắng	316
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 534-NQ/TU, ngày 18-1-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên	317
	883

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 202-TB/TU, ngày 22-1-1989, về việc quán triệt và thực hiện Thông báo số 118-TB/TW, ngày 19-11-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc qua lại biên giới phía Bắc (Cho các huyện, thị biên giới trong tỉnh) 318
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 536-QĐ/TU, ngày 25-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa V 327
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 537-QN/TU, ngày 25-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn khóa IV 329
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 539-QĐ/TU, ngày 25-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ đội biên phòng tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa IV 331
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 540-QN/TU, ngày 25-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa IV 333
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 541-QN/TU, ngày 25-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XVII 335
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 542-QN/TU, ngày 25-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Chải khóa XII 337
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 543-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa IV 339
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 544-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên khóa XV 342
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 545-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XVI 345
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 546-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa IX 347

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 547-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình khóa XVI	350
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 548-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên khóa IX	353
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 549-QN/TU, ngày 28-1-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái khóa XIII	356
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 550-QN/TU, ngày 13-2-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên khóa XV	359
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 551-QN/TU, ngày 13-2-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XI	362
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 553-QN/TU, ngày 17-2-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa II	365
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 566-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh	367
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 567-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy thị xã Yên Bái	368
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 568-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện Yên Bình	369
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 569-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ đội biên phòng	371
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 570-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lục Yên khóa XV	373
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 571-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mù Cang Chải khóa XII	374
	885

- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 572-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai	376
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 573-NQ/TU, ngày 25-02-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Than Uyên khóa XI	377
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 574-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa khóa XVI	378
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 575-NQ/TU, ngày 25-2-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện Bắc Hà khóa IV	379
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 26-BC/TU, ngày 28-2-1989, tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI	380
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 582-QN/TU, ngày 10-3-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn khóa III	399
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 583-QN/TU, ngày 10-3-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa V	401
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 623-QN/TU, ngày 18-3-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp Mỏ apatít Lào Cai khóa XV	403
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 624-QN/TU, ngày 24-3-1989, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú khóa I	405
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 633-NQ/TU, ngày 18-4-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mường Khương	407
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 634-NQ/TU, ngày 18-4-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trấn Yên khóa XV	408
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 635-NQ/TU, ngày 18-4-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện Trạm Tấu khóa IX	409

- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 636-NQ/TU, ngày 18-4-1989, chuẩn y danh sách ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp liên hiệp Apatít Lào Cai khóa XV	410
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 637-NQ/TU, ngày 18-4-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty Xây dựng Vĩnh Phú - Hoàng Liên Sơn khóa III	412
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 638-NQ/TU, ngày 18-4-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh khóa V	414
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 639-NQ/TU, ngày 18-4-1989, về chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp nông - công nghiệp chè Trần Phú khóa I	415
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 29-BC/TU, ngày 27-4-1989, về sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp	417
- Kế hoạch của Tỉnh ủy, số 11-KH/TU, ngày 13-5-1989, về quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng	459
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08A-CT/TU, ngày 15-5-1989, về lãnh đạo tổ chức Đại hội Hội Nông dân cấp huyện và xã năm 1989	466
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08 - CT/TU, ngày 22-5-1989, về tăng cường phối hợp công tác an ninh biên phòng	469
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-CT/TU, ngày 24-5-1989, về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán theo Quyết định 194, ngày 23-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng	471
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 662-NQ/TU, ngày 26-5-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự tỉnh	473
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 666-QĐ/TU, ngày 16-6-1989, thành lập Xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu Lào Cai	474
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 667-QĐ/TU, ngày 16-6-1989, thành lập Công ty Ngoại thương Bảo Yên	476
	887

- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-CT/TU, ngày 26-6-1989, về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tổ chức sản xuất kinh doanh	478
- Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, số 227-TB/TU, ngày 15-7-1989, về cuộc họp ngày 12 và 13-7-1989 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	481
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 30B-BC/TU, ngày 20-7-1989, về tổng kết Đại hội Đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở	485
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-NQ/TU, ngày 29-7-1989, về Hội nghị Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn lần thứ 13 (khóa IV) về những nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 1989	504
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 689-NQ/TU, ngày 8-8-1989, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện Văn Yên khóa IX	513
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 17-TT/TU, ngày 10-8-1989, về việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết về những nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 1989 của Tỉnh ủy	515
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 233-TB/TU, ngày 10-8-1989, về việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng	519
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 18-TT/TU, ngày 12-9-1989, về hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 53 về lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp	522
- Kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh ủy, số 14-KH/TU, ngày 5-10-1989, về đợt sinh hoạt chính trị quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI)	525
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 723-QN/TU, ngày 6-10-1989, về thành lập Ban chỉ đạo diễn tập thực nghiệm TN 89	531

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 34-BC/TU, ngày 10-10-1989, về kiểm điểm về lãnh đạo công tác tư tưởng và nhiệm vụ công tác tư tưởng trong thời gian tới	534
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-CT/TU, ngày 15-11-1989, về việc khảo sát 2 năm thực hiện Nghị quyết 10	553
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 36-BC/TU, ngày 30-11-1989, về công tác quần chúng và sự hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể quần chúng từ Đại hội VI của Đảng đến nay	556
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-NQ/TU, ngày 1-12-1989, về xây dựng vốn rừng và phát triển kinh tế rừng	567
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 244-TB/TU, ngày 2-12-1989, về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ	579
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 748-QĐ/TU, ngày 16-1-1990, về việc bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng	581
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-CT/TU, ngày 18-1-1990, về việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ cơ sở	582
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-CT/TU, ngày 5-2-1990, về việc tập trung chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp vụ đông - xuân năm 1989-1990	585
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 751-QN/TU, ngày 8-2-1990, về việc đổi tên và quy định chức năng nhiệm vụ Ban Dân vận Tỉnh ủy	588
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 756-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc bầu cử bổ sung Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bảo Thắng	591
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 757-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc bầu cử bổ sung Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Yên Bình	592
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 758-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình	593
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 759-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc bầu cử bổ sung Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Văn Yên	594
	889

- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 760-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc bầu cử bổ sung Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Văn Chấn	595
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 761-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên	596
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 762-QĐ/TU, ngày 17-2-1990, chuẩn y việc chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng	597
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 255-TB/TU, ngày 3-3-1990, về một số chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	598
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 41-BC/TU, ngày 6-3-1990, về tình hình năm 1989 và phương hướng nhiệm vụ năm 1990	601
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 256-TB/TU, ngày 15-3-1990, hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy	625
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 271-TB/TU, ngày 14-4-1990, cuộc họp Thường trực Tỉnh ủy ngày 9-4-1990	629
- Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, số 272-TB/TU, ngày 15-4-1990, chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy về đổi mới cấp phát tài chính Đảng	631
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 357-QĐ/TU, ngày 4-5-1990, chuẩn y việc bầu cử bổ sung Phó Bí thư Huyện ủy và chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên	634
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 361-QĐ/TU, ngày 18-5-1990, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Kinh tế Tỉnh ủy	635
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 277-TB/TU, ngày 23-5-1990, về một số chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy	642
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 363-QĐ/TU, ngày 25-5-1990, chuẩn y việc bầu bổ sung Ủy viên Thường vụ và chuyển ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn	645
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 366-QĐ/TU, ngày 8-6-1990, về việc chỉ định chức vụ cán bộ	646

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 284-TB/TU, ngày 6-7-1990, về việc thành lập các tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp 1990-1991	647
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 382-QĐ/TU, ngày 23-7-1990, về việc tiến hành kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng nhằm củng cố Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên	651
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 385-NQ/TU, ngày 31-7-1990, chuẩn y danh sách bầu bổ sung vào Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy Mường Khương	656
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 386-NQ/TU, ngày 31-7-1990, chuẩn y danh sách bầu bổ sung vào Ủy ban Kiểm tra của Thị ủy Lào Cai	657
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 23-TT/TU, ngày 1-8-1990, về việc mở đợt sinh hoạt chính trị cho các thầy, cô giáo và học sinh các ngành của tỉnh trong hè 1990	658
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 292-TB/TU, ngày 5-8-1990, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và giảm biên chế	660
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 392-QĐ/TU, ngày 11-8-1990, về việc chuyển giao cơ sở đảng	665
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 50-BC/TU, ngày 18-8-1990, kiểm điểm công tác quần chúng từ Đại hội VI của Đảng đến nay, những chủ trương, biện pháp tiếp tục đổi mới công tác quần chúng nhằm thực hiện tốt Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng	667
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 393-QN/TU, ngày 24-8-1990, về việc thành lập Trung tâm Giáo dục chính trị tỉnh Hoàng Liên Sơn	686
- Báo cáo bước đầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 52-BC/TU, ngày 5-9-1990, về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI	688
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 53-BC/TU, ngày 7-9-1990, sơ lược thực hiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương	703
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 55-BC/TU, ngày 29-9-1990, về tình hình thu chi tài chính Đảng từ khi phân cấp đến nay	712
	891

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 56-BC/TU, ngày 18-10-1990, về tình hình thực hiện cuộc vận động “củng cố Đảng làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên”	719
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 426-QĐ/TU, ngày 21-12-1990, về việc chỉ định chức vụ cấp ủy Huyện	735
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 427-QĐ/TU, ngày 21-12-1990, về việc tiếp nhận tổ chức cơ sở đảng	736
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 314-TB/TU, ngày 12-1-1991, ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về nội dung Đại hội Đảng bộ cơ sở (vòng 1)	738
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 434-NQ/TU, ngày 5-2-1991, chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy Sa Pa	740
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 435-NQ/TU, ngày 5-2-1991, chuẩn y danh sách bầu bổ sung Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy Bát Xát	741
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 62-BC/TU, ngày 18-3-1991, về tình hình năm 1990 - hướng chỉ đạo nhiệm vụ năm 1991	742
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 66-BC/TU, ngày 2-5-1991, về kết quả Đại hội V (vòng 1) Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn	769
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 14-CT/TU, ngày 11-5-1991, về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh	773
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 15-CT/TU, ngày 23-5-1991, về công tác khoa học và công nghệ trong những năm 1991-1995 để thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị	777
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-KH/TU, ngày 25-5-1991, về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 25 và 26 của Bộ Chính trị	784
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 353-TB/TU, ngày 8-6-1991	792

- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 70a-BC/TU, ngày 4-7-1991, về đánh giá kết quả Đại hội Đảng bộ các cấp vòng 1 và một số nhiệm vụ chuẩn bị cho Đại hội vòng 2	793
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số -BC/TU, ngày 28-7-1991, về thực trạng kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào Mông tỉnh Hoàng Liên Sơn	811
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, số 12-NQ/TU, ngày 30-8-1991, về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Quốc hội chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh	827
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 372-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh Đoàn hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	836
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 366-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Dân vận - dân tộc hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	837
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 367-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Kinh tế Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	838
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 368-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	839
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 369-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	840
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 370-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	841
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 371-TB/TU, ngày 19-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	842
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 372-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh Đoàn hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	843
	893

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 373-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Liên đoàn Lao động hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	844
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 374-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	845
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 375-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Tỉnh Hội Phụ nữ hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	846
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 376-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Hội Nông dân hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	847
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 377-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ lãnh đạo Hội Cựu chiến binh hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai	848
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 378-TB/TU, ngày 20-9-1991, về việc phân công cán bộ các sở, ban, ngành của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái	849
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 70b-BC/TU, ngày 25-9-1991, về tổng quát 16 năm tỉnh Hoàng Liên Sơn	862
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 341-TB/TU, ngày 25-9-1991, hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn	872

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	ThS. NGUYỄN MINH PHẠM THỊ HUỆ
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in:	PHẠM THỊ HUỆ - LAN ANH
Đọc sách mẫu:	LÊ HỒNG SƠN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

6/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP
14
(1986 - 1991)



8935211182936



9 786045 719046

Sách không bán